

Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang

---o0o---

Nguồn

<http://www.niemphat.net>

Chuyển sang ebook 13-01-2012

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Phần 1

Tập thứ nhất (12-03-01)

Tập thứ hai (12-03-02)

Phần 2

Tập thứ ba (12-03-03)

Tập thứ tư (12-03-04)

Phần 3

Tập thứ năm (12-13-05)

Tập thứ sáu (12-13-06)

Phần 4

Tập thứ bảy (12-13-07)

Tập thứ tám (12-13-08)

Phần 5

Tập thứ chín (12-13-09)

Tập thứ mười (12-13-10)

Phần 6

Tập thứ mười một (12-13-11)

Tập thứ mười hai (12-13-12)

Tập thứ mười ba (12-13-13)

---o0o---

Phần 1

Tập thứ nhất (12-03-01)

Xin mở bản kinh¹, trang thứ nhất, Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương.
Trước khi giảng đến kinh văn, đại sư Thanh Lương có mấy câu giải thích cũng rất quan trọng. Chúng ta hãy đọc đoạn này một lượt.

Đại văn đệ nhị: *Nhĩ thời, Thiện Tài đồng tử tiệ̣m thứ Nam hành hạ*².

大文第二。爾時善財童子漸次南行下

(Đoạn lớn thứ hai trong kinh văn, từ câu “*Lúc bấy giờ, Thiện Tài đồng tử dần dần theo thứ tự đi về phương Nam*”)

Chữ “*hạ*” ở đây chỉ phần kinh văn tiếp theo [câu nói ấy], chỉ cho phần kinh văn [trong chương này].

Hữu thập thiện hữu, ký Thập Trụ vị.

有十善友，寄十住位

(Có mười vị bạn lành thuộc vào địa vị Thập Trụ).

Ở chỗ này, kể ra mười người, tức là mười vị Bồ Tát [trong số năm mươi ba vị thiện tri thức]. Tuy nói là tỳ-kheo, nhưng thật ra, họ đều là Bồ Tát, tức hàng Pháp Thân đại sĩ. Mười vị này “*ký Thập Trụ vị*”, chữ Ký (寄) ở đây là “*ký thác*” (gởi gắm). Nếu chúng ta dùng thí dụ để nói thì họ giống như biểu diễn trên sân khấu vậy, bọn họ đóng vai trò Thập Trụ. Rất khó thể nói [đích xác] bản địa của họ là gì, có những vị là cổ Phật tái lai; ở đây, ta hoàn toàn nhìn theo hình tướng nơi mặt Tích của họ, tức là [nhìn vào] hình tướng họ thị hiện; giống như trong kinh Pháp Hoa đã nói: “*Bổn Tích nhân duyên*”. Dưới đây là lời giải thích cho chúng ta biết Thập Trụ là gì?

Vị tử nhập Không giới, huệ trụ Không tánh, đắc Vị Bất Thoái, cố danh vi Trụ.

謂始入空界，慧住空性，得位不退，故名為住。

(Nghĩa là vừa mới nhập Không giới, huệ trụ nơi tánh Không, đạt được Vị Bất Thoái, nên gọi là Trụ).

Trước hết, [đại sư Thanh Lương] giảng cho chúng ta biết ý nghĩa của chữ Trụ trong Thập Trụ. Tại Trung Quốc, gần như mỗi một tông phái đều công nhận Hoa Nghiêm là Đại Thừa Viên Giáo, lại còn gọi bộ kinh này là “*căn bản pháp luân*”, hết thấy các kinh đều là quyền thuộc của Hoa Nghiêm. Giống như một cái cây, Hoa Nghiêm là rễ, là gốc; hết thấy các kinh khác đều là cành lá của cái cây ấy, đều lưu xuất từ kinh này. Do điều này, có thể biết được tánh chất quan trọng của kinh Hoa Nghiêm. Ở đây, đại sư Thanh Lương bảo cho chúng ta biết ý nghĩa của chữ Trụ: “*Thị nhập Không giới*”, Thị là bắt đầu, Không giới chẳng phải là mười pháp giới. Mười pháp giới chẳng phải là Không, lục đạo chẳng phải là Không, mười pháp giới cũng chẳng phải là Không. Nói cách khác, bọn họ vừa mới bắt đầu lia khỏi mười pháp giới, “*Không giới*” chính là Nhất Chân pháp giới.

“*Huệ trụ Không tánh*”: Bồ Tát đạt đến địa vị này, trí huệ mở mang, đây là trí huệ chân thật. Trí huệ chân thật, trí huệ Bát Nhã nơi tự tánh hiện tiền, giống như kinh Kim Cang đã dạy: “*Tín tâm thanh tịnh bèn sanh Thật Tướng*”. Thật Tướng Bát Nhã hiện tiền, vượt trội mười pháp giới, đây là “*trụ Không tánh*”. Nhập cảnh giới ấy sẽ vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, chẳng còn lui sụt vào mười pháp giới nữa, trừ phi vị ấy thị hiện. [Sự thị hiện đó] được gọi là “*đạo giá từ hàng*” (thả chiếc bè Từ), hay “*thừa nguyện tái lai*”, những vị như vậy rất nhiều. Nếu không phải do chính vị ấy thừa nguyện tái lai thì tuyệt đối sẽ chẳng phải là do nghiệp lực kéo vị ấy trở lại; không có đạo lý ấy đâu! Do vậy, gọi là “*Vị Bất Thoái*”. Danh từ Tam Bất Thoái này trong Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa cũng đều có, nhưng cảnh giới trong ấy sâu hay cạn khác nhau. Ở đây là cảnh giới tối cao, nên gọi là Trụ. Đoạn sau ghi:

Trụ nghĩa đa chủng, ký viên thuyết Thập.

住義多種，寄圓說十。

(Ý nghĩa của Trụ có nhiều thứ, do ngụ ý “viên mãn” nên nói là Thập).

Ý nghĩa của chữ Trụ rất nhiều, đức Phật muốn nói cũng chẳng thể nói hết được. Vì thế, đối với chúng ta là hạng người trình độ rất cạn, nghiệp chướng sâu nặng, chỉ còn cách dùng phương pháp giới thiệu những điểm đơn giản, trọng yếu nhất! Quy nạp rất nhiều ý nghĩa lại, quy nạp thành mười điều, bởi lẽ Thập cũng mang ý nghĩa viên mãn. Con số từ một đến mười chính là con số viên mãn, cho nên trong kinh Hoa Nghiêm chỗ nào cũng dùng chữ Thập để tượng trưng sự viên mãn, chứ Thập hoàn toàn chẳng phải là con số. Đây là điều chúng ta cần phải hiểu thật rõ ràng. Do gởi gắm ý

nghĩa viên mãn cho nên nói là mười thứ. Mỗi một đề mục đều nói ra mười thứ, trong kinh Hoa Nghiêm dùng chữ Thập để biểu thị pháp.

Dĩ Bồ Đề tâm nhi vi kỳ Thể, trực tâm thiên tăng, danh nhập Không giới

以菩提心而為其體。直心偏增，名入空界。

(Lấy Bồ Đề tâm làm Thể, riêng chú trọng tăng trưởng Trực Tâm, gọi là “nhập Không giới”).

Đây là lời giải thích cho câu “*thỉ nhập Không giới, Huệ trụ Không tánh*”. Do đây ta biết được sự quan trọng của Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Tâm, trong chương trước tôi đã giới thiệu cặn kẽ với mọi người rồi, nhất định phải phát Bồ Đề tâm! Trong Bồ Đề tâm thường nói tới “Thể - Dụng”, lại chia thành ba khoa. Thể của Bồ Đề tâm là Trực Tâm, đây chính là điều Mã Minh Bồ Tát đã giảng trong Khởi Tín Luận. Nếu dựa theo Quán Kinh, tức Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, để nói, đức Phật dạy chúng ta: Thể của Bồ Đề tâm là Chí Thành Tâm, tức chân thành đến mức cùng cực. Nếu gộp hai cách giảng này lại để hiểu thì ta sẽ dễ dàng hiểu được ý nghĩa [của Bồ Đề tâm]. Thế nào là Trực Tâm? Chân thành đến mức cùng cực, không có một mảy may hư vọng nào. Lũ chúng ta cảm thấy chẳng dễ gì lãnh hội được, nói chung là vì [tự cho rằng] tâm của chính mình rất chân thật, tôi đã chân thành đến mức cùng cực rồi. Thật ra, nếu đem so với tiêu chuẩn chân thành được giảng trong kinh Phật thì còn cách biệt xa lắm!

Tiêu chuẩn nằm ở chỗ nào? Trước hết, chúng tôi không nói đến Phật pháp, mà hãy luận theo thế gian pháp trước đã! Kê ra, tiên sinh Tăng Quốc Phiên sống không xa thời chúng ta cho lắm, ông là người sống vào cuối triều Thanh. Hậu duệ của ông ở Đài Loan cũng khá khá; Tăng Bảo Sâm là người đời sau của ông ta, tức hậu duệ. Tăng Quốc Phiên định nghĩa chữ Thành như sau: “*Một niệm chẳng sanh là Thành*”, lời giải thích này hết sức hợp với Phật pháp. Do đây biết được rằng: “*Hễ anh khởi tâm động niệm thì tâm anh chẳng chân thành!*” Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chúng ta thường nói: “*Không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm thì cái tâm ấy sẽ là tâm chân thành*”. Đây chính là bản thể (Thể) của Bồ Đề tâm, phải rèn luyện trong sinh hoạt hằng ngày. Luyện sao cho không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, lúc ấy sẽ là lúc sử dụng chân tâm. Nếu có phân biệt, chấp trước, khởi tâm, động niệm, thì quý vị đang dùng vọng tâm. Vọng tâm ấy chính là Thức tâm, nói theo Pháp Tướng Duy Thức là “*quý vị đang sử dụng năm mươi một Tâm Sở của tám*

Thức”. Năm mươi một tâm sở của tám Thức đều là pháp hữu vi, kinh Kim Cang dạy: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, những thứ ấy không thật. Do vậy, kể từ Sơ Trụ Bồ Tát liền sử dụng chân tâm cho nên có cùng một cái tâm với Phật, Phật dùng chân tâm, lúc ấy Bồ Tát cũng dùng chân tâm.

“*Trực tâm thiên tạng*”: Bồ Đề tâm khởi tác dụng, tức là chân tâm khởi tác dụng. Nó có hai tác dụng: Một là Tự Thọ Dụng, hai là Tha Thọ Dụng.

1) Tự Thọ Dụng là niệm niệm hướng đến vô thượng Bồ Đề, không có ý niệm thứ hai nào, đây là đối với chính mình mà nói. Trong kinh Đại Thừa thường có một câu nói về từ ngữ “*niệm niệm*” này như sau: “*Thú Tát Bà Nhã hải*” (Tiền nhập biên Nhất Thiết Chung Trí), trong số quý vị cũng có người thường đọc kinh đã thấy câu này rồi. Tát Bà Nhã (Sarvajña) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa Trung Quốc là Nhất Thiết Chung Trí. Nhất Thiết Chung Trí có cùng một ý nghĩa với A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Do đây biết được rằng: Từ nay trở đi, đối với chính mình, vị ấy không có một niệm nào khác ngoài ý niệm muốn viên mãn rốt ráo Phật quả, vị ấy chỉ có một ý niệm này. Có thể nói là hết thấy pháp thế gian hay xuất thế gian vị ấy đều buông xuống hết, không phân biệt, không chấp trước, vị ấy cũng không có vọng tưởng, triệt để buông xuống. Đây gọi là “*chân tâm*”.

2) Tha Thọ Dụng là đại bi tâm. Đại bi tâm là thừa nguyện tái lai, vào trong mười pháp giới. Chúng sanh cần họ giúp gì, họ đều có thể giúp đỡ, giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Âm Bồ Tát vậy. Hễ chúng sanh cảm, Ngài liền ứng đến, cảm ứng đạo giao mà! Nên dùng thân Phật để độ được, Ngài liền hiện thân Phật để thuyết pháp cho quý vị. Nên dùng thân Bồ Tát để độ được, Ngài liền hiện thân Bồ Tát để thuyết pháp cho quý vị. Ngài hiện thân vô lượng vô biên, ba mươi hai ứng thân đã nói trong phẩm Phổ Môn chính là ba mươi hai loại, tức ba mươi hai loại lớn, trong mỗi một loại có vô lượng vô biên. Đây là đại bi tâm, trong Quán Kinh gọi [đại bi tâm] là “*phát nguyện hồi hướng tâm*”. Ngài thật sự làm được điều ấy, ở đây gọi là “*trực tâm thiên tạng*”. Bởi lẽ, Sơ Trụ Bồ Tát vừa mới nhập Không giới, chú trọng tới tự chứng nhiều hơn, chứ chẳng phải là Ngài không hóa độ người khác, chỉ là thiên trọng tự chứng. Do vậy gọi là Trụ, nhập Không giới như vậy.

Ngũ kỳ tương dã.

語其相也

(Nói đến tướng ấy)

Nhìn từ tướng, nhìn từ hình dáng.

Dữ ư pháp giới, hư không giới đẳng.

與於法界虛空界等。

(Ngang bằng pháp giới, hư không giới)

Do tâm vị ấy không phân biệt, không chấp trước, cho nên tâm lớn như hư không pháp giới; tâm đã như vậy thì tướng cũng giống như vậy. Cho nên tận hư không, trọn pháp giới đều có thể tùy loại hiện thân, đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, đề mục của kinh này, chúng ta luôn rút gọn đề mục của kinh này, chứ nếu nói đầy đủ thì sẽ là **Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm**. Đây mới là đề mục hoàn toàn, đề mục hoàn chỉnh. Đề mục dài quá nên chúng ta rút gọn. Do vậy, [những cảnh giới được nói trong kinh này] là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Nói thật ra, chúng ta học Phật là bắt đầu học từ chỗ nào? Rất nhiều bước để bắt đầu, nhưng bước bắt đầu sau đây cũng hết sức quan trọng, tức là mở rộng tâm lượng. Mở rộng tâm lượng bằng cách nào? Đối với hết thảy mọi người, hết thảy sự, hết thảy vật, quý vị hãy luôn nhớ kỹ: “*Đừng phân biệt, đừng chấp trước, đừng khởi tâm, đừng động niệm*” thì tâm lượng của quý vị sẽ tự nhiên mở rộng. Hễ có phân biệt, chấp trước, tâm lượng sẽ rất nhỏ, biến thành tâm lượng phàm phu. Điều này rất khẩn yếu.

Thập Trụ bất đồng, tức vi thập đoạn.

十住不同，即為十段。

(Do mười địa vị thuộc Thập Trụ khác nhau, nên chia thành mười đoạn)

Kinh văn được chia thành mười đoạn. Ở đây chúng ta gọi là mười chương. Hiện thời, chúng ta coi mỗi một chương là một đơn vị, in thành những tập sách nhỏ. Thập Trụ bắt đầu từ cuốn này trở đi, còn có chín cuốn nữa đều nói về Thập Trụ Bồ Tát.

Nhiên hạ chư hữu, cổ đức phán văn tòng nhất chí thập, kim lược tự nhất nhị.

然下諸友，古德判文從一至十。今略敘一二。

(Nhưng đối với các vị thiện hữu [lần lượt được chép] trong những phần sau, cổ đức phân định kinh văn có từ một cách cho đến mười cách, nay chỉ trình bày đại lược một hai cách)

Đây là nói về sự phân khoa, phân giáo [trong khi chú giải kinh Hoa Nghiêm]. Đối với chúng ta mà nói thì không quan trọng lắm. Đối với người học giảng kinh thì bắt buộc phải tham khảo, chứ đối với chúng ta mà nói thì [những cách phân khoa khác nhau] trọn chẳng quan trọng gì. Đoạn văn trên đây giới thiệu cách phân đoạn như thế nào. Ở chỗ này nói đến một đoạn lớn (tức toàn bộ Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương), chứ không phải là một tiểu đoạn. Trong trang trước [chương này], chúng tôi có một biểu đồ chỉ ra cách phân chia từng đoạn, phân chia rất cẩn kẽ, đây gọi là Khoa Phán. Đối với bộ kinh này, cổ nhân mỗi vị có cách nhận định khác nhau, mỗi vị có một cách phân định khác nhau, chẳng hạn như:

Biện công phân tam.

辯公分三。

(Ngài Thanh Biện chia thành ba đoạn)

Đem kinh văn chia thành ba đoạn. Đoạn thứ nhất:

Văn danh cầu mịch.

聞名求覓。

(Nghe danh hiệu thiện tri thức, đi tìm kiếm)

Phần này thuộc về...

Gia Hạnh Vị. Nhị thọ kỳ sở thuyết, thị Chánh Chứng Vị.

加行位。二受其所說，是正證位。

(Gia Hạnh Vị. Đoạn thứ hai là nhận lãnh lời giảng của vị thiện tri thức ấy, thuộc về Chánh Chứng Vị).

Đoạn thứ ba trong trang sau:

Ngưỡng thôi thắng tấn, thị Hậu Đắc Vị.

仰推勝進，是後得位。

(Ngưỡng mộ, đề cao vị thiện tri thức kế tiếp vượt trội bản thân ta, đây là Hậu Đắc Vị)

Đây là cách phân đoạn của đại sư Thanh Biện. Nhưng cũng có vị cô đúc chia thành năm phần, tức là chia thành năm đoạn. Cách phân chia năm đoạn như sau:

Nhất cử pháp khuyến tu, nhị y giáo thú nhập, tam kiến dĩ thỉnh kính, tứ chánh thị pháp giới, ngũ ngưỡng thôi thắng tấn. Nhiên thượng nhị nghĩa.

一舉法勸修。二依教趣入。三見已請敬。四正示法界。五仰推勝進。然上二義。

(Một là nêu ra pháp để khuyên tu; hai là vâng theo lời dạy để đi tới nơi, ngộ nhập pháp ấy; ba là gặp được thiện tri thức bèn thưa thỉnh, tỏ lòng kính trọng; bốn là phần chỉ bày chánh yếu về pháp giới; năm là kính ngưỡng, đề cao vị thiện tri thức khác vượt trội hơn ta để người nghe tấn tu. Nhưng hai nghĩa trên đây...)

Hai cách phân đoạn vừa được nêu ra trên đây.

Tịnh ước vị thuyết.

並約位說。

(Đều là ước theo địa vị để nói)

Đều là ước theo địa vị do Bồ Tát chứng được [để phán định], giống như Sơ Trụ, Nhị Trụ, Tam Trụ, đều là dựa theo đây để nói.

Ư nghĩa thậm thiện.

於義甚善。

(Xét về ý nghĩa rất hay)

Cách phân đoạn này, luận về mặt ý nghĩa rất hay, phân chia cũng khá lắt; nhưng luận theo kinh văn thì chẳng thuận tiện. Bởi lẽ, trong thời đức Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, Ngài trọn chẳng bảo người khác phân đoạn. Phân đoạn là chuyện của người đời sau. Trong thời đức Phật giảng kinh chẳng dùng tới cách thức ấy. Do vậy, đối với phần kinh văn này, nếu như chúng tôi giảng một chương tỳ-kheo Cát Tường Vân này, để giới thiệu ngài Cát Tường Vân cận kề thì phải nói lần qua chương trước, tức là chương giảng về Thập Tín của đức Văn Thù. Chúng tôi giảng đơn độc một chương

này thì quả thật không tiện lắm, phải giảng lần qua phần trước. Đây là điều hiển nhiên.

Tại văn bất tiện. Dĩ hậu hữu danh nghĩa tuy thuộc hậu, tiền hội thuyết cổ.

在文不便。以後友名義雖屬後，前會說故。

(Nhưng đôi với [sự giảng giải] kinh văn thì không thuận tiện. Bởi lẽ danh nghĩa của vị thiện hữu kế tiếp tuy thuộc phần sau nhưng đã được nói tới trong hội³ trước)

Giống như ngài Cát Tường Vân được nói ở đây thì ngài Cát Tường Vân đã được giới thiệu trong phần trước, được giới thiệu trong pháp hội của Văn Thù Bồ Tát, chứ không phải là từ chỗ này trở đi mới được giới thiệu.

Kim y Ý công, cập Ngũ Đài Luận, ước hội khoa chi, phân vi lục phần.

今依意公，及五臺論，約會科之。分為六分。

(Nay dựa theo Ý công và Ngũ Đài Luận, ước theo hội này để phân khoa, chia thành sáu phần)

Ở đây đại sư Thanh Lương đem kinh văn chia thành sáu đoạn, từ đây trở đi, mỗi một lần tham học trong năm mươi ba lần tham học đều chia thành sáu đoạn lớn như vậy. Sáu đoạn này tuy do Ngài phân chia, nhưng cũng do người đời trước đã có ý tưởng này nên Ngài trọn chẳng kể công, ở đây Ngài đều đem ý tưởng của cổ đức kể hết ra. Do vậy, Ngài chia kinh văn thành sáu đoạn.

Nhi danh tiểu dị.

而名小異。

(Nhưng tên gọi hơi khác)

Tên gọi của từng khoa hơi khác với cách gọi của người đời trước.

Nhất, y giáo thú cầu.

一依教趣求。

(Một là vâng theo lời dạy để tiến hướng, cầu thỉnh)

Vâng theo lời chỉ dạy, chỉ dẫn của vị thiện tri thức trong phần trước: “Ông đến chỗ đó, thưa hỏi vị đó”. Đoạn kinh văn ấy chính là đoạn thứ nhất, vâng theo lời của vị thiện tri thức trong phần trước. Ở đây, chúng ta thấy vị thiện tri thức trong phần trước chính là Văn Thù Bồ Tát. Văn Thù Bồ Tát dạy Thiện Tài đến thưa hỏi tỳ-kheo Cát Tường Vân, “*y giáo thú cầu*” [là như vậy đó].

Nhị, kiến kính tứ vấn.

二見敬諮問。

(Hai là gặp mặt, thể hiện sự lễ kính, xin phép được thưa hỏi)

Gặp mặt thiện hữu rồi, đương nhiên phải hết sức cung kính. Lễ tiết ấy chẳng thể bỏ được, nhất định phải hướng về vị ấy thỉnh giáo. Đây là một đoạn nữa.

Tam, xưng tán, thọ pháp.

三稱讚授法。

(Ba là khen ngợi, truyền dạy giáo pháp).

Vị thiện tri thức ấy thấy Thiện Tài đến tham học, nhất định khen ngợi Thiện Tài, rồi mới dạy dỗ, đem pháp môn do chính mình đã học được để truyền dạy cho Thiện Tài. Phần kinh văn như vậy thuộc về đoạn ba.

Tứ, khiêm kỹ thôi thắng.

四謙己推勝。

(Bốn là tự mình nhún nhường, đề cao người khác)

Pháp môn của Phật vô lượng vô biên. Quý vị thấy mỗi một vị thiện tri thức tự mình rất khiêm hư: “Trong vô lượng pháp môn, tôi chỉ biết được một pháp môn này, chẳng bằng những vị thiện tri thức khác, họ hiểu biết nhiều, đề cao mình hơn tôi!” Tự mình khiêm hư, tán thán người khác. “*Thôi*” là đề cao, [*“thôi thắng”* là] đề cao người khác giỏi giang hơn mình, người khác đều giỏi hơn tôi. Không có vị nào nói chính ta rất tuyệt vời, những kẻ khác đều kém ta! Không có! Tìm một vị như vậy trong năm mươi ba lần tham học tìm không ra, vị nào cũng đều khiêm hư. Đối với chỗ này chúng ta phải lưu ý, phải chú tâm thấu hiểu; nếu gặp một vị thiện tri thức nào tự nhận là rất tuyệt vời: “Người khác đều thua ta, ta là thiện tri thức thật sự!” Chắc

chấn kẻ ấy là giả, chắc chắn không phải là thiện tri thức thật sự. Vì sao vậy?
Do chẳng tương ứng với pháp!

Ngũ, chỉ thị hậu hữu.

五指示後友。

(Năm là chỉ bày vị thiện tri thức kế tiếp)

Nhất định phải giới thiệu một vị thiện tri thức khác cho Thiện Tài, “ông đến đó tham học”, giới thiệu đến nơi đó. Đoạn cuối cùng:

Luyén đức, lễ từ

戀德禮辭。

(Luyén mộ phẩm đức, lễ bái, từ tạ).

Phần kinh văn này tuy rất ngắn, những ý nghĩa hết sức sâu rộng. “*Luyén đức*” là cảm kích, cảm kích sự dạy bảo của thiện tri thức, thành tựu Định - Huệ cho chính mình, đây là “*luyén đức*”. “*Lễ từ*” nghĩa là gì? Trọn chẳng có nghĩa là “tôi xin phép từ già Ngài, tôi đi qua đó thưa hỏi”. Khi quý vị hiểu như vậy thì quý vị đại lắm, quý vị học Phật si đại rồi! Quý vị chẳng học được gì hết! Ý nghĩa chân chánh của “*lễ từ*” như sau: Lễ là cung kính lễ bái; Từ là gì? Tôi chẳng học pháp môn này! Tôi biết pháp môn này, tôi hiểu rồi, nhưng tôi vẫn thật thà niệm Phật! Từ đầu đến cuối Thiện Tài đồng tử thật thà niệm Phật, một câu A Di Đà Phật niệm đến tột cùng. Thế nhưng pháp môn nào Ngài cũng đều hiểu, pháp môn nào cũng đều tiếp xúc, pháp môn nào cũng đều thưa hỏi, thứ gì cũng đều hiểu, nhưng vẫn như như bất động! Từ trước đến nay không thay đổi ý niệm, tôi muốn học cái này, muốn học cái kia, không hề có! “*Luyén đức lễ từ*” có ý vị ấy, có ý nghĩa này!

Nếu quý vị không đi thưa hỏi, quý vị hiểu biết ít ỏi, trí huệ của quý vị không viên mãn, công phu trần định của quý vị không hiển hiện được. Sau khi quý vị tiếp xúc mới biết như như bất động, phân minh rạch ròi, mới hiển thị được Định - Huệ chân thật của chính mình. Chính mình vẫn thật thà niệm Phật, mãi cho tới khi đến chỗ vị thiện tri thức cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Do vậy, Thiện Tài đồng tử viên mãn thành Phật trong một đời, thành Phật bằng cách nào? Niệm A Di Đà Phật mà thành Phật! Vậy thì năm mươi ba lần tham học có ý nghĩa gì? Năm mươi ba lần tham học nhằm dạy bảo quý vị về sinh hoạt thường nhật trước khi được vãng sanh. Do vậy, chúng tôi gọi chung những điều này là “*nghệ thuật sống hiện đại*”. Quý vị chưa vãng sanh, quý vị vẫn ở trong thế gian này, quý vị vẫn có thân xác này, quý vị vẫn phải mặc áo, ăn cơm, quý vị vẫn

phải ứng xử với hết thầy, mỗi ngày sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, đây chính là năm mươi ba lần tham học. Tuy tiếp xúc, pháp thể gian, pháp xuất thể gian, pháp nào cũng đều có thể tiếp xúc, nhưng trong tâm có chủ tể (tức tâm luôn giữ được chủ ý), trong tâm như như bất động, cảnh giới bên ngoài rành rẽ phân minh, một câu A Di Đà Phật niệm tới cùng. Đây gọi là “*Thiện Tài đồng tử*”.

Quý vị hiểu rõ đạo lý này thì mới thật sự đạt được Hoa Nghiêm tam-muội. Chứ chẳng phải là bảo quý vị bữa nay đến chỗ này nghe vị pháp sư này giảng, ngày mai đến chỗ vị thiền sư kia, ngày một đi nghe vị thượng sư nọ. Quý vị đến các nơi học loạn cào cào thì quý vị chẳng phải là Thiện Tài đồng tử đâu nhé! Do vậy, kinh này rất có ý vị, kinh dạy chúng ta phương cách sống như thế nào, dạy chúng ta làm người ra sao, làm thế nào để trong đời này, trong xã hội phức tạp này mà xuất thể gian, thật sự thành tựu Định - Huệ của chính mình một cách viên mãn lớn lao! Phần tiếp theo ghi:

Nhi chư văn đa cụ.

而諸文多具。

(Nhưng trong các phần kinh văn đa số đều có đủ cả [sáu khoa])

“*Chư văn*” ở đây là phần kinh văn thuộc năm mươi ba lần tham học, tức là năm mươi ba chương ấy đại đa số đều có đủ cả sáu khoa này, tức là có đủ cả sáu đoạn này.

Cố tổng khoa chi.

故總科之。

(Cho nên nêu chung các khoa ra)

Ở chỗ này đặc biệt giới thiệu [sáu khoa ấy].

Tiểu hữu tăng giảm, chí văn đương biện.

小有增減，至文當辨。

(Hễ có sai khác đôi chút thì đến phần kinh văn ấy sẽ biện định rõ)

Cũng có lúc là có thể nhiều hơn một điều hay nhiều hơn một đoạn, mà cũng có thể là ít hơn một đoạn, nhưng trường hợp ấy rất hiếm. Đại đa số kinh văn đều có đầy đủ sáu đoạn lớn ấy. Do vậy, nếu gặp trường hợp đặc biệt như thế, đến lúc ấy sẽ lại giải thích.

Cánh hữu đa phân, dẫn lục trung biệt nghĩa hựu đa bất cụ, cố bất hiển chi.

更有多分。但六中別義又多不具，故不顯之。

(Lại có người chia ra nhiều hơn, nhưng những nghĩa riêng biệt trong sáu phần trên đây đa số lại không có đủ, cho nên không nêu ra).

Cũng có những vị pháp sư khác chia đoạn này ra rất nhiều đoạn nhỏ; nhưng nói thật ra, hoàn toàn chẳng cần thiết cho lắm. Cách chia thành sáu đoạn như thế này hết sức rõ ràng, hết sức dễ hiểu. Do vậy, đại sư Thanh Lương bèn giới thiệu ở đây trước khi giảng kinh. Chúng ta hiểu được mỗi đoạn, [mỗi đoạn kinh văn tường thuật] một lần Thiện Tài đến tham phòng đều có sáu đoạn này, cho thấy Ngài là người rất ngăn nắp, rất đúng thứ tự, rạch ròi, không loạn xị, phù hợp với tinh thần giới luật. Giới luật là quy củ, cách phân đoạn này có quy củ, theo đúng thứ tự.

Trong phần trước, sau khi Văn Thù Bồ Tát giới thiệu tỳ-kheo Cát Tường Vân với Thiện Tài đồng tử, dẫn dò Thiện Tài đến nơi ấy tham học. Cuối đoạn kinh văn ấy, đại sư Thanh Lương nêu lên một câu hỏi để giải quyết lòng nghi. Đoạn ấy cũng hết sức quan trọng. Ngài lập ra một đoạn vấn đáp: Văn Thù Bồ Tát là vị trí huệ bậc nhất trong hàng Bồ Tát, hướng chi Văn Thù là “*thất Phật chi sư*”, tức là thầy của bảy vị Phật. Trong số học trò của Ngài đã có bảy vị đều thành Phật, trí huệ của Ngài làm sao còn có vấn đề cho được! Vì sao Ngài không dạy dỗ Thiện Tài đồng tử mà phải bảo Thiện Tài đồng tử đi tham phòng? Qua chỗ khác tham phòng, chịu đựng nhọc nhằn như vậy để làm gì? Chính mình dạy bảo sẽ hay hơn chứ! Thiện Tài thật sự có năng lực, sẵn đủ khả năng tiếp nhận; vì sao Văn Thù Bồ Tát chẳng dạy cho Ngài, lại bảo đi tham phòng? Quý vị có nghi vấn như thế hay chẳng? Quý vị thấy dạy học theo pháp thế gian và xuất thế gian, đều bảo chúng ta lúc mới học phải học theo lời dạy của một vị mà thôi, thâm nhập một môn mà! Thiện Tài tham dự pháp hội của ngài Văn Thù, tức là [học theo] lời dạy của một vị, tiếp nhận lời răn dạy của một vị thầy, đắc Căn Bản Trí⁴! Nếu nói như vậy thì nếu Ngài tự muốn làm Phật hay làm Tổ sẽ thật sự có thể làm được. Thế nhưng, nếu muốn hóa độ hết thấy chúng sanh thì phải theo như kinh này đã dạy, sau khi “*nhập Trụ*” (chứng các địa vị trong Thập Trụ), không gian hoạt động phải là tận hư không, trọn pháp giới, chứ không phải chỉ có một nơi này. Bởi lẽ đó, học rộng nghe nhiều là điều tất yếu, cho nên bảo quý vị phải đi thăm viếng các nơi.

Do vậy, đại sư Thanh Lương giải đáp nghi vấn này cho chúng ta. Trong lời giải đáp có mười ý nghĩa:

1. Ý nghĩa thứ nhất: Nêu ra tổng tướng (tướng trạng chung):

Nhằm làm gương cho kẻ hậu học. Quả thật, Văn Thù Bồ Tát có đủ khả năng dạy Thiện Tài, vì sao bảo Ngài đi tham học? Nhằm làm gương, làm mẫu, biểu diễn cho hàng hậu học xem: Học sinh xin học hỏi không lười nhác, dững mẫn, tinh tấn, không mệt mỏi, chán ngán. Biểu diễn một chiêu ấy cho người đời sau xem! Do vậy, phải tìm thầy hỏi đạo. Luận về phía người làm thầy thì đối với đấng học trò thật sự đến cầu học, chắc chắn thầy không tiếc pháp. Chính mình biết được bao nhiêu, đều thật sự dốc hết túi ra. Do vậy, [bảo Thiện Tài đi tham học] chính là làm gương cho kẻ làm học trò, mà cũng là làm gương cho những ai là thiện tri thức hoặc là kẻ làm thầy. Đây là ý nghĩa thứ nhất của chuyện bảo Thiện Tài đi tham học, dụng ý ở chỗ này!

2. Ý nghĩa thứ hai là nhằm hiển thị hạnh duyên thù thắng:

“*Hạnh*” là tu hành. Thiện tri thức chân chánh tu học, chân thật phản tỉnh, mà cũng có nghĩa là các Ngài thật sự thanh tịnh. Trong thời đức Thế Tôn tại thế, trong Tăng đoàn có nhóm Lục Quân Tỳ Kheo⁵ mặt dày, phá rối, không nghe lời. Phật bảo họ hướng về Đông, họ ngả sang Tây; bảo họ làm lành, họ khư khư làm ác. Suốt ngày từ sáng đến tối chuyên làm chuyện tréo ngoe, giống như tạo phản trong Tăng đoàn vậy. Thật ra, những vị này đều là Phật hay Bồ Tát thị hiện, bọn họ thật sự thanh tịnh; ngay cả những vị cư sĩ tại gia cũng là biểu diễn, điều này là sự thật. Phạm phu chúng ta không biết được đâu!

Ví như Quán Vô Lượng Thọ Kinh, ai nấy đều đọc cả rồi. Vua A Xà Thế giết cha, hại mẹ, đều là Phật, Bồ Tát diễn tuồng, biểu diễn cho chúng ta xem, biểu diễn đấy nhé! Làm những chuyện ác, Ngũ Nghịch, Thập Ác đều làm ráo, về sau vua gặp Kỳ Bà; Kỳ Bà là đại thần trợ thủ đắc lực của vua. Kỳ Bà tới khuyên vua: “*Từ cổ đến nay, nghe nói có những quốc vương vì đoạt ngôi vua mà giết cha, chứ chẳng nghe nói có vua nào hại mẹ!*” Ông ta nói: “*Nếu bệ hạ hại mẹ thì bệ hạ là kẻ đại nghịch bất đạo, chúng thần không theo bệ hạ nữa!*” Do vậy, vua A Xà Thế nghe theo lời ông ta khuyên cáo; sau đấy ông ta dẫn vua đến gặp Thích Ca Mâu Ni Phật, sám hối, sửa lỗi, sau này vua học Phật; đều là biểu diễn hết! Mỗi một người đều là chân thật phản tỉnh. Chúng ta phải hiểu được điều này, chứ họ không phải thật sự là kẻ ác. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này, hạng phạm phu mất thịt chúng ta làm sao biết được? Họ lại chẳng nói cho quý vị biết: “Ta là vị Bồ Tát nào ứng hóa”. Chẳng thể nào nói với quý vị được! Kẻ nào nói ra đều là giả, chẳng phải là thật! Hễ là thật thì tuyệt đối chẳng nói với người khác. Trước

kia cũng có vị một khi thân phận bị lộ ra bèn tịch ngay, vị ấy chẳng thể trụ trong thế gian này nữa! Thân phận bộc lộ mà vẫn chẳng tịch, vẫn ý vào đó chẳng tịch, chắc chắn là đồ giả, không có đạo lý ấy đâu!

“*Tận tàng độ hóa Diệu Nghiêm*” (Giấu thật kín thân phận để hóa độ vua Diệu Trang Nghiêm), đây là một câu chuyện trong kinh Pháp Hoa, tức là một câu chuyện trong phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự, cũng là chuyện Phật, Bồ Tát thị hiện. Chớ nên thấy những chuyện họ làm đều là chuyện ác, họ đều giả vờ, nhằm biểu diễn cho chúng ta xem. Quý vị thấy người ta làm ác, về sau hồi đầu, hướng thiện, đây là dụng ý giáo hóa, hết sức sâu xa, dạy chúng ta điều gì? Chúng ta là phàm phu, chẳng phải là Phật, Bồ Tát tái lai. Phật, Bồ Tát thị hiện như vậy, chúng ta làm ác, tuy làm ác vẫn được cứu. Quý vị thấy họ làm ác, cuối cùng họ học Phật vẫn được cứu, vậy là ta cũng được cứu. Chỉ ra một con đường sáng sửa cho những kẻ làm ác! Trót làm ác, đừng sợ! Chỉ cần quý vị có thể quay đầu, quay đầu là bờ!

Đặc biệt là pháp môn Tịnh Độ, quý vị cả đời làm ác, đến cuối cùng lâm chung gặp được bạn lành khuyên dạy quý vị, niệm Phật mười niệm đều quyết định vãng sanh. Quý vị còn gì để nói nữa đây? Trước kia, khi tôi mới học Phật, có người bàn nói trí huệ viên mãn, thần thông rộng lớn của đức Phật, chúng tôi lập ra một câu hỏi giả thiết: “Nếu kẻ ấy không điều ác nào chẳng làm, ngay lập tức phải đọa vào địa ngục A Tỳ thì Phật có khả năng làm cho kẻ đó lập tức thành Phật được hay không? Nếu Phật không có năng lực ấy, [thì nói] Phật vạn đức vạn năng là giả, là khen ngợi đó thôi, không phải là thật!” Hiện thời chúng tôi hiểu được đây là sự thật, đức Phật thật sự có năng lực ấy, vấn đề là đối phương có chịu tiếp nhận hay chẳng? Đối phương không tiếp nhận, dẫu có năng lực, Phật cũng không có cách nào hết. Vấn đề là quý vị phải chịu tiếp nhận. Hiện thời, chúng tôi đọc Vô Lượng Thọ Kinh đã hiểu rõ rồi, suốt đời làm ác đa đoan, lâm chung bạn lành khuyên dạy, lập tức tiếp nhận, do một câu Phật hiệu liền được vãng sanh, mới biết trí huệ, đức năng của đức Phật đúng là viên mãn. Do vậy, điều này cũng nhằm cảnh cáo chúng ta: Đối với những kẻ làm ác trong thế gian, chớ nên khinh mạn họ, chớ nên coi rẻ họ, cũng có nhiều người lúc lâm chung gặp được bạn lành liền về Tây Phương làm Phật, còn chúng ta vẫn tiếp tục luân hồi trong sáu đường, thua xa họ!

Do vậy, trong kinh điển, Phật, Bồ Tát biểu diễn chiêu này để cho những kẻ làm ác trông thấy, chứ không phải là dạy quý vị làm ác, lâm chung mới quay đầu. Nếu quý vị hiểu như vậy sẽ không vãng sanh được đâu! Đây là quý vị đã hoàn toàn cầu may, lâm mất rồi! Quý vị phải thấu hiểu ý nghĩa này.

3. Điều thứ ba là phá chấp trước:

Đối với thầy đừng nên chấp trước quá mức, chớ nên ý lại quá mức. Ý vào một vị thầy, ý lại quá mức, tức là quý vị đã có phân biệt, có chấp trước rồi, lại sai mất rồi! Như vậy là dạy quý vị điều gì? Chính mình phải khiêm hư, phải trống lòng. Đến các nơi cầu học, ai cũng đều là bạn lành, ai cũng đều có thể thành tựu Định Huệ cho quý vị. Phá phân biệt, chấp trước đấy! Đem tấm lòng cung kính thầy của quý vị để đối đãi khắp hết thầy mọi người. Do vậy, dụng ý này hết sức tốt đẹp.

4. Điều thứ tư, phá trừ ngạo mạn:

Nếu quý vị ở giữa hết thầy đại chúng, trong hết thầy đại chúng có nam, nữ, già, trẻ, có hiền, ngu khác nhau, có người rất có trí huệ, cũng có kẻ rất ngu si. Quý vị đừng thấy người ta rất ngu si. Người rất ngu si cũng có ưu điểm, cũng có những chỗ quý vị không thể bằng được. Phá trừ thành kiến ngạo mạn của quý vị, dùng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm không thẹn để hỏi han [kẻ kém cõi hơn mình], như vậy mới có thể thực hiện sự “*lễ kính chư Phật*” của Phổ Hiền Bồ Tát, chính mình mới thật sự trọn đủ [sự “*lễ kính chư Phật*” của Phổ Hiền Bồ Tát].

5. Ý nghĩa thứ năm là phá trừ chấp trước thiên Không:

Do có những người căn tánh bậc nhất, sau khi nhập Không giới bèn cảm thấy chẳng có gì đáng để mong mỏi nữa, chẳng cần phải cầu nữa! Ở đây, Bồ Tát thị hiện, trong sự vô cầu, chúng ta vẫn phải cầu. Ý nghĩa này rất sâu! Bởi lẽ, quý vị chấp vào Không, thiên chấp vào một bên. Chấp vào Có cũng là lệch sang một bên. Trong “vô sở cầu” (không có gì để mong cầu), ta vẫn phải đoạn ác tu thiện, vẫn phải cầu pháp tinh tấn! Hai bên Không và Có đều chẳng trụ, hiển thị Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế. Đây chẳng phải là một câu nói xuông, trong sinh hoạt thường ngày vẫn cứ y như cũ! Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế nằm trong sinh hoạt thường ngày, chẳng hề tách rời cuộc sống!

6. Ý nghĩa thứ sáu là biểu diễn cho chúng ta thấy hết thầy mọi chuyện đều là tu hành, tu hành ngay nơi Sự:

Mặc áo, ăn cơm là tu hành, quý vị làm việc mỗi ngày là tu hành, không có gì chẳng phải là tu hành! Tu cái hạnh nào? Thập Độ, Thập Nguyên. Mặc áo là Thập Độ, Thập Nguyên, ăn cơm cũng là Thập Độ, Thập Nguyên. Quý vị phải thấu hiểu chỗ này. Do vậy, đại sư nói: “*Thà là nghe ít mà vẫn có thể*

chứng nhập. Chứ không phải là nghe nhiều mà chẳng hành, chẳng chứng". Đây là nói về tu hành chứng quả. Nói đích xác, một môn là đủ rồi. Nghe nhiều, nhưng quý vị chẳng thể hành nhiều được, chẳng thể chứng nhiều được thì vẫn vô dụng!

7. Ý nghĩa thứ bảy là phá [thành kiến] thuyết pháp:

Vị thầy thuyết pháp thường có thành kiến "ta là thầy, người là học trò của ta". Đối với pháp thế gian, điều này không sai, nhưng trong tâm quý vị có ý niệm ấy tức là quý vị có phân biệt, có chấp trước rồi! Do vậy, bảo người ta đi sang nơi khác tham học thì phân biệt, chấp trước ấy sẽ không còn nữa.

8. Ý nghĩa thứ tám là hiển thị tấn tu ở ngay nơi địa vị ấy, biểu diễn cho mọi người xem:

Tu học pháp thế gian hay xuất thế gian đều có thứ tự, chia theo từng loại để học, chớ nên học nhảy lớp, cứ tiến dần dần. Mỗi một vị thiện tri thức nhất định giới thiệu cho quý vị một vị thiện tri thức kế tiếp, với ý nghĩa nhắc quý vị hãy dần dần nâng cao cảnh giới của chính mình hòng tiến bộ, đừng ở lý nơi đây. Ở lý nơi đây quý vị sẽ chẳng thể tiến bộ được đâu! Do vậy, "*luyén đức lễ từ*", giới thiệu vị thiện tri thức kế tiếp là có dụng ý như vậy.

9. Ý nghĩa thứ chín là hiển thị Phật pháp sâu rộng vô tận:

Quý vị hầu hạ, cung kính trọn khắp các thiện tri thức, tham học trọn khắp cũng chẳng có cách nào trọn hết các duyên được, [điều này] cho thấy Phật pháp vừa sâu vừa rộng. Thiện hữu chân thật thì đều tự mình khiêm hư, khen ngợi người khác vượt trội chính mình. Nếu là phàm phu, khi trí huệ chưa hiện tiền, làm sao để nhận biết được?

10. Trong điều cuối cùng, đại sư Thanh Lương giảng: Cho thấy rõ Thiện Tài và thiện hữu có duyên khế hợp nhau:

Ý nghĩa này giống như điều thường được các vị cổ đức của Trung Quốc nói tới, tức là: "*Sư tu đạo hợp*" (Thầy trò hợp đạo). Thầy giúp đỡ trò, trò cũng giúp đỡ thầy, đôi bên giúp đỡ nhau thành tựu.

Thiện Tài có năng lực, có nguyện vọng đến cầu học, dẫn khởi thiện tri thức dạy dỗ. Thiện tri thức có trí huệ, có năng lực chỉ dạy, giúp cho Thiện Tài đồng tử chứng nhập; do vậy đôi bên ảnh hưởng lẫn nhau, Năng và Sở⁶

như một. Đây là điều chúng tôi thường hay nói: “*Giáo học tương trường*” (Dạy học làm cho đôi bên cùng được tăng trưởng). Quý vị muốn thành tựu trí huệ, quý vị phải có nhiệt tâm dạy dỗ người khác. Quý vị dạy dỗ người khác thì mới thành tựu trí huệ được. Bình thường giảng kinh cũng giống như thế, qua một buổi giảng, trong một tiếng rưỡi ấy, nếu không có ai hỏi, giảng xong là coi như hết chuyện, trông chừng như rất viên mãn. Nếu có ai nêu ra mấy câu hỏi, quả thật là vẫn chưa được viên mãn. Trong ấy vẫn còn có thắc mắc, không nhận biết được! Hỏi câu ấy mới lộ ra, khi không hỏi thì không nghĩ tới. Khi được hỏi, lập tức nghĩ tới; rồi tới khi phân tích, trí huệ liền hiện tiền, đây là giúp đỡ lẫn nhau thành tựu vậy!

Do vậy, sau khi quý vị đã hiểu rõ thì Thiện Tài và thiện hữu là một chứ không phải là hai, đúng như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Một tức hết thảy, hết thảy chính là một*”. Thiện Tài lưu ý, chiếu theo thứ tự thuận này, đạt rốt ráo viên mãn bốn mươi một địa vị. Không có Thiện Tài thì cũng không có thiện hữu. Không có thiện hữu thì cũng chẳng có Thiện Tài! Nói cách khác, không có trò làm sao có thầy? Không có thầy cũng chẳng có trò! Quan hệ thầy trò nhất định phải là xin học và dạy học hỗ tương mới thành lập được, tách rời một phía thì đôi bên đều không có! Do vậy, mười ý nghĩa trên đây không điều nào chẳng nhằm giảng rõ quan hệ thầy trò, giảng rõ mô hình dạy học. Chúng ta phải hiểu ý nghĩa sâu xa này. Vì sao Văn Thù Bồ Tát chẳng dạy? Có ý nghĩa như vậy đó!

Cùng một đạo lý ấy, chúng tôi giảng kinh suốt ba mươi bảy, ba mươi tám năm; trong quá khứ, khi lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ còn sống, chúng tôi gặp gỡ mấy lần, cũng thường gởi thư cho nhau. Lão nhân gia khuyên tôi, cụ nói: “Ông biết giảng kinh, giảng nhiều năm như vậy, không cần phải giảng nữa, cũng không cần phải bôn ba khắp nơi. Ông hãy nên buông xuống hết thảy để chuyên tâm bồi dưỡng nhân tài”. Cụ nói: “Phật pháp không có người kế tục, vấn đề này nghiêm trọng lắm!” Vấn đề ấy tôi nghĩ người nào cũng đều biết, xuất gia hay tại gia cư sĩ đều hiểu Phật pháp không có người kế thừa thì làm sao được! Do vậy, cụ dạy tôi, cụ nói: “Trong tuổi già ông có hai chuyện [phải lo], một là bồi dưỡng nhân tài, mặt khác là viết sách”. Tôi thưa với cụ, tôi nói: “Tôi hiểu chứ, tôi biết chứ, nhưng duyên chưa chín muồi!” Tôi phát tâm dạy, ai học với tôi? Tôi trọn chẳng thể tìm được người để nói như thế này: “Anh đến học với tôi!” có đạo lý ấy hay chẳng? “Cầu học” là đến để xin học, tôi đến đâu để tìm ra được người như vậy? Chiêu sinh ư? Hiện thời có người chiêu sinh; quý vị xem trong kinh điển thì thấy Thích Ca Mâu Ni Phật, chư Phật, Bồ Tát, có vị nào chiêu sinh hay chẳng? Không có vị nào chiêu sinh cả! Vì sao các Ngài không chiêu sinh? Luôn tự cảm thấy chính mình chưa đúng, làm sao dám chiêu sinh? Vậy thì khi chiêu sinh, tôi có mặt mũi nào nhìn người ta? Người ta tìm đến học, họ tìm đến thì không

có cách nào hết, tôi chỉ đành dạy họ! Do vậy, chiêu sinh tức là cảm thấy công cao ngã mạn, tự cho ta là đúng!

Quý vị thấy năm mươi ba vị thiện tri thức này đều là do người khác giới thiệu [học sinh] đến học, không có vị nào tự tìm [học trò]! Phật cũng không chiêu sinh; quý vị đọc Đại Tạng Kinh, Phật chiêu sinh vào lúc nào? Chẳng những trong nhà Phật không chiêu sinh mà những vị thầy Trung Quốc thời cổ cũng chẳng hề chiêu sinh. Chiêu sinh là học từ đâu? Học từ ngoại quốc; trong văn hóa Trung Quốc không có chiêu sinh. Quý vị chiêu sinh, phát thiệp quảng cáo ra, người ấy to gan, người ấy có nhiều môn đại học vẫn, nhiều đức hạnh lớn lao hay chẳng? Ngay cả Thích Ca Mâu Ni Phật, Không lão phu tử cũng đều chẳng dám chiêu sinh, quý vị cả gan chiêu sinh thì có nên hay chẳng? Vì tôi hiểu đạo lý này, tôi cũng hy vọng làm như vậy [tức là làm như cụ Hoàng đã đề nghị], nhưng duyên chưa chín muồi, không có ai đến học; khi tôi đi khắp nơi là đến khắp mọi chỗ nhằm kết pháp duyên với người ta. Bởi lẽ, hết thầy duyên của tôi chưa chín muồi, nếu ở một chỗ thì ở chỗ nào đây? Duyên chưa chín muồi nên đi khắp nơi kết pháp duyên, đợi đến khi nhân duyên chín muồi, tôi nói: “Tôi nhất định làm được!”

Không ngờ vào đầu năm ngoái, nhóm ông Lý Mộc Nguyên ở Tân Gia Ba tổ chức một khóa học bồi dưỡng huấn luyện mời tôi sang dạy. Thỉnh tôi sang dạy, chuyện ấy thì được, không phải do tôi chiêu sinh. Ông ta đi tìm học sinh, mời tôi đến dạy, như vậy thì được. Sau khi ổn định, hiện thời có không ít đồng tu giúp đỡ tôi, đem những băng ghi âm, băng ghi hình những điều tôi đã giảng trong quá khứ, chỉnh lý thành văn tự, nhưng sau khi chỉnh lý xong, tôi nhất định phải coi lại một lượt, có nhiều chỗ không thỏa đáng, phải sửa chữa, phải thêm bớt. Coi như vậy xong thì những bài ấy mới được xuất bản, mới có thể lưu thông. Hiện thời những thứ đăng tải trên Internet, phần lớn tôi đã xem qua; những gì tôi không đọc qua, không thể đăng lên Internet, không thể xuất bản được!

Vì thế, vào lúc tuổi già, tôi chuyên môn làm công tác này, nhưng công tác ấy cũng chính là nguyện vọng của Quán Trưởng. Hai điều đầu trong nguyện vọng của Quán Trưởng chính là do ý nghĩa này. Bà ta mong tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm cần phải được giảng. Trước khi bà ta khai thỉnh thì pháp sư Khai Tâm ở Đài Nam [đã thỉnh]; nói chung pháp sư Khai Tâm thỉnh tôi không dưới mười lượt, xin tôi giảng Hoa Nghiêm. Đây là một bộ kinh lớn, nhân duyên hy hữu. Lão pháp sư Khai Tâm cũng rất khách sáo, cụ nói: “Nếu pháp sư không giảng, sợ rằng sau này sẽ chẳng có ai giảng cả!” Lời nói ấy đương nhiên là nói quá đáng, cho thấy lão nhân gia khai thỉnh rất chân thành. Tôi bèn nói: “Cơ duyên chín muồi, tôi nhất định giảng kinh này một lượt, những kinh khác tôi không giảng”.

Do vậy, từ lần này trở đi, tôi dùng phương pháp sau đây: Coi mỗi chương như một đơn vị. Sau này tại hải ngoại hoặc trong nước, địa phương nào thỉnh tôi giảng kinh, tôi bèn giảng mấy đơn vị, sau đây mới tổng hợp lại thì sẽ thành một bộ kinh Hoa Nghiêm hoàn chỉnh. Chỉ có dùng phương pháp này thì mới giảng xong được. Nếu không, theo cách giảng của tôi trong hiện thời để giảng bộ kinh này, mỗi ngày giảng một tiếng rưỡi, mỗi ngày đều giảng không gián đoạn, cũng có thể tạm nghỉ, mỗi một tuần nghỉ một ngày, [mỗi tuần] giảng sáu lần, phải mất bao lâu mới giảng xong? Tôi phỏng tính tôi thiểu là bảy năm. Giảng mỗi ngày, mỗi tuần giảng sáu ngày, không bỏ dở giữa chừng, phải giảng bảy năm mới có thể hoàn thành. Kinh thật sự lớn quá! Trong quá khứ, đại sư Thanh Lương giảng bộ kinh này, Ngài cũng giảng mỗi năm một lượt, mỗi ngày Ngài giảng tám tiếng; do vậy có thể hoàn thành trong một năm. Hiện thời, chúng tôi giảng mỗi ngày một tiếng rưỡi, nếu sáu ngày muốn nghỉ một ngày thì tối thiểu là phải bảy năm mới có thể hoàn thành. Vì thế, đây là chuyện rất khó có, cũng rất hiếm có, tôi mong sẽ hoàn thành công tác này. Trên đây là phần giới thiệu, chúng tôi giảng đến đây thôi. Nay chúng ta xem kinh văn. Trang thứ hai, dòng thứ tư:

Kim thử Cát Tường Vân tỳ-kheo ký Phát Tâm Trụ, vị duyên Phật thập lực, nhi phát chí cầu, khởi đại bi tâm, hạ hóa hàm thức, Bi Trí tương đạo, Chủng Trí tương ứng, danh Phát Tâm Trụ. Văn cụ lục đoạn.

此吉祥雲比丘寄發心住。謂緣佛十力，而發志求。起大悲心，下化含識。悲智相導，種智相應，名發心住。文具六段。

(Nay tỳ-kheo Cát Tường Vân gởi thân nơi địa vị Phát Tâm Trụ, nghĩa là duyên theo mười lực của Phật để phát khởi chí hướng mong cầu, khởi tâm đại bi, dưới là hóa độ hàm thức, Bi và Trí hướng dẫn lẫn nhau, tương ứng với Chủng Trí thì gọi là Phát Tâm Trụ. Kinh văn có đủ cả sáu đoạn).

Sáu đoạn này đã được nói trong phần trước. Trước hết phải giới thiệu tỳ-kheo Cát Tường Vân, chúng tôi giới thiệu vị này. “*Cát Tường*” theo lời chú giải của ngài Thanh Lương thì phải có đầy đủ bốn đức mới được gọi là Cát Tường. Đức thứ nhất là có Định, đức thứ hai là có Phước, đức thứ ba là có lòng Bi, đức thứ tư là có Trí. Chính là như ở chỗ này nói Ngài có Định, Phước, Bi, Trí, có đầy đủ bốn đức, đương nhiên là Cát Tường (tốt lành). Sau chữ Cát Tường dùng chữ Vân. Trong kinh Phật sử dụng chữ Vân hết sức nhiều. Như trong kinh Địa Tạng nói “*đại viên mãn quang minh vân*” (vàng mây quang minh lớn viên mãn), mười hai thứ quang minh [được nói tới

trong phẩm Thần Thông Trên Cung Trời Đao Lợi] đều dùng chữ Vân để tỷ dụ. Trong kinh này, đại sư Thanh Lương nói chữ Vân có bốn ý nghĩa: Ý nghĩa thứ nhất là phổ biến, ý nghĩa thứ hai là nhuận trạch, ý nghĩa thứ ba là phước âm (tiếng ân phước), ý nghĩa thứ tư là chứa đựng mưa, tức là trong mây có chứa lượng mưa, có thể tuôn mưa. Bốn cách nói này đều là dựa theo Tướng để nói.

Trong quá khứ, chúng tôi đã giảng không ít lần, trong kinh điển Đại Thừa, phải từ ý nghĩa biểu thị pháp để nói: Mây biểu thị có Tướng nhưng không có Thể. Điều này con người chúng ta hiện thời đều hiểu rất rõ ràng. Hiện thời, quý vị đáp phi cơ, bay lên tầng mây, chẳng có một chút chướng ngại nào. Nhìn từ dưới lên, mây đóng thành tầng rất dày, nhưng bay tới đó rồi, trọn chẳng có chướng ngại gì hết! Thể (bản thể) là không tịch, tượng trưng cho có Tướng, có tác dụng (Dụng), nhưng Thể không có. Mây biểu thị ý nghĩa này! Như vậy thì Cát Tường Vân được nói ở đây cũng nhằm biểu thị ý nghĩa này. Định, Phước, Bi, Trí cũng là Tướng có, Thể không, cho nên dùng Mây để tỷ dụ.

Vậy thì rõ ràng vị này là Pháp Thân đại sĩ, Ngài đã vượt trời mười pháp giới, đã chứng được Nhất Chân pháp giới, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Vì sao vẫn gọi Ngài là tỳ-kheo? Tỳ-kheo là người xuất gia; ở đây dùng chữ “tỳ-kheo” nhằm cho biết Ngài là người xuất gia. Ngài ra khỏi cái nhà nào? Nhà mười pháp giới. Vì thế, thông thường chúng ta nói đến “nhà”, người ta thường bảo: Anh rời khỏi cái nhà “cha mẹ, vợ con, ruộng nương, nhà cửa”. Không đúng! Đây là hình thức, không kể tới! Có người nói: “Lục đạo là nhà”. Quý vị rời lìa lục đạo mới tính là xuất gia, đây là xuất gia trong Tiểu Thừa. Xuất gia trong Đại Thừa là thoát khỏi mười pháp giới. Như vậy, [xuất gia] ở đây là thoát khỏi mười pháp giới, vừa mới ra khỏi mười pháp giới, tuy là Pháp Thân đại sĩ, vẫn gọi Ngài là tỳ-kheo. Dùng [chữ tỳ-kheo] theo ý nghĩa này, chứ không phải Ngài thật sự là tỳ-kheo.

“*Ký phát tâm trụ*”: Phát Tâm Trụ là Sơ Trụ, tức Sơ Trụ Bồ Tát. “*Phát*” là phát tâm, tức phát Bồ Đề tâm. Do đây biết được rằng: Thật sự phát Bồ Đề tâm, hẳn phát được Bồ Đề tâm sẽ thuộc về địa vị này. Chúng ta hằng ngày thường nói: “Phát Bồ Đề tâm! Phát Bồ Đề tâm”. Đây là hô khẩu hiệu, vô ích! Một khi thật sự phát Bồ Đề tâm, quý vị liền thoát khỏi tam giới. Trong kinh Vô Lượng Thọ, phát Bồ Đề tâm cũng rất quan trọng. Quý vị thấy “Tam Bối Vãng Sanh”, trong mỗi một Bối (bậc), đức Phật đều dạy chúng ta: “*Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*”. Nếu quý vị không phát Bồ Đề tâm sẽ không thể thoát lục đạo được, không thể thoát tam giới được! Do vậy, nhất định phải “*phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*” nhằm vãng sanh Tịnh Độ. Bởi lẽ, Tây Phương thế giới cũng là Nhất Chân pháp giới, cho nên

không phát Bồ Đề tâm sẽ không thể đến được. Do đây hiểu được sự trọng yếu của phát Bồ Đề tâm. Trong bốn mươi tám nguyện, nguyện thứ mười tám là “*mười niệm ắt được vãng sanh*”, nguyện thứ mười chín là “*phát Bồ Đề tâm*”. Do vậy, hai nguyện này hết sức trọng yếu!

Nếu bàn về khuôn mẫu để phát Bồ Đề tâm thì Đại Thừa Khởi Tín Luận là khuôn mẫu cho kẻ mới phát tâm. Vì thế gọi là Đại Thừa Khởi Tín. “Khởi” có phải là vừa mới bắt đầu hay không? Những lý luận, phương pháp được giảng trong Đại Thừa Khởi Tín Luận nếu quý vị đều làm được hết thì quý vị là bậc Phát Tâm Trụ Bồ Tát. Lại thừa cùng quý vị, những lý luận, phương pháp được giảng trong kinh Kim Cang nếu quý vị đều làm được hết thì cũng là bậc Phát Tâm Trụ Bồ Tát. Trong hết thầy mọi người, hết thầy sự, hết thầy vật, quý vị sẽ thật sự thực hiện “*chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*”. “*Chẳng chấp lấy tướng*” là bên ngoài đều buông xuống hết, chẳng chấp trước may mắn nào. Trong tâm tự tại, “*như như bất động*”, biết hết thầy pháp là mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng giống như ánh chớp. Đây chính là quý vị đã hiểu rõ, thấu suốt chân tướng của hết thầy pháp. Địa vị nào vậy? Phát Tâm Trụ Bồ Tát đấy!

Còn có những vị đồng tu ưa thích kinh Lăng Nghiêm, còn có người yêu cầu tôi giảng kinh Lăng Nghiêm. Hiện tại tôi không giảng Lăng Nghiêm, chứ trong quá khứ tôi đã giảng nhiều lần. Hai mươi lăm chương Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm chính là sự biểu diễn của hai mươi lăm vị Bồ Tát, các Ngài đều là Phát Tâm Trụ. Vì thế trong kinh Lăng Nghiêm, Quán Thế Âm Bồ Tát cũng là Phát Tâm Trụ, tức Sơ Trụ Bồ Tát; Đại Thế Chí Bồ Tát cũng là Sơ Trụ Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát có ba bộ kinh: Trong kinh Hoa Nghiêm, Ngài là Đệ Thất Hồi Hướng Bồ Tát; trong phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa, Ngài là Đẳng Giác Bồ Tát; trong hội Lăng Nghiêm, Ngài là Sơ Trụ Bồ Tát. Như vậy là địa vị của Quán Thế Âm Bồ Tát [trong mỗi kinh] khác nhau, công phu tu hành có cạn hay sâu khác nhau. Đây chính là điều chúng ta phải biết. Do vậy, Ngài là bậc “*gợi thân nơi Phát Tâm Trụ*”.

Tiếp đó là lời giải thích, thế nào là Phát Tâm Trụ? “*Duyên Phật thập lực*”: Ở đây chúng tôi lược bớt, không cần giảng cạn kẽ về mười loại lực của đức Phật. Khi giảng cạn kẽ sẽ phải tốn thời gian rất lâu. Trong quá khứ tôi đã giảng [Thập Lực] rất nhiều lần; nếu chưa hiểu rõ, hãy tra trong Phật Học Từ Điển và sách Giáo Thừa Pháp Số đều có. Nơi quả địa Như Lai có mười thứ năng lực thù thắng, Bồ Tát đều chẳng bằng được; Nhị Thừa, phàm phu hoàn toàn không có. Bồ Tát cũng có mười lực, danh xưng giống như mười lực của Như Lai, nhưng cảnh giới, công phu chẳng sánh bằng Phật. Vì vậy, nói: “*Duyên Phật thập lực, nhi phát chí cầu*”. Đây chính là phát nguyện mong làm Phật, giống như bên Thiên Tông, Lục Tổ đại sư đã kể trong Đàn

Kinh: Ngài đến núi Hoàng Mai tham lễ Ngũ Tổ, Ngũ Tổ hỏi Ngài: “Ông đến làm gì?” Ngài thưa: “*Con đến làm Phật*”. Ngài muốn đến làm Phật, chí hướng ấy rất lớn! Quý vị thấy mọi người đến đây, quý vị hỏi: “Các vị đến đây làm gì?” “Tôi đến để tiêu tai, tôi đến làm một chút công đức”. Họ đến làm những chuyện đó. Chúng tôi chưa hề nghe nói có một ai muốn đến làm Phật cả! Chưa từng nghe nói tới! Quý vị đều không có ý niệm ấy, làm sao quý vị có thể làm Phật cho được? Chí hướng quan trọng lắm! Bởi vậy, Lục Tổ mới có thể thành tựu, mở miệng ra đã khác hẳn kẻ khác, Ngài muốn làm Phật! “*Nhi phát chí cầu*” (Bèn phát khởi chí hướng mong cầu), phát ra cái tâm ấy, Ngài thật sự có cái tâm ấy, thật sự có sự hành trì ấy.

“*Khởi đại bi tâm, hạ hóa hàm thức*”: Ngài thật sự có thể thương cầu, hạ hóa. Quý vị thấy trong thời ấy, tuy Lục Tổ còn chưa xuống tóc, vẫn còn mang thân phận cư sĩ, tuổi lại còn rất trẻ. Khi Ngũ Tổ truyền y bát cho Ngài, Ngài chỉ mới hai mươi bốn tuổi. Người ta cầu đạo với Ngài, Ngài đều giảng rõ tường tận cho người ta, không bôn xén một chút pháp nào! Vì thế, chúng ta quan sát cận kề sự hành trì, phát tâm của Ngài sẽ thấy những điều ấy đều phù hợp với những điều được giảng trong kinh.

“*Bi Trí tương đạo*” (Bi và Trí hướng dẫn lẫn nhau), Bi khơi gợi trí huệ, trí huệ mở rộng tâm đại bi. “*Chủng Trí tương ứng*”: Chủng Trí là Nhất Thiết Chủng Trí, là trí huệ nơi quả địa Như Lai, là trí huệ tương ứng với Bát Nhã sẵn có trong tự tánh. Trí huệ ấy thường hiện tiền, giống như Lục Tổ đã nói. Ngài thưa với Ngũ Tổ: “*Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ*”. Thường sanh trí huệ như vậy chính là “*Bi Trí tương đạo, Chủng Trí tương ứng*”. Địa vị ấy chính là Phát Tâm Trụ, là hình trạng Sơ Phát Tâm, tướng ấy tốt lành. Quý vị phải hiểu rằng: Trong tâm thường sanh trí huệ tức là chẳng sanh phiền não, cái tâm này của chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm toàn là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, không có trí huệ. Nếu quý vị suốt ngày từ sáng đến tối vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều không có thì tâm quý vị thường sanh trí huệ, sẽ có tương ứng.

Nếu chúng ta hiểu được đạo lý này thì chân tướng sự thật cũng dần dần hiểu được mấy phần, vấn đề là chúng ta có thật sự muốn làm hay không? Vì sao chẳng làm được? Quý vị quá coi trọng thế duyên (duyên trong cõi đời), quý vị không biết hết thấy pháp thế gian hay xuất thế gian đều là mộng, huyễn, bọt, bóng, quý vị không biết! Nếu quý vị hiểu được rằng: Nói “*hết thấy pháp đều là mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng giống như tia chớp*” là nói thời gian tồn tại ngắn ngủi, tạm thời. Nếu quý vị thấy thấu suốt được chân tướng sự thật ấy, lẽ nào chẳng bỏ được? Tự nhiên sẽ buông xuống, buông xuống những gì? Buông xuống hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; sau đây quý vị sẽ sanh trí huệ, quý vị vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới. Sau khi đã vượt thoát, không gian hoạt động

của quý vị sẽ là tận hư không, trọn pháp giới. Phải tích cực học! Quý vị buông xuống một phần, được tự tại một phần; buông xuống hai phần, được tự tại hai phần. Quý vị không chịu buông xuống, đây gọi là nghiệp chướng; nếu nói khó nghe hơn thì sự thật đều là tội nghiệp. Tội nghiệp đây!

Quý vị có tiền, có tiền nhưng không buông xuống được, hễ buông xuống không được thì sẽ là tội nghiệp. Tôi có tiền cất trong ngân hàng, không buông xuống, tôi tạo tội gì? Bao nhiêu người khốn khổ trong thế gian thiếu hụt tiền bạc, quý vị không bố thí, quý vị chẳng tạo tội nghiệp thì ai tạo tội nghiệp đây? Vậy là quý vị tạo tội nghiệp. Người ta thường không hiểu được điều này, cứ cho là không có tội lỗi. Tương lai, sau khi chết đến chỗ vua Diêm La tra xét, mỗi một điều bày ra cho quý vị thấy, lúc ấy quý vị có hối hận đã không kịp nữa rồi! Vì thế, điều gì cũng phải xả, có xả mới có thể đạt được. Quý vị xem đó, Cát Tường Vân biết xả, nên Ngài đạt được gì? Ngài đắc Phát Tâm Trụ, Ngài đạt được điều này. Ngài đạt được, Ngài vượt khỏi mười pháp giới, Ngài đạt được điều ấy. Do vậy, sau khi xả nhất định có đạt được, bỏ nhiều, được nhiều, chẳng thể nghĩ bàn! Phật xả sạch sành sanh; vì thế Ngài đạt được viên mãn! Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phẩm Sanh Tướng Vô Minh⁷ chưa thể bỏ được, nên Ngài vẫn chưa đạt được viên mãn như Phật. Nếu bỏ được một phẩm Sanh Tướng Vô Minh ấy, Ngài sẽ viên mãn, Ngài sẽ đạt được viên mãn. Do vậy, phải nhớ kỹ “xả đắc”.

Gần như là sau khi tôi thấy được điều ấy, tôi cho khắc cái ấn chương (huy hiệu) này. Tôi khắc ở Tân Gia Ba, khắc chữ “xả đắc” rồi phóng to lên, bọn họ đem in, đặt ở ngoài [giảng đường] để tặng [cho mọi người]. Quý vị cầm về nhà xem, thường xuyên xem tới, phải xả, hễ xả sẽ đạt được. Nếu quý vị không xả thì hồng bát! Không xả thì lục đạo luân hồi không ra được đâu, có tội thì phải chịu mà! Vì thế, phải xả, đem những thứ ấy bỏ hết đi, nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật thì quý vị liền đạt được Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị muốn ở nơi này để làm gì? Nói thật ra, cho tôi trọn cả thế giới, tôi cũng không ham. Mời tôi lên cõi trời Đại Phạm làm thiên vương, tôi cũng chẳng làm. Tôi biết nơi đó là chỗ lừa gạt, là hầm bẫy; quyết định muốn tới thế giới Cực Lạc, tới thế giới Cực Lạc để thành tựu. So với năm mươi ba lần tham học càng thù thắng hơn, không có cách gì so sánh được! [Ngài Thanh Lương] giới thiệu về Phát Tâm Trụ [như vậy]. “*Văn cú lục đoạn*” (Kinh văn có đây đủ sáu đoạn): Trong phần kinh văn tiếp theo của chương này, có đủ cả sáu đoạn lớn như phần trên đã nói. Mỗi một chương đều theo cách chia đoạn này. Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng tôi giảng tới đây.

Tập thứ hai (12-03-02)

Xin mở quyển kinh, trang thứ hai, dòng thứ sáu. Xin đọc kinh văn:

Nhĩ thời Thiện Tài đồng tử tiệm thứ Nam hành, vãng Thắng Lạc quốc, đăng Diệu Phong sơn. Ư kỳ sơn thượng, Đông, Tây, Nam, Bắc, tứ duy, thượng, hạ, châu biến cầu mịch, kinh vu thất nhật, cánh bất năng kiến. Do vị cần cầu thiện tri thức cố, quyền xả thân mạng, vô cơ khát tưởng, chánh niệm quán sát, tâm an vô thoái.

爾時善財童子漸次南行，往勝樂國，登妙峰山。於其山上，東西南北，四維上下，周遍求覓。經于七日，竟不能見。由為勤求善知識故，捐捨身命，無飢渴想，正念觀察，心安無退。

(Lúc bấy giờ, Thiện Tài đồng tử theo thứ tự đi dần về phương Nam, tới nước Thắng Lạc, lên núi Diệu Phong. Ở trên núi, tìm tòi trọn khắp Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới trải qua bảy ngày, vẫn chẳng thể thấy [tỳ-kheo Cát Tường Vân]. Do vì siêng cầu thiện tri thức, lìa bỏ thân mạng nên không có ý tưởng đói khát, chánh niệm quán sát, tâm yên ổn, không lui sụt).

Đây là một tiểu đoạn. “*Nhĩ thời*” chỉ cho lúc Thiện Tài đồng tử mới đến đạo tràng của tỳ-kheo Cát Tường Vân. Trong lời chú giải, đại sư Thanh Lương dạy chúng ta đoạn thứ nhất là:

Y giáo thú cầu.

依教趣求。

(Vâng theo lời dạy, đi tới nơi ấy, tìm cầu)

Thông thường trong tình huống này, kinh văn thường có đoạn ghi Thiện Tài đồng tử nghĩ đến lời chỉ dạy, dạy bảo của vị thiện tri thức trước, rồi mới đến đoạn này⁸.

Thú cầu hậu hữu.

趣求後友。

(Đến nơi đó, tìm cầu vị thiện hữu kế tiếp)

Ở chỗ này, kinh văn thiếu một tiểu đoạn, chỉ có “*thú cầu hậu hữu*”, không có [đoạn sau đây]:

Niệm tiền hữu giáo.

念前友教。

(Nghĩ đến lời dạy của vị thiện hữu trước)

Không có phần văn tự này. Ý đại sư cho rằng:

Kim lược vô sơ nghĩa, hoặc tiền vị nhập vị, cố bất thuyết nhĩ.

今略無初義。或前未入位，故不說耳。

(Nay lược đi vì không có nghĩa trước, hoặc vị thiện tri thức trong phần trước chưa chứng nhập địa vị nên không nói tới)

Cách giải thích này cũng rất có lý. Giống như đi học, người ấy chẳng hề có học vị. Giống như hiện thời chúng ta đi học, ở Trung Học không có học vị, đến Đại Học mới có học vị. Trong pháp hội của Văn Thù Bồ Tát, trong hội Thập Tín ấy không có học vị. Đến Trụ địa (những địa vị thuộc Thập Trụ) mới có địa vị, mới có học vị. Vì thế không nói tới [pháp của vị thiện tri thức trong phần trước]. Từ đây trở đi, nói chung kinh văn đều có ý nghĩa này. Thế nhưng chúng ta thấy kinh văn đều luôn nói “*Thiện Tài đồng tử tiệm thứ Nam hành*”, phải hiểu rõ ý nghĩa này. Nói “*tiệm thứ Nam hành*” là kinh văn đã nêu chung, qua bản chú giải này, quý vị có thể thấy:

Tổng hiển Gia Hạnh.

總顯加行。

(Đều nhằm chỉ rõ Gia Hạnh)

Phương Nam tượng trưng cho quang minh, trong phần trước tôi đã thừa với các vị rồi. Vâng theo lời Văn Thù Bồ Tát chỉ dạy, Thiện Tài đi tới nước Thắng Lạc. Nước Thắng Lạc này cũng chẳng phải là thật sự có một nơi như vậy, hoàn toàn nhằm biểu thị pháp. Trong kinh Hoa Nghiêm, ý nghĩa biểu thị pháp hết sức nhiều, rất sâu, rất rộng! Nhất định phải chú tâm thấu hiểu điều này. “*Thắng*” là thù thắng, “*Lạc*” là sung sướng, ngụ ý: Địa vị Sơ Trụ so với hàng Thập Tín Bồ Tát vui sướng thù thắng hơn rất nhiều. Do vậy, gọi là nước Thắng Lạc, ý nghĩa là như vậy đó.

“*Dăng Diệu Phong sơn*” (Lên núi Diệu Phong): Núi này cũng nhằm biểu thị pháp, chứ không nhất định là thật sự có quả núi ấy. Núi có hai ý nghĩa:

1. Ý nghĩa thứ nhất, biểu hiện tịch tĩnh, bất động, ngụ ý: Người tu học khế nhập cảnh giới này, sáu căn tiếp xúc sáu trần bên ngoài có thể “như như bất động”. Tâm vị ấy định như núi, giống như một quả núi, dùng ý nghĩa này.

2. Ý nghĩa thứ hai là núi cao. Ở trên đỉnh núi là lên cao, nhìn ra xa, chỗ rất xa quý vị đều thấy được. Điều này biểu thị chứng đắc địa vị Sơ Trụ, trí huệ mở mang. Phần trên có nói “*mở mang trí huệ trong tự tánh*”. Do vậy, đối với vạn sự, vạn vật, nhất định người ấy (tức người chứng địa vị Sơ Trụ) quán sát thù thắng hơn Thập Tín Bồ Tát rất nhiều. Do vậy, dùng núi để tỷ dụ, đều là tỷ dụ công đức Định - Huệ của Sơ Trụ Bồ Tát vượt trội hàng Thập Tín Bồ Tát. Thập Tín không có địa vị, nguyên nhân là trong Tín vị thường có thoái chuyển, tiến tiến, lùi lùi. Nhập Sơ Trụ sẽ không lùi nữa.

Trong Tịnh Tông chúng ta nói tới ba thứ Bất Thoái (Tam Bất Thoái). Nói thật ra, các vị Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo đều chứng đắc ba thứ Bất Thoái này, chứ không chỉ là Vị Bất Thoái! Trong phần trước chúng tôi đã giải thích rồi, Vị Bất Thoái là tỷ dụ. Chứ trên thực tế, các vị ấy là Hạnh Bất Thoái và Niệm Bất Thoái. Niệm ấy là niệm niệm lưu nhập biển Tát Bà Nhã. Tuy chứng được ba thứ Bất Thoái, nhưng chưa hoàn toàn viên mãn. Quý vị nhất định phải hiểu ý nghĩa này. Trong bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, ai chứng được viên mãn ba thứ Bất Thoái? Theo cách nói thông thường là Pháp Vân Địa Bồ Tát, tức Thập Địa, tức Bồ Tát thuộc về địa vị thứ mười trong Thập Địa, tu trọn ba đại A Tăng Kỳ kiếp, mới gọi là Viên. Từ Cửu Địa đến Thập Địa còn chưa Viên, còn thiếu một phần. Do vậy, viên chứng tam Bất Thoái là Tịnh Độ. Vãng sanh Tịnh Độ, dẫn cho là Hạ Hạ phẩm vãng sanh trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ, hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là viên chứng ba thứ Bất Thoái. Vì thế, quý vị mới biết bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong kinh Hoa Nghiêm chẳng thể bằng người vãng sanh Tịnh Độ. Nhất định phải biết điều này thì mới thấy rõ được Tịnh Độ thù thắng khôn sánh. Nếu hiểu rõ đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật này, nói thật ra, điều gì quý vị cũng buông xuống được, suốt ngày từ sáng đến tối một câu A Di Đà Phật là đủ rồi, đâu cần phải lặn lội nơi bộ kinh Hoa Nghiêm lớn như thế này nữa! Tịnh Độ thật sự thù thắng khôn sánh. Quý vị không đọc Hoa Nghiêm không biết Niệm Phật thù thắng, đọc Hoa Nghiêm xong mới biết Niệm Phật là thù thắng.

Như vậy là Thiện Tài đến núi này, đến núi Diệu Phong, đến nơi đi tìm thiện hữu, tức là đi tìm tỷ-kheo Cát Tường Vân. Ngài tìm suốt bảy ngày, tìm không ra. Tuy bảy ngày không gặp được, Ngài trọn chẳng ngã lòng. “*Vị cần*

cầu thiện tri thức cố, quên xả thân mạng, vô cơ khát tướng” (Do vì siêng cầu thiện tri thức, lìa bỏ thân mạng nên không có ý tưởng đói khát). Ba câu này dạy chúng ta thái độ cầu học, phải nên có thái độ tới cầu học như vậy. *“Chánh niệm quán sát, tâm an vô thoái”* (Chánh niệm quán sát, tâm yên ổn, không lui sụt). Chúng ta xem lời giải thích của đại sư Thanh Lương từ trang thứ ba trở đi. Mọi người hãy giữ qua, từ trang thứ ba, ta đọc thấy:

Kiến tâm trắc vị, cố viết đăng sơn.

見心陟位，故曰登山。

(Thấy tâm, đạt đến địa vị, nên gọi là “lên núi”)

Ý nghĩa biểu thị thật sự của “*đăng sơn*” không phải là bảo quý vị trèo núi. “*Kiến tâm*” là minh tâm kiến tánh như trong nhà Thiền hay nói. Thiền Tông nói “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”; kiến tánh là thành Phật rồi. Ở chỗ này chính là Sơ Trụ Bồ Tát, tức Sơ Trụ Bồ Tát đã thành Phật. Đây là chân Phật, không phải là giả Phật, kiến tánh sẽ thành Phật. Trong phẩm Phổ Môn có nói Bồ Tát muốn sang thế giới ở phương khác để giáo hóa chúng sanh, hễ nên dùng thân Phật để độ được, Ngài liền hiện thân Phật để thuyết pháp. Sơ Trụ Bồ Tát có năng lực hiện thân Phật. Quý vị niệm Vô Lượng Thọ Kinh rất thuần thực, trong phẩm thứ hai của Vô Lượng Thọ Kinh [đoạn nói về] Bồ Tát hoàng nguyện độ sanh, trong các thứ thị hiện đã nêu ra một thí dụ, tức “*tám tướng thành đạo*”. “*Tám tướng thành đạo*” là hạng người nào? Bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo đã có năng lực này, có tư cách thị hiện tám tướng thành đạo. Gặp được kẻ có duyên phận, đáng nên dùng thân Phật để độ được bèn thị hiện tám tướng thành đạo. Đây chính là “*kiến tâm, trắc vị*” (thấy được tâm, đạt đến địa vị), dùng chuyện lên núi để tỷ dụ.

Trí giám vị hạnh, vi biến quán sát.

智鑒位行，為遍觀察。

(Trí soi thấu địa vị và hạnh, đây là “quán sát trọn khắp”)

Ngài ở trên núi, Ngài muốn tìm kiếm thiện tri thức, quán sát bốn phía. Ý nghĩa của chữ “*quán sát*” chính là [vận dụng] trí huệ của Ngài, trí huệ có [khả năng] chiếu soi. Chữ “*kiến*” ở đây có nghĩa là “*chiếu*”, tức “*chiếu kiến*” (soi thấy). Năm mươi một địa vị của Bồ Tát từ Sơ Phát Tâm đến khi viên mãn thành Phật, Ngài đều thấy rõ ràng, rành mạch. Đây chính là ý nghĩa của chữ “*biến quán sát*”.

Tình hoài đắc chỉ, danh vi tầm cầu.

情懷得旨，名為尋求。

(Lòng mong lãnh hội tông chỉ thì gọi là “tầm cầu”)

Ý nghĩa của việc Ngài tìm cầu thiện tri thức là ở chỗ này. “*Chỉ*” là tông chỉ. Tông chỉ là Tánh Đức, trong Tánh Đức sẵn có đức năng, trí huệ. Do đây biết rằng: Phật pháp xưng là nội học, “nội” là hướng đến tự tánh để tìm cầu, chứ không bảo quý vị cầu pháp ngoài tâm. Trong kinh Đại Thừa, Phật gọi cầu pháp ngoài tâm là ngoại đạo. Vì thế, chữ “*ngoại đạo*” không phải là khinh thường người ta, cũng không phải là chửi người ta. Ngoại đạo là cầu pháp ở ngoài tâm thì gọi là ngoại đạo; mang ý nghĩa phân biệt với nội học. Từ Sơ Trụ trở đi đều là tìm cầu trong tâm tánh, tuyệt đối chẳng phải là tìm cầu nơi cảnh giới, không thể được! Tiếp xúc cảnh giới thì sẽ từ nơi cảnh giới mà quay đầu, cầu nơi tự tánh. Giống như trong hội Lăng Nghiêm, Quán Thế Âm Bồ Tát đã dạy chúng ta, Ngài bảo phương pháp tu hành của Ngài là “*phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo*” (Xoay cái Nghe trở lại nghe nơi tự tánh, tánh trở thành vô thượng đạo). Bồ Tát mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, sáu căn đều đụng chạm cảnh giới bên ngoài, nhưng Ngài dụng tâm, Ngài trông thấy bên ngoài bèn có thể hồi quang phản chiếu, Ngài có thể quay về nơi tự tánh. Đây là công phu tuyệt vời của Ngài. Ngài chẳng nắm níu cảnh bên ngoài, Ngài hướng vào bên trong để quán chiếu. Quán Thế Âm Bồ Tát tu hành thành tựu là do dùng phương pháp này, “*phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo*”. “*Tầm cầu*” có nghĩa là “lòng mong lãnh hội được tông chỉ”.

Thất Giác Trợ đạo, vân kinh thất nhật.

七覺助道，云經七日。

(Thất Giác Trợ đạo gọi là “qua bảy ngày”)

Trải qua bảy ngày, Ngài không thấy được [vị thiện tri thức]. Con số bảy ấy biểu thị Thất Giác Chi trong ba mươi bảy đạo phẩm. Nói chung, ba mươi bảy đạo phẩm được chia thành bảy khoa, tức là bảy loại lớn. Ở đây là loại thứ sáu, tức là Thất Bồ Đề Phần. Loại thứ tám là Bát Thánh Đạo. Ở đây, bảy ngày tượng trưng cho Thất Giác Chi. Thất Giác Chi trợ đạo nên nói là “*bảy ngày*”.

Pháp vô sở đắc, vi cánh bất kiến.

法無所得，為竟不見。

(Không có pháp nào để đắc, là “trợn chẳng thấy”)

Thấy được hay không? Quyết định không thấy được. Nếu thấy được thì đâu phải là tâm tánh! Tâm tánh không có dấu vết, hình tượng. Không thấy chính là chân chánh thấy được. Nếu quý vị thật sự có thấy thì quý vị đã sai rồi. “*Không có pháp nào để được*” thì gọi là “*chẳng thấy*”.

Yếu tu vong hoại, vi tuyệt chư tướng.

要須忘懷，為絕諸想。

(Cần phải bỏ những điều ôm giữ là “dứt tuyệt các điều suy tưởng”)

Từ đây trở đi [kinh văn] đều dạy chúng ta về phương pháp dụng công. Bởi vậy, đọc Hoa Nghiêm hết sức khó khăn; nếu chẳng hiểu được những nghĩa bao hàm trong ấy, tức là như người ta thường nói [nghe được] “âm thanh nằm ngoài dây đàn”, quý vị đọc kinh Hoa Nghiêm như đọc tiểu thuyết hoặc đọc chuyện cổ tích, tưởng là Thiện Tài đồng tử thật sự trèo lên núi tìm kiếm thiện tri thức. Đâu biết rằng trong từng câu từng chữ đều chứa đựng nhiều ý nghĩa trong ấy, làm sao quý vị hiểu được? Bởi vậy, kinh Hoa Nghiêm khó khăn là ở chỗ này. “*Nếu không có ai giảng Phật pháp, dầu có trí vẫn chẳng thể hiểu được*”. Quý vị đã hiểu làm ý nghĩa, thuận theo vọng tưởng của chính mình để suy tưởng kinh văn, hoàn toàn lầm mất rồi!

Tịch bất thất chiếu, vi chánh quán sát.

寂不失照，為正觀察。

(Vắng lặng nhưng chẳng mất công năng quán chiếu, đây là quán sát đúng đắn)

Điều này rất quan trọng, chúng ta đang là phàm phu không làm được. Chúng ta có Tịch liền không có Chiếu, hễ Chiếu bèn chẳng Tịch, rất ít người thực hiện được “Tịch - Chiếu đồng thời”. Tịch là gì? Tịch là tâm thanh tịnh. Chiếu là hiểu rõ ràng, rành rẽ hết thấy mọi cảnh giới. Tịch Chiếu phải đồng thời, Tịch mà thường Chiếu, Chiếu nhưng thường Tịch. Cảnh giới của bậc Bồ Tát trong Viên Giáo từ Sơ Trụ trở lên là lục căn của họ tiếp xúc cảnh giới sáu trần nhưng Tịch Chiếu đồng thời. Họ thấy rõ ràng rành mạch, nhưng trong tâm như như bất động; như như bất động là Tịch, rõ ràng rành mạch là Chiếu. Đây gọi là Tịch Chiếu đẳng trì (giữ cân bằng Tịch và Chiếu). Tịch là Định, Chiếu là Huệ, Định - Huệ đồng thời, đây mới là dụng tâm của chư Phật, Bồ Tát.

Hy ly khinh mao, tâm an bất động.

希離輕毛，心安不動。

(Rời bỏ hết thấy những mong mỏi, xem nhẹ như sợi lông, tâm sẽ an ổn, bất động)

Ở đây, “*khinh mao*” là nói tỷ dụ. “*Ly*” là lia hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì tâm quý vị mới an, quý vị mới bất động. Bất động thì Tịch Chiếu mới có thể hiện tiền. “*Khinh mao*” (Sợi lông nhẹ tênh) là tỷ dụ hết thấy pháp thế gian lẫn xuất thế gian chẳng đáng để vướng mắc, chẳng đáng để lưu luyến, chẳng đáng để chấp trước, hãy buông xuống hết thấy! Buông xuống thì tâm quý vị mới an, quý vị mới có thể chứng được cảnh giới “tâm an, bất động”. Khi ấy, chân tâm sẽ hiện tiền. Đại sư Thanh Lương giảng rõ cho chúng ta biết ý nghĩa ẩn chứa trong đoạn kinh văn này. Ấy chính là ý nằm ngoài lời, đây là chỗ khó khăn trong Phật pháp, đặc biệt là kinh Đại Thừa. Nếu hiểu ý nghĩa theo lời văn là hỏng rồi. Cổ nhân thường nói: “*Y văn giải nghĩa, tam thế Phật oan*”; ba đời chư Phật đều kêu oan uổng, ý Phật không phải là như vậy, quý vị hoàn toàn hiểu lầm mất rồi!

Trong đoạn kinh văn tiếp theo đó, đại sư đặc biệt nói rõ cho chúng ta biết nguyên tắc giải thích kinh điển:

Nhiên tiên đức thích kinh, thông hữu tứ lệ.

然先德釋經，通有四例。

(Nhưng cổ đức giải thích kinh điển, thường theo bốn lối)

“*Tiên đức*” là bậc tiền bối. Cổ nhân giải thích kinh điển thông thường có bốn phương cách, cũng tức là có bốn nguyên tắc.

Nhất tùy tướng tiêu văn, nhị dĩ giáo giải biệt, tam bản tích dung hội, tứ quán tâm hư cầu. Nhất văn, nhất nghĩa, vãng bất giai nhĩ.

一隨相消文。二以教揀別。三本跡融會。四觀心虛求。一文一義，罔不皆爾。

(Một là dựa theo văn tự để giải thích ý nghĩa, hai là dùng giáo để phân biệt, chọn lựa, ba là dung hội giữa Bản và Tích, bốn là quán tâm, chẳng có lòng mong cầu. Mỗi một chữ, mỗi một nghĩa, không gì chẳng đều như vậy)

“*Nhất văn*” là một chữ, mỗi một chữ, mỗi một câu đều dùng bốn phương pháp này để giải thích. Bọn phàm phu chúng ta thường chỉ có một loại đầu là “*tùy tướng tiêu văn*”, những loại sau đều không có. “*Tùy tướng*

tiêu văn” là dựa theo văn tự để hiểu nghĩa. Cách này dễ nói, rất nông cạn, nói như thế mọi người đều rất dễ hiểu, không có vấn đề gì! Bốn nguyên tắc giải thích kinh văn này được vận dụng rất sống động, trọn chẳng phải là chấp chặt, hẹp hòi. Phải thấy được nghĩa thú của kinh văn, có những phần kinh văn rất sâu, có phần trọn chẳng có ý nghĩa sâu xa gì, chứ không phải là câu nào cũng đều có ý nghĩa sâu xa. Do vậy, trong văn tự ấy có Khách, có Chủ. Phần ý nghĩa được chứa đựng trong phần Chủ rất sâu, phần Khách là kèm thêm, nông cạn hơn. Vì thế vận dụng những nguyên tắc này phải biết lấy và bỏ.

Kim thông dụng chi, tùy tiện thủ xả, khoan văn dụng sơ nghĩa.

今通用之，隨便取捨。寬文用初義。

(Nay đều áp dụng cả bốn cách ấy, tùy tiện lấy hay bỏ, đối với phần kinh văn giải nói rộng rãi thì áp dụng nghĩa thứ nhất)

Chữ “*khoan*” ở đây là đối với phần văn tự nhằm giải thích thì sử dụng ý nghĩa thứ nhất tức là giải thích rộng rãi ý nghĩa.

Nghĩa hàm dụng đệ nhị.

義含用第二。

(Với những phần kinh văn chứa đựng nhiều ý nghĩa thì dùng cách thứ hai)

Trong phần này chứa đựng nhiều ý nghĩa rất sâu, vậy thì phải dùng Giáo để phân biệt, chọn lựa. Trong Giáo có Lý, Hạnh, Quả. Giáo tương của Phật có bốn loại: Giáo, Lý, Hạnh, Quả. Giáo là ngôn ngữ, văn tự. Trong ngôn ngữ, văn tự có nói đến đạo lý, có lý luận, trừ lý luận ra, còn có phương pháp tu hành. Chiếu theo phương pháp ấy để tu hành sẽ có thể nâng cao cảnh giới của chính mình, sẽ bèn chứng quả. Do vậy, dùng phương pháp ấy để nói rõ những ý nghĩa được chứa đựng trong đoạn kinh văn ấy.

Ý lạm dụng đệ tam.

意濫用第三。

(Ý nghĩa mênh mông quá thì dùng cách thứ ba)

Chữ “*lạm*” ở đây là nói nhiều. [Nếu kinh văn] lăm ý nghĩa quá, rộng quá, thì dùng cách thứ ba, tức là dùng cách dung hội Bốn và Tích. Giống như kinh Pháp Hoa có nhiều đoạn giống như vậy nhất, mỗi một chữ, mỗi

một câu không chỉ có một ý nghĩa mà còn chứa đựng rất nhiều ý nghĩa, vậy thì phải áp dụng nguyên tắc thứ ba. Ý nghĩa thứ tư là:

Tự lạm sư tâm.

似濫師心

(Đường như có ý kiến vượt trội hơn thầy)

Đây là ý nghĩa thứ tư. Chúng ta không thể học theo nguyên tắc thứ tư được. Vì sao vậy? Nếu chúng ta học theo sẽ đổ bệnh, nhất định sẽ giảng sai kinh. Nói thật ra, ngày nay chúng ta giảng kinh chỉ có thể dùng được hai cách đầu thì đã coi như là khá lắm rồi, quý vị đã là một kẻ giỏi giang rồi đấy! Đối với hai điều sau, nếu chính mình chưa chứng nhập cảnh giới, chắc chắn sẽ không thể làm được. Đặc biệt là điều cuối cùng, điều cuối cùng giống như cách “phát huy nghị luận” mà hiện thời chúng ta thường nói. “*Phát huy nghị luận*” là gì? Là ý kiến của chính mình, kiến giải độc đáo của chính mình. Kiến giải ấy của quý vị có phải là kiến giải của Phật hay chăng, hay vẫn là ý kiến của chính quý vị đấy? Nếu đúng ý Phật thì không sao! Quý vị giảng kinh sẽ không giảng trật. Nếu là ý kiến của chính quý vị thì quý vị đã giảng kinh trật mất rồi, phải gánh chịu trách nhiệm nhân quả đấy nhé!

“*Tự lạm sư tâm*” là tâm [có những kiến giải, suy nghĩ] vượt ra ngoài [những điều đã được nói rõ trong] pháp của thầy, điều này chỉ có bậc đại Bồ Tát mới có thể làm được! Chẳng hạn như trong bộ Đại Trí Độ Luận của Long Thọ Bồ Tát, Ngài phát huy rất nhiều điều, những điều được Ngài phát huy quả thật là ý Phật, không sai chạy! Trong bộ Du Già Sư Địa Luận của Di Lặc Bồ Tát cũng có rất nhiều điều được phát huy. Di Lặc là Đẳng Giác Bồ Tát, những điều Ngài nói ra quả thật là ý Phật, cho nên chú giải của Ngài được gọi là Luận. Nếu chẳng phải là địa vị như vậy, phát huy nghị luận phải hết sức chú tâm cẩn thận, chỉ sợ trái nghịch ý nghĩa kinh điển, trái nghịch ý Phật, phải gánh lấy trách nhiệm nhân quả quá to!

Đắc thủ nhất môn, phi số tha bảo.

得此一門，非數他寶。

(Đạt được một môn này, sẽ không đếm vật báu của người khác)

Nếu quý vị đạt được ý nghĩa thứ tư này, quý vị đã minh tâm kiến tánh rồi. Do vậy, kiến giải của quý vị rất gần với kiến giải của Phật, rất tương tự, những gì quý vị nói sẽ là tự tánh Hoa Nghiêm, những gì quý vị giảng sẽ là tự tánh Hoa Nghiêm, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật giảng Hoa Nghiêm không hai, không khác, do vậy sẽ “*không đếm vật báu của người khác*” nữa.

Thế nhưng, điều này nhất định là phải kiến tánh rồi mới có thể làm được. Long Thọ là Sơ Địa Bồ Tát, trong kinh đức Phật đã từng thọ ký cho Ngài. Di Lạc Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, đương nhiên không có vấn đề gì! Chúng ta phải đặc biệt lưu ý điều này. Nếu chưa chứng được địa vị ấy thì tâm chúng ta vẫn còn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nếu muốn học theo cách hành trì ấy của hàng Bồ Tát sẽ không thể nào chẳng tạo nghiệp được. Đoạn tiếp theo viết:

Thác sự hiển pháp, kinh văn thậm đa, khinh thử nhất môn, giải thoát du viễn.

託事顯法，經文甚多，輕此一門，解脫逾遠。

(Nhờ vào sự dễ làm rõ pháp, có rất nhiều đoạn kinh văn như vậy. Coi thường một môn này thì sự giải thoát sẽ càng xa)

Câu này nhằm bảo với chúng ta: Đối với bộ kinh này, điều cần phải lưu ý là hết thảy những sự được nói tới trong bộ kinh này đều nhằm giảng Phật pháp, đều nhằm hiển thị vô thượng diệu pháp. Trong kinh văn quả thật có rất nhiều [chỗ như vậy], chúng ta phải chú ý. Nếu không chú ý, chúng ta sẽ chẳng đạt được lợi ích, công đức, quý vị sẽ càng ngày càng cách xa đạo giải thoát. Nếu quý vị thấu hiểu được, khế nhập được, chắc chắn kinh này sẽ ban cho quý vị pháp hỷ sung mãn.

Cô hạ thích hữu y chánh đẳng pháp, đa dụng thử môn. Nhược ước sự tướng, tướng đa dị liễu.

故下釋友依正等法，多用此門。若約事相，相多易了。

(Vì thế trong phần tiếp theo, khi giải thích những pháp như y báo, chánh báo của các vị thiện hữu, phần nhiều áp dụng môn này. Nếu noi theo sự tướng thì tướng nhiều sẽ dễ hiểu).

Do vậy đại sư Thanh Lương chú giải bộ kinh này đặc biệt chú trọng khía cạnh này. Nếu như trong kinh văn có những sự tướng, mọi người vừa đọc liền hiểu rõ thì chẳng cần phải giải thích nữa! Chúng ta xem đoạn kinh văn tiếp theo:

Quá thất nhật dĩ, kiến bỉ tỳ-kheo tại biệt sơn thượng, từ bộ kinh hành.

過七日已，見彼比丘在別山上，徐步經行。

(Sau bảy ngày, thấy vị tỳ-kheo ấy ở trên ngọn núi khác, đi kinh hành thông thả).

Qua bảy ngày rồi mới thấy được, Thiện Tài đồng tử thấy được thiện tri thức. Thấy thiện tri thức không ở trên núi này mà ở trên đỉnh núi khác, thấy vị ấy đi kinh hành thông thả ở nơi đó. “*Từ bộ*” là tản bộ, đi chậm chậm, giống như khi chúng ta niệm Phật, niễu Phật. Niễu Phật chính là “*từ bộ kinh hành*”. Nói thật ra, Ngài thật sự đang niệm Phật. Xem ra kinh văn rất dễ hiểu; chúng ta đọc lời chú giải của đại sư Thanh Lương càng khó hiểu, càng xem càng thấy khó. Lời chú giải ấy mới thật sự có ý vị. Xin hãy đọc đoạn chú giải thứ nhất. Đây là đoạn thứ hai trong sáu đoạn lớn; đoạn thứ hai là:

Kiến kính, tứ vấn.

見敬諮問。

(Trông thấy, lễ kính, xin thưa hỏi)

Trong đoạn thứ hai có ba chuyện. Từ chữ “*qua bảy ngày*” trở đi, đoạn kinh văn này là “*kiến kính tứ vấn*”. Ở nơi đây lại chia thành ba đoạn nhỏ.

Sơ kiến, thứ kính.

初見。次敬。

(Thoạt đầu là thấy, kế tiếp là kính)

Đoạn thứ hai là kính, đoạn thứ ba là Ngài (tức Thiện Tài đồng tử) muốn nêu ra câu hỏi.

Hạ đa lệ thứ.

下多例此。

(Những phần sau đa số theo lệ này)

Từ đây trở đi, đa số những phần kinh văn nói về thiện hữu đều được chia đoạn theo cách này, nay giảng đoạn thứ nhất: Sau bảy ngày.

Ly Thất Giác tướng.

離七覺相。

(Lìa tướng trạng của Thất Giác Chi)

Ở đây chúng tôi giảng đơn giản về Thất Giác. Những vị đồng tu lâu năm ắt sẽ đều rất quen thuộc [khái niệm] này, nó chính là Thất Giác Chi trong ba mươi bảy Đạo Phẩm.

Thứ nhất là Trạch Pháp, Trạch (擇) là chọn lựa. [Trạch Pháp] là chọn lựa pháp môn, phải chọn lựa pháp thích hợp với căn tánh của chính mình, thích hợp với trình độ của chính mình, thích hợp với hoàn cảnh sống của chính mình. Quý vị chọn lựa pháp môn như thế để tu học sẽ cảm thấy rất dễ dàng. Nếu chọn lựa pháp môn không hợp với trình độ của chính mình, gây trở ngại cho cuộc sống của chính mình, thì quý vị tu học rất khó khăn, không dễ dàng. Do vậy, điều thứ nhất là Trạch Pháp.

Điều thứ hai là phải tinh tấn. Sau khi chọn lựa, quý vị thâm nhập một môn. Tinh là tinh thuần không tạp, Tấn là tiến lên không lùi.

Điều thứ ba là Hỷ Giác Chi, tức là pháp hỷ sung mãn. Quý vị tu học vui sướng, chẳng cảm thấy “ta học Phật khổ quá chừng!” Học khổ quá tức là quý vị học sai mất rồi! Người học Phật nhất định học rất sung sướng, như vậy là đúng pháp, công phu đắc lực!

Điều thứ tư là Khinh An. Khinh An nhìn từ chỗ nào? Nhìn từ tinh thần và thể lực của quý vị, nhất định quý vị cảm thấy được điều tốt đẹp này. Điều này giống như điều được con người hiện nay gọi là “cải biến thể chất”. Nếu học Phật công phu đắc lực, dung mạo sẽ biến đổi, thể chất cũng biến đổi. Những kẻ coi tướng, tiên đoán số mạng đều hiểu chuyện “tướng chuyển theo tâm”. Tâm người ấy thanh tịnh, mỗi ngày càng thanh tịnh hơn, phiền não nhẹ dần, phiền não ít đi. Phiền não nhiều, người ấy tỏ ra nặng nề, vụng về, chuyện gì cũng đều thấy rất nặng nề, vụng về, trong tâm dường như chịu áp lực nặng nề, cảm thấy rất nặng gánh, thân thể cũng như thế, hành động đều rất vụng về, nặng nề! Nếu như công phu đắc lực, trong tâm ít phiền não. Phiền não ít thì lo sầu ít, vọng niệm ít, tâm người ấy cũng thanh tịnh. Khi đó, tâm thanh tịnh, thân cũng nhẹ nhàng, đi đứng nhẹ nhàng, nhanh nhẹn khác hẳn, quả thật là khác biệt. Vì vậy, Khinh An nói theo cách hiện thời là “cải biến thể chất”, thay đổi dung mạo. Dung mạo là tướng chuyển theo tâm, càng ngày càng thanh tịnh, càng ngày càng từ bi.

Điều thứ năm và điều thứ sáu là vấn đề công phu. Điều thứ năm là Niệm, điều thứ sáu là Định. Đây là nói về công phu. Điều thứ bảy nói tới Hành Xả. Hành Xả là buông xuống. Có thể nói là Bồ Tát đạo từ Sơ Phát Tâm cho đến tận địa vị Như Lai không có gì khác cả, đều phải buông xuống, phải bỏ được! Đây là Thất Giác Chi, ở đây tôi chỉ nói đại ý.

“*Ly Thất Giác tướng*”, Ngài có tu Thất Giác hay không? Ngài có tu, tuy tu nhưng đã không còn chấp vào tướng tu hành. Chúng ta gọi là “*tu mà vô tu, vô tu mà tu*”. “*Vô tu*” không phải là chẳng tu gì hết, Ngài thật sự tu. Tuy

tu nhưng không chấp tướng; cho nên nói: Vô tu và tu đồng thời, không có trước - sau, không có sai biệt, chúng đồng thời viên mãn. Đây gọi là “*liạ tướng trạng Thất Giác là qua bảy ngày*”. Từ ngữ “*qua bảy ngày*” nhằm biểu thị ý nghĩa này!

Vong sở trụ vị, phương vi đắc chí.

忘所住位，方為得旨。

(Quên địa vị đã trụ thì mới là đạt được tông chỉ)

Ngài hiện đang là Sơ Trụ Bồ Tát, nếu tự mình cảm thấy “nay ta đã đắc Sơ Trụ Bồ Tát”, quý vị nghĩ xem vị ấy đã chứng được Sơ Trụ hay chưa? Chưa chứng được, vẫn là phàm phu! Vì sao là phàm phu? Vì vị ấy vẫn còn phân biệt, vẫn còn chấp trước. Chứng được địa vị ấy rồi thì cũng quên sự chứng đắc ấy luôn, cũng có nghĩa là những phân biệt, chấp trước ấy đều không còn nữa. Nói vị ấy là Sơ Trụ Bồ Tát là do người khác nói, chứ tự vị ấy không hề bảo mình là Sơ Trụ Bồ Tát. Trong tương lai vị ấy chứng nhập Sơ Địa Bồ Tát, chính vị ấy cũng trọn chẳng hề cảm thấy chính mình là Sơ Địa Bồ Tát. Thành Phật rồi vị ấy cũng chẳng cảm thấy chính mình là Phật. Nếu vị ấy cảm thấy chính mình đã thành Phật thì thừa cùng quý vị, vị ấy chẳng khác gì chúng ta cả, vẫn còn có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Do vậy, từ đây trở đi, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều hoàn toàn liả bỏ, không giống như những người trong mười pháp giới. Trong mười pháp giới vẫn còn có phân biệt.

Vong sở trụ vị.

忘所住位。

(Quên địa vị đã trụ)

Tâm Ngài thật sự thanh tịnh thì mới gọi là “*đắc chí*”. “*Chí*” ở đây là tự tánh công đức, [tâm thật sự thanh tịnh] thì điều này mới hiện tiền. Hễ có một chút xíu phân biệt, chấp trước thì tự tánh bị chướng ngại, chẳng thể hiện tiền được! Đại Thừa Bồ Tát tu hành không có gì khác cả, chỉ là tu điều này. Vậy thì chúng ta đọc kinh này, cảm thấy hết sức hồ thẹn. Chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần vẫn phân biệt, chấp trước. Chẳng những phân biệt, chấp trước, mà còn nghiêm trọng nữa, ngày nào mới thành tựu được đây? Chúng ta nhất định phải cảnh giác điều này. Nói cách khác, tuy chúng ta chưa đạt đến cảnh giới Bồ Tát thì tối thiểu cũng phải là điều gì có thể không phân biệt thì đừng phân biệt nữa, điều gì có thể không chấp trước thì đừng chấp trước nữa. Những gì có thể không phân biệt, không chấp

trước? Chuyện của người khác! Chuyện của người khác mà chúng ta cũng phân biệt, chấp trước, quý vị chẳng kêu oan uổng hay sao? Phân biệt, chấp trước chuyện của chính mình thì còn tha thứ được, chứ chuyện của người ta không ăn nhập gì đến mình mà ta cũng phân biệt, chấp trước, lầm lẫn quá lớn rồi! Trước hết phải học đừng bận tâm đến những chuyện thừa thãi tức những chuyện của người ta không liên can đến mình, hãy học từ chỗ này. Dần dần sẽ làm cho cái tâm của ta thanh tịnh, an định, quyết định sẽ có ích, có chỗ hay cho sự tu hành của chúng ta. Tiếp theo là:

Cố kiến tại biệt sơn, kiến tức Định Huệ song lưu.

故見在別山。見即定慧雙流。

(Cho nên thấy ở ngọn núi khác, “thấy” chính là Định và Huệ cùng lưu xuất)

Bình đẳng gìn giữ Định lẫn Huệ!

Vi kinh hành từ bộ.

為經行徐步。

(Là đi kinh hành từ từ)

Dùng từ ngữ “*kinh hành từ bộ*” để hình dung. Phần tiếp theo nói với chúng ta:

Từ tức thị Chỉ, bất trụ loạn tưởng.

徐即是止，不住亂想。

(Từ chính là Chỉ, chẳng trụ trong loạn tưởng)

Đây chính là lìa phân biệt, chấp trước. Dùng chữ “*từ bộ*” để tỷ dụ sự lìa phân biệt, chấp trước.

Hành tức thị Quán, bất trụ tĩnh tâm.

行即是觀，不住靜心。

(Hành chính là Quán, chẳng trụ vào tâm vắng lặng)

Nếu quý vị trụ vào cái tâm vắng lặng, trụ vào cảnh giới thanh tịnh, quý vị lại làm mất rồi, quý vị biến thành A La Hán, Bích Chi Phật, biến thành Tiểu Thừa! Hai bên đều chẳng trụ! Từ nay trở đi, đây là cơ sở tu hành của bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Phần tiếp theo là:

Nhược ước sự tướng, tức chánh tu tập Ban Châu tam-muội.

若約事相，即正修習般舟三昧。

(Nếu ước theo sự tướng, chính là đang tu tập Ban Châu tam-muội)

Tu tập điều gì? Tỳ-kheo Cát Tường Vân tu tập điều gì? Từ kinh văn chúng ta không thấy được, chúng ta thấy không ra. Tới khi tổ sư giảng giải, chúng ta hiểu rõ liền. Ngài đi kinh hành thông thả, chính là đang tu tập Ban Châu tam-muội. Ban Châu tam-muội là gì? Người niệm Phật chúng ta phải biết! Ban Châu (Pratyutpanna) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán có nghĩa là “*Phật lập*” (佛立)。Lập (立) là chữ Lập trong kiến lập (建立), Phật lập (kiến lập ngôi vị Phật). Trong đây có ba ý nghĩa:

- Thứ nhất là oai lực của Phật. Nói thật ra là sức bốn nguyện oai thần của A Di Đà Phật, mà cũng là oai lực của mười phương hết thảy chư Phật Như Lai đều cùng gia trì quý vị.

- Thứ hai là tam-muội lực, tam-muội là sức mạnh của pháp quý vị đang tu.

- Thứ ba sức công đức của chính người tu hành.

Ba thứ sức này kết hợp lại thì gọi là Ban Châu Tam Muội, là một trong bốn thứ tam-muội.

Trong những kinh giảng [tam-muội này] rất rõ ràng thì có Ban Châu Tam Muội Kinh. Người tu loại tam-muội này có thể thấy được chư Phật hiện tiền. Thế nhưng nghi quỹ tu hành rất nghiêm ngặt, lấy chín mươi ngày làm kỳ hạn, đây là một giai đoạn. Ba tháng chín mươi ngày làm một giai đoạn. Trong chín mươi ngày đó, thân thường đi, không nghỉ ngơi. Đây là [lý do vì sao] tỳ-kheo Cát Tường Vân thường đi kinh hành thông thả. Trong chín mươi ngày ấy, quý vị chẳng được nằm xuống để ngủ nghê, quý vị cũng chẳng thể ngồi xuống nghỉ, mà phải đi kinh hành, đi kinh hành thông thả. Trong chín mươi ngày thân thường đi, không nghỉ ngơi. Miệng thì sao? Niệm A Di Đà Phật. Trong chín mươi ngày niệm A Di Đà Phật, không nghỉ ngơi. Trong tâm quán tưởng A Di Đà Phật, trong tâm tưởng Phật không nghỉ ngơi. Đây là phương pháp tu hành Ban Châu tam-muội, một kỳ là chín mươi ngày.

Thời cổ có người tu Ban Châu tam-muội, chứ con người hiện thời sợ rằng không ai có được thể lực ấy. Dù có cơ hội này, thân thể quý vị duy trì không được, đây là sự thật. Do đây biết rằng Ban Châu là chuyên môn niệm A Di Đà Phật; bởi lẽ, công đức niệm A Di Đà Phật giống hết như công đức niệm mười phương hết thảy chư Phật. Ban Châu tam-muội lấy niệm A Di Đà Phật làm chủ, từng bước, từng tiếng, tâm tâm niệm niệm đều hệ niệm nơi

A Di Đà Phật. Trong số những vị cổ đức cũng có vị chú giải Ban Châu Tam Muội Kinh. Trong chú giải cũng có nói, giải thích ý nghĩa từ ngữ “Ban Châu tam-muội”. Trong chú giải cũng dịch [Ban Châu] là “*thường hành đạo*” (thường đi kinh hành), thường đi không ngừng. Vị ấy không nằm xuống, cũng chẳng ngồi xuống. Thế nhưng trong lời chú giải đã nêu ra cho chúng ta một nguyên tắc rất trọng yếu: thời gian gồm bảy ngày. Trong kinh nói lấy chín mươi ngày làm hạn. Bảy ngày dễ thực hiện hơn nhiều. Trong bảy ngày chắc chắn phải chiếu theo cách này [để tu tập].

Trong bảy ngày ấy, không ngủ suốt bảy ngày sợ là rất khó thể làm được, chín mươi ngày sẽ làm không được. Có người kể với tôi người ấy tu Ban Châu tam-muội, bệ quan tu Ban Châu tam-muội, tôi không tin. Quý vị rất tin tưởng, rất tán thán, chứ tôi không tin. Người ấy nói với tôi, tôi tuyệt đối không tin tưởng. Đừng nói là người ấy kể với tôi là tu chín mươi ngày tôi sẽ không tin, dẫu bảo với tôi là tu bảy ngày, tôi vẫn không tin. Vì sao vậy? Tu rồi mà tôi thấy quý vị không thay đổi chi cả, vẫn là vọng tưởng cả đồng, vẫn là thị phi, nhân ngã, không giống như vậy! Dẫu trong chín mươi ngày quý vị thật sự tu đúng như pháp, nhưng khi quý vị tu không có thành tích, trên bảng thành tích của quý vị là con số không thì có ích gì đâu? Sau khi tu pháp này, hễ tu thật sự thì khí chất của con người sẽ biến đổi, khác hẳn! Do vậy, chúng ta hiểu cách nói bảy ngày của cổ đức nếu nhìn theo căn tánh của lũ chúng sanh chúng ta trong thời đại này, quả thật là làm không được! Chúng ta nghiệp chướng nặng quá, không có tinh thần ấy, không có thể lực ấy!

Đã có thể nói là bảy ngày thì chúng ta cũng có thể rút gọn thành một ngày; một ngày trong suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ vẫn không đơn giản đâu nhé! Nếu trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ có thể làm như vậy, hết sức khó có! Nói thật ra, sợ rằng vẫn chưa làm được! Đúng là trong một vạn người, khó có được một hai người. Quý vị có thể làm được trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ; trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ tản bộ, niệm Phật, trong tâm tưởng Phật, không có tạp niệm, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Hai mươi bốn tiếng đồng hồ, không dễ dàng đâu! Đây là chân chánh tu tập Ban Châu tam-muội. Những người như vậy không có vấn đề gì, họ là Bồ Tát minh tâm kiến tánh, bất luận làm gì đều không chán mỏi, cho nên họ có thể làm được. Do đây biết rằng: Phật dạy chúng ta Ban Châu tam-muội thì khi nào mới tu được? Đợi đến khi chúng ta chứng tới Sơ Trụ Bồ Tát, khi ấy quý vị niệm Phật sẽ là Ban Châu tam-muội niệm Phật, chứ không phải là niệm Phật bình thường!

Trong các vị tổ sư đại đức thuở trước, đại sư Hành Sách cũng là tổ sư Tịnh Độ của chúng ta. Trong quá khứ, tôi từng nghĩ tới một phương pháp Niệm Phật. Tôi có ý niệm này rất sớm, Niệm Phật Đường chuyên môn niệm Phật, bởi lẽ [tìm được] những đồng tham đạo hữu chân chánh cũng chẳng dễ

dàng cho lắm! Nhất là những vị sống trong đạo tràng hiện thời không nhiều, chẳng giống như trong từng lâm tự viện thuở trước, có mấy trăm vị xuất gia ở trong ấy, thậm chí một hai ngàn vị xuất gia, thực hiện chuyện này dễ dàng, đông người dễ thực hiện. Hiện thời, số người trụ trong đạo tràng rất ít, đều là trụ mấy vị; do vậy, suất lãnh đại chúng cũng khá khó khăn. May sao hiện nay đã phát minh ra máy Niệm Phật, tốt lắm, phát minh ra máy Niệm Phật quá hay! Nếu chúng ta đem thu một cuốn băng mới cho máy Niệm Phật, âm thanh hiện thời của máy Niệm Phật này có chỗ lơ mờ không rõ ràng, bốn chữ A Di Đà Phật niệm không rõ. Hơn nữa, tiếng dẫn khánh nhất định phải gõ ở chữ Đà. Hiện thời, trong đạo tràng chúng ta, mọi người đều gõ khánh đúng nhịp. A Di **Đà** Phật, dẫn khánh gõ đúng vào chữ Đà, chỉ đánh một tiếng dẫn khánh [cho mỗi câu niệm] là được rồi!

Chúng ta có thể thu băng ghi âm khác cho máy Niệm Phật rồi chế ra máy Niệm Phật mới để cung cấp cho Niệm Phật Đường chuyên sử dụng. Như vậy thì trong Niệm Phật Đường chẳng cần phải có người xướng giọng lãnh chúng, cũng chẳng cần phải có người gõ dẫn khánh. Những âm thanh ấy máy Niệm Phật đều có, không cần phải gõ, có thể bớt được rất nhiều chuyện. Mà người niệm Phật nhiều hay ít đều không sao cả, dăm ba người đều có thể niệm Phật. Khi ấy tôi nghĩ nếu dùng máy Niệm Phật thì không cần những người lãnh chúng; nhưng tới Niệm Phật Đường chẳng được nói năng, hết thầy đều buông xuống, nhất tâm niệm Phật. Trong Niệm Phật Đường chia thành ba khu, khu chính giữa có tượng Phật để lễ Phật, hai bên dành cho chỉ tịnh. Tức là khi quý vị niệm đã mệt rồi, quý vị có thể đến đó ngồi xuống, ngồi xuống không cần phải niệm ra tiếng, niệm thầm trong tâm là được rồi, cốt để dưỡng sức. Ngoài ra thì có lúc nhiều Phật, đi kinh hành. Kinh hành, nhiều Phật thì phải niệm ra tiếng. Nhiều Phật phải niệm ra tiếng, chỉ tịnh thì không niệm ra tiếng; lễ Phật chớ nên niệm ra tiếng, lễ Phật niệm ra tiếng sẽ gây tổn thương cho thân thể. Vì thế, khi lễ Phật, niệm Phật trong tâm là được rồi! Một Phật đường chia thành ba khu, quý vị thích nhiều Phật thì nhiều Phật, quý vị thích lễ Phật thì lễ Phật. Lễ mệt rồi liền vui vẻ sang bên cạnh ngồi xuống, quý vị ngồi xuống, không ai cấm quý vị hết!

Trong quá khứ tôi từng nhắc đến phương pháp này rất nhiều lần, nhưng mãi vẫn chưa thực hiện được. Về sau, tôi đọc Ngũ Lục của ngài Hành Sách, cuối sách cũng có phương pháp ấy. Ngài sống trước thời tôi nhưng [thuở ấy] Ngài không có máy Niệm Phật. Ngài nghĩ giống như tôi, chia người niệm Phật thành ba ban, mỗi một ban có bốn người xuất gia lãnh chúng, gõ pháp khí để lãnh chúng. Một ban nhiều Phật, hai ban chỉ tịnh, luân lưu, ban này niệm mệt, khi chỉ tịnh, ban thứ hai lại đi nhiều Phật. Khi ấy, tâm địa mọi người rất thanh tịnh, thân thể cảm thấy thoải mái, có thể duy trì lâu dài, duy trì lâu dài trong Niệm Phật Đường. Ngài chia thành ba ban, mỗi một ban có

bốn người xuất gia, còn chúng ta hiện thời nhân số không đủ thì dùng máy Niệm Phật. Phương pháp này của tôi so với phương pháp của Ngài còn thuận tiện hơn, bởi lẽ cách của Ngài là tới lui đều phải theo đoàn thể, còn trong cách của tôi đây thì chẳng lui tới theo đoàn thể. Cá nhân quý vị ngồi nơi đó, ngồi lâu thấy mệt thì cần phải vận động, quý vị bèn nhiều Phật, nhiều Phật thì mở miệng niệm, hoặc trước hết quý vị lạy Phật, quý vị đến khu chính giữa lạy Phật.

Có thể tạo dựng một Niệm Phật Đường như thế, bên ngoài có người hộ trì, giống như trong Phật thất có người hộ thất bên ngoài, chăm sóc quý vị, chăm sóc người niệm Phật. Các quý vị cần nước trà, người ấy chuẩn bị cho quý vị; quý vị cần ăn thứ gì, người ấy cũng chuẩn bị từng phần cho quý vị. Quý vị muốn ăn gì, khi đói bụng, quý vị đừng gọi người khác: “Đi ăn cơm nghe!” A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, trong ấy xen vô “đi ăn cơm nghe!” không hay chút nào! Do vậy, nếu quý vị cảm thấy phải đi ăn, tự quý vị đi ăn, đừng bận tâm tới người khác. Nếu có chuyện gì cần phải đi ra, quý vị niệm xong cũng đi ra, không cần kêu réo người khác. Quý vị ở trong Niệm Phật Đường, tâm vĩnh viễn thanh tịnh, công phu niệm Phật ấy thật sự đặc lực. Thuở trước tôi từng nghĩ tới phương pháp này, hiện thời giống như đạo tràng Dallas ở Mỹ. Lần này tôi sang châu Úc, muốn đem phương pháp ấy truyền cho họ, bởi lẽ họ ở đó không có nhiều người, áp dụng phương pháp dùng máy Niệm Phật thì sẽ có thể thực hiện được. Mong mỗi chuyện niệm Phật đều đi vào nề nếp. Tuy chưa phải là Ban Châu tam-muội, nhưng rất gần với Ban Châu tam-muội, gần lắm. Con người chúng ta hiện nay nghiệp chướng sâu nặng nhưng vẫn có thể thực hiện được!

Từ kinh này, chúng ta thấy được rằng: Kinh này khai thị cho chúng ta rất lớn, Thiện Tài đồng tử tách rời khỏi thầy, đi tham học, vị thứ nhất do thầy mình giới thiệu. Thầy đã giới thiệu thì đương nhiên là thầy có dụng ý đặc biệt, chứ không phải là giới thiệu tùy tiện. Vị thứ nhất là tỳ-kheo Cát Tường Vân chuyên tu pháp môn niệm A Di Đà Phật, gặp một vị nào trước hết thì [pháp môn của vị ấy] sẽ là Chủ (chánh yếu), [pháp tu của vị ấy] sẽ biến thành pháp môn tu tập chánh yếu của Thiện Tài đồng tử. Đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Quý vị thấy đó, Ngài từ đầu đến cuối như một; sau đây quý vị mới suy nghĩ, Thiện Tài đồng tử học pháp môn gì? Pháp môn Niệm Phật đấy! Một câu A Di Đà Phật niệm đến tột cùng! Vì sao Văn Thù Bồ Tát giới thiệu cho Ngài pháp môn này? Chính Văn Thù Bồ Tát đã tu pháp môn này, Phổ Hiền Bồ Tát cũng tu pháp môn này. Trong phần trước của bộ kinh bốn mươi quyển này, không nằm trong quyển bốn mươi mà là trong quyển ba mươi chín trong số bốn mươi quyển, chúng ta thấy Văn Thù, Phổ Hiền phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, mới biết chính các Ngài đã tu pháp môn này. Văn Thù trí huệ bậc

nhất trong các vị Bồ Tát, trong phần trước chúng tôi đã nói tới việc chọn lựa pháp thì bậc trí huệ đệ nhất đương nhiên chọn lựa pháp môn thù thắng nhất. Như vậy thì pháp môn Niệm Phật được Văn Thù Bồ Tát tuyển chọn, được Phổ Hiền Bồ Tát tuyển chọn, là pháp môn được các vị ấy tuyển chọn. Thiện Tài là học sinh đặc ý của họ, họ có dạy Thiện Tài pháp môn nào khác hay chăng?

Nói như vậy thì sao Văn Thù không tự dạy cho Thiện Tài mà lại phải bảo tỳ-kheo Cát Tường Vân dạy? Ở đây có một đạo lý rất sâu! Có những khi, đối với thầy, trò vẫn còn có chút thành kiến, vẫn hoàn toàn chưa thể khẳng định. Tôi là một trường hợp như vậy! Khi tôi theo học với thầy Lý, thầy Lý dạy tôi tu pháp môn Niệm Phật, tuy tôi không hoài nghi, nhưng tôi trọn chẳng chấp nhận hoàn toàn, tôi nghĩ bụng: “Kinh giáo Đại Thừa nhiều như vậy, dường như pháp môn này dành cho những bà cụ già học!” Chúng tôi vẫn còn có một chút không cam lòng, không ưng chịu. Tìm người thứ ba để biểu diễn, khai thị lần nữa cho học trò thấy. [Học trò] bèn suy nghĩ lại, thầy mình cũng học pháp này, tâm học trò bèn định lại. Đây là mẹo dạy học, là phương tiện thiện xảo vậy!

Tôi hoàn toàn tiếp nhận, chịu chấp nhận pháp môn Niệm Phật là do giảng kinh Hoa Nghiêm. Từ năm Dân Quốc 60 (1971), tôi bắt đầu giảng bộ kinh này, lúc giảng, lúc ngừng suốt mười bảy năm, kinh Hoa Nghiêm giảng được một nửa, giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm cũng được một nửa, Bát Thập Hoa Nghiêm cũng giảng được một nửa. Sau đấy thường đi ra nước ngoài, kinh này bỏ lửng, không giảng thêm nữa. Khi ấy chưa có băng ghi âm, những gì giảng ra cũng không lưu lại được. Do vậy, lần này có máy thu âm, giảng lại một lượt, mong sẽ thu lại thành bộ băng hoàn chỉnh để mọi người tham khảo, dụng ý hết sức sâu xa. Chúng ta xem đoạn kinh văn tiếp theo, đoạn trước là Thiện Tài thấy tỳ-kheo Cát Tường Vân, đấy là Kiến.

Tức tiền vãng nghệ, đánh lễ song túc, hữu nhiều tam táp, hợp chương nhi trụ.

即前往詣，頂禮雙足，右繞三匝，合掌而住。

(Liên tiền tới trước, đánh lễ dưới hai chân, nhiều theo chiều phải ba vòng, rồi đứng chấp tay).

Đây là đoạn thứ hai, tức Kính. [Lời chú giải của đại sư Thanh Lương cho] đoạn thứ hai như sau:

Minh thiết kính nghi, trọng nhân pháp cố.

明設敬儀。重人法故。

(Nói rõ cách tỏ bày lòng cung kính vì kính trọng người và pháp)

Vì sao tôn kính thầy? Do tôn trọng vị ấy, tôn trọng pháp. Cho nên trông thấy [thiện tri thức] bèn vội tiến sang đó, thấy mặt liền làm lễ. “*Đảnh lễ song túc*”: Đối đãi với vị ấy giống hệt như Phật. Sau đây “*hữu nhiều tam táp*”, đây là lễ tiết tôn kính nhất ở Ấn Độ vào thời cổ. Sau khi lạy ba lạy, lại còn nhiều quanh ba vòng. “*Hợp chưởng nhi trụ*” (đứng chắp tay), Trụ là đứng ở một chỗ nào đó. Phần kinh văn tiếp theo:

Bạch ngôn: - Thánh giả! Ngã dĩ tiên phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm.

白言，聖者，我已先發阿耨多羅三藐三菩提心。

(Bạch rằng: - Thưa thánh giả! Trước đây con đã phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác)

Đây là tiểu đoạn thứ ba trong đoạn thứ hai.

Tứ vấn yếu pháp.

諮問法要。

(Xin cho con được hỏi pháp trọng yếu)

Hướng về vị thiện tri thức thỉnh giáo. Đoạn này kinh văn khá dài, lại phải chia ra thành các tiểu đoạn, nên lại chia thành ba tiểu đoạn. Đây là đoạn thứ nhất.

Tự trần phát tâm, minh hữu pháp khí.

自陳發心，明有法器。

(Trần thuật [chính mình] đã phát tâm, nói rõ mình có đủ tư cách để lãnh nhận pháp)

Trước hết, “*bạch*” là từ ngữ tôn kính của kẻ dưới đối với người trên. “*Bạch ngôn*” (thưa rằng), chứ không thể nói: “Tôi bảo ông”. “Bảo ông” là người trên nói với kẻ dưới, Phật nói với người khác, tức là Phật nói với ai, Phật bảo ban người đó, là người trên đối với kẻ dưới nên dùng chữ “*cáo*”. Kẻ dưới đối với người trên thì dùng chữ “*bạch*”, đây là từ ngữ tỏ vẻ tôn kính. “*Thánh giả*” là tiếng để gọi tỳ-kheo Cát Tường Vân bởi vị tỳ-kheo ấy chẳng phải là tỳ-kheo tầm thường, chẳng thể gọi vị tỳ-kheo thông thường là “*thánh giả*” được. Đây chính là ý nghĩa được chứa đựng trong chữ “tỳ-

kheo”, ngụ ý vị ấy mới vượt thoát mùi pháp giới, đây là ý nghĩa của chữ “xuất gia”: Mùi pháp giới là nhà, ra khỏi cái nhà ấy. Do vậy, các vị ấy là đại thánh, đại Bồ Tát. Nói mình trước đây đã từng phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, tức là đã phát Bồ Đề tâm. Nếu chẳng phát Bồ Đề tâm thì Bồ Tát không dạy quý vị, Bồ Tát không có cách nào dạy quý vị được! Quý vị đã từng phát ra cái tâm ấy, chính mình nói toạc ra: “Tôi có tư cách tu học pháp Đại Thừa”. Cơ sở của pháp Đại Thừa là Bồ Đề tâm, tôi đã phát Bồ Đề tâm rồi!

“*Minh hữu pháp khí*”, chữ “*pháp khí*” ở đây là nói tỷ dụ. Giống như tôi khát, mong rằng quý vị sẽ cho tôi nước. Cho tôi nước thì tôi có chén đựng. Cái chén ấy là “*pháp khí*”. Tôi xách chén đến, tôi có chén đây, quý vị có thể cho tôi, ý nghĩa là như vậy. Quý vị có thể truyền pháp cho tôi, tôi là pháp khí, có tư cách để tiếp nhận. Đây là một ý nghĩa. [Người đã] phát Bồ Đề tâm thì là pháp khí, câu này hết sức trọng yếu. Lại xem tiếp:

Nhi vị tri Bồ Tát vân hà học Bồ Tát hạnh? Vân hà tu Bồ Tát hạnh? Vân hà khởi Bồ Tát hạnh? Vân hà hành Bồ Tát hạnh? Nãi chí vân hà u Phổ Hiền Hạnh tât đắc viên mãn?

而未知菩薩云何學菩薩行。云何修菩薩行。云何起菩薩行。云何行菩薩行。乃至云何於普賢行疾得圓滿。

(Nhưng chưa biết Bồ Tát học Bồ Tát hạnh như thế nào? Tu Bồ Tát hạnh như thế nào? Hành Bồ Tát hạnh như thế nào? Cho đến làm sao để hạnh Phổ Hiền mau được viên mãn?)

Đây là tiểu đoạn thứ hai. Tiểu đoạn thứ hai là:

Chánh trần sở vấn.

正陳所問。

(Nêu thẳng câu hỏi)

Ngài nêu ra những câu hỏi, những nghi vấn của chính mình để cầu xin thiện tri thức dạy bảo. “*Con đã phát Bồ Đề tâm, nhưng chẳng biết học Bồ Tát hạnh ra sao?*” “*Học*” là mong được hiểu. Câu thứ hai “*vân hà tu Bồ Tát hạnh*”: Câu này nói về Hạnh. Hai câu này là hai môn Giải và Hạnh, là tổng cương lĩnh. Trong một chương trước, chúng tôi đã từng nói rồi, trong chương trước có tổng cộng mười ba câu hỏi. Ở chỗ này giản lược, lẽ ra có đủ cả mười ba câu, nhưng bị lược đi. Chúng ta xem Chú Giải, ý nghĩa này đã được nói trong phần trước rồi. Trong chú giải viết:

Thứ.

次

(Kế đến).

“*Thứ*” là đoạn thứ hai, tức tiêu đoạn thứ hai.

Nhi “*vị tri*” hạ.

而未知下。

(Từ chữ “nhưng chưa biết” trở đi).

Đây là nói về đoạn kinh văn này.

Chánh trần sở vấn.

正陳所問。

(Nêu thẳng câu hỏi).

Đây chính là phần trình bày những điều Thiện Tài muốn hỏi.

Hiển vị pháp lai.

顯為法來。

(Nêu rõ [chính mình] vì pháp mà đến)

Tỏ rõ Thiện Tài vì pháp mà đến, chứ không vì điều chi khác, vì pháp mà đến cầu thiện tri thức chỉ dạy.

Vấn trung lược giả.

問中略者。

(Lời hỏi ở đây được [người phiên dịch] rút gọn)

Những điều được hỏi ở đây chúng ta đã từng thấy trong phần trước có tổng cộng mười ba câu, nhưng ở đây chỉ có năm câu, nói rút gọn! “*Rút gọn*” không phải là do nguyên văn rút gọn mà do người phiên dịch rút gọn, chứ nguyên văn thì có.

Nhược Thiện Tài lược, hữu vân hà tri.

若善財略，友云何知。

(Nếu Thiện Tài rút gọn thì thiện hữu làm sao biết được)

Nếu Thiện Tài chỉ nói năm câu này thì thiện hữu khai thị cho Ngài cũng chỉ có năm điểm này, làm sao có thể giảng viên mãn cho được? Những lời giảng trong phần sau rất viên mãn, đối với cả mười ba câu hỏi đều giảng rất viên mãn. Do đây biết được rằng: Ở chỗ này, [câu hỏi bị giản lược] là do người phiên dịch rút gọn. Người phiên dịch rút gọn cũng là có nguyên nhân, bởi lẽ người Trung Quốc thích đơn giản, ở đây tôi nói về người Trung Quốc thuở xưa. Người Trung Quốc thời cổ ngôn ngữ, văn tự đều thích đơn giản, đều chẳng thích nói rườm rà. Do vậy, họ thấy trong kinh Phật có nhiều chỗ lặp đi lặp lại, khi dịch kinh bèn rút gọn lại. Do vậy, câu tiếp theo [trong lời chú giải] là:

Hạ hữu bất ưng遍牒前問。

下友不應遍牒前問。

(Thì vị thiện hữu kê tiếp lẽ ra chẳng thể trả lời hoàn toàn khớp với các câu hỏi trong phần trước)

“*Biến điệp*” là mỗi một điều do Ngài (tức Thiện Tài đồng tử) nói ra, tỳ-kheo Cát Tường Vân đều giải đáp hết, cho thấy lời hỏi của Ngài là viên mãn, chứ không phải chỉ có năm câu, mà phải là mười ba câu. Lại xem tiếp đoạn kinh văn kể đó:

Ngã văn thánh giả thiện năng dụ hối, duy nguyện từ ai, vị ngã tuyên thuyết. Vân hà Bồ Tát tốc đắc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề?

我聞聖者善能誘誨。唯願慈哀，為我宣說，云何菩薩速得成就阿耨多羅三藐三菩提。

(Con nghe thánh giả có thể khéo khuyên dụ, dạy dỗ, xin Ngài xót thương tuyên nói cho con: “Làm thế nào để Bồ Tát mau được thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác?”)

Kinh văn đến chỗ này đã thuật xong lời thỉnh giáo của Thiện Tài đồng tử đối với thiện tri thức. Đây là tiểu đoạn thứ ba, tiểu đoạn thứ ba là thỉnh giáo. Những chỗ giống như thế này, chúng ta đều nên học tập. Nếu chúng ta thân cận một vị thiện tri thức, hướng về vị ấy thỉnh giáo thì phải tỏ ra lễ phép, lời lẽ phải có chừng mực, chẳng thể bộp chộp suông sã nêu câu hỏi, một tí lễ kính cũng không biết, người ta chẳng nói cho quý vị đâu nhé! Nếu

quý vị đối với mọi chuyện đều biết lẽ, biết giữ chừng mực, người ta chẳng thể không giảng cho quý vị. Người ta không giảng cho quý vị thì sẽ thấy khó xử, quý vị thật sự vì pháp tìm đến mà! Vậy thì sau khi chính mình đã nêu câu hỏi, lại phải khen ngợi thiện tri thức, rồi mới thỉnh vị ấy tuyên nói. Do vậy, “*con nghe thánh giả có thể khéo khuyên dụ, dạy dỗ*”. Câu này nhằm tán thán vị ấy. Lời chú giải giảng về đoạn này như sau:

Hậu.

後

(Sau đó).

Chữ “*hậu*” ở đây chỉ tiêu đoạn thứ ba.

“*Ngã văn thánh giả*” hạ, tán đức thỉnh thuyết, hy thù bạt tế.

我聞聖者下，歎德請說，希垂拔濟。

(Từ chữ “*ngã văn thánh giả*” trở đi là khen ngợi đức, thỉnh nói ra, mong [thiện tri thức] sẽ rủ lòng cứu giúp)

Mong thiện tri thức giúp đỡ Ngài. Bạt là “*bạt khổ*” (đẹp khổ), “*tế*” là “*cứu tế*” (cứu vớt). Mong mỗi thiện hữu giúp đỡ, giúp cho Ngài phá mê khai ngộ.

Vị hữu trí thiện năng, hữu từ vô lận, cố ưng vị thuyết.

謂有智善能，有慈無吝，故應為說。

(Ý nói vị ấy có trí huệ, sẽ có năng lực hay khéo, có lòng Từ nên không bôn xén, cho nên sẽ nói)

Thiện hữu có trí huệ. Hễ vị ấy có trí huệ thì đương nhiên sẽ có thiện xảo phương tiện, vị ấy có thể ứng cơ thuyết pháp. Thiện hữu lại có lòng từ bi, có lòng từ bi nên chắc chắn chẳng tiếc pháp, nhất định sẽ rất hoan hỷ chỉ dạy; do vậy vị ấy nhất định sẽ nói. Tiếp theo là phần giải thích về chữ “*dụ hối*” (răn dạy).

Dụ vị dụ dụ, tức thị giáo thọ dĩ thành tiền giải.

誘謂誘喻，即是教授以成前解。

(Dụ có nghĩa khuyên dụ, tức là truyền dạy cho thành tựu phần Giải như đã nói trong phần trên)

Nếu dùng cách nói hiện thời để giảng thì chữ Dụ (誘) này là phương tiện. Khuyên dụ người ta, dùng các thứ phương tiện thiện xảo để khuyên dụ, hướng dẫn người ta, không nhất định phải là lời lẽ. Ngoài ngôn từ ra, có thể nói là nhất cử, nhất động, một lời nói, một nụ cười, đều có công năng khuyên dụ, hướng dẫn. “Hối” (誨) là dạy dỗ.

Hối vị hối thị, tức thị giáo giới dĩ thành tiên hạnh.

誨謂誨示，即是教誡以成前行。

(Hối là chỉ dạy, tức là dạy răn để thành tựu được phần Hạnh như đã nói trong phần trên).

“Dụ” là giúp cho người ấy thấu hiểu, Hối là dạy người ấy làm như thế nào, tu ra sao? Từ đây trở đi thường gặp hai chữ này; bởi lẽ Thiện Tài đồng tử sẽ gặp thiện tri thức đều dùng cách tán thán như sau: “*Con nghe thánh giả có thể khéo khuyên nhủ, dạy dỗ*”. Ý nghĩa đều giống hệt.

Tiền tuy quảng vấn.

前雖廣問。

(Trong phần trước tuy lời hỏi rộng rãi)

Trong phần trước có hỏi mười ba câu, những câu hỏi này được rút gọn [trong kinh văn], đây là những câu hỏi rộng rãi, nhưng trong câu kết thúc cuối cùng [của lời hỏi]...

Đản chí nhân viên.

但至因圓。

(Chỉ nhằm đạt tới tu nhân viên mãn)

Chỉ nhằm nêu câu hỏi tổng kết: Làm như thế nào sẽ khiến cho Bồ Tát thành tựu vô thượng Bồ Đề rất mau chóng? Đây là lời tổng kết.

Thử trung kết thỉnh, kỳ ư quả mãn.

此中結請，期於果滿。

(Câu tổng kết lời thỉnh vấn ở đây nhằm mong viên mãn quả).

Do đây biết được rằng: Thiện Tài cầu học chẳng phải là đạt đến giai đoạn này bèn chấm dứt. Không phải vậy! Ngài còn muốn đạt đến viên mãn rốt ráo, có vậy mới thỏa mãn được nguyện vọng của Ngài.

Song kết phát tâm vấn hành ý cố.

雙結發心問行意故。

(Kết thúc cả hai ý phát tâm và hỏi về cách tu hành).

Trong đoạn thỉnh giáo này, oai nghi, lời nói, lễ mạo đều hết sức viên mãn, chúng ta phải học tập theo. Phần tiếp theo là tỳ-kheo Cát Tường Vân khai thị cho Thiện Tài, trả lời những câu hỏi của Ngài. Hôm nay chúng tôi giảng tới đây.

**Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh
Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm
Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương
Phần 1 hết**

---o0o---

Phần 2

Tập thứ ba (12-03-03)

Xin giở cuốn kinh, trang thứ sáu. Xin đọc kinh văn trong trang thứ sáu:

Thời Cát Tường Vân tỳ-kheo cáo Thiện Tài ngôn: “Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ dĩ năng phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, thị sự vi nan. Phục năng thỉnh vấn hành Bồ Tát hạnh, nan trung chi nan”.

時吉祥雲比丘告善財言，善哉善哉，善男子，汝已能發阿耨多羅三藐三菩提心，是事為難。復能請問行菩薩行，難中之難。

(Khi ấy, tỳ-kheo Cát Tường Vân bảo Thiện Tài rằng: “Lành thay! Lành thay! Này thiện nam tử! Ông đã phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh

Giác, đây là chuyện khó. Lại còn có thể thừa hỏi hành Bồ Tát hạnh, đây là chuyện khó nhất trong những chuyện khó”).

Kinh văn từ chỗ này trở đi là lời thiện hữu tán thán và truyền dạy pháp môn. Đáp ứng lời khái thỉnh của Thiện Tài, trước khi truyền pháp, [thiện tri thức] nhất định phải tán thán Thiện Tài. Nói thật ra, lời tán thán này cũng nhằm để khuyến khích, khích lệ mọi người chúng ta, mà cũng là lời căn dặn Thiện Tài phải tự trân trọng. Bởi lẽ, phát tâm quá khó, nhất là sau khi đã phát tâm lại còn chịu ham học. Đây là hai sự khó khăn mà Ngài đều có thể trọn đủ. Đây mới đáng gọi là pháp khí trong Phật môn, có năng lực, có đủ điều kiện để tiếp nhận sự truyền pháp của thiện tri thức. “*A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” trong phần trước, tôi đã giảng quá nhiều rồi, tuy giảng rất nhiều, nhưng trong bộ kinh này, câu này được lặp lại mấy trăm lượt. Mỗi một lần tham học trong năm mươi ba lần tham học, chúng ta đều có thể thấy câu này đôi ba lượt, đủ thấy câu này vô cùng trọng yếu.

Ở chỗ này, đức Thế Tôn không ngừng nhắc nhở chúng ta: Cái tâm ấy quả thật khó phát! Tuy đã phát được, nhưng chỉ trong chớp mắt lại quên tuốt, phát đó, quên đó, đây gọi là “*lộ thủy đạo tâm*” (đạo tâm như nước trong một giọt sương), chẳng đáng coi là pháp khí. Cũng có thể nói là không có năng lực, không đủ điều kiện để tiếp nhận đại pháp của Như Lai! Đây là sự thật. Nếu là người thật sự phát đạo tâm, thân tâm cảnh giới của người ấy có thể nói là sẽ đại chuyển biến 180 độ. Chúng ta phát tâm mà tâm thái của chúng ta chẳng chuyển biến gì hết! Hễ thật sự phát tâm thì sẽ chuyển biến liền. Vì sao nói người ấy có sự chuyển biến lớn lao như vậy? Là vì phàm phu và thánh nhân sai biệt chỉ trong một ý niệm này. Ý niệm đã chuyển thì tướng mạo sẽ chuyển. Ý niệm đã chuyển thì thể chất sẽ chuyển, cảnh giới cũng đồng thời xoay chuyển, đây là đạo lý nhất định! Trong kinh luận, đức Phật thường dạy chúng ta: “*Cảnh tùy tâm chuyển*” (Cảnh chuyển theo tâm). Dung mạo, thể chất của chúng ta đều thuộc về cảnh. Hễ phát Bồ Đề tâm thì không còn là phàm phu nữa!

Từ kinh điển chúng ta thấy rằng Tiểu Thừa A La Hán, Bích Chi Phật đều không phát Bồ Đề tâm, Quyền Giáo Bồ Tát cũng chẳng thể phát Bồ Đề tâm. Thế nhưng quý vị phải hiểu rõ một điều: Người niệm Phật nếu không phát Bồ Đề tâm sẽ chẳng thể vãng sanh! Chúng ta phải đặc biệt lưu ý điểm này! Quý vị thấy Tam Bối Vãng Sanh (Ba bậc vãng sanh) trong Vô Lượng Thọ Kinh, điều kiện vãng sanh đều giống hệt như nhau: “*Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm A Di Đà Phật*”. Thượng Bối có điều kiện này, mà Trung Bối, Hạ Bối vẫn có điều kiện này. Chúng ta chẳng thể coi thường! Vậy thì thế nào là phát Bồ Đề tâm? Muốn nói rõ ra sẽ rất khó, hễ nói thì rất

khó thể nào nói cho rõ ràng, muốn nghe cho hiểu, muốn nghe cho hiểu rõ rệt, đương nhiên cũng chẳng phải là chuyện dễ dàng!

Vậy thì vì sao rất nhiều người chẳng hiểu giáo lý nhưng niệm A Di Đà Phật vẫn được vãng sanh? Giống như pháp sư Đàm Hư đã kể cho chúng ta nghe: Một đồ đệ của pháp sư Đệ Nhàn khi pháp sư còn trẻ, xuất thân là thợ vá nôi, một chữ cũng không biết, niệm Phật được ba bốn năm, đứng vãng sanh. Ông ta sống trong một ngôi miếu nhỏ trong làng. Có người báo tin cho cụ Đệ Nhàn, nói: “Đồ đệ của thầy đã đứng vãng sanh rồi!” Ngày hôm sau, lão nhân gia mới ngồi thuyền, từ Kim Sơn ngồi thuyền đến Ôn Châu cũng mất hai ba ngày. Đồ đệ của Sư vẫn đứng sừng sững hai ba ngày đợi sư phụ đến lo liệu hậu sự. Nếu chúng ta hỏi: “Ông ta có phát Bồ Đề tâm hay chẳng?” Có phát! Vì chẳng phát Bồ Đề tâm, làm sao có thể vãng sanh? Nếu quý vị hỏi ông ta: “Bồ Đề tâm là gì?” Ông ta không biết, ông ta chẳng hiểu Bồ Đề tâm là cái gì! Nhưng ông ta thật sự phát Bồ Đề tâm! Bồ Đề tâm là tâm triệt để giác ngộ. Ông ta giác ngộ điều gì? Giác ngộ cõi nhân gian khổ sở. Hỡi còn sống, ông ta là kẻ rất khổ não, cuộc sống hết sức vất vả, đối với thế gian này trọn chẳng lưu luyến mảy may nào, một tí ti vương mắc cũng đều chẳng có; nhất tâm nhất ý mong ngóng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đây là Bồ Đề tâm.

Chúng ta làm được hay chẳng? Đích thực là chúng ta vương mắc quá nhiều chuyện; do vậy, tâm chúng ta chẳng phải là Bồ Đề tâm, còn tâm ông ta thật sự là Bồ Đề tâm. Tâm ông ta thanh tịnh, tất cả những ô nhiễm trong thế gian này ông ta đều chẳng có. Lão hòa thượng dạy ông ta một câu Nam Mô A Di Đà Phật, điều gì cũng đều không giảng giải, bảo ông ta: “Ông cứ thật thà niệm, niệm mệt bèn nghỉ, nghỉ khỏe khoản xong lại niệm. Cứ niệm miết như thế, chớ nên xen tạp, đừng hoài nghi, đừng nên gián đoạn”. Ba điều kiện ấy ông ta đều làm được. Không gián đoạn là ông ta niệm mệt bèn nghỉ, điều này không kể, điều này không tính là gián đoạn, ông ta nghỉ ngơi thôi mà! Hết tỉnh giác lại niệm tiếp A Di Đà Phật. Đây là không gián đoạn. Chứ không phải là bảo ông ta đêm ngày không nghỉ ngơi, điều này người bình thường chẳng thể làm được đâu! Mệt rồi thì nghỉ ngơi, nghỉ ngơi khỏe khoản xong lại niệm. Do ông ta thật sự làm được, “*phát Bồ Đề tâm, một mục chuyên niệm*”, đây là tấm gương vô cùng tốt cho chúng ta.

Một câu Phật hiệu niệm đến cùng cực, thời gian trọn chẳng dài cho lắm, ba bốn năm liền biết trước lúc mất, đứng sừng vãng sanh. Người như vậy rất hiếm có, phát tâm khó lắm! Sau khi phát tâm lại chịu thật sự làm, người thợ vá nôi ấy hằng ngày niệm Phật, niệm mệt bèn nghỉ, nghỉ khỏe rồi lại niệm, đây chính là hành Bồ Tát hạnh, khó khăn nhất trong những sự khó. Ông ta không ra khỏi cửa, giống như người ta thường nói là “bế quan” vậy! Ông ta không thật sự bế quan, chúng ta thường gọi là “phương tiện quan”.

Nói cho đúng, ông ta không ra khỏi cửa lớn, một mình ở trong một ngôi miếu nát, thật thà niệm một câu A Di Đà Phật, ông ta thành công. Ông ta thành tựu trọn vẹn chẳng kém những vị thiện tri thức Pháp Thân đại sĩ trong năm mươi ba lần tham học này. Thật đấy! Một người căn tánh Hạ Hạ tu hành đúng theo lời dạy, trong thời gian ba bốn năm liền biến thành Thượng Thượng nhân! Nếu chúng ta từ đây mà giác ngộ, từ chỗ này mà hiểu rõ thì cũng kể như là quý vị phát Bồ Đề tâm, quý vị thật sự giác ngộ rồi đấy! Do đó, giác ngộ khó khăn lắm!

Sau khi giác ngộ, nhất định phải buông xuống. Nếu như quý vị nghĩ “tôi giác ngộ rồi, tôi phát tâm rồi, nhưng vẫn còn có vướng mắc chưa buông xuống được!” Nói thật ra, quý vị đang tự mình dối gạt mình, quý vị chưa hề giác ngộ! Vì sao vậy? Hễ giác ngộ nhất định sẽ buông xuống, còn có mấy may nào không buông xuống được thì hiển nhiên là quý vị chưa giác ngộ, điều này khẩn yếu lắm! Do vậy, phải hiểu tướng trạng, hình dạng của giác ngộ cho rõ ràng, chính mình phải chú tâm kiểm điểm, phản tỉnh, quán sát xem có phải là giác ngộ thật sự hay chưa. Giác ngộ rồi bèn khởi tu, ngộ rồi phải hành, do vậy lại phải “*thưa hỏi hành Bồ Tát hạnh*”, khó khăn là đây!

Ở đây có ba câu chú thích ngắn gọn, giảng rõ tỳ-kheo Cát Tường Vân vì sao khen ngợi Thiện Tài. Dụng ý của Ngài là bảo Thiện Tài hãy tự gìn giữ cho chắc chắn, tự mình phải trân trọng, quý tiếc, phải giữ vững tín nguyện của chính mình.

Hân văn thắng pháp.

欣聞勝法。

(Vui vẻ nghe pháp thù thắng)

Hướng về thiện hữu tinh giáo, hoan hỷ lắng nghe, tu học pháp môn thù thắng. Do vậy trong đoạn văn này, nửa đoạn trước giảng rõ hai thứ khó khăn Thiện Tài đều trọn đủ, đều khắc phục được. Đối với người thông thường mà nói thì hai thứ khó khăn này sẽ ngăn trở người ấy khai ngộ, chướng ngại người ấy tu hành. Vì sao ngày nay chúng ta nghe pháp, xem kinh chẳng thể khai ngộ, công phu tu hành chẳng thể đắc lực? Là vì không khắc phục được hai thứ khó khăn ấy! Nếu hai thứ khó khăn ấy đều khắc phục được thì hiện tượng ấy sẽ không còn nữa, chúng ta nghe kinh sẽ khai ngộ, công phu sẽ đắc lực. Phần kinh văn tiếp theo gồm có mười câu. [Vì thế, đại sư Thanh Lương chú giải rằng]:

Văn hữu thập cú.

文有十句。

(Kinh văn có mười câu)

Mười câu này nhằm nói lên hành Bồ Tát hạnh khó khăn. Sự khó khăn trong hành Bồ Tát hạnh chẳng phải chỉ nói một vài điều là xong! Chuyện khó khăn quá ư là nhiều! Mười câu này vẫn là nói quy nạp, đem những nỗi khó khăn phân loại, quy nạp thành mười loại lớn. Mười câu này là mười loại lớn. Chúng ta hãy đọc kinh văn một lượt.

Sở vị cần cầu Bồ Tát đạo, cần cầu Bồ Tát cảnh giới, cần cầu Bồ Tát quảng bác tịnh hạnh, cần cầu Bồ Tát xuất hiện thần biến, cần cầu Bồ Tát thị hiện quảng đại chư giải thoát môn, cần cầu Bồ Tát thị hiện thế gian chủng chủng tác nghiệp, cần cầu Bồ Tát tùy thuận chúng sanh chủng chủng tâm hạnh, cần cầu Bồ Tát thị hiện nhập xuất sanh tử Niết Bàn, cần cầu Bồ Tát u vi vô vi tâm vô sở trước, cần cầu Bồ Tát trừ đoạn chúng sanh chủng chủng phiền não vi tế quá thất.

所謂勤求菩薩道。勤求菩薩境界。勤求菩薩廣博淨行。勤求菩薩出現神變。勤求菩薩示現廣大諸解脫門。勤求菩薩示現世間種種作業。勤求菩薩隨順眾生種種心行。勤求菩薩示現入出生死涅槃。勤求菩薩於為無為心無所著。勤求菩薩除斷眾生種種煩惱微細過失。

(Chính là nói: Siêng cầu Bồ Tát đạo, siêng cầu cảnh giới Bồ Tát, siêng cầu tịnh hạnh rộng lớn của Bồ Tát, siêng cầu Bồ Tát xuất hiện thần thông biến hóa, siêng cầu Bồ Tát thị hiện các môn giải thoát rộng lớn, siêng cầu Bồ Tát thị hiện các thứ tác nghiệp thế gian, siêng cầu Bồ Tát tùy thuận các thứ tâm hạnh của chúng sanh, siêng cầu Bồ Tát thị hiện vào ra sanh tử, Niết Bàn, siêng cầu Bồ Tát đối với hữu vi hay vô vi tâm đều không chấp trước, siêng cầu Bồ Tát trừ dứt các thứ phiền não, lỗi lầm vi tế của chúng sanh).

Thiền hữu nói cho Thiền Tài biết mười thứ khó khăn trong Bồ Tát hạnh. Đây là tỳ-kheo Cát Tường Vân truyền dạy pháp môn cho Thiền Tài. Câu thứ nhất là nói tổng quát, chín câu sau là nói riêng biệt. Quý vị đọc lời chú giải của đại sư Thanh Lương, đọc kinh văn xong, chúng ta hãy xem lời chú giải. Ngài chú giải rất rõ ràng, mỗi một câu đều nói rõ ra.

Hậu sở vị hạ.

後所謂下。

(Từ sau chữ “sở vị” trở đi)

“Sở vị” là chữ được dùng trong kinh văn, tức “sở vị cần câu Bồ Tát đạo”. Từ đoạn kinh văn này trở đi.

Biệt điệp tiền vấn.

別牒前問。

(Riêng nhắc lại những câu hỏi trong phần trước)

Sau khi Thiện Tài đã nêu ra những câu hỏi để thỉnh giáo, theo thói quen thông thường, chúng ta nhất định phải nhắc lại những câu hỏi một lượt để đối chiếu xem có phải là quý vị nêu ra những ý nghĩa này hay không, rồi mới trả lời quý vị để tránh trường hợp quý vị nêu câu hỏi xong, người trả lời nghe rồi lại hiểu lầm ý, đáp sai câu hỏi, lãng phí thời gian! Do vậy, nhất định phải nhắc lại một lượt những câu quý vị đã hỏi, [vì vậy, thiện tri thức] lặp lại câu hỏi của Thiện Tài.

Thị thích hậu nan.

是釋後難。

(Để giải thích những điều khó khăn [sẽ được nói tới] trong phần sau)

“Thị thích hậu nan” là lời giải thích câu “*thừa hỏi hành Bồ Tát hạnh là sự khó nhất trong những sự khó*”, giải thích câu nói này.

Văn hữu thập cú, tiểu hữu khai hợp.

文有十句，小有開合。

(Kinh văn gồm mười câu, trong ấy có chỗ tách ra, có chỗ gom lại đôi chút)

Kinh văn tổng cộng có mười câu, trong ấy có chỗ khai, có chỗ hợp. Hợp là quy nạp hai hay ba vấn đề thành một. Khai là đối với một vấn đề, do có quá nhiều ý nghĩa trong ấy bèn tách ra thành hai hoặc ba. Nhưng “khai, hợp” không nhiều cho nên nói “*tiểu hữu khai hợp*”.

Án thứ điệp tiền

案次牒前。

(Dựa theo thứ tự, nhắc lại những câu hỏi trong phần trước)

Chiếu theo thứ tự thuận, đem những câu hỏi của Thiện Tài trong phần trước nhắc lại một lượt. Câu thứ nhất là:

Diệp tiền tổng trung nhị cú, nhược học, nhược tu, giai Bồ Tát đạo.
牒前總中二句，若學若修，皆菩薩道。

(Ứng với hai câu hỏi tổng quát trong phần trước, dù học hay tu đều là Bồ Tát đạo).

Đây là câu hỏi của Thiện Tài đồng tử: “*Làm thế nào để học Bồ Tát đạo, làm thế nào để tu Bồ Tát đạo?*” Học là Giải môn, tu là Hạnh môn. Giải Hạnh tương ứng, Giải lẫn Hạnh đều coi trọng, đều thuộc về Bồ Tát đạo. Do vậy, khi trả lời Thiện Tài, [tỳ-kheo Cát Tường Vân] đem hai câu hỏi trong phần trước gộp lại thành một câu. Do vậy nói “*siêng câu Bồ Tát đạo*”. Trong mỗi một câu đều có bốn chữ “*cần câu Bồ Tát*” (siêng câu Bồ Tát), nhằm nêu rõ những gì được nói ra hoàn toàn thuộc về Bồ Tát đạo.

Dư cửu diệp biệt.

餘九牒別。

(Chín câu kia tương ứng những câu hỏi riêng biệt)

Những câu khác là nói riêng, còn câu đầu tiên là nói tổng quát.

Nhất cần cầu Bồ Tát cảnh giới giả, tức thị tiền văn khởi Bồ Tát hạnh, phát khởi thú hướng Bồ Tát cảnh cố.

— 勤求菩薩境界者，即是前文起菩薩行，發起趣向菩薩境故。

(Một, “*siêng cầu cảnh giới Bồ Tát*” chính là đoạn kinh văn trong phần trước “*khởi Bồ Tát hạnh, phát khởi, tiến hướng đến cảnh Bồ Tát*”)

Chúng ta gộp chung đoạn văn trước và sau lại để xem, lại đọc lời chú giải của đại sư Thanh Lương thì ý nghĩa hết sức rõ ràng. Trong phần trước Thiện Tài đã hỏi (số trang của tôi khác với số trang trong sách của quý vị), Ngài đã từng hỏi: “*Học Bồ Tát hạnh như thế nào? Tu Bồ Tát hạnh như thế nào? Khởi Bồ Tát hạnh như thế nào? Hành Bồ Tát hạnh như thế nào? Cho đến làm thế nào để mau chóng viên mãn Phổ Hiền hạnh?*” Trong phần trước tôi đã từng nói với quý vị, trong khi phiên dịch, [các vị dịch giả] đã lược bớt [những câu hỏi này]. Bởi lẽ, trong phần trước, Ngài đã nêu ra tổng cộng mười ba câu hỏi. Đối với câu “*khởi Bồ Tát hạnh*” [của Thiện Tài] thì câu

“*cần cầu Bồ Tát hạnh*” [của tỳ-kheo Cát Tường Vân] là giảng về khởi Bồ Tát hạnh. “*Khởi*” (起) nghĩa là phát khởi, hưng khởi (dậy lên), tức là “*phát khởi tiến hướng đến cảnh Bồ Tát*”. Chúng ta nói đến cảnh giới, nói thật ra, đây là những điều nhỏ nhặt, vụn vặt trong cuộc sống hằng ngày. Làm thế nào mới có thể giống như Bồ Tát, sống như Bồ Tát? Vấn đề này rất trọng yếu, chẳng thể không lưu ý. Vì vậy tu hành là tu trong sinh hoạt thường ngày.

Nhi cần cầu Bồ Tát quảng bác tịnh hạnh giả
二勤求菩薩廣博淨行者。

(Hai, siêng cầu tịnh hạnh rộng lớn của Bồ Tát)

Một câu này...

Nhiếp tiền tam cú.

攝前三句。

(Bao gồm cả ba câu trước)

Đây là chỗ Hợp. Trong phần trước, Thiện Tài có ba câu hỏi, ở đây hợp lại thành một câu. Chữ “*nhiếp*” (攝) có nghĩa là hợp lại.

Vị hạnh nhiếp tiền hành Bồ Tát hạnh. Quảng bác nhiếp tiền biến mãn Bồ Tát hạnh. Tịnh tức nhiếp tiền tịnh Bồ Tát hạnh.

謂行攝前行菩薩行。廣博攝前遍滿菩薩行，淨即攝前淨菩薩行。

(Nghĩa là chữ “*hạnh*” bao gồm “*hành Bồ Tát hạnh*” trong phần trước. “*Quảng bác*” bao gồm “*viên mãn trọn khắp Bồ Tát hạnh*” trong phần trước. “*Tịnh*” bao gồm “*tịnh Bồ Tát hạnh*” trong phần trước)

Cho thấy trong một câu này bao gồm ba câu hỏi của Thiện Tài trong phần trước. Ở đây, thiện hữu quy nạp thành một câu để trả lời.

Cựu kinh cụ tam.

舊經具三。

(Bản dịch cũ có đủ ba điều này)

Chữ “*cựu kinh*” chỉ bản dịch [kinh Hoa Nghiêm] đời Tấn (tức bản Lục Thập Hoa Nghiêm).

Nhất thị xuất ly đạo tức thị tiền hạnh, hạnh tức xuất cố.

一是出離道即是前行，行即出故。

(Một, chính là đạo xuất ly, tức là Hạnh đã nói trong phần trước, vì Hạnh chính là thoát ra vậy).

Bốn chữ “*hành Bồ Tát hạnh*”, chúng ta nay đang hành phạm phu hạnh, Bồ Tát khác phạm phu; mà “*Bồ Tát*” được nói ở đây cũng khác với Bồ Tát thường được nhắc đến, sai khác ở chỗ nào? Thông thường, chúng ta nói tới Bồ Tát thì trong số ấy bao gồm Quyền, Tiểu Bồ Tát. Nếu dựa theo giáo tướng của tông Thiên Thai để nói thì lại có Tạng giáo Bồ Tát, Thông giáo Bồ Tát, Biệt giáo Bồ Tát, đều chưa thoát khỏi mười pháp giới.

Nhưng Bồ Tát được nói tới ở đây là những vị Bồ Tát đã vượt thoát mười pháp giới, kinh Hoa Nghiêm nói tới bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Thiện Tài đến tham học với một vị thiện tri thức là vì như trong phần trước tôi đã thưa với quý vị rồi đó, Ngài liền khế nhập cảnh giới ấy. Ví dụ như ở đây, tỳ-kheo Cát Tường Vân đại diện cho hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Do vậy, Thiện Tài đồng tử đến tham phòng tỳ-kheo Cát Tường Vân, cho thấy Thiện Tài đồng tử cũng là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Sơ Trụ của Viên Giáo bằng với Sơ Địa trong Biệt Giáo, đã vượt trỗi mười pháp giới, đã chứng nhập Nhất Chân pháp giới. Kinh Đại Tiểu Thừa thường gọi là “*nhập Bất Nhị pháp môn*”. Ngài đã nhập pháp môn Bất Nhị; Nhị là gì? Trong mười pháp giới là hai, chữ “*Nhị*” biểu thị phân biệt. Trong mười pháp giới có phân biệt, trong Nhất Chân pháp giới không có phân biệt, đây là “không hai”. Nay Ngài là Sơ Trụ Bồ Tát, hạnh được hỏi ở đây là hạnh của bậc Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên. Do vậy, ở đây nói đến Xuất: “*Hạnh tức xuất cố*” (Hạnh chính là xuất), “xuất” là ra khỏi mười pháp giới. Chẳng những thoát lìa lục đạo, mà còn thoát lìa mười pháp giới.

Nói một cách khác, trong Nhất Chân pháp giới có những vị Bồ Tát, họ sống như thế nào? Hành Bồ Tát hạnh mang ý nghĩa như thế đấy. Muốn thưa hỏi những vị Pháp Thân đại sĩ, bọn họ hành Bồ Tát hạnh như thế nào? Đây là ý nghĩa thứ hai.

Thanh tịnh đạo tức thị tiền tịnh.

清淨道即是前淨。

(Thanh tịnh đạo tức là “*tịnh*” như đã nói trong phần trước).

Trong bản dịch cũ gọi [“*tịnh*”] là “*thanh tịnh đạo*”. Tôi nghĩ ý nghĩa này chắc quý vị cũng dễ hiểu hơn. Trong tựa đề của Vô Lượng Thọ Kinh ghi “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, mong mọi người hãy đặc biệt chú ý tới, tâm phải thanh tịnh, chuyện gì cũng đều chẳng thể có! Chẳng những thế pháp (pháp thế gian) không thể có, mà Phật pháp cũng không thể có; hễ có sẽ chẳng thể thoát khỏi lục đạo được!

Chúng ta là người niệm A Di Đà Phật, chỉ chấp nhận có A Di Đà Phật, trong tâm quý vị, một ngày mười hai giờ từ sáng đến tối, chỉ chấp nhận có A Di Đà Phật; trừ A Di Đà Phật ra, chẳng thể có gì khác. Nếu quý vị muốn thật sự có thì quý vị phải nhớ kỹ, quý vị không thể ra khỏi lục đạo luân hồi được đâu! Có A Di Đà Phật thì được! Cảm ứng đạo giao với Tây Phương Cực Lạc thế giới, gọi là “*đời nghiệp vãng sanh*”. Quý vị thấy họ mang theo nghiệp gì? Mang theo những nghiệp chẳng khởi tác dụng! Họ chưa đoạn được nghiệp, chưa đoạn phiền não tập khí, tuy chưa đoạn nhưng đều chẳng khởi tác dụng! Họ suốt một ngày từ sáng đến tối là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, tất cả những nghiệp của họ đều chẳng khởi tác dụng, bị một câu A Di Đà Phật nén xuống, khuất phục. Kinh Kim Cang chép: “*Vân hà hàng phục kỳ tâm?*” (Làm thế nào để hàng phục cái tâm ấy?) Chúng ta đem một câu A Di Đà Phật hàng phục cái tâm, đây gọi là “*đời nghiệp vãng sanh*”. Tuyệt đối chẳng phải là một mặt niệm Phật, mặt khác vẫn sanh phiền não, vẫn là khởi tâm động niệm, như vậy là vô dụng! Nói trắng ra, một câu Phật hiệu của quý vị không đắc lực, không đè nén vọng tưởng, tạp niệm được, đây là không đắc lực. Vì sao không đè nén vọng tưởng, tạp niệm được? Do quý vị không buông xuống, quý vị không thật sự cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, không sanh tâm chân thật, không bỏ được tình duyên thế gian, làm sao đi được?

Do vậy, ở đây, tôi đặc biệt muốn khuyên khích các vị đồng tu chúng ta: Quán Trưởng vãng sanh đã ban cho chúng ta một sự khai thị rất lớn. Nói cách khác, bà đã ban cho chúng ta một bài học trọng yếu nhất. Bà cảnh tỉnh chúng ta: Vãng sanh nhất định phải đứng mà đi, phải ngồi mà đi, đừng sanh bệnh, biết trước lúc mất thì bản thân quý vị mới có thể nắm vững, mới thật sự vãng sanh. Nếu ngã bệnh nằm trên giường, ngay cả sức lực để tự trở mình cũng không có, hoàn toàn là nghe theo người khác sắp đặt, hy vọng vãng sanh rất mờ mịt! Trong khi ấy, nếu quý vị không gặp được thiện hữu giúp đỡ sẽ chẳng thể vãng sanh. Thiện hữu thật sự hiểu biết những kiến thức thông thường trong thời điểm khẩn yếu ấy, thời thời khắc khắc nhắc nhở người [sắp mất] giữ chánh niệm; chánh niệm là buông xuống hết thảy, hết thảy mọi chuyện đều không quan tâm tới, hết thảy đều chẳng cần bận lòng nữa, nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Thường xuyên

nhắc nhở, thường xuyên căn dặn. Nếu không, người [sắp mất] ấy sẽ lúc thì thấy quý, lúc thì thấy thân, đây chính là nghiệp lực trong lục đạo hiện tiền.

Quán Trưởng có phước báo, khi bà bệnh hơi nặng hơn, những người xuất gia chúng ta đều vây quanh bà, bảo vệ bà, [được như vậy] chẳng dễ dàng đâu! Có mấy người gặp được [cơ hội này]? Quý vị nghĩ thử xem, tương lai quý vị vãng sanh có gặp được duyên ấy hay chẳng? Quý vị gặp được duyên ấy thì không có vấn đề gì, bảo đảm đưa quý vị đi vãng sanh. Nhưng nếu quý vị chẳng gặp được duyên ấy thì hỏng rồi, hỏng mất rồi! Chúng tôi nghĩ như thế này: Chúng ta có thể bảo vệ, đưa Quán Trưởng đi vãng sanh, tương lai bản thân chúng ta vãng sanh, ai sẽ bảo vệ đưa chúng ta đi? Không nhờ cậy được! Do vậy, chỉ có chính mình thực sự làm, chính mình phải thật sự đứng mát, ngồi mát, không cần người ta giúp đỡ, chẳng phiền tới người khác, đây mới là thật sự nắm chắc. Đứng mát, ngồi mát, biết trước lúc mất, chúng ta có thể làm được hay không? Thừa với quý vị, ai cũng đều có thể làm được! Chỉ cần quý vị thật sự buông xuống được, tâm quý vị niệm Phật thật sự khẩn thiết thì không có vấn đề gì cả!

Thông thường, nếu niệm Phật như thế, đạt đến cảnh giới ấy, công phu thành tựu nói chung ba năm là đủ rồi. Quý vị đã niệm được ba năm rồi, niệm được ba mươi năm rồi, vì sao vẫn chẳng có tin tức gì? Đây là vì quý vị công phu không đặc lực, quý vị hoàn toàn không vứt bỏ được vọng tưởng, tạp niệm. Một mặt niệm Phật, một mặt khởi vọng tưởng, cho nên công phu của quý vị không đặc lực. Nhất định phải chú ý tới điều này, con người trong sát-na lâm chung, trong sát-na hơi thở dứt bật, chính là thời khắc quyết định tương lai người ấy sẽ đi vào đường nào. Trong sát-na ấy, một câu A Di Đà Phật thì người ấy liền vãng sanh. Trong Vô Lượng Thọ Kinh, nguyện thứ mười tám là “*lâm chung mười niệm hay một niệm, nhất định vãng sanh thế giới Cực Lạc*”. Cho nên một niệm tối hậu ấy là quyết định, là mấu chốt. Lúc bình thường là luyện binh, khi lâm chung là chiến đấu, hy vọng một niệm tối hậu là A Di Đà Phật, chứ không phải là tạp niệm hay những lời thừa thãi.

Thông thường, người ta mất đi đều có thân Trung Âm. Tôi nghĩ quý vị có thân thích, bằng hữu, người già qua đời, quý vị đến tiễn đưa, rõ ràng là đã từng trông thấy. Người ấy đã tắt hơi rồi, chúng ta đứng bên cạnh người ấy niệm Phật, niệm tới tám tiếng đồng hồ, khuôn mặt người ấy sẽ hiện vẻ biến đổi. Tuy người ấy không nói năng được, nhưng nếu quý vị quan sát cẩn thận những biểu hiện trên khuôn mặt người ấy: Nếu người ấy đau đớn, có giằng co gì thì quý vị chú tâm quán sát sẽ thấy có dấu tích. Sau khi thân thức hoàn toàn rời đi, người ấy có thể khôi phục lại dáng vẻ bình thường, đây là có Trung Âm. Trong kinh dạy thân thức tách rời thân thể giống như con rùa bị bóc mai trong khi còn sống, rất đau khổ! Do vậy khi người ấy sắp mất, quyết chớ nên đụng chạm vào người ấy. Chúng ta thường nói là tám tiếng đồng hồ,

nhưng theo sách Sức Chung Tân Lương dạy thì là mười hai tiếng. Mười hai tiếng là an toàn nhất. Người ấy đã hoàn toàn rời lia xác thân, quý vị có thể đụng chạm, sờ mó, không có vấn đề chi hết!

Trong vòng mười hai tiếng đồng hồ, chớ nên chạm vào. Chẳng những không được chạm vào thân thể, mà còn có kẻ vô tri, nghe kinh nói nếu ai được vãng sanh thì [thần thức] sẽ thoát ra từ đỉnh đầu, toàn thân đều lạnh, đến cuối cùng đỉnh đầu vẫn còn có chút hơi nóng, muốn sờ vào để thăm dò người mất ấy sẽ đi về đâu? Thăm dò như vậy sẽ lôi người ấy trở lại, lại đưa người ấy vào trong tam ác đạo! Người thăm dò là oán gia trái chủ của người mất, [những người hộ niệm] phải chấn chỉnh người ấy, quyết định chẳng được đụng chạm! Thăm dò để làm gì cơ chứ? Không cần thiết! Thực ra, khi đứng bên cạnh lắng lòng quán sát thì sẽ có thể phán đoán được! Lâm chung ra đi không có Trung Âm, hết sức hiếm có! Tôi cũng đã đưa tiễn không ít người, lúc lâm chung không có Trung Âm thì chỉ có mình Quán Trượng, tôi chỉ thấy có mình bà ta là không có Trung Âm. Ấy là vừa tắt thở liền vãng sanh, phù hợp với điều được dạy trong kinh, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới không có Trung Âm. Thêm nữa, người sanh lên trời cũng không có Trung Âm, người cõi trời phước báo lớn nên chẳng qua giai đoạn Trung Âm. Lại còn một loại là đọa vào địa ngục cũng không có Trung Âm, đây là địa ngục Vô Gian, vừa tắt thở liền đọa ngay, nhưng người ấy lộ vẻ rất hoảng sợ, tướng trạng rất khó coi! Nhưng tướng ấy không hề có biến hóa. Kinh điển dạy chúng ta rằng: Trong ba thứ tình huống ấy thì không có Trung Âm, còn những trường hợp khác đều có Trung Âm. Do vậy, nếu chúng ta không việc gì thì phải đọc sách Sức Chung Tu Tri (những điều cần biết về việc hộ niệm cho lúc lâm chung) cho nhiều, không gì quan trọng bằng hiểu rõ kiến thức này. Chúng ta hiểu rõ rồi, tánh cảnh giác của chúng ta mới cao, vì sao vậy? Mỗi cá nhân đến lúc cuối cùng đều phải trải qua giai đoạn này. Đến lúc ấy, nếu như có oán thân trái chủ đến bên cạnh rờ rẫm, thăm dò, làm cách nào đây? Không có biện pháp nào ngăn ngừa được, cho nên [lúc bình thường] phải thật thà niệm thì mới an toàn.

Nhưng trong Niệm Phật Luận, chúng ta đã cho in rất nhiều bản Niệm Phật Luận; cuốn sách này do lão pháp sư Đàm Hư giảng, pháp sư Đại Quang ghi lại. Hai tháng trước đây, pháp sư Đại Quang đã vãng sanh. Chúng tôi cũng rất thân quen với thầy ấy, cũng là bạn cũ của nhau. Năm nay, thầy ấy cũng phải ngoài tám mươi tuổi rồi! Những người được nói tới trong phần sau cuốn Niệm Phật Luận toàn là phàm phu, đều là kẻ bình thường. Người xuất gia như pháp sư Tu Vô tại chùa Cực Lạc ở Cát Nhĩ Tân (Harbin), chúng tôi đọc xong bèn mong được đến thăm chùa Cực Lạc. Pháp sư Tu Vô vãng sanh tại nơi ấy, biết trước lúc mất, ngồi mất. Vị pháp sư ấy xuất gia cũng là người khổ não, trước khi xuất gia làm thợ nề, không biết chữ, chỉ

biết niệm một câu A Di Đà Phật, chuyện gì cũng không biết, là người chất phác. Người chất phác niệm Phật bèn thật thà niệm, chúng ta không chất phác nên niệm Phật cũng không thật thà! Các quý vị thấy Ngài ra đi thông dong, tự tại như thế đó!

Cư sĩ Trịnh Tích Tân là người buôn bán. Nghe lão pháp sư Đàm Hư giảng kinh Di Đà, biết Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt lành, ông ta giác ngộ liền, không buôn bán nữa, chuyên môn niệm Phật, chuyên môn giảng kinh Di Đà, đến các nơi giảng kinh Di Đà cho người ta nghe, khuyên người khác niệm Phật. Khi ông ta mất là biết trước lúc mất, không đổ bệnh, ngồi qua đời. Trong truyện ấy còn kể kèm thêm truyện của người em trai ông ta. Em trai ông ta thoát đầu không tin tưởng, trách móc người anh nghỉ buôn bán, bỏ đi niệm Phật, chê anh mê tín, học Phật đến nỗi mê muội luôn! Về sau, thấy anh mình ra đi tự tại như vậy ông ta bèn tin tưởng, ông ta cũng niệm Phật! Niệm được ba năm cũng vãng sanh. Chẳng qua ông ta vãng sanh còn mắc chút bệnh khổ, không được thông dong như anh mình, nhưng kể như là có công phu.

Tại chùa Trạm Sơn ở Thanh Đảo có một vị nữ đồng tu họ Trương cũng là người khổ não. Chồng bà ta là phu kéo xe, xe kéo hiện thời không còn nữa. Rất khổ! Cu-li mà! Bà ta có hai đứa con nhỏ, một nhà bốn miệng ăn. Ngày nào chồng bà ta không kéo xe thì ngày đó không có cơm ăn, sống khổ sở như vậy. Mỗi Chủ Nhật, chùa Trạm Sơn có hội Niệm Phật, bà ta đều tham gia. Bà niệm rất thành tâm, khi vãng sanh biết trước lúc mất, ngồi qua đời!

Chúng ta thấy những người ấy đều là người khổ não, bởi lẽ họ khổ quá cho nên đối với thế gian này chẳng lưu luyến gì nữa. Vì sao ngày nay chúng ta không thành công? Có một chút của cải đã hại chết quý vị rồi! Cuộc sống của quý vị vẫn còn khá, quý vị lưu luyến thế gian này, quý vị không buông xuống được. Bọn họ một ngày không làm là một ngày không có cơm ăn; chẳng biết ngày mai sẽ sống bằng cách nào? Đối với thế gian này trọn chẳng có mảy may lưu luyến gì! Nghe nói Tây Phương thế giới tốt lành liền nhất tâm nhất ý cầu sanh. Ý niệm cầu sanh khẩn thiết, chân thật, triệt để buông thế gian này xuống, thật sự phù hợp với điều kinh đã giảng: *“Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm”*. Do vậy, tâm họ thanh tịnh. Đừng thấy người ta sống khổ sở, tuy cuộc sống khổ sở như thế nhưng tâm họ thanh tịnh. Kẻ làm quan lớn trong thế gian, đại phát tài đều thua họ. Tâm họ thanh tịnh, công phu niệm Phật đặc lực; đây là những tấm gương cho chúng ta, chúng ta phải nên học tập theo đây.

Học bằng cách nào? Xả! Không xả là không được! Xả phiền não, xả sanh tử, xả lục đạo, xả bệnh khổ, chẳng được lưu luyến mảy may nào, sanh tử là chuyện lớn mà! Vô lượng kiếp đến nay, chúng ta đều không có cách

nào thoát lìa lục đạo luân hồi, đều không có cách gì liễu sanh tử, lần này gặp được cơ hội này, gặp được kinh điển này, gặp được pháp môn này, chỗ mấu chốt trong hiện thời là chúng ta có buông xuống được hay không? Hễ có thể buông xuống được, chiếu theo kinh luận, phương pháp này để tu hành thì chắc chắn sẽ thành tựu. Do vậy, thanh tịnh đạo là trọng yếu. Ý nghĩa thứ ba là:

Thanh tịnh quảng đại tâm.

清淨廣大心。

(Tâm thanh tịnh rộng lớn).

Đây là ý nghĩa “*đầy đủ trọn khắp*” đã nói trong phần trước. Tâm chẳng những phải thanh tịnh mà còn phải rộng lớn, phải giống như Phật, Bồ Tát. “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (Tâm bao thái hư, lượng trọn khắp các cõi có số lượng nhiều như cát). Phải có cái tâm ấy. Có cái tâm như vậy sẽ tự nhiên trên cúng dường chư Phật, dưới hóa độ chúng sanh, không phân biệt, không chấp trước, không thấy thân - sơ, tâm đại từ bi tự nhiên lưu lộ. Câu này bao gồm nội dung của ba câu trong số mười ba câu hỏi nơi phần trước. Từ đây trở đi, mỗi câu [trả lời] đều nhằm ăn khớp với những câu hỏi trong phần trước. Chúng ta xem câu thứ ba trong lời chú giải.

Tam, tức tiền chuyển, Bồ Đề hạnh diệt chuyển biến cố.

三即前轉，菩薩行亦轉變故。

(Điều thứ ba chính là chuyển biến như trong phần trước đã nói, vì hạnh Bồ Đề cũng chuyển biến)

Kinh văn ghi “*cần cầu Bồ Tát xuất hiện thân biến*” (siêng cầu Bồ Tát xuất hiện thân thông biến hóa), chữ “*thần biến*” ấy có nghĩa là Chuyển. Vì sao có chuyển biến? Nói thật ra, biến hóa rất nhiều. Chuyển biến to lớn như trong phẩm Phổ Môn đã nói “*nên dùng thân nào để độ được bên hiện thân ấy*”. Đây là chuyện lớn lao. Trong những chuyện nhỏ nhặt thường ngày, tùy theo thói quen sinh sống của chúng sanh, tùy thuận ý thức, hình thái của chúng sanh, tùy thuận hết thấy lòng ưa ghét của chúng sanh mà Bồ Tát qua lại với họ, cũng thường chuyển biến ở trong ấy. Những điều ấy đều gọi là “*thần biến*”. Như vậy mới có thể hóa độ chúng sanh, cùng hòa quang đồng trần với chúng sanh, nay chúng ta gọi là “*cơ hội giáo dục*”, tùy thời tùy chỗ vận dụng cơ hội giáo dục khéo léo thì đều thuộc về chuyển biến.

Tứ, tức thâm nhập.

四即深入。

(Điều thứ tư là thâm nhập)

Tức “*siêng cầu Bồ Tát thị hiện các môn giải thoát rộng lớn*”.

Thâm nhập quảng đại giải thoát môn cố.

深入廣大解脫門故。

(Vì thâm nhập môn giải thoát rộng lớn)

“Môn” (門) là nói tỷ dụ, tỷ dụ sự ra vào; ra vào đều theo cái cửa ấy. Ở đây nói ra tam giới, vào tam giới, ra mười pháp giới, vào mười pháp giới, tỷ dụ như vậy. “*Quảng đại giải thoát môn*” là ra khỏi mười pháp giới thì mới là “*quảng đại*”. Giải thoát môn được nói đến trong Tiểu Thừa chỉ là thoát lìa lục đạo luân hồi liền coi là giải thoát rồi! Chữ Giải (解) là Phá Âm Tự⁹ đọc giọng Khứ Thanh, dùng đọc là jiě, hãy đọc là xiè, nên coi chữ này được dùng như động từ, [mang ý nghĩa] cởi gỡ ra. Cởi gỡ những gì? Phiền não, giải trừ Kiến Tư phiền não. “Thoát” (脫) là thoát lìa lục đạo luân hồi. Nếu quý vị chẳng giải trừ được Kiến Tư phiền não sẽ không ra khỏi lục đạo luân hồi. Do vậy, giải thoát gồm hai chuyện. “*Đại giải thoát môn*” ở đây chẳng những là giải trừ Kiến Tư phiền não mà Trần Sa phiền não cũng giải trừ, Vô Minh phiền não cũng phải tối thiểu giải trừ được một phần. Như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Bốn mươi một phẩm vô minh phá được một phẩm thì mới thoát lìa mười pháp giới, nhập Nhất Chân pháp giới. Đây gọi là đại giải thoát, quảng đại giải thoát*”. Quảng (廣) là khen ngợi nó lớn lao, bởi lẽ khi ấy đã minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. “*Thâm nhập quảng đại*” ý nghĩa càng sâu, bởi lẽ vô minh có bốn mươi một phẩm, nay quý vị mới phá được một phẩm, vẫn chưa thể thâm nhập. Bốn mươi một phẩm vô minh phá sạch rồi, chứng được Phật quả rốt ráo trong Viên giáo, mới gọi là “*thâm nhập quảng đại giải thoát môn*”. Thiện Tài đồng tử mong cầu, nguyện vọng cao cả, chẳng phải là đạt đến giai đoạn này bèn “được chút ít đã cho là đủ”, Ngài không hề như vậy. Ngài hy vọng thành tựu viên mãn giống hệt như chư Phật Như Lai. Đây là ý nghĩa của câu thứ tư.

Ngũ, tức xuất sanh.

五即出生。

(Câu thứ năm là xuất sanh)

Tức câu “*cần cầu Bồ Tát thị hiện thế gian chúng chúng tác nghiệp*” (siêng cầu Bồ Tát thị hiện các thứ công việc thế gian).

Chúng chúng tác nghiệp phương năng sanh cố.
種種作業方能生故。

(Thì các thứ tác nghiệp mới có thể sanh ra được)

Đây là ý nghĩa “*xuất sanh*”. Vậy thì Bồ Tát có sự nghiệp hay không? Có chứ! Ở đây, chúng ta thấy năm mươi ba vị thiện tri thức nhìn trên hình tướng có nam, nữ, già, trẻ; nhìn từ công việc, bao gồm các ngành, các nghề. Thật sự, Thế Tôn dùng bọn họ để tượng trưng cho xã hội của chúng ta trong hiện thời. Chúng ta từ sáng đến tối lục căn tiếp xúc cảnh giới, người, sự, vật, các thứ công việc, luôn có Bồ Tát thị hiện trong ấy. Họ phải làm, họ chẳng thể không làm! Chẳng những phải làm, mà như chúng tôi thường nói trong các buổi giảng: “Họ phải nêu một tấm gương tốt đẹp nhất cho hết thầy mọi người!” Quý vị là học trò, Bồ Tát cũng làm học trò, nhưng Bồ Tát là học trò ưu tú nhất, phẩm hạnh lẫn học vấn đều nổi bật, là tấm gương tốt nhất cho bọn học trò. Quý vị làm thương nhân, Bồ Tát cũng làm thương nhân. Trong giới con buôn, Bồ Tát nêu gương tốt nhất cho lũ con buôn, gương tốt ấy chính là “*giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm*”. Do vậy, bất luận trong nghề nghiệp nào cũng đều làm gương mẫu cho nghề nghiệp ấy, đều là điển hình cho nghề nghiệp ấy. Nếu là bà chủ trong gia đình, Bồ Tát cũng nêu một tấm gương tốt về bà chủ trong gia đình, nêu khuôn mẫu. Chư Phật Như Lai nêu gương tốt cho Bồ Tát, Bồ Tát học theo Phật, nêu gương tốt cho hết thầy chúng sanh. “*Siêng cầu Bồ Tát thị hiện các thứ công việc trong thế gian*” là Bồ Tát đạo, chứ không phải là phạm phu. Câu kế tiếp đó: “*Cần cầu Bồ Tát tùy thuận chúng sanh chúng chúng tâm hạnh*” (Siêng cầu Bồ Tát tùy thuận các thứ tâm hạnh của chúng sanh); đây chính là quán sát.

Quán sát chúng sanh tâm hạnh dị cố.
觀察眾生心行異故。

(Vì quán sát thấy tâm hạnh của chúng sanh khác biệt)

“*Tâm hạnh*” ở đây chính là “*khởi tâm động niệm*” như chúng ta thường gọi. Bồ Tát phải quán sát chúng sanh khởi tâm động niệm đủ mọi thứ khác nhau. Vì sao khác nhau? Nhân duyên trong ấy rất phức tạp. Nếu Bồ Tát chẳng quán sát cận kề, thâm nhập quán sát thì làm sao có thể giáo hóa chúng

sanh cho khế cơ được? Nhất định phải hiểu tâm hạnh của chúng sanh rồi mới giảng kinh thuyết pháp, câu nào cũng nói trúng phúc tâm trạng của họ, họ mới có thể cảm nhận. Do vậy, điều này rất trọng yếu. Trong kinh đã dạy rất hay! “*Quán sát*” không phải là bảo quý vị nghiên cứu, chẳng phải là bảo quý vị điều tra, chẳng phải là bảo quý vị hãy thông kê, chẳng hề bảo quý vị làm những chuyện đó! Quán sát phải có Định - Huệ; nói cách khác, nếu tâm chính mình không thanh tịnh, quý vị chẳng có cách nào chiếu soi cảnh giới bên ngoài. Do vậy, tâm phải thanh tịnh, tâm thanh tịnh sẽ tràn trề trí huệ, có vậy thì mới có thể chiếu soi tâm hạnh của hết thảy chúng sanh.

Vì vậy, trong quá khứ, các vị tổ sư, đại đức giảng kinh thuyết pháp, lên đại tòa¹⁰. Trước khi thăng đại tòa sẽ có “*nghi quy*”, tức là có nghi thức: xướng tán, lễ bái, tụng kinh, niệm chú, đại khái trong thời gian trước khi giảng, tối thiểu phải là nửa tiếng, [cử hành] nghi thức rất long trọng, hiện thời chúng tôi đều giản lược hết. Hiện thời chúng tôi chỉ lễ Phật ba lạy, mọi người xướng bài Khai Kinh Kệ, chúng tôi liền lên đài giảng kinh. Xưa kia chẳng giống như vậy, trước khi giảng kinh thì tối thiểu là phải nửa tiếng đồng hồ. Sau khi pháp sư thăng tòa, trong nửa tiếng ấy sẽ làm gì? Nhập Định. Mục đích nhập Định để xem xét căn cơ, ở đây gọi là “*quán sát*”, nhập Định để xem xét căn cơ. Nếu không thể nhập Định thì cũng là để cho cái tâm định lại, tĩnh lại. Do vậy, đối với pháp sư mà nói thì Ngài nhập Định quán sát căn cơ; còn về phía đại chúng mà nói thì cũng là chờ những người đến sau, tức những người không thể canh thời gian đến đúng lúc. Vì thời gian nửa tiếng ấy là để chờ những người tới chậm, đây cũng là lòng từ bi.

Xã hội hiện tại khác hẳn với trước kia. Trước kia là xã hội nông nghiệp, mọi người đều có thời gian [rảnh rỗi], chờ đợi không sao cả. Nghi thức long trọng thì đối với mỗi một người có tâm nghe pháp cũng sẽ khởi lòng tôn trọng, vì thế cách này có điểm hay. Xã hội hiện tại đã khác xưa, mọi người rất quý thời gian; nói thật ra, đây là điều đáng nên làm. Thế nhưng bảo “*thời gian là tiền bạc*” thì ngay trong câu nói ấy cũng có nhiều vấn đề, vẫn là còn tham tiền tài, không buông xuống được. Nói theo phương diện Phật pháp, thời gian là sanh mạng, là mạng quang, rất nghiêm túc. Thời gian là tiền bạc, đối với người chân chánh tu hành thì họ đã bỏ sạch tiền tài rồi, họ chẳng coi trọng thứ ấy. Chúng ta cần phải hiểu điều này. Bởi lẽ, trong xã hội hiện tại toàn bộ nghi thức đều bị giản lược, mong sao thời gian chúng ta giảng kinh sẽ có thể dài hơn một chút, giảng được nhiều hơn một chút, chẳng phụ lòng các vị đồng tu từ nơi xa đến nghe. Đây chính là điểm khác biệt giữa hiện tại và quá khứ, nhưng công phu quán sát này vẫn hết sức trọng yếu.

Thất tức tăng quảng, hành vô trụ đạo phương tăng quảng cố.

七即增廣，行無住道方增廣故。

(Câu thứ bảy chính là mở rộng, vì hạnh đạo vô trụ thì mới tăng rộng được)

Trong kinh văn, câu này được ghi là “*cần cầu Bồ Tát thị hiện nhập xuất sanh tử Niết Bàn*” (siêng cầu Bồ Tát thị hiện ra vào sanh tử, Niết Bàn). Ở đây đại sư Thanh Lương chú giải rất đơn giản, mà ý nghĩa rất viên mãn. Phải “*hành vô trụ đạo*” thì mới thực hiện được chuyện này, đây chính là tự tại trong sanh tử Niết Bàn, tự tại trong nơi ấy. Chúng ta thường gọi vị nào làm được điều này là “*thừa nguyện tái lai*”; vị ấy thật sự có năng lực thừa nguyện tái lai. Phải như kinh Kim Cang đã dạy: “*Trụ vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (Không trụ vào đâu để sanh tâm) thì mới được! Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiên Tông nhờ câu kinh này mà khai ngộ. Ngài nhập vào cảnh giới ấy, cho nên Ngài thật sự là “*vô trụ sanh tâm*”. “*Vô trụ*” là tâm thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, Ngài nói: “*Bổn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai*” (Vốn không có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần). Đây là vô trụ, chẳng những trong tâm Ngài không có pháp thế gian mà Phật pháp cũng không có. Vì sao vậy? Phật pháp vẫn là pháp do nhân duyên sanh. Kinh Kim Cang dạy: “*Pháp thượng ung xả, hà hướng phi pháp?*” (Pháp còn nên bỏ, hướng hồ phi pháp). “*Phi pháp*” là pháp thế gian, “*pháp*” là Phật pháp. Phật pháp lẫn thế gian pháp đều chẳng trụ, “*chẳng trụ*” là không để vào lòng, tâm quý vị sạch sẽ, thanh tịnh! “*Nhi sanh kỳ tâm*”, sanh tâm gì? Tâm đại từ đại bi. Vì vậy, cái tâm ấy không phải là vắng lặng, Ngài vẫn còn có niệm, chứ không phải là vô niệm; đối với chính mình thì Ngài vô niệm, nhưng niệm niệm vì chúng sanh. Do vậy, Ngài sống bằng tấm lòng từ bi. “*Vô trụ*” và “*sanh tâm*” là một, không phải hai. Đây chính là pháp môn Bất Nhị. Bậc Tiểu Thừa vô trụ nhưng không sanh tâm, chẳng sanh khởi tâm từ bi. Phạm phu chúng ta hễ sanh tâm thì phải trụ, hễ sanh tâm ắt có trụ. Chỉ có Bồ Tát mới có thể vô trụ và sanh tâm đồng thời. Đây là chỗ cao minh của họ. Vì thế, các vị ấy có thể tăng quảng. Chúng ta hãy xem nhé:

Cựu kinh văn “*câu sanh tử Niết Bàn môn*”, vị bất trụ Niết Bàn tức sanh tử môn, bất trụ sanh tử tức Niết Bàn môn.

舊經云求生死涅槃門，謂不住涅槃即生死門，不住生死即涅槃門。

(Bản dịch cũ (tức Lục Thập Hoa Nghiêm) ghi là “*câu sanh tử Niết Bàn môn*”, ý nói: Chẳng trụ Niết Bàn thì là sanh tử môn, chẳng trụ sanh tử thì là Niết Bàn môn)

Niết Bàn là “vô trụ”, sanh tử là “sanh tâm”. Vì ấy sanh tâm là vào trong lục đạo độ chúng sanh, đáng nên dùng thân nào để độ được bèn thị hiện thân ấy. Giống như Quán Thế Âm Bồ Tát có ba mươi hai ứng thân, đáng nên dùng thân nào để độ được bèn thị hiện thân ấy. Tuy thị hiện thân, tâm Ngài thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần; vì thế, luận theo phía Ngài thì Ngài trụ Niết Bàn, luận theo phía chúng sanh, Ngài trụ trong sanh tử. Cả hai phía Ngài đều trụ, mà cũng có thể nói là cả hai phía Ngài đều chẳng trụ; bởi lẽ, chính Ngài đã trụ Niết Bàn nên Ngài không có sanh tử; Ngài trụ trong sanh tử, không trụ trong Niết Bàn, cả hai phía đều chẳng trụ. Vì thế gọi là “*đắc đại tự tại*”. Do vậy, “*chẳng trụ sanh tử tức Niết Bàn môn*”.

Nhị câu bất trụ, tức thị xuất nghĩa.

二俱不住，即是出義。

(Cả hai đều chẳng trụ chính là ý nghĩa của chữ Xuất)

Vượt thoát, chẳng trụ trong sanh tử, chẳng trụ trong Niết Bàn.

Do câu bất trụ.

由俱不住。

(Do đều chẳng trụ)

Hai bên đều chẳng trụ.

Phương năng câu trụ.

方能俱住。

(Thì mới có thể đều cùng trụ)

“Trụ” ở đây chính là ý nghĩa của chữ “*nhập*”. Nhập là thả chiếc bè từ, Ngài trụ vào cả hai bên. Tôi vừa mới nói, đối với chính Ngài mà nói thì Ngài trụ trong Niết Bàn, đối với hết thầy chúng sanh để nói thì Ngài trụ trong sanh tử. Cả hai bên Ngài đều trụ, chẳng trụ mà trụ nên gọi là “*thị hiện*”. Đây chính là sự thị hiện của Phật, Bồ Tát.

Bát tức thành tựu.

八即成就。

(Câu thứ tám là thành tựu)

Tức là câu “*cần cầu Bồ Tát u vi vô vi tâm vô sở trước*” (siêng cầu Bồ Tát đối với hữu vi và vô vi, tâm không chấp trước). “*Vi*” là pháp hữu vi, “*vô vi*” là pháp vô vi, Ngài đều chẳng trụ vào pháp hữu vi lẫn pháp vô vi. Hai bên đều chẳng trụ thì mới gọi là thành tựu.

Ư vi vô vi tâm vô sở trước, hà hạnh bất thành?

於為無為心無所著，何行不成。

(Đối với hữu vi lẫn vô vi tâm đều không chấp trước, hạnh nào chẳng thành?)

Do vậy, vị ấy có thể ở trong thế gian thị hiện các thứ thân phận, thị hiện các thứ việc làm nhằm nêu gương cho hết thảy chúng sanh, dạy hết thảy chúng sanh “chẳng biến đổi cuộc sống hiện tại của quý vị”. Hiện thời quý vị đang sống như thế nào thì quý vị cứ sống như thế ấy, chẳng thay đổi công việc hiện tại của quý vị, chẳng thay đổi hoàn cảnh sống của quý vị, quý vị hành Bồ Tát đạo ngay trong ấy. Điều này hay tuyệt đến cùng cực! Siêu phàm nhập thánh ở ngay trong ấy. Quý vị muốn vượt thoát lục đạo luân hồi, quý vị muốn vượt thoát mười pháp giới thì vượt nơi đâu? Vượt ngay trong cuộc sống hiện tại của chính mình, vượt thoát ngay trong công việc thường ngày hiện tại; quý vị thấy rất tự tại! Vị ấy nêu khuôn mẫu cho chúng ta, biểu diễn cho chúng ta xem. Trong kinh thường nói: “*Vì người khác diễn nói*”. “*Diễn*” là nêu gương cho người ta nhìn vào, “*thuyết*” là giảng giải. Do vậy, đây là thành tựu thật sự.

Có Thế Tôn thuyết tận vô tận pháp, bất tận hữu vi, bất trụ vô vi. Ư hữu vi giới thị vô vi pháp, u vô vi giới thị hữu vi pháp. Hà sở trước tai?

故世尊說盡無盡法，不盡有為，不住無為。於有為界示無為法，於無為界示有為法，何所著哉。

(Cho nên đức Thế Tôn nói trọn hết pháp vô tận, chẳng tận hữu vi, chẳng trụ vô vi. Nơi hữu vi giới, chỉ bày pháp vô vi, trong vô vi giới chỉ bày pháp hữu vi! Há có gì để chấp nữa ư?)

Mấy câu chú giải này, khi tôi giảng kinh Kim Cang vào năm ngoái, [đã nói] mấy câu này là toàn bộ ý nghĩa kinh Kim Cang. Một bộ kinh Kim Cang từ đầu đến cuối đều nói mấy câu này. Quý vị thấy đó, trong thuở đức Phật thị hiện trong cõi đời, cuộc sống của Phật mỗi ngày là mặc y, trì bát,

khất thực, trở về giảng kinh thuyết pháp cho hàng đệ tử. Đây chính là nêu gương cho người xuất gia. Du hóa mười phương, không ở nhất định một chỗ nào. Địa phương nào có duyên bèn đến nơi ấy du hóa. Trong thuở ấy, quả thật học sinh luôn lấy thầy làm gương, học sinh tại gia, nam, nữ, già, trẻ, các ngành các nghề đều có, thân cận đức Phật, nghe Phật thuyết pháp bèn giác ngộ, thực hiện sự nghiệp Bồ Tát trong công việc, trong nghề nghiệp của chính họ. Kẻ buôn bán thì làm một vị Bồ Tát thương nhân, tôi vừa mới nói rồi đó. Học sinh thì làm một vị Bồ Tát học sinh. Nội trợ thì làm một vị Bồ Tát nội trợ, lặn mình biến một cái điều biến thành Bồ Tát hết. Phạm phu đều biến thành Bồ Tát, lục đạo đều biến thành Nhất Chân pháp giới, chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, học Hoa Nghiêm nếu không hiểu đạo lý này, chẳng biết phương pháp này, sẽ không chuyên được cảnh giới, vậy là quý vị đã uổng công học rồi, quý vị chẳng thọ dụng được. Học rồi phải biết dùng, trở về nhà chuyên được cảnh giới liền. Ấy chính là “*vô trụ sanh tâm*” như kinh Kim Cang đã nói. Câu cuối cùng:

Viên mãn.

圓滿

Tức câu “*cần cầu Bồ Tát trừ đoạn chúng sanh chủng chủng phiền não vi tế quá thất*” (siêng cầu Bồ Tát trừ dứt các lỗi làm vi tế phiền não của chúng sanh).

Năng trừ chúng sanh vi tế quá thất, phương viên mãn cố.

能除眾生微細過失，方圓滿故。

(Vi trừ được những lỗi làm nhỏ nhặt của chúng sanh thì mới viên mãn).

Đừng nói là không có lỗi làm lớn, lỗi làm nhỏ nhặt cũng đều không có. Đây mới là đạt đến viên mãn. Nếu chúng ta hỏi, do đâu mà có lỗi làm? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nơi tự tánh thanh tịnh trong tâm vốn không có, không hề có ba món ấy! Do vậy, chúng là hư vọng. Vì sao không gạt bỏ hư vọng ấy? Thật ra, bỏ chẳng được! Hãy học theo những kẻ chất phác, trong mười hai thời [chỉ có] một câu Phật hiệu thì lỗi làm nhỏ nhặt quý vị cũng không có nữa. Suốt ngày từ sáng đến tối A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, nào còn có lỗi làm gì? Biện pháp ấy tốt đẹp cho nên đối với người thật thà niệm Phật lỗi làm nhỏ nhặt cũng không có. Chúng ta đi theo con đường này, dễ đi, đã vừa hết sức ổn thỏa, thích đáng, vừa hết sức

thiết thực, trong một thời gian ngắn sẽ có thể thành đạt to lớn. A! Hôm nay, tôi giảng đến đây thôi.

---o0o---

Tập thứ tư (12-03-04)

Xin mở quyển kinh, trang thứ mười một, dòng thứ nhất.

Thiện nam tử! Ngã đắc tự tại quyết định giải lực, tín nhãn thanh tịnh, trí quang chiếu diệu, phổ nhãn minh triệt, cụ thanh tịnh hạnh.

善男子，我得自在決定解力。信眼清淨。智光照曜。普眼明徹。具清淨行。

(Này thiện nam tử! Ta đắc tự tại quyết định giải lực, tín nhãn thanh tịnh, trí quang chiếu rạng, phổ nhãn soi thấu suốt, đầy đủ hạnh thanh tịnh).

Đến đây là một tiểu đoạn. Trong đoạn này, tỳ-kheo Cát Tường Vân truyền dạy pháp yếu cho Thiện Tài đồng tử. Ngài truyền thọ pháp do chính Ngài tu học; chẳng những chính Ngài tu học mà chính Ngài còn đã chứng đắc. Do chính Ngài đã đích thân chứng đắc thì mới có thể nói tới chuyện truyền pháp. Nếu chính mình chẳng đích thân chứng đắc, sẽ chẳng thể nói đến chuyện truyền dạy được! Câu này ý nghĩa rất sâu. Trong một câu trên đây đã nói đến bốn chuyện. Ngài nói: “*Ta đã đạt được*”, điều thứ nhất là “*tự tại*”. Ngài đã đạt được tự tại rồi! Ngài đạt đến “quyết định” và “giải lực”. Trong một câu này bao gồm bốn sự kiện, bốn câu tiếp theo là nói về đức lực của Ngài. Đây là cảnh giới của bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, cảnh giới “phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân”. Chúng ta hãy xem chú giải:

Đệ nhị.

第二 .

Chữ “*đệ nhị*” chỉ đoạn thứ hai.

Thiện nam tử! Ngã đắc.

善男子！我得。

(Này thiện nam tử! Ta đạt được)

Đoạn kinh văn thứ hai là từ câu này trở đi, chỉ ra đoạn kinh văn này.

Chánh thị pháp giới.

正示法界。

(Chỉ thẳng vào pháp giới).

“Thị” là chỉ dạy, đến chỗ này mới chánh thức chỉ dạy sự khế nhập pháp giới.

Tức Niệm Phật tam-muội, thôi thẳng chi nội phương cử kỳ danh.

即念佛三昧。推勝之內，方舉其名。

(Chính là Niệm Phật tam-muội, nhưng đến phần đề cao người khác cao trội hơn ta thì mới nêu ra danh hiệu [của môn tam-muội] này)

Phần “*thôi thẳng*” (đề cao vị thiện tri thức khác cao trội hơn mình) nằm trong đoạn thứ tư. Ở đây là đoạn thứ hai. Trong đoạn thứ tư, tỳ-kheo Cát Tường Vân mới nói đem danh xưng của pháp giới do chính mình đã chứng được, danh xưng của quả vị chính mình đã chứng được để nói ra. Đây là đoạn kinh văn trong phần sau.

Kim chánh thị trung, duy chương thể dụng.

今正示中，唯彰體用。

(Nay trong phần chánh thức giảng giải cảnh giới này, chỉ nêu bày Thể và Dụng)

Trong đoạn này, trọng điểm trong lời chỉ dạy của [tỳ-kheo Cát Tường Vân] dành cho Thiện Tài đồng tử là Thể và Dụng của sự tu học, tức Thể và Dụng do Ngài đã chứng đắc.

Văn trung nhị, tiên minh thể tướng, hậu biện thắng dụng.

文中二。先明體相，後辨勝用。

(Kinh văn được chia thành hai phần, trước hết nêu ra thể tướng, kế đó là biện định tác dụng thù thắng)

Trong đoạn kinh văn này có hai đoạn, đây là đoạn thứ nhất, thuyết minh về thể tướng.

Văn hữu ngũ cú, cụ hàm danh nghĩa. Hạ kết danh vân.

文有五句，具含名義。下結名云。

(Kinh văn gồm năm câu, chứa đựng đủ cả danh và nghĩa. Trong lời kết luận ở phần sau, sẽ nêu [danh xưng của môn giải thoát này])

Ở chỗ này, đại sư đem phần kinh văn tiếp theo trích lục ở nơi đây. Trong đoạn thứ tư, tỳ-kheo Cát Tường Vân sẽ nói ra danh xưng của pháp Ngài đã đắc.

Ngã duy đắc thứ “ức niệm chư Phật bình đẳng cảnh giới vô ngại trí huệ phổ kiến pháp môn” cố.

我唯得此憶念諸佛平等境界無礙智慧普見法門故。

(Ta chỉ đạt được pháp môn “trí huệ vô ngại thấy trọn khắp, nghĩ nhớ cảnh giới bình đẳng của chư Phật” này)

Câu này nói về sở chứng của tỳ-kheo Cát Tường Vân.

Văn trung sơ cú vi tổng.

文中初句為總。

(Câu đầu tiên trong kinh văn là nói chung)

Tôi vừa mới nói [điều này] với quý vị.

Tự tại quyết định giải lực.

自在決定解力。

([tức là giảng về] sức tự tại quyết định giải)

Đây là câu nói chung, tiếp theo là giảng rõ cho chúng ta biết ý nghĩa của câu này.

Tự tại hữu nhị nghĩa, nhất quán cảnh tự tại, dục quán, bất quán, nhược nhất, nhược đa, giai tự tại cố.

自在有二義。一觀境自在。欲觀不觀，若一若多，皆自在故。

(“Tự tại” có hai nghĩa. Một là quán cảnh tự tại, vì muốn quán hay không quán, hoặc một, hoặc nhiều đều tự tại)

“*Quán, bất quán, nhược nhất, nhược đa*”, nói thật ra, như vậy là đã chẳng dễ dàng rồi, làm sao mới được tự tại đối với cảnh được quán ở đây? Đây là một câu hỏi lớn. Chữ Quán này chính là sáu căn khởi tác dụng. Sáu căn đối với cảnh giới sáu trần khởi tác dụng thì dùng chữ Quán. Mắt thấy sắc là Quán, tai nghe tiếng cũng gọi là Quán. Mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, đều dùng chữ [Quán] này để tượng trưng. Bọn phàm phu chúng ta sáu căn tiếp xúc sáu trần chẳng được tự tại, vì sao không tự tại? Khởi lên tình cảm, tình cảm hết sức phức tạp! Cổ đức Trung Quốc đem những mối tình cảm phức tạp ấy quy nạp thành “*thất tình, ngũ dục*”; thất tình ngũ dục là quy nạp thành từng loại để nói cho tiện. Nói một cách khác, sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần đều khởi tâm động niệm; khởi tâm động niệm nói chung chẳng ngoài phạm vi thất tình ngũ dục, quý vị chẳng được tự tại. Các Ngài thật sự được tự tại. Vì sao họ có thể tự tại? Họ đã lìa khỏi thất tình ngũ dục.

Nếu quý vị nghe giảng bộ kinh này từ chương Thập Tín ở phần trước cho đến chỗ này, tôi nghĩ chắc chẳng khó hiểu cho lắm. Sơ Trụ Bồ Tát đã đoạn Kiến Tư phiền não, vượt thoát lục đạo. Kiến Tư phiền não đoạn rồi, chẳng còn tạo lục đạo luân hồi nữa. Chẳng những Kiến Tư phiền não đã đoạn mà Trần Sa phiền não cũng đoạn, trí huệ của vị ấy mở mang. Lại phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, cùng dùng một chân tâm với chư Phật Như Lai. Không nhập cảnh giới ấy là vì chúng ta sử dụng vọng tâm, quý vị phải biết điều này. Nay chúng ta khởi tâm động niệm chẳng phải là chân tâm, mà là vọng tâm. Trong Pháp Tướng, vọng tâm được gọi là “*năm mươi một Tâm Sở của tám Thức*”, năm mươi một Tâm Sở nơi tám Thức ấy đều là vọng tâm. Sách Bách Pháp Minh Môn vừa mở đầu liền nói tới Hữu Vi Pháp. Trong Hữu Vi Pháp, loại thứ nhất là Tâm Pháp, tức là tám Thức, [còn gọi là] tám Tâm Vương. Loại thứ hai là Tâm Sở Pháp, tức là những pháp được sở hữu bởi tâm, gồm năm mươi một thứ. Loại thứ ba là Sắc Pháp, loại này là vật chất. Loại thứ tư là Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp, có hai mươi bốn loại lớn. Những pháp này gom lại gồm chín mươi bốn loại, đều gọi là Hữu Vi Pháp, chẳng phải là thật. Hữu Vi là có sanh có diệt, có tạo tác. Kinh Kim Cang dạy: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ, diệc như điện. Ứng tác như thị quán*” (Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng. Như sương, cũng như chớp. Hãy nên quán như thế). Quán như vậy là tự tại, biết toàn thể là giả, “Tâm, Tâm Sở” là Năng, Sắc pháp là Sở¹¹. Năng và Sở đều là giả, không có thứ nào là thật. Vì thế, vị ấy đã tự tại, vượt trời mười pháp giới rồi; không chỉ vượt trời tam giới mà còn vượt trời mười pháp giới.

Học Phật đến trình độ như vậy thì mới tính là thật sự có kết quả. Thừa cùng chư vị, chỉ là tách rời lục đạo luân hồi; giải quyết xong sanh tử trong

lục đạo luân hồi thì trong Phật pháp gọi là “*chứng tiểu quả*”. [Bất luận] Đại Thừa, Trung Thừa, Tiểu Thừa [hễ giải thoát lục đạo luân hồi] thì là tiểu quả, được coi là có kết quả, quý vị đã vượt khỏi lục đạo rồi. Do đây biết rằng: Không vượt thoát lục đạo luân hồi thì đều là không có kết quả. Không cần biết quý vị tu như thế nào, hễ quý vị không có năng lực vượt thoát lục đạo luân hồi thì quý vị không có kết quả, nhất định phải hiểu điều này, phải hiểu cho rõ! Đây là chuyện lớn. Chiếu theo lời kinh giáo đã dạy, tu học như thế đó, nói thật ra, hết sức khó khăn! Trong chúng ta, mấy ai có thể thấy sắc, nghe tiếng, mà thật sự chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Nói thì dễ dàng sao, mọi người đều nghe quen tai quá rồi, quý vị cũng nói được mà! Nhưng quý vị có làm được hay không? Nếu quý vị không làm được thì vẫn sanh tử luân hồi y như cũ!

Nếu như trong Phật pháp, gặp phải nghịch cảnh, cảnh chẳng vừa ý muốn của chính mình, bèn dấy tâm nóng giận, dấy lòng ghen ghét, tạo nghiệp đấy! Tạo nghiệp rất dễ dàng, dẫu thời gian cũng chẳng lâu, quả báo đã chẳng thể nghĩ bàn. Từ kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo, quý vị đã thấy rồi đó, quả báo thật đáng sợ lắm. Đọa địa ngục, nếu tính theo thời gian của chúng ta là một ngàn tám trăm vạn năm. Sau khi thoát khỏi địa ngục, thì là ngựa quý, súc sanh, hoặc cũng là kẻ bần cùng hạ tiện trong loài người, sáu căn chẳng đầy đủ, chịu đủ thứ vùi dập. Đến khi thời Mạt Pháp của đức Thế Tôn đã qua, [thời Mạt Pháp của] cả ba đức Phật đều đã qua hết rồi, tới thời Mạt Pháp của đức Phật thứ tư mới được làm thân người, mới nghe Phật pháp. Quý vị nói xem: Thời gian dài như thế đó! Vì vậy nếu quý vị lẳng lòng nghĩ ngợi, mới biết chuyện này đáng sợ lắm!

Như vậy thì đối với chúng ta, “*quán cảnh tự tại*” vô cùng trọng yếu. Nếu chúng ta thật sự có trí huệ, biết thân tâm thế giới toàn là giả, toàn là không, chẳng sót sáng nữa, chẳng cần phải so đo nữa, quý vị được tự tại rồi. Nếu quý vị vẫn sót sáng so đo, quý vị chẳng được tự tại! Ở đây là nói tới cảnh giới của Bồ Tát. Trong cảnh giới Bồ Tát, tận hư không, khắp pháp giới, hết thấy các cõi Phật, y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, hễ vị ấy mong trông thấy [những thứ ấy], chúng bèn hiện tiền; nếu vị ấy không nghĩ tới, cảnh giới ấy sẽ chẳng có. Giống như chúng ta xem truyền hình vậy, chúng ta muốn thấy thì vặn qua băng tần ấy, màn hình bèn hiện hình. Không mong thấy, sau khi tắt đi, màn hình không còn gì nữa. Chúng ta vẫn còn phải giơ tay vặn, chứ các vị Bồ Tát ấy không cần, chỉ cần khởi ý niệm, mong trông thấy, cảnh giới bèn hiện tiền. Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là cảnh giới ấy. Bản thân chúng ta phải dựa vào công phu của chính mình, tu đến cảnh giới ấy, khó quá! Quá sức khó khăn! Thế nhưng nếu niệm A Di Đà Phật, đời nghiệp vãng sanh thì rất dễ dàng, có thể đến Tây Phương Cực Lạc thế giới được!

Tỳ-kheo Cát Tường Vân tu pháp môn Niệm Phật. Trong lời chú giải của đại sư Thanh Lương ở phần trước, Ngài đã giảng cặn kẽ cho chúng ta: Ngài Cát Tường Vân tu Ban Châu tam-muội. Điều này nhằm bảo với chúng ta: Trong pháp môn Niệm Phật, điều quan trọng nhất là Hành, quyết định chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn. Vì thế, Bồ Tát thị hiện cho chúng ta thấy Ngài đi kinh hành trên ngọn núi khác. Điều này nhằm bảo với chúng ta: “Trong Niệm Phật Đường, lấy kinh hành làm chủ!” Các vị đồng tu muốn tu pháp môn này chẳng thể không biết điều này. Nay chúng ta gọi [đi kinh hành] là “nhiều Phật”, lấy nhiều Phật làm chủ. Xưa kia, tổ sư đại đức dạy chúng ta, người niệm Phật phải niệm ra tiếng. Trước kia không có máy niệm Phật, trong Niệm Phật Đường niệm ra tiếng, người nhiều Phật niệm ra tiếng, niệm mệt rồi bèn có thể ngồi xuống. Ngồi xuống gọi là Chi Tĩnh, niệm thâm trong tâm chứ không niệm ra tiếng, nghỉ ngơi. Ban thứ nhất nhiều Phật rồi nghỉ ngơi, nhiều mấy vòng rồi nghỉ ngơi, ban thứ hai nhiều tiếp, khi đó ban thứ hai niệm ra tiếng. Trước kia chia thành ba ban, trong ba ban thì một ban niệm ra tiếng, quý vị có được hai tiếng để nghỉ ngơi, có thể khôi phục thể lực được. Ba ban niệm. Vì vậy, lấy nhiều niệm làm chủ.

Hiện nay chúng ta chia Niệm Phật Đường làm ba khu: Khu chỉ tịnh, khu nhiều Phật, khu lễ Phật. Lễ Phật cũng không niệm ra tiếng, niệm thâm trong tâm chẳng thốt ra tiếng; lễ Phật niệm ra tiếng sẽ bị tổn khí. Vì vậy, niệm ra tiếng là lúc nhiều Phật. Phương pháp nhiều Phật hiện thời của chúng ta tốt lắm, không phân ra từng ban. Mỗi một ban thì phải tới lui cùng lúc với mọi người, nay chúng ta hoàn toàn tự do, hoàn toàn rất tự do! Quý vị khoẻ khoắn thì nhiều hơn mấy vòng nữa; quý vị yếu ớt, nhiều vài vòng đã mệt thì quý vị có thể tùy ý nghỉ, chẳng cần phải cùng tiến hay lui theo mọi người, chúng ta không bị áp lực! Niệm ra tiếng thì quý vị niệm tiếng lớn hay nhỏ không sao cả; quý vị niệm lớn tiếng cũng được mà nhỏ tiếng cũng được. Chỉ cần tốc độ niệm Phật hiệu rất nhịp nhàng là được rồi. Hiện thời chúng ta dùng tốc độ niệm của máy niệm Phật, niệm khớp với tốc độ của máy niệm Phật là được rồi. Nhất định phải biết nhiều Phật nhiều chắc chắn sẽ có lợi cho thân thể. Trong chương kinh này, Cát Tường Vân Bồ Tát đã dạy cho chúng ta điều này. Như vậy thì mới được tự tại.

Bởi lẽ đó, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì cảnh giới ấy hoàn toàn hiện tiền. Nếu quý vị hoài niệm thế giới Sa Bà, hoài niệm thành phố Đài Bắc ở Đài Loan, hễ quý vị muốn thấy thì cảnh giới ấy lập tức hiện tiền giống như màn hình TV vậy, quý vị hoàn toàn trông thấy. Nghĩ đến chỗ nào liền có thể thấy nơi đó. Chẳng những cảnh giới hiện tiền hiện được, mà cảnh quá khứ cũng hiện được! Năm mươi năm trước Đài Loan như thế nào? Một trăm năm trước Đài Bắc ra sao? Quý vị khởi niệm thì cảnh giới ấy hoàn toàn hiện tiền, có thể trông thấy được quá khứ, cũng có thể thấy được vị lai, mười

phương hết thấy các cõi Phật quý vị muốn thấy những nơi ấy thì chúng đều hiện tiền. Đây là “*quán cảnh tự tại*”.

Nhi, tác dụng tự tại.

二作用自在。

(Điều thứ hai là tác dụng tự tại).

“*Tác dụng tự tại*” là “muốn đi, muốn ở, tùy tâm tạo thành vậy”. Điều này càng chẳng thể nghĩ bàn, quý vị trông thấy mười phương cõi nước, hoặc là mười pháp giới, hoặc là lục đạo, trông thấy không ít chúng sanh có duyên với mình, trong đời quá khứ đã từng sống ở những nơi ấy nên có duyên. Trông thấy những kẻ hữu duyên rồi lại quán sát cận kề, hễ duyên đã chín muồi thì đến giảng giải Phật pháp cho người ấy, người ấy sẽ tin tưởng, sẽ tiếp nhận, như vậy là thành thực họ. Quý vị có thể hiện thân, vào trong cảnh giới ấy, giống như ba mươi hai ứng thân trong phẩm Phổ Môn vậy. Chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát liền ứng. Vậy thì những người ấy trọn chẳng yêu cầu chúng ta đến độ họ. Nếu họ mong quý vị đến độ họ thì sự cảm ứng ấy rõ rệt, rất rành rẽ, hiển cảm, hiển ứng, quý vị cũng ứng đến rõ rệt. Quý vị quán sát căn tánh người ấy đã chín muồi, tuy người ấy không khởi tâm động niệm, sự cảm ứng ấy vẫn thành công, nên gọi là “*minh cảm*” (cảm ứng ngầm ngầm). Thậm chí chính người ấy không biết. Thế nhưng Bồ Tát biết, Bồ Tát cũng đến thị hiện.

Vì thế cảm ứng đạo giao có bốn thứ: hiển cảm hiển ứng, hiển cảm minh ứng, minh cảm minh ứng, minh cảm hiển ứng (cảm rõ rệt, ứng rõ rệt; cảm rõ rệt, ứng ngầm ngầm; cảm ngầm ngầm, ứng ngầm ngầm; cảm ngầm ngầm, ứng rõ rệt), bốn thứ! Chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong lục đạo mười pháp giới, đây gọi là “*tác dụng tự tại*”. Chúng ta xem tới câu này, chẳng niệm Phật có được hay chẳng? Chúng ta cũng rất mong mỗi chính mình cũng sẽ rất mau chóng đạt được cảnh giới ấy. Hiện thời chỉ có một biện pháp là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ khó hay dễ? Thừa với quý vị, chẳng khó khăn chút nào! Khó ở chỗ nào? Khó là vì quý vị không chịu làm! Nếu thật sự chịu làm, chúng tôi từng thấy những gương niệm Phật vãng sanh, thời gian từ ba năm đến năm năm là đủ rồi! Hiện thời chúng ta niệm tà tà hờ hững, một câu Phật hiệu lúc có lúc không, do vậy niệm chẳng thành công. Thật sự chịu niệm thì chuyện ấy đâu có khó, nhất định thành tựu! Vãng sanh đến thế giới Tây Phương, quý vị sẽ hoàn toàn đạt được cảnh giới trong năm mươi ba lần tham học. Đây là nói về tác dụng. Đây là tự tại, hai thứ tự tại.

Quyết định diệt nhị nghĩa, nhất trí quyết đoạn cố, nhị tín vô hoặc cố.

決定亦二義。一智決斷故。二信無惑故。

(Quyết định cũng có hai nghĩa, một là trí quyết đoạn, hai là tin tưởng không mê hoặc).

Hai thứ quyết định. “*Trí quyết đoạn*”: “*Đoạn*” này chẳng những là đoạn nghi mà còn là phiền não, tập khí đều đoạn trừ hết. Tập khí Kiến, Tư, Trần Sa đều đoạn hết. Quý vị phải biết, phải dựa vào trí huệ để đoạn, không có trí huệ sẽ chẳng thể đoạn được! Định chỉ có thể đè nén phiền não, chẳng thể đoạn phiền não. Những người tu Thiền Định, dùng Định để khuất phục khiến phiền não chẳng khởi tác dụng, từ Định mở mang trí huệ sẽ đoạn được phiền não. Do đây biết được rằng: Nếu quý vị muốn mở mang trí huệ, quý vị chẳng thể không tu Định; quý vị không tu Định, chắc chắn chẳng thể mở trí huệ được. Trí huệ là do Định mà có. Định là gì vậy? Tâm thanh tịnh. Trong Vô Lượng Thọ Kinh, cương lĩnh tu hành là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Thanh tịnh và bình đẳng là Định, giác là Huệ. Giác chính là trí huệ. Vì vậy, trí huệ khởi phát từ thanh tịnh, bình đẳng. Nếu tâm quý vị chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng, chắc chắn quý vị không có trí huệ. Trong thế gian vẫn có rất nhiều kẻ thông minh, như những nhà khoa học phát minh ra rất nhiều thứ, thừa với quý vị, trong Phật pháp chẳng gọi đây là trí huệ mà gọi là Thế Trí Biện Thông. Trong Phật pháp gọi họ là thông minh, chứ không phải là trí huệ. Cũng có nghĩa là loại trí huệ ấy của bọn họ và trí huệ của Phật, Bồ Tát có chỗ bắt nguồn khác nhau. Trí huệ của Phật, Bồ Tát là từ Định mở ra, trí huệ của người thế gian là từ nghiên cứu, từ phân biệt mà phát sanh. Nói cách khác, người ấy vẫn dùng tâm ý thức, sử dụng vọng tâm, cho nên gọi là Thế Trí Biện Thông, chẳng phải là chân trí huệ. Vì thế dù trí huệ của bọn họ cao siêu, những phát minh khoa học kỹ thuật hiện thời rất mạnh mẽ, bọn họ chẳng đoạn được phiền não, không có năng lực đoạn được phiền não; điều này hết sức rõ ràng! Trí huệ chân chánh sẽ đoạn được phiền não, phá vô minh. Dù khoa học gia trí huệ cao minh vẫn chẳng thể đoạn được phiền não, chẳng thể phá được vô minh. Nói cách khác, họ không thoát khỏi lục đạo luân hồi được. Chúng ta nhất định phải phân biệt điều này rõ ràng, phải cầu chân trí huệ, chắc chắn phải từ trí huệ phát sanh thì mới đoạn được phiền não, mới có thể phá được vô minh.

Thứ hai, “*tín vô hoặc cố*”, Hoặc (惑) là mê hoặc. Câu này đặc biệt nhấn mạnh “đoạn nghi, sanh tín”. Ngài nói câu này ý nghĩa rất sâu, quả thật là nói về pháp môn Niệm Phật. Pháp môn này là pháp khó tin mà! Rất khó! Ngay như Thiện Tài đồng tử đi tham học, gặp vị thứ nhất là tỳ-kheo Cát

Tường Vân truyền dạy cho Ngài Ban Châu tam-muội, truyền dạy phương pháp này. Ban Châu tam-muội lấy “niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới” làm mục đích. Bởi vậy, quý vị hãy nghĩ xem, Thiện Tài học pháp môn gì? Niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh Độ, chứ không cầu chi khác! Đây là mở đầu, đến lần tham học cuối cùng gặp vị thiện tri thức thứ năm mươi ba là Phổ Hiền Bồ Tát đem mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc, Ngài đã viên mãn rồi, đã đến thế giới Cực Lạc rồi. Điều này cho thấy từ đầu đến cuối là “triệt để thâm nhập một môn”, những gì Ngài tham học trong khoảng thời gian ấy đều nhằm thành tựu Hậu Đắc Trí. Ngài thông đạt hết thảy pháp môn, pháp nào cũng hiểu rõ, nhưng thứ gì Ngài cũng không học. Một câu A Di Đà Phật niệm đến tột cùng, người ta cao minh ở chỗ này!

Nay chúng ta tham học một cách lầm lạc, tham phỏng những vị thiện tri thức, hễ được truyền dạy một pháp môn thì môn gì cũng đều muốn học hết, học loạn mất rồi! Học tạp rồi! Học loạn cào cào! Chỗ này có ý nghĩa rất sâu, rất sâu đấy nhé! Thiện tri thức chân chánh chẳng phải là người tầm thường. Nếu họ muốn gây trở ngại cho quý vị thì sẽ chẳng truyền dạy cho quý vị pháp môn họ đã chọn lựa để tu học lúc ban đầu; vì sao vậy? Vì ấy phá hoại pháp môn của quý vị! Trong nhà Phật thường nói: “*Ninh động thiên giang thủy, bất động đạo nhân tâm*” (Thà động nước ngàn sông, chẳng khuấy động đạo tâm của người khác). Quý vị làm sao có thể phá hoại pháp môn tu tập chánh yếu của người khác cho được? Vì thế, tham học không dễ dàng, cần phải hội đủ điều kiện tham học. Truyền pháp càng chẳng dễ dàng. Quý vị muốn học pháp môn này với tôi, muốn nghe, muốn thấy pháp tôi tu tập, thì chính quý vị vốn đang tu tập pháp môn nào vậy? Quý vị có lòng tin nơi pháp môn ấy hay không? Có tâm nguyện hay không? Nghe người khác nói, tâm quý vị có bị dao động hay không? Có bị biến đổi hay không? Nếu tâm quý vị dao động, biến đổi, lại muốn học, tu thử một phen, thì quý vị không có tư cách tham học, tôi không dạy cho quý vị đâu! Người thật sự đạt đến mức không động lòng, “tôi có thể tiếp xúc, có thể nghe, có thể thấy, nhưng trọn chẳng động lòng” thì vị thiện tri thức ấy bèn truyền dạy cho quý vị.

Vậy là quý vị đã thâm nhập thành tựu một môn rồi, vì sao phải tìm hiểu những pháp môn ấy? Phải hiểu rõ những pháp môn ấy? Nhằm thành tựu trí huệ viên mãn, chẳng phải vì chính mình, mà nhằm giúp đỡ hết thảy chúng sanh căn tánh bất đồng, vì họ mà học, chứ chẳng vì ta mà học. Vì tự mình thì quý vị thấy Thiện tài một câu A Di Đà Phật niệm đến tột cùng, đây là học cho chính mình. Do căn tánh của chúng sanh không giống nhau, vẫn còn rất nhiều người chẳng tin tưởng pháp môn Niệm Phật, làm thế nào đây? Chúng ta đem pháp môn ấy giới thiệu với họ, đó gọi là pháp phương tiện. Do vậy,

học vô lượng pháp môn nhằm mục đích “tiếp dẫn vô lượng chúng sanh”. Thế nhưng quý vị phải nhớ rõ, tiếp dẫn vô lượng chúng sanh là phương tiện, tối hậu vẫn là nhằm dẫn dụ họ về pháp môn Niệm Phật. Nếu chẳng thể đưa họ về pháp môn Niệm Phật thì vị [học hạnh Bồ Tát] ấy vẫn chẳng thể thành tựu. Đây chính là khái thị trong phẩm cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, tức Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm. Chúng ta phải thấu hiểu lý luận, phương tiện thiện xảo ấy; có như vậy thì mới thật sự thọ dụng được. Bởi vậy, nói “*tín vô hoặc cố*” (vì tin tưởng không mê hoặc), chính là như kinh Kim Cang đã dạy: “*Tín tâm thanh tịnh, tất sanh Thật Tướng*” (Tín tâm thanh tịnh liền sanh Thật Tướng). Đối với việc niệm Phật vãng sanh thành Phật, quyết định không có nghi hoặc, quyết định chẳng dao động. Có tín tâm ấy, có nguyện tâm ấy, chắc chắn được vãng sanh. Đây chính là hai ý nghĩa của chữ quyết định. Tiếp theo là chữ “*giải*”.

Giải tức thắng giải, diệc hữu nhị nghĩa.

解即勝解，亦有二義。

(Giải chính là hiểu thù thắng, cũng có hai nghĩa)

“*Thắng*” là thù thắng. Nói cách khác, chẳng phải là thấu hiểu thông thường mà là hiểu rõ, thâm nhập rất sâu. Ở đây, đại sư Thanh Lương bảo chúng ta: Sự thắng giải này có hai ý nghĩa.

Nhất vi tín nhân, ư cảnh nhẫn khả cố.

一為信因，於境忍可故。

(Một là tin vào nhân, do có thể nhẫn đối với cảnh)

Đây là nói rõ: “*Vạn pháp đều là không, nhưng nhân quả chẳng không*”. Quý vị phải nhớ kỹ! Nhân quả có nằm trong vạn pháp hay chẳng? Thừa với quý vị, nó cũng nằm trong vạn pháp, trọn chẳng phải là nhân quả nằm ngoài vạn pháp, chẳng phải vậy, nó cũng nằm trong ấy. Nhưng vạn pháp đều là không; vì sao nhân quả chẳng không? Thừa quý vị, “*nhân quả chẳng không*” là do đối với chúng sanh trong mười pháp giới mà nói. Chính vì “*nhân quả chẳng không*” nên quý vị mới có thể tu hành chứng quả. Nếu nhân quả là không, quý vị sẽ vĩnh viễn chẳng có hy vọng ngời đầu ra được, quý vị vẫn phải sanh tử, có thoát luân hồi được hay chẳng? Y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là quả báo, hễ có quả ắt phải có nhân. Hiện tướng (tướng được biến hiện) tuy là “*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, là giả! Tuy giả, nhưng chẳng thể nói là không có tướng. Nay những hiện tướng đều bày trước mắt chúng ta, chẳng thể nói là “không

có”. Chư Phật, Bồ Tát thấy những tướng ấy là giả tướng, chẳng phải là thật có. Nhưng quý vị chẳng thể không thừa nhận nó tạm thời tồn tại, vì thế là tạm có, chứ không phải là vĩnh hằng, chúng tạm thời có mà thôi! Đây chính là đạo lý “*nhân quả chẳng không*”.

Mười pháp giới biến hiện như vậy, lục đạo luân hồi cũng biến hiện theo đạo lý ấy. Chúng ta tu thành Thanh Văn, tu thành Duyên Giác, tu thành Bồ Tát, tu thành Phật đều chẳng lìa khỏi đạo lý ấy. Đây gọi là “*nhân quả chẳng không*”, chúng ta phải tin tưởng. Nhất là pháp môn Tịnh Độ, pháp môn Tịnh Độ kiến lập trên Tín, Nguyện, Hạnh, ba điều kiện ấy được gọi là “ba tư lương”. Ba điều kiện đầy đủ thì quý vị quyết định được vãng sanh. Trong sách Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích đã giảng về điều kiện Tín như sau: Điều thứ nhất là phải tin vào chính mình, tin chính mình và A Di Đà Phật có quan hệ mật thiết, tin chính mình và Tây Phương Tịnh Độ có quan hệ mật thiết, quý vị phải có tín tâm ấy. Dựa vào đâu mà chúng ta có thể thấy A Di Đà Phật? A Di Đà Phật là tự tánh Di Đà của chúng ta, quan hệ ấy mật thiết lắm! Vì sao chúng ta có tư cách vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Tây Phương Tịnh Độ là duy tâm Tịnh Độ của chính mình, còn có gì để nói nữa! Nói cách khác, đây là quê nhà của quý vị. Quý vị thích trở về lúc nào thì trở về, ai cũng không ngăn trở quý vị được! Do vậy, quý vị phải tin tưởng điều này. Tín tâm trong pháp tu Tịnh Độ được tạo dựng trên cơ sở này.

Thứ hai là tín tha, Tha là Phật Thích Ca và Phật Di Đà. Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới cho chúng ta, Ngài giảng cho chúng ta ba kinh [Tịnh Độ]. Chúng ta tin tưởng đức Thế Tôn nói ra câu nào cũng chân thật, không có một chữ nào giả dối. Chúng ta tin vào bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nguyện nào cũng độ hết thấy chúng sanh, đương nhiên bao gồm cả chúng ta trong đấy. Chúng sanh tạo tội nghiệp cực nặng, trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh các quý vị đã thấy rồi đó, kẻ tạo tội nghiệp Ngũ Nghịch Thập Ác đều có thể vãng sanh. Điều này hết sức chẳng thể nghĩ bàn! Vì sao tạo tội nghiệp nặng như vậy mà vẫn được vãng sanh? Tội nghiệp cũng là tánh không, cũng là pháp hữu vi, huyễn, mộng, bọt, bóng, trọn chẳng thể được! Nhưng quý vị phải biết: Quý vị vãng sanh, tội nghiệp dầu cực nặng chẳng thể ngăn trở được, không chướng ngại quý vị được; nhưng nếu quý vị chẳng vãng sanh thì đây mới là chướng ngại lớn. Ở đây tôi có một tỷ dụ, qua tỷ dụ này quý vị sẽ thấu hiểu được ý nghĩa này. Vãng sanh giống như quý vị tỉnh mộng, những chuyện trong mộng đều là hư vọng, đều là giả. Chưa vãng sanh thì quý vị vẫn đang nằm mộng, quý vị chưa tỉnh giấc. Chưa tỉnh giấc thì trong mộng có khổ, quý vị phải chịu đựng, có vui quý vị cũng phải lãnh nhận, quý vị không có cách nào chẳng nhận được. Vãng sanh chính là tỉnh mộng rồi! Do vậy biết rằng: Từ vô thủy kiếp đến nay, tội nghiệp cực nặng như mộng, huyễn, bọt, bóng, vốn chẳng

phải là chuyện gây chướng ngại, chẳng vãng sanh thì chúng sẽ trở thành chuyện chướng ngại. Không vãng sanh thì tội nghiệp cực nặng ấy sẽ khiến cho quý vị đọa trong tam ác đạo.

Vì thế, đối với người tạo tác tội nghiệp, quý vị không cần phải sợ hãi, không cần phải lo buồn nghiệp chướng của quý vị sâu nặng, làm sao quý vị có tư cách vãng sanh cho được? Quý vị có mỗi hoài nghi như thế là hỏng rồi! Trong ba điều kiện Tín - Nguyện - Hạnh, không hội đủ điều kiện ấy. Theo Quán Kinh, vương tử A Xà Thế là kẻ tạo tội Ngũ Nghịch Thập Ác, giết cha, hại mẹ, hợp tác với Đề Bà Đạt Đa phá hòa hợp Tăng, chướng ngại Phật pháp, không điều ác nào chẳng làm. Cuối cùng, ông ta hồi tâm chuyển ý, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Trong A Xà Thế Vương Kinh, đức Phật dạy chúng ta: “Ông ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thượng phẩm trung sanh”. Tạo tội nghiệp nặng như vậy đều chẳng gây trở ngại [vãng sanh].

Quay đầu trở lại thì chúng ta thấy trong Phát Khởi Bồ Tát Thủ Thắng Chí Nhạo Kinh có nói một vị tỳ-kheo, tức người xuất gia, vì ghen ghét mà chướng ngại một vị xuất gia hoàng pháp khác, bèn đọa địa ngục một ngàn tám trăm vạn năm, vì nguyên nhân nào? Ông ta không niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu ông ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ sẽ không có chuyện ấy! Quý vị hãy quay đầu nghĩ lại đi! Nếu như vua A Xà Thế không niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, sẽ phải chịu tội trong địa ngục nào? Kinh giáo gọi nơi ấy là địa ngục A Tỳ; kiếp số dài như thế nào, thời gian dài như thế nào, chư Phật Như Lai đều không nói ra. Kinh điển giảng những điều này [cho nên] quý vị phải chú tâm suy nghĩ, chú tâm thấu hiểu, người ấy có tạo tội nghiệp hay không? Đời này chẳng tạo tội nghiệp thì quý vị vẫn còn có đời trước, đời trước còn có đời trước nữa, từ vô lượng kiếp đến nay, có lẽ nào chẳng tạo tội nghiệp ư? Chỉ là tạo tội nghiệp lớn, nhỏ, nặng, nhẹ khác nhau, chứ không có chuyện chẳng tạo tội nghiệp!

Nhất định quý vị phải hiểu, đặc biệt là trong thời đại này. Thời đại này được gọi là dân chủ, tự do, cởi mở, trong xã hội này cơ hội tạo tội nghiệp đặc biệt nhiều. Nếu như không vãng sanh, có mấy ai có thể chẳng đọa trong tam ác đạo? Nếu quý vị nghĩ chính mình đời sau không đọa trong tam ác đạo thì chính mình hãy lắng lòng, lắng lòng suy nghĩ: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không vọng ngữ, không uống rượu, năm giới ấy, quý vị có thể giữ được tám mươi phần hay không? Dựa theo lương tâm của quý vị để tính toán, coi thử quý vị có giữ được tám mươi phần hay không? Nếu giữ được tám mươi phần, đại khái đời sau quý vị được sanh trong loài người. Nếu trong năm điều trên, điều nào cũng phá sạch, điều nào cũng phạm tuốt, đời sau không thể làm thân người, hễ không được

thân người thì sẽ đọa trong tam đồ! Nghiệp nhân của tam đồ là tham - sân - si.

Chúng ta hãy so sánh: Đối với tâm tham thì tâm tham [của quý vị] có nặng hay không? Đối tượng để quý vị tham muốn là ngũ dục, lục trần, danh văn, lợi dưỡng, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Thậm chí học Phật vẫn tham Phật pháp, đây vẫn là tâm tham. Vì sao thứ gì cũng đều muốn học hết? Tham! Vì sao mỗi một pháp môn, kẻ ấy đều mong đạt được hết? Ngạo mạn! Chẳng chịu thua kém ai, hiếu thắng! Keo kiệt, hiếu thắng, làm sao không đọa vào ngạ quỷ cho được? Vì vậy, rất dễ đọa tam đồ, chúng ta phải nhận biết rõ ràng điều này!

Ngoài việc dạy chúng ta phải tín tự, tín tha ra, đại sư Ngẫu Ích còn nói tới tín sự, tín lý, tín nhân, tín quả, những điều này chúng tôi không cần phải nói cặn kẽ, trong phần sau cũng sẽ nhắc tới.

Nhị vi tác dụng nhân.

二 為 作用 因。

(Hai là tác dụng nhân)

Đại sư chú giải về “tín nhân” như sau: “*U cảnh nhân khả cố*” (Vì có thể nhân đối với cảnh). Mấy chữ “*u cảnh khả nhân*” này ý nghĩa rất sâu. Nhân là quý vị có thể chịu đựng; hễ cảnh giới hiện tiền liền biết nhân quả của nó, cũng như hiểu được hết thấy cảnh giới không gì chẳng phải do nhân duyên quả báo biến hiện. Trong cảnh thuận, đừng sanh tâm tham ái, quý vị nhìn được, chẳng khởi tham ái. Trong nghịch cảnh, chẳng sanh tâm nóng giận, cũng nhìn được. Vì thế, chữ Nhân này là: Trong những cảnh giới, quý vị giữ vững được cái tâm thanh tịnh, bình đẳng. Dùng phương pháp nào để giữ vững? “*Nhân khả*”. Trong cảnh giới, quý vị đạt được tâm thanh tịnh, đạt tâm bình đẳng. Chữ Nhân này không chỉ có nghĩa là trong cảnh trái nghịch, quý vị phải nhẫn nại, mà trong thuận cảnh cũng phải nhẫn, thuận cảnh còn đáng sợ hơn nghịch cảnh. Trong tất cả cảnh giới đều phải nên nhẫn, giữ vững thanh tịnh, bình đẳng, mọi thứ đều như pháp, tùy duyên. Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm dạy chúng ta: “*Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”, như vậy là tốt. Tiếp đó là:

Vi tác dụng nhân, u cảnh ấn trì, viễn xứ vi cận, nhược đại, nhược tiểu, tùy tâm biến cố.

為 作用 因，於 境 印 持，遠 處 為 近，若 大 若 小，隨 心 變 故。

(Là tác dụng nhân, ấn trì nơi cảnh, chỗ xa trở thành gần, dù lớn, hay nhỏ đều tùy tâm biến hiện vậy).

Dương nhiên đây là cảnh giới của Bồ Tát, chẳng phải là cảnh giới của chúng ta. Đây chính là ý nghĩa thứ hai của “*thắng giải*”. Chữ “*cảnh*” chỉ mười pháp giới, mười pháp giới bao gồm lục đạo, đây là ngoại cảnh. Bên trong ấy là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới do nhất tâm biến hiện, mười pháp giới là do tam tâm nhị cảnh biến hiện. Chúng ta gọi tam tâm nhị cảnh là “ngoại”, nhất tâm là “nội”. “*Án trì*”: Ý nghĩa của chữ “*án*” hoàn toàn rõ rệt. “*Án*” có nghĩa là chứng minh. Từ xưa đến nay, người Trung Quốc thường hay nói tới ấn tín, ấn tín để làm gì? Chứng minh “đây không phải là giả”. Vì vậy, “*án*” có nghĩa là chứng minh, tức là đối với sự lý nhân quả của mười pháp giới hoàn toàn thông đạt, hiểu rõ, chẳng nghi hoặc mảy may nào! Ý nghĩa của chữ “*trì*” ở đây chẳng thể hoàn toàn hiểu là “*bảo trì*” được. “*Án trì*” chẳng thể hiểu là “*bảo trì*”. Trong “*bảo trì*” có Năng và Sở, còn trong “*án trì*” không có Năng lẫn Sở. Do vậy, đối với chữ Trì ở đây, Phật pháp có một thuật ngữ gọi là “*pháp nhi như thị*” (pháp là như vậy). Đây chính là ý nghĩa của chữ Trì. Nói theo cách chúng ta bây giờ thì là tự nhiên, tự nhiên là như vậy. Hiện nay chúng ta gọi đó là “*phát triển tự nhiên*”. Đối với đạo lý, quá trình, sự lý, nhân quả trong sự phát triển tự nhiên quý vị đều có thể thông đạt, hiểu rõ, đây chính là ý nghĩa của chữ “*án trì*”.

“*Viễn xứ vi cận*” (Chỗ xa thành gần) là không còn có xa gần nữa! Thật đấy, chẳng giả đâu! Không có xa gần, xa gần là nói theo khoảng cách, cũng không có lớn nhỏ nữa. Kinh Hoa Nghiêm thường nói: “*Giới tử nạp Tu Di*” (Hạt cải chứa núi Tu Di). “*Giới tử*” là hạt cải, hạt cải rất nhỏ, to cỡ hạt mè. Núi Tu Di rất lớn, đem núi Tu Di nhét vào trong hạt cải, hạt cải không phình to, núi Tu Di không rút nhỏ, làm sao nhét vào được? Không có lớn nhỏ cho nên có thể nhét vào được. Tây phương Cực Lạc thế giới cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật. Phật nói “*trong khoảng khảy ngón tay liền tới được*”, không có xa gần! Đến khi nào quý vị mới không có lớn nhỏ nữa, không có xa gần nữa? Thừa với quý vị, thấy tánh rồi mới không có! Bởi lẽ tận hư không, trọn pháp giới đều do tự tánh biến hiện. Trong tự tánh nào có xa gần? Nào có lớn nhỏ? Nói như vậy, người chưa kiến tánh như chúng ta do vẫn dùng tâm ý thức, dùng phân biệt, vọng tưởng, chấp trước sẽ rất khó thể hiểu được, không cách nào tưởng tượng được, chẳng thể tưởng tượng nổi. Vì thế gọi là “*cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn*”.

Câu tiếp theo là “*tùy tâm biến cố*” (do tùy tâm biến hiện vậy). Tất cả hết thảy tướng cảnh giới đều chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến, hai câu này được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Tâm có thể hiện tướng, thức có biến hóa. Lại đọc tiếp câu kế đó:

Tín trí tương tư, tha cảnh bất động, cố danh vi lực, tức tam-muội nghĩa.

信智相資，他境不動，故名為力，即三昧義。

(Tín và trí giúp lẫn nhau, cảnh khác chẳng dao động [tâm địa], nên gọi là Lực. Đây chính là ý nghĩa của tam-muội).

Tín chính là chữ Giải đã được nói trong phần trước. Quý vị hiểu không sâu thì tín tâm sẽ chẳng sâu. Vì sao chúng ta hoài nghi Tây Phương Cực Lạc thế giới? Là vì quý vị hiểu chưa thấu triệt! Quý vị thật sự hiểu rõ thì làm sao mà không tin cho được? Nói trắng ra, thường những người tu Tịnh Độ tín tâm có vấn đề lớn, chủ yếu là do nhận thức chưa thấu triệt. Cuối năm ngoái, chúng tôi hoàn tất lớp bồi huấn tại Tân Gia Ba, lớp bồi huấn chỉ có một môn học là Vô Lượng Thọ Kinh. Học sinh gồm hai mươi tám người, hai mươi tám người đều học Vô Lượng Thọ Kinh, mỗi một người đều phải học giảng, mỗi một người phải giảng hai lượt. Lần thứ nhất là giảng tiểu tòa, tức là chính mình giảng cho các đồng học nghe, giảng xong tiếp nhận lời phê bình của quý vị đồng học. Lần thứ hai là giảng đại tòa, tức lên tòa giảng, giảng cho đại chúng, giảng hai lượt. Mỗi người giảng hai lượt. Hai mươi tám người, trong vòng ba tháng, các quý vị hãy nghĩ xem, hơn năm mươi lần! Trong ba tháng, được huân tập hơn năm mươi lần, họ có tin hay không? Chẳng tin cũng phải tin! Hơn nữa, tín tâm của họ so với những người khác kiên cố hơn nhiều lắm. Bởi lẽ được huân tập hơn năm mươi lần trong ba tháng, rất rõ ràng rồi! Rất minh bạch rồi! Lý luận, phương pháp, cảnh giới ấy, nhân nhân, quả quả đều rõ ràng, đều minh bạch hết, điều ấy hoàn toàn khẳng định, tín tâm kiên định, đây là cái hay của “*thâm nhập một môn*”.

Quý vị đồng tu nghe Vô Lượng Thọ Kinh có nghe tới năm mươi lần hay không? Vẫn có những hạng người nghe một lần xong, giảng lần thứ hai họ không muốn nghe nữa, [họ nói] “kinh này tôi đã nghe rồi!” Vì nguyên nhân nào? Thiện căn mỏng cạn! Chẳng thể thành tựu ngay trong một đời này được! Nếu như cùng là một bộ kinh vẫn rất vui thích nghe, lần nào cũng đều có hứng thú, thiện căn sâu dày đây! Người ấy quyết định thành tựu ngay trong một đời. Thời cổ có những vị đại đức giảng kinh, một bộ kinh có thể nghe bao nhiêu lần? Thật chẳng dễ dàng cho lắm! Ở chỗ nào có pháp sư giảng kinh này, họ muốn tới nghe, họ phải đi khắp nơi hỏi dò. Một vị pháp sư giảng lập lại mấy lần, không nhiều lắm. Hiện thời thuận tiện hơn, hiện thời có băng âm, có băng hình. Quý vị có thể nghe đi nghe lại không ngừng, nghe xong một lần lại nghe thêm lần nữa! Đạo tràng Tịnh tông chân chánh phải đề xướng thâm nhập một môn; không những niệm Phật là phương pháp duy nhất mà giảng kinh cũng chỉ giảng một bộ kinh.

Một bộ kinh giảng xong, lại giảng từ đầu, vĩnh viễn chẳng thay đổi, đây là đạo phong, là học phong khiến cho tứ chúng đồng tu trong đạo tràng ấy kiên định tín nguyện, thật thà niệm Phật, ai nấy đều thành tựu!

Do vậy, Tín và Trí “*trương tư*”, tức là giúp cho nhau thành tựu. Trí quyết đoán, giúp cho lòng tin của quý vị. Tín giúp cho trí. “*Tha cảnh bất động*”: Đối với những cảnh giới khác, [tâm địa] quyết chẳng lay động, đây là có sức vậy! Sức ấy chính là Ngũ Lực trong ba mươi bảy đạo phẩm, là sức lực do ngũ căn của quý vị sanh ra, sức ấy chính là tam-muội, tam-muội là Định, chẳng dao động. Đây là ý nghĩa được chứa đựng trong câu nói này. Câu tiếp theo:

Dư tứ cú biệt thích thượng tổng cú.

餘四句別釋上總句。

(Bốn câu còn lại là lời giải thích riêng biệt cho những câu nêu vấn đề tổng quát trong phần trước).

Bốn câu sau như vừa mới nói là nhằm giải thích cho một câu này. Đây là cách sử dụng của chúng.

Nhất, tín nhãn thanh tịnh, thích thượng tín quyết định nghĩa.

一信眼清淨，釋上信決定義。

(Một là tín nhãn thanh tịnh, nhằm giải thích ý nghĩa lòng tin quyết định đã được nói trong phần trước)

Tín tâm của người ấy quyết định. Ngài Thanh Lương chú giải hay quá! Câu kế tiếp thật rõ ràng, thật minh bạch!

Vị dục tu Niệm Phật tam-muội, tiên đương chánh tín.

謂欲修念佛三昧，先當正信。

(Nghĩa là muốn tu Niệm Phật tam-muội thì trước hết phải chánh tín).

Niệm Phật tam-muội là vua trong các tam-muội. Trăm ngàn tam-muội, vô lượng tam-muội đều chẳng bằng Niệm Phật tam-muội. Thưa quý vị, hễ đắc Niệm Phật tam-muội thì vô lượng tam-muội đều đạt được hết. Quý vị tu các thứ tam-muội khác, quý vị chỉ đạt được một phần, chẳng thể đạt đến viên mãn. Chỉ có Niệm Phật tam-muội là quý vị đạt được đại viên mãn; nhưng Tín là trọng yếu nhất!

Tín dữ giải câu, cố danh vi nhãn.

信與解俱，故名為眼。

(Tín và giải đều có nên gọi là “mắt”)

“Mắt” ở đây là nói tỷ dụ, “*tín nhãn thanh tịnh*” là tỷ dụ. Dù thấy lòng tin của vị ấy chẳng phải là mê tín, mà là thật sự thấu triệt hiểu rõ nên mới tin tưởng. Vì thế, lòng tin này là thanh tịnh tâm, quyết định không có nghi hoặc, sự lý, nhân duyên đều rõ ràng, đây là “*tín nhãn thanh tịnh*”.

Tác liễu kiến phân minh. Do hữu tín trí, ư thật đức năng, thâm nhãn nhạo dục, linh tâm đẳng tịnh, cố danh thanh tịnh.

則了見分明。由有信智，於實德能，深忍樂欲，令心等淨，故名清淨。

(Thì sẽ thấy rõ ràng. Do có tín trí, nên đối với thật đức năng, thâm nhãn, ưa thích, khiến cho tâm trong sạch, bình đẳng, nên gọi là thanh tịnh)

Sự lý nhân quả thấy đều hiểu rõ. Trong Tín có Trí, trong Trí có Tín, cho nên “*ư thật đức năng*” (nơi thật đức năng). Trong tựa đề bộ kinh này “thật đức năng” được gọi là Đại Phương Quảng, hoặc như chúng ta thường nói là Thể - Tướng - Dụng. Thật là chân thật, là Thể. Đức là tướng, hiển thị tướng trạng. Chúng ta gọi là y báo, chánh báo trang nghiêm, tức y báo, chánh báo trang nghiêm của bốn cõi trong Nhất Chân pháp giới. Trong mười pháp giới cũng có y báo, chánh báo trang nghiêm, Tướng đấy! Năng là tác dụng. Do vậy, “thật đức năng” là Thể - Tướng - Dụng. Thể - Tướng - Dụng thì bất cứ vật nhỏ nhất nào, [chẳng hạn như] một hạt vi trần, cũng có Thể - Tướng - Dụng. Y báo nhỏ nhất, chánh báo nhỏ nhất, trong kinh Phật thường nói: Đầu sợi lông, lỗ chân lông cũng có Thể - Tướng - Dụng. Đây là vật nhỏ, còn lớn thì sao? Hư không, pháp giới, tận hư không, trọn pháp giới cũng có Thể Tướng Dụng của nó. Vì thế, ba chữ “thật đức năng” bao gồm trọn hết Thể - Tướng - Dụng của của hết thấy pháp thế gian lẫn xuất thế gian, quý vị đều hiểu rõ, đều thông đạt.

“*Thâm nhãn*”, nhãn này chẳng cạn, rất sâu! Thâm nhãn thì đương nhiên quý vị chẳng bị lay động, như tôi vừa mới nói đó, trong hết thấy pháp quý vị thật sự có thể chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. “*Nhạo dục*”: Nhạo là hoan hỷ, ưa thích. Ưa thích là pháp hỷ đấy! Do đâu có? Do quý vị thông đạt, hiểu rõ hết thấy. Đây là sự hoan hỷ chân chánh. “*Dục*” là nói quý vị khởi tác dụng, tác dụng gì? Tùy loại hiện thân trong mười pháp giới, chẳng khác gì chư Phật, Bồ Tát, phổ độ chúng sanh. Dùng chữ Dục để tượng trưng,

chứ không phải thật sự có Dục. Nếu thật sự có dục như vậy thì sẽ biến thành phạm phu. Tuy ở trong mười pháp giới, hiện thân thuyết pháp độ chúng sanh, nhưng trong tâm vẫn như không hề có chuyện ấy, hai bên Có và Không đều chẳng trụ. Nếu chính mình nhập được cảnh giới ấy, thấy còn có nhiều chúng sanh đang chịu khổ, chịu nạn, họ có duyên với ta, ta đến giúp họ, họ sẽ tin tưởng. Nếu quý vị chẳng chịu tới giúp họ là quý vị sai lầm rồi!

Quý vị phải biết “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”. Quý vị không có duyên với họ, quý vị chẳng độ họ được! Quý vị với họ rất xa cách, không có cách gì gần được; vì thế, chúng ta trong vô lượng kiếp đến nay kết duyên với hết thầy chúng sanh, bất kể là thiện duyên hay ác duyên đều được, chỉ cần có duyên thì khi thành Phật sẽ độ được họ. Nếu quý vị không có duyên với họ thì một tí xíu biện pháp cũng không có. Thiện duyên thì tốt, mà ác duyên cũng được, phải biết điều này! Chỉ cần có duyên thì có cơ hội ấy, có thể phổ độ, phải hiểu đạo lý ấy. Do vậy, bốn chữ “*thâm nhẫn nhạo dục*” này ý nghĩa rất sâu, rất rộng.

“*Linh tâm đẳng tịnh*”: Đẳng là bình đẳng; bình đẳng thanh tịnh thì mới gọi là thanh tịnh. Vì thế trong sự thanh tịnh ấy, có ý nghĩa bình đẳng. Đây chính là như trong tựa đề Vô Lượng Thọ Kinh, thanh tịnh, bình đẳng, giác.

Nhị, trí quang chiếu diệu, thích thượng trí quyết đoạn nghĩa.

二智光照曜，釋上智決斷義。

(Hai là trí quang chiếu rạng, nhằm giải thích ý nghĩa trí quyết đoạn trong phần trên).

Ở đây, đại sư dùng một ý nghĩa của kinh Văn Thù Bát Nhã chứ không phải là dẫn hoàn toàn kinh văn, nhưng ý nghĩa này lấy từ kinh văn. Vì thế...

Ý vân

意云。

(Có ý nói).

Ngài không nói “*kinh vân*” (kinh chép). Nếu là “*kinh vân*” thì phải hoàn toàn là văn tự trong kinh; “*ý vân*” thì sao? Tách khỏi văn tự của kinh, lấy ý nghĩa của một đoạn được chép trong kinh Bát Nhã.

Dục nhập Nhất Hạnh tam-muội, tiên văn Bát Nhã, như thuyết tu học, nhiên hậu năng nhập.

欲入一行三昧，先聞般若，如說修學，然後能入。

(Muốn nhập Nhất Hạnh tam-muội thì trước hết nghe Bát Nhã, tu học đúng như lời dạy, rồi sau đấy mới nhập được)

Đây là ý được giảng trong kinh Bát Nhã. Quý vị muốn nhập Nhất Hạnh tam-muội, Nhất Hạnh tam-muội này chính là như chúng ta nhất tâm xưng niệm A Di Đà Phật thì là Nhất Hạnh tam-muội. Phải “*trước hết nghe Bát Nhã*”, quý vị không có trí huệ Bát Nhã thì quý vị niệm Phật bị chướng ngại. Chướng ngại gì vậy? Hoài nghi, xen tạp, gián đoạn, quý vị có những thứ chướng ngại ấy. Đây là lý do vì sao hồi đầu năm ngoái, chúng tôi phải tốn một thời gian dài để giảng kinh Kim Cang một lượt như vậy. Có rất nhiều người đến hỏi tôi, họ nói: “Thưa pháp sư! Chẳng phải là thầy chuyên hoằng dương Tịnh Độ ư? Sao thầy lại giảng kinh Kim Cang?” Tôi bảo họ: “Tôi giảng kinh Kim Cang vẫn là giảng A Di Đà Phật!” Nguyên nhân là vì mọi người niệm Phật công phu không đắc lực, vì sao không đắc lực? Không thấy thấu suốt, không buông xuống được. Kinh Kim Cang giảng những điều nhằm dạy chúng ta thấy thấu suốt, buông xuống, sau đấy thật thà niệm Phật thì sẽ thành công. Nếu quý vị không thấy thấu suốt, không buông được, quý vị sẽ chẳng thể thật thà [niệm Phật] được! Chẳng thật thà niệm Phật thì chỉ kết duyên với A Di Đà Phật, sẽ không thể vãng sanh trong một đời này! Vì vậy, không thể nào chẳng giảng kinh Bát Nhã một lượt, đạo lý là đây!

Hiện thời vào mỗi thứ Năm, tôi giảng Bát Nhã Cương Yếu ở Hàng Châu Nam Lộ, cũng nhằm ý nghĩa này. Kinh Đại Bát Nhã phân lượng quá lớn, quả thật là đọc một lượt cũng rất khó khăn rồi. Con người hiện thời thấy bộ kinh quá lớn, chẳng muốn đọc nữa. Do vậy, vào đời Thanh trước kia, cư sĩ Cát Ca rất hy hữu! Cụ đã đem sáu trăm quyển đúc kết thành mười quyển, trích yếu những câu tinh hoa trong ấy, trích lược lại, trích lấy những câu trọng yếu nhất. Những khai thị trong ấy đều trích lược ra, biến thành mười quyển. Chúng tôi đọc tác phẩm ấy thấy rất hữu dụng, rất thuận tiện, chẳng lãng phí thời gian. Nay chúng tôi giảng tác phẩm ấy, vẫn là tuyển giảng, chứ không phải là giảng hoàn toàn. Chọn lọc lấy những phần rất trọng yếu, rất hữu ích cho người niệm Phật chúng ta, rồi giảng giải phần kinh văn ấy nhằm khích lệ lẫn nhau. Bởi vậy, “*trước hết nghe Bát Nhã*” rất trọng yếu.

“*Như thuyết tu hành, nhiên hậu năng nhập*” (Tu hành đúng như lời dạy, rồi sau đấy mới có thể nhập được): Thật ra, trong kinh Bát Nhã, đến cuối cùng, quy kết về một câu gồm ba chữ “*bất khả đắc*” (chẳng thể được). Tất cả hết thảy pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều bất khả đắc. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng bất khả đắc. Quý vị thật sự nhập được “*bất khả đắc*” thì thưa với quý vị, tận hư không, trọn pháp giới quý vị đều đắc

hết. Quý vị nghĩ có thứ gì để đạt được thì sẽ chẳng được gì hết! Nếu quý vị thật sự hiểu “*hết thấy đều bất khả đắc*” thì quý vị sẽ đạt được hoàn toàn. Mọi người hãy chú tâm suy tưởng đạo lý ấy. Tiếp theo là:

Ngôn nhất hạnh giả, nhất pháp giới hạnh.

言一行者，一法界行。

(Nói “nhất hạnh” là nói tới “nhất pháp giới hạnh”).

“*Nhất pháp giới hạnh*” chính là Nhất Chân pháp giới.

Diệc vô nhất cố.

亦無一故。

(Mà cũng không có một)

Điều này rất khẩn yếu. Đây là ý nghĩa trong kinh Bát Nhã, quý vị vẫn còn có quan niệm Nhất thì đã trật rồi! Quý vị trọn chẳng nhập Nhất pháp giới, “*nhất*” trong Nhất pháp giới cũng không có, rỗng không đến tột cùng! Chúng ta không có cách nào nhập, thật thà niệm Phật là được rồi. Đến được thế giới Cực Lạc thì sẽ nhập, thấy được A Di Đà Phật chính là nhập. Đây chính là biện pháp tốt đẹp.

Cổ bử kinh vân: “*Pháp giới nhất tướng, hệ duyên pháp giới*”, tức thị thử trung quyết định giải nghĩa.

故彼經云，法界一相，繫緣法界。即是此中決定解義。

(Vì thế, kinh ấy (tức kinh Bát Nhã) nói “*pháp giới nhất tướng, hệ duyên pháp giới*” chính là nghĩa quyết định giải ở đây)

“*Pháp giới nhất tướng*”: “*Pháp giới nhất tướng*” được nói ở đây chính là mười pháp giới và Nhất Chân pháp giới, cũng là như chúng ta thường nói pháp thể gian và xuất thể gian cùng một tướng. “*Một tướng*” ấy là tướng gì? Không tướng, bất khả đắc tướng. “*Hệ duyên pháp giới*” là pháp tu của bậc Pháp Thân đại sĩ. Đây mới là quyết định thắng giải chân chánh. Mà cũng là nói hết thấy pháp thể gian và xuất thể gian trọn chẳng thể được, tuy trọn chẳng thể được, nhưng họ có làm hay không? Làm! Vì sao phải làm? Do lợi ích hết thấy chúng sanh mà làm. Tuy lợi ích hết thấy chúng sanh, nhưng nói thật ra là “*làm nơi không làm*”. Làm mà không làm, không làm mà làm, làm và không làm đồng thời. Chúng ta rất khó hiểu được điều này, họ có “*làm*”, nên chẳng rớt vào Không, họ có “*không làm*” nhưng

chẳng trụ vào Có; hai đàng Không và Có đều chẳng trụ. Đây là tác dụng tự tại của chư Phật, Bồ Tát, thật sự đặc đại tự tại.

Chẳng giống như phàm phu chúng ta, chúng ta tách rời “làm” và “không làm” thành hai chuyện, không có biện pháp gì để gom thành một chuyện; đối với các vị Pháp Thân đại sĩ [hai thứ ấy] là một chuyện. Làm điều gì? Lên sân khấu biểu diễn, diễn cho thật giống. Diễn điều gì? Làm mẫu cho chúng sanh, nêu gương! Nói “không làm” là sao? Những gì họ biểu diễn tuyệt đối chẳng phải là do ý tưởng của chính họ. Giống như diễn viên lên sân khấu biểu diễn, dựa theo kịch bản để diễn. Kịch bản bảo họ làm động tác gì họ liền làm động tác ấy; bảo họ nói gì, họ bèn nói nấy, không có một động tác, một câu nói nào là do ý tưởng của chính mình. Vì thế, họ không làm. Nhưng biểu diễn thật giống nên họ có làm. Làm và không làm là một, chứ không phải hai. Chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong mười pháp giới là biểu diễn, chẳng phải là thật, là giả đấy! Ý nghĩa này rất sâu! Phần tiếp theo:

Hựu hiển chư Phật đẳng vô nhị cố.

又顯諸佛等無二故。

(Lại tỏ rõ chư Phật bình đẳng vô nhị vậy).

Chư Phật bình đẳng vô nhị. “*Chư Phật*” ở đây [là như] tỳ-kheo Cát Tường Vân chính là Phật. “*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Do vậy, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ được gọi là chư Phật. Chữ “*chư*” ở đây chỉ bốn mươi một địa vị có cùng một ý nghĩa với kinh Kim Cang. Hôm nay tôi hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến chỗ này!

**Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm
Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương
Phần 2 hết**

---o0o---

Phần 3

Tập thứ năm (12-13-05)

Xin mở quyển kinh, trang thứ mười hai, dòng cuối cùng, xem từ dòng cuối cùng trở đi.

Nhược ước biểu vị, thử trung chánh thị Phát Tâm Trụ thể. Dĩ bốn giải tánh văn huân chi lực, linh khai phát cố, danh quyết định giải.

若約表位，此中正是發心住體。以本解性聞薰之力，令開發故，名決定解。

(Nếu căn cứ theo sự biểu thị địa vị [để luận định] thì chỗ này chỉ thẳng vào cái Thể của địa vị Phát Tâm Trụ. Dùng sức Văn Huân của tánh hiểu biết sẵn có để khiến cho khai ngộ, phát tâm, nên gọi là quyết định giải)

Hôm qua vì thời gian bó buộc, câu này chỉ giảng được một nửa. Đây là câu thứ hai trong bốn câu. Dùng “*trí quang chiếu diệu*” (ánh sáng trí huệ rực sáng) để giải thích ý nghĩa của câu “quyết định giải” trong phần trước. Đoạn cuối cùng, nếu luận về sự biểu thị pháp; “*nhược ước biểu vị*”, Nhược (若) là giả thiết (ví như), ví như dùng sự biểu thị pháp để nói. “*Vị*” là năm mươi một địa vị của bậc Bồ Tát, tỳ-kheo Cát Tường Vân là đại biểu cho địa vị Sơ Trụ, tức bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, Ngài đại diện cho địa vị này. “*Thử trung chánh thị Phát Tâm Trụ thể*”, câu này nhằm nói tới “*trí quang chiếu diệu*”, trí Quyết Định Giải chính là thể tướng của [địa vị] Phát Tâm Trụ (Sơ Trụ). “*Phát tâm*” chính là phát Bồ Đề tâm. Nếu không có trí huệ chân thật sẽ không khởi Bồ Đề tâm được! Vì thế, chỉ cần Bồ Đề tâm thật sự phát khởi thì người ấy sẽ là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, trí huệ sẽ thấu lộ ra.

Hai câu kế tiếp để giải thích. “*Dĩ bốn giải tánh*”, “*bốn giải*” chính là “*trí quyết định giải*” đã nói trong phần trước. “*Giải*” là thấu hiểu điều gì? Nói sơ sài, cạn cợt nhất thì là chân tướng của vũ trụ, nhân sinh, vị ấy đều hiểu rõ, đều hiểu rành, một mảy may nghi hoặc cũng không có. Đây gọi là “*quyết định giải*”. Đây là trí huệ chân thật. Do trí huệ ấy hiện tiền nên là Sơ Trụ Bồ Tát. Do vậy, “*dùng sức Văn Huân của tánh hiểu biết sẵn có để khiến cho [Bồ Đề tâm] được mở mang, phát khởi*”, câu “*bốn giải tánh*” (tánh hiểu biết sẵn có) rất ý vị. Do đây, biết rằng: Trí huệ chẳng phải là từ bên ngoài tới, nếu từ bên ngoài tới sẽ chẳng có năng lực ấy. “*Bốn*” là vốn đã có sẵn, đã sẵn trọn đủ trong tự tánh của chúng ta. Vốn sẵn trọn đủ, vì sao năng lực ấy chẳng hiện tiền nơi chúng ta? Đây là vấn đề của Văn Huân. Chúng ta văn huân (huân tập do nghe pháp) không đủ, công phu Văn Huân chưa đến mức. Vì thế, “*bốn giải tánh*” chẳng tỏ lộ ra, cũng có nghĩa là trí huệ, đức năng vốn sẵn có trong bốn tánh chẳng thể hiện tiền. Nếu muốn cho nó được hiện tiền, hiện tiền là khởi tác dụng, nhất định phải dựa vào Văn Huân. Văn là nghe pháp, Huân là huân tập, chẳng những chỉ gồm Văn (nghe) mà còn phải bao gồm Tư, Tu, tức Bồ Tát phải học Tam Huệ Văn - Tư - Tu.

“*Văn*” là tiếp xúc, đối với người mới học, nghe pháp hết sức trọng yếu. Nếu như Văn Huân không trọng yếu như thế thì quý vị hãy suy nghĩ xem, lúc đức Thế Tôn tại thế, cần gì Phật phải giảng kinh thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm? Vì sao chẳng lập Niệm Phật Đường, dạy chúng ta thật thà niệm Phật? Hay lập Thiền Đường dạy chúng ta tu Thiền thất? Từ Đại Tạng Kinh chúng ta thấy: Suốt một đời đức Thế Tôn không làm những chuyện ấy. Mỗi một ngày, Ngài giảng kinh thuyết pháp cho đại chúng, nhưng trong số các đệ tử, chúng ta biết Thường Tùy Chúng là hai ngàn năm trăm năm mươi lăm vị. Những vị ấy chẳng rời khỏi Phật, Phật đi đến đâu họ liền theo đến đó. Nói cách khác, mỗi một vị đều nghe kinh suốt mấy chục năm. Ngày ngày nghe, nghe suốt mấy chục năm, Văn Huân đấy! Cũng có người trong số quý vị nghĩ họ có phước báo như thế, hằng ngày được nghe pháp từ nơi Phật, chúng ta không có phước. Thật ra, phước báo của con người chúng ta hiện thời chẳng kém phước báo của người thời ấy, có thể nói là còn lớn hơn họ nữa kia!

Trước kia không có máy thu âm, không có máy thu hình, nghe một lượt xong, không có cơ hội nghe lần thứ hai nữa. Suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh thuyết pháp, trừ Vô Lượng Thọ kinh ra, chưa hề giảng [kinh nào] hai lần. Vì thế Văn Huân đặc lực thật sự là chuyện rất khó. Do vậy, họ nghe quá nhiều, trọn chẳng chuyên nhất, hiệu quả đặc lực kém hơn rất nhiều. Hiện thời chúng ta có công cụ khoa học, nếu ưa thích Hoa Nghiêm thì mỗi ngày quý vị nghe kinh Hoa Nghiêm. Quý vị nghe trên mười năm hay tám năm, thâm nhập một môn so với những vị ấy theo Thích Ca Mâu Ni Phật suốt bốn mươi chín năm, hiệu quả còn thù thắng hơn nhiều! Nếu quý vị hỏi vì sao ư? Những vị ấy nghe nhiều quá, còn quý vị thì chuyên ròng một bộ. Nếu quý vị nghe Vô Lượng Thọ Kinh, nghe Di Đà Kinh, nghe hai trăm lượt, ba trăm lượt, sức Văn Huân chẳng thể nghĩ bàn. Vấn đề là chúng ta có làm được hay không? Có hiểu đạo lý ấy hay không? Có chịu làm như thế hay không? Kinh Di Đà gọi đó là “*thiện căn, phước báo, nhân duyên*”.

Thiện căn là hiểu rõ đạo lý này, thông đạt hiểu rõ là thiện căn, thật sự phát tâm là phước đức, duyên là cơ hội. Giống như trong ngôi đạo tràng nhỏ của chúng ta hiện thời, mỗi một ngày mở cửa cho mọi người niệm Phật tại đây, trong hai mươi bốn tiếng chẳng ngưng nghỉ, đây là duyên, là cơ hội. Có cơ hội để mọi người niệm Phật tại đây, có cơ hội để mọi người mỗi ngày nghe kinh tại đây, đây là nhân duyên. Thiện căn, phước đức, nhân duyên, ba điều kiện đều đầy đủ, đây là đại phước báo! Phước báo thù thắng khôn sánh! Quý vị muốn thành tựu, không có lý nào chẳng thành tựu. Kinh giảng đến chỗ này, đại sư Thanh Lương dạy chúng ta: Vị Bồ Tát ấy chúng được địa vị Sơ Trụ là nhờ sức Văn Huân.

“*Linh khai phát cổ*”: Chữ “*khai phát*” này là từ ngữ dùng trong nhà Thiền. Trong Thiền tông thường gọi là “*minh tâm kiến tánh, khai ngộ*”. “*Khai*” là khai ngộ, “*phát*” là phát tâm. Hễ khai ngộ sẽ phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, đây là nhập địa vị Sơ Trụ, ý nghĩa ấy này được gọi là “*quyết định giải*”. Do vậy, dùng từ ngữ “*trí quang chiếu diệu*” để giải thích chữ “*quyết định giải*”.

Tam, phổ nhãn minh triệt giả,

三普眼明徹者。

(Ba, phổ nhãn minh triệt là)

Đây là câu giải thích.

Thích quán cảnh tự tại nghĩa, vô cảnh bất quán, cố vân phổ nhãn.

釋觀境自在義。無境不觀，故云普眼。

(Giải thích ý nghĩa “*quán cảnh tự tại*”, không cảnh nào chẳng quán, nên gọi là “*phổ nhãn*”)

“*Phổ*” là phổ biến, trong ấy có những ý nghĩa thanh tịnh, bình đẳng. Nếu như tâm không thanh tịnh, tâm chẳng bình đẳng sẽ chẳng thể phổ biến được. Do vậy, tựa đề của phẩm kinh này là Phổ Hiền Bồ Tát, chữ Phổ này bao hàm những ý nghĩa thanh tịnh và bình đẳng một cách viên mãn. “*Vô cảnh bất quán*”, cảnh giới thù thắng của chư Phật Như Lai là Nhất Chân pháp giới, thế giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na, thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật đều là Nhất Chân pháp giới. Từ Nhất Chân pháp giới trở xuống có mười pháp giới, trong hết thảy các cõi Phật đều có mười pháp giới. Các vị Bồ Tát thuộc địa vị này có năng lực phổ quán, không cảnh nào chẳng quán. Như trong phần trước đã nói, vị ấy muốn thấy cảnh giới nào, cảnh giới ấy liền hiện tiền, chẳng muốn thấy thì thế giới ấy sẽ không hiện nữa. Trong phần trên, tôi đã nói: Ví như chúng ta coi TV, muốn coi đài nào thì vặn sang băng tần (channel) ấy, màn hình liền hiện ra. Ở nơi đây, chúng ta muốn chọn một đài nào thì phải vặn sang băng tần ấy, còn bọn họ thì không cần, chẳng mất công như thế, khởi tâm động niệm thì cảnh giới liền hiện tiền. Dưới đây, [ngài Thanh Lương] nêu một thí dụ, trong mười pháp giới nêu một thí dụ, lấy Phật [để dẫn chứng].

Dĩ như vi Phật, vô pháp bất như.

以如為佛，無法不如。

(Bởi Như là Phật, không pháp nào chẳng như)

“*Như*” là Chân Như, là tự tánh. Bản tánh của Chân Như có thể hiện, có thể biến. Hết thấy cảnh giới đều được biến. Nếu nói theo Phật pháp giới thì “*không pháp nào chẳng như*”.

Tắc vô phi Phật hỹ.

則無非佛矣。

(Cho nên không gì chẳng phải là Phật vậy)

Chính là như kinh Hoa Nghiêm đã dạy: “*Một tức hết thấy, hết thấy chính là một*”. Đây là Phổ Nhãn. Nhập Phật pháp giới thì có pháp nào chẳng phải là Phật? Pháp nào cũng đều là Phật. Vì thế, cổ đại đức bảo chúng ta, nếu mỗi một người chúng ta thành Phật thì khi người ấy thành Phật, thấy tận hư không, trọn pháp giới, hữu tình lẫn vô tình đều là Phật. Lời này cũng được nói trong kinh Hoa Nghiêm: “*Tình dữ vô tình, đồng viên Chứng Trí*” (Hữu tình lẫn vô tình đều cùng viên mãn Chứng Trí). Chứng Trí là Nhất Thiết Chứng Trí, tức là điều đã được chứng bởi Như Lai. Viên là viên mãn. Hữu tình và vô tình cùng viên mãn Nhất Thiết Chứng Trí, ấy là thành Phật. Nếu bảo “*coi Như là Bồ Tát, thì không pháp nào chẳng phải là Bồ Tát*” thì hết thấy pháp tình và vô tình đều là Bồ Tát! Nói thật ra, đây cũng là quan niệm, trong vòng một niệm! Vì sao chúng ta không có cảnh giới ấy? Khi sáu căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài liền phân biệt, chấp trước, khởi vọng tưởng, khởi chấp trước. Do vậy, ý niệm hết sức hỗn loạn.

Chư Phật, Bồ Tát ý niệm rất thanh tịnh, do thanh tịnh nên cảnh giới được hiện chỉ là một cảnh giới. Nếu quán thấy cảnh giới ấy là do Phật hiện thì là cảnh giới Phật, quán thấy cảnh giới ấy là do Bồ Tát hiện thì là cảnh giới Bồ Tát. Các Ngài hiện một cảnh giới, nhưng nay chúng ta thấy sắc nghe tiếng, cảnh giới ấy lộn xộn, lung tung. Vì sao có hiện tượng ấy? Chúng tỏ tâm tư quý vị rất loạn, tâm quý vị không thanh tịnh, chẳng phải do cảnh giới bên ngoài gây loạn mà do chính tâm của quý vị loạn. Đây là như kinh luận Đại Thừa thường bảo: “*Tướng tùy tâm chuyển*” (Tướng chuyển biến theo tâm). Do vậy Như, Như là bản tánh Chân Như, là chân tâm. Nếu chân tâm của quý vị là Phật, sẽ thấy tất cả cảnh giới đều là Phật. Nếu tâm quý vị là tâm của Bồ Tát thì thấy hết thấy cảnh giới đều là Bồ Tát. Hiện thời, tâm chúng ta thứ gì cũng đều trật, do vậy thấy hết thấy pháp loạn xạ, lung tung; đạo lý là như vậy đó.

Xã hội phức tạp như thế, xã hội hỗn loạn như thế, chúng ta điều chỉnh bằng cách nào ? Người biết điều chỉnh thì điều chỉnh từ tự tánh, sao quý vị lại điều chỉnh từ bên ngoài? Chẳng thể được! Thừa với quý vị, đó gọi là “*câu pháp ở ngoài tâm*”, chẳng thể điều chỉnh được! Cách điều chỉnh ra sao? Điều chỉnh từ nơi tự tánh, quý vị điều chỉnh tự tánh thì cảnh giới bên ngoài sẽ tự nhiên chuyển biến theo. Nhất định phải tin chur Phật, Bồ Tát là những vị đã từng trải, những gì các Ngài đã nói chính là tường thuật kinh nghiệm. Đây là “*tâm có thể chuyển cảnh*”; muôn phần chớ để cho tâm bị cảnh chuyển. Tâm bị cảnh chuyển là hỏng rồi! Cảnh giới đã phức tạp như thế, tâm chúng ta thuận theo cảnh giới sẽ càng phức tạp thêm, vọng niệm càng nhiều hơn, phân biệt, chấp trước càng lúc càng nhiều, cảnh giới bên ngoài càng ngày càng nghiêm trọng, [đâm ra] chỉ chú trọng phát triển nơi phương diện phụ, chẳng thể chú trọng phát triển nơi phương diện chánh! Nếu muốn đem phương diện phụ quy về phương diện chánh, phải hoàn toàn dốc sức nơi tâm địa. Có như vậy thì mới có thể tự cứu mình, cứu chúng sanh, mới có thể biến đổi xã hội thành tốt đẹp hơn, thanh tịnh hóa lòng người. Lại xem tiếp câu thứ ba.

Dĩ giác vi Phật, vô tâm phi giác, tâm giai Phật hỹ.

以覺為佛，無心非覺，心皆佛矣。

(Coi giác là Phật, không tâm nào chẳng phải là giác, tâm đều là Phật vậy)

Chữ “*Phật*” này là phiên âm tiếng Phạn, có ý nghĩa là Giác. Nếu “*coi Giác là Phật*” thì sao? “*Không tâm nào chẳng phải là giác*”. Sáu căn đối với sáu thứ cảnh giới, không có gì chẳng phải là giác, giác chính là Phật. Vì vậy, “*tâm đều là Phật*”. Chúng ta thường gọi điều này là “*Phật tâm*”, trong Pháp Tướng tông gọi là “*chuyên Thức thành Trí*” chính là ý nghĩa này. Chuyện A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, chuyện Mạt Na Thức thành Bình Đẳng Tánh Trí, chuyện thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí, chuyện năm Thức trước thành Thành Sở Tác Trí. Đây chính là “*không tâm nào chẳng phải là giác, tâm đều là Phật vậy*”. Đó gọi là Tứ Trí Bồ Đề. Mấy câu tiếp theo đó hết sức trọng yếu, nếu chúng ta muốn học, muốn dụng công thì phải nhớ kỹ nguyên tắc này.

Dĩ hư tâm chi giác, khế duy như chi cảnh.

以虛心之覺，契唯如之境。

(Dùng sự giác ngộ bởi cái tâm rỗng rang để khế nhập cảnh chỉ là Như).

Hai câu này là cương lĩnh, là nguyên tắc tu hành trọng yếu. Do vậy, tâm phải trống, phải rỗng, trong tâm chẳng thể chứa thứ gì; trong tâm vẫn còn có những có vật gì thì sẽ mê, trong tâm không có gì thì là giác. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã giảng cho chúng ta biết: “*Bổn giác bổn hữu*” (Bổn giác vốn sẵn có). Ngài lại dạy chúng ta: “*Bất giác bổn vô*” (Bất giác vốn không có). Giác vốn là có, vì sao nay chúng ta không có cái giác tâm ấy? Là vì tâm quý vị không rỗng rang, tâm quý vị có thứ này, thứ nọ, nên tự tánh giác của quý vị bị chướng ngại. Thưa quý vị, chẳng phải là người khác gây trở ngại cho quý vị, mà chính quý vị tự chướng ngại mình! Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính quý vị đã chướng ngại tự tánh giác. Tự tánh Giác là Phật, tự tánh Chánh là Pháp, tự tánh Tịnh là Tăng, gọi là Tự Tánh Tam Bảo. Bởi tâm quý vị có thứ này thứ nọ nên Tự Tánh Tam Bảo của quý vị chẳng thể hiện tiền.

Sơ Trụ Bồ Tát đạt được tâm rỗng rang, đoạn được Kiến Tu phiền não, Kiến Tu phiền não là chấp trước, Trần Sa phiền não cũng đoạn. Trần Sa phiền não là phân biệt. Trong hết thấy pháp, Ngài cũng chẳng khởi phân biệt, chẳng còn chấp trước, phân biệt; vĩnh viễn không có chấp trước. Vô minh cũng phá được một phẩm, tâm Ngài rỗng rang, tâm trống không, do rỗng không cho nên “*linh*” (靈), [thường được gọi bằng danh từ] “*không linh*” (giác tánh rỗng rang). “*Linh*” là gì? Linh là giác, tự tánh giác hiện tiền. Giác tánh hiện tiền sẽ khế hợp cảnh “*duy Như*” (chỉ có Như), tức là ngoài Như ra, tất cả những cảnh giới đều không có! Như là gì? Như là Chân Như. Pháp nào cũng đều là Như, không có pháp nào chẳng như, đây là cảnh giới chứng đắc bởi chư Phật Như Lai, không có một pháp nào chẳng như. Phải hiểu ý nghĩa này! Cổ nhân có một tỷ dụ. Cổ nhân dùng vàng ròng [làm tỷ dụ], tức là nói dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng, tỷ dụ này dễ hiểu. Các Ngài đem vàng ví với Như, đem pháp ví với các món vật, “*không pháp nào chẳng phải là Như*” chính là món vật nào cũng đều là vàng. Trong tâm ắt phải rỗng không, tách lìa hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tự tánh giác sẽ hiện tiền; sau đấy mới [thấy thấu suốt] pháp thế gian lẫn xuất thế gian trong tận hư không, trọn pháp giới, không có một pháp nào chẳng Như.

Tắc bất động pháp giới, cùng hồ tịch chiếu chi nguyên.

則不動法界，窮乎寂照之原。

(Chính là pháp giới bất động, tột cùng nguồn tịch chiếu).

Nay chúng ta thấy cảnh giới bên ngoài là động, các Ngài thấy cảnh giới bên ngoài bất động, đây là đạo lý gì vậy? Vẫn là như phần trước đã nói

“*cảnh chuyển theo tâm*”. Tâm các Ngài chẳng động, vì thế thấy cảnh giới bên ngoài là bất động. Tâm chúng ta động, một niệm diệt, niệm sau sẽ sanh, sanh diệt, diệt sanh với tốc độ nhanh chóng [đến nỗi] phàm phu chúng ta chẳng thể tưởng tượng được. Vì thế, tâm của phàm phu là vọng tâm, vọng tâm là tâm bị động, chân tâm là bất động. Chân tâm là tướng tĩnh, tịch tĩnh; vọng tâm là vọng động. Tâm động nên trông thấy tướng cảnh giới bên ngoài đều là động, đều là sanh diệt. Bồ Tát vào trong cảnh giới này tâm bất động, do vậy thấy hết thấy vạn pháp đều là tướng tịch diệt, hiển thị “*pháp giới bất động tột cùng nguồn tịch chiếu*”. Tịch là Thể, Chiếu là Dụng, Tịch là thanh tịnh tâm, Chiếu chính là “*trí quang chiếu diệu*” như đã nói trong phần trước. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng chính là “*trí quang chiếu diệu*”. Tiếp theo đây là nói về nhập cảnh giới, cảnh giới đẹp đẽ, cảnh giới tốt lành không gì sánh bằng được.

Tắc tâm cảnh giới Phật, Năng, Sở câu mẩn

則心境皆佛，能所俱泯。

(Tâm lẫn cảnh đều là Phật, Năng và Sở đều diệt mất).

Nếu có Năng, có Sở thì vẫn là hai thứ. Đến khi ấy Năng và Sở dung hợp thành một khối; trong ấy không có giới hạn, trong tâm và cảnh không có giới hạn. Trong phần sau cuốn Niệm Phật Luận của đại sư Đàm Hư, chúng tôi có đính kèm những lời Ngài khai thị trong Phật Thất, trong ấy Ngài có kể một câu chuyện. Trước kia Ngài dạy học tại chùa Cực Lạc ở Cấp Nhĩ Tân, miền Đông Bắc, nơi ấy không có người xuất gia, thầy giáo, học trò đều là người tại gia. Ngài thỉnh một vị họ Trương, tức Trương tiên sinh làm hiệu trưởng. Trương tiên sinh cũng niệm Phật rất siêng. Có một ngày, ông ta hỏi lão hòa thượng: “Con niệm Phật có nghi hoặc”. Lão hòa thượng hỏi ông ta: “Ông nghi hoặc điều gì?” Ông ta thưa: “Con thấy trong kinh nói: ‘*Duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*’ – ông ta nói – Duy tâm Tịnh Độ thì tâm ta là Tịnh Độ, con còn phải cầu sanh Tịnh Độ làm gì? Tự tánh của ta là Di Đà, sao con còn phải niệm Di Đà?” Lão hòa thượng nghe xong gật đầu: “Ông hỏi rất có lý!” Nếu không giải quyết nghi vấn ấy thì ông ta niệm Phật sẽ bị chướng ngại, ông ta không niệm nữa.

Lão hòa thượng có trí huệ, hỏi ngược lại ông ta: “*Giới hạn giữa tự tánh Di Đà và đức Di Đà ở Tây Phương ở chỗ nào? Biên giới ở chỗ nào? Giới hạn giữa duy tâm Tịnh Độ của ông và Tây Phương Tịnh Độ lại ở chỗ nào?*” Câu hỏi ấy rất hay! Vị hiệu trưởng ấy rốt cuộc là người có học, cũng rất thông minh, có ngộ tánh đôi chút, ông ta nghĩ rất lâu, thưa: “Không có biên giới!” Không có biên giới thì Năng lẫn Sở đều mất. Đúng quá! Không có

biên giới, niệm A Di Đà Phật là niệm tự tánh Di Đà, cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ là cầu sanh về duy tâm Tịnh Độ, tín tâm của quý vị mới định được, quý vị quyết định nắm chắc vãng sanh, vì sao vậy? Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ là của ta, sao ta không thể vãng sanh? Quý vị nói xem, quý vị dựa vào đâu mà có thể vãng sanh? Dựa vào đây! Vì thế, sau khi thấu triệt đạo lý, quý vị kiên định tín nguyện, tuyệt đối chẳng bị dao động, chẳng hoài nghi. Phật cao chót vót, làm sao ta vói tới? Ý niệm ấy không có, tự tánh Di Đà mà! Nhưng nếu không giải quyết được, nghi vấn ấy sẽ biến thành chướng ngại; quý vị suốt đời niệm Phật vẫn chẳng có cơ hội vãng sanh. Khi vấn đề được giải quyết, tín nguyện liền kiên định. Sau này, Trương hiệu trưởng vãng sanh, biết trước lúc mất, thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

Năng Sở câu mẫn, khởi phi phổ tai?

能所俱泯，豈非普哉。

(Năng lẫn Sở đều mất, há chẳng phải là Phổ ư?)

Đây chính là ý nghĩa của chữ Phổ. Có Năng, có Sở thì còn là Phổ được sao? Bất luận cảnh giới sâu đến đâu, rộng đến mấy, vẫn chẳng thể cự lại được chữ Phổ này, ắt biên giới ấy phải tiêu tan. Vì thế, “*vàng tức là đồ vật, đồ vật tức là vàng*”, không có biên giới.

Như thử chân nhãn, phương vi minh triệt.

如此真眼，方為明徹。

(Chân nhãn như thế thì mới là sáng suốt, thấu triệt)

Mắt thấy chân tướng của vũ trụ nhân sinh mới gọi là Minh, mới gọi là Triệt. Minh là hiểu rõ, Triệt là rốt ráo triệt để, là sở đắc của Bồ Tát. Điều cuối cùng là:

Cụ thanh tịnh hạnh.

具清淨行。

(Đầy đủ hạnh thanh tịnh)

Câu này nhằm giải thích ý nghĩa của chữ Lục trong phần trước.

Phi duy tịnh tín, nhược Trầm, nhược Cử, chư Cái, chư Thủ, chư tam-muội chướng, giai tất bất sanh. Cố vân thanh tịnh.

非唯淨信。若沈若舉，諸蓋諸取，諸三昧障，皆悉不生。故云清淨。

(Chẳng phải chỉ là tịnh tín, dù hôn trầm hay trạo cử, các Cái, các Thủ, các tam-muội chướng đều chẳng sanh. Cho nên gọi là thanh tịnh)

Trước hết đem ý nghĩa của hai chữ này giảng đại lược. “*Trầm*” là hôn trầm, tinh thần không khởi lên được. Đặc biệt là khi niệm Phật, niệm Phật vào lúc nào? Khi chỉ tịnh, tức là khi quý vị ngồi xuống, chúng ta thường nhận thấy cũng có lắm khi chúng ta vừa ngồi xuống chưa được mấy phút đã gật gù rồi, đấy là hôn trầm, mệt mỏi, tinh thần không khởi lên được. “*Cử*” là trạo cử (lao chao), là hiện tượng hoàn toàn trái ngược với hôn trầm. Người ta vừa ngồi xuống, trong tâm ý niệm, vọng tưởng này tiếp nối vọng tưởng kia, có nhiều sức ép không đè nén được, gọi là vọng tưởng toi bời, gọi là “*trạo cử*”. Hai hiện tượng này hoàn toàn bất đồng, khi chúng ta dụng công, bất luận chúng ta tu hành pháp môn nào, hai thứ ấy đều là chướng ngại, nhưng gần như mỗi cá nhân đều gặp phải chướng ngại này. Vì thế, gặp phải tình hình ấy đừng sợ, đừng nghĩ chính mình nghiệp chướng rất nặng, ta không thể niệm Phật được. Nghĩ vậy là làm rồi! Nhất định phải khắc phục, muốn khắc phục phải chọn lựa phương pháp.

Chẳng hạn như, hễ hiện tượng hôn trầm nổi lên thì chúng ta đừng ngồi nữa, chúng ta nhiễu Phật, vừa nhiễu vừa niệm, hoặc chúng ta lễ Phật, lễ mấy chục lạy, lễ một hai trăm lạy, hôn trầm sẽ không còn nữa. Đối phương thức, nhưng không thể đổi pháp môn. Chúng ta vẫn niệm Phật, một câu Phật hiệu cứ niệm tiếp. Khi ta ngồi niệm bèn đổi thành vừa đi kinh hành vừa niệm, đổi thành vừa lạy vừa niệm. Khi bị trạo cử thì ngược lại, chúng ta chọn cách tịnh tọa niệm Phật, thân tâm, thế giới hết thảy đều buông xuống, nhất tâm nhất ý nghe Phật hiệu, nhất tâm nhất ý quán Phật, dùng phương pháp này để đối trị trạo cử. Đây là chuyện thường gặp nhất, bất luận tu học theo pháp môn nào. Hai thứ chướng ngại ấy đều là do tâm không thanh tịnh, trong tâm đã thanh tịnh thì làm sao có những thứ ấy?

“*Chư Cái, chư Thủ*”: Cái (蓋) là nói tỷ dụ, ngăn che trí huệ đức năng trong tự tánh của chúng ta. Cái có nghĩa là chướng, tức là chướng ngại, ngăn trở. Trong kinh thường nói có năm thứ, chẳng hạn như nói đến ngũ ngũ; trong năm thứ ấy, mỗi người hễ đi ngũ thì công phu sẽ gián đoạn, tức là bị ngăn trở rồi. Vì vậy Ban Châu tam-muội, tức môn Ban Châu tam-muội mà tỳ-kheo Cát Tường Vân tu tập, chín mươi ngày không ngũ nhằm phá trừ chướng ngại ấy. Ai có thể trong suốt chín mươi ngày không ngũ thì công phu khá lắm, trong tâm phải thanh tịnh lắm mới làm được. Vì thế, ngũ ngũ

không phải là chuyện tốt. Tài, sắc, danh, thực, thù, gọi là Ngũ Dục, người thật sự có công phu đều có thể tách lia năm thứ ấy. Nhưng đối với đại đa số người, chúng ta tách lia Tài vẫn không sao, Tài có thể bỏ được. Sắc là nam nữ sắc dục, cũng có thể gạt bỏ được, Danh cũng có thể bỏ được, ăn thì không được! Một ngày vẫn phải ăn ba bữa, ngoài ba bữa ra còn phải ăn điểm tâm, ngủ chẳng thể bỏ được! Nói cách khác, trong năm thứ chướng ngại ấy, quý vị chẳng bỏ được hai thứ, vậy là công phu của chính mình không trọn đủ. Khi công phu trọn đủ sẽ làm được!

Người tu Định hiện thời như nhiều vị đồng tu đã biết, đầu thời Dân Quốc lão hòa thượng Hư Vân công phu khá lắm. Qua Niên Phổ, chúng ta thấy Ngài thường nhập định một, hai tuần lễ, thậm chí đến một hai tháng, ngồi bất động ngay nơi đó. Ngài nhập định có phải là ngủ hay không? Không! Ngài chẳng ngủ. Ngủ nghề sẽ không thể duy trì nổi tư thế ấy. Hễ ngủ sẽ gục xuống, đã gục xuống thì làm sao ngồi thẳng lưng được? Ngài không ngủ nghề, Ngài không có ngủ nghề, Ngài tỉnh táo, Ngài ở trong cảnh giới Định. Do vậy, khi Ngài nhập định, quý vị thấy Ngài không ngủ nghề, Ngài cũng không cần ăn uống. Giả sử Ngài nhập định một tháng thì khi Ngài xuất Định tinh thần vẫn sung mãn, Ngài cũng không cảm thấy cả một tháng nay ta không ăn gì hết, phải ăn thôi! Không có! Tuyệt đối không có, nhưng khi Ngài xuất định, thường cảm thấy thời gian nhập Định rất ngắn, “ta mới ngồi chưa được bao lâu”, nhưng thật sự là đã qua rất nhiều ngày rồi!

Trong Niên Phổ có chép một mẫu chuyện nhỏ. Đại khái là trong dịp Tết, Ngài ở trong am tranh trên núi, lão hòa thượng luộc một nồi khoai. Sau khi đốt lửa lên, đang luộc khoai, luộc khoai đương nhiên cần phải chờ đợi một lát, Ngài ngồi bên cạnh liền nhập định. Cũng chẳng biết là nhập định bao lâu, qua năm mới rồi, [những vị sư trụ trong ngôi] miếu ở gần nhận thấy đã lâu không thấy lão hòa thượng, chẳng biết Ngài ra sao, đến am tranh của Ngài tìm. Khi tới am tranh, họ thấy Ngài tịnh tọa nơi đó. Lúc ấy, vị xuất gia đó bèn dùng đũa khính gõ bên tai Ngài để nhắc Ngài xuất định. Gõ xong, Ngài liền xuất định. Trông thấy hai người bọn họ, Ngài nói: “Đến kịp lúc đây, tôi đang luộc khoai, muốn mời các vị ăn khoai”. Kết quả là lúc mở nồi ra, khoai đã phủ mốc dày, trong nồi đều bị mốc hết rồi. Hơn hai mươi ngày, Ngài nói: “Tôi cảm thấy mới ngồi mấy phút”. Điều này cho thấy ăn uống và ngủ nghề đều có thể lia khỏi được!

Trong kinh Phật thường nói tới tới tam giới: Đối với Dục giới thì trong Dục giới có ăn uống, có nam nữ, âm thực, cõi trời Sắc Giới từ Sơ Thiên trở lên không có nữa, họ lấy Thiên Duyệt làm thức ăn. Quý vị hiểu rõ đạo lý này sẽ hiểu được lẽ dưỡng sinh. Hiện thời những kẻ giàu có ở Đài Loan, có rất nhiều người ăn thực phẩm bổ dưỡng để tầm bổ, mà đồ bổ đó là gì? Toàn chứa chất độc gây bệnh, chẳng phải là thứ tốt lành, bồi bổ cho

những chứng bệnh kỳ quái phát sanh. Phật pháp từng dạy chúng ta thứ gì bổ dưỡng tốt nhất cho thân thể? Tâm thanh tịnh! Trong tâm quý vị không một tạp niệm nào nảy sanh thì sẽ khỏe mạnh nhất, bổ dưỡng nhất. Vì sao người trong cõi trời Sắc Giới chẳng cần phải ăn? Vì tâm họ thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh ra hoan hỷ, đây là từ bi, hỷ xả, pháp hỷ sung mãn. Do đây có thể biết được rằng: Hết thấy những thứ ngăn lấp cũng là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sanh ra, chứ không phải là vốn có, chẳng phải là thật nên có thể tách lia được.

“Thủ” lại càng hư vọng hơn, Thủ chính là “thủ xả” (lấy, bỏ). Có thể nói là kinh Bát Nhã, tức bộ Bát Nhã gồm sáu trăm quyển có thể quy nạp tới mức cuối cùng thành một câu “*bất khả đắc*” (chẳng thể được). Hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng thể được. Kinh Kim Cang nói rất rõ ràng: “*Tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được*”. Tâm ấy có công năng giữ lấy, nhưng cái tâm có khả năng lưu giữ ấy thì lại không thể được, cái bị giữ lấy chính là các pháp. Đức Phật nói càng rõ hơn: “*Các pháp do duyên sanh, bản thể của chúng đều là Không, trọn chẳng thể được*”. Năng Thủ, Sở Thủ đều không thể được. Quý vị giữ lấy những gì? Quý vị hiểu được đạo lý này sẽ thật sự buông xuống được. Được - mất, lấy - bỏ đều buông xuống hết, tâm quý vị sẽ được tự tại.

“*Chư tam-muội chướng*”: “Chư” là nhiều, quá xá nhiều! Tam-muội là gì? Tam-muội là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Trung Quốc là Chánh Thọ, tức hưởng thụ đúng đắn. Nói cách khác, quý vị hưởng thụ sai quấy thì sẽ thành chướng ngại. Hưởng thụ vật chất, hưởng thụ tinh thần vô lượng, vô biên. Trong kinh Bát Nhã nói tới mấy trăm thứ tam-muội, nói rất cặn kẽ. Đây là nói chi tiết, chứ trong sự cảm nhận của chúng ta trong cuộc sống thường ngày, sự cảm nhận trong công việc, sự cảm nhận trong khi ứng xử, tiếp người, đãi vật, hễ [cảm nhận] không đúng đắn sẽ đều thành chướng ngại. Đây là nói tổng quát: Hôn trầm, trạo cử, Ngũ Cái, các Thủ, tam-muội. Nói chung, những thứ chướng ngại ấy “*thảy đều chẳng sanh*”. Tâm quý vị thanh tịnh, cho nên chướng ngại hoàn toàn không có. “*Cổ vân thanh tịnh*” (Cho nên gọi là thanh tịnh). Đây là cảnh giới chúng đắc bởi bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo.

Tâm tạo chân cảnh, cố danh vi Hạnh, tức nhất hạnh dã.

心造真境，故名為行。即一行也。

(Tâm tạo ra cảnh thật, nên gọi là Hạnh, tức Nhất Hạnh vậy)

Đây là một câu giảng về từ ngữ “*cụ thanh tịnh hạnh*” (đầy đủ hạnh thanh tịnh). Hạnh ấy là gì? “*Tâm tạo chân cảnh*”. Chữ “*tạo*” này có nghĩa

là xuất hiện, hoặc hiển hiện. Trong tâm thanh tịnh hiển hiện cảnh giới, bất luận là thánh hay phàm, chỉ là thanh tịnh giống hệt nhau. Mười pháp giới không một pháp giới nào chẳng phải là Phật pháp giới, pháp nào cũng đều là Phật, đây gọi là Hạnh. Hạnh là hành động, Hạnh là tác dụng, Nhất Hạnh. Nhất Hạnh là gì? “Nhất” chẳng phải là con số, nếu quý vị hiểu nó là con số thì quý vị đã làm mất rồi! Giống như trong phẩm Phổ Môn nói ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, trong kinh ấy là ba mươi hai, vì sao [ở đây] lại là một? Quý vị phải hiểu “ba mươi hai chính là một, một chính là ba mươi hai, một tức là nhiều, nhiều tức là một”. Nhiều là vì ứng theo căn cơ, chúng sanh có cảm Ngài liền ứng, ứng theo căn cơ mà! “Nhất” là bất động, như như bất động thì Ngài mới có thể ứng hết thấy căn cơ, tuy ứng hết thấy căn cơ, Ngài vẫn tịch diệt bất động. Vì thế, đối với chính Ngài thì nói là Nhất Hạnh, dựa theo mặt ứng cơ để nói thì là vô lượng vô biên hạnh. Đây chính là “một và nhiều chẳng hai”, là cảnh giới “Năng lần Sở đều mất”, đó gọi là Nhất Hạnh. Nhưng chẳng nhập cảnh giới ấy thì Nhất Hạnh chắc chắn sẽ không có. Bồ Tát chứng đắc cảnh giới này; Thiện Tài đồng tử đến tham học, Ngài bèn đem điều chính mình đã tu, đã chứng để dạy cho Thiện Tài. Dạy gì vậy? Niệm Phật, cảnh giới của người niệm Phật, Niệm Phật thù thắng. Đoạn tiếp theo:

Biện kỳ thắng dụng.

辨其勝用。

(Biện định tác dụng thù thắng)

Ngài cho biết đặc pháp ấy có những công dụng gì. Xin hãy đọc kinh văn.

Huệ nhãn quán nhất thiết cảnh giới, thiện xảo phương tiện, ly nhất thiết chướng.

慧眼遍觀一切境界。善巧方便，離一切障。

(Huệ nhãn quán khắp hết thấy cảnh giới, phương tiện hay khéo, lìa hết thấy chướng)

Đây là đoạn thứ hai, “*biện kỳ thắng dụng*”. Đoạn kinh văn này rất dài, nhưng dễ hiểu, chẳng giống như đoạn trước. Đoạn kinh văn trong phần trước rất ngắn, ý nghĩa rất sâu, chẳng dễ hiểu, chỗ này dễ hiểu. Chúng ta hãy đọc lời chú giải:

Đệ nhị, huệ nhãn quán hạ, biện kỳ thắng dụng.

第二慧眼遍觀下，辨其勝用。

(Thứ hai, từ chữ “*huệ nhãn biến quán*” trở đi là biện định về tác dụng thù thắng)

Đây là biện định về tác dụng lớn lao thù thắng.

Tiền minh tức Dụng chi Thể, Nhất Hạnh tam-muội.

前明即用之體，一行三昧。

(Những điều được nói trong phần trước chính là bản thể của Dụng, tức Nhất Hạnh tam-muội)

Những điều được nói trong phần kinh văn bên trên chính là “bản thể của Dụng”, nếu dựa theo Thể để nói thì Thể là Nhất Hạnh tam-muội. Còn đoạn này là giảng về:

Kim minh tức Thể chi Dụng.

今明即體之用。

(Nay phần được nói ở đây là luận về tác dụng của Thể).

Phần trước là nói về bản thể của Dụng, khác hẳn! Còn nay là luận về tác dụng của Thể.

Dụng vô bất cùng.

用無不窮。

(Dụng thì không gì chẳng cùng tột)

Tức là: Thể của Dụng là Nhất Hạnh tam-muội. Từ Thể khởi Dụng, Dụng ấy rộng lớn vô biên, Dụng không có cùng tột.

Lược hữu nhị dụng.

略有二用。

(Nói đại lược thì có hai loại Dụng)

Tác dụng ấy rất nhiều, vô lượng vô biên chẳng thể nói trọn. Do vậy Phật vận dụng cách nói quy nạp những công dụng ấy thành hai loại lớn.

Nhất giả nội dụng, nhị giả ngoại dụng.

一者內用。二者外用。

(Một là nội dụng, hai là ngoại dụng)

Trước hết nói đến Nội Dụng, tiểu đoạn chúng ta mới vừa đọc chính là Nội Dụng.

Kim sơ, nhị cú nhi hữu tam dụng.

今初。二句而有三用。

(Nay, điều thứ nhất là trong hai câu [đầu tiên] có đến ba công dụng)

Đây chính là Nội Dụng.

Huệ nhãn biến quán nhất thiết cảnh giới, thị phổ nhãn dụng.

慧眼遍觀一切境界，是普眼用。

(Huệ nhãn quán trọn khắp hết thấy cảnh giới là công dụng của Phổ Nhãn)

Trong phần trên đã nói Phổ Nhãn khởi tác dụng quán trọn khắp hết thấy cảnh giới, muốn thấy cảnh giới nào, cảnh giới ấy liền hiện tiền, chẳng muốn thấy thì cảnh giới ấy sẽ không còn nữa. Đây là tác dụng thuộc về chính mình, tức là Tự Thọ Dụng.

Thiện xảo phương tiện thị trí quang chiếu diệu dụng.

善巧方便，是智光照曜用。

(Phương tiện hay khéo là tác dụng trí quang chiếu rạng)

Bốn chữ “*thiện xảo phương tiện*” thường xuất hiện trong kinh luận. Ý nghĩa có sâu, cạn, rộng, hẹp khác nhau. Đối với người mới học như chúng ta mà nói, dùng cách nói gần gũi, rõ ràng nhất thì “thiện” là hợp với pháp tắc, phù hợp chừng mực, hợp quy củ, đây là Thiện. Xảo là gì? Xảo là xảo diệu (hay khéo), thuận theo lòng muốn là xảo đấy! Trong Luận Ngữ, Khổng lão phu tử vào năm bảy mươi tuổi, đã nói: “*Tùy tâm sở dục, nhi bất du củ*” (Thuận theo lòng mong muốn, nhưng chẳng trái vượt quy củ), đây chính là thiện xảo! “*Tùy tâm sở dục*” là Xảo, “*bất du củ*” là chẳng vượt khỏi quy củ, rất hợp quy củ, rất hợp với lễ pháp, đây chính là Thiện. Vì thế, phương tiện phải đạt đến thiện xảo, đây chính là trí huệ cao độ, nay chúng ta gọi là “*ngệ thuật cao độ*”, vừa khéo léo, lại vừa hợp quy củ. Xảo mà chẳng hợp quy củ là không được; rất giữ quy củ, giữ khư khư quy củ, chẳng khéo léo thì cũng

chẳng tốt đẹp! Nhưng nói thật ra, trong hai thứ ấy nếu Xảo mà chẳng Thiện thì chẳng thà Thiện mà không Xảo. Vì sao vậy? Thiện thì ai nấy đều giữ pháp tắc, xã hội sẽ có trật tự. Do vậy, trong hai chữ này, Thiện là trọng yếu nên đem Thiện đặt ra trước, tức Thiện Xảo, chứ không nói Xảo Thiện. Phương tiện phải lấy thiện xảo làm tiêu chuẩn. Đây chính là “*tác dụng của trí quang chiếu rạng*”. Có thể thấy rằng trí quang chính là trí huệ cao độ, là nghệ thuật cao độ.

Ly nhất thiết chướng thị thanh tịnh hạnh dụng.

離一切障，是清淨行用。

(Lìa hết thảy chướng là tác dụng của hạnh thanh tịnh)

Ý nghĩa này rất dễ hiểu, trong phần trước tôi đã nói cặn kẽ rồi. Tất cả hết thảy nghiệp chướng đều lìa hết, cho nên không sợ nghiệp chướng. Đừng nói là nghiệp chướng đã tạo trong một đời này, tạo rất nhiều tội nghiệp, tội nghiệp chất chứa trong vô lượng kiếp quá khứ, trong kinh đức Phật thường nói: “*Nếu như tội nghiệp ấy có hình tướng, dấu cho hình tướng ấy nhỏ như hình tướng của vi trần, khắp cả hư không cũng không thể chứa được hết tội nghiệp do chúng ta đã tạo trong vô lượng kiếp!*” Lời này là thật đấy, chẳng phải giả đâu, đức Phật không nói dối! Điều may mắn là những tội nghiệp đã tạo ấy không có dấu tích, không có hình tướng. Tuy là tạo rất sâu, rất rộng, nhưng phá trừ lại trọn chẳng khó khăn. Đức Phật nêu lên một tỷ dụ, ví như nhà tối ngàn năm: Chúng ta vào trong một cái động hoang trên núi, mấy ngàn năm luôn tối om om, là chỗ tối tăm trước nay chưa hề có ánh đèn chiếu sáng. Đây là tỷ dụ cho tội nghiệp đã tạo của một người vừa sâu vừa rộng, thời gian tích lũy rất dài, nhưng một ngọn đèn liền xóa tan! Quý vị thắp một ngọn đèn trong căn nhà tối, nhà không còn tối nữa, ngọn đèn ấy do tự tánh trí huệ mà có, nghiệp chướng liền tiêu!

Thế nhưng, quý vị phải hiểu rằng: Để khởi lên tự tánh trí huệ, nhất định phải có tâm thanh tịnh. Kinh Kim Cang dạy: “*Tín tâm thanh tịnh thì sanh Thật Tướng*”. Thật Tướng là do tự tánh Bát Nhã tỏ lộ ra. Tâm quý vị không thanh tịnh là không được, nghiệp chướng của quý vị chẳng tiêu được! Tiêu nghiệp chướng không có cách nào khác cả, phải tu cái tâm thanh tịnh! Niệm Phật là trực tiếp tu cái tâm thanh tịnh, dùng một câu Phật hiệu để trừ sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta; trong mười hai thời niệm tại đâu, nghĩ tại đó. Chỉ cần chế ngự được nghiệp chướng ấy không cho nó khởi tác dụng, chỉ có một câu Phật hiệu này khởi tác dụng, có như vậy mới hòng đời nghiệp vãng sanh. Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy A Di Đà Phật, được Phật lực gia trì, công đức, trí huệ trong tự tánh

của chúng ta sẽ hiện tiền, nghiệp chướng hoàn toàn tiêu trừ. Đây chính là chỗ chẳng thể nghĩ bàn của pháp môn Tịnh tông. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm đề cao pháp môn Niệm Phật; Cát Tường Vân là vị thứ nhất dạy chúng ta Ban Châu tam-muội.

Đoạn văn dài dưới đây là đoạn kinh văn nói về Ngoại Dụng, trong phần Ngoại Dụng có ba đoạn. Quý vị hãy mở phần chú giải, trong chú giải có đoạn:

Nhị, dĩ thanh tịnh thân hạ, minh kỳ ngoại dụng. Thắng giải ấn trì, tùy tâm khứ trụ.

二以清淨身下，明其外用。勝解印持，隨心去住。

(Thứ hai, từ “*dùng thân thanh tịnh*” trở đi là nói về ngoại dụng. Thắng giải ấn trì, tùy tâm mà đi hay trụ).

Đây là nói tổng quát, trong phần này chia thành ba đoạn. Đoạn thứ nhất:

Minh bất động nhi vãng. Nhị dĩ tín giải lực hạ, bất niệm nhi trì. Tam dĩ trí huệ nhãn hạ.

明不動而往。二以信解力下，不念而持。三以智慧眼下。

(Nói rõ tuy bất động nhưng có đi qua. Hai là từ chữ “*tín giải lực*” trở đi, tuy không niệm nhưng trì. Ba là từ “*trí huệ nhãn*” trở đi)

Đây là phần kinh văn [được chú giải gọi là]:

Bất vãng nhi kiến.

不往而見。

(Không đi qua đó mà thấy)

À! Nay chúng ta xem kinh, phần kinh văn này tuy dài, nhưng dễ hiểu!

Dĩ thanh tịnh thân phổ詣十方一切國土，恭敬供養一切諸佛。 kính cúng dường nhất thiết chư Phật.

以清淨身普詣十方一切國土，恭敬供養一切諸佛。

(Dùng thân thanh tịnh đến khắp hết thấy các cõi nước trong mười phương, cung kính cúng dường hết thấy chư Phật)

Đây là đoạn thứ nhất trong phần Ngoại Dụng. “*Bất động nhi vãng*” (Bất động nhưng đi qua đó). Nếu giảng ý nghĩa này ở những nơi khác sẽ khó khăn hơn, nhưng nay chúng tôi giảng tại đạo tràng này, tôi nghĩ rất dễ dàng, vì sao vậy? Mọi người đều niệm A Di Đà Phật, đều niệm Vô Lượng Thọ Kinh, niệm A Di Đà Kinh. Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới mỗi ngày đến mười phương thế giới cúng dường mười vạn ức Phật, họ đi bằng cách nào? “*Bất động nhi khứ*” (không động mà đến). Mười vạn ức! Nếu đến thăm viếng từng vị một sẽ chẳng đủ thời gian! Làm sao thăm viếng mười vạn ức Phật cho được? Hóa thân, đi cùng một lúc! Cùng một lúc cúng dường hết thầy chư Phật, nghe hết thầy chư Phật thuyết pháp, sau đấy trở về, cái thân này bất động mà đi qua đó, bởi lẽ thân thanh tịnh. Người trong thế giới Tây Phương có năng lực ấy. Nếu quý vị hỏi đến trình độ nào mới có năng lực ấy ư? Chỉ cần vãng sanh thì sẽ có được năng lực ấy, dầu cho vãng sanh Hạ Hạ phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư độ cũng trọn đủ năng lực như vậy.

Ở đây, chúng ta thấy không phải chỉ là mười vạn ức cõi Phật, người dịch kinh dịch thành “mười vạn ức cõi Phật” là có dụng ý đặc biệt, dụng ý ở chỗ nào? Thế giới Cực Lạc cách thế giới Sa Bà mười vạn ức cõi Phật, dụng ý là quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn trở về thăm [Sa Bà] sẽ rất dễ dàng, dụng ý là ở chỗ này. Thật ra, năng lực không phải chỉ có vậy, mà là tận hư không, trọn pháp giới, vô lượng vô biên các cõi Phật đều có thể đồng thời hóa thân đến cúng Phật, nghe pháp, độ sanh. Chính người ấy không hề lìa khỏi A Di Đà Phật, vẫn ngồi nghe kinh trong pháp hội của A Di Đà Phật, nhưng hóa thân của người ấy đến khắp mười phương thế giới để cúng Phật, nghe pháp, độ sanh. Ngoại Dụng có năng lực ấy, từ điều này ta có thể thấy được rằng bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo có năng lực ấy. Lại xem tiếp câu dưới đó.

Dĩ tín giải lực thường niệm thập phương nhất thiết chư Phật, dĩ tổng trì lực thọ trì thập phương nhất thiết Phật pháp.

以信解力常念十方一切諸佛，以總持力受持十方一切佛法。

(Dùng sức tín giải thường niệm hết thầy chư Phật trong mười phương, dùng sức tổng trì để thọ trì hết thầy Phật pháp trong mười phương)

Hai câu này thuộc đoạn thứ hai. Đoạn thứ hai là “*chẳng niệm mà trì*”. Đây gọi là “niệm mà vô niệm, vô niệm nhưng niệm”. Ngài dùng gì để niệm? Dùng sức tín giải, tin tưởng sâu đậm không nghi, thấu hiểu triệt để. Trong tâm thường có hết thầy chư Phật, đấy chính là niệm Phật. Hết thầy cảnh giới

không gì chẳng phải là cảnh giới Phật, đây là niệm Phật. Tuy chúng ta chưa nhập cảnh giới ấy, nhưng nếu có thể thường quán như vậy sẽ có ích rất lớn cho chúng ta. Kiểu niệm Phật này gọi là “*Lý niệm*”. Niệm Phật có Sự niệm và Lý niệm, cho nên có Sự nhất tâm và Lý nhất tâm.

Câu tiếp theo: “*Dĩ tổng trì lực thọ trì thập phương nhất thiết Phật pháp*” (Dùng sức tổng trì để thọ trì hết thầy Phật pháp trong mười phương). “*Tổng trì*” là cương yếu, cương lĩnh. Nắm được tổng cương lĩnh thì tất cả hết thầy pháp đều nằm trong ấy, đây gọi là “*tổng trì lực*”. Kinh Hoa Nghiêm là tổng trì của hết thầy kinh, cô nhân dạy chúng ta, kinh Hoa Nghiêm giống như vua của các kinh, xưng tụng [kinh Hoa Nghiêm] là căn bản pháp luân, dùng một cái cây để sánh ví. Kinh Hoa Nghiêm là gì? Kinh Hoa Nghiêm là rễ, là gốc, gốc là thân cây chánh; còn hết thầy các kinh do đức Phật đã nói trong suốt bốn mươi chín năm chính là cành, nhánh, lá, hoa, quả của cái cây ấy, đều chẳng tách rời căn bản. Nếu tách lìa căn bản thì cái gì cũng chẳng có! Do vậy, cô đại đức nói: Nếu quý vị thông đạt Hoa Nghiêm thì tất cả hết thầy Tông môn, Giáo Hạ sẽ đều thông đạt toàn bộ, căn bản pháp luân mà! Hết thầy các kinh chính là quyến thuộc của Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm là chủ nhân!

Nhưng Hoa Nghiêm quá lớn, chúng tôi giảng một lần cũng chẳng thể xong trong một thời gian ngắn, có tổng trì lực nào tốt hơn hay chẳng? Có chứ! Vô Lượng Thọ Kinh đấy! So với Hoa Nghiêm, Vô Lượng Thọ Kinh ngắn hơn rất nhiều, nhưng những nghĩa lý trong Vô Lượng Thọ Kinh hoàn toàn là Hoa Nghiêm. Nói cách khác, bản rút gọn của kinh Hoa Nghiêm, tinh hoa của Hoa Nghiêm chính là Vô Lượng Thọ Kinh. Chúng ta có thể nói Hoa Nghiêm Kinh là chú giải của Vô Lượng Thọ Kinh; vì thế, quý vị thông hiểu kinh Hoa Nghiêm thì mới giảng Vô Lượng Thọ Kinh thật hay được, mới giảng có ý vị được. Nếu quý vị không thông hiểu Hoa Nghiêm, tuyệt đối chẳng thể giảng Vô Lượng Thọ Kinh viên mãn. Nói chung là sẽ bị thiếu sót.

Cô nhân từng “*giáo lượng*”, tức là so sánh, đến cuối cùng tìm ra được tổng cương lĩnh [của kinh Hoa Nghiêm] thì thấy nó chính là nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện của Vô Lượng Thọ Kinh. Nguyện thứ mười tám là gì? “*Mười niệm ắt sanh*”, quy kết thành một câu Phật hiệu, Nam Mô A Di Đà Phật. Vì vậy, sáu chữ “*Nam-mô A Di Đà Phật*” này là sức tổng trì, vô lượng vô biên pháp môn được giảng bởi mười phương tam thế hết thầy chư Phật đều chẳng vượt thoát phạm vi của danh hiệu này. Danh hiệu này có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, tỳ-kheo Cát Tường Vân niệm A Di Đà Phật, phương pháp Niệm Phật của Ngài là vừa niệm vừa nhiều Phật. Ban Châu tam-muội là đứng chứ không ngồi, nên [tỳ-kheo Cát Tường Vân nói riêng và hành nhân tu môn tam-muội này nói chung] đứng hay đi, chứ không ngồi xuống. Đây chính là “*chẳng niệm mà trì*”, trì hết

thấy pháp, chứ không phải là một pháp. Tiếp theo là ý nghĩa thứ ba “*bát vãng nhi kiến*” (không qua tới đó mà thấy).

Dĩ trí huệ nhãn thường kiến thập phương nhất thiết chư Phật.

以智慧眼常見十方一切諸佛。

(Dùng mắt trí huệ thường thấy mười phương hết thấy chư Phật).

“*Thường kiến*” là thường xuyên thấy, chứ không phải là ngẫu nhiên thấy, thường thấy mười phương hết thấy chư Phật. Vì sao vị ấy có thể thấy được? Do có trí huệ nhãn. Do đoạn kinh văn này dài nên chia thành ba tiểu đoạn, câu này là nói tổng quát: Vị ấy thấy hết thấy chư Phật. Sau đây là những điều được nói riêng biệt, vị ấy thấy hết thấy chư Phật, thấy những vị Phật nào? Chúng ta xem kinh văn.

Sở vị, kiến ư Đông phương nhất Phật.

所謂見於東方一佛。

(Chẳng hạn như thấy một vị Phật ở Đông phương)

Đây là nêu ra một thí dụ. Trong mười phương nêu ra một phương, thấy một vị Phật ở phương Đông.

Nhị Phật, thập Phật, bách Phật, thiên Phật, bách thiên Phật, ức Phật, bách ức Phật, thiên ức Phật, bách thiên ức Phật, na-do-tha ức Phật, bách na-do-tha-ức Phật, thiên na-do-tha ức Phật, bách thiên na-do-tha ức Phật, nãi chí kiến vô số, vô lượng, vô biên, vô đẳng, bất khả số, bất khả xưng, bất khả tư, bất khả lượng, bất khả thuyết, bất khả thuyết bất khả thuyết Phật.

二佛，十佛，百佛，千佛，百千佛，億佛，百億佛，千億佛，百千億佛，那由他億佛，百那由他億佛，千那由他億佛，百千那由他億佛，乃至見無數無量無邊無等不可數不可稱不可思不可量不可說不可說不可說佛。

(Hai Phật, mười Phật, trăm Phật, ngàn Phật, trăm ngàn Phật, ức Phật, trăm ức Phật, ngàn ức Phật, trăm ngàn ức Phật, na-do-tha ức Phật, trăm na-do-tha ức Phật, ngàn na-do-tha ức Phật, trăm ngàn na-do-tha ức Phật, cho đến thấy vô số, vô lượng, vô biên, vô đẳng, bất khả số, bất khả xưng, bất khả tư, bất khả lượng, bất khả thuyết, bất khả thuyết bất khả thuyết Phật)

Những con số này tôi không cần giải thích từng số một, những con số trong phần sau đoạn này là những con số thiên văn, quá lớn! Nếu quý vị muốn hiểu, hãy tra trong Phật Học Từ Điển sẽ thấy những số ấy đều có. Con số thiên văn quá sức là lớn, không có cách gì tính toán được! Đối với những vị Phật do vị ấy thấy, chúng ta thường nói là Ngài thấy “*vô lượng vô biên chư Phật*”. Đây là phương Đông. Xem phần tiếp theo.

Nãi chí kiến Diêm Phù Đề cực vi trần số Phật.

乃至見閻浮提極微塵數佛。

(Thậm chí thấy Phật nhiều như số lượng cực vi trần trong cõi Diêm Phù Đề)

Phạm vi Diêm Phù Đề nhỏ nhoi, nhỏ gần như một quả địa cầu của chúng ta. Trong Phật pháp gọi địa cầu là Diêm Phù Đề Châu, rất nhỏ! Trong hoàn cảnh nhỏ nhoi này, trông thấy chư Phật nhiều như số cực vi trần, [tức là] thấy chư Phật nhiều như số cực vi trần của cõi Diêm Phù Đề.

Tứ thiên hạ cực vi trần số Phật.

四天下極微塵數佛。

(Phật nhiều như số lượng của cực vi trần trong một tứ thiên hạ).

Diêm Phù Đề là một châu, bốn châu hợp thành một đơn vị thế giới, trong kinh Phật giảng: Một quả núi Tu Di, bốn mặt có bốn đại châu, đây gọi là một đơn vị thế giới (tức một “tứ thiên hạ”). “*Phật nhiều như số lượng của cực vi trần trong tứ thiên hạ*”.

Tiểu thiên thế giới cực vi trần số Phật.

小千世界極微塵數佛。

(Phật nhiều như số lượng cực vi trần trong một tiểu thiên thế giới).

Đây là nói số lượng nhiều, không cách nào tính đếm được. Một ngàn đơn vị thế giới hợp lại thì gọi là một tiểu thiên thế giới, một ngàn tiểu thiên thế giới hợp lại gọi là một trung thiên thế giới, một ngàn trung thiên thế giới hợp lại gọi là một đại thiên thế giới.

Tiểu thiên thế giới cực vi trần số Phật, trung thiên thế giới cực vi trần số Phật, đại thiên thế giới cực vi trần số Phật.

小千世界極微塵數佛，中千世界極微塵數佛，大千世界極微塵數佛。

(Phật nhiều như số lượng cực vi trần trong một tiểu thiên thế giới, Phật nhiều như số lượng cực vi trần trong một trung thiên thế giới, Phật nhiều như số lượng cực vi trần trong một đại thiên thế giới)

Một đại thiên thế giới là khu vực giáo hóa của một đức Phật.

Thập Phật sát cực vi trần số Phật.

十佛刹極微塵數佛。

(Phật nhiều như số lượng cực vi trần trong mười cõi Phật)

Một “*Phật sát*” là một đại thiên thế giới, mười Phật sát là mười đại thiên thế giới. Trăm Phật sát là một trăm đại thiên thế giới. Một ngàn Phật sát là một ngàn đại thiên thế giới, trăm ngàn Phật sát là trăm ngàn đại thiên thế giới.

Úc Phật sát, bách ức Phật sát, thiên ức Phật sát, bách thiên ức Phật sát cực vi trần số Phật, na-do-tha ức Phật sát cực vi trần số Phật, nãi chí kiến bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số Phật.

億佛刹、百億佛刹、千億佛刹，百千億佛刹極微塵數佛，那由他億佛刹極微塵數佛，乃至見不可說不可說佛刹極微塵數佛。

(Phật nhiều như số lượng cực vi trần trong trăm cõi Phật, trăm ức cõi Phật, ngàn ức cõi Phật, trăm ngàn ức cõi Phật, na-do-tha ức cõi Phật, cho đến thấy bất khả thuyết bất khả thuyết Phật sát cực vi trần số Phật).

Đoạn này nói vị ấy thấy rất nhiều Phật. Văn tự trong đoạn này nhằm hình dung tột bậc vị ấy thấy được Như Lai chẳng thể nghĩ bàn, chẳng có cách nào tính đếm được!

Như kiến Đông phương nhất thiết chư Phật, Nam, Tây, Bắc phương, tứ duy, thượng, hạ sở kiến chư Phật diệc phục như thị.

如見東方一切諸佛，南西北方四維上下所見諸佛亦復如是。

(Như chư Phật thấy nơi phương Đông, thấy chư Phật trong phương Nam, Tây, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới cũng giống như thế)

Trong phương Đông đã nói chi tiết thì chín phương khác chẳng cần phải nói chi tiết, cứ dựa theo đó mà suy. Chúng ta biết rằng bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo có huệ nhãn, thiên nhãn chẳng thể nghĩ bàn như thế ấy. Như Lai có ngũ nhãn, Bồ Tát cũng có ngũ nhãn, nhưng ngũ nhãn của Bồ Tát không viên mãn như Như Lai. Vị Sơ Trụ Bồ Tát này có ngũ nhãn, ở đây chúng ta thấy đã chẳng thể nghĩ bàn rồi, huống hồ quả địa Như Lai ư? Xem đoạn kinh văn tiếp theo:

Tùy kỳ sở kiến nhất nhất phương trung sở hữu chư Phật.

隨其所見——方中所有諸佛。

(Đối với tất cả chư Phật do vị ấy đã thấy trong mỗi một phương)

Ở đây lại nói tỉ mỉ hơn, trong phần trên chỉ nói “*thấy chư Phật*”. Nay lại nói tới hình dạng của mỗi một vị Phật, Ngài thấy tất cả chư Phật...

Chủng chủng sắc tướng

種種色相。

(Các thứ sắc tướng)

Sắc tướng của Phật.

Chủng chủng hình mạo.

種種形貌。

(Các thứ hình mạo)

Chúng ta thường nói: “*Phật Phật đạo đồng*”. Tướng mạo chư Phật giống hệt nhau, làm sao có hai hình dạng cho được? [Ở đây, kinh chép]: Các thứ sắc tướng. Có! Có các thứ sắc tướng. “*Các thứ sắc tướng*” nên hiểu như thế nào? Phật ứng hóa trong mười pháp giới, giống như [sắc thân của] Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trong thế giới của chúng ta hiện thời được gọi là Liệt Ứng Thân, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ, thân cao trượng sáu. Trong kinh nói Tỳ Lô Giá Na Phật có vô lượng tướng, nơi mỗi tướng có vô lượng hảo, thân tướng ấy to lớn. Trong bài kệ Tán Phật có câu: “*Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cảm mục trừng thanh tứ đại hải*” thì làm sao ứng thân này sánh bằng được? Do vậy, bèn có các thứ sắc tướng, các thứ

hình mạo. Nói thật ra, từ Năng Hiện thì thấy là một, từ Sở Hiện thì thấy khác nhau. Sở Hiện nhằm ứng theo căn cơ của chúng sanh, cho nên Phật hiện ra sắc tướng, hình mạo khác nhau.

Chủng chủng thần thông, chủng chủng thọ dụng, chủng chủng du hý.

種種神通，種種受用，種種遊戲。

(Các thứ thần thông, các thứ thọ dụng, các thứ vui chơi)

Phật giáo hóa chúng sanh là du hý, du hý thần thông! “Du hý” ngụ ý không coi đó là thật, chẳng giống như chúng ta chuyện gì cũng rất chấp trước, đều coi là thật. Phật, Bồ Tát không coi là thật như thế, đều là vui chơi, đều là diễn tuồng. Vì thế, các Ngài rất tự tại, không có được, mất, không âu lo, cũng không vướng mắc, các Ngài đang diễn tuồng mà!

Chủng chủng chúng hội trang nghiêm đạo tràng.

種種眾會莊嚴道場。

(Các thứ pháp hội đạo tràng trang nghiêm)

Chữ “*chúng hội*” chỉ các hoạt động cùng đại chúng giảng kinh, thuyết pháp, trong ấy đương nhiên cũng có người hướng dẫn đại chúng tu hành, phương thức rất ư là nhiều. Do các ngài tùy loại hiện thân, không đâu chẳng hiện thân, hiện ra những thân phận khác nhau, nghề nghiệp khác nhau, công việc khác nhau, chúng hội đạo tràng của các ngài khác nhau. Cuộc sống của họ chính là đạo tràng của họ, công tác của họ cũng là đạo tràng của họ. Họ xử thế, đãi người, tiếp vật cũng là đạo tràng của họ. Trang nghiêm là thực hiện mỹ mãn, tức là thiện xảo phương tiện như đã nói trong phần trước. Đây là trang nghiêm.

Chủng chủng quang minh vô biên chiếu diệu.

種種光明無邊照耀。

(Các thứ quang minh chiếu rạng vô biên)

Câu này nói tới trí huệ cao độ. Trong cuộc sống, trong công việc, trong đối xử với mọi người, đối sự, tiếp vật, đều biểu hiện nghệ thuật trí huệ cao độ.

Chủng chủng cung điện trang nghiêm quốc giới.

種種宮殿莊嚴國界。

(Các thứ cung điện trang nghiêm quốc giới)

Đây là nói về y báo, tức hoàn cảnh sống của các Ngài.

Chủng chủng thọ lượng thị hữu tu đoản.

種種壽量示有修短。

(Các thứ thọ lượng, thị hiện có dài, có ngắn)

Đây là chánh báo. “*Tu*” là trường (dài), [*tu đoản*] là dài ngắn. Thọ mạng dài hay ngắn đều khác nhau. Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta: Khi Thế Gian Tự Tại Vương Phật thị hiện thì thọ mạng của Ngài là bốn mươi hai kiếp, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trong thế gian này của chúng ta với thọ mạng tám mươi tuổi; dài - ngắn khác nhau, đều là thị hiện.

Tùy chư chúng sanh chủng chủng tâm nhạo.

隨諸眾生種種心樂。

(Thuận theo các thứ ưa thích của chúng sanh)

Đây là nói rõ về các thứ thị hiện nhằm hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Kinh Lăng Nghiêm bảo là “*tùy tâm chúng sanh, ứng sở tri lượng*” (thuận theo tâm của chúng sanh để thích ứng với khả năng nhận biết của họ).

Thị hiện chủng chủng thành Chánh Giác môn.

示現種種成正覺門。

(Thị hiện các môn thành Chánh Giác)

Giống như một thí dụ đã được nêu trong kinh Vô Lượng Thọ, “*tám tướng thành đạo*”. Đây là nêu một thí dụ trong các thứ thị hiện.

Ư đại chúng trung, quảng hiện thần biến, tác sư tử hống, độ thoát chúng sanh.

於大眾中，廣現神變，作師子吼，度脫眾生。

(Trong đại chúng hiện rộng rãi các thần biến, hiện tướng sư tử rống, nhằm độ thoát chúng sanh)

Câu cuối trong đoạn này là lời tổng kết. Đức Phật bất luận thị hiện thân phận nào, nam, nữ, già, trẻ, các ngành, các nghề, mục đích thị hiện chỉ là một, “*hiện tướng sư tử hồng nhằm độ thoát chúng sanh*”, nhằm lý do ấy. Biểu hiện trong cuộc sống, trong việc làm, trong ứng xử, đều nhằm giúp cho người khác giác ngộ, giúp cho chúng sanh phá mê, khai ngộ, lìa khổ, được vui, nhằm mục tiêu ấy. Vì thế, tuy đoạn kinh văn này rất dài, nhưng rất dễ hiểu, hoàn toàn là một thứ so sánh. Hôm nay thời gian đã hết, chúng tôi giảng đến đây.

Ngày mai tôi có việc phải sang Tân Gia Ba và Mã Lai một chuyến, bên Mã Lai xây dựng Di Đà Thôn, họ xây dựng, muốn tôi đến xem. Tân Gia Ba Tịnh Tông Học Hội mới mua được một đạo tràng, tôi sang mở lớp bồi huấn (bồi dưỡng, huấn luyện) lần thứ nhất, tìm hiểu xem nên làm như thế nào? Mồng Mười tôi trở về, mấy bữa giảng kinh đều theo lệ thường, mong các vị đồng tu đều đến, do pháp sư Ngô Hữu giảng tại đây. Không cần biết giảng gì, mọi người đều đến nghe, kinh dạy Văn Huân rất quan trọng! Quý vị nghe càng nhiều, nghe càng lâu, sẽ phát khởi thiện căn, không nhất định lúc nào, không nhất định do ai giảng, không nhất định giảng điều gì, hễ thiện căn của quý vị được động đến, phát khởi thì quý vị sẽ hoát nhiên đại ngộ. Nếu quý vị không đến nghe sẽ không có cơ hội ấy; đến nghe giống như rút thăm lãnh thưởng vậy. Rất có khả năng trúng thưởng! Quý vị không đến, quý vị không rút thăm thì vĩnh viễn không có cơ hội trúng thưởng. Vì thế, có cơ hội nghe kinh phải tận hết sức để tới nghe. A! Cảm ơn mọi người!

---o0o---

Tập thứ sáu (12-13-06)

Xin mở quyển kinh, trang thứ mười sáu, hàng thứ hai từ dưới lên, xin đọc kinh văn:

Thiện nam tử! Ngã duy đắc thử Úc Niệm Chư Phật Bình Đẳng Cảnh Giới Vô Ngại Trí Huệ Phổ Kiến pháp môn.

善男子，我唯得此憶念一切諸佛平等境界無礙智慧普見法門。

(Này thiện nam tử! Ta chỉ đạt được pháp môn Úc Niệm Chư Phật Bình Đẳng Cảnh Giới Vô Ngại Trí Huệ Phổ Kiến này)

Trong câu thứ nhất này, tỳ-kheo Cát Tường Vân nói cho Thiện Tài đồng tử biết pháp môn do chính Ngài tu hành chứng quả, nêu danh xưng của

pháp môn này. Ý nghĩa bao hàm trong ấy rất sâu. Trong tiết này, đại sư Thanh Lương cũng chú giải cho chúng ta không ít, chúng ta hãy xem lời chú giải của Ngài. Đây là khoa mục lớn thứ tư. Trong mỗi đoạn kinh văn chép về một lần tham học, nói chung, được chia thành sáu đoạn, trong phần trước tôi đã trình bày với quý vị rồi. Đây là đoạn thứ tư. Tiêu đề mục của đoạn thứ tư là:

Khiêm kỹ thô thắng.

謙己推勝。

(Tự mình khiêm hư, đề cao người khác thù thắng hơn ta)

Đối với chính mình thì khiêm hư, đề cao người khác. “Thắng” là thù thắng. Chẳng những thù thắng, mà còn cao siêu hơn ta rất nhiều, tức là tự khiêm, tôn xưng người khác. Trong phần này gồm hai đoạn, đoạn thứ nhất là tự khiêm, đoạn thứ hai là đề cao người khác. Đây là đoạn thứ nhất trong hai tiểu đoạn ấy.

Tiên, khiêm kỹ, tri nhất.

先謙己知一。

(Trước hết, tự khiêm, [bảo Thiện Tài ta] chỉ biết một pháp)

[Ngài Cát Tường Vân] khiêm hư nói: Trong vô lượng pháp môn, ta chỉ biết một môn, ý nghĩa rất sâu xa! Năm mươi ba lần tham học, năm mươi ba vị thiện tri thức đều cùng hành xử theo kiểu này. Điều này nhằm bảo ban chúng ta: Chúng ta tu học muốn thành tựu, muốn khai ngộ, muốn chứng quả, thậm chí chúng ta niệm Phật muốn được vãng sanh, thật sự muốn đạt đến mục đích ấy thì quý vị phải biết thâm nhập một môn mới có thể đạt đến mục tiêu ấy. Nếu quý vị học nhiều pháp môn chỉ có thể nói là quý vị học những kiến thức Phật học thông thường, trong thế gian này có thể khoe khoang là bậc học rộng nghe nhiều. Xét về địa vị trong thế gian, quý vị có thể giành được nhiều học vị tiến sĩ, nhưng chẳng liên can gì tới liễu sanh tử, thoát tam giới cả! Nói cách khác, quý vị vẫn phải tiếp tục sanh tử luân hồi! Điều này nhằm chỉ rõ, nhắc nhở chúng ta: Muốn thành tựu thì chỉ có một phương pháp duy nhất, tức là thâm nhập một môn. Do vậy...

Khiêm kỹ, tri nhất, tức kết tự phân.

謙己知一，即結自分。

(Tự khiêm, nói ta chỉ biết một pháp, nhằm kết thúc phần nói về chính mình)

Đây là phần tổng kết thành tích tu hành của chính mình.

Hậu

後。

(Sau đó).

Đây là đoạn thứ hai, kinh văn của đoạn thứ hai thuộc phần sau.

Thôi thắng, tri đa

推勝知多。

(Đề cao người khác vượt trội ta, biết nhiều)

Đề cao người khác, bọn họ học rộng nghe nhiều, biết nhiều hơn tôi. Ý nghĩa chính là...

Tăng thắng tấn.

增勝進。

(Tăng trưởng ước vọng muốn tiến lên những địa vị cao cả hơn)

Nay lời chú giải tiếp theo đây nhằm giải thích danh xưng của pháp môn được chứng đắc bởi Cát Tường Vân Bồ Tát. Có danh đương nhiên có nghĩa. Danh và nghĩa nhất định phải tương ứng.

Kim sơ, tức kết thị kỳ danh.

今初。即結示其名。

(Nay, điều thứ nhất chính là kết lại lời dạy về danh xưng)

“*Kết*” là tổng kết. Người ta đến tham phỏng, [thiện tri thức] đem những sự từng trải trong tu học cũng như những kinh nghiệm, thành tựu của chính mình cùng với đức dụng, tác dụng thù thắng lớn lao ấy nói hết với Thiện Tài. Cuối cùng, tổng kết lời dạy bằng danh xưng của pháp môn.

Nhất thiết chư Phật bình đẳng cảnh giới giả.

一切諸佛平等境界者。

(Cảnh giới bình đẳng của hết thầy chư Phật)

Trước hết, giải thích câu này. Câu thứ nhất:

Tức thị sở quán hoành cai thập phương, thụ cùng tam tế, nghĩa quán thập thân, cố vân nhất thiết.

即是所觀。橫該十方，豎窮三際，義貫十身，故云一切。

(Tức là pháp được quán theo chiều ngang trọn khắp mười phương, theo chiều dọc tột cùng ba đời, nghĩa thông suốt mười thân, nên gọi là “hết thầy”)

Kinh Hoa Nghiêm nói đến Thập Thân (mười thân), nhưng trong các kinh luận Đại Thừa, đức Phật thường nói tới ba thân: Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân. Hoa Nghiêm dùng con số mười để tượng trưng cho sự viên mãn. Vì thế nói tới mười thứ thân, những điều này trong phần trước tôi đã đều nói qua. Mười thứ thân chính là từ ba thân mở rộng ra, quy nạp lại thì chẳng ngoài ba thân. Phép quán ở đây là quán cảnh giới bình đẳng của Phật, nên gọi là “*sở quán*” (pháp được quán, đối tượng được quán). Trong câu này, cảnh giới sâu rộng vô hạn, “*hoành cai thập phương*” là nói tới không gian, “*thụ cùng tam tế*” là nói thời gian. “*Tam tế*” là nói tới quá khứ, hiện tại, vị lai, quá khứ không khởi đầu, vị lai không kết thúc. Trong không gian và thời gian vô hạn, hết thầy chư Phật đều là cảnh giới để quán. Nếu nói tỉ mỉ thì bao gồm cả mười thân Phật, mười thân chính là vô lượng thân. Quý vị phải hiểu rằng đức dụng nơi quả địa, giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (Tùy theo tâm của chúng sanh mà [thị hiện, chỉ dạy sao cho] phù hợp với khả năng nhận biết của họ). Chúng sanh trong mười phương thể giới có cảm thì Phật liền ứng, gọi là “*cảm ứng đạo giao*”, giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát trong phẩm Phổ Môn. Nói thật ra, Phật đâu có thân! Phật không có thân! Do vì không có thân nên có thể tùy loại hiện thân, có thể thuận theo tâm chúng sanh mà hiện vô lượng thân. Vô lượng thân được quy nạp thành mười loại lớn, cho nên gọi là “*thập thân*”. Thập thân¹² lại quy nạp thành ba thân.

Cố vân nhất thiết.

故云一切。

(Cho nên nói là “hết thầy”)

Vì thế, trong “hết thầy” đó, nói thật sự ra là vô lượng thân vậy.

Tức thượng phổ quán Nhất Hạnh tam-muội. Quán kỳ Pháp Thân thập phương chư Phật, diệc thông dư thân chân ứng vô ngại. Thập thân viên dung, giai thị sở niệm.

即上普觀一行三昧。觀其法身十方諸佛。亦通餘身真應無礙。十身圓融，皆是所念。

(Chính là phổ quán Nhất Hạnh tam-muội đã nói trong phần trên. Quán Pháp Thân mười phương chư Phật cũng thông với các thân khác, chân thân, ứng thân vô ngại. Mười thân viên dung đều là cảnh được niệm)

Ở đây, chúng ta phải đặc biệt chú ý: Ngài dạy cho chúng ta phương pháp Niệm Phật. Niệm Phật rất bao la, rất sâu, rất rộng, chẳng phải như chúng ta mỗi ngày cầm râu chuôi: “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật!” Chúng ta đọc chương kinh văn này, hãy nên thấu hiểu phương pháp niệm Phật, hãy nên chú tâm quán sát, học theo phương pháp Niệm Phật, thấy Ngài niệm như thế nào? Trong một câu Phật hiệu của Ngài, vô lượng thân tướng của mười phương ba đời tất cả hết thầy chư Phật đều niệm hết. Như vậy thì Ngài niệm vị Phật nào? Trong phần trước tôi đã nói rồi: Ngài niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Tôi đã giới thiệu với quý vị trong phần trước. Đây chính là “*một chính là hết thầy, hết thầy chính là một*”. Do vậy, lần tham học thứ nhất trong năm mươi ba lần bắt đầu bằng niệm A Di Đà Phật cho tới lần tham học cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Ý nghĩa ấy rất sâu, chúng ta phải thấu hiểu: Từ đầu đến cuối chỉ là một câu A Di Đà Phật niệm cho đến tột cùng!

Trong khi ấy, tham học chẳng trở ngại niệm Phật, niệm Phật chẳng trở ngại tham học. Nói thật ra, tham học là cuộc sống, là công việc. Ý nghĩa này nhằm bảo chúng ta: Niệm Phật chẳng trở ngại cho cuộc sống, chẳng trở ngại công việc, mà công việc, cuộc sống chẳng trở ngại niệm Phật. Trong kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm, không điều gì chẳng nhằm nói rõ chuyện này. Nhưng trong cuộc sống, trong công việc, quý vị quán sát như thế nào, lãnh hội như thế nào để ở trong ấy quý vị sẽ biến đổi cái tâm, thay đổi cảnh giới, quý vị viên mãn thành Phật, ý nghĩa này khẩn yếu lắm!

Do vậy, đây chính là điều đã được nói trong phần trước, chữ “*thượng*” ở đây chỉ cho “*phổ quán Nhất Hạnh tam-muội*” đã được nói trong đoạn kinh văn trong phần trước. “*Quán kỳ Pháp Thân thập phương chư Phật*”, mười phương bao gồm ba đời, mười phương ba đời hết thầy chư Phật. Nói tới Pháp Thân, còn những thân khác thì bảo “*chân ứng vô ngại*”. Chân là Báo Thân, Ứng là Ứng Hóa Thân, hoàn toàn nằm trong một câu

Phật hiệu. Quý vị thấy tâm người ta lớn như vậy đó, tâm lượng ấy rộng nhiều. Còn như chúng ta niệm Phật trong tâm chỉ nắm níu A Di Đà Phật, chỉ cảm thấy A Di Đà Phật thân quen, chèo kéo Ngài, tâm nhãn nhỏ nhoi hết sức, chẳng để cho người thứ hai nào được lọt vào đây! Niệm Phật như thế thì làm sao thành công được? Vì thế, người ta niệm như vậy càng niệm tâm càng rộng, càng niệm tâm càng lớn, thật sự là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (tâm trùm thái hư, lượng trọn khắp các cõi nước với số lượng nhiều như cát).

“*Thập thân viên dung, giai thị sở niệm*” (Mười thân viên dung đều là cảnh được niệm). Ngài không niệm từng thứ một mà mỗi một câu A Di Đà Phật đều niệm trọn hết. Chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa này, rồi suy nghĩ xem cách niệm Phật của chúng ta ra sao? Khi chúng ta niệm Phật dùng cái tâm nào? Nếu nói chúng ta niệm Phật, A Di Đà Phật! A Di Đà Phật! Chuyện gì cũng không nghĩ tới, chuyện gì cũng không biết thì là cái tâm gì vậy? Đây là tâm vô minh, vẫn là bị vô minh ngăn lấp. Một mặt niệm Phật, một mặt khởi vọng tưởng, đây là tâm trạo cử, lộn tung phèo, đều chẳng thể thành công. Quý vị thấy người biết niệm Phật, người ta niệm như thế nào? Họ dụng tâm như thế nào? Một câu Phật hiệu là tận hư không, trọn pháp giới, là cảnh giới bình đẳng của chư Phật. Tiếp đó, đại sư giảng về sự bình đẳng.

Bình đẳng hữu nhị.

平等有二。

(Bình đẳng có hai thứ)

Một là nói trên mặt Sự, một là giảng theo mặt Lý. Trước hết nói đến Sự.

Ước Sự đẳng.

約事等。

(Bình đẳng theo mặt Sự)

Chữ “*đẳng*” ở đây là bình đẳng. Nếu nói theo cách bây giờ thì nói về bình đẳng trên mặt Sự.

Nhất thiết chư Phật lợi lạc, ý nhạo, thọ dụng, biến hóa nhất thiết tác nghiệp tất giai đồng cố.

一切諸佛利樂意樂受用變化一切作業悉皆同故。

(Hết thấy sự lợi lạc, lòng ưa thích, thọ dụng, biến hóa hết thấy tác nghiệp của chư Phật đều giống nhau).

Đây là nói trên mặt Sự, sự rất nhiều, nói chẳng hết. Ở đây chỉ nêu vài thí dụ. “*Lợi lạc*”, “*lợi*” là lợi ích chúng sanh. Dùng phương cách nào để tạo lợi ích cho chúng sanh, có thể khiến cho chúng sanh thật sự được vui sướng? Hết thấy chư Phật đều do ý nghĩa này mà biểu hiện nơi mặt Sự. “*Ý nhạo*” nếu nói theo cách bây giờ thì:

- Một là trong cuộc sống vật chất, nếu cuộc sống vật chất được đầy đủ trọn vẹn thì là lợi lạc.

- [Hai là] cuộc sống tinh thần được đầy đủ, trọn vẹn.

Đây chính là ý nghĩa của từ ngữ “*ý nhạo*” [được diễn tả qua sự “*thọ dụng*”] kế tiếp. Hai phương diện thọ dụng đều có, bất luận là thọ dụng vật chất hay thọ dụng tinh thần đều có. Sáu chữ này (tức lợi lạc, ý nhạo, thọ dụng) có thể nói là đã bao gồm trọn vẹn tất cả tâm nguyện của hết thấy hữu tình trong chín pháp giới. Kế đó, đại sư cho biết Phật dùng phương pháp nào để thỏa mãn hết thấy chúng sanh? “*Biến hóa hết thấy tác nghiệp*”, hóa hiện đây! “*Tác*” là tạo tác, “*nghiệp*” là sự nghiệp, đều giống nhau. Trên nguyên lý, nguyên tắc thì không hai, không pháp nào chẳng nhằm lợi lạc chúng sanh. Nhưng cách làm của Phật thì thiên biến vạn hóa, chúng ta chẳng thể nào suy nghĩ, tưởng tượng được, như năm mươi ba lần tham học chỉ là nêu thí dụ mà thôi! Năm mươi ba lần tham học là lợi lạc, ý nhạo, thọ dụng, biến hóa hết thấy tác nghiệp của hết thấy chư Phật, năm mươi ba lần tham học nhằm nói lên điều này.

Trong đây có chánh diện, chúng ta gọi là thiện, tức người lành làm việc tốt, mà cũng có phản diện, như chúng ta thấy kẻ ác làm việc ác, đây là cảnh giới của bọn phàm phu chúng ta. Nhưng trong cảnh giới của Bồ Tát thì khác hẳn: Thuận hay nghịch đều là thiện tri thức, thiện hay ác đều thành tựu vô lượng công đức. Phàm phu không thấy được, trong mắt phàm phu thấy những kẻ ấy là người ác, trong mắt Bồ Tát thấy họ là đại thiện tri thức. Trong kinh này cũng có trường hợp ấy. Cam Lộ Hỏa Vương¹³ suốt ngày từ sáng đến tối giết người, giết người không chớp mắt, chúng ta coi ông ta là ma vương, ác ma! Trong mắt Thiện Tài, ông ta là đại thiện tri thức. Đại thiện tri thức giết người? Vì sao giết người? Tiêu nghiệp chướng cho họ, siêu độ họ, chúng ta có biết hay chẳng? Nếu chẳng phải là người có công phu, có cảnh giới tương đương, chắc chắn sẽ thấy không ra!

Thật ra, tuy lý ấy rất sâu, nhưng không phải là chúng ta chẳng thể lãnh hội. Quý vị phải đọc kỹ Liễu Phàm Tứ Huấn, thật sự đọc thuộc Liễu Phàm Tứ Huấn, đọc hiểu, tôi tin rằng khi quý vị đọc kinh Hoa Nghiêm sẽ thấu hiểu được mấy phần cảnh giới ấy. Cư sĩ Liễu Phàm nói, thật ra không phải là ông

ta nói, mà là thiền sư Vân Cốc nói: Có người thỉnh giáo ông ta: “Thế nào là thiện? Thế nào là ác?” Thiền sư Vân Cốc hỏi học trò: “Các ông đều là người có học, thế nào là thiện? Thế nào là ác?” [Bọn họ thưa]: “Khen ngợi người ta, tưởng thưởng, khích lệ người ta, ca ngợi người ta là thiện! Đánh người, chửi người là ác”. Thiền sư Vân Cốc lắc đầu: “*Không hẳn vậy! Nếu trong tâm các ông giữ cái nhìn lệch lạc, ông khen ngợi ai đó, bợ đỡ người ta, trong tâm có mong cầu, có coi là thiện được hay chẳng? Bất thiện! Vì các ông có mục đích. Thấy giáo hăng ngày đánh con cái người khác, đánh đập học sinh, nhằm dạy cho nó tốt đẹp hơn! Vậy thì đánh chửi kẻ khác không phải là ác, mà thật sự là thiện*”. Điều này cho thấy nhiều người trong thế gian nhìn lầm thị phi, thiện ác, rất nhiều người nhìn ngược ngạo!

Giống như Quán Trưởng của chúng ta ở chỗ này mười mấy năm, hai mươi năm, rất nhiều người trong số quý vị thân cận bà ta, cũng có rất nhiều người phê bình bà, bà ta có thật sự là ác hay không? Cũng rất nhiều vị thấy bà ta ác, tôi thấy bà ta rất thiện. Nhìn vào biểu hiện, quý vị thấy dường như bà ta không đếm xỉa lý lẽ, hống hách, chuyên quyền, rất nhiều người không hiểu bà. Những năm qua tôi tu học có được một chút thành tích như thế này, được một chút lợi ích như thế này hoàn toàn nhờ Quán Trưởng đặc lực, nhờ quen với cách xử sự của bà ta. Người ta cúng dường tiền bạc cho tôi, bà ta cần, tôi đều đưa hết, bà ta dùng làm gì tôi chẳng biết tới, tốt hay chẳng? Tốt lắm chứ! Khiến cho ý niệm tham tài của tôi bị đoạn sạch, tôi được lợi ích rất nhiều. Người ta cúng dường tôi, quý vị có cần hay không? Quý vị không cần. Quý vị không đoạn cái tâm tham cho tôi, bà ta có biện pháp đoạn được cái tâm tham của tôi. Danh văn, lợi dưỡng, thứ gì bà ta cũng đều lấy hết, cai quản đại chúng, quản người, lo liệu công việc, chuyện gì bà ta cũng trông coi, tôi chuyện gì cũng không phải lo tới, hỏi gì cũng không được, hễ hỏi tới bà ta liền nổi nóng, toan chửi mắng người ta. Quý vị thấy bà ta rất dữ, tôi thấy bà ta rất tốt, vì sao vậy? Thành tựu cái tâm thanh tịnh cho tôi, thành tựu Nhẫn Nhục Ba La Mật cho tôi, tôi được Quán Trưởng thành tựu Lục Ba La Mật cho tôi. Không có vị thiện tri thức như vậy thì quý vị phải hiểu là chẳng thể nào đoạn trừ danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần dễ dàng như vậy được!

Khi đạo tràng này được tạo dựng, nếu tôi muốn quản lý, chắc chắn tôi sẽ vướng trong danh văn, lợi dưỡng. Nói thật lòng, tuy trong đời này tôi sẽ rất có thể diện, nhưng tương lai vẫn là lục đạo luân hồi. Tôi luân hồi trong lục đạo thì bà ta cũng luân hồi trong lục đạo, bà ta có công đức gì đâu? Bà ta giúp tôi đoạn trừ danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, nên có công đức, tôi có thể vượt thoát tam giới, cho nên A Di Đà Phật tiếp dẫn bà ta vãng sanh. Người thế gian làm sao thấy được điều này? Nếu tôi không nói toạc ra, quý vị sẽ đều nghĩ không thông. Cho rằng Quán Trưởng hung tợn như vậy, từ

sáng đến tối một câu Phật hiệu cũng không niệm thì làm sao bà ta vãng sanh được? Quý vị thật sự hiểu rõ, đương nhiên bà ta vãng sanh, A Di Đà Phật đương nhiên hộ trì bà ta. Thành tựu của tôi chính là thành tựu của bà ta, nếu tôi chẳng thành tựu thì bà ta cũng chẳng có được một chút công đức của người hộ trì. Điều này giống như trồng cây. Cây đã mọc to sẽ lắm trái, thu hoạch rất nhiều. Người trồng cây vui sướng, bà ta có thu hoạch. Dẫu trồng cây cho to mà đến cuối cùng cây chết khô, chẳng sanh ra thứ gì, thì một tí công đức bà ta cũng không có. Bà ta trồng cây thành công như thế, đơm bông, kết quả. Đơm bông là pháp môn Tịnh tông của chúng ta, Vô Lượng Thọ Kinh và phương pháp niệm Phật được phổ biến rộng rãi trên toàn thế giới, đây chính là đơm bông. Hiện nay, chúng ta mấy lượt tổ chức lớp bồi dưỡng huấn luyện tại Tân Gia Ba, huấn luyện học sinh đông đảo như thế, đây là kết hạt, khiến cho chánh pháp này, pháp môn Tịnh tông này được vĩnh viễn kế tục. Bà ta đã thật sự thực hiện công cuộc hộ trì chánh pháp, tiếp nối huệ mạng của Phật. Những thứ tướng ác ấy chính là điều được nói tới trong đoạn kinh này, đều là do Phật, Bồ Tát biến hiện, đóng giả, nhằm thành tựu người khác. Nếu bà ta làm như thế này đối với quý vị: Suốt ngày từ sáng tới tối, đối với tôi cung cung kính kính, vâng lời, hầu hạ, tôi cũng sẽ đọa lạc, mà quý vị cũng đọa lạc luôn. Do vậy, nếu quý vị là người biết học thì nghịch hay thuận đều là thiện tri thức, rất khó! Vì vậy, tới khi A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, thay bà ta an bài hậu sự, tôi mới hoảng nhiên đại ngộ, bà ta đến diện tuồng, bà ta không phải thật sự là như vậy, bà ta là Bồ Tát từ Tây Phương Cực Lạc thế giới trở lại nơi đây.

Vì vậy, lúc lâm chung A Di Đà Phật lo lắng cho bà ta. Đây là điều chúng ta chưa từng nghe nói tới. Khi chúng tôi muốn may y, A Di Đà Phật báo cho bà chủ tiệm may Tăng phục biết, kêu bà ta may gấp cho chúng tôi, từ trước đến nay chưa từng nghe nói tới chuyện này. Ngày hôm ấy, bà chủ tiệm đo áo cho chúng tôi, nói ra chuyện này, giữa trưa A Di Đà Phật báo cho bà ta biết, chúng tôi đều ngỡ người ra. Do vậy, Quán Trưởng là Bồ Tát từ Tây Phương Cực Lạc thế giới thị hiện, trong quá khứ chúng ta không biết, có hiểu lầm bà ta đôi chút; nay nếu đã biết mà vẫn hiểu lầm thì quý vị không phải là người niệm Phật. Tuy quý vị niệm A Di Đà Phật, quý vị vẫn là hủy báng Phật, Bồ Tát, công đức niệm Phật của quý vị hoàn toàn bị tiêu sạch, không còn nữa! Hết sức chẳng dễ dàng, hộ trì suốt ba mươi năm, khiến cho Tịnh tông được hoảng dương khắp cả thế giới, ảnh hưởng đến đời sau. Ảnh hưởng ấy hết sức sâu, hết sức rộng lớn. Do vậy, đây là biến hóa, tác nghiệp, thuộc về loại hình thức này.

Các vị ấy biến hóa thành những hình tượng nào? Không nhất định! Hoàn toàn là để độ chúng sanh, cần phải dùng tới phương pháp nào thì bèn dùng phương pháp ấy để đối phó. Nói chung, phương pháp lành cũng tốt, mà

phương pháp ác cũng hay. Thuận cảnh cũng tốt, mà nghịch cảnh cũng hay, đối tượng hóa độ đều được lợi ích, họ đều có thể lãnh ngộ, chúng ta thường gọi là khai ngộ. Họ đều có ngộ xứ, đều có thể biến đổi, trừ sạch căn bệnh, tập khí, thành tựu thanh tịnh, bình đẳng, giác, công phu nằm ở chỗ này. Những thứ vừa được nói tới trong đoạn kinh văn này như “*lợi lạc, ý nhạo*” đều nằm trong ý này.

Chẳng những Quán Trưởng đã thành tựu được một sự nghiệp lớn lao, nhân duyên lớn lao, mà khi lâm chung bà ta còn trao cho chúng ta một lời chỉ dạy cực lớn, dạy chúng ta niệm Phật thì nhất định chính mình phải có năng lực, phải nắm chắc sẽ tự được vãng sanh. Đây là lời chỉ dạy bà dành cho chúng ta. Vì sao vậy? Nếu như lâm chung không nắm chắc [vãng sanh], nằm bệnh trên giường thì giống như thầy Lý đã nói: “*Một vạn người niệm Phật, được vãng sanh cũng không tới hai ba người mà thôi*”. Chắc chắn đại đa số chẳng thể vãng sanh. Do nguyên nhân nào? Quý vị đọc Sứς Chung Tu Tri sẽ biết ngay, chính là vì lúc lâm chung không đúng pháp. Dẫu cho người ấy niệm giỏi cho mấy, rất dễ dàng vì một động tác không chú ý¹⁴ liền bị lôi vào lục đạo.

Quán Trưởng thị hiện lúc lâm chung có phước báo, người xuất gia chúng ta đông đảo như thế, Tam Bảo đầy đủ đến hộ trì bà ta làm cho tâm bà ta không điên đảo khi lâm chung. Chúng ta đông người như vậy, ngày đêm thay phiên nhau, không ai nghe bà ta nói một câu quàng xiên nào, chưa hề nghe nói qua. Chưa hề thấy người nhà, quyến thuộc nào, khi chết [được như vậy], chưa thấy ai trong quá khứ được như vậy. Đây là hộ trì đặc lực, là phước báo thật sự. Nghĩ đến khi chúng ta lâm chung trong tương lai, có được cơ hội ấy hay chăng? Có được người xuất gia chân tâm chân ý đến hộ trì hay chăng? Nếu không có nhân duyên ấy thì làm sao chúng ta không bị lỡ làng cho được! Nằm bẹp trên giường bệnh, nghe người ta xếp đặt có được hay chăng? Nguy hiểm quá! Vì thế, bà ta đã trao cho chúng ta một lời cảnh cáo, khi mất nhất định phải tự tại. Do vậy, tôi tìm đến ông Hoàng, chủ tiệm in kinh. Tôi nhờ ông ta in cho tôi một vạn cuốn Niệm Phật Luận để kết duyên với mọi người. Trong Niệm Phật Luận, người xuất gia là thầy Tu Vô, biết trước lúc mất, ngồi qua đời, ngồi rất nghiêm túc, đẹp đẽ, rất tự tại! Trong số cư sĩ tại gia đều có những vị nam cư sĩ, nữ cư sĩ nêu gương tốt đẹp. Niệm Phật bao lâu? Cũng chẳng qua là dăm ba năm mà thôi, thời gian trọn chẳng dài! Nếu quý vị hỏi vì sao họ có thể làm được ư? Buông xuống muôn duyên, nếu hết thảy pháp thế gian lẫn xuất thế gian chẳng để nơi lòng thì một câu A Di Đà Phật sẽ được thành công.

Do vậy, những tấm gương ấy, những khuôn mẫu ấy, chúng ta phải thường nhắc tới, chứ không phải là trò trẻ nít. Chẳng những buông xuống duyên đời, mà Phật pháp cũng phải buông xuống, thật sự là một câu Phật

hiệu niệm tới cùng cực sẽ thành công. Thời thời khắc khắc tưởng nhớ A Di Đà Phật, chúng ta sẽ ra đi rất tự tại. Giống như một đồ đệ làm nghề vá nồi của lão pháp sư Đệ Nhàn khi Ngài còn trẻ, bất quá ông ta cũng niệm Phật ba bốn năm. Đạo lý nào trong kinh Phật vị ấy cũng chẳng thông, vị ấy không biết chữ, nghe kinh thì một buổi cũng chưa từng nghe qua. Do vị ấy sống khổ quá, nên tìm đến pháp sư Đệ Nhàn xin xuất gia. Pháp sư Đệ Nhàn cũng bị ông ta làm cho không còn cách nào khác được, phải thọ nhận. Ông ta là bạn chơi đùa thuở nhỏ, ở cùng chỗ với Sư lúc Ngài mới mấy tuổi. Về sau, do ông ta khổ như vậy, sự khổ sở ấy khiến cho ông ta nhầm chán thế gian. Bởi vậy, cuộc sống tốt đẹp sẽ không hay, cuộc sống tốt đẹp khiến cho quý vị nảy sanh ý niệm tham luyến thế gian, quý vị vẫn không lia bỏ được, sẽ không có phần nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Cuộc sống khổ sở tốt lắm! Do vậy, trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: “*Dĩ khổ vi sư*” (Lấy khổ làm thầy) rất có đạo lý! Cuộc sống khổ quá, một tí tí ý niệm tham luyến đối với thế gian đều không có, cho nên người ấy mới có thể nhất tâm niệm Phật. Niệm ba bốn năm, quý vị thấy ông ta đứng qua đời, lại còn đứng sững nhiều hôm rồi pháp sư Đệ Nhàn mới đến lo liệu hậu sự cho ông ta. Bởi lẽ, đạo tràng tu học của ông ta ở Ôn Châu, tức huyện Ôn Châu tỉnh Chiết Giang, còn lão pháp sư Đệ Nhàn thì ở chùa Kim Sơn thuộc Trấn Giang ở Tô Châu, tức chùa Kim Sơn ở Trấn Giang. Người ta từ Ôn Châu đến báo tin, khi ấy chưa có phi cơ, cũng không có xe hơi, đi đường bộ, ngồi thuyền đến báo tin, lão pháp sư Đệ Nhàn lại từ chùa Kim Sơn trở về Ôn Châu lo liệu hậu sự cho ông ta, có nhanh thì cũng phải ba bốn ngày. Chết rồi, ông ta vẫn đứng sững ba bốn ngày, thật phi thường! Một chữ cũng không biết! Do vậy, Quán Trưởng vãng sanh đã nhắc nhở, cảnh tỉnh chúng ta hết sức cao độ! Nay chúng ta phải học theo ai? Phải học theo người ngu độn nhất, học theo người thợ vá nồi ấy, học theo người ấy thì chúng ta mới có thành tựu, mới có hy vọng.

Mỗi một người đều phải tích cực đọc Sứ Chung Tu Tri mấy lượt thì quý vị mới biết lâm chung đáng sợ. Không phải là nói cái chết đáng sợ, chết không đáng sợ! Nói thật ra, người tiền đưa lúc lâm chung đều là oan gia trái chủ; nếu chẳng đúng như pháp sẽ không ra làm sao cả, sẽ hỏng chuyện. Vì vậy, phương pháp tốt nhất là chính mình có thể biết trước lúc mất, không bị bệnh, muốn đi lúc nào thì đi ngay lúc đó, ra đi tự tại mới tốt. Trong mấy năm gần đây nhất, chúng ta cũng có lúc nghe có những gương như vậy, người ta đã làm được thì tại sao chúng ta không làm được? Tôi nhớ trong quá khứ, tôi cũng đã nói mấy lần rồi, chuyện này nói thêm mấy lần nữa cũng không sao. Ai đã nghe rồi thì ấn tượng sẽ sâu thêm, người chưa nghe thì hãy nghe cho kỹ.

Khi tôi ở Gia Châu (California), Cam lão cư sĩ có kể cho nghe một câu chuyện, chuyện một người họ hàng của bà ta, người ấy cũng là một bà cụ. Cam lão cư sĩ cũng đã tám mươi mấy tuổi, sống ở Cự Kim Sơn (San Francisco). Người họ hàng của cụ cũng là một bà lão, con cái di dân đến Mỹ, bà lão sống nhờ con, làm chuyện nhà, chăm sóc cháu. Mỗi sáng sớm, cụ đều dậy nấu cơm, giặt quần áo. Sáng hôm ấy, cơm không nấu, người nhà cảm thấy lạ lắm, hôm nay sao bà cụ ngủ trễ vẫn còn chưa dậy? Liền mở cửa phòng bà cụ, nhà ở Mỹ phòng người già không khóa. Mở cửa ra xem, bà cụ ngồi xếp bằng trên giường, nhìn kỹ, cụ đã mất rồi. Chẳng hiểu chết vào lúc nào, ngồi xếp bằng ra đi, ngồi vãng sanh. Coi lại, cụ để sẵn di chúc trước mặt. Chẳng những có di chúc, mà đồ tang của mỗi đứa con, đứa cháu đều có, cụ đã may sẵn rồi, từng bộ từng bộ xếp bên cạnh. Điều này thật phi thường, chẳng phải là cụ đã biết trước lúc mất hay sao? May đồ tang từ lúc nào? Đại khái là khi con trai, con dâu đi làm, cháu nội đi học, cụ ở nhà không có chuyện gì bèn mua vải, may y phục tại nhà, không báo cho ai biết, quý vị nói xem cụ cao minh hay chẳng? Biết trước lúc mất, cụ chẳng để lộ ra, hễ lộ ra sợ con cháu khóc lóc, cũng như van nài không cho cụ đi, cụ đi không được. Chẳng lộ tâm tích, một câu cũng chẳng nói, đi rồi viết sẵn di chúc để trước mặt.

Nay chúng ta phải học theo gương ấy, đây là chuyện cận đại, chuyện thuộc vào mấy năm trước. Bọn họ làm được thì vì sao chúng ta không làm được? Do vậy, quý vị nhất định phải nhớ rõ, chuyện thế gian như mộng, huyễn, bọt, bóng. Chuyện gì quý vị đã làm xong, nhất định đừng giữ trong lòng. Giữ những chuyện ấy trong lòng là quý vị lầm lẫn quá rồi! Đối với mọi chuyện thì sao? Tùy duyên, quyết định chẳng nắm níu, tùy duyên sẽ tiêu nghiệp. Quý vị hỏi tôi, tôi không có chủ ý, tôi không có chủ trương, quý vị thích làm thế nào bèn làm như thế ấy, quý vị cho rằng như thế nào là hay thì làm như vậy mới là hay, quý vị tưởng quý vị tự tại lắm! Ở trong hết thấy cảnh, trong hoàn cảnh nhân sự, trong hoàn cảnh vật chất, chúng ta phải tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng, tu tâm chân thành, niệm Phật như vậy thì mới có thể vãng sanh.

Do vậy, chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi biến hóa hết thấy tác nghiệp, không phải là người thật sự tu hành sẽ chẳng thể thấu hiểu được. Nói chung là vì chính quý vị có thành kiến nên đối lập với các vị ấy. Nói chung là gì? Tạo nghiệp! Nếu quý vị thật sự biết hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức thì hết thấy cảnh giới đều là cảnh do Phật, Bồ Tát biến hiện. Đừng nghĩ Phật, Bồ Tát rất chiếu cố một ai đó, không quan tâm đến ta; nếu nghĩ như vậy thì quý vị đã khởi vọng tưởng, quý vị đã lầm lẫn rồi! Thật ra, Phật, Bồ Tát thời khắc khắc luôn chiếu cố quý vị, nhưng chính quý vị không tiếp nhận, như vậy thì quý vị làm cách nào đây? Người này khen ngợi quý vị mấy câu,

quý vị sung sướng khôn cùng: “Người ấy là người tốt!” Kẻ nọ chửi quý vị vài câu, giận dữ mấy bữa không nguôi! Người bên ngoài khen ngợi hay chửi rủa quý vị đều là Phật, Bồ Tát, quý vị không tiếp nhận, quý vị phản kháng họ, bảo là họ không chiếu cố quý vị ư? Người ta khen ngợi quý vị, quý vị gật đầu: “Rất hay! Tôi chẳng đáng được khen ngợi, tôi không được như vậy”. Tâm quý vị bình tịnh, chẳng khởi sóng gió, chẳng sanh lòng hoan hỷ. Đối với hủy báng, khi nghe âm thanh hủy báng giống như tiếng vang trong hang trống, coi như không có những chuyện ấy, tâm quý vị vẫn như như bất động. Quý vị thấy người ta hủy báng hay khen ngợi quý vị đều là tác nghiệp biến hóa của Phật, Bồ Tát, há quý vị chẳng thành tựu trong khi ấy ư?

Vì thế, đại sư Ngẫu Ích nói rất hay: “*Cảnh duyên không tốt, xấu*”; cảnh là hoàn cảnh vật chất, duyên là hoàn cảnh nhân sự. Ngài nói rõ trong hoàn cảnh nhân sự lẫn hoàn cảnh vật chất không có gì là đúng, sai, tốt, xấu; vậy thì đúng, sai, tốt, xấu ở chỗ nào? Ở trong lòng người, ở trong chính tâm ta. Quý vị dùng cái tâm nào để cảm? Quý vị dùng thiện tâm để cảm thì tất cả cảnh giới đều là lành, quý vị dùng ác tâm để cảm thì tất cả cảnh giới đều là ác. Vì thế mới nói “*cảnh chuyển theo tâm*”, chứ không phải là tâm chuyển theo cảnh. Tâm chuyển theo cảnh chính là những kẻ thấy biết lầm lẫn, không phải như vậy! Đạo lý thật sự là cảnh chuyển theo tâm. Vì thế, kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Nếu có thể chuyển được cảnh sẽ giống với Như Lai*”. Thật sự là kẻ thông minh, lanh lợi thì quý vị phải chuyển được cảnh giới. Bất luận cảnh giới nào hiện tiền, nếu hiểu rõ ràng thì là trí huệ, như như bất động là Thiên Định. Do vậy, hễ cảnh giới hiện tiền thì quý vị tu điều gì nơi đó? Tu Định, Huệ, Định Huệ giữ cho cân bằng, làm sao quý vị không thành tựu cho được!

Người niệm Phật nhất tâm bất loạn, nhất tâm là Định, bất loạn là Huệ. Quý vị có được công phu ấy, làm sao chẳng vãng sanh? Chúng ta thấy người ta vãng sanh, thấy rồi hết sức hâm mộ, họ có bản lãnh gì vậy? Bản lãnh của họ nằm ở chỗ này, tức là trong hết thảy cảnh giới đều hiểu rõ ràng, như như bất động. Trong kinh Kim Cang, đức Phật dạy ngài Tu Bồ Đề mà cũng là dạy chúng ta, “*bất thủ u tướng, như như bất động*” (chẳng chấp lấy tướng, như như bất động), tức là ngoài chẳng chấp vào tướng, trong tâm chẳng động. Chẳng phải là bảo quý vị mắt không thấy, tai không nghe, không phải vậy! Như vậy thì đâu có ích gì! Mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, hiểu rõ ràng là trí huệ, bất động là Thiên Định. Đây là nói trên mặt Sự, trên mặt Sự thật ra quá nhiều, chẳng thể nói hết được. Người biết tu hành sẽ tu hành trong cảnh duyên ấy, tách lìa hoàn cảnh nhân sự vật chất thì quý vị đến đâu để tu? Vô ích! Tu hành tu trong xã hội phức tạp này, xã hội càng phức tạp sẽ càng dễ thấy rõ quý vị có công phu Định Huệ hay không! Tiếp đó là nói về Lý. Đây là...

Nhị giả Lý đẳng.

二者理等。

(Thứ hai là lý bình đẳng).

Sự đã bình đẳng mà Lý cũng bình đẳng.

Thập phương Như Lai đồng nhất Pháp Thân, tam tế chư Phật vô nhị thể cố.

十方如來同一法身，三際諸佛無二體故。

(Mười phương Như Lai có cùng một Pháp Thân, do ba đời chư Phật không hai thể vậy).

Ý nghĩa này cũng rất sâu. Chư Phật Như Lai có cùng một Pháp Thân, chúng ta và chư Phật có cùng một Pháp Thân hay chẳng? Quý vị phải hiểu rằng: Cũng cùng một Pháp Thân! Pháp Thân là Lý thể, Pháp Thân là năng biến (cái có thể biến hiện ra những thứ khác), y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do nó biến hiện. Phật giáo chúng ta gọi nó là Pháp Thân, còn triết học hiện đại gọi nó là Bản Thể, tức bản thể của vũ trụ vạn hữu. Vạn hữu trong vũ trụ do đâu sanh ra? Từ đây mà sanh ra, Phật giáo chúng ta gọi là Pháp Thân. Do vậy, chúng ta và hết thầy chư Phật, Bồ Tát đều cùng một Pháp Thân. Có cùng một Pháp Thân với hết thầy chư Phật nghĩa là cũng có cùng một Pháp Thân với hết thầy chúng sanh! Phật, Bồ Tát biết rõ ràng, minh bạch, cho nên Phật, Bồ Tát lưu xuất tâm từ bi, gọi là vô duyên đại từ, chữ Duyên [ở đây] là điều kiện. Vô duyên là vô điều kiện. Đồng thể đại bi, vì sao các Ngài yêu thương, che chở chúng sanh, quan tâm đến các chúng sanh vô điều kiện? Là vì có cùng một Pháp Thân. Chẳng những hết thầy hữu tình có cùng một Pháp Thân, mà vô tình chúng sanh cũng có cùng một Pháp Thân. Đây chính là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Tình và vô tình cùng viên Chung Trí*”. Cùng một Pháp Thân, đây là giác ngộ, hiểu rõ. Chúng sanh không giác ngộ, mê hoặc, điên đảo, nên cùng là một thân mà thấy là bất đồng, vẫn cứ muốn song phương đối lập với người ấy, vẫn muốn tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, vẫn muốn gây tổn thương cho nhau, chẳng biết là có cùng một Pháp Thân. Do vậy, hại người cũng là hại chính mình, lợi ích người khác là lợi ích chính mình, vì sao? “*Tự tha bất nhị*”, trong kinh Đại Thừa đức Phật thường nói như thế. Vì sao chúng ta không thể làm được? Chúng ta vẫn thấy ta và người là hai, đây gọi là nghiệp chương, tập khí từ vô thủy kiếp đến nay, mê hoặc, điên đảo mà! Đây là bình đẳng trên mặt Lý. Tiếp theo là dẫn các kinh để làm chứng.

Cổ Bát Nhã vân: “Nhược nhất Phật xuất thế, nhất thiết giai xuất. Nhất Phật Niết Bàn, nhất thiết Niết Bàn. Hà dĩ cố? Chư Phật pháp tánh vô nhị tướng cố”. Bất như thị tri, phi chân niệm Phật!

故般若云，若一佛出世，一切皆出。一佛涅槃，一切涅槃。何以故。諸佛法性無二相故。不如是知，非真念佛。

(Vì thế, kinh Bát Nhã dạy: “*Nếu một đức Phật ra đời thì hết thấy đều ra đời. Nếu một đức Phật nhập Niết Bàn thì hết thấy đều nhập Niết Bàn. Vì sao vậy? Do pháp tánh của chư Phật không hai tướng*”. Chẳng biết như thế thì không phải là chân thật niệm Phật)

Nói tới pháp môn Niệm Phật, người chân chánh niệm Phật hiểu rõ đạo lý này; do vậy, kinh luận thường nói tới Phật hiệu của người [niệm Phật chân thật ấy] như sau: “*Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Vì sao nay chúng ta chẳng thể không tương ứng, vì sao người ta một niệm tương ứng một niệm Phật? Do người ta hiểu rõ chân tướng sự thật, trong mấy năm gần đây, chúng tôi thường gọi [chân tướng sự thật ấy] là chân tướng của nhân sanh vũ trụ, hiểu rõ chân tướng là giác ngộ, giác chính là Phật.

“*Nhất Phật xuất thế, nhất thiết giai xuất*”: Chẳng phải là cảnh giới của phàm phu, mà là cảnh giới Phật. Đức Phật đã thành Phật, thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm, kinh Viên Giác, đức Phật dạy: “*Hết thấy chúng sanh vốn đều là Phật*”. Khi nào quý vị sẽ thấy được? Khi thành Phật sẽ thấy được. Chính mình đã thành Phật sẽ thấy hết thấy bao nhiêu chúng sanh vốn đều là Phật. Điều này là một khái thị lớn cho chúng ta, chúng ta hãy nên thường phản tỉnh: Chính mình đang thuộc cảnh giới nào? Nếu chính mình thấy được hết thấy chúng sanh đều thành Phật thì chính mình sẽ thành Phật. Nếu quý vị vẫn thấy “ta thành Phật rồi, những kẻ khác đều là phàm phu”, chắc chắn quý vị chưa thành Phật. Vị Phật ấy là Phật giả, không thật. Quý vị muốn thành Bồ Tát thì thấy hết thấy chúng sanh đều là Bồ Tát. Cùng một đạo lý ấy, quý vị thấy hết thấy chúng sanh đều là người tốt thì quý vị mới là người tốt. Quý vị thấy hết thấy chúng sanh đều là kẻ xấu thì chính mình là người xấu xa nhất! Do vậy, Lục Tổ Huệ Năng đại sư nói: “*Nếu ai thật tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian*”. Đây là bí quyết dụng công. Lục Tổ nói Ngài dụng công chỉ thấy lỗi lầm của chính mình, không thấy lỗi của người khác, sao Ngài không khai ngộ cho được? Làm thế nào để chứng quả? Bí quyết nằm trong câu ấy. Nếu quý vị học được [bí quyết ấy] thì một đời này quý vị sẽ có hy vọng thành công, có hy vọng khai ngộ, chứng quả. Quý vị phải nắm chặt bí quyết này, phải học nhé!

Thấy lỗi của chính mình, chẳng thấy lỗi thế gian, Ngài không nói chẳng thấy lỗi người khác, chẳng thấy lỗi người khác còn thuộc phạm vi nhỏ nhoi. [Vì chỉ hạn cuộc nơi] con người thôi! Ngoài con người ra, còn có rất nhiều sự, rất nhiều vật, tất cả hết thấy những lỗi làm ngoài những lỗi của chính mình ra, người ấy đều không thấy, những gì người ấy thấy toàn là thiện. Có kẻ cật vấn: “Trong những điều thiện chẳng có tướng sai biệt ư?” Có tướng sai biệt chứ! Đủ mọi thứ tướng thuận nghịch sai biệt, giống như trong năm mươi ba lần tham học ở đây là năm mươi ba thứ cảnh giới bất đồng, hiện tượng bất đồng; nhưng trong các thứ hiện tượng chẳng thấy lỗi làm của người khác, chỉ thấy toàn những chỗ tốt đẹp của họ.

Nếu quý vị không tin tưởng, quý vị hãy nghĩ đến điều tôi vừa mới thưa cùng các quý vị. Quý vị thấy Quán Trưởng có đủ thứ lỗi làm, tôi thấy bà ta điều gì cũng tốt đẹp, tôi không thấy bà ta có lỗi làm. Vì sao thế? Những hành vi của bà ta đều tạo lợi ích cho tôi, tôi đều được thọ dụng, nhờ bà ta mà tôi lãnh ngộ, khai giải, đoạn tập khí, tăng trưởng Định Huệ. Vấn đề thuộc về mỗi người. Khi đã thấy Quán Trưởng đối xử với tôi như thế thì những người khác cũng giống như vậy, chỗ nào cũng giống như nhau. Người ta lăng nhục tôi, chửi bới tôi, tôi rất cảm ơn họ, vì sao tôi cảm ơn họ? Là vì họ đến khảo nghiệm tôi, tôi thật sự không động tâm, không sanh phiền não, tôi đậu rồi! Tôi cảm tạ họ. Họ đến khen ngợi tôi, đến cúng dường tôi, tôi cũng cảm tạ họ, vì sao? Tôi không khởi tâm tham, tôi không bị lay động bởi những thuận cảnh, tôi thấy toàn là cảnh giới tốt. Như vậy mới có thể thành tựu, đó gọi là học Phật, đây gọi là tu hành. Tu hành là thời thời khắc khắc trong hết thấy cảnh giới, sửa đổi cho đúng những hành vi lầm lạc. Khi thấy người khác có lỗi làm, tức là họ có hành vi sai lầm thì phải quay đầu phản tỉnh coi chính mình có mắc lỗi lầm ấy hay không. Vì trong cảnh thuận hay nghịch phải phản tỉnh xem chính mình có khởi tâm động niệm hay không? Nếu có khởi tâm động niệm, trông thấy lỗi lầm của chính mình, thật sự không thấy lỗi lầm của người khác. Người khác trắc nghiệm chính ta, thí nghiệm xem chính ta có khởi tâm động niệm hay không? Nếu hồi quang phản chiếu được như vậy, thường xuyên phản tỉnh như thế, tôi tin là công phu quý vị mỗi năm sẽ tiến bộ hơn. Rèn luyện được mười năm hay tám năm, tâm quý vị sẽ thanh tịnh, sẽ bình đẳng. Tâm thanh tịnh, bình đẳng sanh ra trí huệ, chẳng sanh phiền não. Pháp môn Niệm Phật cũng chẳng phải là ngoại lệ, vì thế “*chẳng biết như thế, chẳng phải là niệm Phật chân thật*”.

Cô thượng kinh vân: Nhược sanh như thị tướng, thử Phật thử tôi thắng, diên đảo phi thật nghĩa, bất năng kiến chánh giác.

故上經云，若生如是想，此佛此最勝，顛倒非實義，不能見正覺。

(Vi thế, trong phần trước, kinh dạy: Nếu sanh tâm tưởng như thế này, vị Phật này tối thắng như thế này, thì đây là điên đảo, chẳng phải là thật nghĩa, chẳng thể thấy được chánh giác)

Vì sao vậy? Là vì khởi tâm động niệm. Quý vị trông thấy Phật, thấy đức Phật này thù thắng. Chúng ta niệm bài kệ Tán Phật, “*thập phương tam thế Phật, A Di Đà đệ nhất*” (mười phương ba đời Phật, A Di Đà bậc nhất), A Di Đà Phật là thù thắng nhất! Tự quý vị cho là không sai lầm, tôi tán thán A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là bậc nhất, trong mười phương ba đời A Di Đà Phật là bậc nhất. Quý vị khởi lên cái tâm ấy, động ý niệm ấy thì quý vị điên đảo, chẳng phải là thật nghĩa. Vì sao vậy? Phật Phật đạo đồng, Phật Phật bình đẳng, sao A Di Đà Phật lại là bậc nhất? Do vậy, nếu quý vị thấy hiểu như vậy, giữ ý niệm ấy thì ý niệm của quý vị chẳng phải là chánh giác! Quý vị chưa giác ngộ, quý vị vẫn còn đang mê, quý vị vẫn xử sự theo cảm tình. Vậy thì A Di Đà Phật có phải là bậc nhất hay không? Đích thực là bậc nhất là nói theo phương diện nào? Là nói theo phương tiện độ chúng sanh. Từ phương pháp, phương tiện độ chúng sanh để nói, đích thực Ngài là bậc nhất. Vì thế, mười phương chư Phật đều khen ngợi Ngài.

Mười phương hết thấy chư Phật có hay không có phương pháp ấy của A Di Đà Phật? Thừa với quý vị, đều có cả! Làm sao không có cho được? A Di Đà Phật có, những vị Phật khác không có [đâu có lẽ nào như vậy]. A Di Đà Phật khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, hết thấy các vị Phật khác cũng khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, vậy là không giống nhau sao? Pháp môn này chẳng phải là hết thấy chư Phật đều cùng có hay sao? Do vậy, quý vị phải hiểu là qua những điều trên đây, các vị tổ sư khen ngợi: “*Thập phương tam thế Phật, A Di Đà đệ nhất*”. Tổ sư đại đức tán thán như vậy đó. Quý vị phải thật sự hiểu rõ ý nghĩa chân thật. Đây chính là như trong kinh Kim Cang Bát Nhã đã dạy: “*Đệ nhất giả tức phi đệ nhất, thị danh đệ nhất*” (Đệ nhất tức chẳng phải là đệ nhất nên gọi là đệ nhất). Không sai! Quý vị thật sự hiểu được ý nghĩa của chữ “*đệ nhất*”, trí huệ thật sự mở mang! Tuy nghe hết thấy những điều tổ sư tán thán, tâm quý vị vẫn như như bất động, rõ ràng, minh bạch, quý vị nói xem đệ nhất có nghĩa là gì? Đây chính là thuyết minh, giải thích cảnh giới bình đẳng của hết thấy chư Phật. Tiếp theo đó, đại sư Thanh Lương giảng về trí huệ vô ngại.

Vô ngại trí huệ giả, kết kỳ năng quán.

無礙智慧者，結其能觀。

([Dùng] vô ngại trí huệ để tổng kết trí năng quán)

Phần trên nói về cái được Quán, tức là cảnh giới bình đẳng được quán bởi chư Phật. Quý vị dùng cách nào để quán sát? Vô ngại trí huệ. Đây chính là đoạn kinh văn trong phần trước, trong đoạn ấy đã nói:

Trí quang chiếu diệu.

智光照曜。

(Trí quang chiếu rạng).

Trí ấy là trí huệ vô ngại, đây chính là trí năng quán.

Kiến Phật thủ tướng, trệ u phương tiện. Tri Phật không tịch, chân huệ sở trầm. Niệm vô niệm giả, bất ngại sự nhi hằng chân. Vô niệm niệm giả, bất động chân nhi hằng dụng. Động tịch vô ngại, phương niệm chân Phật.

見佛取相，滯於方便。知佛空寂，真慧所沈。念無念者，不礙事而恆真。無念念者，不動真而恆用。動寂無礙，方念真佛。

(Thấy Phật, chấp vào tướng là vướng mắc nơi phương tiện. Biết Phật không tịch, chân huệ bị chìm. Niệm mà vô niệm, chẳng trở ngại nơi Sự, luôn chân thường. Vô niệm mà niệm thì chẳng động Chân nhưng công dụng luôn thường hằng. Động và Tịch vô ngại thì mới niệm chân Phật được)

Tiểu đoạn này nhằm giải thích “vô ngại trí huệ”, giải thích “trí quang chiếu diệu”. “*Kiến Phật thủ tướng*”: “Thủ tướng” là chấp vào tướng, Phật hiện các thứ tướng đều là pháp phương tiện, thường gọi là “*thiện xảo phương tiện*”. Không có phương tiện, Phật chẳng thể độ chúng sanh. Y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, Nhất Chân pháp giới, kinh Hoa Nghiêm gọi là Hoa Tạng thế giới, kinh Di Đà gọi là Cực Lạc thế giới, đều là phương tiện thị hiện, có tướng ấy hay không? Có! Tác dụng của những tướng ấy là làm cho sáu căn của quý vị khi tiếp xúc những cảnh giới ấy sẽ từ ngay nơi tướng mà lia được tướng, tác dụng ở chỗ này. Nếu quý vị thấy tướng mà chấp vào tướng là hỏng rồi, quý vị mê mất rồi, biến thành phàm phu rồi!

“*Trê u phương tiện*”: Quý vị chẳng biết phương tiện của Như Lai. Quý vị phải hiểu rằng: Các thứ hiện tượng hiện ra trong thế giới ngày nay của chúng ta đều là phương tiện của chư Phật Như Lai, tùy thuộc quý vị có hiểu hay không? Do vậy, nói thật ra, Phật luôn luôn thị hiện trong thế gian, đáng tiếc là người đời chẳng biết. Vậy thì còn có cách nào nữa! Quý vị chưa giác ngộ mà! Chẳng phải là các Ngài không chịu giúp đỡ quý vị, mà là vì quý vị chẳng biết quay đầu! Nguyên nhân chẳng biết quay đầu là do quý vị hễ thấy Phật liền chấp tướng. Chữ “Phật” nói ở đây là nói đại diện, trong mười pháp giới chọn một pháp giới để đại diện. Thấy Bồ Tát liền chấp vào tướng Bồ Tát, thấy chúng sanh liền chấp vào tướng chúng sanh, thấy lành liền chấp vào tướng lành, thấy ác liền chấp vào tướng ác, quý vị nói xem có rồi ren hay không? Như vậy là trật, chấp vào tướng là sai bét rồi.

Không chấp thì sao? Không chấp cũng trật lất luôn! Tiếp theo đó, lời chú giải ghi: “*Tri Phật không tịch*”, hiểu “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, “*hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*” đây cũng là những điều được nói trong kinh, Phật dạy đây, không sai! Nhưng quý vị hiểu sai ý nghĩa! Hiểu sai điều gì? Hết thảy đều là không, mặc kệ! Chuyện gì tôi cũng không muốn làm, chỉ tu cho cái tâm của chính mình thanh tịnh, tâm từ bi một tí tạo cũng không có. Chuyện tốt là giả mà, làm để làm chi? Chuyện xấu là giả mà, có làm cũng chẳng sao! Vậy là quý vị chẳng bị hồng chuyện có được chẳng? Đây gọi là “*ác thủ không*” (chấp vào Không một cách sai lầm), hiểu lầm ý nghĩa của Phật. Câu đầu tiên trong bài kệ Khai Kinh là “*nguyện kiến Như Lai chân thật nghĩa*”, sao quý vị lại hiểu lầm nghĩa chân thật của Như Lai? Do vậy, Phật nói Không, chẳng thể chấp vào Không. Phật nói Có, chẳng thể chấp vào Có. Chỗ cao minh của chư Phật, Bồ Tát là chẳng chấp vào hai bên Có và Không, như vậy là đúng! Chúng ta biết hết thảy pháp là Không, nhưng chúng ta niệm A Di Đà Phật không ngớt, tâm nguyện cầu vãng sanh hết sức khăng định, thiết tha, chân thật, chẳng rớt vào Không! Biết “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng chẳng phải là ngoại lệ. Do vậy, tuy thấy A Di Đà Phật, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng đối với A Di Đà Phật, Cực Lạc thế giới tuyệt đối không có mảy may tâm tham ái nào, chẳng chấp vào Có. Hai bên Không và Có đều chẳng chấp, đây mới là chân thật niệm Phật. Do vậy, nếu quý vị chấp vào Không thì “*chân Huệ bị chìm*”, biến thành gì? Biến thành A La Hán, Bích Chi Phật, chấp Không! Phạm phu chấp Có, Nhị Thừa chấp Không, đều sai cả!

Tiếp theo, lời chú giải dạy chúng ta “*niệm mà vô niệm*”, đây là nói trên mặt Thể. Niệm và vô niệm là một không phải hai. “*Bất ngại Sự ni hàng chân*”, niệm là Sự, trên mặt Sự thì có niệm. Chúng ta một ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, trong hai mươi bốn giờ chẳng gián đoạn, đây là

Sự. Nhưng cần biết rằng: Trong bản tánh chân tâm không có niệm, vô niệm mà! Một câu Phật hiệu là gì? Chính là đức hiệu nơi bản tánh chân như của chúng ta. Chúng ta niệm một câu A Di Đà chính là niệm mà vô niệm. “*Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”, dựa theo Thê để nói thì “*bất ngại Sự nhi hằng chân*”. Vì thế, quý vị phải hiểu rõ đạo lý này, rõ ràng, rành rẽ, câu A Di Đà Phật nào của quý vị cũng đều tương ứng, tương ứng với gì? Tương ứng với Chân Như bản tánh, đây chính là tương ứng với vô niệm, niệm và vô niệm tương ứng. Đây là nói trên mặt Thê. Tiếp theo, “*vô niệm mà niệm*” là nói trên mặt Sự. Vô niệm là bản tánh Chân Như, niệm là sự tướng, tánh khởi tác dụng. Hai thứ này tác dụng lẫn nhau, Sự chẳng ngại Lý, Lý chẳng ngại Sự. Phần trước là nói về Thê, tức Sự chẳng ngại Lý. Đối với “*hằng chân*” ở đây thì Chân là chân lý, vô niệm mà niệm chính là Lý chẳng trở ngại Sự. Nói Sự hay Lý đều được; nói là Tánh hay Tướng cũng được. Niệm ấy là Tướng, vô niệm là Tánh, đều nói được, đều nói rất thông suốt, đều là rất viên dung. “*Bất động chân nhi hằng dụng*”: Tự tánh là bất động, là thanh tịnh tịch diệt, nhưng chúng ta niệm Phật thì phải động, niệm Phật là Dụng, tức tác dụng.

Chúng ta miệng xưng danh, ý niệm trong tâm tưởng Phật, không cần tưởng gì khác. Nếu chúng ta dấy lên vọng niệm, tốt nhất là nhìn tượng Phật. Hiện thời chúng ta in rất nhiều tấm các nhỏ có hình tượng Phật, quý vị có thể mang theo, khi vọng niệm dấy lên bèn lấy tượng Phật ra, nhìn vào tượng Phật, tưởng Phật, chẳng cần tưởng gì khác. Quý vị tưởng chi khác đều là tạo sanh tử luân hồi, tưởng Phật thì trong một đời này mới có thể vượt thoát sanh tử luân hồi, đừng tưởng gì khác nữa. Phải niệm kinh cho thuộc, niệm thuộc nhằm ý nghĩa gì? Có lúc vọng tưởng dấy lên, hễ phát hiện chính mình đang khởi vọng tưởng liền niệm kinh thuộc lòng. Niệm một hai đoạn kinh, vọng tưởng sẽ mất. Đây gọi là “*chân dụng công*”, gọi là “*chân tu hành*”. Phạm phu ai cũng có vọng niệm, không có vọng niệm là đã thành Phật rồi! Vì thế, bậc cổ đại đức dạy chúng ta: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chậ*”. Ý niệm có dấy lên cũng chẳng khẩn yếu gì, đây là tập khí từ vô thủy kiếp đến nay, điều này phạm phu ai cũng có, không có gì kỳ lạ cả! Ý niệm vừa dấy lên liền nhận biết ngay lập tức. Giác là gì? Giác là Huệ, tiêu diệt ý niệm ấy đi, tiêu trừ đi. Vì thế, quý vị niệm Phật là giác, quý vị đọc kinh cũng là giác, quý vị nhìn tượng Phật cũng là giác, nhất định phải trừ được vọng niệm ấy.

Động tịch vô ngại, phương niệm chân Phật.

動寂無礙，方念真佛。

(Động hay tịch đều vô ngại thì mới là niệm chân Phật)

Đây mới là chân chánh niệm Phật. Chân chánh niệm Phật quy kết lại là tương ứng, “một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”. Sự lý tương ứng, tánh tướng tương ứng. Lại xem tiếp phần kế:

Phổ kiến pháp môn giả.

普見法門者。

(Pháp môn Phổ Kiến là)

Một câu này là...

Tức tổng thu tiền nhị.

即總收前二。

(Nhằm gộp chung cả hai thứ trong phần trước)

Hai thứ trong phần trước...

Dĩ kết kỳ danh.

以結其名。

(Nhằm kết lại phần giải thích tên gọi ấy)

Câu này là câu tổng kết. Ngài gọi pháp môn ấy là pháp môn Phổ Kiến. tức là cảnh giới bình đẳng của hết thầy chư Phật và trí huệ vô ngại được gọi chung là pháp môn Phổ Kiến.

Tức tiền phổ nhãn minh triệt dã.

即前普眼明徹也。

(Tức là “phổ nhãn thấy thấu suốt triệt để” như đã nói trong phần trước)

“Phổ nhãn minh triệt” được nói trong phần trước, còn ở chỗ này thì...

Tức thử hậu cú, khả vi tổng danh.

即此後句，可為總名。

(Tức là có thể coi câu sau cùng này là tên chung [của pháp môn])

Pháp môn này được Ngài gọi bằng danh xưng chung là pháp môn Phổ Kiến. Chúng ta thấy Năng Kiến và Sở Kiến. Trong đoạn sau, đại sư lập ra một đoạn vấn đáp. Ngài nói:

Vấn, pháp môn vô lượng, hà dĩ sơ hữu tiện giáo niệm Phật?

問，法門無量，何以初友便教念佛。

(Hỏi: Pháp môn vô lượng, vì sao vị thiện hữu đầu tiên lại dạy niệm Phật?)

Lời hỏi này rất hay! Vô lượng vô biên pháp môn, Thiện Tài gặp được vị đầu tiên để tham phỏng là tỳ-kheo Cát Tường Vân, vì sao trong vô lượng pháp môn, Ngài lại dạy Thiện Tài pháp môn Niệm Phật, chẳng dạy pháp môn khác? Câu hỏi này rất hay, cũng là điều chúng ta đang ngờ vực!

Đáp: Lược hữu thập nghĩa.

答，略有十義。

(Đáp: Đại lược có mười nghĩa)

Đại sư Thanh Lương trả lời câu hỏi này. Nói thật ra thì có vô lượng nghĩa. Vô lượng nghĩa được quy nạp thành mười điều cho dễ nói, thuận tiện một chút, nhằm biểu thị vô lượng. Dưới đây là mười câu.

Niệm Phật tam-muội, chúng hạnh tiên cố. Trí Độ Luận vân: “Bồ Tát dĩ Bát Nhã Ba La Mật vi mẫu, Ban Châu tam-muội vi phụ cố”.

念佛三昧，眾行先故。智度論云，菩薩以般若波羅蜜為母，般舟三昧為父故。

(Vì Niệm Phật tam-muội đứng đầu các hạnh. Trí Độ Luận ghi: “Bồ Tát lấy Bát Nhã Ba La Mật làm mẹ, lấy Ban Châu tam-muội làm cha”)

Rất nhiều người chưa đọc kinh Hoa Nghiêm, cũng có nhiều người đọc kinh Hoa Nghiêm theo kiểu nuốt trôi quả táo, chưa nghiên cứu sâu xa ý nghĩa. Nếu thật sự đọc kinh Hoa Nghiêm, tìm tòi nghĩa lý, chưa có một ai chẳng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ!

Tôi đã từng thưa với các quý vị, khi trước tôi đã từng kể rồi, tôi tin tưởng pháp môn này là do đọc Hoa Nghiêm, giảng Hoa Nghiêm, tôi mới hiểu rõ. Hồi tôi ở Đài Trung, thầy Lý khuyên tôi niệm Phật. Ngài là thầy nên tôi chẳng thể trái ý, nhưng trong tâm hoàn toàn chẳng phục! Tuy miệng không dám nói ra, nhưng trong tâm không phục. Vì sao vậy? Giáo pháp

nhiều như thế, chẳng để cho tôi thâm nhập, nghiên cứu, tìm tòi, bảo tôi niệm Phật, nói chung là không cam lòng, chẳng muốn. Năm Dân Quốc 60 (1971), tôi bắt đầu giảng Hoa Nghiêm, khi ấy giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm và Bát Thập Hoa Nghiêm cùng một lúc, cũng giảng đến chỗ này. Do muốn giảng thì chẳng thể không thâm nhập, nghiên cứu, mới hiểu rõ pháp môn Niệm Phật thù thắng: Trong vô lượng vô biên pháp môn, pháp môn Niệm Phật là bậc nhất.

Niệm Phật tam-muội chúng hạnh tiên cố.

念佛三昧，眾行先故。

(Vi pháp môn Niệm Phật đứng đầu các hạnh)

Hạnh này là hạnh Bồ Tát. Trong vô lượng vô biên Bồ Tát hạnh môn, Niệm Phật tam-muội được tôn là bậc nhất. Do vậy Niệm Phật tam-muội được gọi là vua của các tam-muội, được xưng là Bảo Vương tam-muội là do ý nghĩa này. Đại sư Thanh Lương lại dẫn lời Trí Độ Luận để lập luận, đây là chứng minh hết sức mạnh mẽ, chẳng phải là Ngài đoán mò, chẳng phải là kiến giải của cá nhân Ngài. Trong Đại Trí Độ Luận có một câu “*Bồ Tát lấy Bát Nhã Ba La Mật làm mẹ, lấy Ban Châu tam-muội làm cha*”. Do vậy, vị thiện tri thức để tham học đầu tiên trong kinh Hoa Nghiêm là tỳ-kheo Cát Tường Vân tu Ban Châu tam-muội. Trong phần trước, tôi đã nói cặn kẽ với quý vị về Ban Châu tam-muội rồi. Ban Châu tam-muội lấy niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ làm chủ, niệm một vị Phật là niệm hết thầy Phật, sanh về một cõi Phật là sanh về hết thầy các cõi Phật, thật chẳng thể nghĩ bàn! Đúng là chưa có pháp môn nào có sức thù thắng như thế. Bát Nhã Ba La Mật có trọng yếu hay không? Trọng yếu! Do vậy, trong năm ngoái chúng tôi đã giảng Kim Cang Bát Nhã.

Những đồng tu ở bên Mỹ gọi điện thoại cho tôi, họ đã hoàn thành bản Giảng Ký kinh Kim Cang Bát Nhã trên máy điện toán, sau khi hoàn thành còn đợi tôi xem lại một lượt, lại sửa đổi cặn kẽ, rồi mới cho in thành sách. Tôi nghĩ đại khái phải mất thời gian một năm. Sau một năm, cuốn Kim Cang Kinh Giảng Ký được in ra, phân lượng đại khái là phải gấp rưỡi bản Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký. Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký in bản hoàn chỉnh gồm bốn cuốn, Kim Cang Kinh Giảng Ký gồm sáu cuốn, có phân lượng lớn như vậy. Bản kinh ấy giảng mất bốn tháng, tổng cộng giảng trong hai trăm bốn mươi tám giờ, nhưng chúng tôi giảng Vô Lượng Thọ Kinh chỉ một trăm lẻ bảy giờ, còn để giảng bản này thì mất hai trăm bốn mươi tám giờ, giảng một bộ Kim Cang Kinh. Nghe nói hiện thời ở nơi đây có đài truyền hình đã cho phát sóng, đại khái cần phải phát hình trong một năm.

Đối với pháp Ban Châu tam-muội này, cần phải biết Kim Cang Bát Nhã. Vì sao vậy? Biết Kim Cang Bát Nhã thì quý vị mới có thể thấy thấu suốt, mới buông xuống được; quý vị niệm Phật mới được tương ứng. Nếu quý vị không có trí huệ, trong phần trước [như tôi đã nói] quý vị không chấp Có sẽ liền chấp Không, quý vị niệm Phật sẽ chẳng thể tương ứng được. Trí huệ Bát Nhã dạy chúng ta phải bỏ, đừng chấp vào hai bên Có và Không thì một câu Phật hiệu sẽ đắc lực, được tương ứng. Đây là lý do thứ nhất. Lý do thứ hai:

Y Phật lực năng thành thắng hạnh cố.

依佛力能成勝行故。

(Do nương vào Phật lực sẽ có thể thành tựu hạnh thù thắng)

Ý nghĩa của câu này rất rõ ràng. Tu học các pháp môn khác là cậy vào chính mình, cậy vào chính mình để đoạn Hoặc chứng Chân, khó lắm! Quá sức là khó! Nhưng pháp môn Ban Châu Tam Muội Niệm Phật lập tức được Phật lực gia trì, điều này hết sức chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng những được Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật gia trì, A Di Đà Phật gia trì, còn cùng lúc được mười phương ba đời hết thảy chư Phật gia trì. Chỉ cần quý vị thật tâm niệm, chỉ cần niệm đúng pháp, trong kinh có nói những đạo lý, phương pháp này, đúng như lý, như pháp để niệm thì quý vị lập tức được chư Phật Như Lai gia trì, trở thành sự tu hành thù thắng nhất trong những hạnh môn. Do vậy, dựa vào năng lực của chính mình thì quý vị phải đoạn phiền não, đừng nói chi khác, thị phi, nhân ngã, ngũ dục, lục trần, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, quý vị có thể đoạn được hay chẳng? Chẳng thể chỉ đoạn những thứ này trên mặt Sự! Đoạn trên mặt Sự thì vô ích! Cảnh giới hiện tiền, tuyệt đối chẳng khởi tâm động niệm, như vậy mới gọi là thật sự đoạn. Quý vị vẫn còn có ý niệm sanh khởi thì quý vị chưa đoạn, ở chỗ nào thì quý vị mới được gọi là đoạn? Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm! Nhất định phải dựa vào Phật lực. Do vậy, pháp môn Niệm Phật dựa vào Phật lực, dựa vào sức gia trì của hết thảy chư Phật. Vì thế, quý vị phải nghe kinh. Nếu thường nghe kinh, những pháp sư khác giảng kinh quý vị cũng có thể đến nghe, quý vị đến nơi ấy để thể nghiệm. Giảng kinh Tịnh Độ, kinh Hoa Nghiêm là kinh Tịnh Độ, đặc biệt là Tứ Thập Hoa Nghiêm. Quý vị thấy hiện tại đang giảng pháp môn Niệm Phật, bảo quý vị niệm A Di Đà Phật, cho nên kinh này là Niệm Phật Kinh. Cổ nhân xưng tụng Vô Lượng Thọ Kinh là trung bản Hoa Nghiêm, A Di Đà Phật là tiểu bản Hoa Nghiêm. Như vậy thì Hoa Nghiêm Kinh là đại bản của Vô Lượng Thọ Kinh.

Vì thế, quý vị nghe kinh này, đọc loại kinh này, khí phận khác hẳn, đạo tràng này cảm ứng khác hẳn, do được chư Phật hộ niệm cho nên mọi người trong đạo tràng này có thể sanh tâm hoan hỷ. Sanh tâm hoan hỷ chẳng phải là vì pháp sư giảng hay, thưa với các quý vị, mà là do Phật quang rưới soi, là được Phật lực gia trì. Vì thế, quý vị có cảm nhận đặc biệt là do ý nghĩa này. Quý vị lại nghe giảng những kinh khác, giảng kinh khác tuy vẫn có [sự hoan hỷ], nhưng sức hoan hỷ rất yếu ớt, khác hẳn! Do khí phận trong đạo tràng này khác hẳn nên quý vị cảm nhận khác hẳn. Nếu quý vị chú tâm lãnh hội, cũng thấy rất rõ rệt, rất rõ ràng, có thể nhận biết được. A! Hôm nay đến giờ rồi. Chúng tôi giảng đến đây thôi!

**Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh Hạnh Nguyễn Phẩm
Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương
Phần 3 hết**

---o0o---

Phần 4

Tập thứ bảy (12-13-07)

Xin mở quyển kinh, trang thứ mười ba, dòng thứ nhất, đọc từ câu cuối cùng:

Tam, công cao, dị tỵ, dĩ tướng vật cố.

三功高易就，以獎物故。

(Ba là vì thành công cao, dễ thành tựu, nhằm tưởng thưởng chúng sanh vậy)

Hôm qua chúng tôi giảng đến đoạn này, do đã hết giờ nên chưa giảng xong đoạn này. Ý nghĩa của đoạn kinh văn này hết sức phong phú, hết sức viên mãn. Ở đây, đại sư Thanh Lương thay cho chúng ta nêu ra một nghi vấn, tức là: Pháp môn vô lượng vô biên, vì sao khi Thiện Tài đồng tử tham học, vị thiện tri thức thứ nhất liền dạy Ngài pháp môn Niệm Phật? Ở đây nhất định có dụng ý, tuyệt đối chẳng phải đột nhiên đề ra [pháp môn Niệm Phật]. Do vậy, đại sư nói ra mười điều. Hai điều đầu đã giảng rồi, hôm nay bắt đầu giảng từ điều thứ ba. Điều thứ ba là “*công cao, dị tỵ*”, “*công*” (功) là thành công, thành công đặc biệt cao, so với bất cứ pháp môn nào cũng đều thù thắng hơn. Qua các kinh luận, chúng ta thường thấy đoạn Hoặc chứng

Chân là công phu, có công phu đoạn Kiến Tư phiền não sẽ chứng được quả A La Hán. Thù thắng hơn nữa là chứng đắc quả Bích Chi Phật, bởi ngay cả tập khí của Kiến Tư phiền não cũng đều đã đoạn hết. Nếu có thể đoạn được Trần Sa phiền não, phá một phần vô minh, sẽ chứng được quả vị Bồ Tát, tùy theo công phu đoạn chứng¹⁵ sâu hay cạn mà Bồ Tát có năm mươi một địa vị khác nhau, nhưng đều chẳng bằng được pháp môn Niệm Phật.

Pháp môn niệm Phật “*dị tzu*”, “*dị*” (易) là dễ dàng, “*tzu*” (就) là thành tựu, [“*dị tzu*” là] rất dễ dàng thành tựu. Vì sao thành tựu rất dễ dàng? Chẳng cần đoạn Kiến Tư phiền não, rất dễ dàng! Đoạn Kiến Tư phiền não quá ư là khó! Đừng nói là đoạn sạch Kiến Tư phiền não, những lời Phật nói trong kinh đều là dùng phương pháp quy nạp, như Kiến phiền não là những sai lầm về mặt kiến giải, Phật nói có tám mươi tám phẩm. Nói theo cách bây giờ, Phẩm là chủng loại. Sai lầm về mặt kiến giải có thể chia thành tám mươi tám thứ, tám mươi tám thứ này đều là quy nạp, trong mỗi một loại chẳng biết có bao nhiêu. Còn Tư Hoặc là suy nghĩ sai lầm, tư tưởng của quý vị có sai lầm, tổng cộng gồm tám mươi một loại lớn. Đây là chín địa trong tam giới, quý vị phải đoạn sạch những thứ này thì mới liễu sanh tử, thoát tam giới, vượt thoát lục đạo luân hồi. Trong nhiều phẩm loại như thế, nói thật ra, một phẩm chúng ta cũng chẳng thể đoạn được. Đây là nói sự thật, quý vị không tin thì cứ tự mình thử xem, quý vị thấy chính mình có bản lãnh đoạn trừ được hay không? Bất luận tu học pháp môn nào, quý vị trì giới cũng vậy, nghiên cứu giáo lý cũng vậy, tham Thiền cũng vậy, trì chú cũng vậy, quý vị xem chính mình có bản lãnh để đoạn trừ được hay chẳng? Khó lắm đấy!

Trong pháp môn Tịnh Độ thì chẳng cần đoạn, chỉ cần quý vị niệm cho tương ứng là được rồi. Tương ứng với pháp nào vậy? Phương pháp đơn giản nhất là tâm và miệng tương ứng, miệng niệm A Di Đà Phật, trong tâm thật sự có A Di Đà Phật, chứ không phải là miệng niệm Di Đà, tâm khởi vọng tưởng thì không được rồi! Đây là nói về sự cảm ứng đơn giản nhất, rõ ràng dễ thấy nhất, công phu như vậy thì chắc chắn quý vị sẽ vãng sanh. Sanh về Tây Phương, kinh Vô Lượng Thọ giảng rất khéo: “*Viên chứng tam Bất Thoái*” (Chúng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái); trong bốn mươi tám nguyện có cho chúng ta biết: “*Giai thị A Duy Việt Trí Bồ Tát*” (Điều là A Duy Việt Trí Bồ Tát). A Duy Việt Trí Bồ Tát là địa vị nào? Từ Thất Địa trong Viên giáo trở lên. Đây đúng là “*công cao, dị tzu*” (thành công cao, dễ thành tựu). Không một pháp môn nào sánh bằng được, đây là sự thật. Vì sao pháp môn này đặc biệt đến thế? Điều này thì mọi người chúng ta đều hiểu, do oai thần bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì. Điều này đã được nói trong phần trước, điều thứ hai là: “*Y Phật lực, năng thành thắng hạnh*” (Nương vào

Phật lực nên có thể thành tựu hạnh thù thắng), nương vào Phật lực chứ không cậy vào chính mình, chính mình không có năng lực ấy, nương theo Phật lực. Chẳng những là một mình A Di Đà Phật đến gia trì, ngày hôm qua tôi đã nói với quý vị rồi: Được mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai đều gia trì, thật phi thường!

A Di Đà Phật dùng phương pháp này để tiếp dẫn hết thầy chúng sanh trong pháp giới; hết thầy chư Phật Như Lai cũng dùng phương pháp này để tiếp dẫn hết thầy chúng sanh, tức là tùy theo thiện căn, phước đức của quý vị như kinh A Di Đà đã dạy: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Thiện căn là gì? Tin tưởng. Quý vị gặp được pháp môn này, nghe tới kinh điển này, quý vị có thể tin tưởng, đây chính là thiện căn của quý vị. Tin được, hiểu được, hiểu biết đầy! Chẳng hiểu vẫn tin thì cũng là thiện căn! Quan trọng nhất là người ấy tin tưởng, chịu phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, có thể thật thà niệm Phật. Đây là phước đức, ai có phước đức nhất? Người phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, người thật thà niệm Phật là người có phước báo hạng nhất trong thế gian. Quý vị phải hiểu người vãng sanh là đi làm Phật, làm một vị chân Phật, chẳng phải là giả Phật. Theo giáo pháp Hoa Nghiêm, họ là bậc Bồ Tát từ Thất Địa trở lên, là đại thánh nhân đây!

Nếu nói tới thọ dụng thì thế giới Tây Phương dùng vàng ròng làm đất, vàng ròng lót đất, lót đường. Trong thế gian hiện thời của chúng ta, thất bảo được mọi người coi trọng vô cùng, còn thất bảo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là vật liệu để xây dựng nhà cửa, là vật liệu kiến trúc, chẳng hiếm hoi, lạ lùng chi hết! Nơi chốn tốt đẹp, thù thắng như thế, lại đến dễ dàng như vậy, vì sao quý vị không chịu đi? Trong thế gian này có gì tốt đẹp để quý vị lưu luyến đâu nhỉ? Lưu luyến thế gian này là ngu si! Thế gian này vô thường, thân thể hết sức yếu ớt; hai ngày hôm nay khí hậu bất thường, bao nhiêu người bị cảm cúm, yếu ớt quá! Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị đạt được thân thể kim cương bất hoại, thể chất chẳng phải là xương thịt, mà thể chất bằng “tử ma chân kim” (vàng ròng sắc tía, giòn mài tươi đẹp), dung mạo vĩnh viễn chẳng suy già, đúng là trường sanh bất lão, vô lượng thọ đấy! Chúng ta nhất định phải hiểu điều này, ai ai cũng đều có thể đến được nơi ấy, vấn đề là quý vị chịu tu hành hay không? Thật sự là “*vạn người tu, vạn người đến*”. Bốn chữ “*công cao, dị tựu*” nếu đọc kỹ Tịnh Độ Tam Kinh sẽ lãnh hội được; nếu chẳng hiểu kinh giáo Tịnh Độ sẽ chẳng dễ gì hiểu được câu này.

“*Dĩ tướng vật cố*”, “*tướng*” (獎) là tướng lệ (tướng thưởng, khích lệ), “*vật*” (物) là gì? Chẳng phải chỉ nói về người, vì nếu chỉ nói về người thì

phạm vi quá nhỏ, [vì “người” chỉ là] nhân pháp giới trong mười pháp giới. Nói tới “vật” thì sao? Chúng sanh trong mười pháp giới đều bao gồm trong ấy, không có một ai chẳng được độ. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói rất nhiều Bồ Tát, mỗi vị đều phát nguyện vãng sanh. Nếu quý vị hỏi vì sao họ phát nguyện vãng sanh ư? Quý vị đọc đoạn kinh văn này thì sẽ hiểu! Tỳ-kheo Cát Tường Vân là người đại diện, là người đề xướng. Đây là điều thứ ba, lý do thứ ba.

Tứ quán thông thâm thiên, năng biến nhiếp cố.

四 觀 通 深 淺 , 能 遍 攝 故。

(Bốn là quán bao gồm cả sâu lẫn cạn, do có thể nhiếp khắp)

Chữ Quán này là cương lĩnh tu học trong Phật pháp Đại Thừa, Phật pháp Đại Thừa đều là tu Quán. Nếu nói theo cách hiện thời, chữ Quán này là quan niệm, trong giới học thuật chúng ta thường nói tới nhân sinh quan, vũ trụ quan. Nếu nhân sinh quan của quý vị sai lầm, vũ trụ quan của quý vị lệch lạc, hãy sửa đổi quan niệm ấy cho đúng, đấy gọi là “*tu Quán*”. Do vậy, vô lượng vô biên pháp môn của Phật pháp Đại Thừa, nói chung đều là tu Quán! Không cần biết quý vị dùng phương pháp nào, đều là sửa đổi kiến giải, tư tưởng, ngôn hạnh cho đúng, quan trọng nhất là quan niệm; sửa đổi quan niệm sai lầm của quý vị cho đúng. Tuy chúng ta sai lầm có sâu hay cạn, nhưng một câu Phật hiệu của pháp môn Niệm Phật có thể xuyên suốt. Ví như nhân pháp giới là quán cạn, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát quán sâu, một câu Phật hiệu này có thể thông khắp, sâu hay cạn đều bao quát trong ấy, tuyệt diệu! Những pháp môn khác thì hễ cạn sẽ không thể dùng cho sâu được, hễ sâu thì chẳng áp dụng cho cạn được, pháp môn này có thể bao gồm trọn khắp chúng sanh trong chín pháp giới. Đây là chỗ thù thắng của pháp môn này. Lý do thứ tư chính là tổng cương lĩnh tu hành trong tất cả các pháp môn đều chẳng bằng pháp môn Niệm Phật. Trong phần trước, chúng tôi đã nói về pháp Niệm Phật rồi, quý vị chỉ quán Phật, quý vị thường tưởng Phật là đã bao gồm vô lượng vô biên công đức của hết thầy chư Phật, trong phần trước tôi đã nói rất cặn kẽ. Lý do thứ năm là:

Tiêu diệt trọng chướng, vi thắng duyên cố.

消 滅 重 障 , 為 勝 緣 故。

(Vi tiêu diệt chướng nặng, làm duyên thù thắng)

Từ vô thủy kiếp đến nay, hết thầy chúng sanh tạo tác tội nghiệp vô lượng vô biên, trong kinh đức Phật đã nói, nói thật ra, những tội nghiệp ấy

không có hình tướng. Đức Phật nói: Giả sử những tội nghiệp đã tạo tác mà có hình tướng, dầu hình tướng nhỏ như vi trần, những tội nghiệp do chúng ta đã tạo trong vô lượng kiếp đến nay tích lũy lại, hư không hiện tại đều chẳng thể dung nạp được! Chúng tôi nói lời này có phải là dọa dẫm hay chẳng? Có thật hay không? Thật đấy! Bởi lẽ, tội nghiệp tạo tác chẳng phải là nói những tội nghiệp quý vị tạo tác nơi lời lẽ, động tác, mà là do khởi tâm động niệm. Ngôn ngữ, động tác có lúc ngưng nghỉ, khi ngủ chẳng tạo nghiệp, nhưng trong khi ngủ, quý vị vẫn nằm mộng, trong mộng vẫn tạo nghiệp. Lúc ngủ cũng không ngừng tạo nghiệp, quý vị nói sao đây? Kinh Địa Tạng nói khởi tâm động niệm “*không gì chẳng phải là tội*”. Do vậy, tội nghiệp chất chứa vô cùng!

Phương pháp nào tiêu trừ được những thứ tội nghiệp ấy? Người chưa học Phật không biết, họ còn chưa giác ngộ, chẳng biết sự nghiêm trọng của vấn đề này! Học Phật rồi, biết vấn đề này nghiêm trọng, cho nên hằng ngày mong tiêu nghiệp chướng. Tiêu bằng cách nào? Bái sám, bái sám có thể tiêu nghiệp chướng, đọc kinh, lạy Phật, trì giới, niệm chú, rất nhiều phương pháp đều nhằm tiêu nghiệp chướng, tiêu được hay không? Tiêu không được! Vì thế, mọi người chớ nên mê tín. Trước hết quý vị phải hiểu nghiệp chướng là gì? Quý vị phải hiểu rõ ràng: Nghiệp chướng là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; nói chung, chẳng ngoài ba loại lớn ấy. Nếu quý vị bái sám mà thật sự vọng tưởng, phân biệt, chấp trước không còn nữa thì sẽ tiêu nghiệp chướng, rất hữu hiệu. Chỉ sợ trong khi quý vị bái sám, càng lạy vọng tưởng càng nhiều, chẳng những nghiệp chướng không tiêu trừ mà càng tu nghiệp chướng càng nhiều, có hiện tượng như thế đấy! Do đây, biết được rằng: Những phương pháp ấy vô hiệu đối với quý vị thì giống như bây giờ quý vị đang bị bệnh nặng, người ta cho quý vị uống thuốc, uống thuốc rồi bệnh chẳng nhẹ bớt, ngược lại nghiêm trọng hơn, tình hình giống như vậy đó.

Chúng sanh trong thời đại hiện tại này, so với người đời trước bệnh nặng hơn rất nhiều, đấy là thực tại. Hai mươi mấy năm trước kia, có một lần tôi gặp pháp sư Hội Tánh tại miền Nam. Hội Tánh là một vị pháp sư tốt, Sư vốn quê ở tỉnh ấy, hết sức hiếm có, tôi rất tôn trọng Ngài. Có lần Ngài nói đùa với tôi: “Bệnh của chúng sanh hiện thời nghiêm trọng hơn trước kia rất nhiều. Cùng một căn bệnh mà dùng toa thuốc trong quá khứ, trị không hết bệnh thì làm cách nào đây? Tăng thêm phân lượng! Trước kia, thuốc dùng một tiền¹⁶ thì được, nay phải dùng tới ba tiền”. Tuy Ngài nói tỷ dụ, chúng tôi nghĩ rất có lý.

Cùng một lý do ấy, nay muốn tiêu nghiệp chướng, chỉ có niệm Phật. Trong khoảng đầu niên hiệu Càn Long vào đời Thanh trước kia, trong bản chú giải Quán Vô Lượng Thọ Kinh, đại sư Từ Vân Quán Đảnh đã có nói: Hết thảy những người nghiệp chướng sâu nặng [đến nỗi] tất cả những kinh

pháp, sám pháp do đức Như Lai đã nói đều không có cách nào tiêu trừ được thì tối hậu vẫn còn một câu A Di Đà Phật có thể tiêu trừ được. Câu này chẳng dễ dàng nói ra, nếu chẳng phải là bậc tái lai sẽ chẳng thể nói được. Vì thế, trong Phật đường này, mọi người mỗi ngày niệm A Di Đà Phật tiêu nghiệp chướng, tiêu diệt trọng chướng. Trong tâm quý vị rất an tịnh, rất thanh tịnh, một câu A Di Đà Phật từ miệng phát ra, lọt vào tai, trong tâm không có tạp niệm, không có vọng tưởng, không phân biệt, không chấp trước, nghiệp chướng của quý vị tiêu trừ! Quý vị có thể thường giữ gìn được [như thế] trong một tháng, hai tháng, ba tháng, thì công đức phi thường. Nếu quý vị tiếp tục giữ gìn được trong khoảng thời gian hai ba năm, quý vị sẽ tương thông với A Di Đà Phật.

Đây là lý do vì sao người ta niệm Phật hai ba năm bèn có thể tự tại vãng sanh, đứng mát, ngồi mát, chẳng phải là thọ mạng đã hết rồi ư? Tôi chẳng đồng ý với cách nói ấy. Rất nhiều người hỏi tôi, tôi nói: “Đâu có chuyện khéo trùng hợp như thế!” Quý vị đọc Vãng Sanh Truyện, người ta niệm ba năm đều vãng sanh. Đâu có chuyện khéo phù hợp như thế! Rốt cuộc đây là chuyện gì vậy? Họ nắm chắc điều kiện vãng sanh, muốn đi liền đi; so sánh hai thế giới thì nơi kia tốt đẹp quá, không cần thế giới này nữa, tôi phải ra đi cho mau. Vẫn còn thọ mạng cho tới sau này, nhưng họ không cần đến, họ muốn đi sớm hơn một chút, cần gì phải lưu luyến chốn này! Cần gì vẫn phải chịu tội nơi đây? Đạo lý như vậy đó! Do vậy người ta niệm hai ba năm bèn ra đi, tuyệt đối chẳng thể nói họ đã hết tuổi thọ. Hết tuổi thọ chỉ là một hai người thì còn được, chứ lẽ đâu nhiều người niệm ba năm đều đi, nói như vậy chẳng lọt tai! Là vì họ chẳng cần đến thọ mạng của chính họ nữa, nói như vậy thì mới hợp lý, họ tiêu trừ nghiệp chướng rồi!

“*Vi thắng duyên*” (Làm duyên thù thắng): “*Thắng duyên*” ở đây chính là nhân duyên vãng sanh thành Phật thù thắng nhất. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là thành Phật. Đây là lý do thứ năm.

Lục, song kiêm nhân pháp, dị gia hộ cố.

六雙兼人法，易加護故。

(Sáu là vì kiêm cả người và pháp, dễ gia hộ vậy)

Ý nghĩa này cũng sâu! “*Dị gia hộ*”: “*Dị*” (易) là dễ dàng, dễ dàng được chư Phật Như Lai gia trì, hộ niệm, vì sao vậy? Là vì người và pháp dung hợp thành một thể. Chúng ta niệm Phật thì chúng ta là Người (Nhân), một câu A Di Đà Phật được niệm bởi chúng ta chính là Pháp. Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật, chúng ta và Phật dung hợp thành một thể. Đây là cảm ứng đặc biệt dễ dàng, chẳng

giống như những pháp môn khác, pháp môn này và A Di Đà Phật trực tiếp dung hợp thành một thể. Cần biết rằng: A Di Đà Phật là hết thủy chư Phật Như Lai. Do vậy, đặc biệt dễ dàng được chư Phật hộ niệm, gia trì, không có pháp môn nào nhanh chóng hơn! Hôm qua tôi đã nêu ra mấy thí dụ để nói rõ với quý vị, ngay như chúng tôi giảng kinh ở bên ngoài, giảng kinh trong đạo tràng này được chư Phật hộ niệm, gia trì, cũng là do đạo tràng Tịnh tông đặc biệt thù thắng, giảng pháp môn Tịnh Độ lại càng thù thắng hơn nữa. Kinh Hoa Nghiêm là kinh điển Tịnh Độ, điều này đã được cổ nhân nói rất rõ ràng, [Kinh Hoa Nghiêm là] đại bản của A Di Đà Kinh, trung bản là Vô Lượng Thọ Kinh, tiểu bản là A Di Đà Kinh, đại bản là Hoa Nghiêm kinh. Năm mươi ba lần tham học từ đầu đến cuối đều hướng dẫn về Cực Lạc. Đây chính là lý do thứ sáu.

Thất, thập địa Bồ Tát giai niệm Phật cố.

七十地菩薩皆念佛故。

(Bảy, vì thập địa Bồ Tát đều niệm Phật)

Ở đây, kinh Hoa Nghiêm đã trao cho chúng ta một chứng minh. Tất cả các Bồ Tát tu hành chứng quả, trong vô lượng pháp môn, bất luận quý vị dùng pháp môn nào để tu tập, tu đến cuối cùng đều về Hoa Tạng thế giới là tu thành công. Điều này cũng cho thấy Kiến Tư phiền não đoạn xong, đoạn hết Trần Sa phiền não, vô minh cũng phá được mấy phẩm, đến lúc ấy, quý vị sẽ đến nơi đâu? Kiến Tư phiền não đoạn rồi sẽ thoát lìa lục đạo, Trần Sa, vô minh phá xong sẽ thoát lìa mười pháp giới. Sau khi thoát lìa mười pháp giới, quý vị sẽ trụ trong Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới chính là Hoa Tạng thế giới, là đạo tràng của Tỳ Lô Giá Na Phật. Tiếp tục tu hành trong đạo tràng ấy, phá vọng tưởng tối hậu, tức vọng tưởng khó đoạn nhất. Phân biệt, chấp trước đoạn sạch rồi, chấp trước là lục đạo, phân biệt là mười pháp giới. Phân biệt, chấp trước không còn nữa thì lục đạo, mười pháp giới không còn nữa; cái còn sót lại là vọng niệm, tức là những vọng niệm vi tế. Đây chính là chỗ sai biệt của bốn mươi một địa vị Bồ Tát trong Hoa Tạng thế giới. Vì sao có tới bốn mươi một đẳng cấp? Vọng niệm vi tế mọi người đoạn được nhiều hay ít khác nhau, đoạn ít thì phẩm vị thấp, đoạn nhiều thì phẩm vị cao.

Trong ấy, chia ra Thập Trụ (tỳ-kheo Cát Tường Vân là Sơ Trụ), Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, ba mươi địa vị. Phá ba mươi phẩm vô minh là Đẳng Địa (chứng nhập Sơ Địa). Thập Địa là từ Sơ Địa đến Đẳng Giác Bồ Tát gồm mười một địa vị; nói Thập Địa là dùng con số mười với ngụ ý viên mãn, chứ trên thực tế có tới mười một địa vị Bồ Tát. Từ Sơ Địa đến Thập Địa kể thêm

Đẳng Giác, mười một địa vị Bồ Tát ấy là đạt đến giai đoạn cuối cùng, họ tu pháp môn nào? Niệm Phật! Vì thế, pháp môn Niệm Phật là pháp tu của Thập Địa Bồ Tát. Trước khi chứng Thập Địa, họ tu những pháp môn khác nhau, mỗi người tu một pháp, đến khi Đẳng Địa, mọi người đều giống nhau, đều niệm Phật, đều niệm A Di Đà Phật, đều cầu sanh Tịnh Độ.

Quý vị hãy nghĩ xem, hiện tại chúng ta bắt đầu bằng niệm Phật, niệm A Di Đà Phật. Quý vị lại suy nghĩ nhé! Những người học Mật, tham Thiền, bọn họ phải đăng địa rồi mới niệm A Di Đà Phật, còn chúng ta nay đã niệm A Di Đà Phật, chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật rồi, bọn họ vẫn chìm nổi, xoay vần trong lục đạo, chẳng biết đến đời nào, kiếp nào mới thoát ra, làm sao sánh bằng được? Nếu chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật này thì quý vị sẽ chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất tin tưởng pháp môn này, chắc chắn không bị dao động, quý vị cũng có thể buông xuống vạn duyên. Vì sao vậy? Không buông xuống được sẽ không thể vãng sanh, thứ gì cũng đều buông xuống hết. Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, ngũ dục, lục trần, danh văn, lợi dưỡng, chẳng tiêm nhiễm mảy may nào! Phải biết rằng: Những thứ ấy nếu dùng ngôn ngữ hiện thời để tỷ dụ thì chúng chẳng phải là virus, là bệnh ung thư độc địa nhất hay sao? Tham, sân, si, mạn! Đây là virus. Ngũ dục, lục trần, danh văn, lợi dưỡng hại chết người. Quý vị mắc phải bệnh ngặt ấy, quý vị vẫn chẳng biết. Dùng phương pháp nào để trị căn bệnh ấy? Niệm Phật, thật thà niệm Phật, thứ gì cũng buông xuống hết, trong tâm không còn chấp trước, không còn mong tưởng nữa!

Nếu có năng lực để tu phước thì trong những món phước báo, phước báo nào là chân thật nhất? Dem pháp môn thù thắng này giới thiệu với đại chúng, phước báo ấy là chân thật. Hiện thời rất thuận tiện, in kinh tặng cho người khác, làm băng thâu âm, làm băng thâu hình, CD; thậm chí hiện thời cho phát sóng trên TV, đầy đều là tu phước báo chân chánh, đem pháp môn thù thắng này giới thiệu cho nó được phổ biến. Kinh thường gọi điều này là “*phước bất đường quyên*” (phước báo chẳng lường uống). Công đức, phước báo ấy có thể mang đi theo được, bất luận quý vị thành Phật hay chưa, chắc chắn quý vị có phước báo. Vì sao không chịu tu phước? Nói thật ra, quý vị không chịu tu phước là vì không hiểu thấu triệt những lời Phật đã giảng, vẫn nửa tin nửa ngờ. Phật dạy không sai, nhưng nay chúng ta vẫn không làm được, vẫn cứ nửa tin nửa ngờ. Ai thật sự tin tưởng sẽ làm được, người ấy hiểu rõ làm như thế nào là chánh xác, làm như thế nào là thỏa đáng.

Bát, Tam Bảo cát tường, kinh sơ thuyết cổ.

八三寶吉祥經初說故。

(Tám, do Tam Bảo là tốt lành, nên được kinh nói tới đầu tiên).

Trong hết thầy pháp thế gian và xuất thế gian, tốt lành nhất là Tam Bảo. Vì thế, ba vị đầu trong năm mươi ba vị thiện tri thức tượng trưng cho Tam Bảo. Cát Tường Vân đại diện cho Phật bảo, dạy chúng ta niệm Phật. Đến phần sau, vị Nhị Trụ Bồ Tát là tỳ-kheo Hải Vân thuyết pháp, tức là Pháp Bảo; vị Tam Trụ Bồ Tát là [tỳ-kheo] Diệu Trụ nương vào Tăng, tượng trưng cho Tăng Bảo. Do vậy vừa mở đầu cho năm mươi ba lần tham học thì ba vị này đại diện Phật, Pháp, Tăng, nhưng trong Phật Bảo lại dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật, dạy chúng ta tu Ban Châu tam-muội, nhất tâm niệm A Di Đà Phật. Tam Bảo tốt lành nhất, vì thế vô lượng vô biên pháp môn, đặt Tam Bảo lên đầu. Chuyện này, nói thật ra, nếu đại sư Thanh Lương không chỉ cho chúng ta, chúng ta thường đọc theo kiểu nuốt trôi quả táo sẽ chẳng nhận thấy. Ngài chỉ điểm cho chúng ta, lắng lòng đọc kỹ thấy chẳng sai, ba vị này quả thật là đại diện cho Phật, Pháp, Tăng. Trong vô lượng vô biên pháp môn, Tam Bảo đặt tại vị trí thứ nhất. Vì thế, bất luận pháp môn nào, Hiền giáo, Mật giáo, Tông môn, Giáo Hạ, hễ quý vị theo vào Phật môn, muốn học Phật thì môn học thứ nhất là Tam Quy Y, tức quy y Phật, Pháp, Tăng. Do vậy, Tam Quy Y không có tông phái, không có Hiền, Mật, có thể nói là tất cả Phật pháp Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiền Tông, Mật Tông đều có cùng chung một khoa mục, một khoa mục bắt buộc phải tu là Tam Bảo.

Cửu, tức tâm tức Phật, dị nhất cảnh cố.

九即心即佛，易一境故。

(Chín là do ngay cái tâm này chính là Phật, do dễ đạt được một cảnh)

Đây là nói về phương tiện tu hành. Tâm là Phật. Cái tâm để niệm là chân tâm, là Phật tâm, đức Phật được niệm là tự tánh Di Đà, cái tâm niệm Phật và đức Phật được niệm không hai. Đây chính là “*nhất cảnh*”. Nhất cảnh ấy chính là Nhất Chân pháp giới, chính là Bất Nhị pháp môn. Bất Nhị pháp môn là Nhất Chân pháp giới, quý vị rất dễ đạt được, rất dễ thành tựu, chẳng giống như những pháp môn khác rất khó! Rất khó khế nhập! Người niệm Phật rất dễ khế nhập. Vậy thì trong hiện thời những vị đồng tu niệm Phật rất nhiều, vì sao vẫn y như cũ chẳng thể khế nhập được? Đây là vì quý vị niệm không đúng pháp. Cũng có thể nói là, chúng tôi nói từ chỗ gần gũi, dễ thấy thì là tâm và miệng của quý vị không tương ứng, cho nên quý vị chẳng thể nhập cảnh giới này. Nếu tâm và miệng tương ứng, khế nhập cảnh giới này, bậc lợi căn thì dăm ba tháng, còn người căn tánh rất chậm lụt thì dăm ba năm sẽ thành công. Quý vị xem Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, đọc Vãng

Sanh Truyện, hoặc nhìn vào những người niệm Phật vãng sanh trong thời gần đây sẽ hiểu rõ chuyện này.

Trong mấy năm gần đây nhất, ta có thấy những người niệm Phật thật sự vãng sanh. Chúng tôi ở tại Nam Dương, cư sĩ Lý Mộc Nguyên kể với tôi, thông thường gần như là [những người ấy] niệm nửa năm. [Trong số những người ấy, có một vị] nửa năm trước chẳng biết “*Phật*” là gì? Khi khuyên ông ta niệm Phật, ông ta thật thà niệm, niệm được nửa năm, ông ta bèn vãng sanh, tướng lành thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Ông Lý Mộc Nguyên đưa cho tôi xem xá-lợi thu được sau khi hỏa thiêu, khi trông thấy, tôi thật sự bị cảm động. Xá-lợi của ông ta là thật, không phải giả; khi rớt xuống mặt đất lót đá Đại Lý, vang ra tiếng giống như bằng kim loại, rất êm tai, đó là điều thật sự là xá-lợi. Do đây biết rằng: Thời gian niệm Phật không lâu, vấn đề là ông ta thật sự buông xuống được, điều này hết sức trọng yếu! Nếu có tư hào ý niệm tham luyến thế gian thì sẽ bị chướng ngại, đây chính là nghiệp chướng, trọng chướng, chúng ta phải biết cách tiêu trừ nó. Tiêu trừ là buông xuống, để buông xuống thì quý vị phải thấy thấu suốt, thấy thấu suốt sẽ buông xuống được, buông xuống không được là vì chưa thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt giúp cho buông xuống, buông xuống giúp cho thấy thấu suốt. Quý vị càng buông xuống được, quý vị càng thấy thông suốt, quý vị càng thấy sâu rộng hơn.

Đến lúc ấy, pháp thế gian lẫn xuất thế gian không có gì khiến quý vị tham ái, không gì khiến quý vị chấp trước, thứ gì quý vị cũng đều buông xuống. Thừa với quý vị, hết thấy đều buông xuống thì quý vị sẽ đạt được hết thấy, quý vị đạt được đại viên mãn, quý vị đạt được đại tự tại. Quý vị không chịu buông xuống, những gì quý vị đạt được chỉ là tí tẹo, một chút tẹo ấy là Tu Đức của quý vị. Thứ gì quý vị cũng buông xuống hết; vì sao nói “hết thấy sẽ đều đạt được”? Cái quý vị đạt được là Tánh Đức, là vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng phước báo trong tự tánh thấy đều hiện tiền, những thứ ấy chẳng phải do tu mà có, mà là sẵn có trong tự tánh của quý vị. Những phước báo sẵn có trong tự tánh ấy là gì vậy? Kinh Hoa Nghiêm gọi nó là thế giới Hoa Tạng. Nếu quý vị đọc kinh văn của kinh Hoa Nghiêm thì từ quyển thứ nhất đến nửa phần đầu quyển mười hai của bộ Bát Thập Hoa Nghiêm đều là nói về y báo, chánh báo trang nghiêm trong thế giới Hoa Tạng, phần kinh văn tổng cộng gồm mười một quyển rưỡi, quý vị hãy đọc đi.

Nói đơn giản, cảnh giới Tây Phương Cực Lạc thế giới được nói trong Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh, Di Đà Kinh là tánh đức, chẳng phải là do tu mà có, nó là tự tánh, do tánh đức hiển hiện. Vì thế, quý vị đạt được đại viên mãn thì quý vị sẽ đạt được đại tự tại. Khi ấy, không gian

hoạt động, lãnh vực sinh sống của quý vị sẽ là tận hư không, trọn pháp giới, chứ không phải là một khu vực bé bỏng. Đây chính là điều thứ chín.

Thập, vi biểu Sơ Trụ duyên Phật phát tâm, nhạo cúng dường cố.

十為表初住緣佛發心，樂供養故。

(Mười, vì nhằm biểu thị Sơ Trụ do duyên theo Phật mà phát tâm, ưa thích cúng dường)

Điều thứ mười này dựa theo sự biểu thị pháp đề nói, nhằm chứng tỏ Sơ Trụ Bồ Tát “*duyên Phật phát tâm*”. Câu nói chỉ có bốn chữ này rất trọng yếu. Phát tâm thù thắng khôn sánh, họ duyên nơi A Di Đà Phật mà phát tâm, đây cũng là như nay chúng ta nói: Vị ấy học Phật rất may mắn, vừa bắt đầu liền tiếp xúc A Di Đà Phật, tiếp xúc Vô Lượng Thọ Kinh, chiếu theo kinh điển ấy để phát nguyện tu hành, thâm nhập một môn, đây gọi là “*duyên Phật phát tâm*”. Ưa thích cúng dường: Chữ Nhạo (樂) này có nghĩa là vui thích, vui vẻ cúng dường. Cúng dường những gì? Cúng dường bằng cách vâng theo lời dạy tu hành, chẳng phải cúng dường chi khác, vâng theo lời dạy tu hành để cúng dường. Trong mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát có nói đến cúng dường, tức Pháp Cúng Dường. Tài Cúng Dường dù có thù thắng vẫn chẳng hơn được Pháp Cúng Dường. Thế nhưng người có trí huệ đã đem Pháp Cúng Dường và Tài Cúng Dường kết hợp thành một. Ba thứ cúng dường Tài, Pháp, Vô Úy đều viên mãn trong cùng một lúc.

Những đồng tu hiện tiền chúng ta đại khái đều là tu như vậy. Quý vị bỏ tiền in kinh, một cuốn kinh phải dùng tiền bạc để in, món tiền ấy là Tài, nhưng in ra cuốn kinh ấy là Pháp, có phải là Tài Cúng Dường lẫn Pháp Cúng Dường đều có hay chẳng? Hết thấy chúng sanh đọc bản kinh ấy, chiếu theo phương pháp ấy để tu hành, tâm khai ý giải, xa lìa hết thấy sợ hãi, nên Vô Úy Cúng Dường cũng nằm trong ấy. Một hành động đạt được cả ba điều, là chân thật nhất. Ngoài trừ bỏ tiền ra, ngoài in kinh ra, hiện thời làm băng thâu hình, làm CD, hiệu quả tương đồng. Nhất là trong thời bây giờ có rất nhiều người không muốn xem sách, trông thấy một đống văn tự nhiều chừng đó họ đâm ra chán ngán, mệt mỏi, họ thích nghe hơn. Hiện thời, so ra con người ưa nghe nhiều hơn người thích đọc. Thích nghe thì đem băng thâu âm cúng dường họ, làm băng thâu âm cũng cần tiền, Tài Bồ Thí đấy. Nhưng nội dung trong ấy là Phật pháp, Pháp Bồ Thí đấy. Do vậy, cũng là ba thứ bồ thí cùng được viên mãn trong một hành động.

Vì thế, qua kinh điển, đức Phật dạy chúng ta, phàm phu chưa kiến tánh rất khổ não, trong tự tánh quả thật trí huệ, đức năng viên mãn, nhưng phước đức ấy chẳng thể hiện tiền. Ví như điều gì? Quý vị có tài sản ức vạn,

tiền tài gởi trong ngân hàng, bỏ trong két bảo hiểm, trên thân không có một đồng, bụng đói đi xin ăn, quý vị nói có đáng thương hay không? Tiền ư? Tiền trong ngân hàng không rút ra được, tình cảnh của lục đạo phàm phu là như vậy, chứ không phải là chẳng có! Theo kinh Hoa Nghiêm, trí huệ đức năng của quý vị và chư Phật Như Lai không khác gì nhau, trong phẩm Xuất Hiện có nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng của Như Lai, do vì vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc*”. Vọng tưởng, chấp trước chính là két bảo hiểm trong ngân hàng, đóng kín không lấy ra được; do vậy vẫn phải xin ăn, vẫn phải đi ăn mày. Vì thế, Phật, Bồ Tát trông thấy kêu là “đáng thương!” Kẻ đáng thương xót! Quý vị thật sự không có tiền thì chẳng kể là đáng thương, có tiền mà phải xin ăn thì mới đáng thương, thật sự là kẻ đáng thương!

Phật dạy chúng ta hãy trừ khử chướng ngại ấy khiến cho công đức phát sanh tiền tài trong tự tánh của chúng ta đều được hiển hiện. Phật dạy chúng ta phương cách ấy, nhưng trước khi chúng ta trừ được chướng ngại, đức Phật nói phàm phu có phước báo, phước báo ấy là Tu Đức. Nói cách khác, đây không phải là tiền của chính mình, quý vị tạm thời đi làm công kiếm được mấy đồng tiền. Quý vị siêng năng làm việc sẽ kiếm nhiều tiền hơn một chút, nếu lười nhác thì kiếm tiền ít đi một tẹo. Do vậy, phước báo trong lục đạo lớn hay nhỏ đều như làm lụng tạm thời, chẳng phải là tự tánh, cho nên những tiền của ấy sẽ ra sao? Món tiền ấy mất đi, quý vị kiếm được thì cũng rất dễ dàng mất đi. Nhưng nếu là tiền tài, của báu trong tự tánh thấu lộ ra sẽ giống như nước suối chảy ra ngoài cuộn cuộn không ngừng, vĩnh viễn không chấm dứt, chẳng bị mất đi. Như thế thì nếu quý vị nhập được Nhất Chân pháp giới hay Tây Phương Cực Lạc thế giới hoặc là thế giới Hoa Tạng thì hễ quý vị đã tiến nhập, quý vị liền đạt được những của cải trong tự tánh, vĩnh viễn chẳng bị mất đi, cứ cuộn cuộn không ngừng trào ra. Tu các pháp môn khác thì khó khăn, chứ tu pháp môn Niệm Phật dễ dàng, rất dễ đạt được. Do vậy, “*duyên Phật phát tâm*” thù thắng khôn sánh. Tỳ-kheo Cát Tường Vân tượng trưng cho sự “*duyên Phật phát tâm*”; ở đây, Ngài tu Pháp Cúng Dường.

Đức Phật dạy chúng ta, tức nói với bọn phàm phu chúng ta là những gã phàm phu đáng thương đang tạm thời làm lụng. Đức Phật dạy chúng ta: Tài sản của quý vị chẳng phải là quý vị tự có, không phải là nói quý vị rất thông minh, rất tài năng, kiếm tiền rất giỏi, không có chuyện ấy đâu nhé! Quý vị hãy nghĩ tới những người xung quanh, người thông minh hơn quý vị nhiều lắm, giỏi giang hơn quý vị cũng đông lắm, vì sao họ chẳng thể kiếm tiền còn quý vị thì kiếm tiền được? Mấy hôm trước, ở Tân Gia Ba, tôi gặp Phó cư sĩ, rất thú vị. Tuy tôi quen biết ông ta hai ba năm, ông ta cũng đã từng quy y bên đó, nhưng chúng tôi rất ít chuyện trò. Lần này có dịp ăn cơm

tại đây mấy lượt, nói mấy câu, chúng tôi mới biết ông ta là một nhân vật rất đặc sắc. Ông ta chưa hề đi học, nói cách khác, trình độ giáo dục rất thấp, ông ta cũng không hiểu tiếng Anh. Trong xã hội Tân Gia Ba, Anh văn hết sức trọng yếu! Ông ta không biết Anh ngữ. Ông ta buôn bán, kể với tôi, khởi nghiệp bằng hai ngàn đồng, hiện thời mỗi năm ông ta kiếm tới một ngàn vạn. Ông ta làm sao? Dựa vào đâu để làm? Dựa vào sự thành thật, trung hậu, chất phác, chẳng dối mình, chẳng lừa người, ông ta dựa vào những điều ấy.

Tiếp xúc với những đại thương nhân ngoại quốc, họ hết sức coi trọng ông ta, giao quyền cho ông ta làm đại lý, giao cho ông ta, ông ta không làm. Ông ta muốn mời người khác làm thay cho ông ta. Ông ta nói người khác hề thuê người là thuê làm kinh lý, làm thợ, còn ông ta mời người làm chủ, mời như thế nào? Chuyện gì cũng giao hết cho người ấy làm. Anh làm thành công thì ông ta kiếm được một ít lợi nhuận; anh làm thất bại thì ông ta hoàn toàn thất bại. Ông ta cái gì cũng không có, đây là một người rất kỳ lạ. Nhưng ông ta toàn gặp những người tốt, đều là người rất có lương tâm, đều là người rất thành thật, chuyện này hiếm có lắm, duyên tốt đấy! Tôi bảo ông ta rằng:

- Tiền ông kiếm được chẳng phải nhờ vào đó đâu nhé!

Ông ta hỏi: - Sao vậy?

- Đời trước ông tu Tài Bồ Thí, Tài ấy là nhân, những cách ông làm hiện thời là duyên, có nhân, có duyên cho nên ông mới kiếm tiền thật dễ dàng, ông kiếm tiền rất tự tại!

Ông ta kể mỗi ngày ông ta không có chuyện gì, chỉ bồi tiếp những vị thương chủ, trong kinh Phật gọi họ là “thương chủ”, tức là những vị đại xí nghiệp gia ngoại quốc, tiếp đãi họ dùng cơm, tháp tùng họ đi mua sắm, đi văn cảnh. Ông ta bảo đây là công việc của ông ta, ông ta nói: “Con mỗi ngày làm chuyện ấy, không có chuyện gì khác. Cả ngày không có việc gì. Lên xe liền mở băng nghe niệm Phật, nghe thầy giảng kinh, nghe kinh, niệm Phật. Ngoại trừ nghe kinh, niệm Phật là bồi tiếp những vị thương chủ”. Tất cả chuyện kinh doanh chẳng nghe, chẳng hỏi tới, giao cho người khác toàn quyền xử lý cho ông ta, trọn chẳng hỏi tới, do người ấy làm; lại còn bảo kẻ ấy: “Nếu ông thành thật, nếu ông làm ăn thật thà, tương lai của ông sẽ vô lượng. Những ông chủ đại công ty nhìn trúng tôi, tôi nhìn trúng ông, trong tương lai khi họ nhìn trúng ông, trực tiếp giao cho ông làm, coi như tâm phúc”. Ông ta chẳng sợ người khác đoạt quyền đại lý của mình, ông ta không có ý niệm ấy: “Anh nắm giữ là tốt nhất, tôi không chuyện ấy, tôi có ăn, có mặc là đủ rồi”. Đây chính là do đời trước tu Tài Bồ Thí, rất vui thích Tài Bồ Thí, đời này được dễ dàng như vậy, rất hiếm có!

Vì thế, Phật dạy chúng ta của cải là quả báo, Tài Bồ Thí là nhân duyên, thông minh, trí huệ là quả báo, Pháp Bồ Thí là nhân. Hiện thời chúng ta thường bỏ thí Phật pháp, in kinh bồ thí, làm băng thâu âm, thâu hình để bỏ

thí, sẽ được quả báo gì? Thông minh, trí huệ. Vô Úy Thí sẽ được mạnh khỏe, sống lâu. Người thế gian đều muốn có của cải, đều mong được trí huệ, đều mong mạnh khỏe, sống lâu, những thứ quý vị mong muốn là quả báo, mong muốn quả báo nhưng chẳng tu nhân thì làm sao mà đạt được? Quý vị muốn ăn đào, trước hết phải trồng cây đào thì quý vị mới có thân hoạch. Chúng ta thấy những người phát tài là do cái nhân trong đời trước. Ông ta kể với tôi là ông ta kinh doanh kiếm tiền tại Đại Lục, những bạn bè giống như ông ta cũng kinh doanh giống như thế, ai nấy đều thất bại, đều lỗ vốn, chỉ có mình ông ta là kiếm lời, tuy kinh doanh cùng một nghề. Do nguyên nhân nào vậy? Nhân khác nhau, duyên khác nhau, cho nên quả báo khác biệt! Hiện thời, ông ta đổ rất ít vốn vào Đại Lục, nhưng kiếm được lời. Ông ta giữ theo lẽ công, nộp thuế một trăm phần trăm, quyết chẳng trốn thuế. Ông ta nói: “Con cúng dường quốc gia, con cúng dường cho địa phương ấy, bố thí cúng dường”. Nộp thuế một trăm phần trăm vẫn có lời, chẳng phải là nói “nộp thuế sẽ không có lời”, vẫn có lời!

Vì thế, nếu quý vị muốn giải thích hiện tượng này thì chỉ có Phật pháp mới giải thích viên mãn nhất. Chiếu theo Phật pháp để tu học thì không gì chẳng có lợi, thật sự đạt được đại tự tại, thật sự là tốt lành nhất. Do vậy, “xả đắc” (có bỏ mới có được), đây là danh từ trong Phật học. Xả là nhân, sau đây quý vị mới có Đắc. Đắc rồi lại phải xả. Đắc rồi thì chẳng thể không nói tới Xả. Đắc rồi phải Xả, Xả cho đến hết, cái quý vị đạt được là phước báo, thật sự là chẳng có cùng tận. Trong quá khứ, đại sư Ấn Quang qua Văn Sao đã thường khen ngợi ba người sống vào thời cổ ở Trung Quốc có thể làm khuôn mẫu cho chúng ta. Người thứ nhất là Khổng lão phu tử. Khổng lão phu tử bố thí. Khổng lão phu tử không có tiền, bố thí thứ gì? Bố thí pháp, Ngài tu pháp bố thí, dạy học. Vì thế, quý vị thấy quả báo là con cháu của Ngài mãi cho đến ngày nay, ở Đài Loan là ông Khổng Đức Thành, tại Đại Lục là họ Khổng, đều được xã hội đại chúng tôn kính. Khổng Đức Thành đến Mỹ, những viên chức thuộc chánh quyền California đặc biệt tiếp đãi ông ta nồng hậu. Nghe nói ông ta là hậu duệ của Khổng lão phu tử bèn đặc biệt chiêu đãi, chẳng riêng người Trung Quốc mà ngay cả người ngoại quốc cũng đều tôn trọng. Tu pháp bố thí đấy!

Vị thứ hai là Tề Tướng Phạm Trọng Yêm đời Tống. Phạm tiên sinh tu Tài Bố Thí. Tài lẫn pháp đều có. Thuở nhỏ chúng tôi học Quốc Văn, đọc bài Nghĩa Điền Ký là do Phạm tiên sinh soạn. Quý vị hãy nhìn vào hạnh nghi cả đời Phạm tiên sinh. Ông xuất thân rất nghèo, là Tú Tài nghèo xuất thân, trong nhà không có cơm ăn, đọc sách phải đến chùa miếu đọc. Quê ông ta ở Tô Châu, lần sau quý vị đến Tô Châu vẫn cảnh có thể đến thăm nhà ông ta, mộ ông ta cũng ở đó. Tổ Ấn Quang nói [dòng dõi Phạm Trọng Yêm] một ngàn năm gia đạo chẳng suy. Thông thường một dòng họ truyền được ba đời

đã chẳng dễ dàng rồi. Dòng họ ông truyền suốt một ngàn năm chẳng suy, mãi cho tới nay vẫn hưng vượng. Vì nguyên nhân nào? Cụ chịu bố thí, con cháu bắt chước theo. Phạm tiên sinh đáng được người khác tôn kính, ông hết sức nghèo khổ, đến đọc sách tại chùa miếu, tự mình mỗi ngày nấu một nồi cháo loãng, chia làm bốn phần, mỗi bữa ăn một phần, sống gian khổ như thế để học hành.

Trong truyện ký của ông ta có chép một câu chuyện. Ông ta từng có lần gặp một thầy bói, ông ta cũng đi coi bói. Ông ta đi coi bói bèn hỏi thầy bói: “Thầy coi xem tôi có làm Tể Tướng được hay không?” Thầy bói nghe câu nói ấy bèn cười mỉa: “Người chưa khỏi cuồng vọng quá mức rồi! Vì sao mong làm Tể Tướng?” Ông ta lập tức đổi giọng: “Vậy thì tôi làm thầy lang có được hay không?” Thầy bói đáp: “Lạ thật! Sao từ Tể Tướng lại lọt xuống làm thầy lang vậy?” Thầy bói hỏi: “Ý người là sao?” Ông ta đáp: “*Người trong thế gian chỉ có Tể Tướng và thầy thuốc có thể cứu người*”. Ông thầy bói nói: “Người sẽ là một vị Tể Tướng thật sự, không có lòng riêng tư, chỉ nhằm cứu đời, cứu người”. Rất bội phục ông ta. Sau này, quả nhiên ông ta làm Tể Tướng.

Khi học hành trong chùa miếu, sống khổ sở như thế, ông ta phát hiện ra một số vàng được giấu diếm. Trong chùa miếu ông ta ngẫu nhiên tìm ra, chẳng biết ai đã chôn giấu vàng, đựng trong cái vò, số lượng rất nhiều. Sau khi ông ta phát hiện bèn chôn vùi xuống đất, cũng chẳng nói với ai khác, chẳng động tâm! Đối với tài vật chẳng động tâm. Mãi cho đến khi ông ta làm Tể Tướng, ngôi miếu ấy đã lâu ngày không được tu sửa, trước kia Phạm tiên sinh từng học hành ở nơi ấy, rất có duyên phận với nó, nghĩ tới chuyện sửa miếu và hóa duyên. Cụ rất khảng khái, cầm bút viết “vàng rông mấy vạn lạng”. Người trong miếu vui mừng khôn xiết. Tiền ở đâu? Ông ta lại không giao tiền, mà nói với họ: “Trong miếu các ông dưới gốc cây nọ có vàng rông, các ông hãy đào lên!” Đào lên quả đúng như vậy, đem vàng sửa miếu. Trong lúc cùng quần nhất, trông thấy tiền của nhiều như thế mà chẳng động tâm! Thật phi thường! Sau khi làm quan, thâm nhập nhiều rồi, bổng lộc nhiều rồi, vẫn sống như một chàng Tú Tài nghèo khổ như xưa, cuộc sống trong nhà vẫn đơn giản như thế, vẫn thanh bần như thế, đem tiền tài ấy nuôi nấng những người khổ sở, gian nan trong dòng họ. Ông ta nuôi ăn hơn ba trăm gia đình, thâm nhập của một người đem nuôi hơn ba trăm gia đình, sống cuộc đời bình đẳng, hiếm có thay!

Con cháu đều noi gương, đấy là gia phong của ông ta. Con cháu đều phi thường, trong số năm người con của ông ta có hai người làm Tể Tướng, trong ấy có một người làm tới chức Ngự Sử Đại Phu. Nếu nói theo thể chế của chúng ta hiện thời thì hai vị làm hành chánh viện trưởng (thủ tướng), một vị làm giám sát viện trưởng (chánh án tối cao pháp viện). Khi ông ta

chết, thời cổ có quan, có quách, có quan tài, nhưng không có quách, mua không được! Quách là phía ngoài quan tài lại có một cái quan tài nữa, không có tiền mua! Quý vị nghĩ thử xem, con cháu làm quan lớn như thế mà tiền đi đâu cả rồi? Bồ thí, cứu tế người nghèo khổ, mở bệnh viện, dựng trường học, vun quén cho người đi học, thay quốc gia bồi dưỡng nhân tài. Cả nhà ông ta làm những chuyện ấy. Đời đời đều làm như thế, đời đời nẩy sanh nhân tài, suốt một ngàn năm gia đạo không suy, do nguyên nhân nào? Xả mình vì người, không nghĩ đến bản thân, luôn nghĩ tới xã hội, luôn nghĩ tới đại chúng khổ sở, hoạn nạn, làm thế nào để giúp đỡ người khác. “*Nhạo cúng dường cố*” (Vì vui thích cúng dường). Do vậy, đại sư Ấn Quang bội phục, trong số các vị cổ thánh tiên hiền của Trung Quốc, ngoại trừ Không lão phu tử, ông ta là vị thứ hai.

Vị thứ ba được đại sư Ấn Quang nhắc tới là một vị trạng nguyên họ Diệp sống vào đời Thanh, cũng là người siêng năng, tiết kiệm, bồ thí, đời đời trung hậu, mãi cho đến hết những năm cuối đời Thanh, trong ba trăm năm gia đạo không suy, đây là điều tổ Ấn Quang bội phục nhất. Trong lịch sử Trung Quốc, dòng họ lưu truyền lâu dài, Tổ thấy có ba người đã cho chúng ta thấy được điều gì? Tích đức, tài bồ thí, pháp bồ thí, vô úy bồ thí. Do vậy, hễ ai xả được thì sau này sẽ đạt được, được con cháu hiền huệ, trong gia đình đời đời xuất hiện nhân tài, mưu cầu hạnh phúc cho quốc gia, cho xã hội. Ở đây, chữ cuối cùng trong lời chú giải là “*nhạo cúng dường cố*”. Đây đều là nói theo pháp thế gian, chúng ta học Phật càng phải nên thực hiện. Giảng đến chỗ này là đã giới thiệu xong danh xưng của pháp môn được tu hành bởi tỷ-kheo Cát Tường Vân. Lại đọc tiếp kinh văn.

Như chư Bồ Tát Ma Ha Tát vô lượng trí huệ cụ túc viên mãn thanh tịnh hạnh môn, khởi năng liễu tri sở hữu biên tế.

如諸菩薩摩訶薩無量智慧具足圓滿清淨行門，豈能了知所有邊際。

(Như các hạnh môn thanh tịnh vô lượng trí huệ đầy đủ viên mãn của các Bồ Tát Ma Ha Tát, làm sao có thể biết rõ tất cả ngần mé)

Phần kinh văn tiếp theo rất dài. Đoạn kinh văn này được chia thành ba tiểu đoạn, chúng ta xem chú giải.

Như chư Bồ Tát hạ.

如諸菩薩下。

(Từ “*như các Bồ Tát*” trở đi)

Tức là hai câu chúng tôi vừa mới nhắc tới, từ đây trở đi.

Thôi thắng tri đa.

推勝知多。

(Đề cao người khác cao siêu hơn ta, biết nhiều hơn ta)

“*Thôi*” (推) là đề cao, “*thắng*” (勝) là thù thắng. Đề cao người khác thù thắng hơn ta. Ta chẳng được như họ, trong vô lượng pháp môn ta chỉ biết một pháp, bọn họ biết rất nhiều. Vì thế, trong năm mươi ba lần tham học của kinh Hoa Nghiêm, vị thiện tri thức nào cũng đều tự mình khiêm hạ, tôn trọng người khác, khen ngợi người khác. Đây là điều chúng ta cần phải học theo. Kinh văn chia thành ba đoạn. Đoạn thứ nhất là...

Tổng tiêu

總標。

(Nêu chung)

Đoạn kinh văn chúng ta vừa mới đọc là nói chung, đoạn thứ hai...

Biệt hiển

別顯。

(Nói riêng biệt)

Đoạn thứ ba là...

Tổng kết.

總結。

Kinh văn chia làm ba đoạn.

Kim sơ

今初。

(Nay luận về điều thứ nhất)

Lời giải thích tiếp theo đây thuộc đoạn thứ nhất, chính là đoạn kinh văn chúng ta vừa mới đọc.

Phàm chư thôi thắng, tổng hữu nhị ý.

凡諸推勝，總有二意。

(Phàm các phần đề cao người khác cao siêu hơn ta, nói chung có hai ý)

Do đây là lần tham học thứ nhất trong năm mươi ba lần tham học, cuối [mỗi lần tham học] đều có một đoạn kinh văn giống như trong lần tham học thứ nhất này nên ở đây luận chung về ý nghĩa. Trong lời đề cao người khác cao siêu hơn mình, có hai ý nghĩa.

Nhất giả thông chỉ chư Bồ Tát hạnh, vị Bồ Tát thắng hạnh vô lượng vô biên, ngã duy tri nhất, tức tiêu trung vân nhị chư Bồ Tát vô lượng trí huệ cụ túc viên mãn đẳng.

一者通指諸菩薩行。謂菩薩勝行無量無邊，我唯知一。即標中云而諸菩薩無量智慧具足圓滿等。

(Một là chỉ chung cho các Bồ Tát hạnh, nói: “*Hạnh thù thắng của Bồ Tát vô lượng vô biên, tôi chỉ biết một pháp*”, tức là như trong lời trình bày tổng quát đã nói: “*Các Bồ Tát vô lượng trí huệ đầy đủ viên mãn*” v.v...)

Đây là kinh văn, nêu ra những ý nghĩa trong kinh văn ấy. Phật pháp Đại Thừa thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn. Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện có câu: “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Thế Tôn, chư Phật Như Lai tuyên giảng cho hết thấy chúng sanh vô lượng vô biên pháp môn, chúng ta biết pháp môn nhiều như thế, nhưng có thể học được nhiều như thế hay chẳng? Vì thế, pháp được Ngài tu học, Ngài chứng đắc là một pháp môn trong vô lượng pháp môn. Một pháp môn được Ngài tu học là pháp môn Niệm Phật, tuy không mang danh xưng là pháp môn Niệm Phật, nhưng trên thực tế là pháp môn Niệm Phật. Chúng tôi hy vọng các vị đồng tu hãy đặc biệt chú ý tới điểm này, Ngài gọi pháp môn này là Ưc Niệm Nhất Thiết Chư Phật Bình Đẳng Cảnh Giới Vô Ngại Trí Huệ Phổ Kiến Pháp Môn. Dài như thế, rườm rà như thế đó, chứ nếu đơn giản thì chỉ là bốn chữ “*Niệm Phật pháp môn*”, chính là pháp môn Niệm Phật. Trong ấy có Năng Niệm (tâm niệm Phật) và Sở Niệm (đối tượng được niệm, tức đức Phật được niệm). Cảnh giới của hết thấy chư Phật là Sở Niệm, vô ngại trí huệ là Năng Niệm. Do vậy, nói đơn giản chính là pháp môn Niệm Phật.

Trong vô lượng pháp môn, Ngài chỉ tu một pháp môn này, Ngài đắc pháp môn này; do vậy, nếu so sánh với các Bồ Tát khác thì làm sao sánh

bằng được? Chúng ta phải học theo thái độ tu học ấy, ý nghĩa bao hàm trong ấy rất sâu. Nói thật ra, đều nhằm đối trị căn bệnh của chúng ta. Phàm phu không một ai chẳng ngạo nghễ, ngã mạn, không ai chẳng tự phụ ta là đúng, nói chung là nghĩ “ta phi thường lắm”, coi rẻ người khác. Đây là căn bệnh lớn. Quý vị tu hành, quý vị chẳng thể giác ngộ, nguyên nhân khiến quý vị chẳng chứng quả là ở chỗ này; do vậy, nhất định phải học khiêm hư, phải học nhún mình, người khác đều ở trên đầu ta, đều cao hơn ta.

Nhất là trong thời đại dân chủ tự do mở rộng hiện nay; trong quá khứ, tôi ở Tân Gia Ba thường chuyện trò với pháp sư Diễn Bồi. Ngài nói hiện tại không có sư đồ (quan hệ thầy trò đúng nghĩa), trong xã hội không có cha con. Hiện thời, trong một gia đình, ai lớn nhất? Con cái lớn nhất! Cha mẹ là đây đó của con cái, giống như kẻ hầu của chúng, chăm sóc nó, còn chúng là chủ cả nhà. Hiện tượng này trong xã hội quả thật là như thế. Trong Phật môn cũng giống như vậy, đâu còn có sư phụ, đồ đệ! Đồ đệ lớn nhất, sư phụ phải chăm sóc đồ đệ, phải hầu hạ đồ đệ, phải nghe lời nó. Lời pháp sư Diễn Bồi tuy rất đáng cảm khái, nhưng vẫn là sự thật. Chúng ta phải hiểu hiện nay là thời đại nào, quý vị phải thuận theo thời đại, quý vị hoằng pháp lợi sanh sẽ rất thuận lợi. Trái nghịch thời đại này thì sẽ bị chướng ngại nghiêm trọng, rất khó khăn. Vì thế, phải nhận biết thời tiết nhân duyên là thời đại nào, quyết định chẳng thể đo lường bằng tiêu chuẩn quá khứ, dùng quan niệm đạo đức của quá khứ để nhìn, để đánh giá người hiện thời. Như vậy là lầm lẫn quá đỗi, quý vị chẳng biết thời vụ. Người Trung Quốc thường nói: “*Kẻ biết thời vụ là tuấn kiệt*”. Quý vị phải hiểu rõ chân tướng sự thật, quý vị phải thuận theo trào lưu thời đại. Ở nơi đây, quý vị dùng lòng chân thành, phương tiện thiện xảo để khuyến nủ, hướng dẫn họ, khiến cho họ cải tà quy chánh thì quý vị mới đạt được mục đích. Tuyệt đối chẳng thể dùng tiêu chuẩn quá khứ để làm, chắc chắn bọn họ nhất định sẽ không thể tiếp nhận, lại còn phản kháng, quý vị sẽ không đạt được mục đích giáo hóa chúng sanh. Do vậy, ý nghĩa được bao hàm ở đây là khiêm hạ, tức khiêm hư và nhún mình, nhất định tôn trọng người khác, đề cao người khác, bọn họ đều cao trội hơn chính ta. Đây là ý nghĩa thứ nhất.

Nhị giả, tữ nhất hạnh trung duy tri thiểu phần, như nhất Niệm Phật tức hữu đa môn. Ngã dẫn tri nhất, dư bất năng tri.

二者就一行中唯知少分。如一念佛即有多門。我但知一，餘不能知。

(Hai là trong một hạnh chỉ biết được chút phần, như trong một pháp Niệm Phật có nhiều môn. Tôi chỉ biết được một, những pháp khác chẳng thể biết)

Ngài càng tỏ vẻ khiêm hư thì qua sự càng khiêm hư ấy đã dạy chúng ta một chân lý. Chân lý ấy gì vậy? Thâm nhập một môn. Quý vị thấy năm mươi ba người ấy, mỗi một vị đều là thâm nhập một môn, thâm nhập một môn thì mới có thể chứng quả. Nếu chúng ta học quá nhiều môn, quá tạp, vô ích! Quý vị phải hiểu điều này; do vậy, ở đây chúng ta phải thấu hiểu điều Ngài muốn giảng cho chúng ta: Thâm nhập một môn.

Niệm Phật ư? Pháp môn Niệm Phật rất nhiều. Phương pháp Niệm Phật rất nhiều, Ngài chỉ biết có một, một pháp ấy là gì? Ban Châu tam-muội. Ban Châu tam-muội là chuyên niệm A Di Đà Phật, nhưng niệm Phật lấy nhiều Phật làm chánh, tận hết khả năng không được ngồi xuống; khi nào quá mệt thì ngồi xuống, nghỉ ngơi một lát, thời gian nghỉ đủ rồi, lại đứng lên nhiều Phật vì lấy nhiều Phật làm chánh. Nói thật ra, phương pháp này đối với người từ tuổi trung niên trở lên rất tốt, nhiều Phật là vận động, giống như tản bộ, trong Phật pháp chúng ta gọi là “*kinh hành*”. Đối với người già mà nói thì tản bộ là vận động tốt nhất, quý vị thấy: Trong khi thân thể quý vị vận động, tâm chuyên chú nơi Phật hiệu, không có vọng niệm, tâm tu cái tâm thanh tịnh; nhiều Phật là tu thân, thân thể vận động, thân và tâm mạnh khỏe, người thế gian thường gọi đó là đạo dưỡng thân! Thù thắng bậc nhất! Không có gì thù thắng hơn, đạo dưỡng thân tốt nhất. Ở đây Ngài làm mẫu cho chúng ta.

Tiếp đó, đại sư Thanh Lương nói:

Như hạ biệt trung nhị thập nhất môn giai ước niệm Phật.

如下別中二十一門皆約念佛。

(Như trong hai mươi một môn riêng biệt [được kể ra] trong phần sau đều thuộc về Niệm Phật)

Trong đoạn kinh văn dưới đây, tuy kể ra hai mươi một pháp môn Niệm Phật, tỳ-kheo Cát Tường Vân chỉ chọn lấy một loại. Chúng ta đọc tới đoạn kinh văn này mà vẫn chưa giác ngộ ư? Chúng ta hãy suy nghĩ, phương pháp này của Ngài tốt đẹp, rất thích hợp với ta. Do vậy, quý vị thấy tôi niệm Phật chung với quý vị, quý vị thấy tôi luôn đi kinh hành, tôi không ngồi xuống. Trừ khi có chuyện gì cần phải lo liệu ra thì tôi đi làm chuyện khác; nếu không có chuyện gì, khi niệm Phật, tôi nhiều Phật, tôi ở một mình trong phòng cũng nhiều Phật. Với phương tiện hiện tại, nay chúng ta dùng máy Niệm Phật, thuận theo thanh điệu của máy, tùy theo tốc độ của máy, phương pháp Niệm Phật của chúng ta có thể nói là cả thế giới đều thống nhất, đều dùng cách này. Nhưng hiện thời chúng ta dùng máy niệm Phật, những chữ

trong câu niệm Phật hiệu ấy lơ mờ, không rõ ràng. Phòng thâu âm thâu của chúng ta đã xây xong, nghe nói đã xây xong rồi, máy móc nói chung là hiện thời đã trang bị đầy đủ rồi. Hy vọng các vị đồng tu chúng ta có thể mười người, hay tám người, chẳng cần quá đông, đông quá lại không hay, ít người vẫn hơn. Mười người hay tám người niệm Phật hiệu cho ăn khớp, đến phòng thâu âm thâu vào một cuốn băng, chúng ta làm lại máy niệm Phật sao cho từng chữ phân minh, rõ ràng, rành rẽ. Khi niệm thì trong ấy gõ thêm một tiếng dẫn khánh, như thế sẽ hết sức viên mãn. Chúng ta làm máy niệm Phật mới để lưu thông toàn thế giới. Công đức Pháp Bồ Thí ấy vô lượng! Khuyên người niệm Phật mà! Sửa chữa những khuyết điểm hiện thời của máy niệm Phật chúng ta. Do vậy, ý nghĩa ở đây quả thật là rất sâu xa, dạy chúng ta hãy thâm nhập một môn.

Hạ chư thôi thắng, lệ thử khả tri.

下諸推勝，例此可知。

(Những phần đề cao người khác trong các chương sau có thể dựa theo đây để biết).

Tức là trong năm mươi hai lần tham học trong phần sau, ý nghĩa của mỗi đoạn kinh văn đều giống như vậy, chỉ cần thấy các đoạn “*khiêm kỷ thôi thắng*” (tự khiêm, đề cao người khác) đều mang cùng một ý nghĩa này thì chúng ta sẽ hiểu rõ.

Nhi ngôn môn giả, tùy kỳ nhất nhất, nhập Phật cảnh cố.

而言門者，隨其一一，入佛境故。

(Nhưng nói tới môn thì tùy theo mỗi môn mà nhập cảnh Phật)

“Môn” là tỷ dụ cho con đường thông nhau, có thể nối với nhau. Vô lượng vô biên pháp môn đều có thể thành Phật, do vậy gọi là pháp môn. Pháp môn vô lượng vô biên. Tuy mỗi một môn nào cũng đều có thể thành Phật, trên lý luận không có sai biệt, nhưng trên sự thật, căn tánh chúng sanh có sai biệt. Kinh thường nói căn tánh của chúng sanh có thượng căn lợi trí, có trung căn, có hạ căn. Có những pháp môn bậc thượng căn dễ dàng nhập môn, nhưng bậc trung hạ không có cách nào chứng nhập. Chẳng giống như pháp môn Niệm Phật, pháp môn Niệm Phật nói: “*Tam căn phổ bị, lợi độn toàn thâu*” (Thích hợp khắp ba căn, gồm thâu lợi căn lẫn độn căn). Bất cứ ai học theo phương pháp này đều có thể nhập môn, nhập môn này là nhập Phật cảnh giới. Nhập Phật cảnh giới là như nhà Thiền thường nói: “*Minh tâm kiến tánh*”, kinh Duy Ma Cật gọi là “*nhập Bất Nhị pháp môn*”.

Tùy nhất nhất cảnh, trí du lý cố.

隨一一境，智遊履故。

(Tùy theo mỗi một cảnh mà trí thâm nhập)

Đây là nói rõ “làm thế nào để nhập?” Trí có thể nhập, trí huệ mở mang thì quý vị sẽ khế nhập, quý vị sẽ có thể qua lại trong cảnh giới Phật. Cảnh giới của chư Phật là Nhất Chân pháp giới. Do đây biết rằng: Pháp môn Niệm Phật là pháp môn mở mang trí huệ, quý vị có thể dùng một câu Phật hiệu để dẹp yên phiền não, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Trong mười hai thời không có hết thảy vọng niệm, chỉ có một câu Phật hiệu, phẳng lặng, ổn thỏa, lâu ngày chầy tháng, phiền não ấy chẳng đoạn mà tự nhiên chẳng còn, trí huệ tự nhiên hiện tiền. Từ đâu thấy được trí huệ hiện tiền? Một phương pháp rõ ràng nhất là đọc kinh, từ trước đến nay xem kinh không hiểu, không thấy được ý nghĩa, nay thì vừa mở kinh văn ra, ý nghĩa đều thấy. Trước kia đọc lời chú giải kinh Phật không hiểu, chẳng hiểu Ngài giảng về cái gì? Nay thì vừa đọc lời chú giải, ý nghĩa đều hiểu rõ cả. Điều này cho thấy quý vị phiền não giảm nhẹ, trí huệ tăng trưởng. Do đọc kinh, quý vị tăng trưởng trí huệ, trong cuộc sống thường ngày, quý vị xử thế, đãi người, tiếp vật, đều là trí huệ, quý vị biết nên làm người như thế nào, sống ra sao, làm việc ra sao, đãi người như thế nào, quý vị đều hiểu rõ hết. Trong cuộc sống, trong công việc, thành tựu vô lượng vô biên công đức viên mãn, tuy tích tụ vô lượng vô biên công đức vẫn chẳng chấp tướng, làm sao người ấy không khế nhập Nhất Chân pháp giới cho được? Niệm Phật như thế mới gọi là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, tự nhiên không miễn cưỡng may mắn nào, chúng ta sẽ thành tựu. A! Hôm nay hết thời gian rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi!

---o0o---

Tập thứ tám (12-13-08)

Xin giới quyền kinh trang thứ hai mươi, bắt đầu từ dòng thứ tư trở đi. Tiếp theo đây là một đoạn kinh văn rất dài, nói tổng cộng hai mươi một môn, đều là pháp môn Niệm Phật. Danh xưng của chúng đều là dựa theo tác dụng để lập danh hiệu, trước hết chúng ta đọc kinh văn một lượt. Đại sư Thanh Lương chú giải rất cặn kẽ. Tôi nghĩ đối với đoạn kinh văn này chúng tôi giảng phân chú giải là được rồi. Kinh phải đọc một lượt. Xin xem kinh văn:

Sở vị trí quang phổ chiếu sai biệt cảnh giới niệm Phật môn.

所謂智光普照差別境界念佛門。

(Như là môn Niệm Phật dùng trí quang chiếu khắp cảnh giới sai biệt)

Câu này nêu danh xưng của pháp môn, câu kế tiếp nói tới tác dụng của pháp môn.

Thường kiến chư Phật chủng chủng quốc độ cung điện trang nghiêm tất hiện tiền cố.

常見諸佛種種國土宮殿莊嚴悉現前故。

(Do thường thấy các thứ cõi nước, cung điện của chư Phật đều cùng hiện tiền)

Đây là môn thứ nhất. Thứ hai là:

Linh an trụ chủng chủng tăng thượng ý niệm Phật môn.

令安住種種增上意樂念佛門。

(Môn niệm Phật khiến cho các thứ ý thích tăng thượng được an trụ)

Đây là danh xưng của pháp môn, tác dụng của nó là:

Tùy chư chúng sanh tâm chi sở nhạo giai linh kiến Phật đắc thanh tịnh cố.

隨諸眾生心之所樂皆令見佛得清淨故。

(Do tùy lòng ưa thích của các chúng sanh đều làm cho họ thấy Phật, được thanh tịnh)

Môn thứ ba:

Linh an trụ cứu cánh Phật lực niệm Phật môn, linh nhập Như Lai thập chủng lực trung tùy thuận hành cố.

令安住究竟佛力念佛門，令入如來十種力中隨順行故。

(Môn Niệm Phật khiến cho an trụ rốt ráo nơi Phật lực, do nó làm cho [người niệm Phật] được nhập trong mười loại lực của Phật, tùy thuận mà hành)

Môn thứ tư:

Linh an trụ chủng chủng Như Lai cứu cánh chánh pháp Niệm Phật môn.

令安住種種如來究竟正法念佛門。

(Môn niệm Phật khiến cho an trụ trong các thứ chánh pháp rốt ráo).

Nghiệp dụng của môn này là:

Kiến nhất thiết Phật diễn thuyết chánh pháp hàm thính văn cố.

見一切佛演說正法咸聽聞故。

(Do thấy hết thấy Phật diễn nói chánh pháp đều nghe)

Môn thứ năm:

Biến chiếu thập phương vô sai biệt tạng niệm Phật môn.

遍照十方無差別藏念佛門。

(Môn niệm Phật chiếu khắp các tạng không sai biệt trong mười phương)

Tác dụng là:

Phổ kiến nhất thiết chư thế giới trung đẳng vô sai biệt chư Phật hải cố.

普見一切諸世界中等無差別諸佛海故。

(Do thấy biến chư Phật bình đẳng không sai biệt trong hết thấy các thế giới)

Môn thứ sáu:

Nhập bất khả kiến cực vi tế xứ niệm Phật môn.

入不可見極微細處念佛門。

(Môn niệm Phật nhập vào những chỗ cực nhỏ nhiệm chẳng thể thấy được)

Nghiệp dụng là:

Triệt kiến nhất thiết vi tế cảnh trung Như Lai thân biến tự tại sự cố.

徹見一切微細境中如來神變自在事故。

(Do thấy thấu suốt những chuyện thân biến tự tại của Như Lai trong hết thấy cảnh nhỏ nhiệm)

Môn thứ bảy:

Trụ chủng chủng kiếp niệm Phật môn, u nhất thiết kiếp thường kiến chư Phật thí tác Phật sự, hàm thân cận cố.

住種種劫念佛門，於一切劫常見諸佛施作佛事，咸親近故。

(Môn niệm Phật trụ trong các loại kiếp, do trong hết thấy kiếp thường thấy chư Phật thực hiện các Phật sự, đều thân cận)

Môn thứ tám:

Trụ nhất thiết thời niệm Phật môn, u nhất thiết thời thường đắc kiến Phật, dữ Phật đồng trụ bất tương ly cố.

住一切時念佛門，於一切時常得見佛，與佛同住不相離故。

(Môn Niệm Phật trụ trong hết thấy thời, do trong hết thấy thời thường được thấy Phật, ở cùng nơi với Phật chẳng tách lìa)

Môn thứ chín:

Trụ nhất thiết sát niệm Phật môn, nhất thiết sát độ hàm kiến Phật thân siêu quá thế gian vô đẳng tỷ cố.

住一切剎念佛門，一切剎土咸見佛身超過世間無等比故。

(Môn niệm Phật trụ trong hết thấy cõi, do trong hết thấy cõi nước đều thấy thân Phật vượt trội thế gian, chẳng thể sánh bằng)

Môn thứ mười:

Trụ nhất thiết thế niệm Phật môn, tùy u tự tâm sở hữu nhạo dục, phổ kiến tam thế chư Như Lai cố.

住一切世念佛門，隨於自心所有樂欲，普見三世諸如來故。

(Môn niệm Phật trụ trong hết thấy đời, do tùy theo tất cả những sự ưa muốn trong tự tâm mà thấy trọn khắp chư Như Lai ba đời).

Môn thứ mười một:

Trụ nhất thiết cảnh niệm Phật môn, phổ kiến nhất thiết chư cảnh giới trung chư Phật tương tục hàm xuất hưng cố.

住一切境念佛門，普見一切諸境界中諸佛相續咸出興故。

(Môn niệm Phật trụ trong hết thấy cảnh, do thấy trọn khắp trong hết thấy các cảnh giới, chư Phật đều liên tục xuất hiện).

Môn thứ mười hai.

Trụ nhất thiết tánh tịch diệt niệm Phật môn, u niệm niệm trung kiến nhất thiết sát nhất thiết chư Phật thị Niết Bàn cố.

住一切性寂滅念佛門，於念念中見一切剎一切諸佛示涅槃故。

(Môn Niệm Phật trụ trong hết thấy tánh tịch diệt, do trong mỗi niệm thấy chư Phật thị hiện nhập Niết Bàn trong hết thấy cõi)

Môn thứ mười ba:

Trụ nhất thiết thời xứ niệm Phật môn, u nhất nhật trung kiến nhất thiết Phật từng kỳ trụ xứ nhi vãng hóa cố.

住一切時處念佛門，於一日中見一切佛從其住處而往化故。

(Môn Niệm Phật trụ trong hết thấy thời và xứ, do trong một ngày thấy hết thấy Phật từ chỗ các Ngài trụ mà tới giáo hóa)

Môn thứ mười bốn:

Trụ nhất thiết cảnh quảng đại Niệm Phật môn, kiến nhất thiết Phật giai kết già phu tọa nhất nhất Phật thân mãn pháp giới cố.

住一切境廣大念佛門，見一切佛皆結跏趺坐——佛身滿法界故。

(Môn Niệm Phật trụ trong hết thấy cảnh rộng lớn, do thấy hết thấy Phật đều ngồi xếp bằng, mỗi mỗi một vị Phật thân trọn khắp pháp giới)

Môn thứ mười lăm:

Trụ nhất thiết pháp vi tế niệm Phật môn, u nhất mao không kiến bất khả thuyết chư Phật xuất hưng, hàm chí kỳ sở nhi thừa sự cố.

住一切法微細念佛門，於一毛孔見不可說諸佛出興，咸至其所而承事故。

(Môn Niệm Phật trụ trong hết thấy pháp vi tế, do trong một lỗ chân lông thấy bất khả thuyết chư Phật xuất hiện, đều đến chỗ các Ngài để hầu hạ)

Môn thứ mười sáu:

Trụ sát na tế trang nghiêm niệm Phật môn, u nhất niệm trung kiến nhất thiết sát giai hữu chư Phật thành Đẳng Chánh Giác, hiện thân biến cố.

住剎那際莊嚴念佛門，於一念中見一切剎皆有諸佛成等正覺現神變故。

(Môn Niệm Phật trụ trong từng sát-na trang nghiêm, do trong một niệm thấy hết thấy cõi đều có chư Phật thành Đẳng Chánh Giác, hiện thân thông biến hóa)

Môn thứ mười bảy:

Trụ nhất thiết pháp niệm Phật môn, kiến nhất thiết Phật xuất hưng u thể dĩ trí huệ quang chuyển pháp luân cố.

住一切法念佛門，見一切佛出興於世以智慧光轉法輪故。

(Môn Niệm Phật trụ trong hết thấy pháp, do thấy hết thấy Phật xuất hiện trong cõi đời, dùng ánh sáng trí huệ để chuyển pháp luân)

Môn thứ mười tám:

Trụ tự tại tâm niệm Phật môn, tùy kỳ tự tâm sở hữu dục lạc, nhất thiết Như Lai hiện kỳ ảnh tượng hàm đặc kiến cố.

住自在心念佛門，隨其自心所有欲樂，一切如來現其影像咸得見故。

(Môn Niệm Phật trụ tâm tự tại, do tùy theo tất cả những điều ham muốn, vui thích trong tâm, hết thấy Như Lai hiện hình tượng, [người niệm Phật] đều được thấy).

Môn thứ mười chín:

Trụ nhất thiết nghiệp niệm Phật môn, năng tùy pháp giới nhất thiết chúng sanh sở tu hạnh nghiệp vị hiện kỳ thân linh giác ngộ cố.

住一切業念佛門，能隨法界一切眾生所修行業為現其身令覺悟故。

(Môn Niệm Phật trụ trong hết thấy nghiệp, do có thể thuận theo hạnh nghiệp của hết thấy chúng sanh trong pháp giới mà hiện thân để làm cho họ giác ngộ)

Môn thứ hai mươi:

Trụ nhất thiết thần biến niệm Phật môn, kiến nhất thiết Phật trụ u quảng đại hương thủy hải trung tọa liên hoa đài phổ hiện thần biến mãn thập phương cố.

住一切神變念佛門，見一切佛住於廣大香水海中坐蓮華臺普現神變滿十方故。

(Môn Niệm Phật trụ trong hết thấy thần biến, do thấy hết thấy Phật trụ trên đài hoa sen trong biển nước thơm rộng lớn hiện khắp các món thần biến trọn khắp mười phương)

Môn thứ hai mươi một:

Trụ đẳng hư không giới niệm Phật môn, quán sát Như Lai sở hiện thân vân trang nghiêm pháp giới hư không giới cố.

住等虛空界念佛門，觀察如來所現身雲莊嚴法界虛空界故。

(Môn Niệm Phật trụ [trong cảnh giới rộng lớn] như hư không, do quán sát những thân nhiều như mây do Như Lai hiện ra để trang nghiêm pháp giới hư không giới)

Tổng cộng nói ra hai mươi một thứ. Chúng ta biết pháp môn Niệm Phật vô lượng vô biên, ở đây chỉ kể ra hai mươi một thứ! Quý vị quan sát kỹ càng thì thấy đây vẫn là nói quy nạp, quy nạp từ nghiệp dụng tương tự, [nên nói gọn thành] hai mươi một loại lớn đó thôi! Nếu đem hai mươi một loại này mở rộng ra thì thừa quý vị, chẳng những hết thấy các pháp môn do đức Thế Tôn đã nói trong suốt bốn mươi chín năm, mà ngay cả vô lượng vô biên pháp môn do mười phương thế giới chư Phật Như Lai đã nói thấy đều có thể quy về pháp môn Niệm Phật, không có một pháp nào chẳng phải là pháp môn Niệm Phật, thì quý vị mới hiểu là pháp môn Niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao lần tham học thứ nhất trong năm mươi ba lần tham học, tỳ-kheo Cát Tường Vân đề xướng pháp môn Niệm Phật, nguyên do là vì pháp môn Niệm Phật là tổng căn bản của vô lượng vô biên pháp môn. Đạo lý là đây!

Trong các pháp môn nhiều như vậy, quý vị thấy đó, tỳ-kheo Cát Tường Vân tu pháp môn này, pháp môn của Ngài vẫn chẳng phải là hai mươi một loại này, hai mươi một loại này là nói riêng biệt. Ngài tu một pháp trực tiếp là pháp Ban Châu tam-muội, trực tiếp niệm A Di Đà Phật. Vì vậy trong pháp môn Niệm Phật, nó lại là pháp thù thắng bậc nhất! Duyên phận chúng ta ngày nay đúng là không cạn đâu! Học Phật gặp vận may khá quá, trao ngay cho quý vị nhận lãnh pháp môn này. Quý vị vẫn chẳng biết chọn lựa, nhưng tỳ-kheo Cát Tường Vân thì chọn lựa pháp môn này. Tuy là lơ mơ vớ được pháp môn này, quý vị vẫn phải hiểu rõ ràng, sau khi hiểu rõ rồi, đối với pháp môn tu học hiện tiền này, hãy chết lòng sát đất, thật sự thực hiện được “thật thà niệm Phật”. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy: “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*”, đây mới là “có thể thành tựu viên mãn ngay trong một đời này”. Chúng ta thấy pháp môn Niệm Phật có nhiều thứ như thế, chẳng đơn giản đâu nhé! Chúng ta hãy đọc lời chú giải của ngài Thanh Lương, Ngài chú giải rất cặn kẽ.

Sở vị hạ

所謂下。

(Từ chữ “sở vị” trở đi)

Đây là đoạn kinh văn dài chúng ta vừa đọc xong, gồm hai mươi một môn, đây là phần nói riêng biệt.

Hữu nhị thập nhất môn

有二十一門。

(Có hai mươi một môn)

Phần trước là nói chung, phần này là nói riêng từng môn. Trong mỗi một môn đều có hai câu như chúng ta vừa mới đọc xong.

Các

各。

(mỗi môn)

Tức là mỗi một môn trong hai mươi một môn, “*các*” là mỗi một môn.

Tiên tiêu minh, hậu thích tướng dụng.

先標明。後釋相用。

(Trước hết nêu rõ [danh xưng], rồi giải thích tướng trạng và tác dụng)

Câu sau là lời giải thích về tướng dụng, tức tướng trạng và tác dụng của nó.

Tịch tùng nghiệp dụng dĩ thọ kỳ danh.

並從業用以受其名。

([Các môn này] đều được đặt tên theo nghiệp dụng [của từng môn])

Do đâu mà có những danh xưng này? Đều là từ nghiệp dụng của chúng mà đặt tên. Nghiệp là tạo tác, tạo dụng, tu tập, cũng như chúng ta gọi sự tu hành trên mặt sự tướng là “*ngiệp*”. Quý vị chiếu theo phương pháp này để tu hành, nhất định sẽ khởi tác dụng; nói nôm na là quý vị nhất định sẽ có lợi ích, chỗ có lợi ấy gọi là “*dụng*”. Đây gọi là “*ngiệp dụng*”, đặt danh xưng theo nghiệp dụng. Câu tiếp theo:

Chuẩn Tán kinh trung nhất nhất giai hữu tam muội chi ngôn, kim lược vô nhĩ.

準晉經中一一皆有三昧之言，今略無耳。

(Dựa theo bản dịch đời Tấn thì trong mỗi một môn đều gọi là tam-muội, bản dịch hiện thời lược đi, không có từ ngữ này)

Đây là đại sư Thanh Lương đem hai bản dịch cũ và mới đối chiếu, bản dịch kinh cũ là bản Lục Thập Hoa Nghiêm (bản dịch kinh Hoa Nghiêm gồm sáu mươi cuốn) được phiên dịch vào đời Tấn, chúng ta thường gọi là “*Tán dịch*”. “*Tán kinh*” tức là Lục Thập Hoa Nghiêm. Đoạn kinh văn này trong Lục Thập Hoa Nghiêm [trong danh xưng mỗi một môn] đều có chữ tam-muội, thế nhưng trong bản dịch mới là Bát Thập Hoa Nghiêm câu này bị tỉnh lược. Do vậy, nếu quý vị xem bản Lục Thập Hoa Nghiêm, đọc tới đoạn này thì biết là nó bị tỉnh lược, nhưng ý nghĩa vẫn viên mãn, ý nghĩa vẫn không hai.

Cổ đức phân nhị.

古德分二。

(Cổ đức chia đoạn kinh văn này thành hai phần)

Cổ đại đức thời trước, quá nửa là sử dụng bản kinh dịch đời Tấn, như sách Hoa Nghiêm Thám Huyền Ký do quốc sư Hiền Thủ soạn vào trước thời ngài Thanh Lương, các vị ấy đem đoạn kinh văn này chia thành hai đoạn lớn, trong hai mươi một câu thì đoạn trước gồm mười câu, đoạn sau mười câu.

Tiền thập Niệm Phật thắng đức viên bị, hậu thập niệm Phật diệu dụng tự tại.

前十念佛勝德圓備。後十念佛妙用自在。

(Mười môn Niệm Phật trước là “đức thù thắng viên mãn trọn đủ”, mười môn Niệm Phật sau là “diệu dụng tự tại”)

Dem hai mươi một môn chia thành hai loại lớn, chia như vậy rất có ý nghĩa. Thế nhưng ngài Thanh Lương không sử dụng cách chia này.

Kim thích hữu dị, lược vi tam môn.

今釋有異。略為三門。

(Cách giải thích hiện thời có khác biệt, chia đại lược thành ba môn)

Đại sư chia đoạn này thành ba môn để giải thích.

Nhất, minh sở niệm sai biệt, nhị giả hội thích kinh văn, tam dĩ năng niệm thâm thúc.

一明所念差別。二者會釋經文。三以能念收束。

(Một là nói rõ đối tượng được niệm sai khác, hai là giải thích kinh văn, ba là dùng chủ thể niệm Phật (người niệm Phật, tâm niệm Phật) để thâm tóm lại)

Trong phần chú giải này, Ngài lại chia thành ba đoạn lớn, dùng ba đoạn ấy để giải thích hai mươi một môn Niệm Phật. Chúng ta xem đoạn thứ nhất.

Kim sơ, vị thập thân, tam thân, vị quán bất đồng, lược vi thập chủng.

今初。謂十身三身，為觀不同，略為十種。

(Nay là phần thứ nhất, nói tới ba thân hay mười thân là vì quán khác nhau nên chia đại lược thành mười thứ).

Kinh Hoa Nghiêm luôn dùng con số Mười để tượng trưng cho sự viên mãn. Vì thế nói Phật có mười thân. Nhưng thông thường trong các kinh luận Đại Thừa, đức Thế Tôn không dạy chúng ta nhiều thân như thế, nói đơn giản hơn thì luôn nói tới ba thân. Tôi nghĩ mỗi vị đồng tu đều nhớ tam thân rồi, nói mười thân sợ quý vị nói không được. Tam thân là Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân, dễ hiểu! Nhưng nói mười thân thì cũng chẳng ra ngoài ba thân, chẳng qua là ba thân được nói cặn kẽ hơn, nói tách ra bèn chia thành mười thân. Do đây biết rằng: Mười thân và ba thân, thật sự chẳng hề khác biệt. “*Vị quán bất đồng, lược vi thập chủng*” (Là vì quán khác nhau nên chia đại lược thành mười thứ).

Tiền bát tam thân.

前八三身。

(Tám môn Niệm Phật đầu tiên là tam thân)

Trong hai mươi một môn, nếu quý vị quán sát kỹ lưỡng, tám môn đầu đều là Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Thân, quý vị niệm thân nào?

Hậu nhị thúc thượng dĩ thành thập thân.

後二束上以成十身。

(Hai môn sau hợp những môn đã nói trước đó để thành mười thân)

“*Hậu nhị*” chính là câu thứ chín và câu thứ mười.

Vị niệm tam thân Phật tức vi tam quán, các phân y chánh.

謂念三身佛則為三觀。各分依正。

(Nghĩa là niệm tam thân của Phật sẽ trở thành ba thứ quán, trong mỗi phép quán đều chia ra y báo và chánh báo)

Có y báo và chánh báo.

Tiện vi lục môn, tựu báo hóa trung.

便為六門。就報化中。

(Nên thành ra sáu môn, lại đối với Báo Thân và Hóa Thân)

Báo Phật và Hóa Phật.

Phân vi nội ngoại, dĩ thành kỳ bát.

分為內外，以成其八。

(Chia ra trong và ngoài nên thành tám)

Tám môn đầu đều chẳng rời ngoài ba thân.

Cửu vị tánh tướng vô ngại, thập vị dung nhiếp trùng trùng.

九謂性相無礙。十謂融攝重重。

(Môn thứ chín ngụ ý tánh và tướng vô ngại, môn thứ mười hàm ý dung nhiếp lẫn nhau trùng trùng điệp điệp)

Do vậy hai câu này đã bao gồm cả mười thân được kinh Hoa Nghiêm nói tới.

Ngôn thập chủng giả.

言十種者。

(Nói tới mười thứ là)

Ở đây có nhiều thứ chúng ta phải nên học tập.

Nhất, nhược tác thị quán, Phật dĩ pháp vi thân, thanh tịnh như hư không, vô niệm niệm giả, tác niệm Chân Như, thị niệm Pháp Thân.

一若作是觀，佛以法為身，清淨如虛空，無念念者。則念真如。是念法身。

(Một là nêu quán như thế này “Phật lấy pháp làm thân, thanh tịnh như hư không”, vô niệm mà niệm thì chính là niệm Chân Như, ấy là niệm Pháp Thân)

Câu thứ nhất này rất quan trọng, “*nhược tác thị quán*”. Mấu chốt, cốt lõi nằm trong câu này. “*Quán*” thì như trong phần trước tôi đã nói với quý vị rồi, nó chính là quan niệm. Chúng ta làm thế nào để xoay chuyển quan niệm. Nói thật ra, quan niệm của hạng phàm phu chúng ta đều là sai lầm. Bất luận quý vị quán sát vũ trụ hay nhân sanh, quý vị quán sát pháp thế gian hay Phật pháp đều vướng phải những sai lầm rất sâu, rất rộng, rất nghiêm trọng! Vì vậy, chúng ta rất khó thoát khỏi tam giới lục đạo, đạo lý là ở chỗ này. Ở đây, Phật, Tổ dạy chúng ta hãy chuyển biến quan niệm ấy, chuyển thành quan niệm của chư Phật, Bồ Tát. Cách nhìn của chư Phật, Bồ Tát ra sao? Họ có cách nhìn chánh xác, một mảy sai lầm cũng chẳng có. Phàm phu chúng ta coi nhục thể này là thân, đây là thân ta, chư Phật, Bồ Tát chẳng thấy nhục thể ấy là thân, họ coi thứ gì là thân? Lấy hết thấy các pháp làm thân, gọi là Pháp Thân. Pháp là gì? Tận hư không, trọn pháp giới đều là pháp. Thế giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật, thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới của nội phàm và ngoại phàm đều là pháp. Các Ngài lấy đó làm thân, đây là chánh xác, không sai lầm!

Tôi sợ quý vị nghe tôi nói theo kiểu này vẫn chưa hiểu, chúng tôi lại nêu một thí dụ để giảng. Tôi nghĩ chắc là mỗi một vị đồng tu đều có kinh nghiệm nằm mộng, quý vị đều đã từng nằm mộng. Khi nằm mộng, quý vị phải hiểu mộng do đâu là có? Mộng là do tâm chúng ta biến hiện ra. Tâm có thể biến hiện (năng biến), mộng là cảnh được biến hiện (sở biến). Năng và Sở không hai, năng biến và sở biến là một, không phải hai. Người thông minh biết Ngã là gì? Toàn thể cảnh mộng là Ngã, quan niệm của người ấy không sai. Toàn thể cảnh mộng do tự tánh của ta biến ra, ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm. Nếu có thể thừa nhận toàn thể cảnh mộng là chính mình thì xin chúc mừng, quý vị đã chứng được Pháp Thân thanh tịnh. Nếu trong mộng vẫn thừa nhận, coi cái thân của chính mình trong mộng là Ngã, [nhưng thật ra] cái thân ta hoàn toàn chẳng phải là chính ta, quý vị mê hoặc điên đảo rồi! Quý vị là phàm phu, quý vị không hiểu tất cả cảnh giới đều do tự tánh của quý vị biến hiện ra. Trong kinh Hoa Nghiêm,

đức Phật đã nói: “*Duy tâm sở hiện*”. Nhất Chân pháp giới, mười pháp giới, vô lượng vô biên pháp giới, y báo, chánh báo trang nghiêm “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Do vì có hai câu này nên Pháp Tướng Tông coi kinh Hoa Nghiêm là kinh giáo căn bản của họ. Pháp Tướng Tông có sáu kinh, mười một luận. Trong sáu kinh có kinh Hoa Nghiêm là vì trong kinh Hoa Nghiêm có một câu này.

Mấy ai trong chúng ta biết được? Làm thế nào để hiểu rằng hết thấy y báo, chánh báo trang nghiêm là do chính mình biến hiện ra? Chúng ta ở trong cảnh giới biến hiện lại chia thành ta và người, chia thành tốt và xấu, tự mình kèn cựa chính mình, tự mình làm khó dễ chính mình, làm những chuyện như vậy đó! Do vậy, chư Phật, Bồ Tát thấy rất rõ ràng, gọi [chúng ta] là “*kẻ đáng thương*”. Quý vị đáng thương như thế nào? Chính mình gây khó dễ cho chính mình. Trừ tự tánh ra, quả thật không có một pháp nào hết! Do vậy, Phật và các đại Bồ Tát, như bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo được nói ở đây, đều lấy pháp làm thân, bọn họ phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo “*lấy pháp làm thân*”, chẳng coi nó là thân thì gọi đó là Pháp Thân. Pháp thân “*thanh tịnh như hư không*”, niệm Phật theo cách niệm Pháp Thân Phật thì niệm ra sao? “*Vô niệm niệm giả, tức niệm Chân Như*” (Vô niệm mà niệm thì chính là Chân Như), trong tâm thanh tịnh vô niệm, thừa với quý vị, vô niệm là không có vọng niệm, chứ chẳng phải là không có chánh niệm. Không có chánh niệm sẽ biến thành cục đá, cục gạch, hòn ngói, biến thành kẻ si ngốc không có ý niệm. Không có vọng niệm, nhưng có chánh niệm. Vì vậy, chánh niệm cũng gọi là vô niệm, không có vọng niệm, rất khó hiểu!

Chánh niệm là gì? Vô niệm là gì? Chúng ta căng mắt nhìn thì thấy được, mọi người căng mắt nhìn đều thấy được, đều thấy rất rõ ràng, minh bạch. Trong lúc quý vị thấy những sắc tướng ấy, quý vị không khởi tâm phân biệt, không sanh tâm chấp trước, quý vị cũng không có vọng tưởng, chẳng thể nói là quý vị không thấy rõ ràng. Quý vị thấy rất rõ ràng, nghe rất rõ rệt, chỉ cần khi ấy không có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước thì gọi là chánh niệm. Nếu quý vị khởi lên một ý niệm, đây là hoa, hoa này nhìn đẹp quá, kia là cây nền đỏ, vọng niệm đây! Đó gọi là vọng niệm. Do vậy, vô niệm là không có vọng tưởng, không phân biệt, không chấp trước, mắt thấy rõ ràng, tai nghe rõ rệt, sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, rõ ràng, rành rẽ, minh bạch gọi là chánh niệm; nhưng quý vị vừa khởi tâm động niệm là hồng, liền là vọng niệm, chẳng phải là chánh niệm.

“*Vô niệm niệm giả*” (Vô niệm mà niệm), niệm ấy là chánh niệm, vô niệm là không có vọng niệm. Ngay khi ấy, cái niệm ấy rõ ràng, minh bạch, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần. Quý vị phải hiểu chư Phật, Bồ Tát và phàm phu chúng ta khác nhau ở chỗ này. Các Ngài cũng thấy, chúng ta cũng

thấy, các Ngài cũng nghe, chúng ta cũng nghe, chúng ta ăn cơm, các Ngài cũng ăn cơm, không khác gì hết! Chúng ta sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần liền có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, các Ngài tiếp xúc cảnh giới sáu trần không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Do các Ngài không có chấp trước nên không có lục đạo, do không có phân biệt nên các Ngài không có mười pháp giới, do không có vọng tưởng nên ngay cả Nhất Chân pháp giới cũng không có, Nhất Chân pháp giới chỉ là giả danh mà thôi! Kinh Kim Cang dạy: “*Nhất Chân pháp giới chẳng phải là Nhất Chân, nên gọi là Nhất Chân*”. Quý vị phải hiểu được ý nghĩa này, chẳng phải là thật sự có Nhất Chân. Nếu thật sự có Nhất Chân thì chẳng phải là lại khởi vọng tưởng, lại có phân biệt hay sao? Vậy là không có cách gì hết! Do nhằm phương tiện thuyết pháp nên lập ra tướng giả danh để quý vị nghe hiểu. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã bảo: Người biết nghe kinh “*lìa tướng danh tự, lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng tâm duyên*”. Chúng ta nghe kinh có cần phải dùng đến những điều này hay chẳng? Phải dùng! Lìa như thế nào? Đừng chấp trước, đừng phân biệt, đừng dấy vọng tưởng. Như vậy là quý vị thật sự biết nghe, thật sự nghe lọt tai. Chỉ cần trong khi nghe kinh, quý vị vẫn còn có phân biệt, vẫn còn chấp trước thì quý vị nghe chẳng lọt tai đâu! Những thứ ấy gọi là nghiệp chướng, gây chướng ngại cho Phật pháp, quý vị chẳng nghe lọt tai được!

Quý vị có thể lìa tâm ý thức; nói thật ra, lìa tâm ý thức chính là lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, tức là lìa tâm ý thức thì quý vị mới có thể thật sự nghe tới tự tánh, trở về với tự tánh. Trong pháp môn Niệm Phật, phương pháp này gọi là “*niệm Pháp Thân Phật*”. Quý vị hãy suy nghĩ, Thiên Tông dùng phương pháp này thì Thiên tông chẳng phải là Niệm Phật ư? Chúng ta sử dụng tiêu chuẩn này thì nó vốn cũng là pháp môn Niệm Phật! Chẳng qua là miệng họ chẳng thường niệm A Di Đà Phật, họ cũng chẳng nghĩ tới A Di Đà Phật, nhưng đúng là họ niệm Phật, họ niệm Pháp Thân Phật. Còn họ có nhập được cảnh giới ấy hay không lại là chuyện khác, phải xét theo công phu của họ có thật sự buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hay không. Nếu buông xuống được, họ sẽ đắc Thiên Định, từ Thiên Định đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, ấy chính là niệm Pháp Thân Phật. Tuy niệm Pháp Thân Phật, quý vị phải hiểu rằng, trước đây tôi đã nói với mọi người, ba địa vị Tam Hiền trong Viên Giác đều dùng phương pháp này để tu. Chúng tôi nói Tông môn đều dùng phương pháp này để tu, họ tu đến Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, đợi đến khi họ đạt đến Sơ Địa, họ sẽ chuyển biến ý niệm, họ niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Thập Địa Bồ Tát đều niệm Phật*”, tức là niệm A Di Đà Phật, chẳng phải là niệm Pháp Thân Phật. Thừa cùng quý vị, một câu A Di Đà Phật này toàn bộ hai

mười một pháp môn Niệm Phật đều bao gồm trong ấy, chẳng sót một môn nào. Niệm một tiếng A Di Đà Phật thật bất phàm! Tuyệt diệu thay! Do vậy, nếu quý vị không đọc kinh Hoa Nghiêm sẽ chẳng biết pháp môn Niệm Phật rộng lớn, thật sự chẳng thể sánh tày! Do vậy, đây là “*niệm Chân Như*”. Trục tâm chánh niệm Chân Như, niệm Chân Như là niệm Pháp Thân; đây là nói tới niệm Pháp Thân trong mười thứ thân của Phật, trong ấy có chánh báo và y báo.

Nhị Hoa Tạng thế giới hải, pháp giới vô sai biệt, y chân nhi trụ, bất y quốc độ, thị niệm tánh độ.

二華藏世界海，法界無差別，依真而住，不依國土，是念性土。

(Môn thứ hai, Hoa Tạng thế giới hải, pháp giới không sai biệt, y theo Chân Như để trụ, chẳng nương vào quốc độ, đây là niệm tánh độ)

Chúng ta cũng phải hiểu rõ ý nghĩa này. Cũng có nhiều vị đọc kinh luận hoặc đọc sách do những vị cổ đức viết, thường thấy nói: “*Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”. Ở đây, đại sư dạy chúng ta thế nào là “*duy tâm Tịnh Độ*”. Duy tâm Tịnh Độ gọi là Pháp Tánh Độ, chính là Hoa Tạng thế giới hải. Thế giới Cực Lạc cũng nằm trong thế giới Hoa Tạng, chẳng tách rời Hoa Tạng. Thế giới Sa Bà của chúng ta vẫn nằm trong thế giới Hoa Tạng. Hơn nữa, trong kinh này, đức Thế Tôn đã bảo chúng ta: Thế giới Hoa Tạng có hai mươi tầng, giống như một tòa cao ốc hai mươi tầng, Sa Bà và Cực Lạc cùng ở tầng thứ mười ba, quý vị mới biết Hoa Tạng thật lớn! Quý vị thấy đó, đều nằm trong tầng thứ mười ba, từ thế giới Sa Bà đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là mười vạn ức cõi Phật, Hoa Tạng to lớn không cách nào diễn tả được, không cách nào hình dung được. Đức Thế Tôn dạy chúng ta: Tận hư không, trọn pháp giới, những thế giới giống như thế giới Hoa Tạng chẳng biết là bao nhiêu. Vô lượng vô biên! Nhưng quý vị phải hiểu vô lượng vô biên thế giới hải đều do tự tánh của quý vị biến hiện ra, lìa khỏi tự tánh thì không một pháp nào có thể được, tâm tánh chẳng thể nghĩ bàn! Do nhìn từ thế giới lớn lao này thì pháp giới nào cũng không sai biệt.

“*Y Chân nhi trụ*”: Chân là Chân Như, chân tánh, chư Phật và Đại Bồ Tát, ở đây chúng ta nói tới Đại Bồ Tát tức những vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng, các Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị và chư Phật Như Lai đều nương vào Chân Như để trụ. “*Bất y quốc độ*” (Chẳng nương vào quốc độ), quốc độ là biến hóa. Nói cách khác, y vào Chân Như để trụ tức là trụ vào Năng Biến, chẳng trụ vào Sở Biến. Bởi lẽ, mười phương thế giới là Sở Biến (cái được biến hiện), bản tánh của Chân Như là Năng

Biển (chủ thể thực hiện hành vi biến hiện). Do vậy, các Ngài trụ vào Năng Biến, không trụ vào Sở Biến nên được đại tự tại. Hiện thời chúng ta điên đảo quá, chúng ta quên khuấy Năng Biến, luôn trụ trong Sở Biến, vì thế phải khốn khổ, chỗ nào cũng bị chướng ngại! Các ngài trụ vào Năng Biến, chẳng trụ nơi Sở Biến, cho nên đắc bốn thứ vô ngại: Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, đạo lý là như thế đó! Đây là một loại lớn, các pháp môn số nhiều tới vô lượng nếu dựa trên nguyên tắc lớn này sẽ gọi là “*niệm pháp tánh độ*”. Loại niệm Phật này gọi là “*niệm pháp tánh độ*”. Bởi thế, hai mươi một môn bao gồm hết thấy pháp môn, hết thấy pháp môn đều là pháp môn Niệm Phật.

Tam, thập Liên Hoa Tạng vi trần số tướng, thử đẳng giai thị niệm Báo Thân tướng.

三十蓮華藏微塵數相，此等皆是念報身相。

(Môn thứ ba là tướng [tốt đẹp] nhiều như số vi trần trong mười thế giới Liên Hoa Tạng. Những pháp môn Niệm Phật giống như thế đều là niệm tướng của Báo Thân)

Nay chúng ta niệm Phật, thường niệm ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo của Phật. Ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo là do đức Thích Ca. Mâu Ni Phật thị hiện trong thế gian này khi Phật tại thế. Người thế gian chúng ta coi đó là quý tướng, hảo tướng, những sách xem tướng đều gọi những tướng ấy là hảo tướng. Thích Ca Mâu Ni Phật có đầy đủ các tướng như thế; mỗi một tướng không thiếu khuyết gì. Liệt Ứng Thân có ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Liệt Ứng Thân thuộc về Ứng Hóa Thân, chưa phải là cao minh cho lắm. Nếu hiện thân ứng hóa tốt đẹp, thù thắng, phàm phu chúng ta chẳng thể nhìn được, chẳng thể tiếp nhận được, trông thấy tướng quá sức tốt đẹp ấy sẽ kinh hãi bỏ chạy! Chẳng dám thân cận nữa! Vì thế, nhằm tiếp dẫn chúng sanh, đức Thế Tôn bèn thị hiện tướng không khác chúng ta cho lắm, chỉ hơi tốt đẹp hơn một chút thì chúng ta có thể tiếp nhận, vẫn muốn thân cận. Do không thể hiện thân quá tốt đẹp nên gọi là Liệt Ứng Thân.

Nhưng kinh điển cho chúng ta biết về A Di Đà Phật, như trong ba kinh Tịnh Độ chúng ta đã đọc rất nhiều, đức Phật bảo chúng ta: Báo Thân Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, ở đây gọi là “*thập liên hoa tạng vi trần số tướng*”. Chúng ta nói tới thế giới Hoa Tạng, thế giới Hoa Tạng bao lớn? Tôi vừa mới nói đây thôi, thế giới Sa Bà và thế giới Cực Lạc đều nằm trong tầng thứ mười ba. Nhật lấy một vi trần trong thế giới Hoa Tạng, cứ tính mỗi hạt vi trần là một tướng hảo, thì số tướng hảo bằng số vi

trần trong mười thế giới Hoa Tạng, quý vị hãy tính đi, ai có thể tính ra được? Chúng ta thường nói “Hằng hà sa số” (số cát trong sông Hằng), số cát trong sông Hằng quý vị còn tính chưa ra, thử tính coi Hằng hà sa số là bao nhiêu! Số vi trần trong mười thế giới Hoa Tạng, chúng ta không có cách gì tương tượng được. Đây là nói về Báo Thân của Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Báo Thân của A Di Đà Như Lai nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới. Kinh điển gọi tướng Báo Thân ấy là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, chẳng phải là Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Những tướng của đức Phật mà quý vị thấy được trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ hay Phương Tiện Hữu Dư Độ đâu được trang nghiêm như thế! Nếu quý vị thấy được thân tướng của A Di Đà Phật nơi Thật Báo Trang Nghiêm độ sẽ thấy trang nghiêm dường ấy. Phạm những cách niệm Phật theo loại này, loại niệm Phật này rất hiển nhiên, Thập Lục Quán Kinh thuộc loại niệm Phật này, chính là quán tướng hảo của Phật, quán y báo, chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều thuộc loại niệm Báo Thân Tướng, thuộc về loại này.

Tứ, hữu vô tận đức, nhất nhất nan tư, niệm Báo nội đức.

四有無盡德，一一難思。念報內德。

(Môn thứ bốn là [niệm đức Phật] có vô tận đức, mỗi một đức đều khó thể nghĩ suy, đây là niệm nội đức của Báo Thân)

Chữ Báo ở đây là Báo Thân, câu thứ ba trong phần trên là nói về phép niệm tướng hảo bên ngoài của Báo Thân, còn câu này là niệm đức của Báo Thân. Niệm nội đức, có vô tận trí huệ và đức năng sẵn có trong bản tánh. Mỗi một đức năng đều chẳng thể nghĩ bàn, đây là niệm nội đức của Báo Thân. Thưa quý vị, kinh dạy những điều này đều là những thứ vốn sẵn có trong tự tánh của chúng ta, phải hiểu được ý nghĩa này. Chứ không phải là nói Tỳ Lô Giá Na Phật, A Di Đà Phật thì có, còn chúng ta thì không. Chúng ta giống hệt như các Ngài, không khác gì cả! Đọc xong liền sanh tâm hồ thẹn, chúng ta đã hoàn toàn chôn vùi trí huệ, đức năng như thế để rồi ngày nay lâm vào cảnh đáng thương, thê thảm như thế ấy! Nay chúng ta rất may mắn gặp được Phật pháp, gặp đức Thế Tôn tuyên nói cho chúng ta pháp môn này. Mục đích là đâu? Không gì chẳng nhằm dạy chúng ta khôi phục tự tánh. Hiểu rõ đạo lý này, lãnh hội dụng ý của Phật, chúng ta mới có thể thật sự tiếp nhận lời giáo huấn, có thể viên mãn tánh đức ngay trong cuộc đời này. Đây chính là ý nghĩa đức Phật xuất hiện, giảng kinh, thuyết pháp cho chúng ta. Tiếp theo đây, đại sư dẫn một đoạn trong phần kinh văn đã nói trong phần trước để chứng minh.

Cố thượng kinh vân.

故上經云。

(Vì vậy, trong phần trên, kinh đã chép)

Chữ “*thượng*” chỉ phần trên, trong phần trên kinh đã nói:

Nhất thiết oai nghi trung, thường niệm Phật công đức, trú dạ vô tạm đoạn, như thị nghiệp ưng tác.

一切威儀中，常念佛功德，晝夜無暫斷，如是業應作。

(Trong hết thầy oai nghi, thường niệm công đức Phật, ngày đêm không tạm thời gián đoạn, nghiệp như thế nên làm)

Tạo nghiệp ấy tốt đẹp, tạo nghiệp ấy là Tu Đức. Kinh dạy chúng ta trong hết thầy oai nghi, đi, đứng, nằm, ngồi, hết thầy lúc, hết thầy chỗ, thường niệm công đức của Phật đừng gián đoạn. Chúng ta niệm bằng cách nào? Thuận tiện nhất là một câu Nam Mô A Di Đà Phật. Trong câu danh hiệu này trọn đủ vạn đức, vạn năng, vô tận công đức. Tỳ-kheo Cát Tường Vân tu Ban Châu tam-muội ngày đêm không gián đoạn.

Ngũ, quán Hoa Tạng sát.

五觀華藏剎。

(Môn thứ năm là quán cõi Hoa Tạng)

Môn này dạy chúng ta quán cõi Phật của Tỳ Lô Giá Na Phật.

Vô lượng bảo nghiêm, lượng châu pháp giới. Thị niệm Báo độ.

無量寶嚴，量周法界。是念報土。

(Trang nghiêm bằng vô lượng báu, số lượng trọn khắp pháp giới. Đây là niệm cõi nước nơi Báo Thân trụ).

Báo Độ chính là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, [môn niệm Phật này là] niệm Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Trong Bát Thập Hoa Nghiêm, mở đầu kinh từ quyển thứ nhất đến nửa phần đầu quyển thứ mười hai, kinh văn tổng cộng mười một quyển rưỡi giảng về chánh báo, y báo trang nghiêm của thế giới Hoa Tạng, y báo và chánh báo trang nghiêm của Tỳ Lô Giá Na Phật. Kinh văn rất dài, so ra cặn kẽ hơn Quán Vô Lượng Thọ Kinh rất nhiều. So với kinh này, Quán Vô Lượng Thọ Kinh chỉ nói đại lược, [cõi Hoa Tạng]

được giảng cặn kẽ trong đoạn kinh Hoa Nghiêm ấy. Đây là [môn Niệm Phật] niệm Thất Bảo Trang Nghiêm Độ.

Lục, hoặc quán Phật tướng cụ tam thập nhị, nhược tổng, nhược biệt, nhược nghịch, nhược thuận, trượng lục thiên xích. Thử đẳng giai thị niệm Hóa Thân tướng.

六或觀佛相具三十二，若總若別，若逆若順，丈六千尺。此等皆是念化身相。

(Môn thứ sáu là quán tướng Phật đủ ba mươi hai tướng, dù tổng hay biệt, dù nghịch hay thuận, thân cao trượng sáu hay cao ngàn thước. Những pháp giống như thế đều là niệm tướng nơi Hóa Thân của Phật)

Đây là quý vị quán ba mươi hai tướng, quán tám mươi thứ tùy hình hảo, thường nghĩ điều này, thường niệm điều này, hoặc là tướng thân vàng trượng sáu của Phật, hoặc là quý vị có năng lực tướng thân Phật rất cao lớn, cao ngàn thước (ngàn thước là một trăm trượng), thân to lớn như vậy đều thuộc Hóa Thân. Thân lớn ngàn thước là Hóa Thân thù thắng, thân trượng sáu là Liệt Ứng Thân. Do đây, đức Phật tùy loại hóa thân trong mười phương thế giới, thuận theo tâm chúng sanh, ứng theo khả năng hiểu biết của họ. Ví như con người chúng ta trong thế giới này không cao, người cõi trời cao hơn chúng ta. Dục giới có sáu tầng trời, tướng hảo trong mỗi tầng trên tốt đẹp hơn tầng dưới, thân người cũng cao hơn. Nếu Phật ở trên cõi trời thì hiện thân trời giảng kinh, thuyết pháp, hóa thân ấy thù thắng hơn hóa thân trong cõi chúng ta nhiều lắm, hóa thân cao ngàn thước. Chẳng giống như thân trượng sáu của chúng ta, nếu thân trượng sáu đến chỗ chư thiên, người cõi trời trông thấy Phật rất nhỏ bé như thế, giống như một đứa bé con, giảng kinh, thuyết pháp, làm sao họ không coi thường Ngài? Do vậy, tùy loại hóa thân. Còn nếu như trong thế giới này của chúng ta, Phật một phen hiện thân cao ngàn thước, chúng ta ngửa cổ lên cũng không thấy Ngài được, chúng ta cũng không có cách nào thân cận được, cũng cảm thấy người này quá kỳ quái, chẳng dám thân cận. Do vậy, Phật thị hiện chẳng khác với chúng ta cho mấy, cao lớn hơn chúng ta một chút thì [chúng ta] có thể tiếp nhận được. Những loại niệm Phật này đều thuộc niệm Hóa Thân, niệm tướng nơi thân Ứng Hóa và Hóa Thân.

Thất, thập lực vô úy, thập bát bát cộng. Thử đẳng giai thị niệm hóa thân đức.

七十力無畏，十八不共。此等皆是念化身德。

(Môn thứ bảy là mười sức vô úy, mười tám món bất cộng. Những môn Niệm Phật này đều là niệm đức của Hóa Thân)

Ở đây chẳng thể giảng tường tận Thập Lực, Tứ Vô Sở Úy, mười tám pháp Bất Cộng, nói cặn kẽ thì cả hai tiếng đồng hồ cũng giảng không xong. Trong quá khứ tôi đã từng nói, nếu quý vị quên rồi thì trong Phật Học Từ Điển có những từ ngữ này, trong sách Giáo Thừa Pháp Số cũng có, tự mình có thể tham khảo. Thập Lực là mười thứ năng lực, mười thứ năng lực hết sức thù thắng, chẳng những phạm phu chúng ta không có, Bồ Tát tuy có nhưng cũng chẳng viên mãn như Phật. Bốn thứ Vô Úy, mười tám pháp Bất Cộng [của Phật] hoàn toàn không giống với Bồ Tát. Bồ Tát có mười sáu pháp Vô Úy, nhưng năng lực so ra không được viên mãn như Phật. Mười tám pháp Bất Cộng, Bồ Tát hoàn toàn không có. Đây là đức năng đặc biệt nơi quả địa Như Lai. Niệm những điều này là niệm phẩm đức nơi Hóa Thân, trong phần trước, niệm ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ tùy hình là niệm nơi tướng của Hóa Thân, còn ở đây là niệm phẩm đức của Hóa Thân.

Bát, dư phương Tịnh Độ, thủy, điều, thụ lâm, thử đẳng giai thị niệm Hóa Thân y.

八餘方淨土，水鳥樹林。此等皆是念化身依。

(Môn thứ tám là Tịnh Độ ở phương khác, nước, chim, rừng cây. Những pháp Niệm Phật như vậy đều là niệm y báo của Hóa Thân)

Y báo của Ứng Hóa Thân, “*dư phương Tịnh Độ*” ý nói không phải là Hoa Tạng, không phải là Cực Lạc. Hết thấy các cõi Phật đều có Tịnh Độ. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng có bốn cõi. Trong thế giới Sa Bà có Tịnh Độ, cũng có nước, chim, rừng cây như trong kinh Di Đà hay Vô Lượng Thọ Kinh đã nói. Nếu chúng ta niệm những thứ ấy thì đều là niệm y báo của Hóa Thân.

Cửu tiền nhị thị tánh.

九前二是性。

(Loại thứ chín, hai món đầu là tánh)

Chúng ta nói đến tám thứ, tám thứ niệm Phật ấy đều chẳng ngoài Pháp Thân, Báo Thân, Hóa Thân, Chánh Báo, Y Báo, đều chẳng ngoài những thứ này.

Cửu tiền nhị thị tánh, hậu lục thị tướng.

九前二是性。後六是相。

(Thứ chín, hai món đầu là tánh, sáu món sau là tướng)

Đây là nói về tám loại niệm Phật [vừa được nhắc tới] trong phần trên, loại đầu tiên là Pháp Thân, tức Pháp Tánh Thân, loại thứ hai là Pháp Tánh Độ, đều thuộc pháp tánh. “*Hậu lục thị tướng*”, bất luận là Thật Báo Độ hay Ứng Hóa Độ đều là tướng, nội đức cũng là tướng, diện mạo bên ngoài cũng là tướng, nội đức vẫn là tướng.

Tướng ngoại vô tánh, tánh ngoại vô tướng, tánh tướng giao triệt, chân Phật, chân độ, thị niệm đệ cửu tánh tướng vô ngại.

相外無性，性外無相，性相交徹，真佛真土。是念第九性相無礙。

(Ngoài tướng không có tánh, ngoài tánh không có tướng, tánh và tướng thấu suốt lẫn nhau, đức Phật thật, cõi nước thật, đây là loại niệm Phật thứ chín, tánh tướng vô ngại)

Đây là loại thứ chín. Loại thứ chín và thứ mười hết sức trọng yếu, có thể phá trừ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay. Do chúng ta không hiểu rõ đạo lý này nên mới khởi vọng tưởng, khởi phân biệt, chấp trước. Nếu thật sự hiểu được đạo lý này, tâm quý vị sẽ thanh tịnh, quý vị sẽ chẳng dấy lên vọng tưởng. Biết gì vậy? Ta và người không hai, lợi tha chính là tự lợi, tổn người vốn là tổn mình, quý vị hiểu rõ rồi! Sau khi hiểu rõ, quý vị sẽ tự nhiên sanh khởi tâm đại từ bi, lòng đồng thể đại bi, lòng vô duyên đại từ, quan tâm, yêu thương, che chở hết thảy chúng sanh vô điều kiện. Vì sao vậy? Đều là do tự tánh biến hiện, đều là chính mình! Sao lại là chính mình? Chúng tôi dùng một thân để làm tỷ dụ. Cánh tay, bắp tay là chính mình, ngón tay cũng là chính mình, móng tay cũng là chính mình, mồ hôi, lông cũng là chính mình, tự mình chẳng phải là những thứ ấy hay sao? Mười pháp giới trang nghiêm cũng giống như trạng huống ấy, vậy thì có gì chẳng phải là chính mình ư? Mỗi một lỗ chân lông đều là chính mình! Như vậy rồi quý vị mới hiểu được lời cổ nhân đã nói: “*Sơn hà đại địa đồng hiện hóa vương thân*” (Núi sông, đại địa đều cùng hiện hóa thân vua). Quý vị thấy thấu suốt, hiểu rõ rồi, thấy được Pháp Thân, thừa nhận, khẳng định hết thảy pháp là chính mình. Do vậy, Pháp Thân chẳng phải là năm thứ, Pháp Thân không có sanh diệt. Hóa Thân, Ứng Thân có sanh diệt, Pháp Thân không sanh diệt. Pháp Thân đích thực là chính mình, là vô lượng thọ thật sự. Bởi vậy, đạo lý cuối cùng này rất trọng yếu.

Thập, dĩ tánh dung tướng, tướng tùy tánh dung, linh tiền cửu môn, hợp vị nhất quỹ.

十以性融相，相隨性融，令前九門，合為一揆。

(Mười là do tánh chứa đựng tướng, tướng thuận theo tánh hòa hợp, khiến cho chín môn trước hợp lại thành một khối)

Chín môn trước là một, một là chín. Chính là như trong kinh, đức Phật đã nói: *“Một tức là nhiều, nhiều chính là một. Một và nhiều không hai”*.

Cổ đức đức vô tận, tướng tướng vô cùng, trần trần sát mãn, do như đế võng.

故德德無盡，相相無窮，塵塵剎滿，猶如帝網。

(Vì thế đức nào cũng vô tận, tướng nào cũng vô cùng, trong mỗi hạt vi trần đều có trọn khắp các cõi nước giống như cái lưới của Thiên Đế)

“Đế võng” là tỷ dụ, Đế là Thiên Đế Thích (Sakya Indra), người Trung Quốc gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế. Đại khái là những tôn giáo khác gọi ông ta là Thượng Đế, chữ này chỉ vị chúa cõi trời Đạo Lợi, tức Đế Thích thiên vương. Đức Phật nói trên tầng trời Đạo Lợi, trong Đạo Lợi thiên cung có lưới giăng, lưới giăng vô cùng trang nghiêm. Mỗi gút thắt và mắt lưới có buộc một viên bảo châu, tức Ma Ni bảo châu, phóng quang, ánh sáng chiếu ngời lẫn nhau đẹp không thể tả. *“Do như đế võng”*, thường lấy cái lưới này làm tỷ dụ. Hiện thời hơi ít thấy lưới giăng, ở Đài Loan chúng tôi chưa hề thấy, còn ở Trung Quốc Đại Lục thì tôi không để ý, chắc là có, nhưng có thể trông thấy ở Nhật Bản. Trong rất nhiều tự viện lớn ở Nhật Bản, trên mỗi đầu kèo đều có lưới giăng bện bằng dây đồng để che chở. Tác dụng của lưới chẳng như sau: Do những thứ kiến trúc ấy đều là tác phẩm nghệ thuật cao độ, kèo xà chạm trổ, sợ chim đến làm tổ, phá hoại tác phẩm nghệ thuật. Do vậy, dùng lưới chẳng bện bằng giây đồng để bảo vệ. Quý vị có thể thấy rất rõ ràng, chỉ nhằm để ngăn cho chim không bay vào được, đây là tác dụng của lưới chẳng, mà cũng là vật để trang nghiêm, nhằm mục đích trang nghiêm, giống như một món trang sức, không chỉ có tác dụng bảo vệ mà còn có tác dụng trang sức tạo vẻ mỹ quan.

Thị đệ thập niệm trùng trùng dung nhiếp, đắc hậu nhị môn, tiền giai chân thật.

是第十念重重融攝。得後二門，前皆真實。

(Do vậy, môn niệm Phật thứ mười trùng trùng dung nhiếp. Hễ đạt được hai môn cuối thì những môn trước đều trở thành sự thật).

Nếu quý vị thấu hiểu ý nghĩa của hai môn sau cùng thì đối với tám môn trước, bất luận quý vị niệm tánh hay niệm tướng, thấy đều chân thật, đều là thật. Nếu chẳng hiểu được hai môn cuối, những gì quý vị niệm chỉ là ngoài da, chẳng đau, chẳng ngứa, không có cảm ứng gì hết! Quý vị thật sự hiểu được hai điều này thì “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Lý rất quan trọng! Phải thông đạt, hiểu rõ Lý. Tương ứng ra sao? Sau khi hiểu rõ điều này, tâm quý vị thanh tịnh, quý vị thấy “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” trong Vô Lượng Thọ Kinh, quý vị nhất định đạt được, chỉ có thể nói là trình độ thanh tịnh, bình đẳng, giác có sâu hay cạn bất đồng, cạn thì quý vị nhất định đạt tới được. Hễ đắc thanh tịnh, bình đẳng, giác thì quý vị là Pháp Thân đại sĩ, quý vị chẳng phải là kẻ tầm thường. Vì vậy, gọi là tương ứng, tức là tương ứng với pháp tánh, mà cũng tương ứng với pháp tướng, tương ứng với chư Phật mà cũng tương ứng với chúng sanh, không có một pháp nào chẳng tương ứng.

Kinh tùy biệt thuyết, nghĩa tất cai dung.

經隨別說，義必該融。

(Mỗi kinh [tùy theo đương cơ] mà nói [từng phương diện] riêng biệt, chú ý nghĩa thấy đều chứa đựng trọn vẹn)

Đức Phật giảng kinh, tùy tiện nói tới một phương diện nào đó, quý vị phải hiểu rằng ý nghĩa của kinh ấy viên mãn. Nếu quý vị thấu hiểu được một chút thì quý vị đọc kinh Phật cũng hay, mà giảng giải kinh Phật cũng tốt, ý nghĩa liền viên mãn như thường nói: “*Viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên*” (Người căn tánh viên mãn nói pháp thì không pháp nào chẳng viên mãn), đạo lý là đây! Quý vị nói không viên mãn là vì quý vị chưa đạt được hai môn cuối này, quý vị chưa đạt tới được! Do vậy, chỗ nào quý vị cũng bị chướng ngại, chẳng những gặp chướng ngại nơi kinh giáo mà còn bị chướng ngại trong tu hành, chướng ngại trong cuộc sống, chướng ngại trong công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, chuyện gì cũng bị chướng ngại. Nếu quý vị hiểu được ý nghĩa này, quý vị mới hiểu cái hay của kinh Hoa Nghiêm. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, hiểu được mấy phần thì trong cuộc sống, quý vị sẽ thọ dụng viên mãn. Nay chúng ta gọi đó là hạnh phúc viên mãn, đối xử với người, xử sự đều có thể viên dung. Trong ấy không có xung đột, không có va chạm, tâm địa thanh lương, tự tại, thường sanh trí huệ, quý vị mới hiểu

được sự thù thắng của Niệm Phật! Đây là trước hết, đem mười thứ niệm Phật nói cả ra. Tiếp theo là:

Đệ nhị, hội thích kinh văn giả.

第二會釋經文者。

(Phần thứ hai là giải thích kinh văn)

Đây là phần giải thích kinh văn. Xin hãy coi lời khai thị của ngài Thanh Lương:

Kim niệm thập thân, thị hậu nhị môn.

今念十身，是後二門。

(Nay niệm mười thân chính là hai môn sau)

Chúng ta niệm mười thân của Phật, kinh Hoa Nghiêm nói tới mười thân, niệm mười thân là hai môn cuối.

Cố nhị thập nhất môn, tiền nhị thập môn các dĩ nhị môn niệm u nhất Phật, dĩ thành thập thân vi thập kiến Phật.

故二十一門，前二十門各以二門念於一佛，以成十身為十見佛。

(Nên trong hai mươi một môn, đối với hai mươi môn trước đều lấy hai môn để niệm một Phật, do phối hợp với mười thân mà thành mười môn thấy Phật)

Hai mươi một môn này do đâu mà có? Do như vậy mà có! Cứ mỗi hai môn [trong số hai mươi môn đầu] thuộc về một loại trong mười thân, cứ mỗi hai môn là một loại. Do vậy, thành ra hai mươi môn. Môn cuối cùng dung hợp thành môn thứ mười. Chúng ta tiếp tục coi đoạn chú giải tiếp theo:

Vị sơ nhị môn tức thị nguyện Phật, diệc danh nguyện thân. Luận thích nguyện thân nguyện sanh Đâu Suất.

謂初二門即是願佛，亦名願身。論釋願身願生兜率。

(Nghĩa là: Hai môn đầu chính là Nguyện Phật, còn gọi là Nguyện Thân. Luận giải thích: “*Nguyện thân nguyện sanh lên trời Đâu Suất*”)

Hiện thời, rất nhiều người học Phật mong mỗi trong tương lai sẽ sanh về trời Đâu Suất, thân cận Di Lạc Bồ Tát. Di Lạc Bồ Tát trong đời tương lai sẽ giảng sanh thành Phật, bọn họ phát nguyện làm đệ tử đức Phật, giống như một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị đệ tử của đức Thế Tôn thân cận đức Phật vậy. Phát nguyện ấy rất khó có, nguyện tâm rất hay, nhưng quý vị phải hiểu cách tu ra sao. Nếu chẳng hiểu cách tu, chưa chắc quý vị đã sanh lên trời Đâu Suất được! Phải hiểu đạo lý này! Nói thật ra, điều kiện sanh lên trời Đâu Suất so với Tây Phương Cực Lạc thế giới khó khăn hơn rất nhiều. Ngài Di Lạc hiện đang là Bồ Tát, vẫn chưa thành Phật, Ngài bị hạn chế rất nghiêm trọng, không được viên dung như A Di Đà Phật. Vì thế, tỳ-kheo Cát Tường Vân niệm A Di Đà Phật, không niệm Di Lạc Bồ Tát. Câu thứ nhất chỉ điểm cho chúng ta điều này. Trong hai môn này, môn thứ nhất tương ứng với câu thứ nhất trong kinh văn:

Sơ môn cung điện tức thiên cung đẳng.

初門宮殿即天宮等。

(Môn đầu tiên, cung điện tức là cung trời v.v...)

Trong kinh văn quý vị thấy câu thứ nhất là: “*Sở vị trí quang phổ chiếu sai biệt cảnh giới niệm Phật môn*” (Tức là môn niệm Phật trí quang chiếu khắp cảnh giới sai biệt). Đây là danh xưng, nghiệp dụng của pháp môn: “*Thường kiến chư Phật chủng chủng quốc độ, cung điện trang nghiêm tất hiện tiền cố*” (Do thường thấy các thứ cõi nước, cung điện trang nghiêm của chư Phật đều hiện tiền). Cung điện được nói ở đây là cung trời, nói thật ra, chỉ cho thiên cung trong Đâu Suất nội viện của Di Lạc Bồ Tát. Khi người ấy thật sự tu thành, cảnh giới ấy sẽ hiện tiền.

Qua Niên Phổ của lão hòa thượng Hư Vân, chúng ta thấy lão hòa thượng Hư Vân phát nguyện vãng sanh Đâu Suất nội viện, Ngài tu thành công. Trong Niên Phổ có chép khi Ngài nhập định, hình tướng của thiên cung trong nội viện Đâu Suất liền hiện tiền, Ngài bước vào, cũng trông thấy có mấy người quen biết đã vãng sanh đến nơi ấy. Ngài thấy Di Lạc Bồ Tát cũng nghe giảng một thời kinh, Di Lạc Bồ Tát bảo Ngài quay về: “Ông còn có chuyện chưa làm xong”, đúng là Ngài (tức Di Lạc Bồ Tát) hiện tiền, trọn không phải giả.

Hậu môn ý lạc chính thị nguyện thể.

後門意樂正是願體。

(Trong môn sau, ý lạc chính là Thể của nguyện)

Câu thứ hai trong phần sau, tức là “*linh an trụ chủng chủng tăng thượng ý nhạo niệm Phật môn*” (môn Niệm Phật khiến cho an trụ các thứ ý nhạo tăng thượng), nghiệp dụng của nó là “*tùy chư chúng sanh tâm chi sở nhạo, giai linh kiến Phật đắc thanh tịnh cố*” (do tùy theo lòng ưa thích của các chúng sanh đều làm cho họ thấy Phật được thanh tịnh), [đại sư] giải thích câu này. Đây là môn kế tiếp, đây là Thể của nguyện.

Cổ Phạn bản trung danh Thượng Thăng Môn. Lý thực Như Lai nguyện châu pháp giới, tùy nhạo linh kiến, thị xuất sanh nghĩa. Cổ thập kiến Phật, danh Xuất Sanh Kiến.

故梵本中名上昇門。理實如來願周法界，隨樂令見，是出生義。故十見佛，名出生見。

(Nên trong Phạn bản gọi là Thượng Thăng Môn. Xét trên thực tế của Lý Thể, nguyện của Như Lai trọn khắp pháp giới, thuận theo lòng ưa thích khiến cho chúng sanh được thấy. Đây là nghĩa xuất sanh. Vì thế, trong mười môn thấy Phật, môn này được gọi là Xuất Sanh Kiến).

Đây là so với Phạn bản, tức nguyên bản của kinh Hoa Nghiêm, ý nghĩa trong nguyên bản là Thượng Thăng Môn. Phần sau nhằm giải thích cho chúng ta:

Lý thực Như Lai nguyện châu pháp giới.

理實如來願周法界。

(Xét trên thực tế của Lý Thể, nguyện của Như Lai trọn khắp pháp giới).

“*Lý*” là Lý Thể, cũng là Tánh Thể, “*thực*” là chân thực; chúng ta gọi là chân tướng sự thật, Như Lai là tự tánh. Quý vị thấy hết thấy kinh Đại Thừa, trong kinh Kim Cang nói rất nhiều. Nếu gọi là Phật thì chính là nói theo mặt tướng; nếu gọi là Như Lai thì là luận theo mặt tánh. Vì vậy, Như Lai chính là Tự Tánh Phật. “*Nguyện châu pháp giới*” chẳng riêng gì bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật trọn khắp pháp giới mà các nguyện do hết thấy chư Phật, Bồ Tát đã phát ra cũng đều trọn khắp pháp giới. Vì sao vậy? Do từ chân tâm phát ra. Vì sao nguyện của phàm phu chúng ta chẳng thể trọn khắp? Do từ vọng tâm phát ra, chứ không phải chân tâm, phàm phu dùng vọng tâm, dùng tâm ý thức. Nói cách khác, phàm phu dùng cái tâm nào? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; coi đây là tâm. Do vậy, quý vị phát nguyện, quý vị phát nguyện gì? Khởi vọng tưởng. Vọng tưởng có lúc gián

đoạn, có lúc liên tục. Lúc gián đoạn thì nhiều, lúc liên tục thì ít, do vậy nó chẳng khởi tác dụng. Vừa mới phát ra một nguyện, loay hoay liền quên mất.

Quý vị tụng khóa sáng, đối trước Phật, Bồ Tát phát nguyện, “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”. Tụng khóa sáng xong, thấy người này bèn chán ghét, không độ người ấy, ngay lập tức không còn [nguyện ấy] nữa; cho thấy [rõ ràng là] “*miệng đúng, tâm sai*”. Vì sao nguyện do chư Phật, Bồ Tát đã phát bèn trọn khắp pháp giới? Các Ngài phát nguyện từ chân tánh, các Ngài chẳng dùng tâm ý thức, không dùng vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng dùng những thứ ấy. Các ngài phát xuất từ tâm thanh tịnh, đương nhiên khác hẳn. Vì vậy, câu “*tùy nhạo linh kiến*” này chính là như kinh Lăng Nghiêm nói: “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*”. Trong mười phương pháp giới, Phật được gọi là chư Phật, Bồ Tát; chư Phật, Bồ Tát không có hình tướng nhất định. Pháp giới vô lượng vô biên, nơi nào có chúng sanh mong thấy Phật, mong thấy Bồ Tát, Ngài lập tức hiện thân, nên dùng thân nào để độ được thì Ngài liền hiện thân ấy. Ngài trọn chẳng có ý niệm “tôi muốn hiện thân nào”, không phải vậy, hoàn toàn là vô ý. Nếu có ý sẽ biến thành phàm phu, là giả, không thật. Ý ấy là gì? Ý là phàm phu; phàm phu động một tâm niệm gọi là “*phàm phu có cảm*”, Phật tự nhiên sẽ ứng, cảm ứng đạo giao. Đạo lý cảm ứng ấy cũng không dễ hiểu; vì thế, cổ đức dùng cái khánh để làm tỷ dụ. Chúng ta gõ khánh là Cảm, khánh vừa gõ liền có tiếng vang, tiếng vang là Ứng. Chúng ta gõ khánh là có tâm, còn khánh ứng là vô tâm; dùng tỷ dụ này để hình dung Phật ứng với chúng sanh trong mười phương pháp giới, không có ý niệm, không khởi tâm động niệm, tự nhiên, pháp vốn là như vậy. Đây là cảm ứng đạo giao, trọn không khởi tâm động niệm. Do vậy, đây là “*tùy nhạo linh kiến*”, tức là thuận theo lòng ưa thích của chúng sanh, thuận theo khả năng nhận biết trong tâm chúng sanh; đây là ý nghĩa Xuất Sanh.

Cố thập kiến Phật, danh Xuất Sanh Kiến.

故十見佛，名出生見。

(Vì thế, trong mười môn thấy Phật, [môn này được] gọi là Xuất Sanh Kiến)

Mười thứ không thấy được, còn quý vị mười thứ đều thấy. Bất cứ một môn nào trong mười môn thấy Phật, hết thấy chúng sanh đều có phần, phàm phu cũng có phần. Nay chúng ta tạo tượng Phật, tạo tượng A Di Đà Phật, chúng ta mỗi ngày trông thấy Ngài, mỗi ngày cung kính, lễ bái, quán tưởng, in hình tượng A Di Đà Phật vào A Lại Da Thức của chính mình, quán tượng niệm Phật. Niệm như vậy là niệm tượng Phật của Ứng Hóa Thân. Mười thứ

thân phàm phu chúng ta đều có phần. Do vậy, pháp này gọi là Xuất Sanh Kiến, đây cũng chính là y báo, chánh báo trang nghiêm của Phật được sanh khởi trong tâm ý thức của quý vị, khởi lên ý niệm này. Phần tiếp theo:

Tam tứ nhị môn tức bản tánh Phật, danh vi trí thân. Phật dĩ trí huệ vi bản tánh cố.

三四二門即本性佛，名為智身。佛以智慧為本性故。

(Hai môn thứ ba và thứ tư chính là niệm đức Phật trong bản tánh, gọi là Trí Thân, vì Phật lấy trí huệ làm bản tánh)

Đây là câu thứ ba và câu thứ tư trong kinh văn, cũng có nghĩa là nói về môn thứ ba và môn thứ tư. Môn trước là môn thứ ba, niệm Thập Lực Trí, Môn sau là môn thứ tư, tức niệm Vô Ngại Trí.

Trí tắc minh liễu vi kiến.

智則明了為見。

(Đối với trí thì coi hiểu rõ là thấy)

Do đây biết rằng, Kiến (見) được nói ở đây chẳng phải là thấy bằng nhục nhãn, mà có nghĩa là trong tâm quý vị thấu hiểu, hiểu rõ, thông đạt, chữ Kiến luôn được hiểu theo nghĩa này. Do vậy, hễ nói tới Kiến thì tác dụng của sáu căn đều gọi là Kiến. Như phương pháp tu hành của Quán Thế Âm Bồ Tát trong kinh Lăng Nghiêm: “*Phản văn, văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo*” (Xoay cái Nghe để nghe tự tánh, tánh trở thành đạo vô thượng). Cái Nghe của Ngài tuy dùng Nhĩ Căn làm đại diện, nhưng sáu căn khởi tác dụng đều gọi là Văn (nghe), đều gọi là Phản Văn (xoay trở lại cái Nghe), như vậy mới là ý nghĩa viên mãn. Ở chỗ này, Kiến cũng mang cùng một ý nghĩa, lấy Nhãn Căn đại diện cho sáu căn. Từ đoạn khai thị này, chúng ta hiểu Bản Tánh Phật là Trí Thân. Nói tới mười thứ Phật, mười thứ thân, thì chúng ta mới hiểu được sự trọng yếu của trí huệ Bát Nhã! Không có trí huệ Bát Nhã thì quý vị chẳng thể thấy tánh. Minh tâm kiến tánh thì trí huệ của quý vị được thành tựu. Thừa cùng quý vị, Trí Thân chính là Báo Thân, Báo Thân lấy trí huệ làm thân, Bát Nhã trọng yếu lắm!

Trí huệ do đâu mà có? Trí huệ phát sanh từ Thiền Định, chẳng phải do nghiên cứu kinh giáo mà có thể mở mang trí huệ được. Không hề có chuyện ấy, ngàn vạn phần quý vị đừng lầm lẫn! Quý vị ngộ nghiên cứu kinh giáo, tốn công sức mấy chục năm, quý vị sẽ mở mang trí huệ; nếu quý vị dồn công sức nơi kinh giáo, bỏ ra công sức mấy chục năm thì quý vị sẽ đạt được

những gì? Đại sư Thanh Lương nói rất hay, “*tăng trưởng tà kiến*”. Những điều đã nói trong kinh giáo đều biến tà tri tà kiến của quý vị; quý vị nói xem có phải là oan uổng hay không? Đại sư Thanh Lương nói như thế này: “*Có hiểu mà không hành sẽ tăng trưởng tà kiến*”. Hành là gì vậy? Hành là tu hành, tu hành điều gì? Phải tu sao cho đoạn được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tu đoạn được chúng rồi thì tâm thanh tịnh của quý vị mới hiện tiền; tâm thanh tịnh là Thiền Định. Nhân Định khai Huệ, đây mới gọi là sanh ra trí huệ chân thật.

Nói cách khác, chúng ta nghiên cứu kinh giáo, nhưng nếu nghiên cứu kinh giáo mà chẳng thể đạt được tâm thanh tịnh, hằng ngày nghiên cứu, cứ phân biệt, chấp trước thì hoàn toàn sai mất rồi. Cõi Phật pháp như pháp thế gian thì hết thấy kinh giáo sẽ không có một bộ kinh giáo nào là Phật pháp cả, hoàn toàn là pháp thế gian. Nếu quý vị hiểu được đạo lý này thì quý vị sẽ quay ngược lại, không phân biệt, không chấp trước, thưa với quý vị, quý vị sẽ thấy những pháp thế gian hoàn toàn là Phật pháp, không có một pháp nào chẳng phải là Phật pháp. Quý vị nói xem tại sao như vậy? Không nói tới thế gian nào khác, quý vị hằng ngày đọc báo, báo chí chẳng phải là kinh Hoa Nghiêm ư? Quý vị biết cách coi thì nó sẽ là kinh Hoa Nghiêm, vì sao vậy? Quý vị đọc mà không phân biệt, không chấp trước, không dấy vọng tưởng, đọc mà vẫn như không đọc, không đọc mà như đọc, chẳng phải là quý vị đắc Định rồi sao? Định là mở mang trí huệ! Đạo lý như vậy đó! Do vậy, đức Phật thuyết pháp, thuyết mà chẳng thuyết, chẳng thuyết mà thuyết; quý vị là người biết cách nghe, nghe mà như không nghe, không nghe mà nghe, khai trí huệ đây!

Một tiếng rưỡi đồng hồ để làm gì ở đây? Một tiếng rưỡi đồng hồ để đồng thời thực hiện Tam Học Giới - Định - Huệ. Giới là đúng như pháp; ngồi tại nơi đây đúng quy củ, đoạn chánh. Định là tâm thanh tịnh, không có vọng tưởng, không phân biệt, không chấp trước. Huệ là quý vị nghe giảng kinh ở đây, từng câu, từng chữ nghe lọt vào tai, rành rẽ, phân minh, quý vị chẳng hồ đồ, sanh trí huệ từ nơi ấy. Nghe xong, ngộ nhập, chẳng phải từ nơi văn tự, chẳng phải từ lời nói. Hễ chấp tại văn tự, lời lẽ thì chắc chắn quý vị chẳng thể ngộ nhập được! Do vậy, Mã Minh Bồ Tát nói thật hay, quý vị nghe giáo pháp như thế nào? Đọc kinh, nghe giáo pháp như thế nào? “*Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự*”. Đừng chấp trước vào thuật ngữ và danh từ; lìa tướng tâm duyên như thế nào? Chẳng thể suy tưởng! Nếu “ý nghĩa ra sao? Hãy nghĩ xem!” là xong rồi! Hễ suy tưởng là rớt vào ý thức rồi! Không cần phải suy tưởng chi cả, hễ nghe liền hiểu rõ, đây là Huệ. Chẳng cần phải suy tưởng nữa, suy tưởng sẽ chẳng thể hiểu rõ được, càng suy nghĩ càng lộn xộn, càng suy tưởng càng lằm, không suy tưởng sẽ thật sự minh bạch.

Đây là nói rõ chỗ khác nhau trong phương pháp dụng công giữa chư Phật, Bồ Tát và chúng ta. Nếu áp dụng phương pháp như vậy để nghe kinh, cũng dùng phương pháp như vậy trong cuộc sống, cũng dùng phương pháp như vậy trong công việc, cũng dùng phương pháp như vậy trong ứng xử thì quý vị sẽ được đại tự tại. Nếu quý vị không biết dùng, khi nghe kinh miễn cưỡng áp dụng một chút thì rời khỏi Phật đường sẽ quên sạch, vẫn y hệt như cũ, quý vị chẳng thể thọ dụng được. Nghe kinh tại nơi đây, học hiểu xong, phải áp dụng vào sinh hoạt, áp dụng vào công việc thường ngày thì quý vị mới thật sự có trí huệ. Do vậy, trí huệ quan trọng lắm. Không riêng gì Đại Bát Nhã Kinh giảng về trí huệ mà hết thầy kinh đều giảng về trí huệ. Do vậy, mong rằng quý vị hãy chú tâm thấu hiểu Bát Nhã rất sâu từ trong kinh giáo, sẽ thấy thú vị vô cùng. Ý nghĩa câu này vẫn chưa giảng xong, nhưng nay đã hết giờ rồi, ngày mai chúng tôi sẽ giảng tiếp.

**Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh Hạnh Nguyên Phẩm
Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương,
Phần 4 hết**

---o0o---

Phần 5

Tập thứ chín (12-13-09)

Xin mở quyển kinh, trang thứ hai mươi lăm, dòng thứ tư, đọc từ chính giữa.

Tam tứ nhị môn tức bản tánh Phật, danh vi Trí Thân, Phật dĩ trí huệ vi bản tánh cố.

三四二門即本性佛，名為智身。佛以智慧為本性故。

(Hai môn thứ ba và thứ tư chính là niệm đức Phật trong bản tánh, gọi là Trí Thân, vì Phật lấy trí huệ làm bản tánh)

Đây chính là lời giải thích cho câu thứ ba và thứ tư của kinh văn trong phần trước, chúng ta hãy đọc câu kế tiếp cho dễ giảng hơn một chút.

Tiền môn thập lực trí, hậu môn vô礙智。智則明了為見。

前門十力智。後門無礙智。智則明了為見。

(Môn trước là Thập Lục Trí, môn sau là Vô Ngại Trí. Đối với trí thì [gọi] hiểu rõ là thấy)

Chúng tôi đã giảng đến chỗ này. “*Tiền*” là câu thứ ba, “*hậu*” là câu thứ tư, chúng ta không cần đọc lại đoạn kinh văn trong đoạn trước.

Theo danh từ triết học hiện thời, “*bản tánh*” được gọi là “*bản thể*”, tức bản thể của vũ trụ vạn hữu. Triết học gia tuy lập ra danh từ, thuật ngữ này, nhưng dựa theo thực tại chân tướng sự thật để nói thì họ vẫn chỉ sò soạng; nói chung là họ tưởng tượng vũ trụ do đâu mà có, nói chung, [họ suy luận vũ trụ phải] có căn nguyên, rồi gọi căn nguyên ấy là bản thể. Nhưng trong Phật pháp Đại Thừa, đối với chuyện này, chư Phật Như Lai thật sự hiểu rõ, thật sự thấy rõ ràng. Trong bộ kinh này, cảnh giới ấy được gọi “*đại bất khả tư nghị giải thoát cảnh giới*” (cảnh giới giải thoát to lớn chẳng thể nghĩ bàn). Gọi là “*đại bất tư nghị*” nhằm đối ứng với những gì được nói trong kinh Duy Ma. Cảnh giới trong kinh Duy Ma được gọi là “*tiểu bất tư nghị*” bởi cảnh giới được nói trong kinh ấy mang tánh chất cục bộ, còn cảnh giới được giảng trong kinh này là viên mãn. Bản tánh mới thật sự là chính mình, mới là con người gốc, ý nghĩa này rất khó hiểu.

Thiền Tông đạt đến cảnh giới tối hậu, thường gọi là “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”, kiến tánh chính là thấy được Bản Tánh Phật. Cái thân [thấy được do] kiến tánh chính là thân trí huệ, trong phần trên chúng tôi đã nói thân trí huệ thuộc về Báo Thân. Trí huệ chẳng phải do từ bên ngoài có mà là sẵn có trong tự tánh; vấn đề này trước hết vẫn phải từ nơi bản tánh mà nói, rất khó nói, đương nhiên nghe cũng không dễ hiểu. Trong kinh thường dùng tỷ dụ để chúng ta thấu hiểu được điều này. Ví như nằm mộng, tôi nghĩ mỗi vị đồng tu đều có kinh nghiệm nằm mộng. Nếu như khi quý vị tỉnh giấc mộng, quý vị bèn suy nghĩ: Những cảnh giới trong mộng do đâu mà có? Có nghĩ tới chuyện này hay chăng? Người học Phật phải thường lãnh hội từ chỗ này thì quý vị sẽ dễ khai ngộ hơn.

Trong phần trên, tôi đã thưa với quý vị, Bồ Tát sau khi kiến tánh liền chứng được Pháp Thân. Pháp Thân là gì? Pháp Thân là nói theo phương tiện sở chứng, Năng Chứng (chủ thể để chứng) là trí huệ, Sở Chứng (cái được chứng) là Pháp Thân thanh tịnh. “*Pháp*” là vũ trụ vạn pháp, chẳng những là hết thấy pháp trong mười pháp giới mà còn bao quát hết thấy pháp trong Nhất Chân pháp giới. Y báo, chánh báo trang nghiêm nơi thế giới Hoa Tạng của Tỳ Lô Giá Na Phật trong kinh Hoa Nghiêm, thế giới Tây Phương Cực Lạc của A Di Đà Phật do đâu mà có? Đều do tự tánh biến hiện. Giống như một người nằm mộng, cảnh giới trong mộng đều do tự tánh của chúng ta biến hiện. Nếu quý vị thật sự giác ngộ, vậy thì phải hỏi quý vị, thứ gì trong mộng là cái thân của quý vị? Cũng có thể nói bất cứ thứ gì trong mộng cũng

đều là chính quý vị hay chẳng? Cảnh giới nào trong mộng chẳng phải là chính quý vị? Nếu quý vị hiểu rõ cảnh trong mộng toàn là do tự tánh biến hiện, bản thân ta trong giấc mộng là chính mình, mà kẻ khác trong giấc mộng vẫn là chính mình, núi, sông, đại địa, hư không, thế giới trong giấc mộng cũng là chính mình, đây gọi là “*toàn chân tức là vọng, toàn vọng tức là chân*”. Do chư Phật, Bồ Tát biết chân tướng sự thật này, tận hư không, trọn pháp giới là chính ta, ngoài chính ta ra, tìm không được một món thứ hai nào cả! Do vậy, tâm từ bi của họ tự nhiên dấy lên, lòng từ bi ấy gọi là vô duyên đại từ, “*vô duyên*” nghĩa là không có điều kiện.

Nay chúng ta gọi “từ bi” là “yêu thương, che chở chúng sanh, quan tâm tới chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh không điều kiện”. Vì sao không điều kiện? Ta và người chẳng hai! Giúp người khác tức là giúp chính mình, chẳng những ta - người không hai, thừa với quý vị, còn là “*sanh Phật bất nhị*”. “*Sanh*” là chúng sanh, chúng ta nay đang là chúng sanh; Phật là A Di Đà Phật, là Tỳ Lô Giá Na Như Lai, hết thấy chư Phật Như Lai, chúng ta và các Ngài cũng không hai! Không hai như thế nào? Thân ta đây do tự tánh biến hiện, thân chư Phật cũng do tự tánh ấy biến hiện. Năng Biến (chủ thể để biến) là một, Sở Biến (cái được biến hiện) ngàn vạn sai khác. Vì sao có nhiều sai biệt như thế? Cội nguồn của hiện tượng sai biệt là do phân biệt, vọng tưởng, chấp trước. Trong kinh này, đức Phật nói rất hay. Tất cả tướng của hết thấy cảnh giới chỉ do tâm hiện, chỉ do Thức biến. Tâm có thể hiện ra cảnh giới, giống như cảnh giới trong mộng là do tâm hiện. Những cảnh giới được dấy lên trong mộng ấy biến hóa rất nhiều, đây là tác dụng của Thức. Thức là tác dụng của vọng tưởng, phân biệt; tách lia vọng tưởng, phân biệt thì hết thấy những tướng biến hóa ấy sẽ không còn nữa! Không có biến hóa thì là có tướng hay không có? Có Tướng, có Thể, có tác dụng, ấy mới là thật sự viên mãn!

Do vậy học Phật thì chuyện đầu tiên là phải mở rộng tâm lượng. Quý vị thấy Phật, Bồ Tát khởi tâm động niệm đều là vì hết thấy chúng sanh trong tận hư không, trọn pháp giới, ý niệm của các Ngài nằm ở chỗ này, chứ chẳng vì một cá nhân ta, cũng chẳng vì gia đình ta, vì một đoàn thể nhỏ của ta, chẳng vì những thứ ấy! Khởi tâm động niệm đều là hư không pháp giới, chẳng bỏ sót chúng sanh nào! Trí huệ như vậy mới là viên mãn! Không phải là chúng ta không có trí huệ! Trí huệ của chúng ta viên mãn giống như trí huệ của chư Phật; vì sao nay lại biến thành ngu si như thế, trí huệ đi về đâu rồi? Phật dạy chúng ta: Trí huệ của chúng ta trọn chẳng hoàn toàn biến mất, chỉ là vì có những chướng ngại nầy sanh trong ấy khiến cho trí huệ của chúng ta chẳng thể khởi tác dụng được, chẳng tỏ lộ được.

Chướng ngại là gì? Chúng ta nhất định phải hiểu điều này. Đức Phật đã quy nạp vô lượng vô biên chướng ngại thành hai loại lớn, một loại là

Phiền Não Chướng, loại kia là Sở Tri Chướng. Do đâu có phiền não? Do chúng ta chấp nhặt, có quan niệm sai lầm, tưởng cái thân chính là ta nên phiền não nầy sanh. Sở Tri Chướng do pháp chấp mà có, ngộ hết thấy vạn pháp là thật có, đây là sai lầm! Kinh Kim Cang đã giảng rất minh bạch: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh. Như lộ, diệt như điện. Ứng tác như thị quán*” (Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt bóng, như sương, cũng như chớp. Hãy nên quán như thế). Bài kệ này của kinh Kim Cang đã được các khoa học gia hiện thời chứng thực. Hiện thời người ta nghiên cứu vật lý học không gian, nghiên cứu lượng tử lực học, thấy thực tế hết sức gần giống như những điều đã được nói trong bài kệ này của kinh Kim Cang. Ba ngàn năm sau đức Thích Ca Mâu Ni Phật, khoa học gia mới phát hiện điều này. Từ ba ngàn năm trước, đức Thế Tôn đã nói với chúng ta chân tướng sự thật này, chúng ta chẳng thể không bội phục!

Vì vậy, đức Phật dạy chúng ta: Chỉ cần trừ khử chướng ngại thì trí huệ sẵn có của chúng ta liền hiện tiền. Làm thế nào để trừ khử chướng ngại, đây là một nan đề lớn. Bởi lẽ, có thể nói là hết thấy phạm phu chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay đã dưỡng thành một thói quen rất xấu, một tập quán tệ hại; tập quán ấy chính là thấy sắc nghe tiếng liền khởi tâm động niệm, rắc rối ở chỗ này. Bản lãnh của chư Phật, Bồ Tát là ở chỗ nào? Các Ngài thấy sắc nghe tiếng, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, sai biệt ở chỗ này. Chúng ta phải mặc áo, ăn cơm, chư Phật, Bồ Tát cũng phải mặc áo, ăn cơm. Chúng ta mỗi ngày làm việc, Phật, Bồ Tát cũng làm việc. Nói cách khác, chẳng khác gì nhau cả! Chỗ bất đồng là dụng tâm khác nhau! Các ngài dùng chân tâm, chúng ta dùng vọng tâm, vọng tâm có chướng ngại, chân tâm không có chướng ngại. Chân tâm là gì? Vọng tâm là gì? Kinh Đại Thừa đã giảng rất nhiều, đặc biệt giảng tường tận là kinh Lăng Nghiêm. Cổ nhân nói: “*Lăng Nghiêm khai trí huệ*”. Câu nói này chẳng phải là không có đạo lý! Kinh Lăng Nghiêm dạy chúng ta “*bỏ Thức dùng Căn*”, nhằm bảo cụ thể với chúng ta: Chư Phật, Bồ Tát dùng chân tâm; chân tâm là gì? Căn tánh trong lục căn chính là chân tâm, nhưng chúng ta sử dụng gì? Chúng ta dùng sáu thức, Thức là gì? Thức là chân tâm bị ô nhiễm, nên gọi là Thức. Bị ô nhiễm bởi gì? Bị ô nhiễm bởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, biến thành Thức. Thức là vọng tâm. Phương pháp tu hành trong Đại Thừa rất nhiệm mầu mà cũng hết sức cao minh!

Trong bản chú giải kinh Lăng Nghiêm, đại sư Giao Quang, bản chú giải của Ngài có tên là [Lăng Nghiêm Kinh] Chánh Mạch, đặc biệt đề xướng “*bỏ Thức dùng Căn*”. Ngài giảng rất minh bạch, rất rõ ràng, rất đơn giản, rất trọng yếu. Điều hết sức đáng tiếc là chúng ta tập khí quá nặng, chúng ta hiểu những đạo lý ấy, cũng hiểu được phương pháp, nhưng không dụng công được. Vì sao vậy? Mắt thấy sắc liền phân biệt, vẫn là chấp trước, nên không

có cách nào cả! Trong các buổi giảng, tôi thường khuyên lơn, khích lệ các đồng tu, tôi nói rất đơn giản, rất dễ hiểu. Tôi khuyên mọi người mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, đừng khởi tâm, đừng động niệm, đừng phân biệt, đừng chấp trước, nói như vậy càng đơn giản, càng dễ hiểu hơn! Nếu quý vị làm được bốn câu này, đây chính là “*bỏ Thức dùng Căn*” như đại sư Giao Quang đã nói; khi ấy, quý vị thấy Sắc chẳng phải là thấy bằng Nhãn Thức mà là thấy tánh, thấy tánh là thấy gì? Thấy tánh là thấy Sắc Tánh, chẳng phải là Sắc Trần. Hiện thời chúng ta dùng Nhãn Thức, Nhãn Thức thấy Sắc Trần, Nhãn Thức là vọng tâm, Sắc Trần là ô nhiễm. Tánh Nghe (Văn Tánh) nghe nơi Thanh Tánh, chẳng phải là [nghe nơi thanh] trần. Thiên Tông gọi đây là “*minh tâm kiến tánh*”. Mắt thấy Sắc Tánh, tai nghe Thanh Tánh, lưỡi nếm Vị Tánh, chẳng gọi là Lục Trần, mà gọi là Lục Tánh. Tông Môn nói tới “*minh tâm kiến tánh*” thì minh tâm kiến tánh là chuyện gì vậy? Đây chính là lục căn có thể thật sự đối trước cảnh giới sáu trần mà không phân biệt, không vọng tưởng, không chấp trước thì thành công rồi.

Tuy chúng ta chưa làm được, nhưng quý vị hiểu được nguyên lý này, hiểu được phương pháp này, hiểu được chân tướng sự thật, xem nhẹ các duyên trong cõi đời, điểm này rất quan trọng. Nếu quý vị vọng tưởng, chấp trước mỗi năm một nhạt dần, công phu của quý vị sẽ đặc lực, trí huệ của quý vị nhất định mở mang. Vì sao? Phiền não, vọng niệm bớt một phần, trí huệ nơi tự tánh của quý vị sẽ bộc lộ ra ngoài một phần. Vọng tưởng, chấp trước giảm được hai phần, trí huệ sẽ bộc lộ hai phần. Chẳng phải là nói ta phải đoạn sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì trí huệ mới tỏ lộ, chẳng phải vậy! Những thứ ấy có tác dụng ngược nhau; trí huệ tăng trưởng thì phiền não nhẹ bớt, phiền não tăng trưởng thì trí huệ cũng giảm ít, chuyện ấy là như vậy đó! Trong thực tại, nếu không đổ công sức vào đây được thì tổ sư đại đức đã dạy chúng ta “*thật thà niệm Phật*”, cách này cũng tuyệt diệu!

Quý vị phải hiểu mấu chốt của Niệm Phật là hai chữ “*thật thà*”. Thế nào mới gọi là “*thật thà*”? Thật sự buông xuống hết thảy những sự việc, những chuyện phiền phức trong tâm, mà cũng là nói có những chuyện quý vị chẳng thể không làm. Hết thảy chư Phật, Bồ Tát đều làm lụng, đều làm việc, chứ không phải là nói quý vị buông bỏ công việc, buông bỏ công chuyện, chẳng phải vậy! Mà là nói quý vị hãy buông những thứ lo rầu, vương vấn trong tâm xuống, đừng suy tưởng những chuyện ấy nữa! Cũng có những kẻ nói chúng tôi làm những công việc này nọ muốn không suy tưởng thì làm sao thực hiện công việc ấy cho tốt đẹp được? Thật ra, đây là quan niệm sai lầm! Quý vị suy nghĩ, dò xét, tức là sử dụng vọng tâm, tâm ý thức, tránh sao khỏi làm gì cũng đều chẳng viên mãn? Nếu quý vị không dùng tâm tư để suy xét, khi làm thì quý vị nghiêm túc làm, khi không làm thì trong tâm sạch sẽ,

một vọng niệm cũng chẳng có; tốt nhất là thật thà niệm Phật, đấy là tốt nhất! Khi công việc đang hiện hữu, quý vị sẽ sanh trí huệ, trí huệ hiện tiền; há lẽ nào có chuyện gì lại làm không tốt ư? So ra, trí huệ cao minh hơn suy lường nhiều lắm!

Nếu quý vị không tin tưởng, trong số quý vị rất nhiều đồng tu đã theo tôi bao nhiêu năm, quý vị thấy những vị đồng tu học giảng kinh. Gần đây nhất có những vị xuất gia trẻ tuổi học giảng kinh, quý vị thấy họ dùng trí suy nghĩ, dùng suy lường vào đó: Ban đêm viết bút ký đến ba bốn giờ đêm không ngủ nghỉ, dụng công như thế, nhưng khi lên giảng đài thì sao? Khi lên giảng đài, tôi lắng nghe, họ đều không thể trình bày được ý tưởng, còn tôi thì sao? Tôi không đọc. Về căn bản là tôi không đọc bản kinh, tôi cũng không chuẩn bị. Đến giờ thì pháp sư còn có hai phút nhanh chóng mặc áo, đi tới nơi. Tôi giảng chỗ nào cũng hợp đạo, do nguyên nhân gì vậy? Khi chẳng giảng kinh, trong đầu rỗng rang, vật gì cũng chẳng có. Khi mở cuốn kinh ra thì vô lượng nghĩa, nói dài, nói ngắn, nói sâu, nói cạn, rất đại tự tại! Đây chẳng phải là một chứng minh rất tốt ư? Vì sao lại muốn suy nghĩ loạn xạ? Chuẩn bị bài giảng là suy nghĩ loạn xạ. Thế nhưng cũng rất đáng thương, khi không chuẩn bị thì khi lên giảng đài, một câu người ấy cũng không thốt ra được, họ gặp khó khăn ở chỗ này. Nguyên nhân là do đâu? Do tập khí phiền não quá nặng; nếu người ấy không nghĩ đến kinh thì sẽ nghĩ ngợi đủ thứ loạn xạ, chẳng thể nào không nghĩ ngợi. Tu hành có công phu là gì? Người có công phu tu hành không có vọng tưởng, không có ý niệm. Quý vị phải hiểu: Không có ý niệm thì tâm thanh tịnh. Quý vị thấy Vô Lượng Thọ Kinh là thanh tịnh, bình đẳng, giác, không có ý niệm là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Kinh Bát Nhã dạy “*Bát Nhã vô tri*”, đấy là chân trí huệ, vô tri là chân trí huệ, là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh khởi lên tác dụng là vô lượng trí huệ, không gì chẳng biết. Đạo lý này rất sâu, rất rộng!

Thuở trước, đại khái là khoảng mười mấy năm trước kia, tôi có một người bạn cũ, địa vị cũng rất cao, đương nhiên công việc rất bận rộn. Có một lần gặp mặt nhau, ăn cơm với nhau, ông ta nói mình đã già quá rồi (khi ấy, ông ta ước chừng sáu mươi mấy tuổi), mệt mỏi quá, thể lực lẫn tinh thần đều kém trước kia. Tôi dạy ông ta một phương pháp, tôi nói ông vào mỗi sáng sớm, hãy tịnh tọa mười phút, chẳng cần phải ngồi xếp bằng, không cần! Ông ngồi trên sofa cũng được, ngồi thoải mái trên sofa để cho thân thể được thả lỏng, đừng có chút căng thẳng nào, trong đầu chẳng nghĩ đến thứ gì. Nếu ông ngồi mỗi sáng mười phút, tinh thần lẫn thể lực của ông rất dễ khôi phục. Vì thân thể mệt mỏi chẳng do lao lực mà là lao tâm, vọng niệm quá nhiều, vướng mắc, lo nghĩ quá nhiều, dễ tổn thương con người nhất!

Người thật sự tu hành công phu đặc lực suốt một ngày từ sáng đến tối không có vọng tưởng, đây gọi là “công phu đặc lực”. Quý vị có thể tự khám

nghiệm công phu của chính mình, vọng tưởng năm nay của quý vị so với năm ngoái như thế nào? Nếu như ít hơn năm ngoái thì quý vị có tiến bộ. Nói thật ra, quý vị tiến bộ thì chúng tôi đều có thể thấy được, thấy từ chỗ nào? Dung mạo quý vị nhất định mỗi năm một tươi trẻ hơn, thân thể nhất định mỗi năm mạnh khỏe hơn, công phu đặc lực đấy! Nếu quý vị học Phật nhiều năm như thế mà thân thể ngày càng yếu ớt, tướng mạo ngày càng khó coi, hồng rồi! Quý vị tu uổng công rồi! Quý vị tu hoàn toàn sai rồi! Đây là những trường hợp chúng tôi thường trông thấy, thường gặp gỡ, chính mình nhất định phải biết. Tu hành không có chi khác, chính là tu cái tâm thanh tịnh, “thanh tịnh, bình đẳng, giác” mà! Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta, nếu quý vị đạt được thanh tịnh, bình đẳng, giác thì sau đây là quả báo, là vô lượng thọ, trang nghiêm. Tôi vừa mới nói với quý vị, vô lượng thọ là thân thể mạnh khỏe, trang nghiêm là dung mạo rạng rỡ, đây là do thanh tịnh, bình đẳng mà đạt được. Vì thế, người học Phật tu hành tối kỵ nhất là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, những thứ ấy phiền toái lắm. Do vậy, đây là “*Trí Thân*”.

Câu thứ ba nói tới “*Thập Lực Trí*” là nói tới quả địa Như Lai có mười thứ năng lực đặc biệt thù thắng, chẳng những phàm phu chúng ta không thể sánh bằng, Bồ Tát cũng chẳng thể sánh bằng. Ở đây không cần phải giảng mười lực, trước kia tôi đã nói rất nhiều rồi, nếu giảng thì hai tiếng đồng hồ cũng chưa giảng xong, cho nên lược đi. Cần phải giảng là chữ Trí ở phần sau. Thông thường chúng ta gọi là Thập Lực, sao ở đây gọi là Trí? Quý vị phải biết rằng: Không có trí huệ chân thật thì mười thứ năng lực sẽ chẳng thể viên mãn rốt ráo. Tất cả hết thảy những thứ đại viên mãn đều là trí huệ. Do vậy, Phật pháp từ đầu đến cuối là “cầu đạt trí huệ”. Cách nói thông thường đơn giản nhất, mấu chốt nhất là Tam Học, Giới, Định, Huệ Tam Học. Nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ. Phật pháp lấy trí huệ làm mục đích. Giới là phương tiện của phương tiện, mục đích nhằm khai trí huệ, Định cũng là phương tiện, Trí huệ hiện tiền thì mới đạt viên mãn rốt ráo. Do vậy, sau chữ Thập Lực có chữ Trí.

Môn thứ tư: “*Vô ngại trí*”, “*trí tắc minh liễu vi kiến*”. Cái vô ngại ấy đặc biệt là như kinh Hoa Nghiêm nói “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*” đạt đến mức viên mãn! Ý nghĩa này, chúng tôi chưa lần nào giảng giải cặn kẽ, vì sao vậy? Đối với hội chánh của bộ kinh này, lần này chúng tôi chưa giảng hội chánh ấy, vừa mở đầu liền giảng ngay hội cuối, tức là giảng năm mươi ba lần tham học. Giảng bắt đầu từ chương Thập Tín của Văn Thù Bồ Tát, phần đầu của hội này chúng tôi đã lược đi, nhưng trong tương lai chúng tôi còn có thể giảng bù, nhất định sẽ giảng viên mãn kinh này. Vì sao bỏ hội chánh để giảng hội cuối cùng? Cũng là nhằm thích hợp với căn cơ của mọi người, trong hội cuối, năm mươi ba lần tham học náo nhiệt, rất thú vị, chúng

ta học xong liền áp dụng được; đúng là học rồi dùng liền, thật sự có thể áp dụng vào cuộc sống để đạt được lợi ích thù thắng trong Phật pháp. Trí huệ là thông đạt, hiểu rõ không chướng ngại; vì thế dùng chữ Kiến này, “*thập chủng kiến Phật*” (mười loại thấy Phật). Cho thấy sự Thấy này trọn chẳng phải là thấy bằng mắt, mà là “*trí kiến*” (thấy bằng trí), trí thông đạt, trí hiểu rõ.

Hai câu thứ năm và thứ sáu là nói tới:

Pháp giới Phật, danh vi Pháp Thân.

法界佛，名為法身。

(Pháp giới Phật, gọi là Pháp Thân)

Trong câu kinh văn thứ năm và thứ sáu nơi phần trước, quý vị không giờ lại phần trước cũng không sao. Chúng tôi đọc một lượt, quý vị nghe là được rồi. “*Biến chiếu thập phương vô sai biệt tạng Niệm Phật môn, phổ kiến nhất thiết chư thế giới trung đẳng vô sai biệt chư Phật hải cố*” (Môn niệm Phật chiếu khắp các tạng không sai biệt trong mười phương, do thấy trọn khắp biển chư Phật bình đẳng vô sai biệt trong hết thảy các thế giới). Đây là câu thứ năm; do vậy, môn thứ năm là:

Nhất thiết giới trung vô hữu sai biệt.

一切界中無有差別。

(Trong hết thảy giới không có sai biệt)

Môn sau đó chính là câu thứ sáu: “*Nhập bất khả kiến cực vi tế xú niệm Phật môn, triệt kiến nhất thiết vi tế cảnh trung Như Lai thần biến tự tại sự cố*” (Môn niệm Phật vào trong những chỗ nhỏ nhiệm chẳng thể thấy được, do thấy thấu suốt những sự thần biến tự tại của Như Lai trong hết thảy cảnh nhỏ nhiệm). Đây chính là:

Nhập bất khả kiến vi tế nan tri, tịnh pháp thân tướng, vi phổ chí kiến.

入不可見微細難知。並法身相，為普至見。

(Vào trong những chỗ nhỏ nhiệm khó biết không thể thấy và tướng Pháp Thân, là Phổ Chí Kiến).

Phổ (普) là phổ biến, Chí (至) là đạt tới chỗ nhỏ nhiệm nhất. Quý vị đều thấy được pháp giới là Tướng Phần¹⁷ của bản tánh. Trong Phật pháp,

đặc biệt là kinh Hoa Nghiêm, tựa đề kinh Hoa Nghiêm được bắt đầu bằng “*Đại Phương Quảng*”, ba chữ này nói lên Thể, Tướng, Dụng (tác dụng). Đại là khen ngợi Thể không có cách nào hình dung được; chỉ có thể dùng chữ Đại để tán thán. Phương là khen ngợi hiện tướng, Thể nhất định hiện tướng, đã có hiện tướng thì nhất định khởi tác dụng. Tác dụng quá rộng, quá sức rộng (quảng), cho nên ba chữ Đại Phương Quảng là nói lên Thể, Tướng, Dụng. Trong đoạn kinh văn này, câu thứ nhất: Bản tánh là Thể, Pháp Thân là Tướng, những điều được nói sau đó đều thuộc về tác dụng (Dụng), ý nghĩa rộng rãi. Bởi lẽ, pháp giới là Tướng Phần của tự tánh, do tự tánh biến hiện ra. Chúng ta thường thấy trong kinh nói “*tận hư không, biến pháp giới*” (tận hư không, trọn khắp pháp giới); nói thật ra, nghe câu ấy, đọc câu ấy, đối với ý nghĩa của câu ấy, đại đa số đều hàm hồ, mờ mịt, trọn chẳng hiểu rõ rệt. Tận hư không, trọn khắp pháp giới, rốt cuộc hư không pháp giới ấy to tới cỡ nào? Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta là “*bất khả thuyết, bất khả thuyết, bất khả tư nghị*” (chẳng thể nói, chẳng thể diễn tả, chẳng thể nghĩ bàn).

Hiện thời khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta dùng vô tuyến điện viễn vọng kính, thiên văn viễn vọng kính để thăm dò những tinh cầu ở rất xa chúng ta. Khoảng cách trong không gian được tính bằng quang niên (năm ánh sáng), tức là lấy tốc độ ánh sáng đạt tới trong một năm làm đơn vị. Khoa học kỹ thuật hiện thời có thể thăm dò, gần như là thăm dò được ánh sáng từ mấy ức năm trước chiếu tới chỗ chúng ta, như thế là đã rất phi thường rồi! Chúng ta thăm dò hệ Ngân Hà, ngoài hệ Ngân Hà, ngày nay chúng ta thật sự gọi đó là “*ngoại thái không*” (không gian bên ngoài), nhưng trong kinh đức Phật đã giảng với chúng ta về một đại thiên thể giới này, chúng ta áp dụng những kỹ thuật khoa học cận đại mà vẫn gần như chưa đạt đến một đại thiên thể giới, làm sao hiểu được đây? Chúng ta dựa theo cách tính toán si ngốc nhất, chứ thật ra, những con số trong Phật pháp đều là khái lược, chẳng phải là những con số nhất định đích xác, quý vị phải biết điều này! Trong ấy, luôn có thể tùy thời tùy chỗ mà tăng, giảm, nhân lên, chia ra, vì nguyên nhân nào? Cảnh chuyển theo tâm, y báo chuyển theo chánh báo, nghiệp lực của chúng sanh khác nhau. Vì thế, hoàn cảnh thường xuyên đổi dời, đâu có thể nói nhất định được? Do vậy, những con số do đức Phật nói đều là khái lược.

Ví như Ngài nói một đơn vị thể giới; trước kia chúng tôi cho rằng một đơn vị thể giới là một Thái Dương Hệ¹⁸. Trước kia, chúng tôi luôn tưởng là như vậy, một Thái Dương Hệ thôi! Thế nhưng quý vị đọc phần sau bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có phụ thêm mấy bài viết. Cụ là một nhà khoa học, Cụ dạy môn vô tuyến điện và điện cơ (máy điện) tại đại học Bắc Dương. Cụ nhận định, một đơn vị thể giới được nói trong kinh Phật chính là cái chúng ta thường gọi hiện thời là một hệ Ngân

Hà¹⁹, thật là phi thường! Nếu một hệ Ngân Hà là một đơn vị thế giới thì kinh dạy một ngàn đơn vị thế giới là một tiểu thiên thế giới thì một tiểu thiên thế giới là một ngàn hệ Ngân Hà, lấy đó làm đơn vị. Sau đây, lại gộp một ngàn tiểu thiên thế giới thành một trung thiên thế giới, lại lấy trung thiên thế giới làm đơn vị, tập hợp một ngàn trung thiên thế giới gọi là một đại thiên thế giới. Khu vực giáo hóa của một đức Phật gọi là tam thiên đại thiên thế giới, bởi vì trong ấy có tiểu thiên, trung thiên, đại thiên chứ trọn chẳng phải là nói một đại thiên thế giới chỉ có ba ngàn cõi. Nếu hiểu [tam thiên đại thiên là ba ngàn cõi đại thiên thì] như vậy là quý vị lại lầm rồi. Tam thiên đại thiên thế giới là một đại thiên thế giới, một ngàn nhân một ngàn, lại nhân cho một ngàn nữa, tức một trăm ức hệ Ngân Hà. Khoa học kỹ thuật hiện thời của chúng ta vẫn chưa có cách nào thăm dò được một trăm ức hệ Ngân Hà, vẫn chưa đạt tới. Đại khái là với khoa học kỹ thuật hiện thời có thể thăm dò được một tiểu thiên thế giới. Đức Phật dạy chúng ta: Trong hư không chẳng biết là có bao nhiêu thế giới Phật như vậy, không cách nào tính được, vô lượng vô biên mà!

Đây gọi là gì? Pháp giới! Phật lấy pháp làm thân, không chỉ mình Phật, ở đây đức Phật còn dạy chúng ta: Bạc Sơ Trụ Bồ Tát lấy pháp giới làm thân. Sơ Trụ Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân; do vậy, dùng cái tâm giống với chư Phật Như Lai, dùng chân tâm, không còn dùng tâm ý thức nữa. Chúng ta thường nói tới năm mươi một Tâm Sở của tám thức, trong Viên Giác, từ bậc Sơ Trụ trở lên không còn dùng những tâm này nữa. Phạm những ai sử dụng năm mươi một Tâm Sở trong tám thức đều thuộc trong mười pháp giới. Mười pháp giới là chẳng thể đột phá giới hạn, chẳng dùng tâm ý thức thì sẽ đột phá được; hễ đột phá được rồi thì sẽ gọi là Nhất Chân pháp giới. Bạc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác khế nhập Nhất Chân pháp giới, Nhất Chân pháp giới là pháp môn Bất Nhị. Trong ấy không có Năng, Sở, chẳng phải là không có những chuyện thuộc vào Năng - Sở, mà là không có ý niệm Năng - Sở. Bạc Sơ Trụ Bồ Tát trong Biệt Giáo nhập cảnh giới này. Vì thế trong Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, cư sĩ Giang Vị Nông đã bảo rõ với chúng ta, “chư Phật Như Lai” được nói trong kinh Kim Cang chính là các bậc Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói, những vị Phật ấy gồm bốn mươi một địa vị. Vì sao vậy? Họ kiến tánh rồi, “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”, thấy được một phần cũng là chân Phật, không phải là giả Phật. Bất quá, những vị Phật ấy chưa phải là Phật viên mãn. Vì thế, tông Thiên Thai gọi họ là Phần Chứng Phật, họ mới chứng được mấy phần, chưa được viên mãn, đây gọi là Pháp Thân [đại sĩ]. Như vậy là chứng được Pháp Thân thì cần phải có trí huệ, phải là trí huệ chân thật; trí huệ chân thật là Vô Phân Biệt Trí, hễ có phân biệt thì không có cách gì đạt được trí huệ cả, chắc chắn quý vị không

thể nhập vào cảnh giới này! Để nhập cảnh giới ấy thì hết thấy đều vô phân biệt, quý vị mới có thể nhập được. Có mấy may phân biệt, chấp trước thì quý vị hãy còn ở trong phạm vi của tám Thức; nói cách khác, quý vị ở trong lục đạo, trong mười pháp giới, quý vị chẳng thể vượt thoát được. [Muốn vượt thoát được thì] vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều phải buông xuống hết.

Do vậy, “*trong hết thấy giới không có sai biệt*”. Lời chú giải này của đại sư Thanh Lương so ra đơn giản hơn kinh văn rất nhiều, Ngài chỉ dùng mấy chữ để giải quyết vấn đề. Chúng ta muốn học, đối với kinh văn thì cảm thấy khó khăn, còn theo lão nhân gia khai thị thì thấy dễ dàng, học cách nào đây? “*Trong hết thấy pháp không có sai biệt*”, quý vị chỉ cần dụng công tại đó là được rồi. Từ sai biệt rất lớn, sai khác hết mức, hãy dụng công nơi đó, gạt bỏ hết những phân biệt, vọng tưởng. Tôi cũng thường dạy các vị đồng tu, cái quan niệm sâu đậm nhất, khó đột phá nhất của mọi người chúng ta là “*ân oán*”: Kẻ kia là thân nhân hay oan gia đối đầu của ta, sự sai biệt ấy lớn lắm! Khi nào quý vị có thể coi oán thân không hai, oán thân bình đẳng thì quý vị nhập vào cảnh giới này, đây là cảnh giới không sai biệt, đây là tu pháp bình đẳng, tu tâm thanh tịnh.

Thực hiện từ chỗ nào? Tôi cũng dạy người khác áp dụng một pháp phương tiện. Quý vị thấy mình mỗi ngày lạy Phật, hiện thời đối với ta, Phật thân thiết nhất, đáng tôn kính nhất, quý vị hãy đem bài vị của kẻ oan gia đối đầu thờ bên cạnh Phật. Mỗi ngày lễ Phật cũng lạy luôn người đó, tưởng Phật thì cũng tưởng luôn người đó giống như Phật không khác gì nhau, dùng phương pháp ấy để tu pháp bình đẳng. Thế nhưng cũng có đồng tu đến nói với tôi: “*Sư phụ ơi! Con đã lạy suốt ba năm vẫn không xong! Vẫn cứ nổi nóng, công phu vẫn không đắc lực!*” Người ấy hỏi tôi làm cách nào? Cứ tiếp tục lạy đi, chẳng cần phải thay đổi! Tuy chưa đắc lực, nhưng nói chung có một chút công phu, quý vị cứ tiếp tục lạy, không ngừng tăng cường; nói chung sẽ có ngày ta coi kẻ ấy bình đẳng như ta, quý vị sẽ cảm thấy oán thân bình đẳng, khi ấy, quý vị đã đạt được thanh tịnh, bình đẳng, quý vị mới nhập được pháp giới. Quý vị vẫn thấy người này thì vui vẻ, thấy người khác không thuận mắt, hồng rồi! Đây là tạo lực đạo luân hồi, miệng niệm A Di Đà Phật nhưng vẫn phải luân hồi trong lục đạo, chẳng thể giải quyết vấn đề được đâu! Do vậy, đây là một thứ khảo nghiệm, “*trong hết thấy giới không có phân biệt*”, phải dùng công phu ấy.

Chúng ta niệm Phật cũng phải dùng công phu ấy. Hễ công phu ấy được đắc lực một chút thì chúng ta sẽ vãng sanh không bị chướng ngại. Nếu công phu ấy không hữu dụng, hoàn toàn bất lực thì khi vãng sanh, oán gia trái chủ đều kéo tới, đây là lúc máu chột, quý vị làm thế nào đây? Nhất định phải công phu đắc lực, tự mình làm chủ được! Công phu thật sự đắc lực thì

không có gì khác cả, chỉ buông xuống mà thôi! Vì sao quý vị thấy oán thân bất bình đẳng? Do quý vị không buông yêu ghét xuống được! Người thân, tham ái buông xuống, oan gia đôi đầu, sân hận cũng buông xuống thì không phải là bình đẳng rồi sao? Mấu chốt là ở chỗ quý vị không buông xuống được!

Kế tiếp là môn thứ sáu: “*Nhập bất khả kiến vi tế nan tri*” (Vào trong những chỗ nhỏ nhiệm khó thể thấy, khó biết). Nói thật ra, đối với những nhà vật lý học trong hiện thời, bọn họ phân tích vật chất, phân tích nguyên tử, điện tử, lập tử cơ bản (elementary particles), đều là “*nhập vi tế nan tri*”, nhập trong cảnh giới ấy. Do vậy, vật lý không gian hiện thời đi theo hai phương hướng: Một là nghiên cứu không gian, hai là đào sâu vào những lập tử cơ bản nhỏ nhất. Đi theo hai cực đoan là hiện tượng trong nghiên cứu không gian hiện thời. Hai cực đoan ấy đều có liên quan mật thiết với Phật pháp. Những nhà khoa học ấy không đọc kinh Hoa Nghiêm; nếu họ đọc kinh Hoa Nghiêm, nhất định sẽ tìm được rất nhiều khai thị; hết sức đáng tiếc, bọn họ không có duyên phận này!

Lớn như hư không pháp giới, nhỏ như vi trần, nhỏ nhất trong những thứ cực nhỏ, đều được Phật học gọi bằng danh từ “*pháp giới*”, đầy đều là Pháp Thân Tướng. Tận hư không, trọn pháp giới là tướng lớn lao của Pháp Thân; nhỏ nhất trong những gì cực nhỏ là tướng nhỏ của Pháp Thân. Nếu quý vị hiểu lớn và nhỏ không hai thì quý vị mới thật sự chứng nhập được. Kinh Hoa Nghiêm nói tới Sự Sự Vô Ngại, “*giới tử nạp Tu Di*” (trong hạt cải chứa đựng Tu Di), đây là Phật đã nêu một tỷ dụ cho chúng ta. “*Giới tử*” là hạt cải, đại khái hạt cải to chừng bằng hạt mè, đem núi Tu Di nhét vào hạt cải, hạt cải không phình to, núi Tu Di không rút nhỏ, vẫn nhét vào được; cho thấy lớn và nhỏ không hai, vì sao có thể buông xuống được? Là vì to như núi Tu Di, “*phàm tất cả những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, nhỏ như hạt cải thì cũng “*phàm tất cả những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, giống như zéro đem hợp với zéro, làm sao không đi vào nhau cho được? Nay chúng ta vì sao không đi vào được? Chấp trước đây mà! To như vậy làm sao lọt cho được? [Nghĩ như vậy] cho nên không lọt. Do vậy, vọng tưởng, chấp trước liền khởi tác dụng, quý vị không lọt qua được, vì sao quý vị không lọt qua được? “*Ở đây có tường, tôi không đi qua được*” liền không đi qua được! Nếu quý vị không chấp trước có tường thì quý vị sẽ đi qua được. “*Người kia có thần thông*”, thần thông là gì? Trong tâm người ấy không khởi tâm, không động niệm, khởi tâm động niệm bèn có chướng ngại, đạo lý là như vậy đó!

Giống như một câu chuyện do pháp sư Viên Anh đã kể trong lời tựa cho bộ Viên Giác Kinh Giảng Nghĩa, lời tựa ấy rất dài. Đây là chuyện của chính Ngài, đại khái câu chuyện ấy được ghi trong lời tựa của bộ Viên Giác Kinh

Giảng Nghĩa. Ngài kể có một hôm Ngài tịnh tọa trong phương trượng thất, tâm rất thanh tịnh; đột nhiên có một chuyện, Ngài nghĩ đến chuyện ấy liền lập tức đi làm, lúc đứng dậy liền đi ra khỏi phòng. Đi ra xong, Sư mới nghĩ vừa rồi ta đứng dậy chưa mở cửa, làm sao đi ra được? Quay trở lại coi, cửa vẫn còn gài chốt, làm sao đi ra được? Tức là khi Sư đi ra, không hề nghĩ đến cái cửa này. Sư vẫn từ cửa đi ra, nhưng không nghĩ đến cửa đã khóa chẳng thể đi ra được, không khởi lên ý niệm ấy, Ngài liền đi xuyên qua cửa, trở vào không được vì đã khóa bên trong rồi! Do vậy, lão nhân gia kể ra câu chuyện này cho thấy tất cả chướng ngại đều là do ta khởi phân biệt, chấp trước. Khi tách lìa hết thấy phân biệt, chấp trước thì không có chướng ngại nữa! Ở đây nói tới tướng lớn và tướng nhỏ của Pháp Thân, không phải là nói tới núi Tu Di, núi Tu Di làm sao so sánh [với tướng của pháp giới] cho được? Ở đây nói tới pháp giới to đùng, vi trần bé tí, nhưng là một, không phải hai. Vì thế, chúng có thể chứa đựng, biến hiện lẫn nhau không bị chướng ngại. “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”. Từ trong một vi trần có thể thấy tận hư không, trọn pháp giới. Do vậy, trong kinh nói chư Phật Như Lai chuyên đại pháp luân trên “*mao đaoan*”, “*mao đaoan*” là đầu của sợi lông trên thân, cũng là nói tới vật rất nhỏ. Mở pháp hội lớn giảng kinh, thuyết pháp trên đầu một sợi lông, đầu sợi lông không phóng lớn, pháp hội của Ngài cũng không rút nhỏ. Những chuyện như vậy được kinh Hoa Nghiêm nói tới rất nhiều; đây thật sự là đạt được đại tự tại. Chúng ta đọc Hoa Nghiêm hết sức tán phục, hâm mộ cảnh giới ấy. Đức Phật đã nói đây là điều chính chúng ta vốn sẵn có, chẳng phải từ bên ngoài mà có, hiện thời cũng chẳng mất đi, chỉ tạm thời bị chướng ngại mà thôi!

Trừ khử được chướng ngại thì năng lực, cảnh giới, thọ dụng đều hiện tiền. Đạo lý, phương pháp được nói rất nhiều, đáng tiếc là chúng ta phiền não, tập khí quá nặng, chúng ta vẫn chẳng thể chiếu theo lý luận, phương pháp ấy để dụng công được. Điều này cho thấy rõ: Vì lòng đại từ đại bi, đức Phật dạy chúng ta pháp môn Niệm Phật; chỉ cần quý vị thật thà niệm, Hạ Hạ Phẩm vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, cảnh giới trong kinh Hoa Nghiêm sẽ hiện tiền, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Cảnh giới ấy hiện tiền chẳng phải là do chúng ta có năng lực đặc biệt gì cả! Nói thật ra, bốn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì, đây là duyên. Trí huệ, đức năng sẵn có trong tự tánh là nhân. Nhân duyên tụ hội thì thọ dụng liền hiện tiền. Niệm Phật có đạo lý rất sâu, chẳng phải là nói tùy tiện. Vì thế, “*cùng với tướng của Pháp Thân*” thành hai môn, môn trước là một môn lớn “*trong hết thấy giới không có sai biệt*”. Phần sau nói: “*Vào trong vi tế khó biết*”, đều là tướng trạng của Pháp Thân, đây thật sự là minh tâm kiến tánh.

Lại xem tiếp phần dưới:

Thất bát nhị môn thị trụ trì Phật, danh lực trì thân.

七八二門是住持佛，名力持身。

(Môn bảy và tám là Trụ Trì Phật, gọi là Lực Trì Thân)

Môn trước là môn thứ bảy, môn sau là môn thứ tám.

Tiền môn đa kiếp, hậu môn đa thời. Tịnh tự lực trì, thường linh vật kiến, vị Tùy Thuận Kiến.

前門多劫。後門多時。並自力持，常令物見，為隨順見。

(Môn trước là nhiều kiếp, môn sau là nhiều thời, đều được gìn giữ bằng tự lực khiến cho chúng sanh thường được thấy, ấy là Tùy Thuận Kiến).

“Kiến” là thấy Phật. Đối với hai câu “*tùy thuận kiến Phật*” (tùy thuận thấy Phật) và “*trụ trì Phật*”, chúng ta hãy đọc kinh văn: “*Trụ chủng chủng kiếp niệm Phật môn*”, tác dụng của nó là “*ư nhất thiết kiếp thường kiến chư Phật thí tác Phật sự, hàm thân cận cố*” (Trong hết thảy kiếp thường thấy chư Phật thực hiện Phật sự, đều thân cận). “*Chủng chủng kiếp*” (Các thứ kiếp) thường được kinh Đại Thừa nói tới, Kiếp (kalpa) là một đơn vị thời gian. Trong một đại kiếp có bốn trung kiếp, Thành, Trụ, Hoại, Không; bốn trung kiếp ấy khác nhau, Thành, Trụ, Hoại, Không chẳng giống nhau. Vì thế gọi là “*chủng chủng kiếp*”. “*Trụ chủng chủng kiếp Niệm Phật môn*”, tức là trong hết thảy kiếp thường thấy có chư Phật làm Phật sự. Những Phật sự do chư Phật thực hiện là gì? Chúng ta nhất định phải hiểu thật rõ ràng, thật minh bạch câu này. Chữ Phật này là do từ tiếng Phạn dịch ra, có nghĩa là giác ngộ. Vì thế “*Phật sự*” là giác ngộ chúng sanh. Nếu nói theo cách thông thường thì những chuyện giúp đỡ cho hết thảy chúng sanh giác ngộ đều gọi là “Phật sự”. Giảng kinh là Phật sự, giúp đỡ chúng sanh giác ngộ, sống cũng là Phật sự, làm việc cũng là Phật sự. Nói cách khác, từ sáng đến tối từng ly từng tí đều là Phật sự. Chúng sanh nếu là kẻ thông minh lanh lợi trông thấy những việc các Ngài làm đều giác ngộ.

Nguyên tắc chánh yếu nơi đây là “các Ngài làm nhưng không làm, không làm mà làm”. Quý vị quán sát từ đạo lý này, quý vị sẽ giác ngộ. Không phải là các Ngài không làm, các Ngài rất tích cực thật sự làm, làm việc rất có trách nhiệm, chẳng trụ vào Không. Thế nhưng trong tâm không vướng mắc chuyện ấy, trong tâm không có việc gì, không vướng vấn mảy may nào, chẳng trụ vào Có! Cả hai bên Không và Có đều chẳng trụ, đó gọi là Trung Đạo. Do vậy, Bồ Tát, chư Phật thị hiện, các Ngài sanh sống là

Trung Đạo, làm việc là Trung Đạo, xử sự, đãi người, tiếp vật, từng ly từng tí không gì chẳng phải là Trung Đạo. Chẳng giống như phàm phu trong lục đạo chấp vào Có, làm rồi! Chấp Có sẽ luân hồi trong lục đạo. Thanh Văn, Duyên Giác chấp Không, Chấp Không thì sao? Chẳng khởi tác dụng, chuyện gì cũng đều chẳng làm, chẳng khởi tác dụng, có Thể nhưng không có công dụng, phàm phu có Dụng nhưng không có Thể. Chư Phật Bồ Tát có Thể có Dụng, đấy mới gọi là viên mãn.

Do vậy, thường thấy chư Phật “*thí tác*” Phật sự trong ấy, Thí (施) là Bồ Thí, mà cũng là như trong kinh đã nói: “*Vì nhân diễn thuyết*” (Vì người khác diễn nói). “*Diễn*” là biểu diễn, làm cho người khác xem. “*Thuyết*” là người ta có nghi vấn gì nêu lên liền giải đáp cho họ, đấy là “*thuyết*”. Do vậy, nói hay không nói đều là Phật sự. Những vị Bồ Tát ấy “*hàm thân cận cố*” (đều cùng thân cận). “*Thân cận*” có nghĩa là gì? Trông thấy, nghe tới, tiếp xúc, trong tâm có lãnh ngộ, đấy chính là “*thân cận*”; chứ không phải là nói suốt ngày từ sáng đến tối lẫn quần dưới chân Phật không rời đi, [làm như vậy] cũng vô ích. Quý vị không lãnh hội được thì sẽ không thể khai ngộ; vì thế phải hiểu được dụng ý của đức Phật nơi lời nói, tạo tác, không gì chẳng nhằm làm cho hết thấy chúng sanh khai ngộ mà thôi! Đấy gọi là “*thí tác Phật sự*”.

Câu thứ tám: “*Trụ nhất thiết thời*” (Trụ trong hết thấy thời). Phần trước là “*kiếp*”, phần này là “*thời*”. “*Trụ nhất thiết thời niệm Phật môn, u nhất thiết thời thường đắc kiến Phật, dữ Phật đồng trụ bất tương ly cố*” (Môn niệm Phật trụ trong hết thấy thời, trong hết thấy thường được thấy Phật cùng ở chung với Phật chẳng tách lìa). Phạm vi của “*hết thấy thời*” nhỏ hơn so với kiếp. Kiếp có Thành, Trụ, Hoại, Không. Nếu luận đến thời thì như trên địa cầu của chúng ta hiện thời, có Xuân, Hạ, Thu, Đông, có “ngày ba thời, đêm ba thời”, hiện nay chúng ta gọi là hai mươi bốn tiếng đồng hồ trong một ngày đêm. Trong hết thấy thời thường được thấy Phật, Phật là gì? Trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, quý vị có thấy A Di Đà Phật hay không? Không thấy được! A Di Đà Phật đang ở đâu? Từ trước đến nay, A Di Đà Phật chưa hề lìa khỏi mắt quý vị, suốt ngày từ sáng đến tối chưa hề tách rời, từ trước đến nay chưa hề tách rời tai quý vị, ở ngay bên thân quý vị, đáng tiếc là quý vị nhìn không thấy! Vì sao vậy? Trong Vô Lượng Thọ Kinh đã nói rất hay! Đức Thế Tôn hỏi A Nan có muốn thấy Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác hay không? Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác là A Di Đà Phật. Quý vị có thể thấy Sắc nghe tiếng, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước thì tâm quý vị chẳng thanh tịnh u? Tất cả hết thấy cảnh giới đều là A Di Đà Phật, thấy được Phật trong hết thấy sự, quý vị từ trước đến nay chưa hề tách rời Phật, sao có thể

nói là “Phật chẳng hiện tiền” được ư? Nhất định phải chú tâm thấu hiểu điều này.

Do đây biết rằng: Pháp môn Niệm Phật này quá thật sâu rộng vô hạn, đức Phật này gọi là Trụ Trì Phật, Trụ là trụ trong thời này, kiếp này, Trì là giữ gìn không để mất. Trong Tông Môn có một câu nói: “*Khai ngộ thành Phật*”. Thành Phật rồi, Ngài trông thấy chúng sanh trong đại địa đều thành Phật đạo. Câu nói có ý nghĩa gì, chúng tôi vừa mới nói đây thôi! Sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới sáu trần đều là thanh tịnh bình đẳng giác, chẳng phải là tình lẫn vô tình đều cùng viên thành Chứng Trí ư? Chẳng phải là hết thấy chúng sanh cùng thành Phật đạo ư? Chính là khi quý vị thành Phật đấy. Bởi vậy, quý vị muốn biết khi nào quý vị thành Phật thì khi quý vị thấy tất cả hết thấy cảnh giới đều thanh tịnh bình đẳng, quý vị đã thành Phật rồi!

Thưa quý vị, đối với sự thành Phật ấy, trong kinh Hoa Nghiêm, bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác đã nhập cảnh giới ấy. Vì vậy, vị Phật ấy là Phần Chứng Phật, chứ chưa phải là vị Cứu Cánh Viên Mãn Phật (vị Phật rốt ráo viên mãn), mà là Phần Chứng Phật, Ngài đã nhập bình đẳng, thanh tịnh giác rồi. Nếu quý vị hiểu rõ ràng chân tướng sự thật này thì mới hiểu rành rẽ kinh Vô Lượng Thọ! Kinh Hoa Nghiêm lớn lao như thế, nói nhiều như thế, quý vị đọc Vô Lượng Thọ Kinh đơn giản hơn rất nhiều, trọng yếu hơn rất nhiều, những điều được giảng trong ấy toàn là những thứ [được diễn tả, trình bày] trong Hoa Nghiêm. Vì thế, cổ nhân gọi Vô Lượng Thọ Kinh là Trung Bản Hoa Nghiêm, tức là bản tiết yếu (trích lược những chỗ trọng yếu) của kinh Hoa Nghiêm, hay tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm. Phần tinh yếu tựa hồ quá đơn giản nên chúng ta thấy không ra. Đọc toàn bộ kinh Hoa Nghiêm giống như đọc chú giải của phần tinh yếu, nói rất nhiều, dễ hiểu. Nếu thật sự thấu hiểu thì sẽ thọ trì Vô Lượng Thọ Kinh đắc lực, công phu đắc lực. Do đây biết rằng: Chúng tôi giảng toàn bộ kinh Hoa Nghiêm nhằm giúp cho quý vị tu Vô Lượng Thọ Kinh, dụng ý của chúng tôi là đây.

Do vậy, hai câu này “*tiền môn đa kiếp, hậu môn đa thời, tịnh tự lực trì, thường linh vật kiến*” (môn trước là nhiều kiếp, môn sau là nhiều thời, đều được gìn giữ bằng tự lực khiến cho chúng sanh thường được thấy). “*Tự lực*” là lực nào? Phần trên có nói tới “nguyện lực”. Đây chính là khi chư Phật, Bồ Tát còn đang tu nhân, đã từng phát ra đại nguyện muốn độ chúng sanh rộng khắp. Nay chúng ta cũng phát nguyện “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”, tuy nguyện ấy chẳng do chân tâm phát ra, mà là thuận theo miệng người khác mà thốt ra. Thế nhưng sau khi thành Phật, dù chỉ nói theo thì cũng phải thực hiện, chẳng thể nói rồi không màng tới, như vậy là không được, cũng phải thực hiện. Nguyện lực trụ trì “*thường linh vật kiến*” (thường khiến cho chúng sanh được thấy), ở chỗ này không dùng chữ “*ngươi*” mà dùng chữ “*vật*”. Nếu nói “*thường linh nhân kiến*” thì chỉ có

nhân pháp giới trong mười pháp giới, chín pháp giới kia không có phần. Nói “*vật*” thì mười pháp giới đều được bao gồm trong ấy. Vì thế, chư Phật, Bồ Tát thị hiện không những cho loài người chúng ta được thấy mà quý thần cũng trông thấy, súc sanh cũng trông thấy, phàm những ai trông thấy đều được khai ngộ. Sự trông thấy đều tùy thuận đó được gọi là Tùy Thuận Kiến.

Cửu thập nhị môn tức Tùy Nhạo Phật, danh Ý Sanh Thân, tùy chúng sanh nhạo, như ý sanh cố.

九十二門即隨樂佛，名意生身。隨眾生樂，如意生故。

(Hai môn chín và mười chính là Tùy Nhạo Phật, gọi là Ý Sanh Thân, do thuận theo lòng ưa thích của chúng sanh để khiến chúng sanh được vừa ý)

Đây là lời giải thích đơn giản cho ý nghĩa “*tùy nhạo ý sanh*”. Môn thứ chín là:

Biến nhất thiết sát, hiển sanh thân đa.

遍一切剎，顯生身多。

(Trọn khắp hết thủy cội, sanh nhiều thân rõ ràng)

Kê đó là môn thứ mười:

Biến nhất thiết thế, thích tùy tâm nhạo, tùy tâm giai kiến, vi phổ thọ kiến.

遍一切世，釋隨心樂。隨心皆見，為普受見。

(Trọn hết thủy xứ, thích ứng thuận theo lòng ưa thích đều tùy tâm mà thấy, [môn này gọi] là Phổ Thọ Kiến)

Hai câu chín và mười trong kinh văn, câu thứ chín là “*Trụ nhất thiết sát niệm Phật môn, nhất thiết sát độ hàm kiến Phật thân siêu quá thế gian vô đẳng tỷ cố*” (Môn Niệm Phật trụ trong hết thủy cội, trong hết thủy cội nước đều thấy thân Phật vượt trội thế gian không thể sánh bằng). Ở đây giảng về môn trước, tức môn thứ chín. Câu này mang cùng một ý nghĩa với chuyện Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện trong phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa. Các vị Pháp Thân đại sĩ, chư Phật, Bồ Tát không cội nào chẳng hiện thân, chúng sanh có cảm, các Ngài liền ứng, cảm ứng đạo giao. Trong chúng ta có ai cảm hay không? Tôi không có cảm, cũng rất nhiều người quanh tôi có cảm, họ có cảm, tôi cũng được hưởng lây. Do vậy, quý vị mới hiểu được rằng trong mỗi

ngóc ngách của thế gian này đều có Phật, Bồ Tát hiện thân, tùy loại hóa thân. Nên dùng thân nào để đắc độ thì bèn hiện thân ấy, nên dùng pháp nào để độ được bèn nói pháp ấy. Bởi thế, chư Phật, Bồ Tát không có thân tướng nhất định, chư Phật, Bồ Tát cũng không có pháp nhất định nào để nói. [Chúng sanh] ưa thích điều gì, [chư Phật, Bồ Tát] bèn thuận theo ý, thuận theo ý niệm của chúng sanh, chính là như kinh Lăng Nghiêm đã dạy: “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (Tùy thuận tâm chúng sanh, [thuyết pháp hoặc hiện thân] phù hợp với khả năng nhận biết của họ). Tâm chúng sanh là Cảm, “*ứng sở tri lượng*” là Ứng; cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn. Ý nghĩa của kinh văn rất sâu đậm, chúng ta phải chú tâm lãnh hội.

Cuối cùng là câu thứ mười, giải thích [ý nghĩa] thuận theo lòng ưa thích của chúng sanh. “*Trụ nhất thiết thể niệm Phật môn, tùy tự tâm sở hữu lạc dục, phổ kiến tam thế chư Như Lai cố*” (Môn niệm Phật trong hết thấy đời, tùy theo tất cả những sự vui thích trong tự tâm thấy trọn khắp chư Như Lai trong ba đời). Kinh Đại Thừa thường nói tới chín đời, hoặc nói “*thập thế cổ kim*” (mười đời xưa nay), thông thường chúng ta nói “*tam thế*”, tức quá khứ, hiện tại, vị lai. Chín đời là gì? Quá khứ có quá khứ quá khứ, quá khứ hiện tại, quá khứ vị lai, trong một đời biến thành ba đời. Hiện tại cũng có quá khứ hiện tại, hiện tại hiện tại, vị lai hiện tại. Vị lai cũng có quá khứ vị lai, hiện tại vị lai, vị lai vị lai, đây là chín đời. Thêm vào một đời căn bản nữa là đời hiện tại liền thành mười đời. Ý nghĩa này nhằm nói rõ như trong phần trước đã nói tới hết thấy cõi, nói theo cách chúng ta bây giờ thì là “*hết thấy xứ sở*”. Ở đây gọi là “*nhất thiết thể*”, tức là hết thấy thời gian, hết thấy thời, hết thấy chỗ. Quý vị thấy Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, trong hết thấy thời, hết thấy xứ, không đâu chẳng hiện thân, nếu chúng ta nói là không thấy được Phật, thật đáng kêu oan uổng vậy! Chưống ngại là ở nơi chính mình, chứ không phải do nơi Phật! Nơi Phật không có chưống ngại, chính mình có nghiệp chưống, chính mình chẳng thể thấu hiểu được. Nghiệp chưống lớn nhất là khởi tâm động niệm, “*Ngã*”, đây là nghiệp chưống căn bản.

Do vậy, trong Đại Thừa, đúng là đức Phật lớn tiếng hô hào, bảo chúng ta: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”. Khi nào chúng ta thật sự hiểu được thân này chẳng phải là Ngã thì quý vị được tự tại rồi. Tự tại như thế nào? Tôi lại bảo quý vị, quý vị chẳng cần phải đi khám bệnh, chẳng cần phải đi bác sĩ, vì sao vậy? Thân không phải là Ngã, có Ngã thì mới sanh bệnh. Không có Ngã thì sanh bệnh gì, ai sanh bệnh? Do lẽ này quý vị được tự tại. Phải uốn nắn cho đúng quan niệm sai lầm này. “*Vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả*”, đây là chân tướng sự thật. Nghiệp chưống của quý vị bị tiêu trừ. Tiêu trừ rồi thì hết thấy thời, hết thấy chỗ, quý vị đều thấy Phật. Đoạn kinh này cho quý vị biết: Niệm Phật, niệm Phật thấy Phật, niệm mười loại Phật sẽ thấy được mười loại Phật. Phật từ bi

như thế mà phàm phu chúng ta chẳng nhận biết được! Có nhập cảnh giới ấy thì mới thật sự thấu hiểu, mới biết trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, không đâu Phật chẳng hiện thân, không lúc nào chẳng hiện thân, thuận theo lòng yêu chuộng của chúng sanh, thật sự đạt đến Sự Sự vô ngại. Năm mươi ba lần tham học chỉ là hé lộ đôi chút tin tức về cảnh giới ấy cho chúng ta biết mà thôi. Nếu nói cặn kẽ thì ai có thể nói trọn hết cho được? Năm mươi ba lần tham học hé lộ đôi chút tin tức, những người vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nặng nề đối với một tí xíu tin tức cũng nhìn không ra, người phiền não nhẹ có thể nhận hiểu được. Lại đọc đoạn kinh văn tiếp theo.

Thập nhất, thập nhị tức Niết Bàn Phật, danh vi hóa thân.

十一十二即涅槃佛，名為化身。

(Môn mười một, mười hai chính là Niết Bàn Phật, gọi là Hóa Thân)

Môn trước là môn thứ mười một, là Hóa Thân, môn thứ mười hai là Niết Bàn.

Hóa tức hữu diệt, cố thuyết Niết Bàn, tu tri tánh tịch, vi thâm nhập kiến.

化即有滅，故說涅槃。須知性寂，為深入見。

(Hễ có hóa thì liền có diệt, cho nên nói Niết Bàn. Nên biết rằng tánh tịch là Thâm Nhập Kiến).

Câu thứ mười một trong kinh văn là “*trụ nhất thiết cảnh Niệm Phật môn*”. Cảnh là cảnh giới, “*phổ kiến nhất thiết chư cảnh giới trung chư Phật tương tục hàm xuất hưng cố*” (thấy trọn khắp trong hết thấy các cảnh giới, chư Phật đều liên tục xuất hiện). Đây là thấy được Hóa Thân của Phật, tùy loại hóa thân. Quý vị phải biết điểm này, Hóa Thân của Phật không nhất định là hóa thành ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, đừng cho rằng ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo mới là Phật. Trong tâm quý vị chấp trước một vị Phật nào đó thì vọng tưởng, chấp trước trong tâm quý vị sẽ biến hiện ra vị Phật như vậy. Thật ra, bất luận hiện thân như thế nào, trong loài người, nam, nữ, già, trẻ, các ngành, các nghề, đủ mọi thứ thân phận khác nhau đều là Phật. Trong năm mươi ba lần tham học ở đây, năm mươi ba vị thiện tri thức đều là Phật. Thân phận của các Ngài khác nhau, nghề nghiệp khác nhau, nhưng đều là Phật. Không chỉ hiện thân tướng hữu tình mà còn hiện thân tướng vô tình, càng rộng lớn hơn nữa.

Nay chúng ta gọi “vô tình” là thực vật, khoáng vật. Trước kia, có những người tham Thiền học Giáo nghe tiếng gió thổi, mưa rơi, nghe tiếng

nước chảy trong thiên nhiên bèn khai ngộ. Sao lúc bình thường người ấy cũng nghe mà chẳng khai ngộ, lại riêng trong một ngày nghe tiếng liền khai ngộ? Phật hóa thân trong ấy, hóa ra những thân tướng khiến cho người ấy trong một sát-na có cảm xúc thù thắng, bèn khai ngộ thì [tất cả] đều là Phật hiện thân. Nếu chẳng phải là Phật hiện thân thì làm sao người ấy khai ngộ cho được? Vì thế, chúng sanh cơ duyên chín muồi, Phật liền dùng vô lượng vô biên phương thức chẳng thể nghĩ bàn để giúp cho quý vị khai ngộ. Quý vị ngộ nhập cảnh giới ấy rồi mới cảm ơn, biết Phật, Bồ Tát hiện thân. Phật, Bồ Tát đến giúp đỡ quý vị, làm Tăng Thượng Duyên cho quý vị, giúp cho quý vị khế nhập cảnh giới ấy. Quý vị thật sự thấy được trong hết thảy cảnh giới chư Phật liên tục xuất sanh. Đây là Hóa Thân; nói thật ra, Hóa Thân là chuyện trong khoảng sát-na.

Tôi lại kể một câu chuyện, nói thật ra, đây cũng là Bồ Tát hóa thân. Tôi ở nước Mỹ, cư sĩ Thái Văn Hùng kể cho tôi nghe một chuyện về xin visa tại đại sứ quán Hoa Kỳ. Ông ta có một người bạn đến xin visa, đang xếp hàng nơi đó, thì từ cửa sổ bên cạnh, một cô Mỹ hướng về phía ông ta vẫy tay, cười hì hì hướng về phía ông ta vẫy tay, vẫy gọi ông ta bước sang nơi đó, cấp ngay cho ông ta visa với thời hạn năm năm. Ông ta vốn đến xin visa rất nhiều lần, đều không được chấp thuận, đều bị cự tuyệt. Cô gái ấy trông thấy ông ta rất hoan hỷ, ngay lập tức cấp cho ông ta visa với thời hạn năm năm; ông ta cảm thấy rất hay, đỡ quá, rất khó có! Tựa hồ như đã quen biết rất thân. Ông ta xin visa đợt ấy là vì người nhà ông bị bệnh, bệnh rất nặng, muốn sang Mỹ thăm người thân, bèn ở trong nhà niệm Quán Âm Bồ Tát, cầu Phật, Bồ Tát che chở, liền được sự cảm ứng ấy, ngay lập tức được cấp visa. Ông ta rất cảm kích người ngoại quốc ấy. Hôm sau cũng có mấy người bạn đi xin visa, ông ta cũng đi theo. Lúc đến nơi, [khi cô gái ấy] nói chuyện với ông ta dường như đột nhiên chẳng hề quen biết, rất lạ lùng! Ông ta cảm thấy kỳ lạ không thể diễn tả được! Trong sát-na ấy tỏ vẻ thân thiết như thế, ngay lập tức cấp giấy, rồi chớp mắt không quen biết nữa. Phật, Bồ Tát tùy loại hóa thân đây. Lúc đó, viên chức xét duyệt di trú giúp ông ta xin được visa chẳng phải là do chính ý tưởng của người ấy, chính người ấy cũng không biết, cứ hồ đồ cấp giấy. [Quả thật] Phật, Bồ Tát giúp đỡ chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, sau khi đọc kinh này, quý vị hãy chú tâm suy nghĩ, sẽ thấy trong cuộc sống thường nhật có rất nhiều điều thú vị, mới biết mỗi một câu đã nói trong kinh đều là lời thật.

Câu thứ mười hai “*trụ nhất thiết tánh tịch diệt Niệm Phật môn, ư niệm niệm trung kiến nhất thiết sát nhất thiết chư Phật thị Niết Bàn cố*” (Môn Niệm Phật trụ trong hết thảy tánh tịch diệt, trong mỗi niệm thấy chư Phật thị hiện Niết Bàn trong hết thảy cõi). Niết Bàn ấy gọi là sanh diệt, có sanh nhất định có diệt. Quý vị phải hiểu rằng: Báo Thân không có sanh diệt, Pháp

Thân không có sanh diệt, Hóa Thân có sanh diệt, Ứng Thân có sanh diệt, thời gian sanh diệt của Ứng Thân dài hơn. Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật viên tịch năm tám mươi tuổi, đây là Ứng Thân. Giống như chúng tôi vừa kể câu chuyện xin visa, trong một sát-na, chỉ có mấy phút đồng hồ, đây là Hóa Thân sanh diệt. Do vậy, niệm danh hiệu Phật, niệm danh hiệu Bồ Tát rất hữu dụng. Hễ quý vị chân thành niệm thì lo liệu công chuyện quả thật được Phật, Bồ Tát che chở, gia trì. Do đây, biết rằng quý vị đi xin giấy phép, người ta cự tuyệt quý vị tức là công phu niệm Phật của quý vị chưa đắc lực, còn khởi vọng tưởng, đây đều là sự thật. Khi trở về, hãy mau mau đến trước Phật, Bồ Tát sám hối. Lễ Phật nhiều hơn, niệm Phật nhiều hơn, thật sự có cảm ứng, thật sự chẳng thể nghĩ bàn. A! Hôm nay chúng tôi giảng đến đây thôi!

---o0o---

Tập thứ mười (12-13-10)

Xin mở quyển kinh, trang thứ hai mươi sáu, dòng thứ ba, bắt đầu từ chữ thứ ba từ dưới đếm lên:

Thập tam, thập tứ tức tam-muội Phật, danh Oai Thế Thân. Tiền môn tụng trụ xứ xuất, thị tam-muội dụng. Hậu môn già phu biến tọa, thị tam-muội tướng. Nhất nhật chi trung kiến nhất thiết Phật, thị vô lượng nghĩa. Tụng thử vãng hóa, thị vô y nghĩa. Cổ vân: Tam-muội Phật, vô lượng vô y kiến. Kỳ già phu tọa, thân mãn pháp giới, khởi phi oai thế.

三十四即三昧佛，名威勢身。前門從住處出，是三昧用。後門跏趺遍坐，是三昧相。一日之中見一切佛，是無量義。從此往化，是無依義。故云，三昧佛，無量無依見。既跏趺坐，身滿法界，豈非威勢。

(Môn mười ba và mười bốn chính là tam-muội Phật, gọi là Oai Thế Thân. Môn trước từ trụ xứ mà ra, là tác dụng của tam-muội. Môn sau là ngồi xếp bằng trọn khắp, là tướng của tam-muội. Trong một ngày thấy hết thấy Phật, là nghĩa vô lượng. Từ đây đi giáo hóa, là nghĩa vô y. Vì thế nói: “Tam-muội Phật vô lượng vô y kiến”. Đã ngồi xếp bằng, thân trọn khắp pháp giới, há chẳng phải là oai thế ư?)

Đại sư giải thích chỗ quan trọng, mấu chốt cho chúng ta. Trong kinh văn của hai môn này, câu thứ mười ba là “*trụ nhất thiết thời xứ Niệm Phật*

môn” (môn Niệm Phật trụ hết thủy thời và xứ), tác dụng của nó là: “*Ư nhất nhật trung kiến nhất thiết Phật từng kỳ trụ xứ nhi vãng hóa cố*” (Trong một ngày thấy hết thấy Phật từ trụ xứ của các Ngài đi giáo hóa). Môn thứ mười bốn là “*trụ nhất thiết cảnh quảng đại Niệm Phật môn*” (môn Niệm Phật rộng lớn trụ trong hết thấy cảnh), tác dụng là “*kiến nhất thiết Phật kết già phu tọa, nhất nhất Phật thân mãn pháp giới cố*” (thấy hết thấy Phật ngồi xếp bằng, thân của mỗi một đức Phật trọn khắp pháp giới). Nếu kinh văn không có lời giải thích của đại sư Thanh Lương thì bọn sơ học chúng ta rất khó thấy được ý nghĩa xác thực, Ngài vừa giải thích, chúng ta liền hiểu rõ hai câu này hơn. Câu kinh văn này nói về tam-muội. Tam-muội là tiếng Phạn phiên âm, dịch nghĩa là Chánh Thọ, tức là hưởng thụ một cách đúng đắn. Nói cách khác, phạm phu hưởng thụ không đúng đắn. Kinh luận thường nói phạm phu có năm thứ Thọ, tức là trong sự hưởng thụ cuộc sống hằng ngày của quý vị có thể chia thành năm loại lớn. Năm loại này dựa trên thân tâm để nói: Nếu dựa theo thân để nói thì có hai thứ Thọ là Khổ và Lạc; nếu dựa vào tâm để nói thì có hai thứ Ưu và Hỷ, lại còn có khi tâm không buồn hay vui, cũng có khi thân không khổ hay sướng, khi ấy gọi là Xả Thọ. Xả Thọ rất tốt, nhưng thời gian ấy rất ngắn; do vậy nó chẳng phải là tam-muội. Nếu Xả Thọ ấy vĩnh viễn không buông bỏ sẽ biến thành tam-muội; nói cách khác, tam-muội là Xả Thọ lâu dài, tâm không có buồn, vui, thân không có sướng, khổ, đây gọi là Chánh Thọ.

Môn thứ mười ba là “*trụ nhất thiết thời xứ Niệm Phật môn*”. Cát Tường Vân Bồ Tát kể cho chúng ta biết hai mươi một môn Niệm Phật. Chúng ta đọc xong mới hiểu Niệm Phật không nhất định là hằng ngày miệng niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, đây gọi là Niệm Phật ư? Loại Niệm Phật này chỉ là một trong rất nhiều môn Niệm Phật mà thôi! Thật sự niệm Phật thì như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói rất hay, Ngài nói rất đơn giản, Ngài có thể đem cả hai mươi một môn này gộp trong một câu. Lão nhân gia nói: “*Ưc Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền tương lai, nhất định thấy Phật). Quý vị nghĩ xem: Ngài nói câu ấy, một chương kinh tỳ-kheo Cát Tường Vân này chẳng phải là giải thích cho câu ấy hay chăng? Ưc (憶) là trong tâm có, Niệm cũng là trong tâm có, niệm ấy không nhất định phải là miệng niệm. Niệm (念) là văn tự Trung Quốc, quý vị có thể lãnh hội được, phía trên là Kim (今), phía dưới là Tâm (心), tức là khi cái tâm hiện tiền tương ứng với chân tướng sự thật thì đều gọi là “*niệm Phật*”. Chân tướng sự thật chính là cảnh giới Phật, hề tương ứng với nó thì gọi là Niệm Phật. Vì thế, đây là “*trụ nhất thiết thời xứ niệm Phật môn*”, từ trong tác dụng của nó đã tỏ lộ rất rõ rệt.

“*U nhất nhật trung*” (Trong một ngày), thời gian một ngày không dài, trong một ngày từ sáng đến tối, thấy hết thấy Phật từ trụ xứ của các Ngài đến hóa độ chúng sanh. Trong chú giải cho biết môn trước là câu thứ mười ba, môn sau là câu thứ mười bốn, “*tùng trụ xứ xuất*” (từ trụ xứ đi ra) là tác dụng của tam-muội. Tác dụng của nó là giác ngộ chúng sanh, nay chúng ta gọi là hóa độ chúng sanh. Rồi cuộc chư Phật, Bồ Tát trụ ở chỗ nào? Từ trụ xứ ra! Các Ngài trụ ở đâu? Kinh Kim Cang nói rất hay: “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (Hãy nên không trụ vào đâu để sanh cái tâm ấy). Các Ngài trụ tại “*vô sở trụ*”. Do “*vô trụ*” là không nơi nào chẳng trụ, nên nếu quý vị trụ trong một nơi nào đó thì quý vị sẽ chẳng khởi được tác dụng rộng lớn như vậy. Tác dụng của các vị ấy có thể cảm ứng đạo giao cùng hết thấy chúng sanh tận hư không, trọn pháp giới là vì họ trụ nơi vô trụ nên mới khởi được tác dụng ấy. Trụ trong vô trụ bằng cách nào? Hễ trong tâm có niệm là có trụ, hễ tâm quý vị có vướng mắc là quý vị có trụ xứ. Quý vị có phân biệt thì quý vị cũng có trụ xứ. Quý vị có chấp trước thì quý vị cũng có trụ xứ. Do đây biết rằng: Lià hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chính là “*trụ vô sở trụ*”. Tác dụng khởi lên ấy được gọi là “*xứng tánh*”, mà tự tánh là tận hư không, trọn pháp giới. Xứng tánh khởi dụng thì dụng ấy sẽ to lớn, có thể thấy hết thấy Phật giáo hóa chúng sanh, khởi tác dụng cảm ứng đạo giao với hết thấy chúng sanh trong chín pháp giới. Tuy khởi tác dụng to lớn ấy, tâm Bồ Tát vĩnh viễn thanh tịnh, vĩnh viễn không có phân biệt, chấp trước, vĩnh viễn không có một vọng tưởng nào, đây gọi là “*tam-muội dụng*”.

Phàm phu chúng ta học Phật khó khăn, khó khăn ở chỗ nào? Thấy sắc, nghe tiếng liền khởi tâm động niệm, khởi phân biệt, chấp trước to lớn. Vậy thì có cách nào đây? Do vậy, chúng ta niệm Phật, đừng nói là niệm Phật chưa đắc Niệm Phật tam-muội, ngay cả công phu cạn nhất là công phu thành phiền chúng ta vẫn chưa đạt được! Nguyên nhân ở chỗ nào? Buông xuống chưa được, chưa buông vọng tưởng, chấp trước xuống được! Nếu quý vị buông chấp trước xuống thì sẽ công phu thành phiền. Quý vị buông phân biệt xuống sẽ đắc Sự nhất tâm bất loạn. Nếu lại có thể buông xuống vọng tưởng thì sẽ đắc Lý nhất tâm bất loạn. Chuyện là như vậy đó! Nói tóm lại một câu, “*chỉ là muốn cho quý vị buông xuống mà thôi!*” “*Buông xuống*” không phải là nói “*buông xuống trên mặt Sự*”, Phật, Bồ Tát đến khắp nơi hiện thân thuyết pháp hóa độ chúng sanh, trên mặt Sự các Ngài có làm, nhưng trong tâm các Ngài đã buông xuống. Vì thế trên mặt Sự thì có, nhưng trên mặt Lý không có, trên mặt Tướng thì có, trên mặt Tánh không có. Phải hiểu đạo lý này rồi sau đây Tánh Tướng Sự Lý tương ứng như kinh thường nói: “*Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”.

Môn thứ mười bốn nói “*trụ nhất thiết cảnh quảng đại niệm Phật môn, kiến nhất thiết Phật kết già phu tọa, nhất nhất Phật thân mãn pháp giới cố*” (môn Niệm Phật trụ trong hết thấy cảnh rộng lớn, thấy hết thấy Phật ngồi xếp bằng, thân của mỗi đức Phật trọn khắp pháp giới). Thân của mỗi đức Phật đều trọn khắp pháp giới, ngày hôm qua tôi đã thưa với quý vị rồi đó, “*xả đắc liễu*” (hễ xả sẽ đạt được), thật sự đạt được! Được điều gì? Được tận hư không, trọn pháp giới, thực sự chẳng thể nghĩ bàn. Chứ nói theo phía phàm phu Nhị Thừa thì là giả! Không đạt được, chỉ là vọng tưởng, chứ không phải là thật sự đạt được, Phật, Bồ Tát thật sự đạt được! Chúng ta không xả, không buông xuống, làm sao đạt được? Chẳng thể nào! Nếu nghe kinh Phật nói như thế, quý vị cũng có thể bỏ thí mà cũng có thể bỏ được, tợ hồ hơi giống như vậy. Nhưng thật ra thì sao? Thật ra, tâm quý vị trọn chẳng hề buông xuống, vẫn là có thị phi nhân ngã, như vậy thì cái Xả ấy của quý vị đạt được gì hay chẳng? Có đạt được! Đạt được phước báo hữu lậu trong tam giới. Phước báo hữu lậu vẫn là giả, không thật. Nếu thật sự đạt được thì tận hư không, trọn pháp giới mới là thật sự đạt được!

Chiếu theo tiêu chuẩn trong kinh này, thật sự đạt được thì địa vị thấp nhất là những người giống như tỳ-kheo Cát Tường Vân, loại người này chính là bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Tuy vậy, sở đắc của họ chẳng rốt ráo viên mãn như trong quả địa Như Lai. Họ là phần chứng viên mãn. Tuy là phần chứng vẫn chẳng thể nói họ không viên mãn, điều này rất có ý vị! Chư vị phải suy nghĩ kỹ càng: Phần chứng vẫn viên mãn, giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Một tức là nhiều, nhiều chính là một, một và nhiều tương tức, lý sự viên dung*”. Cảnh giới như thế đấy. Tuyệt đối chẳng phải là nói “*phần chứng không viên mãn, chứng rốt ráo mới viên mãn*”, không phải vậy! Phần chứng cũng viên mãn, đấy mới là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn!

“*Già phu biến tọa, thị tam-muội tướng*” (Ngồi xếp bằng trọn khắp là tướng của tam-muội). “Tướng” là hình dạng. “*Già phu biến tọa*” cũng mang ý nghĩa biểu thị pháp, trọn chẳng phải là thật sự ngồi xếp bằng suốt ngày. Nếu ngồi xếp bằng suốt ngày thì chuyện gì quý vị cũng đều chẳng muốn làm, quý vị còn làm được chuyện gì nữa đây? Do vậy, cách nói này nhằm biểu thị pháp, biểu thị điều gì? Biểu thị ý nghĩa bất động. Bởi lẽ, ngồi xếp bằng là ổn định, thích đáng nhất, ngồi trong một thời gian lâu nhất, ổn thỏa thích đáng nhất mà cũng là thoải mái nhất. Người mới học chưa quen, khi còn cảm thấy hai đùi bị tê là lúc quý vị mới học; nếu đã ngồi lâu rồi, tức khi đã quen rồi, cách ngồi ấy thoải mái nhất. Cách ngồi này biểu thị sự bất động, chúng ta đứng hay đi đều là tướng động, ngồi là tướng bất động. Nhằm biểu thị ý nghĩa bất động, chứ không phải là bảo quý vị ngồi nơi ấy; phải hiểu ý nghĩa này.

Người mới học tịnh tọa thì phải ngồi, dụng ý của ngồi là đâu? Lăng yên vọng tướng xuống. Do vậy, trong Thiền đường, hiện thời tại Trung Quốc thiền đường cũng không có, ở nước Mỹ, tôi đã đến thăm hai Thiền đường của người Nhật. Tôi đến thăm viếng, bọn họ cũng rất hoan nghênh. Người Nhật lập ra Thiền đường ấy, quá nửa đồ đệ của họ là người Mỹ, người Mỹ hết sức quen [ngồi Thiền]. Trong Thiền đường sắp đặt hết sức đơn giản, ngồi nhìn vào vách. Khi ngồi đương nhiên tư thế phải đọan chánh, có tư thế giống như tượng Phật, giống như tượng Phật được đắp, [dáng ngồi của] tượng Phật là tư thế tiêu chuẩn. Nếu tư thế của quý vị không đúng, thầy phải uốn nắn. Dùng phương pháp gì để uốn nắn? Dùng hương bản²⁰ để đánh, không nói gì hết, không dùng tới lời nói; quý vị hơi động dậy một chút, từ phía sau hương bản liền vụt thẳng xuống. Đương nhiên lý do thứ nhất là tư thế ngồi của quý vị không đúng, ngoài ra là khởi vọng tướng. Khởi vọng tướng, [thân thể] sẽ lắc lư. Vì thế, hương bản đánh xuống nhằm đánh bay vọng tướng của quý vị. Thiền tông dùng phương pháp ấy để dạy học. Đợi đến khi quý vị không có ý niệm, bất cứ ý tưởng nào cũng chẳng có, vẫn phải đánh quý vị, đánh gì vậy? Đánh vô minh. Một thứ là vọng tướng, thứ kia là vô minh. Vì thế, quý vị suy tưởng thì cũng bị đánh, không suy tưởng cũng bị đánh, nhắc quý vị giác ngộ ngay tại nơi ấy.

Trong khi tịnh tọa có cảnh giới, không phải là thứ gì cũng chẳng có. Người ấy có Quán, tức Chỉ Quán. Dứt hết thấy vọng niệm. Người ấy có quán; cách Quán hiện thời là dạy quý vị tham thoại đầu. Tâm quý vị giữ chặt câu thoại đầu ấy. Thoại đầu không có lời giải thích, nếu quý vị có nghi vấn, hương bản của thầy lại đập xuống; dùng phương pháp ấy, dùng thủ đoạn đặc biệt khác thường như vậy. Chẳng giống như Giáo Hạ, trong Giáo Hạ nếu quý vị có nghi vấn, có thể nêu ra câu hỏi để được giải đáp, có thể biện luận, còn trong Tông môn thì không có, quý vị nêu ra nghi vấn sẽ bị đập liền, không có nghi vấn cũng bị đập! Đây là thủ đoạn trong Tông môn. Do vậy, đây là tướng của tam-muội. Trong tướng ấy, đi, đứng, nằm, ngồi đều gọi là “*tọa Thiền*”, phải hiểu được ý nghĩa này. Cũng có nghĩa là ngồi như vậy thì trong tâm quý vị định, chứ không phải là nói tới thân định, thân định sẽ vô ích, phải là tâm định. Tâm thật sự đặc định thì thân động như thế nào cũng chẳng chướng ngại sự, người ấy có thể làm việc, người ấy có thể giúp đỡ hết thấy chúng sanh, chuyện gì người ấy cũng đều làm được!

“*Nhất nhật chi trung kiến nhất thiết Phật, thị vô lượng nghĩa. Tùng thử vãng hóa, thị vô y nghĩa*” (Trong một ngày thấy hết thấy Phật là nghĩa vô lượng. Từ đây đi hóa độ là nghĩa vô y). “*Tùng thử vãng hóa*” là câu thứ mười ba, là môn trước, nói về sự giáo hóa chúng sanh. Tùy theo tâm của chúng sanh, ứng theo khả năng nhận biết của họ, chúng sanh có cảm, các Ngài liền lập tức có ứng, cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn. “*Vô y*”: Phật

xung là “*vô y đạo nhân*”. Hễ có “y” (nương tựa vào) thì có vọng tưởng, có ý niệm, vô y thì mới xứng tánh. Phàm phu chúng ta không có cách nào, cho nên bước vào cửa Phật, trước hết phải tìm nơi nương tựa, phải cầu Tam Quy Y, phải nương tựa. Chúng ta không nương tựa sẽ không được! Điều này giống như đứa trẻ còn chưa trưởng thành, chẳng thể độc lập được, phải nương tựa vào cha mẹ, đến khi nó có năng lực độc lập, chẳng thể nương tựa nữa! Suốt cả đời sống dựa vào cha mẹ thì có nói cách nào đi nữa cũng chẳng xuôi! Người mới học thì phải nương tựa, còn mình tâm kiến tánh thì không cần nương tựa. Do đây biết rằng, học Phật trong lục đạo thì phải nương tựa, quyết định phải nương tựa, học Phật trong mười pháp giới vẫn phải nương tựa, vì sao vậy? Chưa kiến tánh, kiến tánh rồi thì mới thật sự là vô y đạo nhân. Đây là hai ý nghĩa “*vô lượng nghĩa, vô y nghĩa*”.

“*Cố vân, tam-muội Phật, vô lượng vô y kiến*”: Đây là nói thấy Phật, thấy vô lượng Phật, do vì vô y (không nương tựa) nên quý vị mới thấy vô lượng Phật. “*Ký già phu tọa, thân mãn pháp giới, khởi phi oai thế*” (Đã ngồi xếp bằng, thân trọn khắp pháp giới, há chẳng phải là oai thế); do vậy nói đến “*oai thế thân*”. Oai là oai đức, Thế là thế lực, vị ấy có đại oai đức, có đại thế lực. Danh hiệu của Đại Thế Chí Bồ Tát mang ý nghĩa này. Do vậy, gọi là Oai Thế Thân. Ở đây cần phải chú ý tới một câu, tức câu “*già phu tọa, thân mãn pháp giới*”. Câu này rất khó hiểu, nhưng quý vị phải hiểu đó là sự thật: Chẳng những Pháp Thân trọn khắp pháp giới (điều này mọi người đều hiểu rõ, ai nấy đều có thể thừa nhận), mà Báo Thân, Ứng Hóa Thân cũng trọn khắp pháp giới. Báo Thân là Tự Thọ Dụng Thân của Phật, Bồ Tát, Ứng Hóa Thân là Tha Thọ Dụng Thân. Tha Thọ Dụng Thân quả thật cũng trọn khắp pháp giới, ở trong pháp giới hễ chúng sanh có cảm, các Ngài liền hiện, không có cảm thì các Ngài ẩn. Ẩn hiện bất đồng, quả thật là trọn khắp pháp giới. Lý này rất sâu, rất nhỏ nhiệm, chư Phật Như Lai là như vậy đó.

Vậy thì chúng ta lại hỏi, bản thân chúng ta chẳng phải là như vậy hay sao? Chúng ta và chư Phật không khác gì nhau, ba thân của chúng ta cũng trọn khắp pháp giới, nhưng vì nay đang có vọng tưởng, có phân biệt, chấp trước nên tam thân tuy có nhưng chính quý vị chẳng thể nhận biết, chẳng biết chính mình có ba thân! Cái thân hiện tiền đây được gọi là Nghiệp Báo Thân, cũng là Ứng Thân, Ứng là báo ứng, tức báo ứng do nghiệp lực của chúng ta, còn thân của Phật, Bồ Tát là báo ứng do nguyện lực. Vì thế, chúng ta gọi các Ngài là “*thừa nguyện tái lai*” (nương theo nguyện để sanh trở lại thế gian này). Thân chúng ta là báo ứng của nghiệp lực, cũng là Báo Thân, Ứng Thân. Chẳng phải là trọn khắp pháp giới ư? Đúng là trọn khắp pháp giới, quý vị chớ có hiểu lầm. Trong nửa tiếng hoặc trong một tiếng đồng hồ này, quý vị từ nhà đến giảng đường của Đồ Thư Quán để nghe kinh, nếu quý vị nghĩ như vậy là quý vị đã hoàn toàn nghĩ sai rồi. Chân tướng sự thật ấy là

gì? Ở trong nhà quý vị, thân ấy ẩn, còn ở tại đây, thân ấy hiện. “Tôi không biết hay sao?” Quý vị không nhận biết, sự ẩn hiện ấy chỉ ẩn hiện trong sát-na, trong sát-na trước, thân ấy ẩn, trong sát-na sau, thân ấy hiện, ẩn hiện trong sát-na, cho nên mới nói với quý vị là “không có đến đi, ẩn chỗ này, hiện chỗ kia”; đây là chân tướng sự thật. Nếu chẳng phải là trọn khắp hư không pháp giới thì làm sao nói cho thông suốt đây? Thật sự có đến đi vậy!

Cổ đức giảng cho chúng ta biết, người vãng sanh Tịnh Độ “*sanh thì quyết định sanh, nhưng đi thì thật sự chẳng đi*”. Vì sao vậy? Thân ở chỗ này ẩn, hiện thân ở chỗ kia. Ẩn đây, hiện kia, cho nên nói “*đi nhưng thật sự không đi, không có đến đi*”, đây là chân tướng sự thật “*không có đến đi, chỉ có ẩn hiện*”. Chư Phật Bồ Tát chẳng mê hoặc, đối với sự lý các Ngài hiểu rõ ràng, minh bạch, chúng ta cũng giống như vậy, thế nhưng đối với sự lý lại chẳng biết một chút gì. Do vậy, sanh ra rất nhiều kiến giải sai lầm. “Tôi từ nhà đến”, đây là kiến giải sai lầm; không có đến đi, quý vị từ đâu đến? Quý vị đi về đâu? Không có đến hay đi! Đây mới là nói đúng chân tướng sự thật. Do vậy, một câu “*thân trọn khắp pháp giới*” ở đây hết sức ý vị! Phật, Bồ Tát, các bậc thánh hiền đã như vậy, mà lục đạo phàm phu cũng chẳng phải là ngoại lệ, chúng ta hiểu “học Phật là chứng thực, trừ khử chướng ngại, tiến tới giống hết như chư Phật, Bồ Tát”, hiểu rõ ràng minh bạch giống như vậy. Đây là chân tướng sự thật. Tiếp theo là:

Thập ngũ, thập lục tức Chánh Giác Phật, danh Bồ Đề Thân. Tiền môn...

十五十六即正覺佛，名菩提身。前門。

(Môn mười lăm và mười sáu chính là Chánh Giác Phật, gọi là Bồ Đề Thân. Môn trước...)

“*Tiền môn*” là môn thứ mười lăm.

Nhất mao đốn hiện, thị xử vi tế. Hậu môn...

一毛頓現，是處微細。後門

(Đầu lông nhanh chóng hiện, là ở trong pháp vi tế. Môn sau...)

Đây là môn thứ mười sáu.

Trụ sát-na tế, hiển thời thậm thâm. Như tư thành Phật, bất trước nhất thiết, vi vô trước kiến.

住剎那際，顯時甚深。如斯成佛，不著一切，為無著見。

(Trụ trong khoảng sát-na, cho thấy thời rất sâu. Thành Phật như thế, chẳng chấp vào hết thấy, là cái thấy không dính mắc)

Quý vị đối với hết thấy đều không dính mắc, quý vị sẽ thấy được Chánh Giác Phật, thấy được thân Bồ Đề của Phật. Phần kinh văn cho môn thứ mười lăm là: “*Trụ nhất thiết pháp vi tế Niệm Phật môn*” (môn Niệm Phật trụ trong hết thấy pháp vi tế). Tu thành môn Niệm Phật ấy, quý vị sẽ có thể ở trong “*nhất mao khổng kiến bất khả thuyết chư Phật xuất hưng, hàm chí kỳ sở nhi thừa sự cố*” (trong một lỗ chân lông thấy chẳng thể nói chư Phật xuất hiện, đều đến chỗ các Ngài thừa sự). Quý vị trông thấy, môn Niệm Phật này nói thật ra, tuyệt đối chẳng phải là sơ học, người sơ học không thể làm được, đây là nhập pháp giới vi tế. Trong nghiệp dụng nêu ra một thí dụ, “*mao khổng*” (lỗ chân lông), có kinh gọi là “*mao đoan*” (đầu lông). Mao đoan hay mao khổng đều nhằm hình dung thứ nhỏ nhất nơi chánh báo. Nói tới vi trần là nói tới thứ nhỏ nhất trong y báo. Trong lỗ chân lông thấy bao nhiêu Phật? Bất khả thuyết chư Phật. “*Bất khả thuyết*” chẳng phải là con số. Nếu nói là con số “*bất khả thuyết*” trong mười con số lớn của Ấn Độ, trong phần sau lại còn có con số càng lớn hơn gọi là “*bất khả thuyết bất khả thuyết*”. Nhưng đây vẫn là rớt vào số lượng, hễ rớt vào số lượng thì có thể nghĩ bàn. Do vậy, “*bất khả thuyết*” ở đây không phải là số lượng, mà là hình dung, quả thật là không có cách nào tính toán được. Nhiều vị Phật như thế “*xuất hưng*” trong lỗ chân lông, nay chúng ta gọi “*xuất hưng*” là “*xuất hiện*”. Từ nơi đây xuất hiện, vị ấy trông thấy. Sau khi trông thấy, vị ấy muốn đến thân cận những vị Phật ấy, thừa sự chư Phật, cúng dường chư Phật, điều này rất chẳng thể nghĩ bàn.

Môn kế tiếp là “*trụ sát-na tế trang nghiêm Niệm Phật môn*” (Môn Niệm Phật trang nghiêm trụ trong khoảng sát-na), về phương diện tác dụng bèn nói, “*ư nhất niệm trung*” (trong khoảng một niệm), thời gian trong một niệm ấy rất ngắn, “*kiến nhất thiết sát giai hữu chư Phật thành Đăng Chánh Giác hiện thân biến cố*” (do thấy trong hết thấy cõi đều có chư Phật thành Đăng Chánh Giác hiện thân biến). “*Hiện thân biến*” thông thường là nói hiện tám tướng thành đạo, giống như thủa Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế thị hiện tám tướng thành đạo trong thế gian này. Đây chính là “*trụ sát-na tế trang nghiêm Niệm Phật môn*”. Chúng ta đọc lời chú giải của đại sư Thanh Lương:

Nhất mao đốn hiện.

一毛頓現。

(Trong một sợi lông cùng lúc xuất hiện)

Trong một mao khổng (lỗ chân lông), “*đốn hiện*” là hiện cùng một lúc, chứ không phải là hiện theo thứ tự. Đây là nơi đức Phật xuất hiện, tức là “*xuất hiện vi tế xứ*” (chỗ xuất hiện vi tế). Trong một lỗ chân lông là như thế, mà tận hư không, trọn pháp giới không đâu chẳng phải là như thế; do vậy, nói Phật, Bồ Tát nhiều hơn chúng sanh, nhiều hơn rất nhiều, nhục nhãn của phàm phu chúng ta không thấy được. Nói thật ra, không thấy được đều là vì chướng ngại, tổng quy nạp các chướng ngại lại thì là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chướng ngại càng nhiều, vô lượng vô biên thứ, quy nạp lại chẳng ngoài ba loại lớn. Vì thế, niệm Phật hãy niệm theo cách nào? Trong hết thấy thời, hết thấy xứ, hết thấy cảnh giới, hãy tận hết sức bớt phân biệt, bớt chấp trước, bớt khởi vọng tưởng. Đây là vận dụng công phu thật sự, thật sự biết cách dụng công. Người chẳng biết dụng công, niệm A Di Đà Phật luôn khởi vọng tưởng thì không có cách nào! Cổ đức đã nói “*hãm phá hầu lung dã ủng nhiên*” (hết toạc cổ họng cũng ủng công). Nói thật ra, một câu Phật hiệu ấy là để phá vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; quý vị khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước trong một câu Phật hiệu ấy thì chẳng gọi là oan ủng ư?

Phàm phu chẳng thể vô niệm, vô niệm là thánh nhân. Phàm phu quyết định có niệm, bất luận ý niệm ấy là ý niệm thiện hay ý niệm ác, nhất loạt chẳng cần quan tâm đến. Ý niệm khởi lên liền A Di Đà Phật để trừ ý niệm; A Di Đà Phật là gì? Chẳng cần phải nghĩ đến; nếu quý vị nghĩ đến là hỏng rồi, quý vị lại khởi niệm đấy! A Di Đà Phật không có ý nghĩa, không giải thích, dùng phương pháp ấy để phá trừ ý kiến. Chúng tôi nhớ là trong các buổi giảng tôi đã từng nói đạo lý ấy rất nhiều lần. Tôi dạy mọi người đọc kinh, đọc kinh chẳng cần phải nghiên cứu ý nghĩa, vì sao chẳng cần phải nghiên cứu ý nghĩa của kinh? Tôi đã nói rất nhiều lần, trong kinh không có ý nghĩa. Nếu quý vị nghe thấy ý nghĩa, niệm kinh thấy có ý nghĩa thì đều toàn là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị. Nếu quý vị nghe kinh trong một tiếng rưỡi đồng hồ này, nghe xong không thấy có ý nghĩa gì, quý vị đã khai ngộ rồi. Nói hay nghe đều có thể khai ngộ, chỗ khản yếu là không có ý nghĩa thì sẽ khai ngộ, hề có ý nghĩa sẽ chẳng khai ngộ, có ý nghĩa chính là mê nơi ý thức, rớt vào tâm ý thức.

Kinh không có ý nghĩa thì thứ gì có ý nghĩa? Không một thứ nào có ý nghĩa cả! Đây mới là chánh giác, mới có thể thấy được thân Bồ Đề. Thấy sắc, nghe tiếng, sáu căn đối trước cảnh giới sáu trần, ý nghĩa bèn khởi lên. Quý vị phải hiểu đây chính là phiền não khởi lên, rắc rối khởi lên, chướng

ngại khởi lên, chẳng phải là trí huệ. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, ý nghĩa gì cũng đều chẳng có, như vậy là rất tốt, vì sao vậy? Quý vị đã không còn sử dụng tâm ý thức, chẳng sử dụng tâm ý thức thì dùng gì? Quý vị sử dụng căn tánh của sáu căn; do vậy, thấy sắc, nghe tiếng chẳng khởi tâm động niệm, chẳng phân biệt, chấp trước. Như vậy là đúng.

Hậu môn trụ sát na tế, hiển thời thậm thâm.

後門住剎那際，顯時甚深。

(Môn sau là trụ trong sát na, cho thấy thời rất sâu)

Sát-na là thời gian cực ngắn.

Như tư thành Phật, bất trước nhất thiết.

如斯成佛，不著一切。

(Thành Phật như thế, chẳng dính mắc hết thảy)

Ở đây, quan trọng nhất là “*bất trước*”, tức không chấp trước, pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều không chấp trước, chúng sanh và Phật cũng không chấp trước. Lại thưa với quý vị, nhưng nói ra lại sợ mọi người hiểu lầm, bởi vậy chỗ này rất khó giảng! Đâu là chân, đâu là giả? Chân hay giả cũng không chấp trước, thiện hay ác cũng không chấp trước, đúng hay sai cũng không chấp trước, lợi hay hại cũng không chấp trước. Quý vị muốn biết vì sao ư? Chân và giả là hai pháp, đúng hay sai cũng là hai pháp, tà và chánh cũng là hai pháp, lợi và hại cũng là hai pháp. Trong bộ Lục Tổ Đàn Kinh, chúng ta thấy có câu này: “*Nhị pháp tự bất thị Phật pháp, Phật pháp thị bất nhị pháp*” (Có hai pháp thì chẳng phải là Phật pháp, Phật pháp là pháp không hai). Câu này có nghĩa là gì? Rót vào ý thức thì mới có hai, tức là nói quý vị có phân biệt, có chấp trước nên mới có hai. Hễ không phân biệt, không chấp trước thì “*một*” còn tìm chẳng ra, làm sao có thể tìm được “*hai*” ở trong ấy? Đây mới gọi là “*nhập pháp môn Bất Nhị*”.

Nói tới đây, sợ mọi người nảy sanh sự hiểu lầm rằng: Nếu như vậy thì tà - chánh chẳng phân, thiện - ác chẳng phân, chuyện gì cũng đều có thể làm. Quý vị nghĩ như vậy là quý vị đã sớm đọa trong hai pháp rồi, đâu phải là Phật pháp! Do vậy, nhất định chớ nên sanh ý tưởng hiểu lầm ở chỗ này, chân - vọng, tà - chánh, đúng - sai, thiện - ác, rõ ràng, rành mạch, nhưng trong tâm không động niệm, không phân biệt, không có phân biệt chính là Một. Chư Phật và các vị Pháp Thân đại sĩ thường trụ trong Nhất Chân pháp giới, Nhất Chân mới trọn khắp pháp giới, còn Nhị thì chẳng thể trọn khắp. Nhất là trọn khắp, đạo lý là đây. Khi nó khởi tác dụng sẽ khởi ra tác dụng hằng

thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Quý vị nói tới thiện, Phật liền nói thiện với quý vị; quý vị nói tới ác, Phật liền nói ác với quý vị. Do đây biết rằng: Hết thấy pháp tương đối là tri kiến của chúng sanh, đây gọi là Tục địa (Tục Đê), Phật tùy thuận Tục địa thuyết pháp, tức là tùy thuận kiến giải của chúng sanh. Nói thiện - ác, thị - phi, lợi - hại, chân - vọng với quý vị, khuyên quý vị đoạn ác tu thiện, bỏ giả tu chân, nói với quý vị những điều ấy. Phật có suy nghĩ hay chẳng? Không có! Phật có những ý niệm ấy hay không? Không có! Nếu Phật có ý tưởng ấy, có quan niệm ấy, sẽ thật sự có pháp để nói. Trong kinh Bát Nhã, đức Phật thường nói: “Phật chẳng có pháp để có thể nói được!” Chẳng những không có pháp nhất định để nói mà Phật còn không có pháp gì để nói, đây mới là hiện rõ “vô thuyết mà thuyết, thuyết nhưng vô thuyết”, nói ra chân tướng của sự thật ấy.

Bậc Pháp Thân đại sĩ có thể nghe, còn các vị Bồ Tát trong mười pháp giới chẳng biết cách nghe, các bậc Pháp Thân đại sĩ biết nghe, các ngài nghe như thế nào? Nghe mà không nghe, không nghe nhưng nghe, Pháp Thân đại sĩ mà! Ở nơi đây, phàm phu chúng ta nghe thấy có rất nhiều điều rất thích thú, làm sao biết có thích thú? Thấy vẻ mặt quý vị thay đổi liền biết quý vị có thích thú. Đương nhiên chúng ta là kẻ mới học. Kinh điển rất sâu này là cảnh giới của bậc Pháp Thân Bồ Tát, chúng ta phải liễu giải. Sau khi liễu giải sẽ hiểu, trong giai đoạn hiện thời, chúng ta nhất định phải nghiêm túc tu học, nhưng tu học chẳng thể bám chắc vĩnh viễn, nếu vậy quý vị đã lầm rồi. Đây là một giai đoạn, tu học giai đoạn này xong xuôi thì phải buông bỏ, cảnh giới của chính mình mới được nâng cao. Giống như đi học vậy, năm nay chúng ta học lớp thuộc năm thứ nhất, năm sau phải bỏ lớp năm thứ nhất, lên lớp của năm thứ hai, chẳng thể nói lớp học năm thứ nhất hay lắm, năm nào cũng học lớp của năm thứ nhất. Nói gì vậy? Quý vị đã sai rồi! Do vậy, phải bỏ! Bỏ lớp của năm thứ nhất để được lớp thuộc năm thứ hai, bỏ lớp thuộc năm thứ hai để lên lớp của năm thứ ba. Quý vị không bỏ thì sẽ vĩnh viễn không đạt được. Nhất định phải hiểu đạo lý này! Quan trọng là đừng vương mắc, hết thấy pháp thế gian lần xuất thế gian đều không vương mắc thì quý vị sẽ thấy Chánh Giác Phật, quý vị sẽ thấy thân Bồ Đề. Nay chúng ta không thấy được là vì dụng đầu chấp đó, luôn luôn chấp vào tướng. Xem tiếp đoạn sau:

Thập thất, thập bát tức thị Tâm Phật, danh Phước Đức Thân. Tiền môn tâm sở trụ pháp. Hậu môn...

十七十八即是心佛，名福德身。前門心所住法。後門。

(Môn thứ mười bảy và mười tám chính là Tâm Phật, gọi là Phước Đức Thân. Môn trước là pháp thuộc về tâm sở trụ. Môn sau...)

Đây là môn thứ mười tám.

Tiêu tự tại tâm, cổ kinh tâm Phật linh an trụ kiến, tùy tâm chuyển pháp, vì Phước Đức Thân.

標自在心。故經心佛，令安住見。隨心轉法，為福德身。

(Nêu bày tâm tự tại. Vì thế kinh dạy an trụ để thấy được đức Phật trong tâm, pháp chuyển theo tâm, là Phước Đức Thân)

Đây chính là đại phước đức thật sự. Đối với hai câu kinh văn trong đoạn này thì “*trụ nhất thiết pháp Niệm Phật môn, kiến nhất thiết Phật xuất hưng u thế, dĩ trí huệ quang chuyển pháp luân cố*” (môn Niệm Phật trụ trong hết thấy pháp thấy hết thấy chư Phật xuất hiện trong cõi đời, dùng ánh sáng trí huệ để chuyển pháp luân) là Tâm Phật, phước đức hết sức rõ ràng, rạng ngời. Câu kế tiếp vẫn là Tâm Phật, “*trụ tự tại tâm Niệm Phật môn, tùy kỳ tâm sở hữu dục lạc, nhất thiết Như Lai hiện kỳ ảnh tượng hàm đặc kiến cố*” (Môn Niệm Phật trụ trong tâm tự tại, tùy tất cả những điều vui thích trong tâm của họ mà đều được thấy những hình ảnh do đức Như Lai hiện ra). Trước tiên chúng ta hãy xem câu thứ nhất, câu thứ nhất chính là “*trụ nhất thiết pháp Niệm Phật môn*”. Loại Niệm Phật này chính là niệm pháp, pháp [ở đây] chẳng phải là một pháp mà là hết thấy pháp. Hết thấy pháp và một pháp không hai, đây chính là chân tướng của sự thật, một tức hết thấy, hết thấy tức là một. Nay chúng ta học pháp môn một câu A Di Đà Phật này, một câu Nam Mô A Di Đà Phật ấy chính là pháp. Chúng ta an trụ cái tâm trong một câu Nam Mô A Di Đà Phật, sao chúng ta chẳng thấy được hết thấy đức Phật xuất hiện trong cõi đời? Nói thật ra, hiện thời chúng ta thật sự trọn chẳng đem cái tâm an trụ nơi A Di Đà Phật. Tuy niệm Phật vẫn khởi vọng tưởng như cũ, công phu chẳng thuần! Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã dạy người niệm Phật tối kỵ nhất xen tạp, chúng ta xen tạp quá nhiều, quá phức tạp, cho nên câu niệm Phật này không linh. Nếu đạt đến mức chẳng hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, quý vị sẽ thấy được tự tánh, cảnh giới ấy nhất định hiện tiền: Thấy hết thấy Phật xuất hiện trong thế gian, dùng đại trí huệ chuyển đại pháp luân. Chuyển đại pháp luân cũng là một tỷ dụ nhằm ví von đức Phật giáo hóa hết thấy chúng sanh vĩnh viễn không nơi nghỉ, giống như bánh xe vĩnh viễn xoay chuyển, vĩnh viễn không ngưng nghỉ.

Hết thấy Phật đang ở đâu? Thừa cùng quý vị, trừ thân ta ra thì hết thấy đều là Phật. Nay cảnh giới ấy đối với chúng ta chẳng hiện tiền được, nói thật ra là do tâm không trụ vào hết thấy pháp. Câu kế tiếp cũng nói về Tâm Phật:

“*Trụ tự tại tâm Niệm Phật môn*” (Môn Niệm Phật trụ trong tâm tự tại). Chúng ta đều rất hâm mộ sự tự tại, ai được tự tại? Quán Thế Âm Bồ Tát được tự tại. Chúng ta niệm Tâm Kinh, hãy chú ý tới ba chữ “*Quán Tự Tại*” trong danh xưng Quán Tự Tại Bồ Tát. Quán là công phu, Tự Tại là quả báo. Có thể nói Quán là nhân, Tự Tại là quả. Hiện thời chúng ta bị rắc rối là vì chẳng biết quán, tuy chẳng biết quán, chúng ta lại biết làm gì? Chúng ta biết suy tưởng, suy tưởng là hỏng rồi! Người ta dùng Quán, chúng ta dùng Tưởng, quý vị nói xem có hỏng bét hay không? Quán và Tưởng khác biệt ở chỗ nào? Tôi vừa mới nói đây thôi! Có suy nghĩ là Tưởng, không có suy nghĩ là Quán, quán sát đây! Quý vị xem trong Vãng Sanh Luận, Thiên Thân Bồ Tát dạy chúng ta một phương pháp trong năm loại niệm Phật là quán sát. Quán sát là sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng dùng tới phân biệt, chấp trước, ấy là quán sát. Có thể thấy được rằng: Trong Niệm Phật chẳng phải là không có Quán. Quán thường được coi là phương pháp sử dụng trong Thiền Tông, được Thiền tông hết sức coi trọng. Chỉ Quán: Chỉ là dứt vọng niệm, dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, Quán là gì? Cảnh giới bên ngoài rõ ràng, rành rẽ, hiểu rõ rành rành; họ dùng phương pháp ấy. Trong Niệm Phật cũng có Chỉ Quán; vì vậy, Niệm Phật cũng là Thiền. Kinh Đại Tích (tức kinh Đại Bảo Tích) nói: “*Niệm Phật là vô thượng thâm diệu Thiền*”. Nếu trong đây không có Quán thì “vô thượng thâm diệu Thiền” làm sao nói cho xuôi? Do vậy, chúng ta muốn đạt được tự tại thì không có gì khác cả, quý vị hãy chuyển biến suy tưởng thành quán sát thì sẽ được tự tại.

Trong những năm qua, chúng tôi giảng kinh, thuyết pháp ở các nơi trên thế giới, giúp đại chúng niệm Phật, chúng tôi đề xuất tông chỉ tu học. Người ta hỏi tôi: “Pháp sư, thầy học điều gì? Thầy dạy điều gì?” Tôi nêu lên mười câu, mười câu ấy là những điều chính chúng tôi tu tập và khuyên bảo người khác, “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, giác* (đây chính là tựa đề của kinh Vô Lượng Thọ, thanh tịnh, bình đẳng, giác), *từ bi*”. Giữ năm điều này trong lòng, chúng ta thường dùng cái tâm ấy; xử sự, đối đãi người, tiếp vật đều phải dùng cái tâm ấy. Trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, hết thấy cảnh duyên, chúng ta tu tâm chân thành. Người khác đối đãi với chúng ta bằng sự hư giả, mặc kệ họ! Chúng ta phải luôn đem lòng chân thành đối đãi người. Trong hết thấy cảnh duyên, tu hạnh thanh tịnh, tu hạnh bình đẳng, tu tâm thanh tịnh, chẳng ô nhiễm thì sẽ bỏ được tham - sân - si - mạn, tâm quý vị liền thanh tịnh. Tu tâm bình đẳng, trong hết thấy pháp đừng phân biệt, không phân biệt là bình đẳng, không ô nhiễm là thanh tịnh. Có thể đạt được thanh tịnh, bình đẳng thì trí huệ liền sanh, tín tâm thanh tịnh thì sanh trí huệ, chánh giác hiện tiền, tâm đại từ bi tự nhiên lưu lộ ra. Đây là những điều chúng tôi tu, chúng tôi tu học những điều ấy.

Dùng phương pháp nào để tu, chúng tôi lại đề xuất năm điều: “*Thấy thấu suốt, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật*”. Trong ấy, phương pháp trọng yếu nhất là thấy thấu suốt, buông xuống. Thấy thấu suốt thế gian là giả, “*phàm tất cả những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Nếu quý vị thấy thấu suốt không có thứ gì là thật, tự nhiên quý vị sẽ buông xuống được, buông xuống rồi sẽ tự tại. Vì sao hiện nay quý vị chẳng tự tại? Quý vị không buông xuống được, vướng mắc quá nhiều thứ trong lòng, làm sao tự tại được? Quý vị thật sự có thể buông xuống hết thấy thì quý vị sẽ được tự tại. Nói thật ra, quý vị không chịu buông xuống, quý vị thật sự không thấy thấu suốt, quý vị không liễu giải chân tướng sự thật. Người thế gian cũng thường có một hai câu giác ngộ, nhưng những câu nói ấy chỉ là ngoài miệng, trọn chẳng có giác ngộ thật sự. Chúng tôi thường nghe nói: “*Sanh ra chẳng mang tới, chết chẳng đem theo đi*”. Hai câu nói này là lời giác ngộ. Thế nhưng quý vị biết nói, chứ trong tâm vẫn chấp trước, vẫn phân biệt, vẫn buông xuống không được. Đã hiểu rõ “*sanh ra chẳng mang tới, chết chẳng đem theo đi*”; hết thấy pháp trong thế gian này chẳng liên quan với ta, vậy thì ta chấp trước để làm gì? Trong sanh hoạt tùy duyên sẽ tự tại, điều gì cũng tốt cả, không có một thứ nào chẳng tốt. Vì sao vậy? Thứ nào cũng đều chẳng liên can đến ta thì quý vị mới thật sự được tự tại, quý vị thật sự thọ dụng Phật pháp.

Nếu quý vị muốn giữ được vĩnh viễn sự thọ dụng này thì nhất định quý vị phải niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; do vậy, sau đây lại thêm Niệm Phật, như vậy thì quý vị mới thật sự vĩnh viễn đạt được. Nếu quý vị không niệm Phật, tuy quý vị được thọ dụng trong một đời này, hễ chuyển sang đời khác quý vị lại bị mê hoặc, trong đời sau chưa chắc vẫn còn giác ngộ. Những vị xuất gia là bậc đại tu hành từ cổ đến nay, hễ đầu thai chuyển sang đời khác sẽ hưởng phước, hễ hưởng phước liền mê hoặc, điên đảo, phần nhiều là như vậy! Đây đều là vì chẳng biết niệm Phật cầu vãng sanh, bỏ uổng công phu tu hành trong một đời, thậm chí nhiều đời của chính mình, rất đáng tiếc! Nhất định phải niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Do vậy, chúng tôi nêu ra mười câu ấy chính là những điều bản thân chúng tôi tu, học, giảng dạy, đây là môn Niệm Phật thật sự trụ trong tâm tự tại. Vì thế, nếu quý vị muốn được đại tự tại, không có gì khác cả, chỉ là thấy thấu suốt, buông xuống, hết thấy nhân sự vật không cần phải rộn ràng. “*Phàm tất cả những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, hai câu ấy trong kinh Kim Cang nói rất hay, hãy thường niệm. Khi quý vị gặp lúc cao hứng bèn “*phàm tất cả những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, tâm cao hứng sẽ nguội xuống. Khi quý vị khởi lên phiền não, niệm hai câu ấy, phiền não sẽ không còn nữa, tâm quý vị bèn đắm xuống, đều là giả mà. Vì sao chẳng tùy duyên sống qua ngày? Chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong nhân gian gọi là “*du*

hý thần thông”; chúng ta có thể học tùy duyên sống qua ngày tức là du hý thần thông, chuyện gì cũng đều chẳng so đo, chuyện gì cũng chẳng chấp trước, như vậy là đúng.

“*Tùy theo tất cả dục lạc trong tự tâm*”, sau khi quý vị thấy thấu suốt, buông xuống, sự vui thích của quý vị khác với mọi người, quý vị có dục vọng gì? Đại khái dục vọng của quý vị chính là như trong kinh điển đã nói: “*Thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói*”. Nhất định quý vị có loại dục vọng ấy, quý vị coi những điều ấy là chuyện vui, là niềm vui thật sự! Tất cả hết thấy những chuyện khoái lạc trên thế gian không có được sự khoái lạc ấy; người thế gian cũng biết giúp đỡ người khác là cái gốc của sự vui sướng. Giúp người là chuyện vui sướng, nhưng những sự vui sướng ấy có chân, có giả, có bán, có mẫn, có thiên, có viên; chỉ có giúp đỡ người khác giác ngộ, giúp đỡ người khác niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, giúp đỡ người ấy thành Phật. Đấy mới là sự vui sướng to lớn, đấy mới là sự vui sướng chân thật. Người khác gặp chút khó khăn, giúp đỡ người ấy một chút, đấy chưa phải là sự vui thật sự vì nó có hạn độ. Giúp đỡ người khác thành Phật, nhất định phải lay tỉnh người ấy.

Kinh giáo của Phật tốt đẹp, kinh giáo quá sâu, không có ai giảng giải, người ta đọc không hiểu, thậm chí giảng giải vẫn nghe không hiểu, đấy là chỗ khó khăn. Do vậy, tôi thường nghĩ tới lời khai thị của lão pháp sư Đàm Hư thuở trước khi Ngài đả Phật thất tại Hương Cảng. Băng ghi âm ấy tôi chỉ có một cuốn do người ta tặng cho tôi, dài chín mươi phút. Lời giảng của Ngài trong cuốn băng ấy rất gần gũi, dễ hiểu, ai nghe cũng hiểu được. Nếu làm theo lời Ngài thì không một ai chẳng thành công. Cụ Đàm giảng những đạo lý rất gần gũi, dễ hiểu, kể chuyện mấy người niệm Phật vãng sanh, chân thật chẳng dối, do chính mắt Ngài thấy. Giọng nói của lão nhân gia không dễ hiểu, trong quá khứ tôi đã kể với quý vị rồi. Do vậy, sau đấy chúng tôi chép lại thành văn tự, đem in kèm vào sau cuốn Niệm Phật Luận. Niệm Phật Luận cũng là do lão nhân gia giảng, đồ đệ của Ngài là Đại Quang bút ký. Hiện thời, hai loại này in gộp chung lại vẫn là một cuốn sách nhỏ, tôi bảo Giai Phương in cho tôi một vạn cuốn. Sợ có người nhìn thấy văn tự lười xem, buổi chiều hôm nay tôi đi thăm xưởng làm CD, tôi bảo họ làm cho tôi một vạn đĩa. Hôm nay là sinh nhật của Quán Trưởng, [làm như vậy] để tu phước cho Quán Trưởng.

Tôi nghe cuốn băng ấy của Sư một hai trăm lần, nghe rồi thật sự giác ngộ; so ra dễ thấy, gần gũi, dễ hiểu hơn kinh điển, thật sự dạy chúng ta thấy thấu suốt, buông xuống. Quý vị thấy Sư kể hai câu chuyện, nhân vật trong hai câu chuyện ấy đều là sư huynh, sư đệ của Ngài. Một vị tham thiền ở chùa Kim Sơn, về sau trở thành thần thổ địa nơi ấy. Nghe nói hôm nay có một vị pháp sư ở chùa Kim Sơn viết thư xin sách, tôi đem sách ấy tặng cho ông ta.

Ở Ôn Châu có một người thợ vá nôi xuất gia cùng ông ta niệm Phật, suốt ngày cũng chưa hề nghe kinh, niệm suốt ba bốn năm liền đứng vãng sanh. Thành Phật chẳng khó đâu! Đầu mỗi là thấy thấu suốt, buông xuống. Vì sao vị ấy niệm ba bốn năm liền có được thành tựu như vậy? Vì vị ấy đã thấy thấu suốt duyên trong cõi đời, thế gian này khổ quá, chẳng lưu luyến mảy may, chẳng vướng mắc mảy may, nhất tâm niệm Phật. Vị ấy niệm Phật như vậy, phương pháp do thầy của vị ấy là lão hòa thượng Đế Nhân đã dạy rất hay! “*Niệm một bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe rồi lại niệm*”, chẳng có một chút áp lực nào!

Hiện thời chúng ta đề xướng phương pháp Niệm Phật này, quý vị cần biết là phương pháp Niệm Phật này do tôi đã nghĩ tới từ nhiều năm trước kia, tôi nghĩ tới một phương pháp Niệm Phật rất nhẹ nhàng, thoải mái, không có mảy may áp lực nào thì chúng ta mới dễ thành tựu. Sau khi tôi nghĩ ra phương pháp ấy, về sau này tôi đọc lời khai thị của pháp sư Hành Sách, Ngài cũng dùng phương pháp ấy, tuy cách làm của chúng tôi không giống Ngài cho lắm, nhưng tông chỉ hoàn toàn tương đồng, phương pháp cũng rất gần gũi. Là vì lẽ nào vậy? Do cách Ngài nghĩ là dùng cho tự viện, trong những tự viện ở Đại Lục thường là có tới mấy trăm người ở, những tự viện lớn có cả mấy ngàn vị trụ, quy mô của Niệm Phật Đường rất lớn. Do vậy, cách Ngài nghĩ là trong Niệm Phật Đường chia thành ban, mỗi một ban do bốn vị pháp sư hướng dẫn, họ có người để làm như vậy. Đạo tràng của chúng ta ở địa phương này nhỏ bé, người xuất gia ít ỏi, đâu có nhiều người như thế để hướng dẫn?

Do vậy, trong thời đầu, tôi nghĩ tới cách dùng băng thâu âm, khi băng hết vẫn phải lật mặt, vẫn còn mất công! Không ngờ tới mấy năm gần đây đã phát minh ra máy Niệm Phật, hay lắm! Thật sự đã hoàn toàn giải quyết xong vấn đề của chúng tôi. Chẳng cần phải dùng pháp sư hướng dẫn, cứ nương theo âm điệu của máy Niệm Phật là được rồi! Thanh điệu của máy Niệm Phật phải làm sao cho chính mình niệm rất thoải mái, điểm này rất quan trọng. Tốc độ nhanh hay chậm phải thích hợp. Máy Niệm Phật chúng ta dùng hiện thời là thanh điệu niệm Phật ở Đài Trung, có những vị đồng tu vẫn chê là thanh điệu ấy còn hơi quá chậm. Quá chậm đã không hay, mà quá nhanh cũng không tốt, phải làm sao cho thích hợp. Do vậy, tôi bèn nghĩ, trong số các vị đồng tu chúng ta ở đây, hôm nào tìm mấy vị, luyện tập trước cho thuần thục một phen, đến phòng thâu âm của chúng ta thâu thành một cuốn băng, đem cuốn băng ấy chế máy Niệm Phật. Thanh điệu nhất định phải dễ nghe, tốc độ vừa phải, tốt nhất là vẫn đánh đàn khánh kèm theo, tiếng khánh gõ ngay chữ Đà. Có thể làm máy niệm sáu tiếng, mà cũng có thể làm một máy niệm bốn tiếng. Ai thích niệm sáu tiếng thì dùng máy niệm sáu tiếng, ai thích dùng máy niệm bốn chữ thì dùng máy niệm bốn chữ. Thậm

chỉ có thể làm nhiều loại, thích niệm chậm thì làm mấy niệm chậm, thích niệm nhanh thì làm mấy niệm nhanh; có thể tùy ý chọn lựa, như vậy thì tốt lắm! Làm như vậy sẽ giúp đỡ người khác rất nhiều!

Chỉ cần buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật là quý vị sẽ được đại tự tại! Niệm Phật như vậy sẽ thật sự niệm tới mức pháp hỷ sung mãn, mới biết trong thế gian không có gì vui sướng hơn niệm Phật. Niệm Phật không mệt mỏi, không nhọc nhằn, càng niệm càng hoan hỷ, càng niệm càng vui sướng. Nhưng trong khi ấy, nếu có cảnh giới gì xuất hiện: Hoặc là quý vị thấy Phật, hoặc thấy ánh sáng, hoặc thấy rất nhiều tướng lành; nếu có những cảnh giới ấy xuất hiện, quý vị chớ nên sanh lòng hoan hỷ, cũng chẳng cần phải nói với ai! Phải áp dụng thái độ nào? Thấy mà như chẳng thấy thì quý vị có thể thấy được. Nếu quý vị thấy những cảnh giới ấy liền sanh lòng hoan hỷ, tức là khởi tâm động niệm rồi, đây là cảnh giới ma, chẳng phải cảnh giới Phật, phân định Phật và ma ở chỗ này! Khi nào Phật sẽ đến? Đại khái đều là khi quý vị niệm Phật công phu đạt tới tam-muội, cũng tức là quý vị đã đạt được Chánh Định, cảnh giới hiện tiền, quý vị đã đạt như như bất động thì quý vị sẽ thấy được cảnh giới Phật, tự nhiên trông thấy. Kinh thường nói tới chuyện này, trong kinh thường có [đề cập những chuyện ấy]. Nếu công phu của quý vị tới mức, quý vị sẽ tự nhiên trông thấy. Nếu công phu chưa tới mức mà đột nhiên trông thấy, trông thấy rồi rất hoan hỷ, đến khắp nơi kể với người khác tôi đã thấy này thấy nọ, quý vị đã bị ma dựa rồi. Vì sao bị ma dựa? Quý vị chưa có tam-muội, tâm thanh tịnh đã bị phá hoại mất rồi!

Do vậy, chúng ta đọc truyện ký của cổ nhân, chẳng như Liên Tông Sơ Tổ Huệ Viễn đại sư, khi lão nhân gia tại thế, trong một đời ba lần thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, [cảnh giới] Ngài thấy hoàn toàn tương ứng với những gì trong kinh đã nói. Thuở ấy, Viễn Công đại sư lập ra liên xã đề xướng niệm Phật, chỉ có một bộ kinh, tức là Vô Lượng Thọ Kinh, chứ kinh Di Đà lẫn kinh Quán Vô Lượng Thọ đều chưa được phiên dịch ra, Ngài là người lập liên xã sớm nhất. Như vậy là kinh Vô Lượng Thọ được truyền đến Trung Quốc sớm nhất, thuở ấy Ngài chỉ dựa vào một bộ kinh này. Từ trước đến nay Ngài chưa nói với ai, đến hôm vãng sanh Ngài mới kể với mọi người, cho biết trong quá khứ đã từng ba lần thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, nay [cảnh tượng ấy] lại hiện tiền, ta sắp vãng sanh. Quý vị thấy Ngài ra đi tự tại như vậy đó!

Pháp thế gian lẫn xuất thế gian chỉ có một chuyện này là thật, những thứ khác đều là giả. Giả thì phải buông xuống, giả thì chẳng cần phải để trong lòng, phải giữ cái nào thật ở trong lòng. Do vậy, điều này hết sức quan trọng. Chúng ta nói “*trụ trong cái tâm tự tại mà niệm Phật*”, như vậy thì thọ dụng sẽ to lớn. “*Tùy theo tất cả những vui thích trong tự tâm*”, nhất định là

những điều quý vị mong muốn, quý vị sẽ hoan hỷ, nhất định giống như chư Phật, Bồ Tát: đọc tụng, thọ trì, vì người khác diễn nói. “*Diễn*” là biểu diễn. Chúng ta niệm Phật ở đây là biểu diễn cho người khác coi, trông thấy bên ngoài không có ai xem [bên không niệm nữa]. Nếu như quý vị thấy bên ngoài có người coi, quý vị liền bày vẽ hoa dạng, không có ai nhìn bên chẳng niệm, tức là quý vị không phải là người niệm Phật! Tâm quý vị không chân thành! Chúng ta dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh một mực niệm, lâu ngày chầy tháng tự nhiên sẽ khởi tác dụng. Quý vị thấy ở đây người đến, kẻ đi, ở đây thường có người niệm Phật, người ta đứng ở ngoài cửa, thường trông thấy quý vị như vậy, sẽ có tác dụng huân tập cho người ấy, tạo ra ảnh hưởng nơi người ấy. Có thể là người ấy sẽ thưa hỏi vì sao quý vị niệm Phật? Vui sướng niệm Phật, tự tại niệm Phật, không lo sâu, không vọng tưởng, không phiền não, thấy quý vị rất tự tại, vui sướng lắm! Thân tâm thanh tịnh, đây là điều người thế gian thường mơ đạt được nhưng cầu không được, chúng ta có thể truyền dạy cho họ.

Tiếp theo là: “*Nhất thiết Như Lai hiện kỳ ảnh tượng hàm đặc kiến cố*” (Hết thấy Như Lai hiện hình bóng, đều được thấy). Đây chính là cảm ứng đạo giao, quý vị niệm Phật nhất định có cảnh giới. Đối với những cảnh giới ấy, quyết định chớ nên chấp tướng, không cần phải kể với người khác. Trong phần trước tôi đã nhắc rồi, đừng chấp vào hết thấy thì quý vị sẽ tương ứng. Nếu chấp tướng là không tương ứng, là hiểu lầm mất rồi!

Chú giải cho phần này, đại sư Thanh Lương viết: “*Tiền môn Tâm Sở trụ pháp*” (Môn trước là pháp trụ nơi Tâm Sở). Điều này tôi đã vừa mới nói rất nhiều rồi, rất khẩn yếu. Phần sau là câu mười tám: “*Tiêu tự tại tâm, cố kinh tâm Phật, linh an trụ kiến*” (Nêu bày tâm tự tại, cho nên kinh dạy an trụ [vào cái tâm tự tại ấy] để thấy được đức Phật trong tâm). Khi tâm quý vị được tự tại, thì cảnh giới Như (tức cảnh giới như như bất động) hiện tiền, quý vị sẽ có thể thấy Phật. Tiếp theo là hai câu: “*Tùy tâm chuyển pháp, vị phước đức thân*” (Tùy tâm chuyển pháp là Phước Đức Thân). Tâm ở chỗ này là tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi, những tâm ấy chính là tâm được nói ở chỗ này. Dùng chân tâm ấy để chuyển pháp thì đó là phước đức chân thật. Trong kinh gọi chuyển pháp là “*chuyển pháp luân*”, với ý nghĩa “đem Phật pháp truyền dạy cho người khác”. Truyền pháp phải có duyên phận, như thường nói là “*Phật chẳng độ người vô duyên*”. Duyên ấy cũng phải kết, không kết duyên thì có phải là vĩnh viễn vô duyên hay không? Do duyên có sâu cạn khác nhau, duyên cũng có ẩn hay hiện bất đồng, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Hễ duyên chín muồi thì rất dễ dàng, người ấy bằng lòng tiếp nhận, chúng ta có thể hoàn toàn giúp đỡ người ấy; khi duyên chưa có chín muồi sẽ làm nhân duyên cho người ấy.

Giống như tòa cao ốc này của chúng ta, duyên của những người sống bên cạnh đều chưa chín muồi, chúng tôi hằng ngày giảng kinh tại đây, từ trước tới nay họ chưa có lần nào đến đây. Tuy chưa từng đến một lần, họ biết lâu năm có Phật đường, đây là duyên. Nơi cửa cầu thang của cao ốc này chúng tôi đều dán chữ “*Nam-mô A Di Đà Phật*” nơi đường họ phải đi qua, họ đi qua đó đều trông thấy, mắt vừa trông thấy, chúng tử A Di Đà Phật liền gieo vào A Lại Da Thức, tạo nhân duyên cho họ. Chúng ta phải có cái tâm ấy, tức là tâm độ chúng sanh, bất luận chúng sanh nào, nói chung chúng ta luôn hy vọng đem Phật pháp giới thiệu cho họ. Người có thể tiếp nhận thì giới thiệu cho họ, không tiếp nhận được cũng vẫn giới thiệu với họ. Chẳng thể tiếp nhận thì có phương pháp dành cho người chẳng thể tiếp nhận, phương thức vô lượng vô biên.

Dụng tâm phổ độ chúng sanh, thay Phật chuyển pháp luân, phước báo ấy không có ngần mé, phước báo ấy xứng tánh; vì thế thân tướng đạt được là thân phước đức. Thân phước đức là do từ vị Phật trong tâm mà có, quý vị phải nhớ kỹ cái tâm ấy, chúng ta nói một cách đơn giản nhất, cốt lõi nhất là “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”. Quý vị có thể dùng cái tâm ấy để sống, dùng cái tâm ấy để làm việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, phước đức sẽ ở trong ấy. Quả báo của phước đức ấy rất nhanh chóng, sẽ được thọ dụng trong hiện tiền, chẳng cần phải đợi đến đời sau, mà thọ dụng ngay trong hiện tiền. Quý vị thực hiện càng lớn, phước đức của quý vị càng lớn, quý vị làm càng chân thật, phước đức của quý vị càng thực tiễn, đây là đạo lý nhất định. A, hôm nay hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh
Hạnh Nguyên Phẩm
Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương
Phần 5 hết

---o0o---

Phần 6

Tập thứ mười một (12-13-11)

Xin mở quyển kinh, trang thứ hai mươi bảy, hàng thứ nhất, đọc từ bốn chữ cuối trong hàng thứ nhất.

***Thập cửu, nhị thập tức nghiệp báo Phật, danh tướng hảo trang
nghiêm thân. Tiên môn ứng hiện nghiệp báo, hậu môn vi chân nghiệp***

báo. Tọa Hoa Tạng sát, tức tướng hải trang nghiêm. Nhược chân, nhược ứng, giai linh vật tín, vị thâm tín kiến.

十九二十即業報佛，名相好莊嚴身。前門應現業報。後門為真業報。坐華藏剎，即相海莊嚴。若真若應，皆令物信，為深信見。

(Môn mười chín và môn hai mươi chính là nghiệp báo Phật, gọi là tướng hảo trang nghiêm thân. Môn trước là ứng hiện nghiệp báo, môn sau là chân nghiệp báo. Ngồi trong cõi Hoa Tạng tức là tướng hải trang nghiêm. Dù chân thân hay ứng thân đều làm cho chúng sanh tin tưởng, dùng lòng tin sâu xa để thấy Phật)

Đoạn khai thị này của đại sư Thanh Lương, trong kinh văn là môn thứ mười chín “*trụ nhất thiết nghiệp niệm Phật môn*” (môn Niệm Phật trụ trong hết thấy nghiệp), tác dụng của nó là “*năng tùy pháp giới nhất thiết chúng sanh sở tu hạnh nghiệp vị hiện kỳ thân linh giác ngộ cố*” (có thể thuận theo hạnh nghiệp đã tu của hết thấy chúng sanh trong pháp giới mà hiện thân khiến cho họ giác ngộ). Môn sau là “*trụ nhất thiết thần biến niệm Phật môn, kiến nhất thiết Phật trụ u quảng đại hương thủy hải trung tọa liên hoa đài phổ hiện thần biến mãn thập phương cố*” (môn Niệm Phật trụ trong hết thấy thần biến, thấy hết thấy Phật ngồi trên đài hoa sen trong biển nước thơm rộng lớn hiện khắp các thứ thần biến trọn khắp mười phương). Đoạn này giải thích hai môn, hai môn này đều là Nghiệp Báo Phật. Môn trước, tức môn thứ mười chín, rất dễ hiểu! Đây là “*ứng hiện nghiệp báo*”, chúng ta thường gọi Ứng Hóa Thân. Môn sau là môn thứ hai mươi, “*chân nghiệp báo*”. Nói thật ra, “*chân nghiệp báo*” là hiện Báo Thân, Báo Thân có Tự Thọ Dụng và Tha Thọ Dụng. Trong kinh điển Tịnh Tông, sanh về cõi Thật Báo mới thấy Báo Thân của A Di Đà Phật; nếu sanh về cõi Đồng Cư hay cõi Phương Tiện Hữu Dư đều là thấy Ứng Hóa Thân của A Di Đà Phật. Thân nghiệp báo của Phật chia thành hai loại lớn.

Cảnh giới trong loại thứ nhất sâu rộng vô hạn, nghiệp chẳng thể nghĩ bàn. Kinh dạy chúng ta về “*trụ nhất thiết nghiệp niệm Phật môn*”, đối với “*nhất thiết nghiệp*” ở đây chúng ta đã thu hẹp phạm vi, trong chín pháp giới chúng ta chỉ nói tới nhân pháp giới, trong nhân pháp giới chỉ nói tới người trên quả địa cầu của chúng ta trong hiện thời, không cần nói tới những thế giới khác, quá nhiều, nói chẳng hết! Chúng ta nói tới người trên địa cầu! Nếu rút nhỏ hơn nữa phạm vi trên địa cầu, chúng ta nói tới người Đài Loan, mọi người sẽ càng thấy thân thiết dễ lãnh hội hơn. Đài Loan là một hòn đảo nhỏ, hai ngàn một trăm vạn người, “*trụ trong hết thấy nghiệp*”, mỗi một cá

nhân tạo nghiệp đều khác nhau; niệm Phật ở trong nghiệp như thế nào? Tạo tác đủ mọi hạnh nghiệp, trong phần trước tôi đã nói rồi, tư tưởng, ý niệm, ngôn ngữ, tạo tác của chúng ta đều là nghiệp. Chúng ta không cần phải luận định nghiệp ấy là thiện, là ác hay là vô ký (không thiện không ác), không cần phải bàn luận tới. Nếu như có thể ở trong hết thấy nghiệp, trong hết thấy tạo tác mà giác ngộ, đây chính là pháp môn này, tức “*trụ nhất thiết nghiệp niệm Phật môn*”. Có tình hình ấy hay chẳng? Có, chúng ta thấy trong Phật môn, qua bút ký, truyện ký của các vị tổ sư đại đức thời xưa hoặc từ sơn chí của các tự viện, chúng ta thường thấy được điều ấy.

Do đây biết rằng: Pháp Niệm Phật trong Hoa Nghiêm rộng lớn vô biên, chẳng nhất định là lúc nào, quý vị ở bất cứ nơi đâu, gặp bất cứ chuyện gì, quý vị giác ngộ, thường gọi là “*khai ngộ*”. Đương nhiên đây không phải là cảnh giới mỗi cá nhân đều có được, vì sao vậy? Bởi lẽ, nghiệp chướng của hết thấy chúng sanh có sâu cạn, dày, mỏng khác nhau, thiện căn của mỗi cá nhân khác nhau, nói chung là phải có thiện căn phước đức sâu dày. “*Hết thấy nghiệp*” là duyên, thiện căn là nhân, nhân gặp được duyên sẽ khởi tác dụng. Tác dụng ấy nếu nhỏ thì là khai ngộ, giác ngộ, nếu lớn sẽ là chứng quả, tu hành chứng quả, “*trụ trong hết thấy nghiệp*” là duyên. Điều này cho chúng ta thấy rõ pháp môn Niệm Phật rộng lớn vô biên! Niệm là cái tâm trong một niệm hiện tiền, Phật là giác, [như vậy Niệm Phật] là “tâm giác ngộ ngay trong một niệm”. Giống như khi ngủ nằm mộng, đột nhiên từ trong mộng tỉnh giấc, đây gọi là “*niệm Phật*”, quý vị giác ngộ ngay trong cái tâm này. Giúp cho chúng ta giác ngộ, bất luận là đối với hoàn cảnh nhân sự hay là hoàn cảnh vật chất, chúng ta đều cần phải biết rằng: Đều là do chư Phật, Bồ Tát đại bi hộ niệm. Chư Phật, Bồ Tát không đại bi hộ niệm thì duyên ấy sẽ chẳng thể chín muồi vừa khéo như thế được, chẳng thể vừa khéo như vậy được! Quý vị vừa gặp [duyên ấy] liền khai ngộ, đều là do chư Phật, Bồ Tát biến hiện, chư Phật, Bồ Tát có mặt ở khắp nơi.

Trong phần trước, tôi đã kể với quý vị một câu chuyện: Một đồng tu của chúng ta tới tông lãnh sự quán Mỹ tại Đài Loan xin visa sang Mỹ, ông ta có chuyện gấp phải qua đây để lo liệu đám tang, bao nhiêu lần xin visa đều không được. Lòng hiếu thảo tha thiết muốn lo liệu tang ma, tới nơi liền được cấp giấy ngay, hết sức thuận lợi, vì sao vậy? Do Phật, Bồ Tát gia trì nên viên chức di trú đối xử với ông ta tốt như thế, đối xử thân thiết với ông ta như thế, ông ta hết sức cảm kích. Lần sau, quay trở lại chào hỏi người ấy, người ấy chẳng đoái hoài gì tới ông ta, thật sự là không nhận ra. Do vậy, quý vị phải biết rằng: Phật, Bồ Tát gia trì trong sát-na ông ta đi lo chuyện ấy. Khi sát-na ấy đã qua rồi, Phật, Bồ Tát đã rời đi, người ta là phàm phu, người ta sẽ không nhận biết quý vị nữa! Người, sự, vật được chư Phật, Bồ Tát gia trì, hộ niệm, [chư Phật, Bồ Tát] dùng phương tiện thiện xảo ấy khiến cho duyên

của quý vị chín muồi, quý vị sẽ giác ngộ ngay nơi ấy. Vì thế, Phật, Bồ Tát không đâu chẳng hiện thân.

“*Năng tùy pháp giới nhất thiết chúng sanh sở tu hạnh nghiệp*” (Có thể thuận theo những hạnh nghiệp đã tu của hết thảy chúng sanh), “*nhất thiết chúng sanh sở tu hạnh nghiệp*” như tôi vừa mới nói có thiện, có ác, có vô ký, hết sức phức tạp! Thế nhưng Phật, Bồ Tát gia trì ngấm ngấm hay rõ ràng, âm thầm gia trì quý vị nhưng chính quý vị chẳng hay biết, quý vị không cảm nhận được. Nhưng nếu được Phật gia trì, quý vị sẽ giác ngộ, hiểu rõ, hoặc quý vị lo liệu công chuyện rất thuận lợi, Phật gia trì đấy! “*Hiển gia*” (gia trì rõ ràng) thì quý vị biết, quý vị hiểu rất rõ Phật, Bồ Tát bảo vệ, che chở quý vị, Phật, Bồ Tát giúp đỡ quý vị. Do vậy, gia trì có hai loại lớn là âm thầm và rõ rệt, mục đích đều là nhằm làm cho chúng sanh giác ngộ, cho nên chuyện này thuộc về nghiệp báo.

Câu kế tiếp là câu thứ hai mươi, “*trụ nhất thiết thân biến niệm Phật môn*” (môn Niệm Phật trụ vào trong hết thảy thân biến), trong lời chú giải, đại sư Thanh Lương đã gọi môn này là “*chân nghiệp báo*”. Chữ “*nghiệp*” trong “*chân nghiệp báo*” ở đây không giống như chữ “*nghiệp*” trong từ ngữ “*ứng hiện nghiệp báo*” đã nói trong phần trên. Ở đây là đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai trong thế giới Hoa Tạng, [nghiệp ấy chính là] “*hết thảy thân biến*” tỏ lộ, là y báo, chánh báo trang nghiêm trong thế giới Hoa Tạng. Do vậy, luận về nghiệp dụng thì “*thấy hết thảy Phật ngồi trên đài hoa sen trong biển nước thơm rộng lớn*”. Đây là Báo Thân, không phải là thân phổ biến. Báo Thân là thân do trí huệ tích tụ. Hoa Tạng và Tây Phương Cực Lạc thế giới là một, chứ không phải hai, Tỳ Lô Giá Na Phật và A Di Đà Phật cũng là một, không hai. Đây là nghiệp báo chân thật, ứng hiện nghiệp báo do chân thật nghiệp báo biến hiện ra; chúng ta gọi đó là “*ngàn trăm ức hóa thân*” có thể hiện trong tận hư không, trọn pháp giới. Do vậy, “*phổ hiện thân biến mãn thập phương cổ*” (hiện thân biến trọn khắp cả mười phương).

Tận hư không, trọn pháp giới không đâu chẳng hiện thân, không lúc nào chẳng hiện thân. Phật thân, sanh thân, “*sanh*” là chúng sanh, hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới, thân Phật và thân chúng sanh cũng dung hợp lẫn nhau chẳng thể nghĩ bàn! Cổ đức dùng tỷ dụ để diễn tả ý nghĩa này cho mọi người dễ hiểu hơn một chút. Ví như ánh sáng đèn trong ngôi giảng đường này của chúng ta. Chúng ta nói trong giảng đường có ánh sáng của mấy chục ngọn đèn, trước bàn Phật vẫn còn thấp nên, còn có ánh sáng của nền, hết thảy chư Phật Như Lai, chúng sanh trong chín pháp giới đều giống như ánh sáng. Quý vị thấy ánh sáng của các ngọn đèn này đều hòa lẫn với nhau, quý vị có biết đây là ánh sáng của nền, kia là ánh sáng của đèn hay không? Mỗi một ánh sáng chẳng cần biết là lớn hay nhỏ đều trọn khắp giảng đường. Nói thật ra, tâm của chúng sanh, trí của chúng sanh, nghiệp của chúng sanh và

tâm trí nghiệp của chư Phật, Bồ Tát cũng hòa lẫn với nhau. Trong tâm chúng sanh có Phật, trong tâm Phật có chúng sanh, đây là dung nhiếp lẫn nhau, thật sự chẳng thể nghĩ bàn, đây là điều chúng tôi thường gọi là “chân tướng của vũ trụ và nhân sanh”. Chúng sanh mê nhưng trọn chẳng vì mê mà không có chuyện này, dẫu mê vẫn dung hợp. Chư Phật, Bồ Tát giác ngộ, giác và mê là hai chuyện, nhưng trên thực tế, hòa hợp thành một. Do lẽ này, Phật mới có thể độ chúng sanh, chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát mới có ứng. Nếu như không dung hợp thì cảm ứng từ đâu mà có?

Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật này, từ chỗ này kiến lập tín tâm niệm Phật, tín tâm ấy sẽ thù thắng. Hiểu rõ chân tướng sự thật, từ chân tướng kiến lập nguyện tâm, quyết định cầu sanh Tịnh Độ, chẳng nghi hoặc mảy may, quyết định được vãng sanh, lẽ đâu chẳng sanh? Người thế gian niệm Phật, niệm suốt một đời, trong đời này niệm Phật thì chúng ta thấy, chứ trong đời quá khứ, đời đời kiếp kiếp, bao kiếp niệm Phật chúng ta không thấy, nhưng vì sao không thể vãng sanh? Do không liễu giải chân tướng sự thật này. Hoặc đã từng đọc tới, từng nghe nói tới, nhưng chẳng thể chấp nhận, chẳng thể tin tưởng sâu đậm, nên bỏ lỡ cơ hội vãng sanh ấy. Do nhân duyên hy hữu trong đời này, chúng ta gặp được kinh điển viên mãn này, pháp môn thù thắng khôn sánh này, nếu có thể kiến lập tín tâm chân thật, nguyện tâm khẩn thiết tại nơi đây thì sẽ thành tựu trong một đời này, chẳng đến nỗi lại bỏ lỡ!

Đức Thế Tôn nói kinh Hoa Nghiêm, hết thấy chư Phật trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, không một vị nào chẳng nói Hoa Nghiêm. Lời khai thị của đại sư Thanh Lương về kinh văn luôn luôn rõ rệt, rành rẽ. Chư Phật Như Lai thuyết kinh nhằm mục đích mong giúp cho chúng ta được thành tựu ngay trong một đời, chớ nên bỏ lỡ cơ hội trong đời này! Làm sao mới có thể nắm vững cơ hội ấy, quyết định thành công? Kinh luận đâu đâu cũng cảnh tỉnh chúng ta, quý vị phải thật sự nhìn thấu suốt, buông xuống thì sẽ không còn chướng ngại. Nói tới thấy thấu suốt, liễu giải chân tướng sự thật thì quý vị đã thấy thấu suốt, buông xuống, hết thấy hạnh nghiệp thế gian hay xuất thế gian đều không làm nữa, quý vị thật sự buông xuống. Từ nay trở đi sẽ làm gì? Chuyên tu Tịnh nghiệp. Ở đây, tỳ-kheo Cát Tường Vân biểu diễn rất hay. “*Chuyên niệm Di Đà*”. Đạo tràng là gì? Trong tâm có A Di Đà Phật chính là đạo tràng.

Hình tượng A Di Đà Phật mà Quán Trưởng được thấy khi vãng sanh chính là bức tượng được thờ ở nơi đây. Hiện thời chúng tôi đặc biệt cho in ra một vạn bản hình tượng ấy, tám ngàn bản in bằng giấy Đạo Lâm²¹, đại khái là in theo lối đồng bản chỉ²², hai ngàn bản kia in trên giấy Tuyên²³. In trên giấy Tuyên để đại chúng có thể bồi thành tranh cuốn, quý vị sẽ thuận tiện mang theo. In theo lối đồng bản chỉ thì không dễ gì bồi được, phải lòng

trong khung kiếng, thờ trong nhà thì được, chứ mang theo không thuận tiện lắm, nên đặc biệt in hai ngàn bản bằng giấy Tuyên. Chỉ cần trong tâm có Phật thì chỗ nào cũng là đạo tràng, luôn luôn là đạo tràng. Quý vị thật sự giác ngộ, thật sự hiểu rõ ràng chuyện gì là khẩn yếu? Niệm Phật khẩn yếu! Khi niệm Phật, thân, tâm, thế giới, hết thấy buông xuống, chuyện gì cũng chẳng bận tâm tới, chuyện gì cũng không màng, niệm một tiếng đồng hồ là tương ứng một tiếng đồng hồ, niệm hai tiếng đồng hồ sẽ tương ứng hai tiếng đồng hồ. Đây là điều quan trọng.

Do vậy, chúng ta lập ra Niệm Phật Đường trong đạo tràng, Niệm Phật Đường mới là đạo tràng thật sự. Thật sự muốn liễu sanh tử, muốn thoát tam giới, muốn thành tựu trong một đời này, chỉ có một phương pháp duy nhất là thật thà niệm Phật. Vì sao quý vị không thật thà niệm? Nói tới thật thà thì kinh Hoa Nghiêm đã giảng về đạo lý Niệm Phật nhưng quý vị vẫn chưa hiểu rõ; nếu thật sự hiểu rõ, sẽ tự nhiên thật thà niệm, cần gì phải đợi người khác khuyên nhủ, khích lệ nữa ư?

Bốn mươi chín ngày chớp mắt đã qua, ngày mai là ngày Hai Mươi Ba, là chung thất của Quán Trường, tròn bốn mươi chín ngày. Sau bốn mươi chín ngày, đạo tràng này của chúng ta vĩnh viễn niệm Phật. Quý vị ở nhà niệm Phật cũng giống hết như vậy. Nếu hoàn cảnh trong nhà không thuận tiện lắm thì quý vị đến đây niệm. Cũng có những gia đình đông người, có những kẻ không tin Phật, quý vị niệm Phật, họ trông thấy bực mình, quý vị cũng chẳng cần phải chuốc lấy chuyện phiền toái trong nhà, quý vị có thể đến đây niệm Phật. Trong vô lượng vô biên pháp môn, pháp môn này thù thắng nhất.

Đây là “*tướng hải trang nghiêm*”. Tiếp đó, [lời chú giải] nhắc tới “*nhược chân, nhược ứng*” (dù chân hay ứng), chân báo thân hay ứng hiện nghiệp báo thân “*giai linh vật tín, vi thâm tín kiến*” (đều khiến cho chúng sanh tin tưởng, là sự thấy biết Phật do lòng tin sâu đậm). Mọi thứ thị hiện đều nhằm giúp cho hết thấy chúng sanh phát khởi tín tâm, nguyện hạnh, dụng ý là ở chỗ này. Như vậy đây là nghiệp báo, cái được biến hiện [bởi nghiệp báo ấy] là “*thân tướng hải trang nghiêm*”.

Mạt hậu nhất môn.

末後一門。

(Môn cuối cùng)

Đây chính là môn thứ hai mươi mốt.

Tổng cai thập thân. Có viết thân vân đẳng hư không giới, tắc thập Phật thập thân giai đẳng hư không, tịnh hợp pháp tánh, vi trang nghiêm pháp giới hư không giới dã.

總該十身。故曰身雲等虛空界。則十佛十身皆等虛空，並合法性，為莊嚴法界虛空界也。

(Bao gồm trọn cả mười thân. Cho nên nói là thân nhiều như mây bằng với cõi hư không, tức là mười thân của mười loại Phật đều bằng với hư không và xứng hợp pháp tánh, trang nghiêm pháp giới hư không giới)

Chúng ta thấy câu kinh văn cuối cùng là “*trụ đẳng hư không giới niệm Phật môn, quán sát Như Lai sở hiện thân vân trang nghiêm pháp giới hư không giới cố*” (Môn Niệm Phật trụ trong cảnh giới rộng lớn như hư không giới, quán sát những thân do Như Lai hiện nhiều như mây trang nghiêm pháp giới hư không giới). Câu này là tổng kết, hai mươi câu trước, cứ mỗi hai câu là nói về một chuyện, tức là nói tới “*thập Phật, thập thân*”. Kinh Hoa Nghiêm luôn dùng chữ “*thập*” để biểu thị sự đại viên mãn, mười loại Phật, mười loại thân. Câu cuối cùng là tổng kết. Do vậy, tổng kết là “*trụ đẳng hư không giới Niệm Phật môn*”. Cách trụ ra sao? Một niệm chẳng sanh là “trụ”, hễ dấy lên một niệm thì quý vị không có cách gì trụ được. Vì sao vậy? Dấy lên một niệm thì chẳng thể giống như hư không, trọn pháp giới được, chẳng thể nào! Một niệm chẳng sanh thì tâm của quý vị và hư không pháp giới bình đẳng. Lời này nói ra dễ lắm, làm chẳng dễ đâu! Vì sao vậy? Quý vị thật sự đạt được một niệm chẳng sanh thì quý vị đã thành Phật rồi, chẳng còn là phàm phu nữa! Phàm phu và Phật khác biệt ở chỗ Phật không có niệm, phàm phu có ý niệm. Quý vị thấy ý niệm của chúng ta cứ một niệm này diệt thì một niệm khác liền sanh, ý niệm sanh diệt không ngừng. Đức Phật gọi sự sanh diệt không ngừng ấy là vọng tâm, vọng niệm! Chân tâm là bất sanh bất diệt. Nói một cách khác, chân tâm không có hiện tượng hư vọng ấy, hiện tượng ý niệm sanh diệt cũng không có, đấy gọi là chân tâm thường trụ. Chân tâm thường trụ hiện tiền sẽ là “*trụ đẳng hư không giới Niệm Phật môn*”.

Do đây, biết rằng: Một câu này khẳng định cảnh giới của bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo và bậc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo là đoạn được Kiến Tư phiền não, đoạn được Trần Sa phiền não, vô minh cũng phá được một phẩm thì nhập vào cảnh giới ấy. Nay chúng ta đều chưa làm được! Điều làm không được mà niệm kinh Hoa Nghiêm, há chẳng phải là nói suông ngoài miệng ư? Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho chúng ta đại pháp này, chẳng có mảy may tác dụng nào cho chúng ta, há chẳng phải là giỡn chơi với chúng ta ư? Đức Phật tuyệt đối không nói đùa, nghĩa là đức Phật đối với

bất cứ ai đều tuyệt đối không nói giỡn, câu nào của Phật cũng đều là chân thật. Tuy nhiên, luận định trên mặt lý luận, luận trên mặt phương pháp thì quả thật chúng ta không làm được, nghiệp chướng tập khí rất sâu nặng, nhưng sau đó thì sao? Trong phần sau, chúng ta sẽ thấy đức Phật có phương pháp khiến cho chúng ta nhập cảnh giới ấy, đức Phật chẳng xử tệ với chúng ta. Đức Phật dùng phương pháp gì? Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, ý nghĩa là như thế này: Quý vị chỉ cần chịu tu mười đại nguyện vương thì quý vị sẽ viên mãn những điều đã nói ở đây, quý vị sẽ khế nhập cảnh giới của hai mươi một môn Niệm Phật. Kinh này cho tới phần sau mới được gọi là đại viên mãn!

Nếu mọi người đọc chú giải của cổ nhân thì chú giải của ngài Thanh Lương không có vấn đề gì, chứ trong bản chú giải của Lý Trường Giả, nhắc tới A Di Đà Phật thì Ngài liền phản đối, Ngài nói niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ là Quyền, chứ không phải Thật. Đối với những lời lẽ ấy của Lý Trường Giả, đại sư Thanh Lương cũng có nhận định, cũng giảng rất rõ ràng vì sao Lý Trường Giả nói như vậy? Lý Trường Giả không đọc toàn bộ kinh Hoa Nghiêm, chẳng biết trong phần sau có mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, chẳng biết được điều này, Ngài chưa từng đọc tới đó. Lý Trường Giả lớn tuổi hơn đại sư Thanh Lương, lớn hơn rất nhiều, bản kinh Ngài đọc là Lục Thập Hoa Nghiêm, chứ Ngài chưa được đọc Bát Thập Hoa Nghiêm, đương nhiên là chưa đọc Tứ Thập Hoa Nghiêm. Ngài Thanh Lương sanh muộn hơn, khi Bát Thập và Tứ Thập được phiên dịch Ngài đều tham gia, Ngài thấy phần sau của kinh văn, còn Lý Trường Giả chưa được thấy. Do vậy, Lý Trường Giả mới hiểu lầm đôi chút. Tuy có hiểu lầm ấy, nhưng toàn bộ kiến giải về kinh Hoa Nghiêm của ngài không bị chướng ngại, đích xác là trí huệ cao độ, là một vị đại đức cao tuyệt.

Đến phần cuối cùng là chương Phổ Hiền Bồ Tát, đức Phật mới dạy phương pháp này cho chúng ta, đây là chuyện chúng ta có thể làm được. Vấn đề là quý vị có chịu làm hay không? Mấu chốt là ở chỗ đó. Quý vị chịu hay không chịu tu “*lễ kính chư Phật*”? Quý vị có chịu làm hay không? Quý vị chịu làm thì sẽ nhập cảnh giới Hoa Nghiêm. Lễ kính chư Phật là cung kính đối với hết thảy, chẳng thể nói là ta coi trọng người này thì cung kính, còn người kia ta thật sự coi thường, có sao ta phải cung kính hẳn? Nếu vậy là quý vị chẳng tu Hoa Nghiêm. “*Tình và vô tình đều cùng viên mãn Chứng Trí*”. Điều trọng yếu tốt bậc trong hạnh Phổ Hiền là dùng cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi, quyết định chẳng có phân biệt, chấp trước. Quý vị có phân biệt thì không bình đẳng, quý vị có máy may chấp trước thì tâm quý vị chẳng thanh tịnh, đã bị ô nhiễm. Do vậy, cung kính người khác là xứng tánh, là tánh đức viên mãn được hiển lộ, quý vị đã tương ứng với kinh Hoa Nghiêm.

Vì vậy, hai mươi mốt môn Niệm Phật được nói tới ở đây đều tương ứng, chẳng cho phép quý vị khởi tâm động niệm, [mà phải] chân thành, cung kính đối với hết thảy mọi người, hết thảy sự, hết thảy vật. Cung kính đối với sự là tích cực nhận trách nhiệm, phải làm việc cho viên mãn, làm tới mức tận thiện, tận mỹ. Cung kính đối với vật là phải chân thành yêu thương, che chở, trong “vật” có động vật, có thực vật, có khoáng vật, đều phải dùng lòng chân thành để đối đãi. Bàn, ghế, đồ đạc là vật, chúng ta trông thấy chúng nhất định phải sắp xếp cho ngay ngắn, lau chùi sạch sẽ, đây là cung kính đối với chúng, chứ không phải là bảo rằng tôi trông thấy bàn ghế cũng lễ ba lạy, nhiễu quanh ba vòng. Nếu làm vậy thì quý vị đã làm rồi, đâu có đạo lý ấy! Do vậy, sự cung kính trong tâm biểu hiện ra thái độ bên ngoài khác hẳn, đối với người, đối với sự, đối với vật đều khác nhau!

Chúng ta trông thấy Phật, theo lễ tiết thì chúng ta đều đánh lễ ba lạy, nhiễu theo chiều bên phải ba vòng; đây là tu kính, nhắc nhở chính chúng ta phải dùng cái tâm cung kính, phải dùng cái tâm chân thành, đem những tâm ấy ứng dụng vào cuộc sống, ứng dụng vào công việc, ứng dụng trong xử sự đối người tiếp vật, làm như thế là đúng. Chứ không phải bảo quý vị từ sáng đến tối lễ bái trước tượng Phật, một ngày lễ ba ngàn lạy, lễ một vạn lạy cũng vô dụng, có dùng làm gì được đâu? Hãy đem tấm lòng chân thành cung kính ấy ứng dụng vào cuộc sống, đồng thời phải biết: Giảng giải, tìm cầu Phật pháp phải khế lý, khế cơ. Lý là gì? Lý là pháp tánh, pháp tánh bình đẳng, pháp tánh thanh tịnh, đây là đạo lý. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ đã nêu rất hay! “Thanh tịnh, bình đẳng, giác”, đây là Lý. Niệm niệm đều phải tương ứng với thanh tịnh, bình đẳng, giác, đó gọi là Khế Lý. Hết thảy những kinh giáo do chư Phật Như Lai đã dạy, nói chung chẳng ngoài thanh tịnh, bình đẳng, giác, toàn bộ đều được bao gồm trong những điều này. Ba câu ấy chính là Tam Học, mọi người hãy thường niệm sẽ hiểu được [thanh tịnh, bình đẳng, giác] là Tam Học Giới - Định - Huệ, là Tam Bảo Phật - Pháp - Tăng, đây là Lý! Thanh tịnh là Giới Học, bình đẳng là Định Học, giác là Huệ Học, Tam Học Giới Định Huệ. Thanh tịnh là Tăng Bảo, bình đẳng là Pháp Bảo, giác là Phật Bảo, Tam Bảo đây!

Hết thảy thời, hết thảy xứ, các thứ hạnh nghiệp đã tạo, tâm quý vị luôn thanh tịnh, bình đẳng, giác, đều rất tương ứng với những điều này thì là Khế Lý. Sau khi Khế Lý, còn phải biết Khế Cơ. Cơ (機) chính là thời tiết nhân duyên. Do vậy, rất nhiều vị đồng tu học Phật chưa giác ngộ, chấp chặt những quy củ đã trở thành nề nếp, chấp chặt những phương pháp đã được nói trong các bản chú giải của cổ nhân, quý vị phải biết những phương pháp nào không thích hợp với hiện thời. Trong đầu óc con người hiện đại có gì? Tại Trung Quốc, tại nước ngoài, hiện thời truyền thông phát triển, giao thông

nhanh chóng, mỗi một người đều có thể ra ngoại quốc chơi. Quý vị đi du lịch có chú ý thấy hết thầy người, sự, vật mà quý vị tiếp xúc hay không? Họ nghĩ gì? Bọn họ nói điều gì? Bọn họ làm chuyện gì? Chẳng thể không lưu ý! Nếu quý vị lưu ý, quý vị sẽ nhận thấy con người hiện thời bị hại bởi bệnh gì? Phật pháp là thuốc, chúng ta dùng món thuốc ấy để cứu họ. Thưa cùng quý vị, con người hiện đại mắc bệnh chẳng giống với cổ nhân, chẳng giống với người sống trong ba bốn chục năm trước. Ba bốn chục năm trước, những người già như chúng tôi có cách nhìn, cách nghĩ về nhân sanh vũ trụ khác hẳn những người trẻ tuổi trong hiện thời.

Nói cách khác, Phật, Bồ Tát muốn thuyết pháp cho chúng ta thì đối với người sống trong ba chục năm trước sẽ thuyết pháp theo một kiểu khác, đối với người hiện thời lại thuyết pháp theo một kiểu khác, khác hẳn nhau! Cùng là một bộ kinh nhưng giảng theo những cách khác nhau, gọi là “*ứng cơ thuyết pháp*” thì mới có thể lợi ích chúng sanh. Nếu quý vị muốn kêu gọi con người hiện thời hãy khôi phục lễ giáo cũ, đạo đức cũ thì quý vị có làm được hay không? Chư Phật, Bồ Tát, thần tiên có đến cũng đều làm không được! Vậy thì làm sao? Quý vị phải hiểu rõ tình hình hiện thời, dựa theo tình thế để làm lợi cho đạo. Quý vị tới khuyên dụ, hướng dẫn người ta, người ta sẽ tiếp nhận, vui thích. Con người hiện thời đầu óc đầy ắp ý tưởng tham tiền, quý vị bảo do kinh Hoa Nghiêm sẽ kiếm được nhiều tiền, họ sẽ đến nghe. Quý vị nói: “Anh chớ nên mang lòng tham, có lòng tham tương lai sẽ biến thành nga quý”, họ liền lắc đầu bỏ đi, [chê quý vị là] đồ mê tín! Như thế nào họ sẽ chịu tới? Đối với kẻ tham danh lợi, tham quyền, quý vị hãy bảo: “Này bạn! Phật pháp có thể củng cố quyền vị”, người ấy sẽ thích chí, đấy là cái họ cần, họ sẽ đến nghe. Phật pháp sống động, ăn nói sống động, đối với người như thế nào bèn có cách nói như thế ấy, có lừa người ta hay không? Không lừa gạt người ta đâu! Thật đấy! Quý vị nói sẽ giúp đỡ kẻ ấy kiếm nhiều tiền là thật đấy, tuyệt đối chẳng giả, quyết định kiếm được lắm tiền.

Lần này, tôi qua Tân Gia Ba mấy hôm, gặp được một vị cư sĩ, ông ta buôn bán ở Đại Lục, ông ta kể với tôi, những người cùng buôn bán giống như ông ta ở Đại Lục đều lỗ vốn, chỉ có một mình ông ta là có lời. Ông ta dựa vào đâu để kiếm tiền? Học Phật kiếm được tiền! Ông ta lợi dụng Phật pháp ở điểm nào? Chân thành, cung kính, khiêm hư, ông ta bảo: “Tôi học được điều này, tôi đối xử với hết thầy mọi người bằng lòng chân thành, cung kính, khiêm hư, nên kiếm được tiền!” Đạt được mức độ tâm an lý đắc. Trong nhà Phật, hễ cầu ắt ứng, cầu làm Phật, làm Bồ Tát đều có thể cầu được. Những chuyện thế gian như tài, sắc, danh, ăn uống, ngủ nghỉ là những chuyện lông gà, vỏ hành (ý nói chuyện vụn vặt), lẽ nào chẳng cầu được? Quyết định cầu được, có thể thỏa mãn ý nguyện của quý vị. Chư Phật Bồ Tát thiện xảo phương tiện, sau khi thỏa ý quý vị rồi mới bảo quý vị: “Còn có thứ

tốt đẹp hơn nữa, người có muốn hay không?” Nay quý vị thỏa mãn trong một đời này hay là cả đời sau nữa? Quý vị có hy vọng đời sau càng tốt đẹp hơn đời này hay chẳng? Kẻ ấy sẽ nói: “Tôi hy vọng đời sau còn tốt đẹp hơn đời này”. Vậy thì còn có biện pháp tốt đẹp hơn nữa, khuyên dụ, hướng dẫn từng bước.

Khi đức Thế Tôn còn tại thế, Ngài giảng kinh thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, trước hết nói kinh Hoa Nghiêm không ai hiểu cả! Giảng Hoa Nghiêm thì hàng Thanh Văn, Duyên Giác đến nghe như lò, như điếc. “Như điếc” là nghe mà chẳng hiểu gì, giống như kẻ điếc. Đức Phật nói những cảnh giới, họ chẳng thấy rõ ràng, giống như lò! Vì thế, Phật mới buông Hoa Nghiêm xuống, giảng A Hàm. A Hàm là đời sang cảnh giới của chúng sanh, đầy rõ ràng chẳng phải là bảo với chúng ta: Hoa Nghiêm khế lý nhưng chưa khế cơ! Vậy thì dùng A Hàm khế cơ, nhưng nó chẳng thể khế hợp viên lý (lý trọn vẹn), tức là A Hàm chỉ là một bộ phận của Lý, một bộ phận rất nhỏ. Sau đấy, không ngừng nâng cao lên từng giai đoạn một. Giảng A Hàm mười hai năm, rồi giảng Phương Đẳng cho quý vị. Đây là tiến lên cao hơn, lại giảng Bát Nhã, rồi giảng Pháp Hoa, Niết Bàn, quay trở về viên mãn rốt ráo, Lý lẫn Cơ đều khế hợp. Khi lão nhân gia còn tại thế, đã biểu diễn cho chúng ta thấy mô thức hóa độ chúng sanh, giúp đỡ hết thảy chúng sanh. Chỉ cần chúng ta có thể lãnh ngộ từ nơi đây, phải biết làm theo cách nào! Con người hiện tại nói: “*Đầu kỳ sở hảo*” (Phù hợp với điều ưa thích). Quý vị thấy người ta thích cái gì, liền xứng hợp với điều kẻ ấy ưa thích, kẻ ấy sẽ dễ dàng tiếp xúc Phật pháp. Chỉ sợ quý vị không tiếp xúc Phật pháp, chứ đã tiếp xúc thì những ý vị trong ấy có muốn bỏ cũng chẳng thể bỏ được, tự nhiên sẽ thâm nhập tiến lên. Ngàn vạn lần đừng để vừa bắt đầu liền bị người khác cự tuyệt, nếu bị như vậy là quý vị đã thất bại rồi. Lúc mở đầu nhất định phải được người ấy vui vẻ tiếp nhận, bất luận từ một pháp môn nào, bất luận theo phương hướng nào đều được cả! Thuận cảnh cũng được, mà nghịch cảnh cũng được, thiện pháp cũng được, mà ác pháp cũng được luôn! Không chướng ngại chi!

Do đây biết rằng: Nếu chúng ta muốn thật sự khế nhập cảnh giới ấy, chúng ta chẳng phải là kẻ mới học, học đã lâu năm như thế, căn cơ của mọi người đã khá sâu dày. Do vậy, phải nên tu Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Tu Phổ Hiền Hạnh Nguyện là lấy mười thứ cương lĩnh ấy để hướng dẫn cuộc sống, làm cột mốc cho công việc của chúng ta, làm tiêu chuẩn để xử sự đối người tiếp vật. Những gì chúng ta tiếp xúc suốt từ sáng đến tối chẳng ngoài nhân, sự, vật, chúng ta tuân thủ mười cương lĩnh của Phổ Hiền Bồ Tát: Điều thứ nhất là chúng ta phải tu cung kính, tức là dùng cái tâm chân thành cung kính để đối xử với người, đối xử với sự, đối xử với vật, chẳng cần nghĩ kẻ khác có cung kính ta hay không. Chẳng cần nghĩ đến điều đó, đây là chuyện của

họ, chẳng ăn nhập gì đến ta! Ta tu cho ta, ta tu cảnh giới Hoa Nghiêm của ta, ta tu cõi Tây Phương Thật Báo Trang Nghiêm của ta; phải hiểu rõ đạo lý này, liễu giải sự thật này. Đối với hết thầy người, sự, vật đều xưng tán. Trong sự xưng tán này có một tiêu chuẩn: Hễ là thiện thì xưng tán, hễ là ác thì không xưng tán. Nhưng khi tiếp xúc với người lành thì cung kính, đối với người ác cũng cung kính, quyết định không phân biệt. Cung kính quyết định không phân biệt, nhưng trong xưng tán có phân biệt, thiện thì xưng tán, ác thì chẳng nói; đó gọi là “*ẩn ác, dương thiện*” (ẩn giấu điều ác, đề cao điều thiện). Trông thấy người khác làm chuyện quấy, miệng trọn chẳng nhắc tới. Trông thấy người khác làm một chút gì tốt đẹp, chúng ta bèn khen ngợi, mọi người đều có thể “*ẩn ác, dương thiện*”, phong khí xã hội sẽ chuyển biến, chẳng có những hiện tượng ác nghịch.

“*Quảng tu cúng dường*”: Quảng tu cúng dường là Bồ Tát tu Bồ Thí Ba La Mật, bởi lẽ, trong khi quý vị tu bồ thí chẳng thấy có tâm cung kính, trong cúng dường có tâm cung kính. Quý vị thấy chúng ta cúng dường Phật, chúng ta có tâm cung kính; có người ăn mày đến xin cơm, quý vị cúng dường người ấy, quý vị không có tâm cung kính. Vì thế, dùng chữ “*cúng dường*” chẳng dùng “*bồ thí*”. Ta đối với Phật cung kính cúng dường như thế, vậy thì người muốn xin cơm tìm tới, ta cúng dường người ấy bằng cái tâm cung kính giống hệt như đối với Phật, đều là dùng lòng chân thành, lòng cung kính.

“*Sám trừ nghiệp chướng*”: Một câu A Di Đà Phật sám trừ nghiệp chướng, “*tội từ tâm khởi, đem tâm sám*”. Tội chướng là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đây là tội chướng. Nói cách khác, nếu quý vị không niệm Phật, quý vị niệm niệm đều là tội chướng, quý vị mới hiểu sự trọng yếu của Niệm Phật. Dùng một câu Phật hiệu để thay đổi tất cả nghiệp chướng, tập khí.

Đầu đời Thanh, pháp sư Từ Vân Quán Đảnh nói rất hay: Kẻ tội chướng cực nặng, tất cả những kinh pháp trong Phật pháp Đại Thừa đều chẳng sám trừ được, cuối cùng vẫn còn có một câu A Di Đà Phật có thể sám trừ sạch sành sanh. Ngài nói một câu không dễ ai nói được! Nếu Ngài không phải là bậc tái lai sẽ không thốt ra được, quý vị mới biết danh hiệu của công đức chẳng thể nghĩ bàn! Nói cách khác, toàn bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh đến cuối cùng quy nạp thành một câu “*nam-mô A Di Đà Phật*”. Do vậy, công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn; quý vị hỏi tôi tu hành như thế nào? Niệm Phật! Công phu tu hành niệm Phật không đặc lực! Vì sao không đặc lực? Một mặt niệm Phật, một mặt khởi vọng tưởng, đương nhiên không đặc lực, rắc rối là ở chỗ này. Quý vị niệm Phật chẳng khởi vọng tưởng là đặc lực, tiêu trừ nghiệp chướng rồi. Người niệm Phật tối kỵ nhất là hoài nghi, vì sao bảo quý vị đọc kinh, nghiên cứu giáo? Mục đích của đọc

kinh, nghiên cứu giáo là khuyên quý vị liễu giải chân tướng sự thật, hiểu rõ đạo lý, thật sự hiểu rõ, không hoài nghi, đoạn nghi, sanh tín. Hiểu rõ chân tướng sự thật rồi, ý nguyện cầu vãng sanh của quý vị chân thiết, tức là chân thật, khẩn thiết, quý vị quyết định được vãng sanh. Do vậy, kinh giáo ấy rất quan trọng.

Đại sư Ngẫu Ích nói không sai, “*được vãng sanh hay không, quyết định là do có tín nguyện hay không*”. Giảng kinh, thuyết pháp, nghiên cứu, học tập kinh giáo nhằm giúp chúng ta kiến lập tín nguyện, tin sâu, nguyện thiết, “*phẩm vị cao hay thấp là do công phu niệm Phật sâu hay cạn*”. Thật sự tin sâu, nguyện thiết, thật thà niệm Phật, quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị sẽ cao! Phải biết tất cả hết thảy pháp thế gian lẫn xuất thế gian chỉ có một chuyện này là thật, những thứ khác toàn là giả. Quý vị chưa liễu giải chân tướng sự thật, quý vị nghĩ xem trong một ngày quý vị làm, quý vị nghĩ, quý vị suy tưởng, trong những điều suy tưởng, làm lung ấy, có mấy phần quý vị làm chuyện thật nói trên? Lại có mấy phần quý vị làm chuyện giả? Quý vị mới hiểu vì sao quý vị công phu không đắc lực. Nói thật ra, trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, quý vị có thể làm được nửa tiếng đồng hồ là thật thì đã quý lắm rồi, hai mươi ba tiếng rưỡi kia đều là giả! Như vậy thì có hy vọng gì vãng sanh? Hoàn toàn phụ thuộc vào phước báo của quý vị khi lâm chung có người cảnh tỉnh hay không!

[Để có] phước báo khi lâm chung thì chính mình phải có đủ điều kiện, tức là đầu óc tỉnh táo không mê muội, đây là điều kiện tiên quyết. Nếu bệnh nặng, thần trí thiếu sáng suốt, ai cũng đều không nhận ra, là xong rồi! Trợ niệm, thiện tri thức như thế nào cũng đều chẳng giúp đỡ được! Vì vậy, điều kiện tiên quyết là phải đầu óc sáng suốt, đây là đại phước báo, ngẫu nhiên gặp được thiện hữu ở bên cạnh nhắc nhở, lâm chung một niệm hay mười niệm quyết định được vãng sanh. Đây chính là nguyện thứ mười tám của A Di Đà Phật. Thế nhưng chúng ta nghĩ tới khi chính mình lâm chung, có thể nào có được phước báo ấy hiện tiền hay chẳng? Có nắm chắc hay không thì lúc bình thường phải ra sức công phu, quyết định chẳng để thời gian tốt đẹp bị lỡ làng, đáng tiếc lắm! Chẳng phải là tôi khuyên mọi người suốt ngày từ sáng đến tối chuyện gì cũng đều chẳng muốn làm mà cứ đến đây niệm Phật, không phải vậy! Quý vị còn có gia đình, còn có công việc, ở trong nhà chẳng quên niệm Phật, làm việc cũng không quên niệm Phật, vậy là đúng! Công việc đòi hỏi phải suy nghĩ, xem xét thì khi chúng ta làm việc cứ buông danh hiệu đức Phật xuống, làm xong, lại đề khởi danh hiệu Phật, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ chỉ cần khi làm xong những việc thuộc bốn phận của chính mình thì hãy niệm Phật, làm như vậy là đúng.

Đến Niệm Phật Đường niệm Phật đương nhiên có ý nghĩa khác hẳn, khác ở chỗ nào? Đây là tự độ, độ người khác, hai thứ lợi ích. Bình thường,

mỗi người quý vị niệm Phật là tự độ, quý vị đến Niệm Phật Đường là độ tha, độ tha như thế nào? Niệm Phật Đường hằng ngày có người niệm Phật, trong mười hai thời đều có người niệm Phật, nay gọi là “trong hai mươi bốn tiếng niệm Phật không ngừng”, trong ba năm hay năm năm sẽ ảnh hưởng đến cả khu vực. Đây thật sự là Bồ Tát, thật sự là từ bi! Trí huệ thật sự thì người ta mới chịu làm. Quý vị hiếm ít người, chỉ có mấy người [tới niệm Phật] thôi ư? Mấy người cũng làm, cứ làm, đừng bận tâm, dần dần người khác sẽ bị ảnh hưởng, ảnh hưởng sẽ lan rộng. Làm được như thế trong hai ba chục năm, đạo tràng ấy của quý vị chắc sẽ ảnh hưởng cả thế giới, quý vị nói xem có công đức nào to bằng? Phàm mọi chuyện đều khó khăn lúc khởi đầu, nhưng lúc mở đầu phải có trí huệ lớn lao, nguyện lực to lớn thì quý vị mới kiên trì thực hiện, đột phá khó khăn!

Do vậy, từ bộ kinh to lớn này, chúng ta thật sự khẳng định, nhận thức pháp môn Niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn! Chư Phật, Bồ Tát đã biểu diễn, thị hiện cho chúng ta, đây chính là “*trang nghiêm pháp giới hư không giới*”. Ở đây, đại sư Thanh Lương tổng kết rất hay, “*tắc thập Phật, thập thân giai đẳng hư không, tịnh hợp pháp tánh*” (Tức là mười loại Phật, mười loại thân đều bằng với hư không và xứng hợp pháp tánh). Ý nghĩa của câu này rất sâu, rất rộng! Quý vị phải biết; Phật có mười loại Phật, mười loại thân, mỗi một cá nhân trong chúng ta cũng là mười thứ Phật, mười thứ thân. Mười thứ Phật, mười thứ thân của những vị ấy rất rõ rệt, chính họ hiểu rõ ràng, rành rẽ, còn đối với mười thứ Phật, mười thứ thân của bản thân chúng ta, ngay cả chính chúng ta cũng chẳng biết tới! Đây gọi là mê hoặc, điên đảo. Chẳng phải là các vị ấy thì có, còn chúng ta thì không. Nếu các vị ấy có, chúng ta không có thì chúng ta niệm Phật làm sao thành tựu được? Chúng ta có, chính chúng ta là mười loại Phật, chính chúng ta có mười thân, cho nên niệm niệm mới có tương ứng, niệm niệm mới cảm ứng đạo giao. Vì sao biết chúng ta có? Câu kệ đó là “*tịnh hợp pháp tánh*” (và xứng hợp pháp tánh), tận hư không trọn pháp giới có pháp nào chẳng do pháp tánh biến hiện? Pháp tánh chính là chân tâm, pháp tánh là năng biến (chủ thể biến hiện). Hết thấy hình tướng trong tận hư không, trọn pháp giới là sở biến (cái được biến hiện ra), do vậy đây kia dung hợp lẫn nhau, đạo lý là ở chỗ này. “*Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân*”. Bởi vậy, “*trang nghiêm pháp giới hư không giới*” là thật, chứ không giả, đây là chân tướng sự thật.

Thị tắc tùy môn thuyết dị, cử nhất viên thâm. Như thị phương vị Hoa Nghiêm Niệm Phật.

是則隨門說異，舉一圓收。如是方為華嚴念佛。

(Đây chính là tùy theo từng môn mà nói sai khác, nêu lên một môn sẽ gồm thân trọn vẹn [các môn khác]. Như thế mới là Hoa Nghiêm Niệm Phật)

Hoa Nghiêm Niệm Phật đích xác khác với những môn Niệm Phật khác. Trong phần trước kể ra hai mươi một môn, trừ môn cuối cùng ra, hai mươi môn kia đều là “*tùy môn thuyết dị*”, thuận theo tâm chúng sanh. Nhưng quý vị phải hiểu chân tướng của sự thật trong ấy, trong hai mươi môn tùy tiện nêu ra một môn nào sẽ đều bao quát trọn vẹn hai mươi môn kia, bất cứ môn nào cũng đều bao quát, bao quát viên mãn. Ví như nói tới mười pháp giới, chúng ta nói tới Phật pháp giới thì Phật pháp giới bao quát cả chín pháp giới kia, từ Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác cho đến chúng sanh trong địa ngục. Chúng ta nói tới nhân pháp giới thì nhân pháp giới phía trên bao gồm cả Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, chư thiên, phía dưới bao gồm ba ác đạo địa ngục, nga quỷ, súc sanh. “*Một tức hết thấy, hết thấy chính là một*”, tâm của mỗi một cá nhân chúng ta đều viên mãn, chẳng thiếu khuyết mảy may nào!

Do vậy, trong một đời này, khi Báo Thân kết thúc, đời sau sẽ đi về đâu? Quý vị nghĩ đến đâu thì sẽ đi về đó, quý vị thật sự được tự tại! Tưởng làm Phật bèn hiện thân Phật, tưởng làm quý bèn hiện thân quý, tùy theo lòng ưa muốn. Vì sao còn mong làm quý? Hành Bồ Tát đạo nhằm độ quý đạo, quý vị độ quý mà không hiện thân quý làm sao độ được quý? Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân quý vương trong quý đạo. Quý vị [làm lễ] “*phóng Diệm Khẩu*”, vị quý vương đối diện đài Diệm Khẩu, tức Tiêu Diện đại sĩ mặt xanh nanh chĩa, là ai vậy? Hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát đấy! Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân ấy trong quý đạo, ở trong đường nào bèn hiện thân ấy, không chỗ nào chẳng hiện thân! Đấy chính là quý vị thật sự nhập cảnh giới Hoa Nghiêm, đích xác là đạo lý rất viên mãn. Do vậy, đương nhiên có thể thông suốt nơi mặt Sự, hễ có Lý đương nhiên có Sự. “*Cử nhất viên thân*” (nêu lên một mà gồm thân trọn vẹn), “*nhất*” ở đây là bất cứ một môn nào, chứ không phải là độc nhất.

Thượng lai lược biện tùy sở niệm dị, thành thử đa môn. Nhược biệt đối thập quán, khùng phiền bất tự.

上來略辨隨所念異，成此多門。若別對十觀，恐繁不敘。

(Trên đây là biện định đại lược dựa theo đối tượng được niệm khác nhau, cho nên thành nhiều môn như vậy. Nếu luận định riêng từng môn trong mười phép quán thì sợ rườm rà nên chẳng trần thuật).

Nếu giảng về cách quán của mười thừa thì quá phiền phức, nên lược bớt đi, chỉ nói là do niệm theo [những đề mục, đối tượng] khác nhau, nên nói thành hai mươi môn. Thật ra hai mươi môn ấy chính là hai mươi loại lớn, trong mỗi một loại lớn ấy, nếu phân chia tỉ mỉ sẽ là vô lượng vô biên. Môn Niệm Phật được tỳ-kheo Cát Tường Vân chỉ dạy tường tận cho Thiện Tài đồng tử như vậy. Nhưng quý vị phải nhớ kỹ, chính Ngài tu pháp môn nào? Ngài luôn biết: Đương nhiên pháp của chính mình tu là thù thắng nhất. Ta biết nhiều môn Niệm Phật như thế, nhưng ta tu pháp môn hay nhất trong những môn ấy, tự mình chọn lựa pháp hay nhất. Ngài chọn lựa pháp Ban Châu tam-muội. Ban Châu tam-muội chuyên niệm A Di Đà Phật, Ngài chọn lựa pháp ấy. Quý vị thấy từ khởi đầu cho đến cuối cùng, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, quý vị mới hiểu ra nơi khởi đầu và nơi kết thúc, từ đầu đến cuối chẳng rời niệm Phật, năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài là một câu A Di Đà Phật niệm cho đến tột cùng.

Thuở trước tôi tin tưởng pháp Tịnh Độ là nhờ được khảo thị khi đọc đến đoạn kinh văn này. Tôi theo thầy Lý, thầy Lý khuyên tôi niệm Phật, tôi vẫn không cam lòng, không bằng lòng, chẳng qua không phản đối, không có lý do để phản đối, nhưng chính mình cảm thấy rất khó thể tiếp nhận. Đến năm Dân Quốc 60 (1977), khi giảng kinh Hoa Nghiêm, giảng đến chỗ này mới hoảng nhiên đại ngộ, mới biết pháp môn này thật sự là pháp môn bậc nhất trong vô lượng vô biên pháp môn, thù thắng không chi sánh bằng. Đến chỗ này, chúng tôi đã giải thích một phần văn tự trong kinh văn. Tiếp theo đây là phần thứ ba:

Đệ tam năng niệm thâm thúc.

第三能念收束。

(Phần thứ ba là thâm tóm về Năng Niệm)

Phần trên nói về Sở Niệm (đối tượng để niệm), Sở Niệm có nhiều môn như thế, vậy thì Năng Niệm (chủ thể thực hiện hành động niệm Phật) là gì? Điều này rất trọng yếu. Đại sư Thanh Lương quy nạp ý nghĩa này thành năm loại lớn, tức năm môn.

Lược hữu ngũ chủng; nhất duyên cảnh chánh quán niệm Phật môn. Nhược chân, nhược ứng, nhược y, nhược chánh, giai thị cảnh cố. Xưng danh thuộc khẩu, phi chân niệm cố, lược nhi bất ngôn.

略有五種。一緣境正觀念佛門。若真若應，若依若正，皆是境故。稱名屬口，非真念故，略而不言。

(Đại lược có năm thứ, một là môn niệm Phật duyên theo cảnh chánh quán. Bởi lẽ, dù chân hay ứng, dù y báo hay chánh báo đều là cảnh. Nếu chỉ xưng danh ngoài miệng thì chẳng phải là chân niệm nên lược đi không nói)

Đây là “*duyên cảnh chánh quán*”. Chúng ta thường gọi “*duyên*” là “*phan duyên*” (nắm níu theo duyên), người mới học chẳng thể không phan duyên. Nắm níu những duyên nào? Nắm níu Phật duyên. Quý vị nghĩ xem vì sao chúng ta phải tạo tượng Phật? Tạo tượng Phật là để nắm níu Phật duyên! Hằng ngày trông thấy Phật mới có thể nghĩ đến Ngài, mới chẳng đến nỗi quên mất Ngài. Tượng Phật phải được tạc cho thật trang nghiêm, trông thấy liền hoan hỷ, muốn được ngắm nhiều lần. Tượng Phật nào được tạc mà chính mình không ưa thích thì quý vị sẽ chẳng muốn nhìn, do vậy, nhất định phải tạc thật trang nghiêm. Bởi thế, nếu quý vị thờ tượng Phật thì nên thờ tượng Phật nào? Thờ tượng Phật nào quý vị ưa thích nhất, chứ không nhất định phải học theo người khác. Tượng Phật của người khác người ấy cảm thấy rất đẹp, nhưng ta nhìn không thấy đẹp đẽ, ta nhìn vào không sanh lòng hoan hỷ, nhất định phải là tượng khiến cho chính mình hoan hỷ, có duyên với mình. Bất luận là tượng đắp hay tượng vẽ, đều phải sao cho chính mình nhìn vào sẽ sanh lòng hoan hỷ. Chúng ta thờ tượng Phật với dụng ý: Tượng Phật sẽ thời thời khắc khắc cảnh tỉnh chúng ta, dụng ý là ở chỗ này. Do vậy, “*duyên cảnh*”, tượng Phật là cảnh.

Tiếp đó, [lời chú giải] viết “*nhược chân, nhược ứng*”, trong phần trên tôi đã nói rồi, [chân là] chân nghiệp báo thân, [ứng là] ứng hóa nghiệp báo thân, hoặc là nói y báo, hoặc là chánh báo, đây toàn là cảnh giới, toàn là những cảnh giới đối ứng với sáu căn. Chúng ta đối trước những cảnh giới ấy khởi lên ý tưởng niệm Phật, khi không đối trước những cảnh giới ấy bèn quên tuốt Phật, cho nên gọi là “*duyên cảnh*”. “*Xưng danh thuộc khẩu*”: Niệm Phật ngoài miệng, trong tâm chưa chắc đã tương ứng, cho nên nói “*lược nhi bất ngôn*” (lược đi, không nói tới). Đây là nói về kẻ mới học, công phu nông cạn nhất, kẻ sơ học mà! Đại khái là những người niệm Phật chúng ta đều thuộc vào tầng mức này, thuộc cảnh giới này, cho nên công phu không đặc lực. Lại xem tiếp loại thứ hai:

Nhị, nhiếp cảnh duy tâm niệm Phật môn.

二攝境唯心念佛門。

(Hai là môn nhiếp cảnh duy tâm niệm Phật)

Công phu này cao hơn, cảnh giới chẳng thể không có, nhưng người tu đã có thể “*nhiếp cảnh duy tâm*”.

Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật, chư Phật chánh biến tri hải, tùng tâm tướng sanh, huống tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt.

是心是佛，是心作佛，諸佛正遍知海，從心想生，況心佛眾生，三無差別。

(Tâm này là Phật, tâm này làm Phật, biển Chánh Biến Tri của chư Phật sanh từ tâm tướng, huống chi tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt)

Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, quý vị niệm Phật chắc chắn sẽ sanh khởi chánh tín, quý vị cũng sẽ thật sự niệm Phật. Vì sao vậy? Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh. Ở đây nói “*biển Chánh Biến Tri của chư Phật sanh từ tâm tướng*”, đây là nêu lên Phật [để đại diện cho mười pháp giới], hết thấy pháp đều từ tâm tướng sanh, nguyên lý ở ngay trong hai câu thuộc phần trên: “*Tâm này là Phật, tâm này làm Phật*”. Đây là nêu đại diện cho nguyên lý ấy. “*Tâm này là Bồ Tát, tâm này làm Bồ Tát*”, “*tâm này là người, tâm này làm người*”, “*tâm này là quý, tâm này làm quý*”, câu nói này có vô lượng nghĩa. Đây là nói hết thấy pháp đều sanh từ tâm tướng. Nếu chúng ta hằng ngày niệm Phật, há chẳng làm Phật ư? Đạo lý ở chỗ này! Quý vị hiểu rõ đạo lý ấy, quý vị mới hiểu “hễ ta nhất tâm mong làm Phật, chúng ta bèn hằng ngày niệm Phật, chúng ta hằng ngày tướng Phật”. Nếu quý vị vẫn mong tướng tham - sân - si thì quý vị vẫn thuộc trong tam ác đạo.

Quý vị niệm tham, tham là gì? Tham là nạ quý. Quý vị niệm sân thì sân sẽ là địa ngục. Quý vị niệm si thì si là đúng sai đen trắng chẳng hiểu rõ ràng, vẫn điên đảo, súc sanh đạo đầy! Quý vị hằng ngày niệm tham - sân - si thì sẽ là nạ quý, địa ngục, súc sanh, tương lai nhất định biến thành nạ quý, địa ngục, súc sanh. Mười pháp giới bày ra trước mặt chúng ta, nghe theo sự lựa chọn của chính chúng ta. Trong mười pháp giới thì thù thắng nhất, viên mãn nhất không gì bằng chư Phật, trong y báo thì thù thắng nhất, viên mãn nhất không gì bằng thế giới Cực Lạc, vì sao không niệm? Niệm thế giới Cực Lạc là niệm y báo, niệm A Di Đà Phật là niệm chánh báo. Vì sao hằng ngày không niệm Phật, không tướng Phật? Do vậy, quý vị thờ tượng Phật trong nhà, hằng ngày đọc kinh Phật, hễ niệm sẽ phải niệm đến mức khởi tác dụng. Nếu niệm mà chẳng khởi tác dụng thì quý vị có niệm cũng giống như không niệm. Khởi lên những tác dụng nào? Ta niệm A Di Đà Phật, thấy hết thấy mọi người đều là A Di Đà Phật, như thế sẽ khởi tác dụng, như thế là tương ứng. Bất luận người nào đều A Di Đà Phật, coi người ấy thật sự là A Di Đà Phật.

Người ấy có đúng là A Di Đà Phật hay chẳng? Đúng đấy! Người ấy là hóa thân của A Di Đà Phật, A Di Đà Phật có ngàn trăm ức hóa thân, ở trước mặt ta, ai cũng là A Di Đà Phật, sự gì, vật gì cũng đều là A Di Đà Phật; đấy mới gọi là niệm Phật. Trông thấy tượng này là A Di Đà Phật, thấy tượng kia không phải là A Di Đà Phật thì quý vị đang niệm vị Phật nào? Quý vị chẳng thật sự niệm Phật! Trong phần trên đã bảo là “quý vị miệng có, tâm không”, quý vị chẳng tương ứng với Phật. Do vậy, quý vị phải biết rằng khi niệm Phật, những cảnh giới mà sáu căn của quý vị tiếp xúc đều là A Di Đà Phật, bàn ghế là A Di Đà Phật biến hiện, những thứ cúng dường, hương, hoa cũng là A Di Đà Phật biến hiện, không có gì chẳng phải là A Di Đà Phật, ở chung quanh ta toàn là A Di Đà Phật, đấy mới gọi là Niệm Phật! Phải nhớ kỹ câu này, câu nói này chính là trí huệ chân thật, chúng tôi sửa lại một chút để mọi người dễ hiểu: “*Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh*”. Hết thấy pháp thế gian, xuất thế gian từ tâm tướng sanh, tùy thuộc quý vị thấy điều gì, quý vị suy tưởng điều gì, sẽ sanh ra điều đó. Chữ “*sanh*” ở đây có nghĩa là “*hiện*”, tức hiện ra cái gì. Tưởng điều gì sẽ hiện ra điều đó. Do vậy, mọi người phải tưởng A Di Đà Phật. Những câu kế tiếp đó đều là lời lẽ trí huệ.

Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt.

心佛眾生，三無差別。

(Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ vô sai biệt)

Là một chứ không phải là hai, tâm là Năng Biến, Phật và chúng sanh là Sở Biến, Năng và Sở không hai. Do vậy, chúng ta tưởng điều gì sẽ biến hiện ra điều đó. Mọi người phải đặc biệt nhớ kỹ: Ta niệm A Di Đà Phật thì trông thấy hết thấy mọi người, hết thấy sự, hết thấy vật đều là A Di Đà Phật. Quý vị có thể niệm như vậy, sốt sắng niệm, thật thà niệm, đại khái là nửa năm hay một năm, công phu của quý vị sẽ thành phước, cảnh giới sẽ quyết định khác hẳn với hiện thời. Khác như thế nào? Tướng mạo khác hẳn, thể chất của quý vị khác hẳn, vì sao vậy? Tướng chuyển biến theo cái tâm, thân thể này cũng chuyển theo cái tâm, quý vị sẽ trở thành rất mạnh khỏe, trở thành rất viên mãn. Hằng ngày niệm Phật, tướng mạo sẽ dần dần biến thành Phật tướng. Hằng ngày niệm tham, tham lâu ngày quý vị sẽ thấy tướng ấy là quỷ tướng. Thật đấy! Quý vị hãy chú tâm nhìn tướng ấy, quý vị nhìn kỹ, có rất thú vị hay chẳng? Do vậy, qua hình tướng, qua thể chất, quý vị có thể thấy được lòng người, từ cái tâm có thể hiểu rõ tướng mạo của người khác, “*tam vô sai biệt*” mà. A! Hôm nay hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tập thứ mười hai (12-13-12)

Xin mở quyển kinh, trang hai mươi tám, dòng thứ nhất, đọc từ câu cuối cùng:

Tam, tâm cảnh câu mẫn niệm Phật môn. Tâm tức thị Phật, tâm tức phi tâm. Phật tức thị tâm, Phật diệt phi Phật. Phi tâm, phi Phật, viễn ly nhất thiết. Cố vô sở niệm, phương vi chân niệm.

三心境俱泯念佛門。心即是佛，心則非心。佛即是心，佛亦非佛。非心非佛，遠離一切。故無所念，方為真念。

(Ba là môn niệm Phật tâm lẫn cảnh đều mất. Tâm chính là Phật, tâm chính là phi tâm. Phật tức là tâm, Phật cũng chẳng phải là Phật. Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, xa lìa hết thảy. Cho nên không có gì để niệm thì mới là chân niệm)

Từ đây trở đi, những ý nghĩa [kế tiếp] càng lúc càng sâu. Trong đoạn này, đại sư dạy chúng ta Năng Niệm có thể quy nạp thành năm loại. Loại thứ nhất là “*duyên cảnh chánh quán Niệm Phật môn*”. Đại khái là những đồng tu niệm Phật chúng ta trong hiện thời đều thuộc phạm vi của loại này; thuộc phạm vi này mà nếu niệm tương ứng thì cũng được vãng sanh. Đây chính là nói về kẻ chuyên niệm A Di Đà Phật. Nếu chẳng chuyên niệm A Di Đà Phật thì nói cách khác, tu học bất cứ một pháp môn nào cũng đều rất khó thành tựu. Đạo lý ấy trong phần trước tôi đã từng nhắc tới rồi, hai mươi một loại pháp môn Niệm Phật này là do tỳ-kheo Cát Tường Vân quy nạp. Trong [khi giảng về] hai mươi một môn Niệm Phật, tôi đã từng nói: Nếu triển khai ra sẽ có vô lượng vô biên pháp môn, không có một pháp môn nào chẳng phải là pháp môn Niệm Phật. Do vậy, chúng ta thấy năm loại lớn của Năng Niệm càng rõ ràng, càng minh bạch. Vì thế, thưa với quý vị, loại thứ nhất là “*duyên cảnh chánh quán niệm Phật môn*” chỉ hạn cuộc trong chuyên niệm A Di Đà Phật, vì sao vậy? Ở chỗ này, đại sư Thanh Lương nói rất rõ ràng, “*nhược chân, nhược ứng*” (dù chân, hay ứng), chân là chân Phật, Pháp Thân Phật và Báo Thân Phật là chân Phật, ứng là Ứng Hóa Thân, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế giới này của chúng ta vào ba ngàn năm trước, đây là Ứng Thân Phật. Bất luận chân Phật hay Ứng Hóa Thân Phật, bất luận là y báo hay chánh báo, nói chung đều là ngoại cảnh.

“*Xưng danh*” thuộc về miệng, miệng niệm. Nếu miệng niệm nhưng tâm không tương ứng, đây chẳng gọi là chân niệm mà là “*khẩu niệm*”. Thông thường chúng ta nói tới niệm Phật, trong văn tự Trung Quốc, bên

cạnh chữ Niệm (念) thêm vô một chữ Khâu (口), tức [là chữ 唵, nhằm chỉ] cách niệm này. Do trong vô lượng pháp môn, chỉ lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới của A Di Đà Phật làm cảnh chánh quán thì được! Dựa vào bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, chúng ta sanh về Di Đà Tịnh Độ, cho nên tuy công phu này so ra chẳng bằng bốn loại được nói trong phần sau nhưng người ấy có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Chư vị đồng tu phải đặc biệt chú ý điều này. Nếu chẳng chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương, tu học những pháp môn khác, tức là bốn loại lớn trong phần sau. Nói thật ra, bốn loại lớn ấy nhất định phải tương ứng, tương ứng với gì? Tương ứng với tự tánh, tương ứng với bản tánh Chân Như, tương ứng là chân niệm. Do vậy trong tâm quý vị thật sự phải có, thật sự tương ứng.

Vì sao nói bốn loại? Là vì trong ấy có sâu hay cạn khác nhau, tức là công phu sâu hay cạn khác nhau. Do vậy, loại thứ hai là “*niếp cảnh duy tâm*”, cao minh hơn loại trước nhiều lắm. Loại Niệm Phật này cũng thuộc Tịnh tông, thuộc luận lý của Tịnh tông. Quán Kinh dạy: “*Tâm này là Phật, tâm này làm Phật*”; hai câu này là kinh văn của Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật lại thường dạy chúng ta: “*Hết thấy pháp từ tâm tưởng sanh*”. Do vậy, trong tâm quý vị tưởng Phật thì Phật sẽ hiện tiền, thường xuyên tưởng Phật, tưởng Phật không gián đoạn sẽ thuộc về môn “*duy tâm niệm Phật*”. Trong tâm quý vị thật sự có Phật, không nhất định phải “miệng niệm”. Miệng niệm hay không chẳng quan hệ, trong tâm thật sự có [là được rồi]. Khởi tâm động niệm, Phật liền hiện tiền, đây là “*niếp cảnh duy tâm*”.

Hôm nay chúng tôi giảng đến loại thứ ba “*tâm cảnh câu mãn niệm Phật môn*” (môn Niệm Phật cả tâm lẫn cảnh cùng mãn). Quý vị trông thấy danh xưng này, sẽ nghĩ trong môn Niệm Phật này bao gồm toàn bộ Thiên Tông. Trong nhà Thiên, người tham Thiên mong đắc Định, mong khai ngộ, mong minh tâm kiến tánh, nếu chẳng đạt đến cảnh giới ấy sẽ chẳng thể được! Do vậy, ý niệm ấy của họ gọi là “*chân niệm*”. Vì sao vậy? Tâm là Phật, Phật chính là tâm, tâm chính là Phật cho nên tâm ấy chẳng phải là tâm, tức là “tâm chẳng gọi là tâm”, Phật chính là tâm nên “Phật cũng chẳng thể gọi là Phật được”. Quý vị phải thấu hiểu ý nghĩa này. Vì thế, Ngài nói: “*Phi tâm, phi Phật*”. Đây chính là lời nói song giá²⁴. Nếu nói theo kiểu “cả hai đều vắng lặng” thì sao? “*Tâm tức là Phật*”; vậy thì Phật chính là tâm, đây chính là “*tức Phật, tức tâm*” (tâm tức là Phật, Phật tức là tâm). Hiểu rõ đạo lý này, khế nhập cảnh giới này, trong Tông môn gọi là “pháp môn Bất Nhị”. Nếu quý vị vẫn còn “*có tâm, có Phật*” thì tâm và Phật là hai pháp, trong Đàn Kinh đã nói hai pháp chẳng phải là Phật pháp, Phật pháp là pháp Bất Nhị. Đoạn này giảng về pháp Bất Nhị, pháp Bất Nhị thì mới gọi là chân

niệm, chân niệm là vô sở niệm (không có gì được niệm). Tông môn nói “*khởi tâm là sai, động niệm đều trái*”. Quý vị khởi tâm động niệm là sai, khuyên quý vị trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, đấy gọi là chân niệm.

Quý vị hãy nghĩ xem Tông môn được bao gồm trong pháp môn Niệm Phật, trong ấy không có niệm, đã không niệm sao lại gọi là chân niệm? Niệm vẫn là giả niệm, [hễ có] niệm là giả niệm, không niệm là chân niệm. Nhưng phải biết rằng: Chúng ta niệm là giả niệm, nhưng không niệm cũng là giả niệm, chẳng phải là chân niệm. [Lý do là vì] hễ không niệm quý vị bèn rớt vào vô minh, còn niệm thì rớt vào vọng tưởng, quý vị niệm hay không niệm đều sai cả. Ý nghĩa này rất sâu, nhất định phải chú tâm lãnh hội. Vô niệm ở đây chính là tâm và cảnh như một, cái tâm Năng Biến và pháp giới Sở Biến là một, Năng và Sở không hai, nhập Nhất Chân pháp giới, nhập pháp môn Bất Nhị. Chúng sanh và Phật là một, cũng là không hai; Tánh, Tướng không hai, Lý, Sự không hai, thứ gì cũng đều là pháp môn Bất Nhị, đấy gọi là Chân Niệm. Đây là công phu thượng thượng thừa, chẳng phải công phu tầm thường, trong pháp môn Niệm Phật của chúng ta, công phu này được gọi là Lý Niệm. Ba loại trên đây là Lý Niệm, chúng ta gọi loại thứ nhất là “*công phu thành phỉến*”, niệm A Di Đà Phật có thể được vãng sanh. Loại thứ hai là “*nhiep cảnh duy tâm*”, tức Sự Nhất Tâm Bất Loạn. Tâm và cảnh đều mất là Lý Nhất Tâm Bất Loạn.

Hôm nay, chúng ta đọc đoạn khai thị này của đại sư Thanh Lương, đối với chuyện này có thể đạt sự hiểu biết kha khá, hiểu rõ tình trạng của chuyện này. Công phu không có gì khác cả, chỉ là như chúng ta vẫn thường nói “*thấy thấu suốt, buông xuống*”, triệt để buông xuống, chớ để cho mây may nào còn tồn tại trong tâm địa. Như vậy thì chúng ta phải hỏi: Có cần niệm A Di Đà Phật hay không? Có cần niệm Vô Lượng Thọ Kinh hay không? Niệm chứ! Năng Niệm là đúng ư? Có tương ứng hay chẳng? Biết niệm thì tương ứng, không biết niệm thì chẳng tương ứng. Niệm như thế nào để có thể tương ứng? Người biết niệm sẽ niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm, niệm tức là vô niệm, vô niệm tức là niệm, người ấy sẽ tương ứng. Ở chỗ này, chớ nên hiểu lầm ý nghĩa, nếu hiểu lầm ý nghĩa “*có vô sở niệm, phương vi chân niệm*” (cho nên không có gì được niệm thì mới là chân niệm) là xong rồi! Tôi thứ gì cũng đều chẳng niệm, không niệm Phật mà cũng chẳng niệm kinh. Không niệm Phật, chẳng niệm kinh, hằng ngày niệm vọng tưởng, trong tâm quý vị còn có thể chẳng dấy lên vọng tưởng hay chẳng? Quý vị có vọng tưởng là không được rồi, ngay cả vọng tưởng cũng không có, phân biệt cũng không có, chấp trước cũng không có, đúng - sai cũng không có, ta - người cũng không có, đấy là cảnh giới này. Quý vị vẫn còn có đúng - sai, ta - người thì quý vị chưa nhập được cảnh giới này, quý vị là phạm phu! Do vậy,

quý vị phải hiểu “*tâm cảnh câu mẫn niệm Phật môn*”, người thật sự nhập cảnh giới này chính là bậc Pháp Thân đại sĩ được kinh Hoa Nghiêm đề cập, chứ không phải là kẻ tầm thường, họ đã thật sự nhập pháp môn Bất Nhị.

Do vậy, ở chỗ này, chúng ta hiểu được Lý, về Sự thì nhất định phải biết là chúng ta không làm được. Nhưng dù chưa làm được cũng phải hướng theo đó để làm, tuy làm chưa được, nhưng có được một chút hơi hướng thì cũng tốt rồi, cũng có lợi ích, cũng có công đức. Đấy chính là thường mong mở rộng tâm lượng, kinh thường nói là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (tâm trọn khắp hư không, lượng trọn khắp các cõi có số lượng nhiều như cát), thường mở rộng tâm lượng, tận lực gắng bớt phân biệt, bớt chấp trước. Trước hết phải thực hiện từ chỗ nào? Trước hết, chuyện gì không cần phân biệt, quý vị chớ nên phân biệt; chuyện gì chẳng cần chấp trước, quý vị chẳng đừng chấp trước. Nếu nói nông cạn, gần gũi, thì chuyện không liên quan tới ta, quý vị cần gì phải bận tâm tới, chúng ta khởi sự buông xuống từ chỗ này. Phải buông xuống chuyện chẳng liên quan đến ta trước, còn chuyện có liên quan tới chính mình tạm thời chưa buông xuống được, trước hết hãy buông xuống chuyện không liên quan đến ta. Tuy quý vị chưa nhập cảnh giới này, nhưng quý vị mong đắc “*công phu thành phiền*” sẽ chẳng khó. Người niệm Phật chẳng thể công phu thành phiền, nói thật ra, là bận tâm đến sự việc quá nhiều, chuyện không đáng bận tâm kẻ ấy vẫn lo tới. Ngay cả Không phu tử cũng thường nói: “*Bất tại kỳ vị, bất mưu kỳ chánh*”, câu này có nghĩa là nếu quý vị chẳng nắm giữ địa vị ấy thì chẳng cần phải bận tâm tới những chuyện thuộc địa vị ấy. Nếu quý vị giữ chức vị, đương nhiên phải bận tâm. Nếu không có chức vị thì quý vị bận tâm đến những chuyện ấy để làm gì? Cớ gì quý vị phải can thiệp vào? Chúng ta phải tu cái tâm thanh tịnh từ nơi đây, tâm lẫn cảnh đều cùng mất chính là thanh tịnh, bình đẳng thật sự. Trong một câu này đã nêu rõ thanh tịnh, bình đẳng, giác. Đại sư dạy chúng ta xa lìa hết thấy, câu nói này hết sức trọng yếu; trước hết, những gì không liên can đến chúng ta hãy đều xa lìa hết, những gì liên quan đến chúng ta cũng phải càng ít bận tâm tới thì càng hay, quý vị mới được tự tại!

Trong dịp tôi sang Đại Lục lần này, gặp được pháp sư Nhân Đức ở Cửu Hoa Sơn và lão pháp sư Minh Dương tại Thượng Hải. Lão pháp sư bảo tôi, trước kia, khi đại sư Ấn Quang tại thế, Ngài thường bảo mọi người: “*Tôi trên không có một miếng ngói, dưới không chỗ cắm dùi, tôi cũng không sợ chết*”. Câu nói ấy có nghĩa là Ngài thứ gì cũng đều chẳng có. Vì sao Ngài không sợ chết? Sanh tử cũng không có! Quý vị nghe lời nói này hãy nghĩ xem Ngài thuộc cảnh giới nào? Ngày nay chúng ta chuyện phiền toái, những thứ bận bịu thừa thãi quá nhiều, quý vị lại còn có nhà cửa, còn có đất đai, còn có tài sản, trong ngân hàng còn có không biết bao nhiêu món quý báu, còn có gia đình, quyến thuộc, những sự việc vướng mắc trong lòng chẳng

biết là bao nhiêu? Quan tâm đến thì quan tâm không xuể! Nghe lời đại sư Ân Quang nói, chúng ta lại có cảm tưởng như thế nào?

Người tu hành thời xưa ở Ấn Độ, và khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, người tu hành đều không có gì. Thuở đức Thế Tôn tại thế, những vị theo Ngài xuất gia chỉ có ba y một bát, trừ ba y một bát ra, thứ gì cũng đều chẳng có. Ngày ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây, là gì vậy? Xa lìa hết thấy! Ngày nay tuy chúng ta không làm được như vậy, thể lực của chúng ta thua kém tiền nhân. Tôi thấy thể chất của mọi người hiện thời cũng kém hơn đời trước. Trong số những người xuất gia chúng ta ở đây, có hơn hai mươi người, quý vị đều thấy rõ. Tôi khuyên họ giảng kinh, họ hằng ngày kể khổ với tôi: “Su phụ ơi! Con bận bịu công việc quá rồi, không có thời gian chuẩn bị đâu!” Đúng là cơ hội khó được! Ngày hôm qua đi thăm Đài Trung, quý vị đã có không ít người đến thăm nơi đó. Từ Quang Đồ Thư Quán ở Đài Trung lớn hơn chỗ chúng ta, diện tích đất đai của nó là bốn trăm bình²⁵. Quý vị hãy chú tâm thăm viếng nơi ấy, nhân viên phụ trách công tác bao nhiêu người? Ba người! Hiện thời mấy người tôi không biết, khi tôi ở đó thì là ba người, thầy Lý làm Quán Trưởng.

Bốn mươi năm trước, tôi ba mươi hai tuổi; nhân viên làm công tác chúng tôi gồm ba người, hôm qua tôi đã thưa trình với mọi người, tôi là một, Du cư sĩ là một người nữa và Lô cư sĩ. Cả hai người này đều mất cả rồi. Chúng tôi tuổi tác đại khái không chênh nhau nhiều, hai người bọn họ trẻ hơn tôi một chút, ba người chúng tôi lo liệu công việc. Nay quý vị có đến hai mươi mấy người lo toan công việc vẫn kêu không có thời gian! Quả thật số lượng công việc của chúng tôi lớn hơn quý vị nhiều, thời gian học hành của chúng tôi không thể bằng quý vị được. Buổi tối sau khi nghe giảng kinh xong, mọi người đều về hết rồi, chúng tôi phải thu xếp, quét dọn xong rồi chính mình mới bắt đầu đọc sách, học hành, lễ Phật, niệm Phật, nói chung phải làm tới ba giờ đêm mới đi ngủ, trong một tuần lễ có một hai bữa thức đến sáng. Do vậy có thể nói là thể lực của quý vị không bằng chúng tôi. Chẳng trách cổ nhân thường nói: “*Tu hành yếu sán niên thiếu*” (Tu hành phải tranh thủ lúc còn trẻ), vì quý vị còn trẻ sẽ có tinh thần, có thể lực, có thể dũng mãnh, tinh tấn. Tuổi đã cao, quý vị muốn tinh tấn thì thể lực cũng không có cách nào chịu đựng được! Khi tôi còn trẻ, chừng ba mươi tuổi, ba ngày không ngủ tinh thần vẫn sung túc. Tôi thấy quý vị thể lực không bằng chúng tôi. Do vậy, trong một nơi bé tẹo như thế này, hai mươi mấy người mà kêu khổ suốt ngày, biết làm sao được!

Nhưng tôi nói lời này, cũng đừng cho là thật, vì sao vậy? Quý vị chú ý nhìn ra ngoại quốc, người Trung Quốc ra nước ngoài, tinh thần liền nâng cao. Chùa Pháp Quang ở Lạc Sâm Cơ (Los Angeles) chỉ có hai người, tức là hai vị Thiên Quang và Chiếu Hoằng, hai vị này đều là học trò của tôi, đạo

tràng ấy rất lớn. Khi tổ chức pháp hội, gần như tới một ngàn người [tham dự]. Hai người mà có thể duy trì đạo tràng tới tột bậc, quý vị làm sao sánh với họ được? Nói như thế thì nói chung là quý vị quen thói sống quá thoải mái, không có cách nào hết! Cuộc sống của quý vị quá thoải mái, quá đầy đủ, chưa phải chịu khổ, cũng chẳng biết dụng công như thế nào! Đây là chỗ đáng cho chúng ta phản tỉnh sâu đậm! Trong một đời người, sự nghiệp thành tựu chẳng phải là điều ngẫu nhiên! Ngạn ngữ thường có câu: “*Ngật đắc khổ trung khổ, phương vi nhân thượng nhân*” (Chịu được sự khổ nhất trong những sự khổ mới là người bậc nhất trong loài người). Không được rèn giũa, làm sao quý vị có thể thành tựu được? “*Xa lìa hết thấy*” chính là khuyên chúng ta phải buông xuống, tận hết sức buông xuống. Lại xem tiếp đoạn thứ tư:

Tứ, tâm cảnh vô ngại niệm Phật môn, song chiếu Sự Lý, tồn vong vô ngại. Đẳng chân môn chi tịch tịch. Hà Phật? Hà tâm? Giám sự lý chi minh minh, thường tâm, thường Phật, song vong chánh nhập, tịch chiếu song lưu.

四心境無礙念佛門。雙照事理，存亡無礙。等真門之寂寂，何佛何心。鑒事理之明明，常心常佛。雙亡正入，寂照雙流。

(Bốn là môn niệm Phật tâm lẫn cảnh vô ngại, cùng chiếu cả Sự lẫn Lý, mất hay còn đều vô ngại, tịch tĩnh giống như Tịch trong tánh thể chân môn. Gì là Phật? Gì là tâm? Soi rõ sự lý sáng vàng vạc, tâm thường hằng, Phật thường hằng, nhập thẳng vào chỗ hai bên cùng mất, Tịch và Chiếu cùng lưu lộ)

Trong năm loại Năng Niệm này, ba loại trước chú trọng tới phương diện tự chế ngự phiền não, tức là như chúng ta thường nói “công phu thành phiền, Lý nhất tâm bất loạn, Sự nhất tâm bất loạn”, chú trọng vào sự chế phục bản thân; hai loại sau chú trọng nơi sự hóa tha (hóa độ người khác). Do đây biết rằng: Nếu quý vị không có cách nào để thật sự đạt tới tâm lẫn cảnh đều mất, buông xuống vạn duyên, buông xuống hết thấy, quý vị sẽ chẳng thể đạt được đại tự tại. Hai điều sau chính là Vô Chướng Ngại Pháp Giới như kinh Hoa Nghiêm đã nói, “*tâm cảnh vô ngại*” tức là Lý Sự Vô Ngại; “*trùng trùng vô tận*” là Sự Sự Vô Ngại, nhập vào trong cảnh giới vô chướng ngại. Trong năm loại niệm Phật, có thể nói là càng về sau càng sâu hơn môn trước, quý vị muốn thật sự thành tựu thì nhất định phải chiếu theo thứ tự thuận ấy để tu học. Giống như chúng ta lên lầu, phải lên theo từng tầng, lên

cao dần! “*Tâm cảnh vô ngại, song chiếu Sự Lý*” (Tâm và cảnh vô ngại, chiếu cả Sự lẫn Lý), trong phần trước là tâm lẫn cảnh đều mất, bởi lẽ, hết thấy đều là sai, xa lìa hết thấy, quý vị đắc Định, tâm quý vị được thanh tịnh rồi, quý vị đạt được thanh tịnh, bình đẳng, giác, quý vị đã chứng đắc rồi!

Sau khi chứng đắc sẽ khởi tác dụng, tức là không có chướng ngại, đến khi khởi tác dụng, hết thấy đều là đúng, song chiếu Sự Lý (cùng chiếu cả Sự lẫn Lý), chẳng phải là “*song giá*” nữa. “*Giá*” (遮) là cả hai bên đều phủ định, đều là không. “*Song chiếu*” là cả hai bên đều tồn tại. Quý vị phải hiểu ý nghĩa thật sự của Song Giá và Song Chiếu. Song Giá là nói theo mặt Thể (bản thể) của Tánh, Song Chiếu là luận theo mặt Dụng (tác dụng) của Tánh. Thể là không tịch (rỗng lặng), do vậy quyết định chẳng thể chấp trước, nhưng Thể có thể hiện tướng, biến hiện ra y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, biến hiện những tướng ấy. Thể là không thì Tướng là có hay không có? Tướng cũng không có, vì thế “*tướng ấy có*” là giả có, trong kinh Phật gọi là “*diệu hữu*”. Diệu Hữu là gì? Chẳng phải có nhưng có, có nhưng chẳng phải là có, đấy mới là diệu! Nếu mọi người không hiểu rõ thì tôi nghĩ là quý vị đều từng nằm mộng, đều có kinh nghiệm nằm mộng, quý vị thấy những hình tướng trong mộng, rốt cục là có hay không có? Đợi đến khi tỉnh mộng rồi, biết giấc mộng ta vừa mơ ấy, mộng là giả, chẳng phải là thật, nhưng thật ra khi quý vị nằm mộng, có gì chẳng phải là thật?

Từ thí dụ nông cạn, dễ thấy này, chúng ta hiểu được y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới cho đến Nhất Chân pháp giới cũng giống như vậy, cùng một đạo lý. Quý vị hiểu rõ chân tướng này thì gọi là thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt có nghĩa là triệt để liễu giải chân tướng của sự thật, chân tướng của sự thật là gì? Chẳng có nhưng là có, có nhưng chẳng phải là có, đúng như kinh Bát Nhã đã dạy: “*Phàm tất cả những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Câu này đã nói toạc ra, vạch trần ra. Kinh còn dạy chúng ta: “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Quý vị thấy thấu suốt, liễu giải chân tướng sự thật, biết nó là mộng, huyễn, bọt, bóng, quý vị có còn ghim nó trong lòng hay chẳng? Quý vị sẽ không làm vậy. Vì sao? Ghim nó trong lòng là sai lầm, nó đã không có thì quý vị ghim nó trong lòng để làm gì? Chuyện quá khứ không có, hiện tại cũng không có, vị lai cũng lại không có, còn có gì để quý vị vương mắc, còn có gì để quý vị lo rầu nữa đây? Thật sự hiểu rõ, thông đạt sự thật ấy thì quý vị mới hiểu được ý nghĩa câu nói của đại sư Ấn Quang, ấy là thật sự đạt được đại tự tại đây!

“*Song chiếu Sự Lý, tồn vong vô ngại*” (Cùng chiếu cả Sự lẫn Lý, còn hay mất đều vô ngại). Còn - mất là sanh diệt, vì sao sanh diệt vô ngại? Sanh diệt không hai, lý ấy rất sâu, nhưng trong những phần trước chúng tôi đã từng nói qua rồi, nói tới rất nhiều lần! Các nhà khoa học hiện thời cũng dần

dần phát hiện ra chân tướng sự thật này “*sanh diệt trong từng sát-na*”, tướng sanh diệt trọn chẳng thể được, đấy là một cách nói. Còn có cách nói khác, nói thật ra, đủ mọi cách nói, vô lượng cách nói đều nhằm diễn tả một chuyện “*Không - Hữu chẳng hai, Tánh không, Tướng có*”, cho nên chúng vô ngại.

“*Đẳng chân môn chi tịch tịch*”: “*Đẳng*” là bình đẳng, “*chân môn*” là tánh môn. Bản thể của Tánh là thật, vĩnh viễn chẳng biến đổi. Trong Phật pháp nói tới chân và vọng; phạm những gì biến đổi đều là hư vọng, phạm những gì vĩnh hằng bất biến sẽ là chân. Quý vị phải hiểu rằng cái vĩnh hằng bất biến trong hết thầy pháp thế gian lẫn xuất thế gian chỉ có tự tánh, ngoài tự tánh ra, có pháp nào bất biến đâu?

Động vật có sanh, lão, bệnh, tử, thực vật có sanh, trụ, dị, diệt, khoáng vật, tinh cầu có thành, trụ, hoại, không, thậm chí hư không, hư không luôn có sanh diệt, chỉ vì thời gian của nó rất dài, chúng ta thọ mạng ngắn ngủi chẳng thể cảm nhận, quan sát được. Chuyện này được kinh Phật giảng rất rõ ràng, đại sư Vĩnh Gia cũng đã từng nói: “*Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên*” (Mộng thì sáu nẻo rành rành, giác rồi cả cõi đại thiên tan tành), đại thiên thế giới đấy nhé! Tông môn thường nói: “*Phấn toái hư không*” (Nghiền nát hư không thành bột). Do vậy, trong Tướng tông, hư không được xếp vào pháp Vô Vi, tức là xét theo mặt tướng, nó tự hồ vô vi. Pháp Vô Vi gồm có sáu loại, chỉ có một thứ, tức Chân Như Vô Vi, là thật, những thứ khác đều chẳng thuần chân. Chân là tịch, trong hai chữ Tịch (trong câu “*đẳng chân môn chi tịch tịch*”) thì một chữ Tịch là động từ, chữ kia là danh từ. Do vậy, [câu “*đẳng chân môn chi tịch tịch*” có nghĩa là] thanh tịnh, tịch diệt giống như Tịch trong tánh thể chân môn, tức tướng tịch diệt.

Trong kinh Nhân Vương, đức Phật đã giảng về năm địa vị của Bồ Tát, tức Ngũ Nhân, cao nhất là Tịch Diệt Nhân. Thấp hơn Tịch Diệt Nhân là Vô Sanh Pháp Nhân. Chúng ta thường nói tới Vô Sanh Pháp Nhân; bài kệ hồi hướng của người niệm Phật có câu “*hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”. Vô Sanh Pháp Nhân chẳng phải là cao nhất, nó là pháp được chứng bởi hàng Bồ Tát. Trong bộ kinh này, đức Phật bảo chúng ta chứng Vô Sanh Pháp Nhân là Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa, cũng không phải là hết sức cao! Sở chứng của Thập Địa và Đẳng Giác Bồ Tát là Tịch Diệt Nhân, đấy chính là “*đẳng v chân môn chi tịch tịch*”.

“*Hà Phật, hà tâm*” (Gì là Phật? Gì là tâm?): Nói Phật hay nói tâm đều là cách nói phương tiện của chư Phật Bồ Tát dành cho chúng sanh, nói thuận theo Tục Đế. Đây là vì đức Phật thuyết pháp đã y theo Nhị Đế (Chân Đế và Tục Đế) để nói. Đây chính là nguyên tắc chung để thuyết pháp, dựa vào đâu để nói? Dựa vào Nhị Đế. Trong Nhị Đế thì một là Chân Đế; Chân Đế là

chân tướng của sự thật, là cảnh giới được đích thân chứng bởi các vị đại Bồ Tát. Loại thứ hai là dựa theo Tục Đế, Tục Đế là những gì phạm phu chúng ta thường nhận biết, là kiến giải của phạm phu. Nói tới Phật hay nói tới tâm đều là thuận theo kiến giải của phạm phu để nói. Còn nếu tùy thuận cảnh giới của chư Phật Như Lai thì sao? Bèn sẽ là “*Gì là Phật? Gì là tâm?*” Nào có Phật hay có tâm? Danh tướng ấy hoàn toàn chẳng có! Danh tướng ấy chẳng phải là thật! Khi Phật giáo chưa truyền đến Trung Quốc, Lão Tử của Trung Quốc đã từng nhắc tới đạo lý ấy: “*Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh*”. Danh là danh từ, thuật ngữ, quý vị khởi lên những danh từ, thuật ngữ thì đã mắc sai lầm! Vốn chẳng có danh, quý vị khởi lên cái danh là đã lầm lẫn! Khởi lên cái danh, tức là có phân biệt, có chấp trước. Do vậy, nào có Phật, nào có tâm?

“*Giám sự lý chi minh minh*”: Chữ “*giám*” (鑒) ở đây là quan sát, quan sát hết thấy sự vật, hết thấy nguyên lý trong vũ trụ. Hai chữ “*minh*” (明) ở đây cũng một chữ là danh từ, chữ kia là động từ, [hàm nghĩa] rõ ràng, minh bạch. Câu “*đăng chân môn chi tịch tịch*” trong phần trước nếu nói theo kinh Bát Nhã thì chính là “*Bát Nhã vô tri*”, Tịch là vô tri. “*Giám sự lý chi minh minh*” chính là “*vô sở bất tri*” (không gì chẳng biết). “*Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri*”. Nếu quý vị muốn không gì chẳng biết thì trước hết quý vị phải đạt tới “*vô tri*”. Đạo lý này nằm ở chỗ nào? Quý vị phải hiểu rằng: Khi tâm địa đạt tới chỗ thanh tịnh, tịch diệt thì Phật pháp hay pháp thế gian quý vị đều buông xuống hết. Quý vị còn có chút gì đó thì sẽ chẳng thể đạt đến tịch diệt, quý vị chẳng nhập cảnh giới ấy. Toàn bộ đều buông xuống, tánh thể của quý vị hoàn toàn hiện tiền, tận hư không, trọn pháp giới do tự tánh biến hiện, đâu có thứ gì tự tánh chẳng biết! Đâu có đạo lý ấy! Tự tánh là Năng Biến, vạn pháp là Sở Biến. Sau khi nhập được cảnh giới ấy, Năng và Sở là một, không hai; do vậy, trong cảnh giới ấy, Tịch là giống như sự tịch tịnh (vắng lặng, thanh tịnh) trong chân môn, đồng thời lại có thể chiếu rõ hết thấy vạn pháp rõ rệt, minh bạch.

“*Thường tâm, thường Phật*”: Ở đây lại nêu lên một chuyện nhằm thí dụ. “*Thường tâm, thường Phật*” là nói theo mặt Tướng, nói theo mặt Dụng. “*Hà tâm, hà Phật, phi tâm, phi Phật*” là nói theo mặt Lý, nói theo mặt Tánh. “*Song vong chánh nhập*” (Nhập thẳng vào nơi hai bên cùng mất), hai bên chẳng lập, Trung Đạo cũng không có, nếu quý vị cho là có Trung Đạo thì quý vị lại chấp trước rồi, quý vị lại phân biệt, chấp trước mất rồi! Đây đúng là một niệm chẳng sanh.

“*Tịch Chiếu song lưu*”: Cảnh giới này và cảnh giới trong phần trước khác nhau ở chỗ nào? Chúng ta nhất định phải phân biệt được chỗ này. Cảnh giới trong phần trước tuy có Thể nhưng không có Dụng. Người ấy khế nhập

thể tánh, đạt đến vô sở niệm; người ấy thật sự niệm, có Thể nhưng chẳng có Dụng. Còn trong tầng thứ tư này lại vừa có Thể, vừa có Dụng, từ Thể khởi Dụng. Nếu dùng Bát Nhã để nói thì phần trên chú trọng nơi “*Bát Nhã vô tri*”; còn trong phần thứ tư thì chú trọng nơi “*Bát Nhã vô sở bất tri*” (Bát Nhã không gì chẳng biết), nó khởi tác dụng. Do đây biết rằng: Trong Phật pháp, công phu Tịch Chiếu này cũng có thể gọi là pháp môn Tổng Trì. Gọi là Tổng Trì vì đây là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc trọng yếu, bất luận tu học pháp môn nào [đều phải tuân theo tổng nguyên tắc ấy], niệm Phật cũng chẳng phải là ngoại lệ. Tịch là tâm thanh tịnh, do vậy, chúng ta tu môn gì, chính mình phải hiểu rõ: Tu tâm thanh tịnh là đúng, tu đúng như pháp. Tâm nhất định phải thanh tịnh, muốn tâm thanh tịnh, nhất định phải lia vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chẳng những trong pháp thế gian không thể có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mà trong Phật pháp cũng chẳng được có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đều chẳng thể được! Phải dụng công ở nơi ấy, tức là phải thật sự thấy thấu suốt, buông xuống. Chiếu là điều gì cũng hiểu rõ, trọn chẳng mê hoặc. Nếu có Tịch mà không có Chiếu thì thừa cùng quý vị, đây chính là vô minh. Có Chiếu nhưng không có Tịch thì gọi là Cuồng Huệ. Công phu Tịch và Chiếu phải bình đẳng, đây gọi là Thiên Định.

Ngũ, trùng trùng vô tận niệm Phật môn.

五重重無盡念佛門。

(Năm là môn niệm Phật trùng trùng vô tận)

Phần trước nói về từ Thể khởi Dụng, ở đây hoàn toàn nói về tác dụng; tác dụng vô lượng vô biên. Một bộ kinh Hoa Nghiêm nhằm hiển thị pháp môn Niệm Phật trùng trùng vô tận.

Lý ký vô tận.

理既無盡。

(Lý đã vô tận)

Lý là tâm tánh, đúng là chẳng cùng tận, Bát Nhã cũng nằm trong số lượng đó.

Dĩ Lý dung Sự, Sự diệt vô tận.

以理融事，事亦無盡。

(Dùng Lý để dung hội Sự, Sự cũng vô tận).

Sự tướng do đâu mà có? Sự tướng từ thể tánh biến hiện ra. Nói cách khác, Năng Biến vô tận, đương nhiên Sở Biến cũng vô tận. Đây là chân tướng của sự thật. Do vậy...

Cố tùy nhất môn, nhiếp nhất thiết môn.

故隨一門，攝一切門。

(Cho nên bất cứ một môn nào đều nhiếp hết thảy các môn khác)

“Tùy” là tùy ý lấy một môn, “nhất” là bất cứ môn nào, chứ không phải là độc nhất, chẳng phải là chuyên nhất, bất cứ một môn nào cũng đều có thể bao quát hết thảy môn. Do vậy, trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói một lỗ chân lông nơi chánh báo của chúng ta, một vi trần trong y báo đều có thể thấu nhiếp trọn khắp vô lượng vô biên pháp giới. Tận hư không, trọn pháp giới là ở đâu vậy? Trên đầu một sợi lông, đầu sợi lông không phình to, pháp giới cũng chẳng rút nhỏ, vì sao trong một đầu lông có thể thấy một pháp giới? Trong một đầu lông thấy một vị Phật giảng kinh thuyết pháp chẳng hy hữu, thấy vô lượng vô biên chư Phật đang giảng kinh thuyết pháp, đây mới là màu nhiệm! Đây chính là điều thường được kinh Hoa Nghiêm nói tới. Quả thật chúng ta không cách nào tưởng tượng được, pháp môn vô chướng ngại chẳng thể nghĩ bàn! Lý của nó là như thế, Sự cũng giống như thế. Do vậy, chúng ta mới thật sự liễu giải lời Phật dạy: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”, đúng là như vậy đó!

Những pháp môn nào vậy? Pháp thế gian hay xuất thế gian, bất cứ một pháp nào cũng đều là pháp môn. Lại thưa với quý vị, đâu có pháp nào là Phật pháp hay pháp thế gian! Phật pháp hay pháp thế gian đều là tùy thuận chúng sanh mà nói, thuận theo hư vọng, phân biệt, chấp trước của chúng sanh để nói. Phải nói với quý vị sự tướng chân thật: Không có pháp thế gian, mà cũng chẳng có Phật pháp! Trong phần trước đã nói “*hà tâm, hà Phật*”, gì là tâm, gì là Phật, gì là pháp thế gian, gì là Phật pháp, đều chẳng có! Trong tâm quý vị từ trước đến nay chẳng dấy lên những ý niệm ấy thì tâm quý vị chính là pháp giới, pháp giới chính là tâm của quý vị, tâm là chính mình, chính mình là pháp giới, tận hư không, trọn pháp giới là chính ta. Nhập được cảnh giới ấy gọi là “*nhập pháp giới*”, chúng ta giảng bộ kinh này, trong kinh [Bát Thập] Hoa Nghiêm gọi phần này là “*Nhập Pháp Giới Phẩm*”. Những vị [Pháp Thân đại sĩ] ấy nhập như thế nào? Nhập như vậy đó! Do vậy, phải nhớ kỹ: “*Cố tùy nhất môn, nhiếp nhất thiết môn*” (Cho nên dùng bất cứ một môn nào đều nhiếp hết thảy các môn khác). Chúng ta hiểu được đạo lý này, quý vị tu học sẽ định được tâm. Biết điều gì? Bất cứ pháp môn

nào đều có thể thâm nhiếp trọn khắp vô lượng vô biên pháp môn, vô lượng vô biên pháp môn đều bao quát trong một môn này của ta.

Nay chúng ta chọn lấy một môn, môn nào vậy? Nam Mô A Di Đà Phật. Tất cả vô lượng vô biên pháp môn thế gian hay xuất thế gian đều nằm trong một môn này. Người khác chọn pháp môn tham Thiền thì vô lượng vô biên pháp môn đều nằm trong sự tham cứu của người ấy. Còn người khác nữa trì chú thì suốt ngày từ sáng đến tối niệm chú, hết thầy pháp môn đều nằm trong một câu chú. “*Một tức hết thầy, hết thầy chính là một*”, đâu có cái nào là tốt, cái nào không tốt ư? Tốt giống hệt như nhau, đều tốt cả! Trong những cái đều tốt, chúng ta phải biết căn tánh của chính mình, pháp môn nào thích hợp cho ta học, ta tu rất thuận tiện, tu học không phí sức, tu rất hoan hỷ, rất tự tại, quý vị sẽ thành tựu đặc biệt dễ dàng! Đây là điều mà các vị tổ sư, đại đức kể cả chư Phật, Bồ Tát đều bảo với chúng ta: “Niệm Phật thuận tiện nhất. Pháp môn này thuận tiện nhất, dễ dàng nhất!”

Dung tư ngũ môn, dĩ vi nhất trí.

融斯五門，以為一致。

(Dung hợp năm môn này thành một)

Đối với năm môn đã nói trên đây, đem cả năm môn viên dung quy nạp thành một.

Tức thị thử trung năng niệm chi tâm dĩ tiền sở niệm thập Phật cảnh hợp.

即是此中能念之心與前所念十佛境合。

(Tức hợp cái tâm niệm Phật ở đây với mười cảnh Phật được niệm đã nói trong phần trước)

Phần trước nói tới hai mươi môn, hai mươi môn được chia thành hai đoạn, đoạn trước là Phật, đoạn sau là pháp. Trong phần trước tôi đã từng nói qua rồi. Đây là Sở Niệm (đối tượng được niệm), còn trong đoạn này nói tới Năng Niệm (cái tâm niệm Phật). Cái tâm Năng Niệm và Phật cảnh được niệm tương hợp, tương ứng.

Phi hợp, phi tán.

非合非散。

(Chẳng hợp, chẳng tan)

Hợp có giới hạn của hợp hay không? Hợp ở chỗ nào? Đúng là giống như nước và sữa hòa lẫn, không cách nào phân chia. Đừng nghe kinh này xong, đọc đoạn văn tự này xong, sẽ lại bị nó xoay chuyển. “Lại có một Năng, lại có một cái Sở, lại có một cái Hợp”, vậy là hỏng rồi! Nhiều thứ như vậy sao? Nghe xong, quý vị phải biết dung hội. Do vậy, phải là lia tướng ngôn thuyết, lia tướng danh tự, lia tướng tâm duyên thì quý vị mới khế nhập được! Nếu quý vị phân biệt những tướng này, chấp trước nơi những tướng này, suốt cả một đời này quý vị chẳng thể khế nhập được! Đây là chỗ khó khăn trong việc học Phật. Nếu như quý vị có thể thật sự lia tướng; đối với ngôn thuyết, danh tướng đều chẳng dấy lên ý niệm thì Phật pháp rất dễ dàng! Vừa nghe liền ngộ nhập, chẳng phải là không có người như vậy. Qua kinh điển, chúng ta thấy trong thưở đức Thế Tôn thuyết pháp, những vị đệ tử nghe Phật giảng kinh, thuyết pháp, Phật chưa giảng xong họ đã khai ngộ, họ liền chứng quả, họ khế nhập. Vì sao họ có thể như vậy, mà chúng ta chẳng thể? Các vị ấy không phân biệt, không chấp trước, không khởi vọng tưởng, lia tướng ngôn thuyết, tức là không chấp trước. Lia tướng danh tự là không phân biệt, lia tướng tâm duyên là không có vọng tưởng. Vì thế, các vị ấy vừa nghe, tuy nghe không nhiều, liền nhập cảnh giới của Như Lai. Ngày nay chúng ta nghe, nghe mấy chục năm, càng nghe càng hồ đồ, chẳng khai ngộ! Càng nghe càng hồ đồ, càng nghe càng lăm vọng tưởng, càng nghe phân biệt càng nặng, vậy có phải là hỏng bét hay không? Bệnh đổ ra ở chỗ nào? Chính là do chúng ta chấp trước ngôn thuyết, chấp trước văn tự, chấp trước danh tướng, hỏng ở chỗ này!

Do vậy, ở đây nói “*phi hợp, phi tán*” (chẳng phải hợp, chẳng phải tán). Dem hai thứ hợp và tán, hợp và tán là hai pháp, là hai đầu mối, gạt bỏ hết, sau đó sẽ là cảnh giới này:

Thiệt nhập trùng trùng.

涉入重重。

(Tiến nhập tầng tầng lớp lớp)

“*Trùng trùng*” có nghĩa là vô tận. Nói thật ra, trùng trùng trong tự tánh ư? Thật đấy! Trong tự tánh vốn chẳng có trùng trùng, trùng trùng vô tận pháp giới đều sanh từ vọng tưởng, chấp trước của hết thảy chúng sanh. Sau khi quý vị nhập cảnh giới ấy xong, đối với cảnh giới của vô lượng chúng sanh quý vị đều thấu hiểu rõ ràng, minh bạch, chúng ta thường gọi đó là lục đạo, là mười pháp giới. Nhân duyên, quả báo trong ấy không có một điều nào chẳng rõ ràng, không có một điều nào chẳng hiểu rõ. Do vậy, quý vị có thể phổ độ hết thảy chúng sanh. Chư Phật, Bồ Tát, Pháp Thân đại sĩ đều có

năng lực ấy. Vì sao các ngài không đến độ tôi vậy? Duyên chưa chín muồi! Thế nào là duyên chưa chín muồi? Đến giảng cho tôi, tôi vẫn chẳng thể tin tưởng, nói với tôi, tôi nghe hiểu, nhưng tôi vẫn làm không được, tức là duyên chưa chín muồi. Duyên chín muồi thì [căn cơ của] người ấy thành thực, các Ngài cũng phải độ. “*Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân*” (Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai). Đại chúng [căn cơ] chín muồi rồi thì các Ngài sẽ dùng ứng thân đến độ; mỗi một cá nhân căn cơ chín muồi thì các Ngài thường dùng hóa thân để độ, đúng là “*trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”. Do vậy, chúng ta học Phật, chẳng cần trách móc Phật, Bồ Tát không chiếu cố chúng ta; trên thực tế, chư Phật, Bồ Tát suốt ngày từ sáng đến tối ở quanh chúng ta, các Ngài hiểu rõ chúng ta, nhưng chúng ta chẳng nhận biết các Ngài. Tới khi nào tâm chúng ta thật sự mong cầu pháp, cầu pháp tức là thật sự mong cầu thanh tịnh, bình đẳng, giác, Phật, Bồ Tát sẽ hiện tiền, đến dạy cho quý vị phương pháp, đến giúp đỡ quý vị, thành tựu quý vị.

Nan tư cảnh dã.

難思境也。

(Là cảnh khó nghĩ tưởng được)

“*Nan tư*” tức là cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, tên của phẩm này là Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm. Tựa đề trong bản Hoa Nghiêm tám mươi quyển ghi đơn giản hơn: Nhập Pháp Giới Phẩm. Pháp giới là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Đoạn khai thị này của đại sư Thanh Lương cũng nhằm giải thích lời giáo huấn của tỳ-kheo Cát Tường Vân dành cho Thiện Tài đồng tử, nhưng đoạn này lại quán triệt toàn bộ kinh Hoa Nghiêm. Đối với năm mươi ba lần tham học trong phần sau, đoạn văn này quán triệt toàn bộ kinh. Chúng ta xem tiếp đoạn văn tựa trong phần sau:

Thử sơ thiện hữu thù thắng chi trung, toàn cụ chư môn.

此初善友推勝之中，全具諸門。

(Trong phần đề cao người khác thù thắng hơn mình của vị thiện hữu đầu tiên, có đủ trọn vẹn các môn)

Trong đoạn kinh văn đề cao những vị thiện tri thức khác cao siêu hơn mình của chương tỳ-kheo Cát Tường Vân này, năm môn Năng Niệm và mười môn Sở Niệm đều trọn đủ.

Hạ chư thiện hữu

下諸善友。

(Các vị thiện hữu kế tiếp)

Tiếp theo là từ tỳ-kheo Hải Vân trở đi cho đến tận Phổ Hiền Bồ Tát mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc.

Hoặc hữu biệt dụng.

或有別用。

(Hoặc có vị dùng riêng).

Không nhất định sử dụng toàn bộ, có vị chỉ sử dụng mấy môn trong [mười môn Niệm Phật] ấy. Có vị dùng mấy môn này, có vị dùng mấy môn kia. Nhưng ở chỗ này là nói trọn hết [cả mười môn], thấy đều trọn vẹn. Đọc những phần sau từ đoạn kinh văn này trở đi, quý vị sẽ có thể hiểu rõ. Do vậy, đoạn này hết sức trọng yếu, đoạn này chính là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc. Dưới đây là nêu một thí dụ:

Giải Thoát trưởng giả dụng duy tâm môn.

解脫長者用唯心門。

(Trưởng giả Giải Thoát dùng môn duy tâm [niệm Phật])

Tức là chuyên môn dùng môn thứ hai “*niếp cảnh duy tâm niệm Phật môn*”. Ngài dùng môn ấy.

Phổ Đức Tịnh Quang quán đức tướng đẳng, giai thị thử trung chư môn biệt nghĩa.

普德淨光觀德相等，皆是此中諸門別義。

(Phổ Đức Tịnh Quang quán những thứ như đức tướng v.v... đều là những nghĩa riêng biệt của các môn ở đây)

Từ đây trở đi, chúng ta đều có thể thấy rõ [nhận định ấy].

Tương thử ngũ môn, đối hội kinh văn, khả dĩ ý đắc.

將此五門，對會經文，可以意得。

(Đem năm môn này, đối chiếu với kinh văn, sẽ có thể hiểu được ý nghĩa)

Quý vị chỉ cần nắm được nguyên tắc vừa nói trong đoạn văn này. Quý vị ai nấy hãy nên nhớ kỹ, năm mươi ba lần tham học từ đây trở đi, quý vị thấy được ý nghĩa của lời đại sư nói thì quý vị sẽ hiểu được Ngài đã quy nạp vào một môn Niệm Phật ở đây.

Niệm Phật nhất môn, chư giáo hân tán, lý trí thâm viển, thể đa cộng hành, cộng phục lược tự, vô yếm phiền thuyết.

念佛一門，諸教欣讚，理致深遠，世多共行。共復略敘，無厭繁說。

(Một môn Niệm Phật được các giáo đều vui mừng khen ngợi, lý đạt tới mức sâu xa, trong cõi đời được đa số cùng hành, lại còn giải bày đại lược, không ngại nói rườm rà)

Câu này nhằm tổng kết pháp môn Niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn. “Chư giáo” là Hiền giáo, Mật giáo, Tông môn, Giáo hạ, đều bao quát trong ấy. chỉ cần là một vị thiện tri thức thật sự, không có vị nào chẳng tán thán. Nếu chấp trước một môn này, phủ định một môn kia thì những kẻ như vậy đều là hạng thiếu thông hiểu, vẫn chưa thông đạt. Hễ thật sự thông đạt không có ai chẳng tán thán pháp môn Niệm Phật. Nếu quý vị hỏi người ấy vì sao, thì do người ấy là bậc tu Thiền hoặc tu Mật thành tựu, [họ phải] tán thán Thiền, tán thán Mật, đấy là bản phận của họ. Nhưng người thật sự thành tựu, tâm từ bi hiện tiền, [trông thấy] vẫn còn có chúng sanh đông đảo, những pháp môn ấy không khế cơ, họ sẽ chẳng đạt được lợi ích. Nhằm phổ độ chúng sanh, nhất định vị ấy phải tán thán pháp môn Niệm Phật. Đây là chân thiện tri thức, quyết định không có cái nhìn môn hộ hẹp hòi.

Chúng ta thấy trong Thiên tông cận đại, lão hòa thượng Hư Vân là bậc đại đức Thiên Tông thời cận đại. Quý vị xem cuốn Phương Tiện Khai Thị Lục, trong cuốn sách ấy có mấy chục thiên. Những khai thị lúc tuổi già của lão nhân gia, gần như là những lời Ngài dạy khi đã một trăm mười bảy tuổi. Chúng tôi đã đọc tập sách nhỏ ấy, trong ấy chỉ có hai thiên giảng về tham Thiền, còn toàn bộ những thiên khác đều là khuyên người ta hãy niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, đấy là bậc chân thiện tri thức trong Tông môn! Ngài dạy chúng ta cầu sanh Tịnh Độ, thừa với quý vị, lão hòa thượng Hư Vân chẳng cầu sanh Tịnh Độ, Ngài chẳng niệm A Di Đà Phật, Ngài chẳng cầu sanh Tịnh Độ, nhưng Ngài dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Ngài sanh về đâu? Ngài sanh về chỗ Di Lạc Bồ Tát. Vì sao Ngài không khuyên chúng ta niệm Di Lạc Bồ Tát, cầu sanh Di Lạc Tịnh Độ? Vì chúng ta làm không được! Môn đình của Di Lạc Bồ Tát rất cao, chúng ta

không chen chân vào được, lão hòa thượng có năng lực tiến nhập, chứ người bình thường chẳng thể tiến nhập được; nơi người bình thường có thể tiến nhập chính là thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật. Do vậy, trong lúc tuổi già, Sư đặc biệt tán thán A Di Đà, khuyên tu Tịnh Độ. Đây là vị thiện tri thức chân chánh. Những vị đồng tu học Phật chúng ta phải biết trong xã hội hiện thời, người mang tri kiến môn hộ sâu nặng rất đông, chấp trước pháp môn của họ là siêu trỗi, chê [pháp môn của] những người khác đều là sai trái.

Ở ngoài, tôi thường nghe có người nói: “Thưa pháp sư! Có người nghĩ một câu A Di Đà Phật chẳng thể thành tựu, quá ít mà!” Người ấy đến nói với tôi lời đó, tôi bèn bảo người ấy: “Tôi nghe lão pháp sư Đàm Hư đã nói trong cuốn Niệm Phật Luận, lão nhân gia giảng khai thị trong Phật thất, một đồ đệ của lão hòa thượng Đế Nhân làm nghề vá nồi, nhờ một câu A Di Đà Phật mà đứng vãng sanh. Tôi tin tưởng, tôi căn cứ vào đây là được rồi. Người ta không biết chữ, thứ gì cũng chưa từng học qua, mà một câu A Di Đà Phật niệm suốt ba năm liền có thể đứng vãng sanh. Tôi học như vậy là đủ rồi, những thứ khác tôi không mong mỏi. Quý vị cảm thấy một câu chẳng đủ, muốn học cho nhiều, quý vị cứ học thứ của quý vị, tôi vẫn hành pháp của tôi, tôi quyết định chẳng bị quý vị lay động!” Đây là lý do vì sao tôi lại cho in một vạn cuốn Niệm Phật Luận, in ra với số lượng lớn. Thật sự muốn nói tới chuyện cứu vãn thế giới trong hiện thời thì cuốn Niệm Phật Luận ấy còn hay hơn kinh Hoa Nghiêm nữa! Giảng kinh Hoa Nghiêm xong, cũng có vị nghe xong hiểu lắm, chứ Niệm Phật Luận tuyệt đối không gây hiểu lầm, một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng cực, không ai chẳng vãng sanh! Nhưng điều cần nói ở đây là phải buông xuống vạn duyên. Nếu quý vị có hoài nghi, có xen tạp thì quý vị vẫn chưa thể thành công! Niệm đến mức không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, không có một ai chẳng thành công! Đây chính là “*Niệm Phật nhất môn, chư giáo hân tán*” (Một môn Niệm Phật được các giáo vui vẻ khen ngợi), “*hân*” là vui vẻ, [“*hân tán*” là] hoan hỷ tán thán.

“*Lý trí thâm viển*”: Lý luận của pháp môn này hết sức sâu, hết sức rộng, “*Thế đa cộng hành*”: Cõi đời phần nhiều cùng hành là vì được hết thảy chư Phật khen ngợi. Đại sư Thanh Lương là bậc chân thiện tri thức đại từ đại bi, Ngài là tổ sư của Hoa Nghiêm Tông, ở đây, Ngài khuyên chúng ta niệm Phật. Trong hội Hoa Nghiêm khuyên chúng ta niệm Phật, chẳng sợ lời thô, chẳng sợ phiền phức, rất miêng xót lòng khuyên lơn chúng ta. Chúng tôi giảng đoạn này đến đây, lại xem đoạn kinh văn tiếp theo.

Như thị đẳng vô lượng vô số Niệm Phật môn, nhi ngã vân hà năng tri năng thuyết bỉ công đức hạnh.

如是等無量無數念佛門，而我云何能知能說彼功德行。

(Vô lượng vô số môn Niệm Phật như thế, ta làm sao có thể biết được, nói được hạnh công đức của các môn ấy)

Đây là lời lẽ khiêm hư của tỳ-kheo Cát Tường Vân. Ngài nói ra hai mươi một thứ, Sở Niệm gồm hai mươi một môn, Năng Niệm gồm năm môn. Nói thật ra, những điều Ngài đã nói đã gần như viên mãn rồi, nhưng Ngài sử dụng phương pháp quy nạp, chứ nếu nói cạn kẽ thì chẳng thể tận, nói cạn kẽ sẽ là “*vô lượng vô số môn Niệm Phật*”. Tất cả hết thấy pháp môn đều là môn Niệm Phật, không có một pháp nào chẳng phải là môn Niệm Phật. Nếu chẳng phải là môn Niệm Phật, làm sao quý vị có thể thành Phật được? Bất luận quý vị tu hành một phương pháp nào, tu hành đến tối hậu đều có thể thành Phật, thành Phật chính là niệm Phật, niệm Phật mới có thể thành Phật! Điều cuối cùng trong ba món phước của Quán Kinh là “*tin sâu nhân quả*”. Tin sâu nhân quả là như tôi đã nói rồi đó, niệm Phật là nhân, thành Phật là quả, đây mới là đúng, là tương ứng. Tất cả hết thấy pháp môn đều có thể thành Phật, tất cả hết thấy pháp môn đều dạy hãy hành môn Niệm Phật, bất quá phương pháp Niệm Phật khác nhau!

“*Nhi ngã vân hà năng tri năng thuyết bỉ công đức hạnh*”: Đây là lời lẽ khiêm hư của Cát Tường Vân Bồ Tát. Tôi làm sao có thể biết, có thể nói vô lượng vô biên công đức của các pháp ấy! Đây là lời tổng kết, ý nghĩa rất rõ ràng. Cho nên...

Tổng kết khả tri.

總結可知。

(Có thể hiểu được ý nghĩa của lời tổng kết).

Lại xem tiếp đoạn lớn thứ năm trong kinh văn. Mỗi một phần kinh văn đều gồm sáu đoạn lớn. Đây là đoạn thứ năm:

Thiện nam tử! Nam phương hữu quốc, danh viết Hải Môn. Bỉ hữu tỳ-kheo, danh vi Hải Vân. Nhữ vãng bỉ vấn, Bồ Tát vân hà học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo

善男子，南方有國，名曰海門。彼有比丘，名為海雲。汝往彼問，菩薩云何學菩薩行，修菩薩道。

(Này thiện nam tử! Phương Nam có nước tên là Hải Môn. Nơi đó, có tỳ-kheo tên là Hải Vân. Người qua đó hỏi Bồ Tát nên học Bồ Tát hạnh, tu Bồ Tát đạo như thế nào?)

Từ đoạn văn này trở đi. Chúng ta xem lời chú giải cho đoạn lớn thứ năm này.

Đệ ngũ, thiện nam tử Nam phương hữu quốc hạ.

第五善男子南方有國下。

(Thứ năm, từ “*Này thiện nam tử! Phương Nam có nước...*” trở đi)

Đoạn kinh văn từ đây trở đi.

Chỉ thị hậu hữu.

指示後友。

(Chỉ dạy [cho Thiện Tài đồng tử biết về] vị thiện hữu kế tiếp)

Cũng tức là nói theo cách hiện thời, Ngài giới thiệu một vị thiện tri thức khác để Thiện Tài đến tham học. Người đến chỗ ta, những gì ta biết đã nói hết cho người rồi, đã dạy toàn bộ cho người rồi; nhưng người là kẻ rất khó có, ham học không mệt mỏi, đáng được khen ngợi. Vậy thì ta lại giới thiệu với người một vị thiện tri thức khác, người hãy đến nơi ấy để tham học, thỉnh giáo vị ấy. Trong đoạn kinh văn này, chia thành hai đoạn, hai đoạn [có độ dài] vừa phải.

Tiên chánh thị thiện hữu.

先正示善友。

(Trước hết, chỉ thẳng vị thiện hữu)

“*Chánh*” là chỉ bày, chỉ bày trực tiếp vị thiện hữu, chỉ bày vị thiện tri thức.

Hậu tán hữu thành ích.

後歎友成益。

(Tiếp đó, khen ngợi những lợi ích đã được thành tựu bởi vị thiện hữu ấy)

Đoạn sau là tán thán, khen ngợi vị thiện tri thức mới được Ngài giới thiệu. Khen ngợi đạo đức, học vấn của vị ấy một phen đề tít tâm của Thiện Tài càng thêm mạnh hơn, mong mỗi Thiện Tài qua chỗ ấy tham học sẽ có thành tựu. Trong đoạn này lại chia thành hai đoạn nữa, một hàng kinh văn chúng ta vừa mới đọc chính là đoạn thứ nhất.

Kim sơ.

今初。

(Nay là đoạn thứ nhất)

Đây là đoạn thứ nhất.

Tức Trị Địa Trụ thiện hữu.

即治地住善友。

(Tức bậc thiện hữu thuộc phẩm vị Trị Địa Trụ).

Trị Địa Trụ là địa vị Bồ Tát thứ hai, Cát Tường Vân đại diện cho Sơ Trụ, còn vị kế tiếp là Nhị Trụ. Thiện Tài tham phỏng Cát Tường Vân bèn thành Sơ Trụ Bồ Tát, Ngài lại tham phỏng tỳ-kheo Hải Vân, nâng lên một cấp, thành Nhị Trụ Bồ Tát. Mỗi một lần tham phỏng một vị thiện tri thức, địa vị của Ngài được nâng lên cao hơn. Những điều được nói ở đây đều nhằm biểu thị pháp.

Hải Môn quốc giả,

海門國者。

(Nước Hải Môn là...)

“Nước Hải Môn” này nằm ở đâu? Nếu quý vị khảo chứng lịch sử, không có đâu! Trong địa lý cũng không có địa phương này, trong lịch sử cũng không ghi chép về nó, đều là do đức Thế Tôn thuyết pháp hàm nghĩa biểu thị pháp. Trong phần trước đã nói về “Nam phương” rồi, trọn chẳng phải thật sự là Đông, Nam, Tây, Bắc, trong phần trước tôi đã nói phương Nam tượng trưng cho quang minh. Phạm chỗ nào thiện tri thức trụ đều gọi là “Nam phương”, cũng là nơi quang minh, nơi trí huệ, mang ý nghĩa này, biểu thị ý nghĩa này, trọn chẳng phải thật sự là Đông, Nam, Tây, Bắc. Thiện tri thức trụ tại phương Bắc thì nơi ấy vẫn gọi là “Nam phương”. Trụ tại phương Đông, vẫn gọi là “Nam phương”, “Nam phương” biểu thị trí huệ, biểu thị ý nghĩa này.

Hải Môn quốc giả, bỉ quốc chánh đương Nam Hải khẩu cố.

海門國者，彼國正當南海口故。

([Gọi là] nước Hải Môn vì nước ấy ở ngay cửa biển Nam)

Đây là một cách giải thích. Ngài sống tại một nơi chính là cửa biển của Nam Hải, là một bến cảng, nay chúng ta gọi là “cảng khẩu”, nơi này là một hải cảng. Hải cảng ấy có ý nghĩa gì?

Biểu quán tâm hải.

表觀心海。

(Biểu thị ý nghĩa “quán biển tâm”)

Quý vị thấy ý nghĩa này, Hải biểu thị gì? Biểu thị tâm, tâm giống như biển cả. Tâm vô lượng vô biên. Do vậy, biển này biểu thị cái biển tâm.

Vị trị tâm địa thâm quảng môn cố.

為治心地深廣門故。

(Là môn trị tâm địa sâu rộng vậy)

Quý vị thấy Trị Địa, Trị Trụ Địa là trị cái gì? Trị tâm địa, tâm địa vừa sâu vừa rộng, nói chẳng thể tận, thật sự là chẳng có cùng tận.

Tỳ-kheo Hải Vân giả.

比丘海雲者。

(Tỳ-kheo Hải Vân là)

Vì sao vị tỳ-kheo này có tên là Hải Vân?

Hải vi pháp môn.

海為法門。

(Hải là pháp môn)

Hải là biển tâm, là một pháp môn tu học.

Phổ Nhân pháp vân thâm quảng phủ nhuận chư chúng sanh cố.

普眼法雲深廣覆潤諸眾生故。

(Mây pháp Phổ Nhãn sâu rộng, che phủ, thấm nhuần các chúng sanh)

Những ý nghĩa hàm chứa trong danh hiệu của Ngài đều được nói hết ra. “*Phổ Nhãn*”, chúng ta thường tán thán Quán Thế Âm Bồ Tát là Thiên Thủ Thiên Nhãn (ngàn tay, ngàn mắt), Thiên Thủ Thiên Nhãn có nghĩa là Phổ Nhãn. Phổ là phổ biến, là bình đẳng, không có phân biệt, cũng có nghĩa là không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. “*Pháp Vân*”: Vân là tỷ dụ được sử dụng nhiều nhất trong kinh điển. Vân (mây) tỷ dụ cho sự gì chẳng phải có, chẳng phải không. Quý vị thấy chúng ta nhìn vào từng tầng mây, thấy chúng bông bênh. Hiện thời máy bay của chúng ta bay lên trời, quý vị có nắm được mây hay không? Không! Mây biểu thị chẳng phải có, chẳng phải không, biểu thị Không và Hữu như một, biểu thị ý nghĩa ấy, biểu thị có Tướng, không Thể, Thể trọn chẳng thể được, Tướng thì có. Quý vị có thể tán thưởng mây, nhưng chắc chắn quý vị không nắm bắt nó được! Quý vị chẳng thể có được nó, Tướng có, Thể không, Thể trọn chẳng thể được, nhưng có Tướng. Quý vị có thể thưởng thức, vui thích mây, nhưng chắc chắn chẳng nắm bắt được nó. Quý vị không bắt được nó, có Tướng nhưng không có Thể. Điều này cho chúng ta biết: Y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới giống hệt như mây; trên thực tế, mây ấy chính là như “mộng, huyễn, bọt, bóng” đã nói trong kinh Kim Cang. Mây là mộng, huyễn, bọt, bóng, bản thể đều là không, trọn chẳng thể được! Bản thể của y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là không, trọn chẳng thể được! Từ câu nói này, quý vị cũng thấy pháp giống như thế, chẳng những pháp thế gian trọn chẳng thể được, mà Phật pháp cũng trọn chẳng thể được, sự lý chân thật. “*Thâm quảng phú nhuận chư chúng sanh cố*”: Phổ độ chúng sanh, độ chúng sanh chính là chuyển đổi những quan niệm sai lầm của bọn họ, chuyển đổi được ý niệm thì sẽ thành Phật, thành Bồ Tát.

Biểu Trị Địa trung quán sát chúng sanh khởi u thập chủng thâm quảng bi cố.

表治地中觀察眾生起於十種深廣悲故。

(Biểu thị ở trong địa vị Trị Địa, quán sát chúng sanh khởi lên mười loại lòng bi sâu rộng)

Trong pháp môn đối trị tâm địa này, từ trong pháp môn tâm địa, quán sát y báo, chánh báo trang nghiêm và hết thấy chúng sanh trong mười pháp giới, đẩy lên tâm từ bi rộng lớn. Tâm từ bi là một động lực để chư Phật, Bồ Tát phổ độ chúng sanh. Do vậy, mới thị hiện các thứ thân, nói các thứ pháp, thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói không chán mệt, hiện tượng ấy do

đâu mà có? Do từ mười thứ bi tâm sâu rộng sanh ra. Do vậy, lời Ngài nói ở đây hay lắm. Từ nay chúng ta hiểu rằng, Pháp Thân đại sĩ, chư Phật Như Lai trong mười pháp giới độ chúng sanh trong lục đạo, các Ngài làm những gì? Nguyên khởi ở nơi đâu? Ở đây, chúng ta đều thấy cả, đấy cũng chính là những điều chúng ta phải sốt sắng nỗ lực học tập. A! Hôm nay tôi giảng đến đây thôi!

---o0o---

Tập thứ mười ba (12-13-13)

Xin mở quyển kinh, trang ba mươi, đọc ngược từ dưới lên năm hàng, bắt đầu từ kinh văn:

Hải Vân tỳ-kheo năng thiện phân biệt khai phát quảng đại thiện căn nhân duyên, đương linh nhữ nhập quảng đại trợ đạo vị. Đương linh nhữ thành quảng đại thiện căn lực. Đương vị nhữ thuyết phát Bồ Đề tâm nhân. Đương linh nhữ sanh quảng đại thừa quang minh. Đương linh nhữ đắc quảng đại Ba La Mật. Đương linh nhữ nhập quảng đại chư hạnh hải. Đương linh nhữ chuyển quảng đại thế nguyện luân. Đương linh nhữ tịnh quảng đại trang nghiêm môn. Đương linh nhữ khởi quảng đại từ bi lực.

海雲比丘能善分別開發廣大善根因緣。當令汝入廣大助道位。當令汝成廣大善根力。當為汝說發菩提心因。當令汝生廣大乘光明。當令汝得廣大波羅蜜。當令汝入廣大諸行海。當令汝轉廣大誓願輪。當令汝淨廣大莊嚴門。當令汝起廣大慈悲力。

(Tỳ-kheo Hải Vân có thể khéo phân biệt, khai phát nhân duyên thiện căn rộng lớn, sẽ khiến ông nhập địa vị trợ đạo rộng lớn, sẽ làm cho sức thiện căn rộng lớn của ông được thành, sẽ vì ông nói cái nhân phát tâm Bồ Đề, sẽ làm cho ông sanh được quang minh Đại Thừa rộng rãi, sẽ làm cho ông đạt được Ba La Mật rộng lớn, sẽ làm cho ông nhập biển các hạnh rộng lớn, sẽ làm cho ông chuyển thế nguyện luân rộng lớn, sẽ làm cho ông thanh tịnh môn trang nghiêm rộng lớn, sẽ làm cho ông khởi sức từ bi rộng lớn).

Đoạn này tổng cộng có mười câu. Câu thứ nhất trong mười câu này là nói chung (tổng thuyết), chín câu sau đó là nói riêng (biệt thuyết) khen ngợi

thân cận thiện tri thức thì mới có thể thành tựu lợi ích chân thật. Chúng ta đọc kinh văn, mỗi một câu là một ý nghĩa. Lời khai thị của tỳ-kheo Cát Tường Vân ở đây cũng ngầm dạy Thiện Tài đến tham phòng tỳ-kheo Hải Vân nhất định sẽ được mười thứ lợi ích thù thắng ấy. Câu thứ nhất nói tới tỳ-kheo Hải Vân, lần trước đã giảng danh tự này rồi, quý vị phải thấu hiểu ý nghĩa được bao hàm trong danh từ này, danh từ này biểu thị “*quán tâm hải*” thì mới là pháp môn đối trị tâm địa sâu rộng, mang ý nghĩa ấy. Vị ấy có thể “*thiện phân biệt khai phát quảng đại thiện căn nhân duyên*” (khéo có thể phân biệt, khai phát nhân duyên thiện căn rộng lớn). Câu này là nói chung, hết sức trọng yếu. Trong kinh Di Đà, đức Phật dạy chúng ta: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy*”. Nói cách khác, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải có đại thiện căn, đại phước đức, đại nhân duyên. Ba thứ này chẳng dễ gì gặp được, nhưng ắt cần phải đạt được đủ cả ba điều kiện ấy trong một đời thì người ấy mới có thể vãng sanh. Nói cách khác, chúng ta học Phật chẳng phải chỉ trong một đời này, mà đời đời kiếp kiếp đều tu học. Từ vô lượng kiếp đến nay, vì sao chúng ta chẳng thành tựu? Vì sao chẳng thể vãng sanh? Đại khái là do ba điều kiện ấy chẳng thể đầy đủ cùng một lúc, có một điều, thiếu hai điều, có hai điều, thiếu một điều. Do vậy, nhiều đời nhiều kiếp đều chẳng thể vãng sanh. Hy vọng trong một đời này, ba điều kiện ấy đều có thể đầy đủ, chỉ cần chúng ta sốt sắng nỗ lực, khắc phục phiền não, tập khí của chính mình, tội nghiệp sẽ có đầy đủ duyên phận.

Chữ “*thiện*” trong kinh văn là chữ thiết yếu, là mấu chốt của câu này, là cốt lõi trọng yếu, Ngài “*thiện năng phân biệt, khai phát*” (khéo có thể phân biệt, khai phát); “*phân biệt*” là có thể biện định. Ngày nay chúng ta học Phật, thấy rất nhiều đồng tu lúc đầu niệm Phật cũng khá lắm, nghe nói gần đây lại đi học Mật, lại đi tham Thiền, vì nguyên nhân nào? Là do không có năng lực phân biệt lợi - hại, được - mất! Chúng tôi chẳng nói là chân hay vọng, cũng chẳng nói là tà hay chánh, vì sao? Mật pháp cũng là chánh pháp, cũng chẳng phải là hư vọng; Thiền cũng là chánh pháp, đều do đức Thế Tôn truyền lại, đều là chánh pháp. Do vậy, nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn; nhưng quý vị không hiểu rõ lợi - hại, được - mất, phải biết căn khí của chính mình. Nhiều pháp môn như vậy, pháp môn nào có lợi đối với ta, tu học pháp môn ấy trong thời gian ngắn ngủi của một đời này nhất định có thể thành công, có thể đạt kết quả; kết quả ấy là quyết định thoát ly lục đạo. Thoát ly lục đạo là tiểu quả. Quý vị thường thấy trong kinh nói có thể vượt thoát mười pháp giới gọi là đại quả. Quả có hai thứ. Giả như lục đạo trọn chẳng thể vượt thoát, nói cách khác, quý vị tu học không có kết quả. Điều này trọn chẳng có gì kỳ lạ hết, lấy ngay chính chúng ta để nói thì

chúng ta đòi đòi kiếp kiếp tu hành đều không có kết quả, cho nên mới luân hồi cho đến ngày nay.

Do vậy, “*năng thiện phân biệt*” (có thể khéo phân biệt), bốn chữ này trọng yếu lắm, có thể biết căn khí của chính mình, như vậy thì mới có thể “*khai phát nhân duyên thiện căn rộng lớn*”. “*Khai*” là Bồ Tát vì Thiện Tài khai thị, vì Thiện Tài tức là vì chúng ta. Ở đây, Thiện Tài đại diện cho đại chúng bọn ta, vì Thiện Tài khai thị chính là khai thị cho chúng ta. “*Pháp*” là pháp khí, chúng ta nghe lời Ngài khai thị xong, tâm liền muốn phát khởi, phát khởi thiện căn rộng lớn. “*Quảng đại*” (rộng lớn) chẳng phải là do một đời tu hành, tích tập, thiện căn, phước đức do tu tập tích tụ lại từ vô lượng kiếp đến nay đều được phát khởi. Đây chính là nhân duyên thiện tri thức khai thị cho chúng ta chẳng thể nghĩ bàn! Đến cuối cùng, nói “*nhân duyên thiện căn*”. Tuy trong ấy không nói tới phước đức, nhưng nói tới thiện căn, nói tới nhân duyên, tự nhiên có phước đức ở trong ấy.

Câu nói này của tỳ-kheo Cát Tường Vân, nếu hiểu theo nghĩa hẹp, là nói đến chương kế tiếp của chương này, tức là chương nói về Thiện Tài tham phỏng tỳ-kheo Hải Vân. Nếu hiểu theo nghĩa rộng, câu nói này xuyên suốt năm mươi ba lần tham học, quý vị hãy suy nghĩ: Có lần tham học nào mà chẳng phải là Bồ Tát phân biệt, khai phát nhân duyên thiện căn rộng lớn? Đến cuối cùng, dạy chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, đây chính là thiện căn, nhân duyên rộng lớn viên mãn. Nhân duyên, thiện căn rộng lớn được thành tựu đều là do niệm Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, đây là thiện căn nhân duyên rộng lớn viên mãn, nhân duyên thiện căn rộng lớn thành tựu, đều do niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ! Do vậy, Tứ Thập Hoa Nghiêm là Vãng Sanh Kinh, chứ không phải là kinh nào khác. Chúng tôi nhớ cổ đức nói: “*Vô Lượng Thọ Kinh chính là trung bản Hoa Nghiêm, A Di Đà Kinh là tiểu bản Hoa Nghiêm*”, nói như vậy có sai hay không? Không sai! Dem đối chiếu, so sánh với kinh này, sẽ thấy rành rành minh bạch. Thiện căn, phước đức, nhân duyên chỉ cho những điều nào? Nói cạn kẽ thì chẳng thể hết được, trong phần sau Bồ Tát có phương tiện thiện xảo, quy nạp [thiện căn, phước đức, nhân duyên] thành chín loại lớn, tức là chín câu tiếp theo đó. Chín câu ấy là nói riêng (biệt thuyết), đều nhằm nói về thiện căn, phước đức, nhân duyên. Quý vị không thân cận thiện tri thức, quý vị sẽ không đạt được; nhất định phải thân cận thiện tri thức, thường xuyên nghe thiện tri thức răn dạy, thường xuyên đích thân thấy sự hành trì của thiện tri thức, chúng ta sẽ muốn học theo Ngài.

Câu thứ nhất trong phần Biệt Thuyết, “*đương linh nhữ nhập quảng đại trợ đạo vị*” (sẽ làm cho ông nhập địa vị trợ đạo rộng lớn). Câu này có nghĩa là quý vị gặp được thiện tri thức, quý vị sẽ có thể đạt được lợi ích ấy. Trong mỗi một câu đều có ý nghĩa “*quảng đại*” (rộng lớn). Đủ thấy rằng Tổng

chẳng rời Biệt, Biệt chẳng lìa Tổng. Ý nghĩa của “quảng đại” là ở chỗ nào? Nằm tại vãng sanh thế giới Cực Lạc thì mới là thật sự quảng đại. Nếu chẳng chịu cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì dù có đạt được “trợ đạo vị”, cũng không thể nói tới hai chữ “quảng đại” được, đấy là sự thật! Hy vọng mọi người hãy chú tâm thấu hiểu! “Trợ đạo” là giúp cho quý vị tu đạo. Giúp chúng ta tu đạo chỉ có một con đường, tức là thân cận thiện hữu, thân cận thiện tri thức, ý nghĩa này đã được nói tới trong phần trước rồi! Nếu quý vị có trí huệ, có phương tiện thiện xảo, thì hết thầy mọi người, hết thầy mọi sự, hết thầy mọi vật chung quanh ta đều là thiện tri thức, đều có thể khơi gợi, phát khởi trí huệ chân chánh cho quý vị, đều có thể giúp cho quý vị ngăn dứt được phiền não tập khí từ vô thủy. Vấn đề là chính quý vị có làm được hay chẳng? Nếu không làm được thì hãy làm lại từ đầu, tìm một vị thầy tốt để theo Ngài tu học.

Vấn đề mấu chốt ở đây là y chỉ một vị thầy, nương tựa một vị thầy, nghe theo lời một vị thầy dạy dỗ, đặt cơ sở vững chắc cho sự tu học của chính mình. Bất luận tu học một pháp môn nào cũng không có ngoại lệ. Nếu quý vị cùng một lúc thân cận hai, ba, bốn vị thầy, quý vị sẽ chẳng thể thành tựu được. Vì sao vậy? Mỗi một vị thầy tu một pháp môn khác nhau, họ có kiến giải khác nhau, cho nên quý vị nghe nhiều, học lắm, sẽ không có chỗ nào để nương theo, thiện căn, nhân duyên sẽ đều bị phá hoại hết. Đây là một đại sự rất khẩn yếu, phải thân cận một vị thầy. Đến khi nào mới có thể thân cận rất nhiều thiện tri thức? Nhất định phải đợi đến khi quý vị khai ngộ mới nên, hễ không khai ngộ thì không được. Thế nào là khai ngộ? Tiêu chuẩn được nêu trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ rất chính xác, quý vị đạt được tâm thanh tịnh, đạt được tâm bình đẳng, được chánh giác thì sẽ làm được. Trong hết thầy pháp, tâm thanh tịnh, tâm không nhiễm trước, tâm quý vị thanh tịnh. Trong thuận cảnh chẳng khởi tâm tham, trong nghịch cảnh chẳng khởi tâm sân, quý vị có làm được hay không? Bình đẳng là đối với hết thầy pháp không phân biệt, thanh tịnh là không chấp trước, không phân biệt, không chấp trước; giác là rõ ràng minh bạch, trọn chẳng hồ đồ!

Quý vị có công phu như vậy, thừa với quý vị, quý vị có thể vượt thoát mười pháp giới. Quý vị đắc thanh tịnh sẽ vượt thoát lục đạo, quý vị phải hiểu lục đạo đều chẳng thanh tịnh. Người đạt được tâm thanh tịnh sẽ vượt thoát lục đạo, đoạn được Kiến Tư phiền não. Người đạt được tâm bình đẳng, vượt thoát mười pháp giới. Vì sao vậy? Người không đạt được tâm bình đẳng thì sẽ còn thấy có A La Hán, còn thấy có Bích Chi Phật, còn thấy có Bồ Tát, còn thấy có Phật, tứ thánh pháp giới, người ấy còn có phân biệt. Người đạt được tâm bình đẳng, không phân biệt, cho nên vượt thoát mười pháp giới, nhập Nhất Chân pháp giới. Giác là phá một phần vô minh. Khi

ấy, quý vị có thể tham học khắp hết thầy tri thức; do vậy, không phải là không có điều kiện, mà là có điều kiện, có tiêu chuẩn.

Trong hội Văn Thù, hội thứ nhất là hội Thập Tín, Thiện Tài đồng tử thành tựu thanh tịnh bình đẳng giác, thầy khuyên Ngài đi tham học, Ngài có tư cách tham học. Lần tham học thứ nhất gặp được tỳ-kheo Cát Tường Vân, dạy Ngài niệm Phật. Tỳ-kheo Hải Vân truyền đại pháp cho Ngài, ba vị thiện tri thức, ba vị thiện hữu đầu tiên tượng trưng cho Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo. Do vậy, họ đều dùng thân phận tỳ-kheo, để tượng trưng cho Tam Bảo. Ngài Cát Tường Vân tượng trưng cho Phật Bảo, ngài Hải Vân tượng trưng cho Pháp Bảo, Phật Bảo là Giác, thật sự giác ngộ, có như vậy thì mới nhập được “*quảng đại trợ đạo vị*”. Ngày nay chúng ta tham phỏng tri thức, cũng có nhiều vị có thể trợ giúp chúng ta tu học, nhưng hai chữ “*quảng đại*” thì chưa có, đạt đến cảnh giới của Ngài (tức Thiện Tài) thì mới có “*quảng đại*”.

Câu thứ hai: “*Đương linh như thành quảng đại thiện căn lực*” (Sẽ làm cho ông thành tựu sức thiện căn rộng lớn). Mười câu này liên quan với nhau. Thiện căn rộng lớn do đâu mà có? Từ trợ đạo rộng lớn sanh ra. “*Trợ đạo*” ở đây và “*trợ đạo*” như chúng ta thường nói, nếu luận trên mặt cảnh giới có sai biệt rất lớn, vì sao vậy? Những vị Pháp Thân đại sĩ như trong kinh này nói, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, cho nên thiện căn, phước đức trong vô lượng kiếp thầy đều hiện tiền, chẳng những là thiện căn do ta tu trong một đời này, mà là thiện căn đã tu trong đời đời kiếp kiếp đều hiện tiền. Dựa vào thiện căn này để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị hãy suy nghĩ xem, đương nhiên là Thượng Thượng Phẩm vãng sanh.

Câu thứ ba: “*Đương vị như thuyết phát Bồ Đề tâm nhân*” (Sẽ vì ông nói cái nhân phát tâm Bồ Đề). Mỗi vị thiện hữu vừa gặp Thiện Tài đều khen ngợi Ngài đã phát tâm Bồ Đề. Thiện Tài thân cận thiện hữu, câu thứ nhất phải hướng về thiện hữu thưa: “*Con đã phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm*” rồi mới thỉnh giáo tu Bồ Tát đạo như thế nào, học Bồ Tát hạnh như thế nào? Trước hết, nói rõ chính mình đã phát tâm, phát tâm chẳng dễ dàng đâu! Tâm Bồ Đề vừa phát liền thoát khỏi mười pháp giới, quý vị phải hiểu điều này. A La Hán tuy thoát khỏi sự luân hồi trong lục đạo, nhưng chưa phát tâm Bồ Đề, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới so với bọn ta kể như các Ngài đã phát tâm Bồ Đề, nhưng nếu đem so với hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Nhất Chân pháp giới thì các vị ấy vẫn chưa phát tâm Bồ Đề. Do đây biết rằng: Phát tâm không dễ dàng! Mọi người đọc bộ Đại Thừa Khởi Tín Luận của Mã Minh Bồ Tát, “*Khởi Tín*” (dấy lòng tin) là bắt nguồn của Đại Thừa, vừa mới nhập môn, khởi lòng tin! Điều kiện để dậy lên lòng tin nơi Đại Thừa là gì? Chính là phát tâm Bồ Đề! Trong sách ấy, Ngài đã giảng: “*Trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm*”. Nếu chẳng phát tâm Bồ Đề, sẽ chẳng phải là kẻ đương cơ (người có căn cơ thích hợp) đối với

pháp môn này. Do đây biết rằng: Bậc đương cơ của Khởi Tín Luận chính là những vị Bồ Tát từ hàng Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên, chẳng phải là phàm phu đâu nhé!

Tánh tông đã như vậy thì Tướng tông cũng không ngoại lệ. Nhập môn Tướng tông là Bách Pháp Minh Môn Luận, tuy văn tự của bộ luận này không dài, nhưng chú giải của các vị tổ sư nhiều đời rất dài mà cũng rất nhiều. “*Bách Pháp*” là quy nạp hết thầy pháp, cô đọng hết thầy pháp, khiến cho quý vị từ một trăm pháp mà khai ngộ, hiểu rõ [một trăm pháp ấy] sẽ khai ngộ, cũng là như hiện thời chúng tôi nói: “*Hiểu rõ chân tướng của vũ trụ, nhân sanh*”. Bách pháp là vũ trụ nhân sanh, quý vị thật sự hiểu rõ chân tướng của nó thì quý vị mới có thể vào được cửa Tướng tông trong Đại Thừa. Do đây biết rằng: Tiêu chuẩn của hai tông Tánh và Tướng trong Đại Thừa rất cao. Chúng ta đọc Bách Pháp có khai ngộ được không? Sách nói rõ ràng là “*minh môn*”, chúng ta đọc xong, vì sao lại càng đọc càng mê hoặc hơn, càng đọc càng hồ đồ hơn? Do vậy, tôi thường bảo người học Bách Pháp Minh Môn: “*Không phải là quý vị học Bách Pháp Minh Môn mà là quý vị học Bách Pháp Ám Môn, Bách Pháp Mê Môn đấy!*” Quý vị bị những pháp ấy làm cho mê man, chẳng dễ dàng đâu! Câu thứ ba là khen ngợi phát tâm Bồ Đề, tâm Bồ Đề hết sức thù thắng!

Do đây biết rằng: Nay chúng ta quả thật là phàm phu, chính mình phải thừa nhận điều này, phải thừa nhận chính mình nghiệp chướng sâu nặng, tập khí rất sâu, chính mình nhất định phải thừa nhận điều này! Tu học bất cứ pháp môn Đại Thừa nào, chúng ta đều chẳng thể phát được cái tâm Bồ Đề, đấy là nói sự thật! Không phát được tâm Bồ Đề thì quý vị có thành tựu gì đâu? Mỗi ngày khởi tâm động niệm, vẫn là đúng - sai, ta - người, tham, sân, si, mạn, quý vị nghĩ xem có phải là tình trạng như vậy hay chẳng? Nếu vẫn làm những chuyện ấy, quyết định sẽ luân hồi trong lục đạo, mà cũng có nghĩa là bất luận quý vị tu học pháp môn nào, quý vị dụng công ra sao, tu tập tốt đẹp như thế nào, chỉ cần quý vị có đúng - sai, ta - người, chỉ cần có tham, sân, si, mạn, kinh Kim Cang nói: “*Ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng*”, bốn tướng đầy đủ, chắc chắn quý vị chẳng thoát khỏi luân hồi trong lục đạo. Quý vị tu học suốt một đời, quý vị trì giới, niệm Phật, dầu có tu tốt đẹp, cũng biến thành phước báo trong đời sau, chẳng giả chút nào!

Quý vị phải khéo quán sát cận kề, thế gian quả thật đã biến tu hành thành phước báo đời sau. Người hưởng phước mấy ai đâu óc tỉnh táo, vẫn chịu tiếp tục tu hành? Nếu bị những thứ ngũ dục, lục trần thế gian mê hoặc, vấn đề ấy sẽ lớn lắm. Trong đời trước tu được một chút phước báo ấy chẳng dễ dàng, trong đời này sẽ hưởng hết rất nhanh. Sau khi hưởng xong, tội nghiệp của quý vị sẽ hiện tiền, quý vị lại đọa trong ba ác đạo, đấy là điều nhà Phật

thường gọi là “tam thế oán” (nổi oán trong đời thứ ba). Đời thứ nhất tu phước, đời thứ hai hưởng phước, hưởng phước sẽ không tiếp tục tu, tạo tội nghiệp; đời thứ ba sẽ đọa lạc, đáng sợ vô cùng! Quý vị phải hiểu: Thời gian hưởng phước rất ngắn, thời gian quý vị đọa tam ác đạo chịu khổ quá sức là dài!

Nếu hiểu rõ chân tướng sự thật này, phải làm sao? Nhân duyên này của chúng ta đúng là “quảng đại nhân duyên” (nhân duyên rộng lớn). Gặp được pháp môn Tịnh tông dạy quý vị thật thà niệm Phật. Trong A Di Đà Kinh Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích bảo chúng ta: “*Chỉ cần ông nhất tâm, thành tâm, thành ý chuyên cầu Tịnh Độ, chuyên niệm Di Đà, cầu sanh Tây Phương thì cái tâm ấy của ông là tâm Bồ Đề rộng lớn*”. Cách nói này trước thời đại sư Ngẫu Ích, Phật chưa từng nói tới, tổ sư đại đức cũng chưa từng nhắc tới, đại sư Ngẫu Ích là người thứ nhất nói lời ấy, nói tuyệt diệu thay! Ngài nói có hợp lý hay chẳng? Quý vị đọc nhiều kinh giáo Đại Thừa sẽ hiểu ngay, thật sự có đạo lý! Quý vị có thể thấy A Di Đà Phật, quý vị vượt thoát mười pháp giới, Tây Phương thế giới chẳng ở trong lục đạo, cũng chẳng ở trong mười pháp giới.

Huống chi trong bốn mươi tám nguyện có nói: “*Lâm chung mười niệm hay một niệm đều có thể vãng sanh*”. Do vậy, có những kẻ trông thấy nguyện này chẳng phục, “trong một đời người ấy tạo tác tội nghiệp, lâm chung một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh, sao mà dễ dàng quá vậy!” Chẳng tin tưởng, đâu có chuyện tiện nghi ấy! Thật ra, những điều người ấy gọi là tiện nghi là vì tầm mắt người ấy nông cạn, ngắn củn, chỉ thấy được một đời này, không thấy được đời quá khứ. Có mấy ai khi lâm chung chịu niệm Phật? Khi lâm chung chịu niệm Phật, niệm một tiếng A Di Đà Phật vãng sanh, đều là thiện căn, phước đức, nhân duyên từ vô lượng kiếp được phát hiện trong một lúc, chẳng ngẫu nhiên. Do vậy, nếu quý vị thật sự hiểu rõ, quý vị mới hiểu người ấy chẳng phải là may mắn, mà là lúc đó thời tiết nhân duyên của người ấy chín muồi, thiện căn, phước đức, nhân duyên từ vô lượng kiếp đã chín muồi trong khi ấy. Một sát-na chín muồi thì trong một sát-na liền vãng sanh, người ấy sẽ làm Phật, đâu phải là ngẫu nhiên! Do vậy, thiện căn, phước đức, nhân duyên thì phải bàn tới quá khứ, chẳng chỉ luận trong một đời này. “*Phát Bồ Đề tâm nhân*”, nhân ấy sâu lắm.

Câu thứ tư: “*Đương linh như sanh quảng đại thừa quang minh*” (Sẽ làm cho ông sanh được quang minh Đại Thừa rộng rãi). Đối với “*Đại Thừa*” ở đây tuy quý vị không biết rất rõ ràng, chỉ là một khái niệm lơ mơ, pháp Đại Thừa, pháp Tiểu Thừa, nhưng thêm một chữ “*quảng*” ý nghĩa khác hẳn. Đại Thừa thêm một chữ “*quảng*” thì giống như Lục Tổ đại sư đã nói trong Đàn Kinh là “*thượng thượng thừa nhân*” (người thuộc bậc thượng thượng thừa) vượt trội hết thảy Đại Thừa. Quý vị thấy Ngài thuyết pháp, Ngài nói

những người được Thần Tú tiếp dẫn là người căn tánh Đại Thừa, còn những người được Tổ tiếp dẫn là “*người thuộc căn tánh thượng thượng thừa*”, vượt trời hết thấy Đại Thừa. Những pháp Đại Thừa thông thường có hạn lượng, thế nhưng nếu quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ không có số lượng; đây là “*quảng đại thừa quang minh*”. Thông thường, chiếu theo những pháp môn khác đề tu hành thì phải tu đạt đến địa vị từ Bát Địa trở lên thì mới nhập được cảnh giới ấy; trước khi đạt Bát Địa đều có hạn cuộc, chẳng thể thật sự đạt tới tận hư không, trọn pháp giới, người ấy chẳng thể làm được. Nhưng những người vãng sanh thế giới Cực Lạc lại khác hẳn. [Nói tới] kẻ vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư độ, chẳng đoạn được một phẩm phiền não nào, là nói về hạng người nào vậy? Chính là chúng ta, chẳng đoạn được một phẩm phiền não nào! Sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, thừa cùng với quý vị, cũng là “*quảng đại thừa quang minh*”, quang minh chiếu khắp.

Ở đây có hai ý nghĩa; một ý nghĩa là cúng dường chư Phật, giống như kinh Di Đà đã nói: Quý vị có năng lực cùng một lúc cúng dường hết thấy chư Phật trọn khắp mười phương, chẳng phải là cúng mỗi một vị Phật theo thứ tự, có trước sau, cần phải bao lâu mới có thể cúng dường nhất loạt? Cùng một lúc! Do vậy là “*nhất thời*”, kinh Phật vừa mở ra là “*nhất thời*”, “*nhất thời*” rất có ý vị! “*Nhất thời*” là đồng thời, không có trước sau. Có năng lực ấy thì chính là “*quảng đại thừa quang minh*”. Ý nghĩa thứ hai là có thể đồng thời phổ độ hết thấy chúng sanh tận hư không, trọn pháp giới, đây cũng là ý nghĩa “*quảng đại thừa quang minh*”. Quý vị có thể cúng trọn khắp chư Phật, phổ độ chúng sanh. Tuy quý vị có năng lực phổ độ chúng sanh, thừa với quý vị, chúng sanh có duyên, nhưng đã chín muồi hay chưa? Hễ chín muồi thì quý vị sẽ độ cho người ấy làm Phật. Nói thật ra, hễ chín muồi rồi thì người ấy sẽ có thể tin tưởng Tịnh Độ, sẽ có thể phát nguyện cầu sanh, đây là loại người chín muồi.

Nếu ưa thích Phật pháp, thậm chí ưa thích Tịnh Độ, nhưng vẫn chẳng mong vãng sanh thì hạng người như vậy rất nhiều, tôi đã gặp không ít. Kẻ ấy khuyên người khác niệm Phật vãng sanh, chính mình chẳng mong vãng sanh, vì sao? Người ấy có ý nguyện phi thường lắm, nói: “Tôi muốn đời đời kiếp hoằng pháp lợi sanh, sợ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, trông thấy vàng ròng làm đất, cung điện bảy báu, sẽ bị những thứ ấy mê hoặc!” Người ấy có quan niệm như vậy, sợ không thể tách lìa Tây Phương thế giới được, chẳng thể phổ độ chúng sanh. Đây là vọng tưởng tác quái! Đối với Tây Phương thế giới, nhận thức vẫn không rõ ràng y hệt như cũ, chúng ta nghe xong không có cách nào nói với kẻ ấy được; có nói, hắn cũng không tin tưởng. Hắn có lý riêng của hắn, hãy từ từ đợi nhân duyên! Do vậy, duyên của hết thấy chúng sanh chín muồi sớm hay muộn khác nhau!

Do vậy, Bồ Tát độ chúng sanh trong mười pháp giới, giống như phẩm Phổ Môn đã nói: “*Nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy, nên dùng pháp nào để độ được bèn nói pháp môn ấy*”. Phật hiện thân không có thân tướng nhất định, Phật thuyết pháp, không có pháp nào nhất định để nói. Do đây biết rằng: Chư Phật Như Lai ở trong hư không pháp giới trên cùng đường chư Phật, dưới hóa độ chúng sanh, tiêu sái chi bằng? Tự tại chi hơn? Chúng ta muốn đạt được cảnh giới ấy, quý vị hãy thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đây là con đường tắt nhanh nhất, quý vị sẽ rất nhanh chóng đạt được, đây là sự thù thắng của Tịnh Độ! Kinh Hoa Nghiêm, Tứ Thập Hoa Nghiêm đặc biệt khen ngợi Tịnh Độ, trong phẩm trước của kinh này, tức phẩm Ly Thế Gian có nói tới hơn hai ngàn pháp môn, đến phần cuối cùng này, trong phần chứng nhập pháp giới bèn đặc biệt khen ngợi Tịnh Độ. Do vì pháp môn này nhanh chóng, ôn hòa, thích đáng, chỉ cần quý vị chịu tin, quý vị bằng lòng đi, không một ai chẳng được vãng sanh. Đây mới là “*quảng đại thừa quang minh*” chân thật. Quý vị gặp được vị thiện hữu này, thiện hữu khai thị, thuyết pháp cho quý vị, quý vị nghe xong, thiện căn của quý vị sẽ được khơi gợi, tự nhiên quý vị có thể tin nhận, vãng làm; trong phần chú giải này gọi là “*văn, thọ trì pháp*” (nghe, vãng giữ pháp).

Câu thứ năm là “*đương linh nhữ đắc quảng đại Ba La Mật*” (sẽ làm cho ông đạt được Ba La Mật rộng lớn), Ba La Mật (Pāramitā) là tiếng Phạn, từ văn tự, cổ nhân dịch trực tiếp thành “*bỉ ngạn đao*”, theo văn phạm của tiếng Hán là “*đáo bỉ ngạn*” (tới bờ bên kia); chúng ta vẫn chưa hiểu rõ ý nghĩa này lắm. “*Đáo bỉ ngạn*” là gì? Nếu nói theo tiếng Hán, mọi người sẽ dễ hiểu hơn. “*Đáo bỉ ngạn*” có ý nghĩa là “*đáo gia*”, chúng ta gọi là “*đáo gia*”. “*Đáo gia*” là gì? Tức là đạt đến rốt ráo viên mãn, rốt ráo viên mãn thì gọi là “*đáo gia*”. Trong xã hội chúng ta, danh từ này được dùng rất rộng rãi. Quý vị viết chữ rất đẹp, [người khác bèn khen]: “*Nhĩ đích thư pháp đáo gia liễu*” (Thư pháp của anh đã đạt đến tuyệt mức rồi). Quý vị vẽ rất khéo, “*nhĩ giá cá thư họa đáo gia liễu*” (bức thư họa này của anh đạt tuyệt mức rồi). Như vậy là tài khéo của quý vị đạt đến tiêu chuẩn cao độ, người ta khen ngợi quý vị, “*công phu của quý vị đạt tới mức rồi*”. Do vậy, ý nghĩa “*đáo gia*” chính là ý nghĩa của Ba La Mật. Chúng ta gọi nó là “*cứu cánh viên mãn*” (rốt ráo viên mãn) mọi người sẽ dễ hiểu hơn, so với “*đáo bỉ ngạn*”, “*đáo gia*” luôn dễ hiểu hơn, thật sự rốt ráo viên mãn.

Quý vị làm viên mãn rốt ráo những chuyện gì? “*Quảng đại*” là nói trong cuộc sống, trong sinh hoạt thường nhật của quý vị, từng ly từng tí đều đạt đến rốt ráo viên mãn, đây mới gọi là “*quảng đại*”. Mặc áo cũng rốt ráo viên mãn, ăn cơm cũng là rốt ráo viên mãn, quét đất, lau bàn cũng là rốt ráo viên mãn, không có gì chẳng phải là rốt ráo viên mãn, không có gì chẳng phải là Ba La Mật Đa, đây mới gọi là “*quảng đại*”. Cuộc sống, công việc, sự

tu học của quý vị dung hợp thành một thể, cuộc sống, công việc, tu học là một, không phải hai; toàn là Bát Nhã Ba La Mật rất ráo viên mãn. Kinh Đại Bát Nhã giải thích tường tận câu này, mở rộng câu này thành sáu trăm quyển Đại Bát Nhã. Do vậy, các vị đại đức xưa nay đều công nhận kinh Hoa Nghiêm là căn bản pháp luân của Phật giáo, hết thầy kinh đều là cành nhánh, quyển thuộc của Hoa Nghiêm. Bộ kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển là giải nói tường tận một câu nói này, giải thích câu nói này đạt đến mức trí huệ rất ráo viên mãn.

“*Đương linh nhữ nhập quảng đại chư hạnh hải*” (Sẽ làm cho ông nhập các biển hạnh rộng lớn), nếu không có câu này thì Hạnh và Giải trong Ba La Mật đều được bao hàm trong ấy. Nếu có câu tiếp theo này thì câu “*Bát Nhã*” là nói về Giải, còn câu này là Hạnh. Giải viên mãn thì Hạnh sẽ rất ráo. Trong Hạnh cũng là vô lượng vô biên, trong Phật pháp, Hạnh được quy nạp thành ba loại lớn, vô lượng vô biên các hạnh chẳng ra ngoài ba loại lớn. Loại thứ nhất là Thân, tức tạo tác nơi thân thể, hành vi nơi thân thể. Loại thứ hai là Khẩu, Khẩu là lời nói. Loại thứ ba là Ý, Ý là tư tưởng, ý niệm. Do vậy, hành vi của quý vị chẳng ra ngoài phạm vi của ba thứ Thân - Khẩu - Ý này, nhà Phật gọi là Tam Nghiệp. Chúng ta phải hiểu rõ ràng ý nghĩa của Tam Nghiệp. Chính ngay trong khi tạo tác thì hành vi ấy được gọi là “tạo”. Khi tạo tác xong thì gọi là “nghiệp”. Do vậy, kinh Phật thường nói tới “*hành nghiệp*”, danh từ này mọi người cũng thấy rất nhiều. “*Hành*” là trong khi quý vị đang tạo tác, còn Nghiệp là kết quả của sự tạo tác.

Kết quả của tạo tác cũng có thể quy nạp thành ba loại lớn, thiện nghiệp, ác nghiệp và vô ký nghiệp, đây là những gì phạm phu gây tạo. Quý vị tạo ra những hành vi nơi ba nghiệp là lành thì quý vị sẽ được thiện quả, đây là quả báo ba đường lành trong lục đạo. Nếu tạo ra nghiệp ác thì quý vị sẽ được quả báo là ba ác đạo, ác báo đây! Nghiệp nhân, quả báo chẳng sai mấy may, đây chính là điều kinh thường dạy chúng ta: “*Vạn pháp giai không, nhân quả bất không*” (Muôn pháp đều không, nhân quả chẳng không), nhân duyên quả báo nhất định là có! Chẳng những đối với bọn phạm phu chúng ta là có, mà Thanh Văn, Duyên Giác cũng có, đối với chư Phật Bồ Tát vẫn là có. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, Ngài thị hiện quả báo ba tháng ăn lúa mạch dành cho ngựa, gặp phải nạn đói, đi khát thực bên ngoài không có gì ăn, không một ai cúng dường, thời gian ba tháng cũng rất dài, vì nguyên nhân nào? Phật nói là do ác nghiệp trong đời quá khứ, điều này cho thấy đã thành Phật rồi cũng không có cách nào vượt thoát nhân quả, chẳng có đạo lý ấy! Chư Phật, Bồ Tát chẳng diệt nhân quả, các Ngài hiểu rõ ràng, minh bạch nhân duyên quả báo, các Ngài hiểu rõ rệt. Phạm phu chúng ta hứng chịu quả báo, chẳng biết tiền nhân (cái nhân thuở trước), hiện tại tạo ra nghiệp nhân, chẳng biết hậu quả (cái quả về sau). Những vị Pháp Thân đại

sĩ đều biết, các vị ấy biết hiện tại hứng chịu quả báo là do nghiệp như thế nào, là do nhân như thế nào trong quá khứ [gây ra]; những gì tạo tác trong hiện tại sẽ trở thành quả báo gì trong tương lai. Nhân trước, quả sau, các vị ấy đều hiểu rõ ràng, minh bạch, đây gọi là “*chẳng làm nhân quả*”, chứ không phải là không có nhân quả!

Đại sư Ấn Quang nói rất hay, trong thời đại hiện tại của chúng ta, đem chuyện này giảng rõ ràng, giảng minh bạch cho đại chúng trong xã hội, khiến cho ai nấy đều tin nhân quả; nhân quả là sự thật, chẳng phải do thánh nhân cố ý bịa ra nhằm trói buộc quý vị, khuyên quý vị sửa lỗi hướng thiện, mà nhân quả là sự thật. Mọi người hiểu rõ đạo lý này, hiểu rõ sự thật này, tự nhiên chẳng dám làm càn, làm quấy, chẳng tạo tội nghiệp. Xã hội này sẽ được an định; xã hội có an định thì mới có thể phồn vinh, mọi người đều có phước báo, phước do đâu mà có? Phước do chính mình tu được! Quý vị không tu phước thì lấy đâu ra phước báo? Người trong thế gian hiện nay, bất luận là người Trung Quốc hay người ngoại quốc đều cầu tiền tài, đều điên cuồng mong phát tài, mơ tưởng đến nỗi điên đảo, mê hoặc, thần trí không tỉnh táo, ngày ngày đều mơ phát tài.

Tiền tài ấy có mơ tưởng được hay chẳng? Mong phát tài được hay chẳng? Quyết định mong chẳng được! Vì sao không mong được? Không có nhân! Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: Chúng ta muốn thành Phật sẽ có thể thành Phật, muốn làm Bồ Tát thì sẽ có thể thành Bồ Tát, vì sao có thể mong đạt được những điều ấy? Do hết thấy pháp từ tâm tướng sanh. Quý vị có nhân, lòng mong tưởng của quý vị là duyên, quý vị có nhân; nếu không có nhân, dầu có đủ duyên cũng chẳng thể kết quả được, nhân và duyên tu hợp thì quả báo mới hiện tiền. Phật dạy chúng ta: Tiền tài của người trong thế gian là do đâu mà có? Do Tài Bồ Thí mà có! Quý vị không chịu tu Tài Bồ Thí, cứ hằng ngày mong phát tài, quý vị mong suốt cả đời cũng không phát tài được! Do vậy, quý vị muốn phát tài thì quý vị phải biết tu nhân, quý vị muốn được thông minh, trí huệ thì quý vị phải tu Pháp Bồ Thí; quý vị muốn khỏe mạnh, sống lâu thì nhất định phải tu Vô Úy Bồ Thí. Phật giảng rõ ràng, minh bạch như thế đó, Phật chẳng gạt người, đây là Phật dạy bọn phàm phu chúng ta như vậy.

Cách nói này và những tông nguyên tắc, tông nguyên lý được giảng trong kinh có mâu thuẫn nhau hay không? Đức Phật dạy tông nguyên tắc là “*hết thấy pháp từ tâm tướng sanh*”, hễ mong tưởng của cái thì của cái sẽ hiện tiền, các vị ấy có thể tưởng được nhưng chúng ta tưởng không được, cho nên không trái nghịch với tông nguyên tắc, không mâu thuẫn với tông nguyên lý. Đến khi nào quý vị mong phát tài thì tiền liền đưa tới? Đến khi minh tâm kiến tánh, trong tự tánh của quý vị sẵn có vô lượng của cải. Do vậy, hễ tưởng nó liền tới. Quý vị thấy chư Phật, Bồ Tát khi cúng dường, vô

lượng trân bảo từ trên tay xuất hiện, hiển hiện ra, đây chính là hễ tướng liền có. Hiện thời, chúng ta tưởng cách nào cũng tưởng không ra, vấn đề là ở chỗ nào? Tự tánh chúng ta bị phiền não chướng ngại, Sở Tri Chướng che lấp, tưởng cách nào cũng không ra được! Đạo lý là ở chỗ này. Không ra được thì làm sao? Tạm thời làm lụng, kiếm được ít thì xài ít, làm như vậy đó. Phạm phu trong lục đạo, những người trong mười pháp giới, của cải trong tự tánh đều chẳng thể hiện tiền, tưởng cách nào cũng chẳng thể hiện tiền được thì cần phải tạm thời làm lụng. Quý vị làm việc siêng năng, chăm chỉ sẽ kiếm được nhiều hơn một chút, hễ lười nhác thì sẽ kiếm được ít hơn một chút. Tôi vừa mới nói với quý vị, tu Tài Bồ Thí được giàu có, tu Pháp Bồ Thí được thông minh, trí huệ; tu Vô Úy Bồ Thí được mạnh khỏe, sống lâu. Đây đều là những việc làm trong lúc này. Vì thế, Phật pháp coi trọng minh tâm kiến tánh.

Mục tiêu cuối cùng trong sự tu học hết thầy các pháp môn Đại Thừa đều nhằm minh tâm kiến tánh, trọn chẳng phải chỉ có Thiên Tông mới tu theo cách này. Tịnh Độ Tông chúng ta niệm Phật, niệm đến nhất tâm bất loạn chính là minh tâm kiến tánh. Do vậy, quý vị phải niệm đến mức Lý Nhất Tâm thì quý vị mới tưởng đến của cải, của cải liền xuất hiện. Quý vị niệm đến mức Sự Nhất Tâm thì vẫn chưa được, tưởng cách nào cũng không ra, vì sao vậy? Niệm đến Lý Nhất Tâm là kiến tánh, Phiền Não Chướng lẫn Sở Tri Chướng đều bị phá cả rồi! Đây chính là đạt tới mức phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Do vậy, Lý và Sự ở đây chúng ta đều hiểu rõ, đều không bị mê hoặc thì sẽ làm được tốt đẹp. Vì thế, phía trước chữ “*chư hạnh*” (các hạnh) thêm hai chữ “*quảng đại*”. Nói thật ra, [các hạnh] Quảng Đại này chính là Phổ Hiền Hạnh mà Phổ Hiền Bồ Tát là đại diện.

Câu thứ bảy “*đương linh nhữ chuyển được thệ nguyện luân*” (sẽ làm cho ông chuyển được thệ nguyện luân rộng lớn). Sáu câu trên là tự lợi, là thành tựu chính mình. Giải Hạnh của chính mình đạt đến mức rốt ráo viên mãn thì chính là bậc Pháp Thân đại sĩ. Nay chúng ta nương tựa vào bốn mươi tám bốn nguyện của A Di Đà Phật oai thần gia trì, cho nên người hạ hạ phẩm vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng có năng lực ấy, những cảnh giới đã nói trong kinh Hoa Nghiêm thấy đều đầy đủ, chẳng thiếu khuyết thứ gì. Đây chính là chỗ thù thắng khôn sánh của Tây Phương Tịnh Độ. Sanh về Tây Phương giải hạnh giống như Phật, rồi mới có thể phổ độ chúng sanh. Do vậy, quý vị thật sự muốn độ chúng sanh, muốn thực hiện được đại nguyện của chính mình, thì chỉ có một biện pháp khả thi là trước hết hãy sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, gặp gỡ A Di Đà Phật, quý vị sẽ có năng lực ấy, quý vị được bốn nguyện, oai thần của Phật gia trì; do đó quý vị sẽ “*chuyển được thệ nguyện luân rộng lớn*”. “*Luân*” là pháp luân. Luận theo kinh này thì “*quảng đại thệ nguyện*” chính là mười đại nguyện

vương của Phổ Hiền Bồ Tát. Nếu luận theo Vô Lượng Thọ Kinh thì là bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, biến bốn nguyện của Phật, Bồ Tát thành tâm nguyện của chính mình, ta và người không hai! Di Đà, Phổ Hiền có thể làm được thì chúng ta ai nấy đều làm được. Lời chú giải cho ba câu này giảng rất hay.

Ngũ lục cập thất giai Phổ Nhãn sở thuyên.

五六及七皆普眼所詮。

(Câu thứ năm, thứ sáu và thứ bảy đều nói về Phổ Nhãn)

Trong bản chú giải của ngài Thanh Lương, câu thứ tám “*đương linh như tịnh quảng đại trang nghiêm môn*” (sẽ làm cho ông thanh tịnh môn trang nghiêm rộng lớn) được giảng như sau:

Văn y chánh trang nghiêm

聞依正莊嚴。

(Nghe tới y báo, chánh báo trang nghiêm)

“*Văn*” là nghe pháp, nghe lời dạy bảo của thiện tri thức. Chữ “*văn*” này thuộc vào Tam Huệ của Bồ Tát, tức Tam Huệ Văn - Tư - Tu. “*Y*” là y báo, “*chánh*” là chánh báo. Trong bộ Hoa Nghiêm bản tám mươi cuốn, từ quyển thứ nhất cho đến quyển thứ mười một là phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm, toàn là nói về y báo, chánh báo trang nghiêm của Tỳ Lô Giá Na Phật. Tỳ Lô Giá Na là ai? Chính là chúng ta, chứ không phải ai khác, phải hiểu rõ điều này! Do vậy, những gì đức Phật đã nói trong suốt bốn mươi chín năm đều là nói về chính chúng ta và hoàn cảnh sống của chúng ta chứ không nói tới chuyện gì khác. Tỳ Lô Giá Na Phật là Pháp Thân Phật. Trong kinh đức Thế Tôn đã giảng rất rõ ràng, “*mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân*”, Pháp Thân là gì? Pháp Thân là lý thể, Pháp Thân là chân tâm, Pháp Thân là Chân Như, danh tự khác nhau, nhưng ý nghĩa là một. Vì thế, Tỳ Lô Giá Na được dịch thành Biến Nhất Thiết Xứ (trọn khắp hết thảy mọi nơi).

Y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới cho đến Tịnh Độ của chư Phật, Nhất Chân pháp giới, Tây Phương Cực Lạc thế giới đều do tánh thể này biến hiện ra. Vì thế, Tỳ Lô Giá Na là Năng Biến, tự tánh có khả năng biến hiện, tất cả hết thảy hư không pháp giới là Sở Biến (cái được biến hiện từ tự tánh). Tỳ Lô Giá Na Phật tượng trưng cho Năng Biến trọn khắp hết thảy chỗ. Hết thảy chỗ đều là Sở Biến (cái được biến hiện) của Năng Biến. Do vậy, cái này (tức tâm Năng Biến) mới là chính mình, nhà Thiền gọi

đó là “*bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra*”, bản lai diện mục chính là Tỳ Lô Giá Na. Lô Xá Na là Báo Thân Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật là Ứng Hóa Thân Phật, tam vị nhất thể! Thích Ca Mâu Ni Phật là Ứng Hóa Thân, chúng ta có phải là Ứng Hóa Thân hay chẳng? Đều là! Không có gì chẳng phải là! Nhưng Phật và đại Bồ Tát từ trí huệ mà hóa thân, còn chúng ta là phàm phu trong lục đạo hóa thân từ phiền não, không có gì chẳng là! Nhưng Phật và các vị đại Bồ Tát do trí huệ hóa thân, còn lục đạo phàm phu chúng ta từ phiền não hóa thân, không khác! Vì thế, “*sanh Phật bất nhị*”, tức chúng sanh và Phật chẳng hai. Thể bất nhị, thừa cùng quý vị, Tướng cũng bất nhị. Tác dụng thì sao? Tác dụng vẫn là bất nhị. Đáng tiếc là quý vị không biết! Nếu quý vị biết thì quý vị cũng được tự tại giống như vậy, hễ không biết thì mê hoặc, điên đảo, coi hư vọng, phân biệt là chủ tể, vậy là hỏng rồi!

Trong Đại Thừa thường nói tới vọng tâm, phàm phu trong lục đạo lấy vọng tâm làm chủ tể, coi phiền não là chủ tể, coi tập khí là chủ tể, vì thế tạo tác vô lượng vô biên tội nghiệp, biến thành quả báo luân hồi trong lục đạo, tự làm, tự chịu! Những thứ ấy đều nằm trong y báo, chánh báo trang nghiêm, những sự lý nhân quả ấy rõ ràng, đều minh bạch. Chúng sanh điên đảo, mê hoặc trong ấy, có muốn giúp họ giác ngộ hay chẳng? Muốn! Địa Tạng Bồ Tát chẳng phải là một tấm gương hay sao? Địa ngục khổ nhất, mê muội sâu nhất, Ngài vẫn muốn vào đó, vẫn phát ra đại nguyện, chúng ta thường nghe đại nguyện ấy như sau: “*Địa ngục bất không, thế bất thành Phật*” (Địa ngục chưa trống, thế chẳng thành Phật). Ý nghĩa này khiến cho chúng ta phát tâm đại từ bi, trông thấy những chúng sanh khổ nạn, muốn giúp đỡ họ giác ngộ, điều này hết sức trọng yếu! Chúng sanh khổ nạn không có cái ăn, quý vị cho họ ăn, không có cái để mặc, quý vị cho họ mặc thì cũng được; nhưng quý vị cứ một mực châu cấp như thế, chẳng những không độ được họ mà ngược lại còn hại họ, hại như thế nào? “Ta có thể không cần làm lụng, đã có người khác bố thí cho có ăn có mặc rồi!” Họ biến thành biếng nhác, bê trễ, dựa dẫm vào sự cứu giúp, hỏng mất rồi!

Trong xã hội hiện thời, tại Đài Loan của chúng ta hầu như không có hiện tượng này, chứ ở Mỹ hay trong nhiều quốc gia tiên tiến trên thế giới, tệ nạn này gây phiền phức lớn lắm. Bởi lẽ, sau hai cuộc đại chiến, bọn họ đều là những cường quốc bậc nhất trên thế giới, tiềm lực đất nước hùng hậu, cho nên có những người nghĩ ra cách thức hoa dạng như sau: “Phải tu tâm đại từ bi, phải thực hiện trợ cấp xã hội”. Trợ cấp xã hội càng nhiều thì người ưa ăn bám càng nhiều, sống dựa vào trợ cấp xã hội ấy, chuyện gì cũng chẳng muốn làm, đục khoét đất nước. Hiện thời chánh phủ Mỹ thiếu nợ ba thế hệ vẫn chưa trả hết. Chế độ [trợ cấp xã hội] ấy đã được thực thi, có thể thu hồi được hay chẳng? Ai cũng đều chẳng dám bãi bỏ, người nào nói tới chuyện cắt giảm trợ cấp xã hội, dân chúng chắc chắn chẳng bỏ phiếu bầu kẻ ấy làm

Tổng Thống. Do vậy, điều thứ nhất của Tổng Thống là nhất định phải giữ trợ cấp xã hội theo lệ thường. Nếu tăng thêm một chút, đương nhiên càng hay, dân chúng sẽ hoan nghênh, quyết định chẳng thể giảm bớt. Do vậy có nhiều nước giàu trên thế giới bị chế độ trợ cấp xã hội làm cho khốn đốn.

Do vậy, quý vị phải hiểu rằng, cứu tế, phổ độ những chúng sanh ấy thì phải giúp cho họ khai ngộ, giúp cho họ giác ngộ, đây mới là chánh xác. Những thứ cứu tế khổ nạn chỉ là tạm thời, ngắn ngủi, chẳng thể thực hiện dài hạn, trợ cấp xã hội là dài hạn, chẳng phải là ngắn ngủi, tạm thời. Do vậy, đối với điều này, cổ nhân Trung Quốc đã hiểu rõ ràng rất thấu triệt, “*cứu cấp, bất cứu bản*” (cứu ngặt, không cứu nghèo). Khi quý vị gặp nạn gấp, tôi giúp đỡ quý vị, còn quý vị bản cùng tôi chẳng giúp, chính quý vị phải tự nỗ lực, phải tự gắng sức, hoàn toàn cậy vào chính mình! Do vậy, sau khi chế độ trợ cấp xã hội được thực hiện, rất nhiều kẻ sống dựa vào đó, chuyện gì cũng chẳng muốn làm. Do vậy, tại Tân Gia Ba, ông Lý Quang Diệu rất thông minh, ông hiểu rõ nhược điểm của chế độ trợ cấp xã hội, chánh phủ Tân Gia Ba chẳng đi theo con đường ấy. Nhưng muốn chăm sóc dân chúng thì họ chăm sóc như thế nào? Cưỡng bách quý vị phải dành dụm, đây là phương pháp tốt nhất! Họ cũng có trợ cấp xã hội, nhưng bỏ vào tiền tiết kiệm của quý vị, giúp cho quý vị về mặt ấy, họ gọi “*công tế kim*” (tiền trợ giúp chung), trích mấy phần trăm từ tiền lương tháng của quý vị, cưỡng bách quý vị làm như thế. Quý vị có thể dùng món tiền trợ giúp ấy để mua nhà cửa hoặc dùng làm tiền trang trải thuốc men khi bệnh tật, đều có thể dùng khoản tiền ấy để chi dụng. Như vậy thì phước lợi của đại chúng trong xã hội đều được lo liệu, nhưng không có nạn lợi dụng tiền trợ cấp. Bọn họ chẳng phải là cường quốc, chẳng phải là quốc gia phát triển tiên tiến, thấy những thói tề của ngoại quốc, họ biết cải tiến như thế nào. Do vậy, họ thực hiện rất cao minh, thực hiện hết sức viên mãn.

Vì thế, y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều hiểu rõ ràng, rành mạch. Chữ “*tịnh*” ở đây là mấu chốt, trong y báo, chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới, quý vị đều đạt được thanh tịnh bình đẳng giác. Vì thế, Bồ Tát độ sanh là độ chính mình, ta và người không hai mà! Trong việc độ sanh sẽ mài giũa những tập khí vô minh của chính mình. Do vậy, nếu Bồ Tát chẳng độ chúng sanh, quyết chẳng thể thành tựu chính mình, đạo lý này rất hiển nhiên. Quý vị muốn mở mang trí huệ thì nhất định phải phát tâm giảng kinh; nếu quý vị chẳng muốn phát tâm giảng kinh, nhất định quý vị sẽ chẳng mở mang trí huệ được. Vì sao vậy? Dạy và học tăng trưởng lẫn nhau. Ai muốn được trí huệ, lên giảng đài sẽ nhanh chóng nhất, nhất là khi thỉnh chúng nêu câu hỏi lại càng có lợi ích cho quý vị. Thường là họ sẽ hỏi những chuyện mà cả đời quý vị trọn chẳng nghĩ tới, giống như khảo thí vậy, để xem quý vị có phải là thật sự có trí huệ để giải đáp, giải đáp

rất viên mãn hay chẳng? Chẳng thể giải đáp sẽ có sự cảnh tỉnh cao độ đối với chính mình: “Ta vẫn còn có những điều chưa rõ, ta trở về phải chuẩn bị, phải cầu học”.

Câu cuối cùng: “*Đương linh nhữ khởi quảng đại từ bi lực*” (Sẽ làm cho ông phát được sức từ bi rộng lớn). Lời chú giải giảng rất hay:

Phát tâm chí tướng

發心之相。

(Tướng phát tâm).

Tâm Bồ Đề hình tướng ra sao? Hình tướng của tâm Bồ Đề là đại từ đại bi. Nói theo cách bây giờ thì từ bi là quan tâm, yêu thương, che chở, chăm sóc, giúp đỡ, hợp những ý nghĩa ấy lại sẽ thành ý nghĩa của từ bi. Dùng cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, quan tâm vô điều kiện đối với chúng sanh, yêu thương, che chở hết thảy chúng sanh, giúp đỡ hết thảy chúng sanh, đây là những hiện tượng, hình dạng phát xuất từ tâm Bồ Đề. Chúng ta thường nói là đại từ đại bi. Nếu ai không có đại từ đại bi mà nói là “đã phát tâm Bồ Đề” thì kẻ ấy là giả dối, không thật! Thật sự phát được cái tâm Bồ Đề thì biểu hiện ra ngoài nhất định là đại từ đại bi, như vậy mới có thể lợi ích hết thảy chúng sanh. Mười câu này chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tỳ-kheo Cát Tường Vân bảo Thiện Tài đồng tử: Ông thân cận thiện tri thức sẽ đạt được những công đức lợi ích thù thắng như thế, khuyên lơn Thiện Tài phải thân cận thiện tri thức. Đoạn kinh văn tiếp theo đây là đoạn lớn thứ sáu, trong khoa phán gọi là...

Luyện đức lễ từ

戀德禮辭。

(Luyện mộ đức, lễ bái, từ tạ)

Chúng ta hãy đọc kinh văn:

Thời Thiện Tài đồng tử lễ Cát Tường Vân tỳ-kheo túc, nhiều vô số tấp, ân cần chiêm ngưỡng, luyện mộ nhi khứ.

時善財童子禮吉祥雲比丘足，繞無數匝，殷勤瞻仰，戀慕而去。

(Khi ấy, Thiện Tài đồng tử lễ dưới chân tỳ-kheo Cát Tường Vân, nhiều quanh vô số vòng, thiết tha chiêm ngưỡng, lưu luyện, kính mộ rồi đi)

“Thời” là khi tỳ-kheo Cát Tường Vân đã dạy dỗ Thiện Tài xong, Thiện Tài đồng tử hết sức cảm kích thiện hữu, thực hiện sự lễ kính cao tột nhất. Sự kính lễ trọng vọng nhất là gieo năm vóc lễ sát đất, đem đỉnh đầu là phần tôn quý nhất của ta lễ dưới chân thiện hữu, đây gọi là “*hành tối kính lễ*” (thực hiện sự lễ quý cao tột nhất). Theo lễ tiết thông thường, nhiều ba vòng là cô lễ, hiện thời nhiều Phật đã không còn, đối với người khác càng không có, không thấy nữa. “*Nhiều quanh vô số vòng*” biểu hiện sự cảm kích trong tâm, cho thấy muốn thân cận thiện tri thức lưu luyện không nở rời, tỏ lộ ý nghĩa cảm ơn vô tận. Câu này là cảm ơn vô tận. “*Ân cần chiêm ngưỡng*”, Ân Cần là nói tới thái độ. “*Chiêm ngưỡng luyện mộ rời đi*”. Do vậy, theo Khoa Phán đề mục phần này được phán định là “*luyện đức lễ từ*”, [Luyện là] ân đức thiện hữu dạy dỗ, lưu luyện không quên, Lễ là lễ bái cung kính tột bậc, Từ là từ tạ, thoát lui. Đây là nhìn từ mặt văn tự, chú ý nghĩa bao hàm trong ấy rất sâu, chúng ta phải hiểu! Nếu không hiểu, sẽ coi việc này như giai thoại, coi như tiểu thuyết thì quý vị sẽ chẳng đạt được lợi ích.

“*Lễ từ*” có ý nghĩa là gì? Thiện hữu thanh tịnh, tất cả khai thị đối với pháp môn do vị ấy tu tập thật sự khiến cho chính ta được lợi ích, được hiểu rõ. Sau khi hiểu rõ, tôi vẫn là một câu Niệm Phật niệm cho đến tột cùng. Tôi hiểu pháp môn của Ngài, tôi thông đạt, điều gì cũng đều thông đạt, điều nào cũng minh bạch, nhưng tôi có tu hay không? Không tu, tôi vẫn cứ một câu A Di Đà Phật niệm đến tột cùng, đây gọi là “*lễ từ*”. Chứ không phải là học xong một pháp môn nào bèn tu pháp môn đó, hiểu vậy là sai, là hỏng rồi! Do vậy quý vị thấy Thiện Tài tham học với năm mươi ba vị thiện tri thức, nhưng một câu A Di Đà Phật niệm đến tột cùng, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, gặp được nhiều pháp môn như vậy, Ngài đều có thể tiếp xúc hết, đều hiểu rõ hết, nhưng chẳng tu pháp nào, nhưng Ngài đều thông đạt những pháp ấy, đều hiểu rõ những pháp ấy; do vậy lòng ngài cảm kích. Nếu Ngài không từ tạ thì sẽ dừng lại để học hỏi, tu tập. Không học, không tu! Tôi thông đạt, hiểu rõ, nhưng không tu học pháp môn này của Ngài. Đây là đã nêu ra một tấm gương tốt nhất cho người niệm Phật chúng ta nhìn vào.

Do vậy, quý vị thật sự có công phu định lực, có huệ lực, thì pháp môn nào quý vị cũng đều có thể tiếp xúc, đều có thể tùy hỷ, nhưng trọn chẳng tu học. Tôi vẫn niệm A Di Đà Phật của tôi, tôi vẫn nhất tâm câu sanh Tịnh Độ, như vậy là đúng. Nếu như quý vị tu Thiền thì quý vị cứ thật thà tham Thiền, quý vị cũng có thể tham phỏng hết thấy các pháp môn khác, bất luận tham phỏng một pháp môn nào, quý vị vẫn cứ tham một câu thoại đầu đến tột cùng, trọn chẳng thay đổi. Đây chính là ý nghĩa “*luyện đức*”. Từ ngữ “*luyện đức*” bao hàm những ý nghĩa này, nhằm bảo với chúng ta tu học thành tựu thì cốt yếu là thâm nhập một môn. Quý vị có thể học rộng nghe nhiều, nhưng tu hành thành tựu thì chỉ là thâm nhập một môn! Học rộng nghe nhiều

nhưng chúng ta phải luyện đức, thiện tri thức chỉ dạy cho chúng ta, giáo hóa chúng ta, chúng ta chẳng thể quên ân đức của Ngài, nhưng quyết định chẳng thể thay đổi sự tu học của chính mình. Từ tạ, không ở lại chỗ ấy, đây chính là ý nghĩa sâu xa của điều này, chúng ta nhất định phải hiểu rõ.

Đối với phương diện lễ tiết, chúng ta phải đề xướng. Phật pháp tìm cầu hiện đại hóa và địa phương hóa, “*ngũ thể đầu địa*” (năm vóc gieo xuống đất) là quỳ lạy thuộc về thời cổ. Tôi sang Trung Quốc Đại Lục lần này, gặp được mấy vị hành lễ “*tam quỳ, cửu khấu*” (ba lần quỳ, chín lần khấu đầu) với tôi. Đây chính là lễ tiết dành cho hoàng đế thuở trước, trong Phật môn chúng ta cũng không có thứ lễ tiết ba lần quỳ, chín lần khấu đầu ấy. Ở Đại Lục chúng tôi gặp một vị hành lễ tiết ấy, như vậy là không được, đây chẳng phải là lái xe lùi lại hay sao? Do vậy, ngày nay tại Trung Quốc, mọi người trông thấy pháp sư vẫn muốn đánh lễ, vẫn muốn ba lạy, chư vị đồng tu nhất định phải biết điều này. Đánh lễ ba lạy là lễ Phật, lễ người một lạy, không lễ ba lạy! Quý vị nhất định phải biết điều này. Tuy nói “*đánh lễ pháp sư tam bái*”, nhưng ngài nói một lạy thì quý vị chỉ lễ một lạy, ngài không nói, quý vị vẫn lễ một lạy. Phải hiểu đạo lý ấy, chẳng nói vẫn cứ lễ một lạy, chẳng phải là pháp sư không nói thì cứ lạy ba lạy, không có đạo lý ấy. Ngài không trách móc quý vị mà biết quý vị là người thông hiểu. Lễ Phật mới lạy ba lạy, lễ người chỉ lạy một lạy.

Nhưng trên thực tế, chúng ta là người trong cõi đời hiện đại, độ chúng sanh hiện đại, chúng ta lễ Phật ba lạy, xá người khác một cái là được rồi, không cần phải quỳ xuống lạy. Vì sao? Trên cả thế giới hiện thời không có thứ lễ tiết ấy, chúng ta vẫn sử dụng lễ tiết ấy, rất nhiều người muốn học Phật trông thấy quý vị quỳ lạy, họ chẳng học Phật nữa, tôi không làm chuyện ấy được! Nếu khi quý vị xá thì quý vị sẽ lôi kéo được khá nhiều người đến học Phật, đặc biệt là người ngoại quốc. Bao người ngoại quốc quỳ xuống đất dập đầu họ không làm, họ quỳ xuống không được, họ cảm thấy khó khăn quá. Do vậy, chúng ta độ người hiện tại, phải dùng lễ tiết hiện đại, tâm cung kính vẫn hết như vậy, nhưng trên mặt hình thức, nhất định phải hiện đại hóa thì mới được, mới có thể hoàng dương Phật pháp đến khắp thế giới, mới có thể lợi ích hết thảy chúng sanh. Do vậy, tôi mong mọi người từ nay trở đi trông thấy pháp sư xá một cái, chẳng cần phải lạy nữa! Chúng ta lễ Phật ba lạy là kỷ niệm, cũng là một môn tu hành của chính mình, hàng phục sự ngạo mạn của chính mình, đây là dụng ý thật sự của ngũ thể đầu địa; nhưng nhất định phải quan tâm đến phương thức sinh hoạt của con người hiện đại, chúng ta chẳng thể bảo người hiện đại vẫn hành lễ theo cổ nhân, đây là sai lầm! Người hiện đại chẳng thể dùng cổ lễ, người hiện đại thường là khom mình một cái, trong Phật pháp chúng ta là chấp tay xá, làm như vậy tốt lắm! Hy vọng mọi người hãy cùng nhau đề xướng, đều hành lễ bằng cách xá nhau,

chẳng cần phải quỳ lạy. Trước khi vãng sanh, Quán Trưởng có nói: “Chúng ta học Phật, phải nêu gương tốt cho người học Phật”. Chúng ta trông thấy người khác bèn xá chào là một tấm gương tốt, khiến cho Phật pháp được hiện đại hóa, đây là một tấm gương tốt. A! Hôm nay chúng tôi đã giảng viên mãn một chương rồi; lần sau chúng ta sẽ giảng chương tỳ-kheo Hải Vân. Đây là Nhị Trụ Bồ Tát. Chúng ta hãy niệm Phật hồi hướng.

Tứ Thập Hoa Nghiêm Kinh
Hạnh Nguyên Phẩm
Cát Tường Vân Tỳ Kheo Chương hết

---o0o---

HẾT

¹ Phần kinh văn ở đây thuộc bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm, tức bản kinh Hoa Nghiêm được dịch vào niên hiệu Trinh Nguyên đời Đường. Tứ Thập Hoa Nghiêm là bản kinh gồm bốn mươi quyển, chỉ gồm một phẩm, tức phẩm Nhập Bát Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm (tương ứng với phẩm Nhập Pháp Giới trong Bát Thập Hoa Nghiêm nhưng chi tiết hơn, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên trong Tịnh Độ Ngũ Kinh chỉ là quyển cuối, tức quyển 40 của Tứ Thập Hoa Nghiêm). Khi quốc vương Ô Trà dâng bản Tứ Thập Hoa Nghiêm, đại sư Thanh Lương tham dự dịch trường và Ngài viết riêng một bản sớ giải cho bản này, đặt tựa đề Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Sớ, còn gọi là Trinh Nguyên Hoa Nghiêm Kinh Sớ để phân biệt với bản Hoa Nghiêm Kinh Sớ viết trước đó dành cho bộ Bát Thập Hoa Nghiêm. Tỳ-kheo Cát Tường Vân chính là tỳ-kheo Đức Vân trong bộ Bát Thập Hoa Nghiêm.

² Để dễ phân biệt giữa lời chú giải và phần chánh kinh, chỉ có chánh kinh được in nghiêng và chữ đậm.

³ Chữ “*hội*” ở đây chỉ cho một lần gặp gỡ thiện tri thức, nghe dạy dỗ. Chẳng hạn, Thiện Tài từ Phước Thành đến gặp Văn Thù Bồ Tát cùng sáu ngàn vị tỳ-kheo do Ngài giáo hóa, được nghe giảng về pháp Thập Tín; chú giải gọi đó là Thập Tín Hội, hoặc Văn Thù Hội. Tới khi Thiện Tài gặp ngài Cát Tường Vân thì gọi là Cát Tường Vân Hội, hoặc Sơ Trụ Hội.

⁴ Căn Bản Trí (Mūlajñāna), còn gọi là Căn Bản Vô Phân Biệt Trí, Như Lý Trí hay Thật Trí, chính là cội gốc của các trí, nó có thể khế nhập diệu lý Chân Như, bình đẳng như thật, không sai biệt, xa lìa các thứ hiểu biết do tìm cầu, suy lường. Đây chính là bản thể thật sự của chân trí.

⁵ Lục Quân Tỳ Kheo chỉ sáu tỳ-kheo ác kết thành bè đảng, không giữ luật nghi, làm nhiều chuyện ác. Đa số những giới luật do Phật chế ra là vì các tỳ-kheo này vi phạm. Theo Tứ Phần Luật, quyển 22, sáu vị tỳ-kheo ấy tên là Nan Đà (Nanda), Bạt Nan Đà (Upananda), Ca Lưu Đà Di (Kālodāyin), Xiển Na (Chanda, còn phiên âm là Xa Nặc), A Thuyết Na (Aśvaka, còn phiên là A Thập Bà), Phất Na Bạt (Punarvasu).

⁶ Năng là chủ thể, Sở là đối tượng thụ động. Ở đây, Năng là người dạy, Sở là người học.

⁷ Sanh Tướng Vô Minh (Mulavidya), còn gọi là Vô Thủy Vô Minh, Nguyên Phẩm Vô Minh hoặc Căn Bản Vô Minh, là căn bản của hết thấy phiền não, tức là cái tâm còn mê

chưa hoàn toàn giác ngộ, là một ý niệm khởi lên trước hết trong biển Chân Như. Do chưa thấu hiểu lý bình đẳng của pháp giới, lầm lạc ngăn cách với lý tánh bình đẳng, nên gọi là Vô Minh. Y theo Vô Minh ấy, lầm lạc sanh khởi đủ mọi phiền não, tạo đủ mọi nghiệp, chịu đủ mọi quả báo nên gọi là Sanh Tướng.

⁸ Để minh họa cho ý này, chúng tôi xin trích đoạn kinh văn nói về sự suy giảm của Thiện Tài đồng tử khi già từ tỳ-kheo Cát Tường Vân đề đến chỗ tỳ-kheo Hải Vân (dẫn theo bản dịch Bát Thập Hoa Nghiêm của Hòa Thượng Trí Tịnh): *“Thiện Tài đồng tử nhất tâm suy giảm lời dạy của thiện tri thức, chánh niệm quán sát trí huệ quang minh môn, Bồ Tát giải thoát môn, Bồ Tát tam-muội môn, Bồ Tát đại hải môn, chư Phật hiện tiền môn, chư Phật phương sở môn, chư Phật quĩ tắc môn, chư Phật đẳng hư không giới môn, chư Phật xuất hiện thứ đệ môn, chư Phật sở nhập Pháp Thân môn”*. Đoạn này được đại sư Thanh Lương gọi là *“niệm tiền hữu giáo”*.

⁹ Trong tiếng Quan Thoại, nếu một chữ có nhiều âm, tùy theo âm đọc khác nhau mà có ý nghĩa khác nhau thì được gọi là Phá Âm Tự. Chữ Giải có hai cách đọc khác nhau nên gọi là Phá Âm Tự.

¹⁰ Gọi là đại tòa nhằm phân biệt với tiểu tòa. Giảng đại tòa là giảng cho công chúng, trong khi giảng tiểu tòa nhằm tập giảng, giảng cho đồng học hay các đạo hữu quen biết để họ giúp ý kiến nhận xét nhằm giảng hay hơn.

¹¹ Năng là chủ thể tác động, Sở là đối tượng được cảm nhận, được nhận biết, bị tác động. Chẳng hạn như khi ta nhìn một bông hoa, Nhãn Thức nhận biết bông hoa ấy thì Nhãn Thức là Năng (do Nhãn Thức là một trong tám thức nên còn gọi là Tâm Vương), cái thấy của Nhãn Thức được gọi là Năng Kiến, còn bông hoa là đối tượng nhận biết của Nhãn Thức nên gọi là Sở, hay Sở Kiến (cái bị thấy).

¹² Theo sách Hoa Nghiêm Khổng Mục Chương, Thập Thân còn gọi là Thập Phật, gồm có hai loại:

1. Nếu y theo Giải Cảnh, tức Bồ Tát nương theo sự khai ngộ từ chân trí để nhìn mười pháp giới thì Thập Thân là chúng sanh thân, quốc độ thân, nghiệp báo thân, Thanh Văn thân, Bích Chi Phật thân, Bồ Tát thân, Như Lai thân, trí thân, pháp thân, hư không thân.
2. Nếu y theo Hạnh Cảnh thì Bồ Tát tu hành hoàn tất, sẽ đắc mười thứ cảnh giới Phật: Chánh Giác Phật, Nguyên Phật, Nghiệp Báo Phật, Trụ Trì Phật, Hóa Phật, Pháp Giới Phật, Tâm Phật, Tam Muội Phật, Tánh Phật, Như Ý Phật. Đại sư Thanh Lương sử dụng khái niệm Thập Phật này để giải thích hai mươi một pháp môn Niệm Phật do tỳ-kheo Cát Tường Vân nêu ra.

¹³ Cam Lộ Hỏa Vương (bản Lục Thập Hoa Nghiêm ghi là Mãn Túc Vương, Bát Thập Hoa Nghiêm gọi là Vô Yểm Túc Vương). Để tránh gây hiểu lầm là kinh Phật tán thán hạnh giết người, chúng tôi xin trích dẫn đoạn kinh thuật lời dạy bảo Thiện Tài đồng tử của Cam Lộ Hỏa Vương trong Tứ Thập Hoa Nghiêm như sau:

“Thiện nam tử! Ta đấng Bồ Tát Như Huyền Giải Thoát. Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh trong cõi nước ta phần nhiều tạo ác nghiệp giống như hạng Chiên Đà La. Nếu ta không khéo giáo hóa các chúng sanh ác như vậy, cứ dùng vô lượng các thứ phương tiện khác sẽ chẳng thể làm cho họ bỏ lìa ác nghiệp, quay về thiện đạo được.

Thiện nam tử! Ta vì điều phục những chúng sanh ấy khiến cho họ thành thực nên dùng phương tiện đại bi hóa ra những kẻ ác, rồi đối trước những kẻ ác đó, thị hiện làm các sự ác và hóa ra những việc ác tàn hại họ, bức nã, trách phạt, đủ mọi thứ trừng trị khổ sở, khiến cho những kẻ làm ác trong nước trông thấy chuyện ấy sẽ sanh lòng kinh hoàng,

sanh lòng sợ hãi, đối với các đục lạt sanh lòng chán lìa, sanh lòng khiếp nhược, sẽ có thể vĩnh viễn dứt hết thấy ác nghiệp, phát Bồ Đề tâm, đắc Bất Thoái Chuyển.

Thiện nam tử! Do vậy, hãy nên biết rằng: Những chúng sanh tạo ác chịu khổ và những người trừng trị chúng sanh bạo ác đều là biến hóa.

Thiện nam tử! Ta dùng các thứ biến hóa như thế để làm cho chúng sanh đoạn trừ mười nghiệp bất thiện, tu tập và an trụ trọn vẹn trong mười thiện đạo, rốt ráo lợi lạc, rốt ráo an ổn, rốt ráo viên mãn, vĩnh viễn dứt các khổ, trụ trong Nhất Thiết Trí địa của Như Lai.

Thiện nam tử! Thân ngữ ý của ta chưa hề nghĩ tưởng nào hại một chúng sanh nào!

Thiện nam tử! Trong ý ta, thà chịu khổ không gián đoạn cho đến hết đời vị lai, trọn chẳng phát khởi một niệm sân tâm, dấy lên ý tưởng nào hại một con muỗi, hoặc một chúng sanh nhỏ nhất nào; huống là tạo tác ác nghiệp như thế!”

¹⁴ Ý nói bị người thân vì không hiểu biết mà rờ đụng, tắm rửa, thay quần áo, dời chỗ nằm, khóc lóc, hỏi han chuyện hậu sự hoặc chuyện gia đình v.v... khiến cho người ấy đau đớn, bi luyến, mất chánh niệm.

¹⁵ Đoạn chứng: Nói tắt của đoạn Hoặc chứng Chân.

¹⁶ Tiền là một đơn vị đo lường đã có từ cổ của Trung Hoa, hiện vẫn còn thông dụng, nhất là trong các tiệm thuốc Bắc. Tùy theo đơn vị được sử dụng tại Hương Cảng hay Hoa Lục mà Tiền dao động từ 3,78 gram đến 5 gram.

¹⁷ Tướng Phần là một thuật ngữ trong Duy Thức chỉ đối tượng nhận biết của nhận thức và cảm giác. Chẳng hạn khi ta nhìn một bông hoa, thì cái thấy biết bông hoa ấy gọi là Kiến Phần, còn bông hoa ấy là Tướng Phần của sự thấy biết đó.

¹⁸ Thái Dương Hệ là một hệ thống các tinh tú do mặt trời làm trung tâm, tạo ra sức hút buộc các thiên thể khác phải quay quanh nó theo một quỹ đạo nhất định. Trong một Thái Dương Hệ ngoài mặt trời còn có 8 hành tinh (planet, tức các thiên thể có khối lượng cố định, không tự phát sáng, như địa cầu, Thổ Tinh, Kim Tinh, Thủy Tinh v.v...), hơn 165 vệ tinh (các tiểu hành tinh xoay quanh một hành tinh khác, như mặt trăng chẳng hạn) và rất nhiều tiểu thiên thể khác (small solar system bodies).

¹⁹ Ngân Hà Hệ (Milky way, Galaxy) là hệ thống các tinh tú, mà Thái Dương Hệ chỉ là một phần nhỏ của nó. Theo ước tính, một Ngân Hà Hệ có khoảng hơn hai ngàn hằng tinh (star, như mặt trời chẳng hạn, hằng tinh có khả năng tự phát sáng, khác với hành tinh. Hành tinh không có khả năng tự phát sáng và thường quay quanh một hằng tinh), có những chòm sao (constellation) và các tinh vân (nebula), tạo thành một khối sáng có hình dạng giống như một cái đĩa tròn hình xoáy ốc, có đường kính khoảng 100.000 quang niên, gồm hơn 400 tỉ ngôi sao.

²⁰ Hương bản (香板) là một thanh gỗ dẹp dài, kích thước, hình dạng, trọng lượng tùy thuộc vào từng Thiền phái, nhưng thông thường, Hương Bản trong Thiền môn Trung Hoa dài bốn thước hai tấc (thước tấc Tàu), phía trên rộng (khoảng hai tấc), chót đầu thuôn thuôn dần gần như nhọn, phía dưới lượn tròn, khoét lõm vào, tạo thành cán cầm. Nói chung, Hương Bản trông hao hao như một thanh gươm gỗ, thường để trần, không sơn phết. Trên Hương Bản thường khắc chữ Cảnh Sách hoặc Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa. Hương bản dùng trong tự viện Việt Nam có hình dáng hơi khác. Thời cổ, tùy theo thời tiết mà dùng các loại hương bản khác nhau. Mùa Hạ dùng loại hương bản làm bằng gỗ mềm, nhẹ, mùa Đông dùng loại hương bản bằng gỗ cứng hơn, với dụng ý: Tùy theo thời tiết mà Thiền giả sẽ mặc nhiều hay ít lớp quần áo, nên phải dùng hương bản phù hợp. Theo truyền thuyết, Ung Chánh hoàng đế nhà Thanh đặc biệt sùng kính Ngọc Lâm quốc

su. Khi đại sư viên tịch, vua tiếc nuối khôn nguôi, vị cao đồ nổi tiếng của Sư là Hành Sâm cũng đã viên tịch, vua bèn hạ chiếu truy tìm môn nhân của Sư. Khi ấy, tại chùa Cao Môn ở Dương Châu có một vị sư chốc đầu xưng là đồ tôn của Ngọc Lâm, vua hoan hỷ cho đón vào cung vấn đạo, mới biết vị này thiếu phẩm đức, đạo phong lẫn oai nghi. Vua bực tức, quở trách vị Tăng ấy điểm nhục sư môn, sai lập một thiền phòng trong cung, ngoài cửa treo một thanh gươm bén, ra lệnh nếu trong bảy ngày, vị Tăng ấy không tham cứu khai ngộ sẽ chém đầu. Sợ chết, vị Tăng ấy cực lực tham cứu, đến ngày thứ bảy hoát nhiên đại ngộ, kêu to: “Mang gươm báu lại đây cho ta chém cái đầu vạn năm!” Người hầu vội tâu lên vua, vua đích thân khảo nghiệm, chứng thực vị Tăng này đã khai ngộ. Do vậy, Thiền môn mới chế ra hương bản có hình giống như thanh kiếm để cảnh sách Thiền giả (theo tài liệu của Trung Đài Sơn Bác Vật Quán). Theo ngu ý, Hương Bản phải tồn tại sớm hơn thế, vì trong các Thiền viện Nhật Bản cũng dùng Hương Bản, mà vào thời Ung Chánh thì Nhật Bản theo chánh sách “bế môn tỏa cảng” hầu như không giao tiếp với Trung Hoa. Mọi buôn bán với bên ngoài đều phải thông qua các thuyền buôn và sự trợ giúp của giáo sĩ Tây Phương.

²¹ Giấy Đạo Lâm (còn gọi là giấy Đạo Linh) do công ty Dowling chế tạo, nguyên liệu chủ yếu là bột gỗ, có hai loại nền giấy mờ và nền giấy có độ bóng, thích hợp cho lối in bằng phương pháp offset. In hình bằng loại giấy này sẽ cho hình ảnh rất sắc nét và đẹp.

²² Đây là một lối in thường được gọi là coating printing, tách màu thành nhiều lớp, in chồng lên nhau bằng các trục cuốn các tấm nền lớn (thường gọi là substrate) đã tẩm hóa chất và màu thích hợp để tạo ra hình ảnh đẹp nhất, sắc sảo nhất.

²³ Giấy Tuyên là một loại giấy thoát đầu sản xuất ở huyện Kinh, An Huy. Dần dần các vùng phụ cận như Tuyên Thành, Thái Bình v.v... đều sản xuất loại giấy này, cũng như do Kinh huyện thuộc quản hạt của Tuyên Châu, nên nó thường được biết đến với tên gọi là Tuyên Chi (giấy của vùng Tuyên). Thoạt đầu giấy được làm bằng vỏ cây Thanh Đàn hòa với bột một loại cỏ tên là Thủy Đạo. Qua các đời, nó được pha thêm những loại bột khác như gỗ dó, tre, lau v.v... theo các tỷ lệ khác nhau để tạo thành những loại giấy Tuyên khác nhau. Do giấy dai, bền, không ó vàng, không nứt gòn khi để lâu nên rất được chuộng dùng trong tranh vẽ hay các bức thiếp, bức bình v.v... trong thư pháp.

²⁴ Song giá: Song giá theo nghĩa gốc có nghĩa là ngăn cấm, ngăn trở cả hai phía. Đây là một thuật ngữ thường dùng trong các sách võ điển giải Nhân Minh Luận nhằm luận định về biện chứng pháp trong kinh Phật: Song giá là ngăn tuyệt cả Có lẫn Không để hiển thị tánh Không Trung Đạo. Do kiến văn hủ lậu, chúng tôi không tìm được chữ tương ứng để dịch cho gãy gọn, đành phải để nguyên thuật ngữ này không dịch. Chẳng hạn ở đây, nếu nói “phi tâm, phi Phật” là nhằm đánh tan tập quán suy luận nhị nguyên đối đãi của chúng ta.

²⁵ Bình (坪) là đơn vị đo diện tích dựa theo hệ thống đo lường của Nhật Bản, chủ yếu dùng để đo lường diện tích nhà cửa hoặc đất đai trong kiến trúc. Do Đài Loan và Đại Hàn từng là thuộc địa của Nhật một thời gian nên đơn vị này cũng rất phổ biến. Tuy chính quyền Đài Loan đã công bố pháp lệnh sử dụng mét vuông làm đơn vị đo diện tích từ năm 1945, nhưng tới nay, dân chúng vẫn quen dùng Bình để đo diện tích. Tại Đài Loan, một Bình tương đương với 3,3 mét vuông, nhỏ hơn Bình của Nhật một chút.